CHÍNH LUẬN
TRẦN TRUNG ĐẠO

Hiểm họa Trung Cộng
Hiện trạng Việt Nam
Chính sách tẩy não của CS

Nhà xuất bản Cổ Loa

CHÍNH LUẬN TRẦN TRUNG ĐẠO
Tác giả: Trần Trung Đạo
Cổ Loa xuất bản lần thứ nhất tại Hoa Kỳ, 2014

Trình bày: Trần Trung Đạo
Thiết kế bìa: Uyên Nguyên
Tranh trừu tượng: Jessica Thục Vy Trần

ISBN: 978-1499771480

Copyright © 2014 Trần Trung Đạo
All rights reserved.

CHÍNH LUẬN TRẦN TRUNG ĐẠO

Hiểm họa Trung Cộng - Hiện trạng Việt Nam
Chính sách tẩy não của CS

Tặng tuổi trẻ Việt Nam

Chúng ta có nhiều quá khứ nhưng đất nước chỉ có một tương lai, đó là tương lai tự do, dân chủ, nhân bản và khai phóng cho những ai, sau những điêu tàn đổ vỡ còn biết nhận ra nhau, còn biết yêu thương mảnh đất thiêng liêng, vinh quang và thống khổ Việt Nam.

MỤC LỤC

HIỂM HỌA TRUNG CỘNG 11

TỪ HITLER ĐẾN ĐẶNG TIỂU BÌNH, TÁC HẠI CỦA CHỦ NGHĨA DÂN TỘC CỰC ĐOAN 13

HIỂM HỌA TRUNG CỘNG VÀ BÀI HỌC THỔ NHĨ KỲ 33

HIỂM HỌA TRUNG CỘNG VÀ BÀI HỌC TIỆP KHẮC 47

HIỂM HỌA TRUNG CỘNG VÀ BÀI HỌC CONGO 65

HIỂM HỌA TRUNG CỘNG VÀ BÀI HỌC PHI CHÂU 91

DIỄN BIẾN, CHỐNG DIỄN BIẾN VÀ TỰ DIỄN BIẾN HÒA BÌNH 107

TRANH CHẤP MỸ– TRUNG, MỘT CẢNH GIÁC CHO LÒNG YÊU NƯỚC 125

TỪ HỒ CẨM ĐÀO ĐẾN OBAMA, BÀI HỌC VỀ CHÍNH SÁCH "SỨC MẠNH MỀM" (SOFT POWER) 145

TRUNG CỘNG, CƯỜNG QUỐC TRỊ GIÁ 100 NGÀN DOLLAR 159

CHU KỲ THÙ HẬN VIỆT-TRUNG-MIÊN 167

NẾU BIẾN CỐ THIÊN AN MÔN XẢY RA HÔM NAY 187

"CÔN ĐỒ" ĐẶNG TIỂU BÌNH QUA QUAN HỆ VIỆT TRUNG 199

TỪ "PHẠM VĂN ĐỒNG" TỚI "THÀNH ĐÔ", HAI CÔNG HÀM BÁN NƯỚC 215

SAM RAINSY, CON CỜ MỚI CỦA TRUNG CỘNG TRONG XUNG ĐỘT VIỆT-TRUNG-MIÊN 231

HIỆN TRẠNG VIỆT NAM 241
CÂU HỎI THÁNG TƯ 243
CÁCH MANG DÂN CHỦ TẠI VIỆT NAM, KHOẢNG CÁCH VÀ HY VỌNG 255
BUỔI CHIỀU TRÊN NGHĨA ĐỊA HÀNG DƯƠNG 269
HỌC TIẾNG NÀO TỐT NHẤT? 283
CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ TRONG TÌNH HÌNH MỚI 291
MẶC CẢM CHIÊU HỒI VÀ KHÁT VỌNG TỰ DO 307
THỜI SINH VIÊN Ở SÀI GÒN 323
ĐỪNG ĐÁNH RƠI TUỔI TRẺ 337
CHÍNH SÁCH BẾ MÔN TỎA CẢNG THỜI CỘNG SẢN 349
CHỌN LỰA CỦA ĐỜI NGƯỜI 359
ĐỪNG KHÓC CHO PHƯƠNG UYÊN MÀ HÃY SỐNG CÙNG MƠ ƯỚC CỦA EM 373
ÁP LỰC NÀO BUỘC CSVN PHẢI THẢ PHƯƠNG UYÊN? 383
CỜ VÀNG TRONG BẢN ÁN NGUYÊN KHA VÀ PHƯƠNG UYÊN 387
BƯỚC ĐƯỜNG DÀI ĐẾN TỰ DO CỦA NELSON MANDELA 397
NELSON MANDELA VÀ TIẾN TRÌNH HÒA GIẢI TẠI NAM PHI 415
VNCH, LỐI THOÁT CỦA HOÀNG SA VÀ DÂN TỘC 435
CHÍNH SÁCH TẨY NÃO CỦA CS 449
KHI TIẾNG KHÓC CHÍNH LÀ LỜI TỐ CÁO 451
AI PHỈ BÁNG DÂN TỘC? 465
VÕ THỊ THẮNG VÀ NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN, BÓNG TỐI VÀ ÁNH SÁNG 479
"HÃY TÔN TRỌNG LỊCH SỬ" NHƯNG LỊCH SỬ NÀO? 491
CỜ ĐỎ SAO VÀNG LÀ CỜ TỔ QUỐC? 499
BÀN VỀ TẨY NÃO 517

TANG LỄ VÕ NGUYÊN GIÁP, MỘT TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU VỀ TẨY NÃO.....531

CÁC HIỆN TƯỢNG THA HÓA TRONG "GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM" TẠI VIỆT NAM.....545

MÓN NỢ TUỔI HAI MƯƠI.....555

NGƯỜI NÔNG DÂN XỨ SIERRA LEONE VÀ TRÍ THỨC NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM.....569

HÃY NÓI TRƯỚC NGÀY CHẾT.....583

HIỂM HỌA TRUNG CỘNG

TỪ HITLER ĐẾN ĐẶNG TIỂU BÌNH, TÁC HẠI CỦA CHỦ NGHĨA DÂN TỘC CỰC ĐOAN

Sự sụp đổ của hệ thống Cộng Sản trong phạm vi thế giới từ cuối thập niên 1980 đã tạo điều kiện cho các dân tộc vùng Đông Âu tìm về bản sắc văn hóa và cội nguồn lịch sử của mình. Sự phục hưng và phát triển vượt bực của Slovakia, Estonia, Czech, Slovenia, Latvia và Lithuania hiện nay cho thấy yếu tố văn hóa không những là động lực chính của phong trào độc lập mà còn là nguồn thúc đẩy cho phát triển kinh tế dù đó là những nước chật hẹp về đất đai và rất ít về dân số. Sức sống dân tộc và đôi cánh tự do dân chủ đã giúp cho các quốc gia này ngày càng thịnh vượng.

Nhưng không phải lãnh đạo nào cũng đức độ như Vaclav Havel của Czech hay tài ba như bà Vaira Vīķe của Latvia, từ Hitler với đảng Quốc Xã Đức đến Đặng Tiểu Bình với đảng CS Trung Quốc, nhân loại đã chịu đựng nhiều tai họa chỉ vì giới lãnh đạo độc tài tại các quốc gia

này đã sử dụng chủ nghĩa dân tộc như một phương tiện phục vụ cho mục tiêu bành trướng bá quyền.

Khi Đặng Tiểu Bình chết, 17 tháng Hai, 1997, nhiều lãnh đạo quốc gia, chính khách ca ngợi y như là một thiên tài kinh tế, nhà chính trị lỗi lạc, can đảm và cũng là người giúp ngăn Trung Cộng khỏi rơi vào hố thẳm. Tuy nhiên, các thành tựu kinh tế của Trung Cộng được đổi bằng sự chịu đựng, hy sinh, mồ hôi, xương máu của nhiều dân tộc khác và ngay tại Trung Cộng hàng trăm triệu dân thiểu số vẫn phải tiếp tục sống trong độc tài, nghèo đói, bất công và bạc đãi. Nhiều học giả so sánh giữa Hitler và Statin, Hitler và Mao nhưng rất ít người so sánh giữa Hitler và Đặng Tiểu Bình bởi vì họ chỉ nhìn những điểm sáng của Đặng Tiểu Bình mà bỏ qua phía tối của y.

Các điểm giống nhau giữa Hitler và Đặng Tiểu Bình

Hitler và Đặng Tiểu Bình có nhiều chủ trương rất giống nhau: (1) Cả hai đều dùng yếu tố chủng tộc để khích động lòng yêu nước cực đoan; (2) cả hai đều triệt để khai thác hận thù trong quá khứ giữa các quốc gia; (3) cả hai đều tận dụng các kỹ thuật tuyên truyền tinh vi để tẩy não, đầu độc, vận dụng và điều khiển nhận thức người dân; (4) cả hai đều chủ trương bành trướng, mở rộng biên giới để chiếm đoạt tài nguyên nhằm phục vụ cho các mục đích kinh tế và bá quyền nước lớn.

Yếu tố chủng tộc ưu việt: Giống như quan điểm của Hitler đề cao chủng tộc Aryan, Đặng Tiểu Bình và các lãnh đạo kế thừa y đề cao chủ nghĩa dân tộc cực đoan Đại Hán. Edward Friedman, một chuyên viên về Trung Cộng tại đại học Wisconsin phát biểu *"Khi Đặng Tiểu Bình nắm quyền 1977, chủ nghĩa dân tộc và tinh thần chống Nhật đã trở thành chất keo giữ chặt xã hội lại với nhau"***.** Ngoài 1.2 tỉ người gốc Hán đang sống tại lục địa còn có 22 triệu người

gốc Hán tại Đài Loan, 6 triệu người gốc Hán tại Hong Kong, 10 triệu người gốc Hán tại Nam Dương, gần 4 triệu người gốc Hán tại Singapore và hầu như khắp nơi trên thế giới nước nào cũng có người gốc Hán. Đặng Tiểu Bình khi đề cao chủng tộc Hán, y cũng không chỉ nhắm tới nhân dân Trung Hoa lục địa mà ở bất cứ nơi nào trên thế giới. Theo họ Đặng *"bất cần người Hoa mặc áo quần màu gì hay có quan điểm chính trị gì"* mà chỉ cần *"yêu Trung Quốc"*.

Khai thác hận thù trong quá khứ giữa các quốc gia: Giống như chủ trương của Hitler khai thác nội dung trừng phạt Đức nặng nề trong hiệp ước Versailles, Đặng Tiểu Bình từ 1977 đề cao chủ nghĩa dân tộc cực đoan bằng cách khích động lòng thù hận với các nước Tây phương qua các hiệp ước bất bình đẳng dưới thời nhà Thanh. Đặng Tiểu Bình nhiều lần nhắc đến "100 năm sỉ nhục", thời gian Trung Quốc bị các đế quốc khinh thường. Y nói: *"Tôi là người Trung Hoa, và tôi quen thuộc với lịch sử chịu đựng dưới sự xâm lược của ngoại bang".* Phần dẫn nhập của hiến pháp Trung Cộng 1982 nhấn mạnh đến những vết nhục trong thời gian bị nước ngoài chia năm, xẻ bảy và công lao thống nhất đất nước của đảng CS. Quá khứ "100 năm sỉ nhục" để lại dấu ấn sâu đậm trong nhận thức của người dân và được đảng CS khai thác tận tình. Bất cứ hành động nào trong quan hệ ngoại giao quốc tế, bất lợi cho Trung Cộng, câu chuyện "100 năm sỉ nhục" lại được nhắc đến. Ngay cả việc chính phủ các nước tiếp đức Đạt Lai Lạt Ma, bán võ khí cho Đài Loan, chỉ trích chính sách ngăn chận Internet của Trung Cộng, cũng được bộ máy tuyên truyền CS giải thích cho nhân dân Trung Quốc đó là những hành động khơi dậy "100 năm sỉ nhục" và xúc phạm đến danh dự của Trung Quốc.

Tận dụng các kỹ thuật tuyên truyền để đầu độc nhân dân: Giống như Hitler chủ trương "*Một dân tộc, một quốc gia, một lãnh tụ*", bộ máy tuyên truyền của Trung Cộng lập đi lập lại rằng chỉ có đảng CS mới là cứu tinh để phục hồi Trung Quốc như một cường quốc vốn từng vang danh năm ngàn năm. Một trong những lý luận quan trọng trong Lý thuyết Đặng Tiểu Bình là việc thay đổi khái niệm từ *"trung thành với giai cấp"* sang *"trung thành với quốc gia"* nhưng *"trung thành với quốc gia"* trước hết phải *"trung thành với đảng Cộng Sản"***.**

Thực chất của chủ nghĩa dân tộc cực đoan trong quan điểm họ Đặng là một hình thức khác của chế độ độc tài toàn trị Cộng Sản trong thời đại toàn cầu. Tại Trung Cộng không có báo chí đúng nghĩa để chuyển tải tin tức giữa hai nguồn một cách khách quan nhưng chỉ là phương tiện truyền truyền độc quyền của đảng. Không giống như giai đoạn đầu của chính sách đổi mới chỉ có vài tờ báo đảng, năm 2005, Trung Cộng có trên hai ngàn tờ báo, chín ngàn tạp chí nhưng tất cả tập trung vào mỗi một mục tiêu là củng cố vai trò lãnh đạo của đảng CS. Trang đầu của các báo gần như giống nhau với khuôn mặt tươi cười của các lãnh đạo đảng và nhà nước CS, với những thành tựu kinh tế chính trị. Không có tờ báo nào có bộ phận tin quốc tế độc lập và tất cả đều trích từ bản tin thế giới tổng hợp hàng ngày của Tân Hoa Xã. Bản tin quan trọng quốc nội và quốc tế lúc 7 giờ tối của hệ thống truyền hình cũng đọc lại tin của Tân Hoa Xã. Để tiết giảm chi phí, sau này nhà nước tư hữu hóa các đài truyền hình, tuy nhiên, các tin tức quan trọng ảnh hưởng đến chính sách đối nội và đối ngoại vẫn bị kiểm duyệt và chi phối bởi một cơ quan thông tin trực thuộc trung ương đảng CS.

Bành trướng, mở rộng biên giới để chiếm đoạt tài nguyên nhằm phục vụ cho các mục đích kinh tế và bá

quyền nước lớn: Giống như Hitler chiếm các nguồn tài nguyên năng lượng để nuôi dưỡng bộ máy chiến tranh, Đặng Tiểu Bình mở rộng biên giới, độc chiếm tài nguyên để nuôi dưỡng sự phát triển kinh tế. Song song với phát triển kinh tế, Trung Cộng, nơi cư ngụ của một phần năm nhân loại, cũng chuyển mình từ một một nền kinh tế tự túc xã hội chủ nghĩa để dần dần trở thành một xã hội tiêu thụ. Nhu cầu năng lượng, vì thế, trở nên bức thiết.

Tại Phi châu, Trung Cộng khai thác mọi bất đồng giữa các nước phương Tây và các quốc gia nghèo nhưng giàu tài nguyên. Trung Cộng ngày nay thay thế vai trò của các đế quốc Anh, Pháp, Bồ Đào Nha đã từng đóng tại Châu Phi thế kỷ 19. Để hút cạn nguồn dầu hỏa châu Phi, Trung Cộng không những nuôi dưỡng các tầng lớp lãnh đạo độc tài mà còn tiếp tay cho chúng để đàn áp các thành phần đối lập, tàn sát các tầng lớp nhân dân da đen thiếu học, không một tấc sắt trong tay bằng những phương tiện vô cùng ác độc. Giống như chế độ thực dân đế quốc trước đây, Trung Cộng bao che giới lãnh đạo, cung cấp cho chúng tiền bạc, súng đạn, che chở an ninh cá nhân và bảo vệ chế độ bằng quyền phủ quyết trong các cơ quan quốc tế như Liên Hiệp Quốc.

Đối với các nước Á Châu, trong giai đoạn từ 1979 và sau chiến tranh biên giới với Việt Nam, Trung Cộng tập trung mọi nỗ lực để theo đuổi Bốn Hiện Đại Hóa. Cuối thập niên 1980, Đặng Tiểu Bình thực hiện chính sách hòa hoãn và quan hệ ngoại giao tốt đối với các nước láng giềng Á Châu qua việc tái lập quan hệ ngoại giao với hàng loạt quốc gia như Ấn Độ (1988), Mongolia (1989), Indenosia (1990), Singapore (1990), Brunei (1991). Trung Cộng cũng tái lập quan hệ với CSVN năm 1991. Như vậy vào thời điểm 1991, Trung Cộng đã thiết lập

quan hệ ngoại giao với cả mười quốc gia thuộc khối ASEAN.

Về mặt ngoài, Đặng Tiểu Bình chủ trương mở rộng quan hệ láng giềng tốt chỉ vì y không muốn các quốc gia nhỏ cảm thấy bị đe dọa và kết thành một khối chung quanh Mỹ như họ đã làm trước đây trong thời kỳ Chiến tranh lạnh giữa Mỹ và Liên Xô, nhưng đối với từng quốc gia, Đặng Tiểu Bình áp dụng một chính sách riêng biệt tùy thuộc vào điều kiện chính trị, thế mạnh thế yếu của quốc gia đó. Phía sau của chính sách hòa hoãn, ổn định để phát triển, giới lãnh đạo Trung Cộng luôn xem các nước nhỏ trong vùng thuộc vòng đai kiểm soát của họ. Trung Cộng cũng dùng các nước Á Châu nhỏ như là hàng rào an ninh bao bọc lục địa Trung Hoa và sẵn sàng dùng võ lực để bảo vệ vòng đai an ninh này như trường hợp đối với Việt Nam từ 1974 đến nay.

Đặng Tiểu Bình và chủ nghĩa dân tộc cực đoan tại Trung Cộng

Giai đoạn đổi mới 1978: Sau khi nắm toàn bộ quyền hành sau Hội Nghị Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng Lần vào tháng 12, 1978, Đặng Tiểu Bình vận dụng chủ nghĩa dân tộc để đẩy mạnh *Bốn Hiện Đại Hóa* (Công Nghiệp, Nông Nghiệp, Quốc Phòng, và Khoa Học Kỹ Thuật). Từ sau hội nghị Lư Sơn và rõ nhất là sau Hội Nghị Trung Ương Đảng tại Bắc Kinh 1961, quan điểm của Đặng Tiểu Bình gần giống với Lưu Thiếu Kỳ, dùng mọi cách để nâng cao sản xuất bất chấp các nguyên tắc kinh tế xã hội chủ nghĩa tập trung. Câu nói *"Mèo đen hay mèo trắng không quan trọng miễn là nó bắt được chuột"* của Đặng Tiểu Bình thật ra chỉ lập lại một câu châm ngôn trong văn hóa Trung Quốc nhưng phản ảnh không những về đường lối, chính sách hiện đại hóa mà cả quan điểm của y về học thuyết Mác. Theo Bác sĩ Lý Chí Thỏa, bác sĩ riêng của Mao

Trạch Đông, giai đoạn kinh hoàng 1959 đến 1962, Đặng Tiểu Bình chủ trương *"không quan tâm mèo đen hay mèo trắng, công khai ủng hộ cho bất cứ chính sách gì miễn là gia tăng sản xuất nông nghiệp"*. Đặng Tiểu Bình nổi tiếng qua câu nói lịch sử này nhưng cũng nhiều lần khổ sở vì nó. Cây gậy *"mèo đen mèo trắng"* được phe Giang Thanh và Khang Sinh dùng để đánh họ Đặng trong Cách Mạng Văn Hóa khi Mao còn sống, đã được cánh tả khuynh dùng để đánh y lần nữa sau khi Mao qua đời.

Sau cái chết của Mao, Đặng Tiểu Bình lần nữa đối đầu với một thử thách có tính quyết định không chỉ sự nghiệp chính trị mà cả mạng sống. Y liên minh với Hoa Quốc Phong và các lãnh đạo thuộc thế hệ già trong nội bộ đảng để chống lại "*Lũ bốn người*" gồm Giang Thanh, Trương Xuân Kiều, Diêu Văn Nguyên và Vương Hồng Văn. Họ Đặng thắng. Sau khi dẹp tan *"Lũ bốn người"***,** cô lập Hoa Quốc Phong, nhận sự ủng hộ trung thành của thành phần lãnh đạo mới lên như Hồ Diệu Bang, Triệu Tử Dương, lôi kéo được nhóm lãnh đạo thời Vạn Lý Trường Chinh như Diệp Kiếm Anh, Bành Chân, Lý Tiên Niệm, Uông Đông Hưng, Đặng Tiểu Bình không còn đối thủ nào đủ tầm vóc, thâm niên đảng tịch và tài năng hơn y. Trong cương vị Chủ tịch Quân Ủy Trung Ương, họ Đặng trong thực tế là lãnh tụ tối cao của đảng Cộng Sản và nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa.

Chiến dịch Mùa xuân Bắc Kinh và Bức tường dân chủ: Đặng Tiểu Bình phát động chiến dịch *Mùa xuân Bắc Kinh* trong đó cho phép hình thành một diễn đàn chưa bao giờ có trong xã hội Cộng Sản: Bức tường dân chủ. Bức tường dân chủ là bức tường gạch ở phố Tây Đơn, quận Tây Thành, Bắc Kinh. Đây là nơi để người dân nêu lên các ý kiến có tính phản biện các chính sách của nhà nước. Nhiều bài thơ ca ngợi tự do dân chủ cũng được dán lên

đây. Chủ nghĩa dân tộc cực đoan được họ Đặng khơi dậy trong giai đoạn này nhằm lôi kéo quần chúng về phía mình, thu hút sự tham gia của các tầng lớp nhân dân gia tăng sản xuất, tấn công vào tầng lớp tả khuynh bảo thủ đang cản trở các thay đổi kinh tế chính trị của y.

Bức tường dân chủ của Đặng là con dao hai lưỡi. Những người góp ý kiến trong Bức tường dân chủ không chỉ tấn công vào tàn dư của phe nhóm Giang Thanh hay tham vọng tôn thờ cá nhân của Hoa Quốc Phong mà dần dần tiến đến việc phê bình các chính sách của họ Đặng. Nhà vận động dân chủ Wei Jingsheng vào ngày 5 tháng 12 năm 1978 đã dán lên bức tường lời kêu gọi "*Hiện đại hóa thứ năm*" tức Dân Chủ Hóa.

Ý thức sự đe dọa của ngọn lửa dân chủ bắt đầu nhen nhúm trong dân chúng, Đặng Tiểu Bình chỉ thị di chuyển Bức tường dân chủ vào bên trong một công viên nhỏ, và cuối cùng hủy bỏ. Dù sao, các ý kiến được dán lên Bức tường dân chủ đã cho thấy sự hiện diện của hai trường phái tư tưởng đối lập tại Trung Cộng: dân chủ và độc tài, Mác và không Mác. Đây là nguồn gốc sâu xa dẫn tới phong trào Thiên An Môn mười năm sau đó.

Mùa xuân Bắc Kinh đã tàn nhưng hạt mầm dân chủ gieo trồng vào ý thức người dân Trung Hoa, nhất là giới trẻ đã dần dần lớn lên. Các cuộc biểu tình của sinh viên xuất hiện từ 1985, 1986 tại các thành phố lớn như Thượng Hải, Bắc Kinh với các khẩu hiệu *"Dân chủ muôn năm"*, *"Luật pháp chứ không phải độc tài lãnh đạo"*. Lễ tưởng niệm dành cho Hồ Diệu Bang, lãnh tụ CS có đầu óc đổi mới qua đời ngày 15 tháng Tư, 1989 đã biến thành cuộc tuần hành đòi dân chủ lớn nhất trong lịch sử Trung Quốc hiện đại. Sáng ngày 22 tháng Tư, hàng trăm ngàn người thuộc nhiều giới, trong đó có các đảng viên Cộng Sản trẻ, các nhóm Cộng Sản có khuynh hướng cải cách tập

trung để thương tiếc cựu tổng bí thư và phản đối chính sách trung ương tập quyền của đảng, đòi hỏi các cải cách chính trị, kinh tế.

Dù gây một tiếng vang lớn, phong trào Thiên An Môn của sinh viên Trung Quốc đã không đạt được mục đích như đề ra trong tuyên bố bảy điểm và để lại cho các phong trào dân chủ trẻ thế giới nói chung và tại các quốc gia Cộng Sản nói riêng. Chế độ CS lần nữa sống sót sau trận bão dân chủ thổi qua Liên Xô và các nước Đông Âu đầu thập niên 1990.

Những cây cột chống đỡ chế độ Cộng Sản tại Trung Cộng hiện nay

Tiếp tục củng cố tính chính danh của đảng CS: Đặng Tiểu Bình và các lãnh đạo Trung Cộng biết rõ hơn ai hết, cây cột duy nhất có thể giữ chế độ CS khỏi sụp đổ trước mắt là xây dựng tính chính danh lãnh đạo của đảng CS. Giáo sư Peter Hays Gries, một chuyên gia về Trung Quốc, viết **"***Thiếu vắng tính hợp luật dựa theo thủ tục để bầu ra các chính phủ theo các nguyên tắc dân chủ, và đối phó với sự sụp đổ của hệ tư tưởng Cộng Sản, đảng Cộng Sản Trung Hoa gia tăng phụ thuộc vào các tiêu chuẩn dân tộc để cai trị đất nước".*

Đặng Tiểu Bình bảo vệ yếu tố chính danh: *"Hình ảnh một Trung Quốc hiện đại không phải được tạo ra bởi nhà Thanh hay bởi các lãnh chúa quân phiệt, và cũng chẳng phải do Tưởng Giới Thạch hay con trai của ông ta. Chính là do Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa đã thay đổi hình ảnh của Trung Quốc"***.**

Khác với lý thuyết kinh điển CS trong đó giải thích các yếu tố giai cấp là nguyên nhân của hình thành đảng CS và đấu tranh giai cấp, các quan điểm CS ngày nay giải thích sự có ra đời của đảng CS Trung Quốc, trước hết phát xuất

từ lòng yêu nước. Giáo sư Liu Kang, Duke University, nhận xét rằng hiện nay tại Trung Cộng, chủ nghĩa dân tộc trở thành một yếu tố chính danh mạnh mẽ.

Giới lãnh đạo Trung Cộng tận dụng mọi cơ hội để tiêm nhiễm chủ nghĩa dân tộc cực đoan vào nhận thức người dân. Trong các sách vở, tài liệu, kể cả trong đại lễ kỷ niệm 60 năm thành lập Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa hay trong lễ khai mạc Thế Vận Hội, tinh thần Đại Hán được biểu dương đến mức cao nhất. Việc tổ chức vô cùng rầm rộ Thế Vận Hội 2008 về mục đích cũng chỉ là một cách bắt chước dụng ý của Hitler trong việc tổ chức Thế Vận Hội 1936 với cả hệ thống truyền hình và truyền thanh đạt tới 41 quốc gia. Cả hai đều là cơ hội để chế độ độc tài củng cố quyền lực và hợp thức hóa vai trò cai trị của họ.

Để tập hợp toàn dân sau lưng đảng và hoán chuyển đối tượng đấu tranh của tuổi trẻ sang mục tiêu khác hơn là cơ chế độc tài đảng trị, bộ máy tuyên truyền của đảng CS luôn nhấn mạnh đến các "thế lực thù địch" đe dọa sự sống còn của Trung Cộng. Bộ máy tuyên truyền cũng làm tất cả những gì cần thiết để "thế lực thù địch" luôn hiện diện không chỉ trong suy nghĩ, nhận thức mà cả trong đời sống của người dân.

"Thế lực thù địch" là ai?

Trước hết là Mỹ. Đối với Mỹ, mặc dù giữa hai quốc gia có một mối quan hệ kinh tế phụ thuộc vào nhau một cách phức tạp và sâu xa, Trung Cộng, về đối nội, luôn vẽ một hình ảnh Mỹ đầy đe dọa trong nhận thức của nhân dân Trung Hoa. Mỹ là thị trường lớn nhất cho hàng hóa Trung Cộng, tuy nhiên trong thống kê do BBC thực hiện vào 2009, 58% dân Trung Cộng có cái nhìn tiêu cực về Mỹ. Trong *Sách Trắng Quốc Phòng Trung Quốc 2002* (China Defense White Paper 2002), Trung Cộng cho rằng việc

tăng cường đồng minh giữa Mỹ với các nước đồng minh Á Châu là *"yếu tố của bất ổn"* trong khu vực này.

Ngày 8 tháng Năm, 1999, một máy bay Mỹ ném bom lầm vào tòa đại sứ Trung Cộng tại Belgrade làm thiệt mạng 3 nhân viên tòa đại sứ và bị thương một số người khác. Biểu tình bùng nổ khắp Trung Cộng để tố cáo Mỹ *"xâm phạm thô bạo chủ quyền Trung Quốc"*. Trên internet, các hacker tấn công trang web của tòa đại sứ Mỹ tại Bắc Kinh và dán ngay trong trang đầu hàng chữ *"Đả đảo bọn người dã man"*. Tức khắc sau tai nạn, chính phủ Mỹ làm tất cả những gì họ nghĩ ra để chứng tỏ sự hối tiếc kể cả việc hạ cờ thấp nửa cột tại tòa đại sứ Mỹ ở Belgrade. Trung Cộng cũng từ chối cho phép Đại Sứ Mỹ Sasser tham dự lễ tiễn đưa cũng như không cho phép một phái đoàn cao cấp của chính phủ Mỹ đến tận Bắc Kinh để xin lỗi.

Giới lãnh đạoTrung Cộng cố tình trì hoãn việc công bố lá thư xin lỗi của Tổng Thống Clinton để nhân dân Trung Cộng có dịp trút căm thù lên *"thế lực thù địch"* đế quốc Mỹ. Các trường đại học cung cấp xe bus để chở sinh viên đến bao vây tòa đại sứ Mỹ. Tất cả mười ngàn tờ báo tại lục địa Trung Hoa đăng những bài bình luận có tính khiêu khích lòng tự ái dân tộc và kết luận tai nạn làm chết ba người Hoa tại Belgrade là *"hành động cố ý"***.** Ba người chết trong tai nạn thâm chí còn được tôn vinh là ba "thánh tử đạo". Các báo đảng được tự do kết tội Mỹ. Vài tờ báo so sánh hành động máy bay Mỹ ném bom lầm tàn ác không thua gì tội ác chiến tranh do Đức Quốc Xã gây ra. Trang đầu của *Nhân Dân Nhật Báo*, cơ quan ngôn luận chính thức của nhà nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, phân tích các điểm giống nhau giữa việc Mỹ ném bom với cuộc tấn công của các đế quốc sau Loạn Quyền Phỉ (Boxer Rebellion). Nhưng quá khích nhất là tờ *Tuổi Trẻ Bắc Kinh* với những bài bình luận với nội dung khích động bầu

máu nóng của thanh niên. Ban Tuyên Huấn Trung Ương Đảng sau đó đã trao giải thưởng đặc biệt cho tờ báo này. Các phản ứng mang tính kích động hận thù Mỹ cũng được thể hiện qua nhiều biến cố khác như trường hợp máy bay thám thính U.S. EP-3 có thể bay lạc vào không phận Trung Cộng vào tháng Tư 2001 chẳng hạn.

Thái độ quá khích của giới lãnh đạo Trung Cộng phát xuất từ một lý do khác: nỗi sợ bị bao vây. Từ thập niên 1990 đến nay, Trung Cộng luôn chống đối mọi sự liên minh theo dạng "khối quân sự" ám chỉ sự liên kết giữa Mỹ và các nước Đông Á cũng như sự có mặt của quân đội Mỹ tại Nhật Bản, Nam Hàn và mới đây tại Trung Á. Hiện nay, các quốc gia Đông Á vẫn là đồng minh với Mỹ về mọi mặt, từ kinh tế chính trị và cả quân sự. Do đó, mối lo lớn nhất của Trung Cộng là bị bao vây và thật sự nước Cộng Sản này đang bị bao vây. Để đối phó lại các liên minh quân sự khối, Trung Cộng cố gắng phát triển mối quan hệ đa phương với Nga và các quốc gia nhỏ khác vùng Trung Á như Kazakhstan, Kyrgyzstan, Tajikistan, Uzbekistan qua Tổ Chức Hợp Tác Thượng Hải (SCO), tuy nhiên tổ chức này chưa phải là đối lực của các khối thân Mỹ. Tuy mặt ngoài thân thiện, các cơ quan truyền thông của đảng Trung Cộng cho rằng Mỹ và các nước Tây Phương âm mưu làm cản trở đà tiến của Trung Cộng. Một số lãnh đạo Trung Cộng còn tố cáo rằng Mỹ đang lừa Trung Cộng vào cuộc Chiến Tranh Lạnh như Mỹ đã từng áp dụng với Liên Xô để cuối cùng dẫn đến cả hệ thống Liên Xô tan rã.

"Thế lực thù địch" thứ hai là Nhật. Không thể và cũng không ai phủ nhận chính sách hà khắc của các chế độ quân phiệt Nhật với Trung Cộng và Triều Tiên. Những biến cố như vụ Tàn Sát Nam Kinh (Nanking Massacre) hay còn gọi Hiếp Dâm Nam Kinh (Rape of Nanking) sau khi thành phố này rơi vào tay Nhật trong chiến tranh Hoa

Nhật lần thứ hai (1937 – 1945) được thế giới biết qua nhiều sách vở, phim ảnh. Từ 1950 đến 2010, lãnh đạo các chính phủ Nhật đã 52 lần xin lỗi về các tội ác do quân đội Nhật gây ra.

Thái độ chống đối hay ngay cả thù ghét, căm hận Nhật trong tình cảm của nhân dân các nước bị xâm lăng trước đây là một phản ứng tình cảm tự nhiên. Theo thống kê 2010, 24 phần trăm người dân Nam Hàn nghĩ rằng Nhật chưa bao giờ xin lỗi và 58 phần trăm tin rằng Nhật không xin lỗi một cách thành thật. Tuy nhiên, chánh phủ Nam Hàn không trộn lẫn các tình cảm chống Nhật vào các chính sách kinh tế, chính trị và bang giao quốc tế. Tại Trung Cộng thái độ chống Nhật là một loại vũ khí tuyên truyền của đảng CS.

Giới lãnh đạo Trung Cộng kiểm soát tuyệt đối không chỉ đời sống vật chất mà cả đời sống tình cảm, tinh thần thương ghét của người dân. Quá nhiều phim ảnh, sách báo tập trung vào một cuộc chiến đã chấm dứt 60 năm trước. Một đứa bé Trung Cộng khi mới bắt đầu tập đọc sách đã được dạy căm thù Nhật Bản. Việc đi thăm viếng và học hỏi tư liệu từ các viện bảo tàng tội ác Nhật là một phần trong chương trình học của học sinh trung học. Phóng viên tạp chí *Time* đã phỏng vấn một nữ sinh 15 tuổi sau khi em vừa viếng thăm Viện Bảo Tàng Chiến Tranh Chống Nhật và em trả lời "*Xem xong, em thù Nhật hơn bao giờ hết*".

Năm 2005, khi Nhật Bản vận động để trở thành hội viên thường trực của Hội Đồng An Ninh Liên Hiệp Quốc, lãnh đạo Trung Cộng lại lần nữa xúi giục hàng vạn sinh viên Trung Cộng xuống đường phản đối. Các thành phố lớn, sinh viên tấn công các tòa lãnh sự, các cơ sở thương mại, siêu thị, nhà hàng Nhật kể các công ty hàng hóa Nhật do người Hoa làm chủ. Giới lãnh đạo CS biết, tội ác của

Nhật càng nặng bao nhiêu thì vai trò cứu rỗi dân tộc của đảng CS Trung Quốc càng to lớn bấy nhiêu. Hầu hết các nhà phân tích chính trị thế giới đều đồng ý việc tuyên truyền công lao của đảng CS trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc chỉ nhằm biện hộ cho vai trò lãnh đạo lâu dài của đảng.

Chủ nghĩa dân tộc cực đoan đe dọa sự sống còn của đảng CS

Chủ nghĩa Đại Hán là con dao hai lưỡi: Giáo sư Susan L. Shirk, nguyên Phụ tá Bộ Trưởng Ngoại Giao đặc trách Trung Cộng nhận xét trong lúc ảnh hưởng của Trung Cộng ngày càng mạnh trên trường quốc tế, quốc gia này lại rất mong manh trong nội bộ. Sau biến cố Thiên An Môn, để mua chuộc giới trung lưu có quyền lợi mâu thuẫn với đảng, giới lãnh đạo đảng CS gia tăng tiền lương, nâng cao mức sống của giới này, cung cấp công ăn việc làm trong hệ thống nhà nước, thu hút họ gia nhập đảng CS. Mức lợi tức bình quân đầu người tại Thượng Hải vào khoảng 9000 Dollar, cách quá xa so với các khu vực ngoại ô nghèo nàn. Sự khác biệt giàu và nghèo, thành phố và thôn quê đang báo hiệu một tai họa. Ngoài ra, như lịch sử đã chứng minh sự phát triển của giai cấp trung lưu là nguồn thúc đẩy của cách mạnh dân chủ vì đó là giai cấp có học thức, có phương tiện và có nhiều nhu cầu vật chất cũng như tinh thần cần được thỏa mãn. Tại Trung Cộng, giới lãnh đạo đảng CS đến nay thành công trong việc cầm chân giới trung lưu nhưng không thể nào giữ được lâu dài. Đối với các dân tộc thiểu số, chỉ riêng ba tháng đầu năm 2009, Trung Cộng có 50 ngàn vụ xung đột có tính bạo động lớn nhỏ giữa dân thiểu số và lãnh đạo CS tại địa phương. Các cuộc nổi dậy chống chính sách Hán hóa tại 5 khu vực tự trị Tân Cương (Xinjiang), Ninh Hạ (Ningxia), Nội Mông Cổ, Tây Tạng và Yining (thủ phủ khu tự trị dân

tộc Kazakh Ili) cũng như với 50 nhóm thiểu số khác khắp Trung Cộng ngày càng gia tăng. Lợi thế của các dân tộc thiểu số tuy ít về dân số nhưng sở hữu những vùng đất rộng mênh mông rất dễ gây khó khăn cho chính quyền trung ương.

Cũng trong tác phẩm *Trung Quốc, siêu cường dễ vỡ* (China Fragil Superpower), Giáo sư Susan L. Shirk nhận xét giới lãnh đạo Trung Cộng luôn sống trong tình trạng bất an khi nghĩ về ngày vĩnh biệt không thể tránh khỏi của chế độ CS tại lục địa Trung Hoa. Chủ nghĩa dân tộc cực đoan phát triển đến một giai đoạn không còn kiểm soát được đang trở thành mối đe dọa cho sự tồn tại của đảng CS và bộ máy độc tài.

Chủ nghĩa Đại Hán làm gia tăng bất hòa, thù địch với các nước láng giềng và sẽ đẩy các nước nhỏ không có chọn lựa nào khác hơn là liên minh quân sự: Từ thập niên 1990 đến nay, Trung Cộng luôn chống đối mọi sự liên minh theo dạng "khối quân sự" ám chỉ sự liên kết giữa Mỹ và các nước Đông Á cũng như sự có mặt của quân đội Mỹ tại Nhật Bản, Nam Hàn và mới đây tại Trung Á. Phần lớn các quốc gia vùng Đông Á vẫn là đồng minh với Mỹ về mọi mặt, từ kinh tế chính trị và cả quân sự. Mối lo lớn nhất của Trung Cộng là bị bao vây và thật sự nước Cộng Sản này đang bị bao vây. Để đối phó lại các liên minh quân sự khối, Trung Cộng cố gắng phát triển mối quan hệ đa phương với Nga và các quốc gia nhỏ khác vùng Trung Á như Kazakhstan, Kyrgyzstan, Tajikistan, Uzbekistan qua Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO), tuy nhiên tổ chức này chưa phải là đối lực của các khối thân Mỹ. Tuy mặt ngoài thân thiện, các cơ quan truyền thông của đảng được chỉ thị phải liên tục tố cáo Mỹ và các nước Tây Phương âm mưu làm cản trở đà tiến của Trung Cộng. Một số lãnh đạo Trung Cộng còn nghĩ rằng Mỹ đang dẫn

dắt Trung Cộng vào cuộc Chiến Tranh Lạnh như Mỹ đã làm với Liên Xô để cuối cùng dẫn đến cả hệ thống Liên Xô tan rã.

Chiếc mặt nạ chủ nghĩa dân tộc sớm muộn sẽ rớt xuống: Trung Cộng mặt ngoài rất hung hăng, cứng rắn, ăn hiếp láng giềng qua các đụng độ quân sự nhỏ nhưng rất sợ chiến tranh quốc tế hay khu vực bởi vì như nhà ngoại giao kỳ cựu Ngô Kiến Dân cảnh cáo *"Rất nhiều người cho rằng cứ tiến hành chiến tranh để giành chiến thắng là ổn. Thực ra không phải vậy, mà ngược lại, sẽ chỉ làm tình hình xung quanh Trung Cộng rơi vào hỗn loạn".* Nhà ngoại giao Ngô Kiến Dân cũng so sánh giữa chủ nghĩa dân túy của Hitler và chủ nghĩa dân tộc cực đoan tại Trung Cộng hiện nay *"Hitler có yêu nước Đức không? Dĩ nhiên có, nhưng hắn theo chủ nghĩa dân túy. Thanh niên ngày nay cần có tầm nhìn rộng mở, phải có trái tim bao dung thiên hạ. Thứ chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa yêu nước hẹp hòi là không thể được. Một quốc gia chỉ biết cái lợi riêng mình thì sẽ mất hết bạn bè, sẽ bị cô lập. Thời nay, cô lập là tai họa….Trong thời đại toàn cầu hóa, tin học hóa khiến lợi ích các nước gắn kết chặt chẽ với nhau như hiện nay, đã đến lúc chúng ta không thể đóng cửa lại để tuyên truyền thứ chủ nghĩa yêu nước hẹp hòi."*

Giới lãnh đạo Trung Cộng không phải không ý thức hiểm họa đó, tuy nhiên, để kéo dài sự sống, họ không có chọn lựa nào khác hơn là tiếp tục giương cao ngọn cờ chủ nghĩa dân tộc và xoay xở bằng mọi cách để phát triển kinh tế. Cả hai điều kiện đầu bất khả thi. Không một nền kinh tế nào có thể duy trì được mức phát triển cao một cách liên tục và không sự thật nào được che giấu mãi mãi. Sự phẫn nộ của dân chúng trước các suy thoái kinh tế xã hội sẽ trút lên đầu đảng CS. Sắc dân Hán tuy đông nhưng

sẽ không cứu được đảng CS. Lịch sử đã chứng minh, không phải ngày nay sắc dân Hán mới chiếm đa số mà đã là đa số trong nhiều ngàn năm trước nhưng vẫn bị các sắc dân nhỏ uy hiếp, tấn công và ngay cả cai trị. Sự suy yếu bên trong và áp lực bên ngoài là những mối đe dọa thường trực và trực tiếp cho quyền cai trị của đảng CS.

Bài học Tiệp Khắc trước chủ nghĩa dân tộc cực đoan Đại Hán ngày nay

Chủ trương bành trướng về phía Đông Âu của Hitler để làm bàn đạp chinh phục Âu châu cũng không khác gì nhiều so với chủ trương bành trướng Đông Nam Á làm bàn đạp chinh phục Á châu của giới lãnh đạo Trung Cộng hiện nay.

Sau khi sáp nhập Áo không có một phản ứng mạnh nào từ phía các cường quốc Âu Châu, Hitler đòi vùng Sudetenland trù phú với đa số dân nói tiếng Đức từ Tiệp Khắc. Anh Pháp nhượng bộ. Hiệp ước Munich được ký kết bất chấp sự chống đối của chính phủ Tiệp. Không lâu sau đó, Hitler chiếm luôn Tiệp Khắc. Tháng Chín 1939, Đức tấn công Ba Lan. Anh và Pháp cam kết ủng hộ Ba Lan và tuyên chuyến với Đức. Thế chiến thứ hai thật sự bùng nổ. Hậu quả, khoảng 60 triệu người trên thế giới đã chết trong sáu năm kinh hoàng nhất trong lịch sử nhân loại.

Trường hợp Tiệp Khắc là bài học lớn cho dân tộc Việt Nam và sẽ được phân tích trong bài viết đầy đủ hơn sau này. Tuy nhiên một cách vắn tắt, lý do chính làm Tiệp Khắc bị xóa tên trên bản đồ thế giới ngay cả trước khi Thế chiến thứ hai bùng nổ, chưa hẳn vì Anh và Pháp đã bán đứng cho Hitler tại hội nghị Munich như nhiều sử gia đồng ý. Chính sách nhân nhượng (appeasement policy) của các lãnh đạo chủ hòa châu Âu đứng đầu là Thủ tướng Anh Neville Chamberlain chỉ là nguyên nhân khách quan,

nằm ngoài vòng kiểm soát chủ động của chính phủ và nhân dân Tiệp. Tiệp Khắc rơi vào tay Hitler nhanh chóng chỉ vì Tiệp Khắc là một quốc gia ô hợp, phân hóa, suy yếu, có nhiều chính khách làm tôi mọi ngoại bang và không có quyết tâm bảo vệ chủ quyền đất nước. Hitler nhắm vào Tiệp Khắc vì y biết Tiệp Khắc là một quốc gia nhưng không có nội lực của một dân tộc thống nhất.

Như người xưa nhắn nhủ muốn thắng kẻ thù trước hết phải chiến thắng chính mình. Trong phạm vi dân tộc cũng thế, trước khi thắng được ngoại xâm một dân tộc phải biết vượt qua mọi bất đồng, biết hy sinh, biết đoàn kết thành một mối, và nếu cần phải biết chết cho các thế hệ tương lai của dân tộc được sống còn.

Tham khảo:

Susan L. Shirk, *China Fragil Superpower*, Oxford University Press, 2007.

Center for Strategic and International Studies and the Peter G. Peterson Institute for International Economics, *China: The Balance Sheet*, Public Affairs 2007

Wenfang Tang and Gaochao He, *Separate but Loyal: Ethnicity and Nationalism in China*, East-West Center 2010, Hawaii University 2010.

Roderick MacFarquhar, Michael Schoenhals, *Mao's Last Revolution*, Cambridge, MA, Belknap Press of Harvard University 2010.

The Democracy Wall Movement and the Variations of Socialist Democracy, Department of Contemporary History. The 7th Biennial Nordic Conference on Chinese Studies, Helsinki 7-9 June 2005

Jayshree Bajoria, Nationalism in China, Council on Foreign Relations, April 23, 2008

Wei Jingsheng: *China's Spirit of Democracy*

Tiananmen Square, 1989. The Declassified History

Robert Kagan, *The End of History, The New Republic,* April 23, 2008

Joshua Kurlantzick*, Nonstop party, The surprising persistence of Chinese communism*, Boston Globe, November 22, 2009.

Maria Hsia Chang, *Thoughts of Deng Xiaoping*, The Regents of the University of California 1996

Peter Hitchens, *How China has created a new slave empire in Africa*, Mail, 28th September 2008

Matthew Forney, *Why China Loves to Hate Japan*, Time, Dec 10 2005

Austin Ramzy, *Bao Tong on Deng Xiaoping*, ON THE WEB, 30 December 2008

Ngô Kiến Dân *Vũ lực không giải quyết được tranh chấp ở Biển Đông*, Tiền Phong, 15/07/2012

HIỂM HỌA TRUNG CỘNG VÀ BÀI HỌC THỔ NHĨ KỲ

Chiến tranh sẽ đến. Không cần phải là nhà tiên tri hay nhà khoa học xã hội cũng có thể đoán được. Lịch sử loài người đã chứng minh chiến tranh và hòa bình là hai mặt biện chứng trong tiến trình phát triển của xã hội loài người. Vegetius trong tác phẩm nổi tiếng *Quan tâm về các vấn đề quân sự* (De Re Militari) xuất bản vào thế kỷ thứ năm viết *"Muốn có hòa bình, hãy chuẩn bị chiến tranh"*. Từ chiến tranh bộ lạc sang chiến tranh thuộc địa, chiến tranh khu vực, chiến tranh thế giới, chiến tranh giải phóng dân tộc, chiến tranh lạnh, chiến tranh giữa những người cùng chủng tộc, trong từng giờ, từng phút máu của nhân loại đã và đang đổ xuống tại nhiều nơi trên trái địa cầu ngày càng chật hẹp này.

Trong lúc chiến tranh là một sự kiện khó thể tránh khỏi, trong đó, nhiều nhân tố nằm ngoài tầm kiểm soát và quyết định của giới lãnh đạo và nhân dân các quốc gia nạn nhân, những nhà lãnh đạo khôn ngoan, có tầm nhìn xa, biết chọn đúng thế đứng chính trị, không những tránh được chiến tranh mà còn vận dụng các xung đột quốc tế để đem về các lợi ích lâu dài cho quốc gia họ.

Mustafa Kemal Atatürk nhìn về tương lai Thổ Nhĩ Kỳ

Thổ Nhĩ Kỳ dưới sự lãnh đạo của Mustafa Kemal Atatürk từ năm 1923 đến năm 1938 và các chính phủ về sau là một bài học lớn cho nhiều quốc gia vừa thoát khỏi chế độ phong kiến và thuộc địa. Trong số đó, hai bài học quan trọng:

Sự kết hợp hài hòa giữa tinh hoa văn hóa của dân tộc và hướng phát triển dân chủ của thời đại.

Người lãnh đạo phải có tầm nhìn xa và khi cần phải biết chọn lựa dứt khoát một thế đứng trong bang giao quốc tế có lợi cho sự phát triển lâu dài của đất nước.

Mustafa Kemal Atatürk, thường được gọi tắt Mustafa Kemal, sinh năm 1881 tại Salonika trong một gia đình theo Hồi Giáo, thuộc Đế Chế Ottoman. Ông vào trường chuyên quân sự khi tuổi mới 12. Mustafa Kemal được nhận vào học viện quân sự năm 1902 và tốt nghiệp đại học quân sự năm 1905. Khi thế chiến thứ nhất bùng nổ, Đế Chế Ottoman liên minh với Đức và Hung. Mustafa Kemal chỉ huy sư đoàn 19 thuộc binh đoàn 2 và đưa quân vào hành lang Đông Âu. Ông là một sĩ quan xuất sắc, dạn dày trận mạc, chiến đấu dũng cảm và được tặng thưởng 24 huân chương chiến công. Mặc dù những năm cuối của thế chiến thứ nhất, liên quân Đức-Hung thua nhiều trận lớn nhưng binh đoàn 16 dưới quyền Mustafa Kemal liên tục đánh bại quân Nga. Khi Cách Mạng Cộng Sản 1917 bùng nổ, Nga rút quân.

Sau thế chiến thứ nhất, Đế Chế Ottoman sụp đổ, lãnh thổ bị chia cắt và phần Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay bị đồng minh dưới quyền của Anh chiếm đóng. Tướng Mustafa Kemal thoát ly khỏi chế độ Ottoman để phát động một phong trào võ trang đòi độc lập cho Thổ Nhĩ Kỳ. Mặc dù bị kết án

tử hình vắng mặt, Mustafa Kemal vẫn được bầu vào quốc hội Ottoman. Khi quốc hội này bị Anh giải tán, Mustafa Kemal kêu gọi bầu quốc hội khác và đặt trụ sở tại bản doanh của phong trào độc lập ở Ankara. Quốc hội mới được bầu ra qua danh xưng Đại Nghị Quốc Gia (Grand National Assembly) gọi tắt là GNA. Ngày 5 tháng 8 năm 1921, Mustafa Kemal được GNA phong làm Tổng Tư Lịnh quân đội phong trào giành độc lập Thổ Nhĩ Kỳ. Quân khởi nghĩa dưới quyền Mustafa Kemal đánh bại liên quân Anh, Pháp, Ý, Hy Lạp tại nhiều nơi. Kết quả, hiệp ước Lausanne ra đời ngày 24 tháng 7 năm 1923 công nhận nền độc lập của Cộng Hòa Thổ Nhĩ Kỳ.

Tức khắc sau khi trở thành tổng thống đầu tiên của nền cộng hòa non trẻ, Mustafa Kemal đặt mục tiêu hiện đại hóa đất nước lên hàng đầu. Trung tâm quyền lực chính trị của Thổ Nhĩ Kỳ trong giai đoạn này là GNA trong đó đảng Cộng Hòa Nhân Dân do Mustafa Kemal thành lập giữ gần như đa số tuyệt đối. Hiện đại hóa không chỉ được tiến hành trong lãnh vực kinh tế nhưng quan trọng hơn trong chính trị, văn hóa, giáo dục. Trong suốt thời gian lãnh đạo quốc gia, Mustafa Kemal thực hiện hàng loạt các biện pháp cấp tiến bao gồm việc giải tán các cơ sở giáo dục Hồi Giáo, bỏ tiếng Á Rập và thay bằng ngôn ngữ Thổ dùng mẫu tự La-Tinh, thành lập các ủy ban nghiên cứu sự thành công của hệ thống kinh tế Pháp, Ý, Thụy Sĩ, Thụy Điển để áp dụng một cách hữu hiệu vào điều kiện một quốc gia Hồi Giáo như Thổ. Mùa hè 1924, Mustafa Kemal còn mời nhà giáo dục Mỹ John Frederick Dewey thuộc trường đại học Columbia, đến Thổ để cố vấn chính phủ về cải cách giáo dục.

Cơ sở lý luận Kemal

Để định hướng lâu dài cho đất nước, Mustafa Kemal xây dựng cơ sở lý luận Kemal (Kemalism) đặt căn bản

trên ba thành tố chính: Cộng Hòa (Republicanism), Dân Túy (Populism) và Thế Tục (Secularism). Về thành tố Cộng Hòa, Mustafa Kemal thay thế các nguyên tắc lãnh đạo quân chủ bằng các nguyên tắc dân chủ pháp trị trong đó các quyền dân sự do chính nhân dân quyết định qua hình thức dân chủ đại diện. Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất và được bầu lên qua một cuộc đầu phiếu phổ thông. Về thành tố Dân Túy (Populism), Mustafa Kemal quan niệm cách mạng dân tộc dân chủ của Thổ Nhĩ Kỳ là một cuộc cách mạng xã hội nhằm phục vụ cho lợi ích của toàn dân. Ông đề cao các giá trị văn hóa lịch sử Thổ và xem đó như hành trang lên đường hướng tới một tương lai sáng lạng cho dân tộc Thổ Nhĩ Kỳ. Về thành tố Thế Tục (Secularism), Mustafa Kemal chủ trương tách tôn giáo ra khỏi nhà nước. Ngay cả câu "Nền tảng tôn giáo của quốc gia Thổ Nhĩ Kỳ là Hồi Giáo" trước đó được xem như là tự nhiên trong một nước với 99.8% dân số theo đạo Hồi, cũng bị gạch bỏ khỏi hiến pháp. Thái độ dứt khoát của Mustafa Kemal về tôn giáo không nhằm xóa bỏ tôn giáo hay thù địch tôn giáo nhưng nhằm mở rộng tự do tư tưởng và nâng cao vai trò độc lập của chính phủ trong một xã hội vốn đã bị ảnh hưởng tôn giáo đè nặng suốt sáu thế kỷ dưới thời Đế Chế Ottoman.

Chính sách Thổ Nhĩ Kỳ trong thế chiến thứ hai

Về đối ngoại, vài năm trước khi qua đời vào ngày 10 tháng 11 năm 1938, Mustafa Kemal tìm cách cải thiện mối quan hệ ngoại giao với Anh để cân bằng cán cân ảnh hưởng với Liên Xô.

Tổng thống thứ hai của Thổ Nhĩ Kỳ Mustafa İsmet İnönü, người kế vị Mustafa Kemal ý thức sự chịu đựng của nhân dân Thổ trong suốt 14 năm chiến tranh từ 1908 đến 1922 nên quyết tâm bằng mọi cách tránh đưa đất nước vào vòng chiến một lần nữa. Khi thế chiến thứ hai

bùng nổ, Mustafa İsmet İnönü tuyên bố Thổ Nhĩ Kỳ trung lập. Nhờ thế, trong lúc phần lớn châu Âu chìm trong biển lửa, Thổ Nhĩ Kỳ dù là vị trí trái độn giữa hai khối, không bị ảnh hưởng gì.

Tuy nhiên, cuối tháng 2 năm 1945, khi số phận của khối trục chỉ còn tính bằng ngày, Tổng thống Mustafa İsmet İnönü khôn khéo chọn lựa đứng về phía đồng minh. Dù không có một người lính Thổ nào ra trận, theo quyết định của hội nghị Yalta, Thổ Nhĩ Kỳ vẫn được xem là quốc gia đồng minh và là một trong những hội viên thành lập đầu tiên của Liên Hiệp Quốc. Cả Tổng thống Mỹ Franklin Roosevelt và Thủ tướng Anh Winston Churchill đều muốn Thổ Nhĩ Kỹ, quốc gia có vị trí chiến lược ngay sân sau của Liên Xô, đứng về phía họ nên đã khuyến khích Thổ tham gia phe đồng minh. Tương tự, Joseph Stalin cũng đánh giá cao vị trí chiến lược của Thổ và mặc dù không tin tưởng hẳn, y vẫn nghĩ chính phủ Thổ sẽ tiếp tục ủng hộ chính sách đối ngoại của Liên Xô như trước đây nên đồng ý đề nghị của Thủ tướng Churchill.

Liên Xô tham vọng độc chiếm Eo biển Thổ Nhĩ Kỳ

Ngay sau khi thế chiến thứ hai vừa chấm dứt, tham vọng bành trướng về phía đông của Stalin đang trên đà chiến thắng lộ rõ nhất là qua xung đột Eo biển Thổ Nhĩ Kỳ (The Turkish Straits) gồm hai eo biển Bosphorus và Dardanelles nằm giữa Bắc Hải và Địa Trung Hải. Eo biển Thổ là nguồn hải lưu huyết mạch và là chiếc cầu biển nối hai châu Âu và Á. Eo biển là trái tim của Thổ Nhĩ Kỳ. Bất cứ quốc gia nào làm chủ Eo biển sẽ giữ vị trí quân sự và chính trị quyết định trong toàn vùng Biển Bắc và khu vực Balkans.

Ngày 19 tháng Ba năm 1945, Ngoại trưởng Liên Xô Vyacheslav M. Molotov thông báo cho đại sứ Thổ Nhĩ Kỳ

tại Liên Xô biết Liên Xô đơn phương hủy bỏ Hiệp Ước Cam Kết Không Xâm Lược (Non-Aggression Pact) giữa Liên Xô và Thổ được ký kết ngày 17 tháng Giêng năm 1925. Tham vọng bành trướng của Liên Xô không phải chỉ là chính sách riêng của Stalin nhưng là một bước kế tục truyền thống khống chế các nước nhỏ chung quanh có từ thời các Sa Hoàng Nga.

Khi chính phủ Thổ tìm cách làm dịu mối quan hệ, Liên Xô đưa ra hàng loạt điều kiện bao gồm việc chia quyền điều hành eo biển Thổ Nhĩ Kỳ, Hồng quân Liên Xô có trách nhiệm bảo vệ an ninh eo biển, và ngoài ra, Thổ phải trao trả cho Liên Xô hai vùng đất Kars và Ardahan đang thuộc lãnh thổ Thổ Nhĩ Kỳ. Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ từ chối.

Thổ Nhĩ Kỳ chọn gia nhập NATO

Trước sự đe dọa của Liên Xô và sự phân cực rõ nét của chính trị thế giới sau thế chiến thứ hai, Tổng thống Thổ Nhĩ Kỳ Mustafa İsmet İnönü ý thức rằng để bảo vệ chủ quyền, sự toàn vẹn lãnh thổ và hiện đại hóa đất nước, Thổ Nhĩ Kỳ phải từ bỏ chính sách đối ngoại hợp tác theo kiểu bình đẳng cùng có lợi với mọi quốc gia để đứng về một phía có triển vọng phục vụ tốt nhất cho quyền lợi trước mắt cũng như lâu dài của Thổ. Thổ Nhĩ Kỳ dứt khoát đứng về phía Mỹ trong cuộc chiến tranh lạnh với Liên Xô.

Ngày 22 tháng 5 năm 1947, Tổng thống Truman ký quyết định viện trợ cho Thổ Nhĩ Kỳ và Hy Lạp. Năm 1948, các cố vấn quân sự Mỹ bắt đầu giúp đỡ chính phủ Thổ tái trang bị và hiện đại hóa quân đội.

Mỹ và Anh muốn dùng đất Thổ như một tiền đồn và quân đội Thổ như một đơn vị tiền phương để làm chậm sức tấn công của bộ binh Liên Xô một khi chiến tranh giữa hai khối bùng nổ trong lúc chờ đợi không lực Anh

Mỹ mở các cuộc phản công phát xuất từ các căn cứ không quân đặt tại Ai Cập. Dĩ nhiên, chính phủ Thổ biết rõ thâm ý của Anh và Mỹ nhưng đó là cái giá phải chọn vì nền an ninh và sự thịnh vượng của quốc gia Thổ.

Theo tổng kết được ghi lại trong tài liệu *Tương lai chính sách đối ngoại của Thổ Nhĩ Kỳ* (The future of Turkish Foreign Policy) của hai tác giả Lenore G. Martin và Dimitris Keridis, trong năm 1948, Mỹ viện trợ cho Thổ Nhĩ Kỳ 180 phi cơ chiến đấu F-47, 30 phi cơ oanh tạc B-26 và 86 phi cơ vận tải C-47. Trong thời điểm 1948, đó là một viện trợ quân sự lớn. Với số vũ khí mới, quân đội Thổ không những có thể ngăn chặn mà nếu cần còn có khả năng oanh tạc các nguồn dầu khí của Liên Xô tại Romania và trong vùng Caucasus.

Tuy nhiên súng đạn không phải chỉ là những gì Thổ Nhĩ Kỳ muốn nhưng quan trọng hơn là sự bảo đảm bằng một liên minh quân sự quốc tế. Nói rõ hơn, Thổ muốn trở thành hội viên chính thức của Tổ Chức Minh Ước Bắc Đại Tây Dương (NATO). Tổng thống Mustafa İsmet İnönü tin tưởng hỏa lực hùng hậu của NATO và Hạm đội Địa Trung Hải của Mỹ là bức tường thành vững chắc nhất để bảo vệ Thổ Nhĩ Kỳ chống lại Liên Xô xâm lược. Để chứng tỏ thiện chí, Thổ Nhĩ Kỳ gởi quân tham chiến bên cạnh các lực lượng Mỹ trong chiến tranh Triều Tiên.

Ngày 18 tháng 2 năm 1952, Thổ Nhĩ Kỳ chính thức trở thành hội viên của NATO.

Thổ Nhĩ Kỳ sau khi gia nhập NATO

Sau khi gia nhập khối dân chủ tây phương, Thổ Nhĩ Kỳ phát triển một cách nhanh chóng trong mọi lãnh vực. Thổ Nhĩ Kỳ có nền kinh tế lớn hạng thứ 17 thế giới với lợi tức bình quân đầu người trên 10 ngàn Dollar và là thành viên của G-20. Từ một nước phải chịu nhún nhường trước

Liên Xô và sau đó lệ thuộc vào vũ khí của Mỹ, Thổ Nhĩ Kỳ trở thành một quốc gia tự sản xuất và xuất cảng võ khí tối tân. Không quân Thổ là một trong những lực lượng không quân lớn nhất của NATO. Thổ Nhĩ Kỳ là một trong năm quốc thành viên của Chính Sách Sử Dụng Nguyên Tử trực thuộc NATO. Hiện nay có 90 bom nguyên tử loại B61 được đặt tại căn cứ quân sự Incirlik trên đất Thổ. Nếu có một chiến tranh nguyên tử, không lực Thổ Nhĩ Kỳ với sự chấp thuận của NATO có quyền sử dụng các vũ khí nguyên tử đó. Các phi đoàn chiến đấu F-16C tối tân của không quân Thổ Nhĩ Kỳ do chính công ty Công Nghiệp Không Gian Thổ (Turkish Aerospace Industries) sản xuất. Thổ Nhĩ Kỳ còn là thành viên của chương trình sản xuất phi cơ chiến đấu F-35, một trong những đề án kỹ thuật cao cấp và đắt giá nhất.

Trước các thành tựu về kinh tế, chính trị và quốc phòng của Thổ Nhĩ Kỳ, không cần phải phân tích, mọi người đều có thể hiểu, chính hạt mầm dân chủ quý giá mà những người thành lập cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ gieo trên mảnh đất đầy phân hóa vì độc tài phong kiến lớn lên thành cây xanh, trái ngọt cho các thế hệ Thổ Nhĩ Kỳ hôm nay. Mười năm sau ngày độc lập, Tổng thống Mustafa Kemal phát biểu *"Cộng hòa có nghĩa lãnh đạo một quốc gia dân chủ. Chúng ta thành lập chế độ Cộng Hòa đã mười năm, nó phải thỏa mãn các đòi hỏi của một chế độ dân chủ khi cần đến".*

Sự chọn lựa nào mà chẳng có hy sinh. Con đường dẫn đến dân chủ của Thổ Nhĩ Kỳ không phải bằng phẳng. Với một quốc gia mang truyền thống quân sự từ thời Đế Chế Ottoman, trong suốt mười năm đầu sau độc lập, nước Thổ vẫn còn chịu đựng nhiều biến cố đảo chánh, ám sát, lật đổ, treo cổ, tranh chấp giữa chính quyền dân sự và các

tưởng lãnh, nhưng tất cả đều không rung chuyển được nền tảng dân chủ tại Thổ.

Và cũng không cần phải phân tích nhiều, mọi người đều hiểu sự chọn lựa dứt khoát của cấp lãnh đạo Thổ sau thế chiến thứ hai đã có ảnh hưởng quyết định trong việc đưa đất nước vượt qua hẳn quá khứ chậm tiến lạc hậu để trở thành một quốc gia dân chủ tiến bộ duy nhất trong khối các quốc gia Hồi Giáo. Thật vậy, nếu 1945, các lãnh đạo Thổ Nhĩ Kỳ chấp nhận các yêu sách của Stalin và trở thành một chư hầu không Cộng Sản của Liên Xô, nước Thổ vẫn là một nước Hồi Giáo nghèo nàn, lạc hậu và yếu kém như nhiều quốc gia Hồi Giáo Á Phi khác hiện nay.

Trung Cộng muốn gì ở Việt Nam?

Mặc dù có những thay đổi chiến thuật trong từng thời kỳ, về căn bản, mục tiêu của chủ nghĩa bành trướng Trung Cộng từ khi bắt đầu can dự vào cuộc chiến Việt Nam đến nay vẫn không thay đổi. Một cách vắn tắt như đã viết trong các bài trước, Trung Cộng muốn Việt Nam:

Hoàn toàn lệ thuộc vào Trung Cộng về chế độ chính trị.

Một phần không thể tách rời trong toàn bộ chiến lược an ninh châu Á của Trung Cộng.

Trung Cộng độc chiếm toàn bộ các quyền lợi kinh tế vùng biển Đông bao gồm cả các vùng biển đảo Hoàng Sa, Trường Sa đang tranh chấp.

Về mặt chính trị. Hai nỗi lo lớn của giới lãnh đạo Trung Cộng là sợ bị bao vây từ bên ngoài và diễn biến hòa bình bên trong nội bộ Trung Cộng. Nhìn quanh, họ chỉ thấy kẻ thù. Thật vậy, hầu hết các quốc gia dân chủ trong vùng từ Ấn Độ đến Nhật Bản, Đài Loan, Nam Hàn, Thái Lan, tuy mức độ khác nhau nhưng đều là các quốc gia đang có những mâu thuẫn căn bản với Trung Cộng, không những

về quyền lợi kinh tế mà cả chế độ chính trị. Mặc dù không công khai tuyên bố, giới lãnh đạo Trung Cộng cũng biết hiện nay chỉ còn năm quốc gia theo một loại chủ nghĩa mà giáo sư sử học Roderick Macfarquhar, thuộc đại học Harvard, gọi là chủ nghĩa Lê Nin không có Mác, tức một nhà nước chuyên chính sắt máu nhưng không còn dựa trên nền tảng triết lý duy vật. Hai cơ chế chính trị Cộng Sản Trung Quốc và CSVN có một mối quan hệ hữu cơ mật thiết với các yếu tố tương quan và phụ thuộc vào nhau. Sự lệ thuộc về chính trị của Việt Nam vào Trung Cộng không chỉ giúp giữ an toàn phòng tuyến phía nam mà còn tránh sự sụp đổ dây chuyền trong trường hợp cách mạng dân chủ tại Việt Nam diễn ra trước. Không giống như điều kiện chính trị thời điểm hội nghị Thành Đô, các phát triển chính trị và quân sự vùng Á Châu và Thái Bình Dương đang diễn ra cho thấy cuộc cách mạng dân chủ có nhiều khả năng diễn ra tại Việt Nam sớm hơn Trung Cộng.

Về mặt kinh tế. Hơn ai hết, giới lãnh đạo Trung Cộng biết chế độ CS như người đi trên dây, ngồi trên lưỡi dao cạo. Sự ổn định tại Trung Cộng hiện nay chỉ là sự ổn định tạm thời vì cơ chế chính trị Trung Cộng vốn được xây dựng trên một nền tảng bất ổn. Trong suốt 40 năm từ khi chương trình hiện đại hóa của Đặng Tiểu Bình ra đời, các thế hệ lãnh đạo đảng tập trung vào việc phát triển kinh tế để vừa thỏa mãn nhu cầu vật chất của người dân và vừa hợp thức hóa vai trò lãnh đạo của đảng Cộng Sản. Hai yếu tố hàng đầu của một nền kinh tế sản xuất là lao động và nguyên liệu. Lợi thế của Trung Cộng là nguồn lao động rẻ nhưng trong điều kiện một quốc gia có mức độ lãng phí nguyên vật liệu cao trong các nước đang phát triển như Trung Cộng, việc đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho một nền kinh tế khổng lồ nhưng lạc hậu về quản trị là một thách thức lớn cho giới lãnh đạo.

Hàng hóa của Trung Cộng xuất cảng phần lớn là hàng hóa tiêu dùng nhưng đây cũng là những loại sản phẩm mà quốc gia nào cũng có thể sản xuất được. Sự lớn mạnh của khối được gọi là các Nền Kinh Tế Đang Hứa Hẹn (Emerging Economies) trong đó Ấn Độ, với dân số 1.2 tỉ và mức xuất cảng cùng loại hàng hóa như Trung Cộng tăng 100 phần trăm trong vòng 10 năm qua là mối đe dọa lớn cho hàng hóa Trung Cộng. Để duy trì giá thành sản phẩm thấp, Trung Cộng không thể mua nguyên liệu theo giá trên các thị trường quốc tế London, New York hay nhập từ các nước châu Âu nên tìm cách khai thác các nguồn nguyên liệu rẻ qua chính sách thực dân đỏ bất nhân như đang diễn ra tại nước châu Phi, như trường hợp Congo.

Riêng với Á châu, khu vực này không chỉ là thị trường tiêu thụ mà còn là nguồn cung cấp nguyên liệu quan trọng cho nền kinh tế Trung Cộng. Miếng mồi ngon nhất, hấp dẫn nhất, đủ tiêu chuẩn kinh tế, chính trị, quân sự nhất không đâu khác hơn là Việt Nam. Chủ trương muốn Việt Nam là phần không thể tách rời trong toàn bộ chiến lược châu Á của Trung Cộng quá rõ ràng, không cần phải một nhà phân tích chính trị cỡ Carlyle Thayer mới thấy mà ngay trong tác phẩm *Sự Thật Về Quan Hệ Việt Nam-Trung Cộng Trong 30 Năm Qua* Nxb Sự Thật, Hà Nội tháng 10, 1979, giới lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam cũng đã tự thú điều này *"Việt Nam là một đối tượng quan trọng cần khuất phục và thôn tính để dễ bề đạt được lợi ích chiến lược của họ".*

Điểm giống nhau và khác nhau giữa Việt Nam và Thổ Nhĩ Kỳ

Về mặt địa lý chính trị và quân sự, Việt Nam và Thổ Nhĩ Kỳ có nhiều điểm giống nhau. Tham vọng thiên triều của các triều đại phong kiến Trung Hoa đối với các quốc

gia nhỏ vùng Đông Nam Á, đặc biệt với Việt Nam, thâm độc không khác gì truyền thống nước lớn của các Sa Hoàng Nga đối với các nước Đông Âu. Hoàng Sa và Trường Sa, đôi mắt của Việt Nam nhìn ra Thái Bình Dương quan trọng không kém gì Eo biển Thổ Nhĩ Kỳ, trái tim Thổ Nhĩ Kỳ trong vùng Địa Trung Hải. Khát vọng của dân tộc Việt Nam mong được sống trong tự do, thanh bình, thịnh vượng sau bao nhiêu năm chiến tranh tàn phá cũng sâu thẳm như ước vọng tự do, dân chủ và thịnh vượng của dân tộc Thổ sau nhiều năm chiến tranh dưới thời Đế Chế Ottoman, thế chiến thứ nhất và chiến tranh giành độc lập.

Sau thế chiến thứ hai và nhất là sau sự sụp đổ của hệ thống Cộng Sản, lục địa châu Âu hiện nay được xem là ổn định. Hầu hết các quốc gia vừa thoát khỏi chế độ Cộng Sản, kể cả Nga, vẫn còn trên đường phục hồi kinh tế, chính trị và phục hưng các giá trị văn hóa lịch sử của dân tộc họ. Xung đột thế giới tới đây được các nhà phân tích kinh tế chính trị nhận xét sẽ là xung đột Á Châu, nơi đang tồn tại các hệ thống chính trị đối nghịch, các quyền lợi kinh tế đối nghịch và các chính sách phát triển đối nghịch. Vì lý do địa lý chính trị, Việt Nam được xem là một trong những điểm nóng nhất và có thể sẽ là ngòi nổ của cuộc xung đột châu Á và Thái Bình Dương.

Liệu Việt Nam có thoát khỏi chiến tranh châu Á như Thổ Nhĩ Kỳ đã đứng bên ngoài biển lửa châu Âu?

Liệu giới lãnh đạo CSVN có khả năng hóa giải các nguồn ngoại lực và biết vận dụng vị trí chiến lược của bán đảo Việt Nam một cách khôn ngoan để phục vụ cho lợi ích lâu dài của đất nước như các lãnh đạo Thổ Nhĩ Kỳ đã làm?

Trước mắt, không có dấu hiệu gì cho thấy giới lãnh đạo CSVN có một nhận thức chính trị quốc tế sáng suốt và cũng không có khả năng nào cho thấy họ có thể từ bỏ các quyền lợi của đảng Cộng Sản vì sự sống còn của dân tộc như các lãnh đạo đảng Cộng Hòa Nhân Dân Thổ. Những chờ đợi mỏi mòn, những van xin tha thiết, những thỉnh nguyện thư trang trải hết ruột gan đều không mềm lòng những kẻ mà tham vọng quyền lực và quyền lợi đã thấm vào máu, ăn sâu vào xương tủy.

Ngay cả khi Thổ Nhĩ Kỳ nhận viện trợ của Liên Xô để tái thiết đất nước trong những năm đầu sau độc lập, Tổng thống Mustafa Kemal cũng công khai cam kết với nhân dân Thổ: *"Quan hệ hữu nghị với Liên Xô không có nghĩa là chấp nhận ý thức hệ Cộng Sản. Chủ nghĩa Cộng Sản là một vấn đề xã hội. Các điều kiện xã hội, tôn giáo và truyền thống dân tộc của đất nước chúng ta khẳng định chủ nghĩa Cộng Sản không thể áp dụng tại Thổ Nhĩ Kỳ".* Việt Nam thì khác, từ ngày thành lập đảng, mặc cho bao đổi thay trên thế giới, các cấp lãnh đạo CSVN vẫn suốt ngày ra rả *"Chủ nghĩa xã hội là con đường tất yếu"* và quan hệ giữa hai đảng CS Việt Nam và CS Trung Quốc vẫn là quan hệ "như môi với răng", "vừa là đồng chí vừa là anh em" như những năm trước 1975.

Còn lại gì hôm nay?

Giống như Adolf Hitler lợi dụng chính sách đối ngoại Nhân nhượng (Appeasement) của Thủ tướng Anh Neville Chamberlain trước thế chiến thứ hai để chiếm đoạt Sudetenland, lãnh thổ chiến lược và giàu tài nguyên nhất của Cộng Hòa Tiệp Khắc, Trung Cộng cũng đang lợi dụng sự bất ổn kinh tế thế giới và chính sách đối ngoại Nhân nhượng của Barack Obama để củng cố bộ máy quân sự và mở rộng ảnh hưởng tại Á Châu. Dân tộc Việt Nam phải đối diện với thách thức về cả hai mặt, bên trong, một giới

lãnh đạo tham quyền cố vị, ươn hèn, và bên ngoài, một chủ nghĩa xâm lược dã man nhất trong lịch sử loài người.

Yếu tố duy nhất còn lại là sức mạnh tổng hợp của các thành phần dân tộc. Chính các thành phần dân tộc Việt Nam trong và ngoài nước là lực duy nhất nằm ngoài sự kiểm soát của hai đảng Cộng Sản và cũng là lực duy nhất có khả năng đưa Việt Nam ra khỏi bờ vực chiến tranh và đưa đất nước tới một tương lai sáng lạng cho con cháu mai sau. Các thành phần dân tộc không chỉ là những người đang công khai chống đảng, những người đứng ngoài cơ chế lãnh đạo, những người không Cộng Sản nhưng là bất cứ ai nhận thức được manh tâm của chủ nghĩa bành trướng Trung Cộng, bản chất sai lầm trong cơ chế độc tài đang thống trị Việt Nam và chọn lựa dứt khoát đứng về phía dân tộc. Thấy được con đường dân tộc phải đi và dâng hiến tình yêu cho đất nước không bao giờ quá trễ. Không ai chiêu hồi ai. Không ai tha tội ai. Không ai sách động ai. Hành trang là tinh thần độc lập, tự chủ của tổ tiên dòng giống Việt. Chọn lựa của thời đại không chỉ là chọn lựa giữa dân chủ hay độc tài nhưng quan trọng hơn thế nữa, là mất hay còn, tồn tại hay diệt vong của một dân tộc.

Từ vùng Balkans cho đến châu Phi, lịch sử nhân loại để lại vô số bài học, chỉ vì giới lãnh đạo sai lầm và thiển cận, chỉ vì dân tộc chia rẽ và phân hóa mà nhiều quốc gia, vương quốc, đế quốc, một thời hưng thịnh đã vĩnh viễn bị xóa tên. Tất cả sẽ trở thành vô nghĩa khi Việt Nam không còn có mặt trên bản đồ thế giới. Nhạc sĩ Việt Khang đặt ra một câu hỏi nhức nhối không phải cho bộ máy công an đang giam cầm em, cho lãnh đạo đảng Cộng Sản mà cho toàn dân tộc *"Cội nguồn ở đâu, khi thế giới nay đã không còn Việt Nam".*

HIỂM HỌA TRUNG CỘNG VÀ BÀI HỌC TIỆP KHẮC

Áo và Tiệp Khắc là hai quốc gia bị Đức cưỡng chiếm đầu tiên ngay cả trước khi Thế chiến thứ hai bùng nổ. Trong lúc Đức chiếm Áo không gây nhiều phản ứng vì Áo có nhiều liên hệ với Đức về lịch sử, ngôn ngữ, văn hóa và chính bản thân Hitler vốn là người Áo, việc cưỡng chiếm Tiệp Khắc là một biến cố lớn vì Tiệp Khắc là một nước độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và được xem là một trong số mười cường quốc châu Âu thời đó.

Suốt thời gian dài hơn sáu năm dưới ách thống trị của Đức Quốc Xã, nhân dân Tiệp chịu đựng vô số thương vong, thiệt hại. Hàng trăm ngàn người bị giết và hàng trăm ngàn người khác bị đày ải trong các trại tập trung. Thế nhưng phải chăng ngày đó Tiệp Khắc yếu đến mức không bắn được phát súng nào?

Không. Trước Thế chiến thứ hai, thừa hưởng các thành tựu kỹ thuật của thời đế quốc Áo Hung, Tiệp Khắc là một trong sốt ít quốc gia có một quân đội đông đảo nhất và được trang bị tối tân nhất châu Âu. Việc Tiệp

Khắc rơi vào tay Đức nhẹ nhàng như chiếc lá mùa thu phát xuất từ ba lý do chính. Hai lý do khách quan:

Bành trướng về hướng đông là chủ trương truyền thống của Đức,

Chính sách nhân nhượng (appeasement policy) của các lãnh đạo chủ hòa châu Âu đứng đầu là Thủ tướng Anh Neville Chamberlain, và một lý do chủ quan:

Tiệp Khắc là một quốc gia ô hợp, phân hóa, suy yếu, có nhiều chính khách làm tôi mọi cho ngoại bang và giới lãnh đạo chính phủ không có quyết tâm bảo vệ chủ quyền đất nước.

Bành trướng về hướng đông là chủ trương truyền thống của Đức.

Sau giai đoạn cách mạng 1848, Đức trở thành cường quốc. Sức mạnh của Đức thể hiện không chỉ trong các lãnh vực kinh tế, quân sự, dân số mà cả khoa học. Tổng số giải Nobel các khoa học gia Đức được tặng thưởng trong giai đoạn 47 năm tồn tại nhiều hơn tổng số giải Nobel của các khoa học gia Anh, Pháp, Nga và Mỹ cộng lại. Năm 1871, Đế Quốc Đức bao gồm 27 khu vực, dưới sự lãnh đạo của Otto von Bismarck đã vượt qua đế quốc Anh. Giống như mọi đế quốc khác trong lịch sử, để tiếp tục lớn mạnh cần phải có tài nguyên thiên nhiên.

Đức là quốc gia nằm ngay giữa châu Âu và về mặt địa lý chính trị, suốt nhiều thế kỷ, các chế độ quân chủ Đức cũng chủ trương các quốc gia phía Đông trong đó có Tiệp Khắc, Ba Lan, Hungary là hàng rào an ninh của Đức để đương đầu với hai nước lớn khác là Pháp và Nga.

Sau khi sáp nhập Áo vào tháng Ba năm 1938 không cần dùng đến võ lực, Hitler tập trung vào chiến lược chiếm Tiệp Khắc bất chấp sự chống đối của nhiều tướng

lãnh cao cấp trong đó có tướng Ludwig Beck, Tổng Tham Mưu Trưởng quân đội Đức. Bản thân của Hitler cũng đánh giá Tiệp rất cao nên không dám công khai đưa quân vượt biên giới xâm lăng quốc gia này. Vì vùng Sudetenland có đông dân Đức và có nguồn dự trữ nguyên liệu lớn nhất của Tiệp Khắc, Hitler nghĩ đến việc chiếm vùng Sudetenland trước và dùng khu vực giàu có này làm bàn đạp thôn tính toàn bộ Tiệp Khắc.

Chính sách nhân nhượng (appeasement policy) của các các lãnh đạo Anh, Pháp đứng đầu là Thủ tướng Nevill Chamberlain "khuyến khích" Đức chiếm Tiệp Khắc.

Sau Thế chiến thứ nhất, dù thắng hay bại, các quốc gia đều phải chịu đựng một thời kỳ suy thoái kinh tế trầm trọng. Khuynh hướng chủ hòa chế ngự trong sinh hoạt chính trị tại các cường quốc dân chủ và lãnh tụ hàng đầu của khuynh hướng này là thủ tướng Anh, Nevill Chamberlain. Thủ tướng Nevill Chamberlain tìm cách hòa giải mối thù địch với Đức. Khi Đức sáp nhập Áo, Chamberlain không có phản ứng cụ thể nào.

Khi Hitler công khai bày tỏ ý định sáp nhập vùng Sudetenlan của Tiệp Khắc đang có hơn ba triệu người gốc Đức, vào lãnh thổ Đức, vấn đề trở nên phức tạp vì Tiệp Khắc có liên minh quân sự với Pháp và Pháp có liên minh quân sự với Anh. Thủ tướng Anh Nevill Chamberlain qua trung gian của Sir Horace Wilson chuẩn bị đàm phán với Đức và qua trung gian của Lord Runciman thuyết phục Tiệp Khắc nhượng bộ. Trong lúc Hitler thông đồng với các nước nhỏ như Hungary và Ba Lan để xẻ thịt Tiệp, Tổng thống Mỹ Franklin Roosevelt tuyên bố chủ trương trung lập của Mỹ về tranh chấp Sudetenland.

Ngày 15 tháng Chín năm 1938, Thủ tướng Nevill Chamberlain bay sang Đức để thương thuyết với Hitler. Các cuộc thương thuyết giằng co cho đến sáng sớm 30 tháng 9 năm 1939, thỏa hiệp Munich được ký kết giữa Đức, Anh, Pháp và Ý, trong đó, cho phép Đức sáp nhập vùng Sudetenland trù phú và chiến lược vào lãnh thổ Đức.

Tiệp Khắc không được mời tham dự hội nghị và chỉ được Anh Pháp thông báo kết quả. Chính phủ Tiệp nghĩ rằng Tiệp Khắc không có hy vọng gì thắng được Đức bằng sức mạnh của riêng mình, đã đồng ý với nội dung của thỏa hiệp Munich. Theo thỏa hiệp này, tướng Đức Wilhelm Keitel được cử vào chức thống đốc quân sự vùng Sudetenland. Những người dân Tiệp không phải gốc Đức phải rời Sudetenland trong vòng 10 ngày và không được mang theo bất cứ một món sở hữu nào. Câu Phản bội Tiệp Khắc để chỉ sự phản bội của đồng minh đối với Tiệp ra đời từ đó.

Mất Sudetenland, Tiệp Khắc không chỉ bỏ trống biên giới chiến lược phía nam mà còn mất 70% dự trữ sắt thép, 70% điện và 3 triệu công dân Tiệp. Trong lúc hiệp ước Munich là một thành quả ngoại giao lớn của Nevill Chamberlain, đối với Hitler lại là một bước lùi. Mục tiêu của Hitler không phải chỉ chiếm vùng Sudetenland mà cả nước Tiệp như Wilson Churchill tiên đoán. Đầu năm sau, Hitler lần lượt chiếm các vùng Bohemia, Moravia và phần còn lại của Tiệp Khắc.

Cả hai lý do trên không thể làm Tiệp Khắc mất một cách nhanh chóng nhưng chính sâu mọt và phản bội ngay trong lòng nước Tiệp và một chính phủ phân hóa, yếu kém, thiếu quyết tâm mới là những lý do chính làm tan rã Tiệp Khắc.

Rất nhiều sâu mọt trong nội bộ Tiệp và đứng đầu là Konrad Henlein lãnh đạo của đảng Sudeten gốc Đức.

Konrad Henlein một thầy giáo bậc trung học, lúc đó đang hoạt động dưới danh nghĩa đảng Sudeten quy tụ đa số dân Tiệp gốc Đức. Konrad Henlein sinh tại Bohemia, Tiệp Khắc có cha là người Đức và mẹ là người Czech. Đảng Sudeten của Konrad Henlein thông đồng với đảng Quốc Xã Đức và được đảng này tài trợ và huấn luyện. Mỗi tháng đảng Sudeten nhận 15 ngàn Đức Mã để trang trải các chi phí hoạt động. Ngày 28 tháng Ba năm 1938, Hitler gọi Konrad Henlein sang Đức và đích thân ra chỉ thị cho tên Tiệp gian này phải đưa ra những điều kiện mà Tiệp Khắc không thể thỏa mãn được. Mặt khác, Joseph Goebbels, Bộ trưởng Tuyên truyền của Đức Quốc Xã, tung một chiến dịch tuyên truyền ồ ạt về việc chính phủ Tiệp bạc đãi, đàn áp dân gốc Đức trong vùng Sudetenlan và xúi dục người dân Tiệp gốc Đức đứng lên đòi quyền tự trị.

Về lại Tiệp, Tiệp gian Konrad Henlein đòi chính phủ Tiệp phải để vùng Sudetenlan hoàn toàn tự trị, thay đổi chính sách đối ngoại của chính phủ Tiệp và toàn quyền phổ biến lý thuyết Quốc Xã. Dĩ nhiên, đòi hỏi tự trị còn có thể đàm phán được nhưng việc tự do tuyên truyền tư tưởng Quốc Xã khó có thể chấp nhận. Khi đàm phán bắt đầu, Tiệp gian Konrad Henlein và đảng của y lại tạo nhiều xáo trộn bạo động trong vùng và tiếp tục làm khó dễ chính phủ trung ương cho đến khi hiệp ước Munich được ký kết. Ngày 1 tháng Mười năm 1938, các đơn vị tiền phương của quân đội Đức vượt qua biên giới Tiệp giữa tiếng hò reo ủng hộ của các đảng viên đảng Sudeten, và cũng trong lúc đó hàng chục sư đoàn Tiệp được trang bị đầy đủ được chính phủ ra lịnh rút lui. Phía sau đoàn quân Đức là các đơn vị mật vụ Gestapo và lực lượng anh ninh SS. Chỉ trong thời gian ngắn 10 ngàn người dân Tiệp, kể

cả dân nói tiếng Đức nhưng chống Hitler, bị đày vào các trại tập trung vừa mới xây ở Sudetenland.

Konrad Henlein gia nhập lực lượng an ninh Đức và tham gia vào đảng Quốc Xã. Mặc dù sinh ra, lớn lên trên đất Tiệp, Konrad Henlein góp phần quan trọng trong việc rước voi Đức giày lên Tiệp Khắc. Y được thưởng nhiều chức vụ và được cho phép làm công dân Đức. Sau khi Tiệp Khắc được đồng minh giải phóng, tên Tiệp gian phản quốc Konrad Henlein bị bắt và y đã tự sát bằng cách cắt gân máu ở cổ tay.

Kẻ phản bội thứ hai là tổng thống bù nhìn Emil Hacha. Sau khi Edvard Benes, tổng thống thứ hai của Tiệp Khắc từ chức, tân tổng thống Emil Hacha là một người nhu nhược. Buổi tối ngày 11 tháng Ba năm 1939, Hitler cho triệu Hacha đến Bá Linh và thông báo cho ý định chiếm toàn bộ Tiệp Khắc bằng võ lực và hứa nếu Hacha chịu hợp tác, Tiệp Khắc sẽ được hưởng quyền tự trị rộng rãi còn nếu nghịch sẽ bị đoàn quân Hitler tấn công Tiệp bằng mọi phương tiện trong đó có cả việc không quân của Đức cày nát thủ đô Prague. Emil Hacha quy thuận Hitler. Dưới thời Đức Quốc Xã chiếm đóng y được giữ chức vụ tổng thống bù nhìn nhưng buộc phải tuyên thệ trung thành trước Hitler. Mặc dù có nhiều tài liệu cho thấy Emil Hacha trong thời gian phục vụ Hitler cũng lén lút giúp cho phong trào kháng chiến chống Đức thuộc chính phủ lưu vong của Edvard Benes nhưng công không đủ để chuộc tội cho y. Sau khi Prague được giải phóng vào tháng Năm năm 1945, Emil Hacha bị bắt và chết hơn hai tháng sau đó trong hoàn cảnh bí mật. Y được chôn trong một ngôi mộ không đề bia tại nghĩa trang Vinohrady. Hiện nay, tại nghĩa trang Vinohrady có một tấm bảng ghi dấu nơi chôn của Emil Hacha.

Jozef Tiso là một kẻ phản quốc đội lốt tôn giáo. Mặc dù thụ phong linh mục nhưng y cũng là một trong những đảng viên nòng cốt của đảng Nhân Dân Slovak. Lợi dụng sự suy yếu của Tiệp Khắc sau hiệp ước Munich, đảng Nhân Dân Slovak do Tiso lãnh đạo tuyên bố Slovak tự trị trong vòng Tiệp Khắc. Vào 13 tháng Ba năm 1939, giống như vừa đe dọa Emil Hacha vài hôm trước đó, Hitler triệu Jozef Tiso đến Bá Linh và buộc y phải tuyên bố Slovak độc lập, tách rời khỏi Tiệp Khắc, nếu không Hitler sẽ thúc giục Hungary và Ba Lan chiếm đóng phần lãnh thổ còn lại của Slovakia. Jozef Tiso cũng tuân phục Hitler và trở nên một cộng tác viên trung thành cho chế độ Quốc Xã. Từ năm 1939 đến năm 1945, Tiso là tổng thống bù nhìn Slovakia chư hầu của Đức. Đảng Nhân Dân Slovak do y lãnh đạo liên kết chặt chẽ với đảng Quốc Xã Đức và chia sẻ quan điểm diệt Do Thái. Khi hồng quân Liên Xô tiến vào chiếm Slovakia tháng Tư năm 1945, Tiso bị bắt và bị kết án phản quốc. Jozef Tiso bị treo cổ ngày 18 tháng Tư năm 1947. Chính phủ Tiệp Khắc chôn y tại một nơi bí mật.

Chính phủ Tiệp Khắc nhu nhược không quyết tâm bảo vệ đất nước. Phân hóa và thiển cận trong thành phần lãnh đạo của hai sắc dân Slovak và Czecho trong chính phủ Tiệp đã làm thượng tầng kiến trúc lãnh đạo sụp đổ nhanh chóng.

Tiệp Khắc trong giai đoạn năm 1938-1939 đứng trước những khó khăn và áp lực quá lớn không những từ quốc tế mà ngay cả tại trong nội bộ Tiệp, nhưng thay vì đoàn kết để đương đầu với ngoại xâm, các sắc dân Tiệp phân hóa, chia rẽ và tiếp tay làm yếu khả năng đối đầu với Đức.

Xét về tương quan quân sự. Theo tổng kết của Giáo sư Sử học Carroll Quigley, đại học Georgetown dựa theo các tài liệu thuộc văn khố quân sự Mỹ sau Thế chiến thứ hai, trong giai đoạn đầu thù địch Đức Tiệp bùng nổ, Đức có 36

sư đoàn nhưng không được trang bị đầy đủ trong lúc Tiệp Khắc có 35 sư đoàn thiện chiến và được trang bị một trăm phần trăm hỏa lực. Vào tuần lễ thứ ba của tháng Chín năm 1939, quân đội Tiệp Khắc có một triệu quân với 34 sư đoàn tinh nhuệ trong lúc toàn bộ quân Đức để phối trí tại hành lang châu Âu chỉ có từ khoảng 31 đến 36 sư đoàn. Về không quân, vào tháng Chín năm 1938, Đức trội hơn Tiệp Khắc chút ít. Đức có 1500 máy bay trong lúc Tiệp có gần 1000 chiếc nhưng nếu tính cả Anh, Pháp số lượng phi cơ của ba nước cộng lại vượt xa Đức. Liên Xô ủng hộ Tiệp nên cũng gởi 36 phi cơ chiến đấu đến Tiệp qua ngã Rumania. Về chiến xa, tăng của Đức còn yếu hơn tăng của Tiệp Khắc. Ngoại trừ loại tăng thuộc thế hệ Mark III có trang bị pháo 37 li, phần lớn tăng thế hệ Mark II của Đức chỉ trang bị đại liên. Tiệp Khắc có mấy trăm tăng hạng nặng 38 tấn trang bị pháo 75 li hiện đại nhất thời đó.

Nếu đánh nhau với Đức trong một cuộc chiến tranh quy ước, chưa chắc Tiệp thua. Mà dù có thua, Tiệp Khắc cũng kéo dài cuộc chiến được một hai năm đủ thời gian cho quốc tế can thiệp hay tìm cách lôi kéo các nước châu Âu vào ván cờ sinh tử. Khi tràn ngập Tiệp Khắc vào tháng Ba năm 1939, Đức tịch thu của Tiệp 469 xe tăng, 1500 phi cơ chiến đấu đủ loại, 43 ngàn súng máy và nhiều triệu súng trường. Số lượng vũ khí đó Đức phải tốn hàng năm mới sản xuất được.

Tiệp Khắc, một quốc gia có điều kiện kỹ thuật tiên tiến nhất châu Âu và từng là một phần của đế quốc Áo Hung hùng mạnh đã bị Hitler xóa tên khỏi bản đồ thế giới không tốn một viên đạn. Với một quân lực cả triệu người và phương tiện đầy đủ nhưng chỉ vì sự yếu hèn của cấp lãnh đạo, Tiệp Khắc trở thành đĩa thịt bò tươi trong bữa cơm chiều của nhiều khách lạ.

Sau khi Tiệp bị Hitler cưỡng chiếm, hàng ngàn người dân Tiệp yêu nước phải tự phát rút vào chiến tranh du kích chỉ bằng vài tạc đạn và vài khẩu súng ngắn. Nguồn tiếp tế quá xa và kho súng đạn khổng lồ bị tịch thu, họ phải chiến đấu trong điều kiện hết sức khó khăn. Hàng trăm ngàn người Tiệp đã chết dưới bàn tay sắt của tử thần SS Reinhard Heydrich. Tướng SS Reinhard Heydrich, cai trị Bohemia và Moravia (vùng đất Tiệp sau khi sáp nhập vào Đức) được các sử gia đánh giá là tên tướng độc ác nhất trong hàng tướng lãnh công an mật vụ SS Đức. Y là một trong những kiến trúc sư của kế hoạch tiêu diệt dân Do Thái Holocaust. Hitler ca ngợi Heydrich là "con người có trái tim bằng sắt". Y bị kháng chiến quân Tiệp ám sát tại Prague vào cuối tháng Năm năm 1942. Đức trả thù tàn bạo. Hai làng Lidice và Lezaky, tình nghi che giấu kháng chiến quân, bị đốt thành tro, tất cả đàn ông đều bị bắn chết, chỉ còn một ít phụ nữ và trẻ em bị đày vào các trại tập trung.

Sự chịu đựng của nhân dân Tiệp đã để lại nhiều bài học cho Việt Nam khi đương đầu với chủ nghĩa bành trướng Trung Cộng.

Tương tự như Đức Quốc Xã đối với Tiệp Khắc, Trung Cộng chủ trương bành trướng xuống vùng Đông Á

Như trình bày trong bài "Hiểm họa Trung Cộng và bài học Thổ Nhĩ Kỳ", vì các lý do an ninh, chính trị, kinh tế, Trung Cộng phải tìm mọi cách khống chế biển Đông. Hai nỗi lo lớn của giới lãnh đạo Trung Cộng là sợ bị bao vây từ bên ngoài và diễn biến hòa bình bên trong nội bộ Trung Cộng. Nhìn quanh, họ chỉ thấy kẻ thù. Thật vậy, hầu hết các quốc gia dân chủ trong vùng từ Ấn Độ đến Nhật Bản, Đài Loan, Nam Hàn, Thái Lan, tuy mức độ khác nhau nhưng đều là các quốc gia đang có những mâu thuẫn căn

bản với Trung Cộng, không những về quyền lợi kinh tế mà cả chế độ chính trị. Sự lệ thuộc về chính trị của Việt Nam vào Trung Cộng không chỉ giúp giữ an toàn phòng tuyến phía nam mà còn tránh sự sụp đổ dây chuyền trong trường hợp cách mạng dân chủ tại Việt Nam diễn ra trước. Tuy nhiên, khác với Đức Quốc Xã, Trung Cộng không dám tung một cuộc tấn công toàn lực như Hitler chuẩn bị cho Tiệp mà chủ trương gậm nhấm từng phần đất, từng ngọn núi và từng hải lý của Việt Nam.

Nắm được yếu điểm của CSVN, trong lúc tiếp tục phát triển kinh tế, mở rộng ngoại giao với hầu hết các quốc gia từ năm 1978, Đặng Tiểu Bình vẫn tiếp tục phát động chiến tranh xoi mòn biên giới Việt Nam như trận Cao Bằng năm 1980, Lạng Sơn và Hà Tuyên năm 1981, Vị Xuyên Hà Tuyên năm 1984, Lão Sơn Hà Giang năm 1984, Vị Xuyên lần nữa vào năm 1985 và năm 1986. Trên mặt biển Trung Cộng tiếp tục xâm phạm chủ quyền Việt Nam, bắn thủng ghe tàu, thành lập thành phố Tam Sa, đưa hàng ngàn tàu đánh cá ra khơi, tàn sát ngư dân Việt Nam.

Lãnh đạo Trung Cộng biết những hành động lấn ép đó không đủ mạnh, đủ lớn để làm quốc tế lưu tâm. Không một Hội Đồng An Ninh Liên Hiệp Quốc nào rảnh rỗi để bàn chuyện vài chiếc ghe đánh cá của ngư dân Việt Nam bị "tàu lạ" húc ngoài Quảng Ngãi hay đặt vấn đề tại sao các tàu đánh cá Trung Cộng cứ tiếp tục thả lưới trong vùng biển Việt Nam. Những sự kiện ghe tàu đó đối với các cường quốc là chuyện vặt nhưng với một nước nhỏ như Việt Nam nơi có nhiều triệu dân gắn liền với ngư nghiệp lại là chuyện lớn. Đặc tính hèn hạ, nhỏ mọn đó của Trung Cộng là sản phẩm của chế độ độc tài CS và đừng ai hy vọng gì các đặc tính đó thay đổi một khi chế độ sinh ra chúng còn tồn tại.

Đàm phán với Trung Cộng ư? Đàm phán đa phương quốc tế Trung Cộng không tham dự nhưng đàm phán song phương là rơi vào chiếc bẫy của Trung Cộng. Nếu ai theo dõi chuyện Trung Cộng và Liên Xô tranh cãi nhau về chủ quyền của các đảo Trân Bảo, Ẩn Long và Hắc Hạt Tử trong khu vực sông Ussuri sẽ thấy. Các phiên họp tranh cãi chủ quyền kéo dài tới 20 năm, từ thập niên 1970 cho đến 1990 nhưng không đem lại kết quả nào. Mỗi lần có một cuộc họp giữa hai nước, phái đoàn Trung Cộng chở theo một toa xe lửa chứa đầy tài liệu và đồ vật để chứng minh chủ quyền Trung Cộng trên các đảo này. Trung Cộng biết dù chở cả xe bằng chứng cũng chưa hẳn thuyết phục được Liên Xô nhưng chỉ muốn kéo dài thời gian đàm phán để chờ đợi thời cơ.

Tương tự như Hitler, lãnh đạo Trung Cộng lợi dụng chính sách ngoại giao mềm của Mỹ

Trong bài viết Tranh chấp Mỹ – Trung, một cảnh giác cho lòng yêu nước tôi có dịp trình bày chính sách Mỹ hiện nay là sự bước tiếp nối của chính sách ngăn chận thời Chiến tranh lạnh trong điều kiện toàn cầu hóa. Nhiều người Việt lầm lẫn nghĩ rằng hàng không mẫu hạm George Washington hùng mạnh thả neo ngoài khơi Đà Nẵng là để bảo vệ Việt Nam. Thật ra, cả Trung Cộng và Mỹ đều biết dù áp dụng chính sách nào hay dù có thái độ nào, xung đột võ trang giữa hai cường quốc lớn nhất thế giới có phụ thuộc quá sâu, quá phức tạp về kinh tế không thể xảy ra trong một giai đoạn ngắn tới đây.

Về phía Trung Cộng, không giống Đức Quốc Xã cần chiến tranh để phục hồi và phát triển, Trung Cộng phải đương đầu với hàng loạt khó khăn trên trong cũng như bên ngoài, việc phát động một cuộc chiến tranh quy mô ở Á châu và Thái Bình Dương như Hitler đã làm với Tiệp Khắc là một điều giới lãnh đạo Trung Cộng không dám

thực hiện. Hơn ai hết, giới lãnh đạo Trung Cộng biết họ phải cần nhiều chục năm kỹ thuật và một ngân sách hải quân khổng lồ mới mong đuổi kịp Mỹ. Ngoài ra, chủ nghĩa Cộng Sản đã chết, Trung Cộng hiện đang sống nhờ vào chủ nghĩa dân tộc cực đoan và Thế chiến thứ nhất 1914-1918 dẫn đến tự sụp đổ của Đế Quốc Đức, Đế Quốc Áo Hung, Đế Quốc Ottoman đã dạy họ một bài học: Các đế quốc gây chiến trên nền tảng của chủ nghĩa dân tộc cực đoan chẳng những không thắng mà đều tan rã từ bên trong.

Về phía Mỹ, ngoài các lý do kinh tế, riêng trong lãnh vực quân sự cũng không phải dễ dàng. Chính phủ Mỹ trong lúc muốn duy trì ảnh hưởng trong vùng, cũng không muốn bị cuốn vào các xung đột mang màu sắc chủ nghĩa dân tộc đối đầu với chủ nghĩa dân tộc như trường hợp Trung Cộng và Việt Nam. Tháng Giêng 2011, Tổng thống Barack Obama trải thảm đỏ tiếp đón Chủ tịch Trung Cộng Hồ Cẩm Đào như quốc khách với 21 phát đại bác chào mừng. Trong buổi tiếp tân, TT Obama ca ngợi "sự hợp tác tốt đẹp giữa hai nước". Khi trả lời buổi phỏng vấn dành cho tờ Wall Street Journal, Hồ Cẩm Đào công nhận sự quan trọng trong quan hệ tốt giữa Trung Cộng và Hòa Kỳ. Họ Hồ cũng nhấn mạnh đến việc hai quốc gia phải "hành động phù hợp với quyền lợi căn bản của nhân dân hai nước, và tôn trọng quyền lợi chung của hòa bình và phát triển thế giới".

Dân biểu Ileana Ros-Lehtinen, thuộc đảng Cộng Hòa, Chủ tịch Ủy ban Ngoại Giao Hạ Viện trong một văn bản công bố cho báo chí sau đó, đã nghiêm khắc phê bình Trung Cộng không xứng đáng là một cường quốc vì nhiều lý do và một trong những lý do, Trung Cộng ngang nhiên xem Biển Đông như là "quyền lợi chính" và xem thường quyền hàng hải và lãnh thổ của các quốc gia vùng Đông

Nam Á. Các lãnh đạo Cộng Hòa cũng tố cáo TT Obama đang thực thi chính sách "Nhân nhượng" của Nevill Chamberlain để đối phó với Trung Cộng. Dĩ nhiên, TT Barack Obama phủ nhận những lời kết án này.

Tương tự như Đức Quốc Xã đối với Tiệp Khắc, Trung Cộng nắm chắc các thành phần lãnh đạo CSVN cam thân làm nô bộc cho ngoại bang và không quyết tâm bảo vệ chủ quyền đất nước.

Trung Cộng biết rất rõ tham vọng cố bám vào chiếc ghế quyền lực của giới lãnh đạo CSVN. Chủ trương "hợp tác hỗ tương bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các quốc gia" của lãnh đạo CSVN chỉ là một khẩu hiệu tuyên truyền che đậy sự sợ hãi trước đàn anh Trung Cộng. Ngay cả các cường quốc Anh, Nhật, Pháp cũng không chủ trương như vậy đừng nói chi là những nước mang số phận sân sau như Việt Nam. Các nước nhỏ như Phần Lan, Thổ Nhĩ Kỳ, Thụy Điển, Đài Loan, Nam Hàn vượt qua được những nhược điểm khách quan và chủ quan của đất nước họ bởi vì họ biết cách vận dụng chính sách đối ngoại của các cường quốc để phục vụ cho sự phát triển của đất nước. Không chỉ Thổ Nhỉ Kỳ cần Anh Quốc mà Anh Quốc cũng cần Thổ Nhĩ Kỳ và tương tự không chỉ Đài Loan cần Mỹ nhưng Mỹ cũng cần Đài Loan.

Quan hệ Trung Cộng và CSVN không giống như quan hệ giữa Mỹ và Philippine hay Mỹ và Nam Hàn. Giới lãnh đạo CSVN không có vị trí độc lập về chính sách đối ngoại. Mọi chính sách trước khi đưa ra đều phải đo lường phản ứng từ phía Trung Cộng. Trung Cộng và CS Việt Nam chia sẻ nhau một lịch sử lâu dài từ ngày đảng Cộng sản hai nước được thành lập. Hai đảng gắn bó về cả vật chất lẫn tinh thần. Câu nói của Mao "Nhiệm vụ trung tâm và hình thức cao nhất của cách mạng là nắm lấy quyền lực thông qua đấu tranh võ trang và giải quyết vấn đề bằng chiến

tranh" là tư tưởng chỉ đạo của đảng CSVN trong khi vạch định đường lối suốt hai cuộc chiến. Năm 1950, Trung Cộng là nước đầu tiên công nhận Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Cả hai nước đã thừa nhận sự đóng góp của và người của Trung Cộng vào mục đích thiết lập chế độ Cộng sản tại Việt Nam. Nợ máu xương chồng chất. Tuy không dính dáng gì đến dân tộc Việt Nam nhưng nhân dân Việt Nam đã và đang phải trả bằng máu của bao nhiêu thế hệ từ trước năm 1975 cho đến nay và chưa biết ngày nào mới trả hết.

Bài học từ chủ nghĩa dân tộc cực đoan

Bài học lớn nhất mà nhân loại học được từ Thế chiến thứ hai là sự thụ động, tiêu cực của con người trước hiểm họa của chủ nghĩa dân tộc cực đoan.

Những kẻ chịu trách nhiệm cho cái chết của 70 triệu người không chỉ là Adolf Hitler, Benito Mussolini và Kideki Tojo nhưng còn là Thủ tướng Anh Neville Chamberlain và Tổng thống Pháp Édouard Daladier. Chính người dân Đức đã bỏ phiếu cho Hitler và người dân Anh đã nhảy nhót vui mừng khi lãnh thổ Tiệp rơi vào tay của Đức. Trong một thời gian ngắn trước Thế chiến thứ hai, không chỉ Đức thôi mà cả nước yếu kém hơn Tiệp như Ba Lan, Hungary cũng dự phần vào bữa tiệc nấu bằng thịt xương Tiệp Khắc. Thế chiến thứ hai có thể đã không xảy ra hay xảy ra với mức độ tác hại thấp hơn nếu số lớn nhân loại ngày đó không thỏa hiệp, không đồng lõa với cái ác.

Từ đó để thấy, việc ngăn chận chủ nghĩa dân tộc cực đoan Trung Cộng ngày nay phải là trách nhiệm hàng đầu của nhân loại yêu chuộng hòa bình và công lý bởi vì lịch sử chứng minh chủ nghĩa dân tộc cực đoan dẫn đến chiến tranh ngay cả trong trường hợp các kẻ chủ trương cực

đoan không muốn. Chưa từng có một trường hợp nào ngược lại. Giới lãnh đạo Trung Cộng là những người nhúm lên ngọn lửa dân tộc cực đoan nhưng lửa cháy mạnh hay yếu tùy thuộc vào nhiều yếu tố có khi không nằm trong vòng kiểm soát của họ.

Các chủ trương đồng hóa và diệt chủng các dân tộc yếu thế là phó sản của chủ nghĩa dân tộc cực đoan. Từ giai đoạn sau cách mạng Pháp 1789 đến Thế chiến thứ nhất rồi Thế chiến thứ hai cho tới các cuộc chiến đẫm máu vùng Balkans giữa các nước thuộc liên bang Nam Tư cũ, máu nhân loại đã đổ liên tục vì chủ nghĩa dân tộc cực đoan. Sau cực tả là cực hữu, bản đồ thế giới chưa bao giờ thay đổi nhanh chóng như trong vòng một phần tư thế kỷ vừa qua.

Các nhà phân tích thường dựa vào hậu quả hơn là tìm hiểu nguyên nhân nên không lấy làm lạ ít người so sánh Hitler với Đặng Tiểu Bình. Đa số vẫn đánh giá họ Đặng như một nhà lành đạo CS tiến bộ, mở cửa hiện đại hóa, làm dịu căng thẳng giữa hai khối. Tuy nhiên, quan điểm của Hitler và Đặng Tiểu Bình có nhiều điểm giống nhau hơn cả giữa Hitler và Stalin, Hitler và Mussolini hay Hilter và Mao bởi vì cả hai đã dùng chủ nghĩa dân tộc như một phương tiện để kích thích "niềm kiêu hãnh quốc gia", vẽ lên trong nhận thức con người về "một loại đất nước huy hoàng tưởng tượng", làm gia tăng nhất thời sức mạnh kinh tế và tạo áp lực thường xuyên trên các nước yếu hơn trong vùng.

Nhân loại nguyền rủa Hitler, kết án Mao và phỉ nhổ Stalin, tuy nhiên, nếu chiến tranh bùng nổ tại Á Châu, với dân số 1.3 tỉ người mà bầu nhiệt huyết được đun sôi bằng ngọn lửa hận thù, hậu quả của chủ nghĩa dân tộc cực đoan Trung Cộng do Đặng Tiểu Bình nhóm lên từ năm 1978 sẽ

khủng khiếp đến dường nào. Giữa Hitler và Đặng Tiểu Bình ai tàn ác hơn ai, chưa biết được.

Có hy vọng nào cho dân tộc Việt Nam?

Nhìn lại Việt Nam, chưa bao giờ dân tộc lại phải chịu đựng sự phân hóa, chia rẽ trầm trọng như hôm nay. Một người Việt quan tâm đến tiền đồ dân tộc nào cũng đau lòng nhận ra điều đó. Tuy nhiên, dù có thể còn khác nhau trong cách trả lời, chúng ta không thể không đồng ý rằng, để cứu đất nước, trước hết phải tháo gỡ chiếc gông độc tài chuyên chính ra khỏi cổ người dân và trả lại cho họ những quyền bẩm sinh mà ai cũng có, đó là quyền làm người, quyền quyết định sinh mệnh của chính mình và của dân tộc mình. Bởi vì, chỉ có một Việt Nam đoàn kết dưới ngọn cờ dân chủ, tự chủ, cường thịnh mới mong thắng được chủ nghĩa bá quyền Trung Cộng.

Tham khảo:

David Faber, *Munich, 1938 Appeasement and World War II*, Simon & Schuster, New York 2009

William L. Shirer, *The Rise and Fall of the Third Reich*, 1995

Mark Mazower, *Hitler 's Empire, How The Nazis Ruled Europe*, The Penguin Press, New York 2008

Carl K. Savich, *Nationalism and War*, MarkNews. com, 2008

Richard J. Evan, *The Third Reich in power*, The Penguin Press, New York 2005

History of Germany, Wikipedia, the free encyclopedia

Interview with Dr. Carroll Quigley, Georgetown University, The Courier, December 12, 1952

Hitler's Plan for Eastern Europe, Selections from Janusz Gumkowkski and Kazimierz Leszczynski

World War II database, Munich Conference and the Annexation of Sudetenland

Yang Kuisong, *Changes in Mao Zedong's Attitude toward the Indochina War,* 1949-1973, Woodrow Wilson International Center for Scholars, 2002

HIỂM HỌA TRUNG CỘNG VÀ BÀI HỌC CONGO

Những tuổi thơ trong mỏ quặng

Em Adon Kalenga làm việc cho một hãng thu mua quặng. Công việc của em mỗi ngày là vác những bao quặng nặng gần 100 kí lô từ những hầm sâu, ẩm thấp đi rửa sạch và vác trở về cho chủ hãng thầu. Như em tả, cả thân thể em đều cảm thấy đau nhức và cả mười ngón tay trầy trụa sau một ngày dài rửa quặng. Em Adon Kalenga chỉ mới 13 tuổi. Trong lúc hầu hết thiếu niên cùng tuổi em trên thế giới đang đến trường thì em phải làm việc không ngưng nghỉ suốt bảy ngày mỗi tuần. Em không đủ tiền để đóng học phí, trung bình khoảng 6 Dollar một tháng. Em không có nhà ở. Đêm về, em ngủ nhiều nơi trên đường phố và cũng có khi tìm đến tạm trú trong các trại mồ côi. Cha của Adon chết khi em mới 9 tuổi. Mẹ em sau đó cũng bỏ nhà ra đi. Bà con thân thích không ai nhận nuôi dưỡng em khi chính họ còn không đủ sức nuôi con của họ. Em trở thành đứa bé mồ côi. Sau khi lang thang bụi đời một thời gian, các bạn của em gợi ý nên đi đào quặng bán lại cho các công ty thu mua Trung Cộng. Thế là em cùng các bạn đi đào quặng để kiếm sống.

Trong năm đầu tiên em có lần suýt chết khi trời mưa lớn làm đất sụp thành bùn đè lên những người đang làm dưới hầm sâu. Bốn người bạn của em, Fabrice, Jean, Patient and Patrick đều bị bùn chôn sống trong tai nạn đó. Em may mắn sống sót nhưng thương tích đầy mình. Adon nói "Cuộc sống của em rất khó khăn. Em không hiểu tại sao".

Một người bạn của Adon tên là Carlito Muamba, cũng chỉ mới 15 tuổi nhưng mỗi ngày phải chui vào những hố sâu trong lòng đất để đào bằng tay và chiếc sẻng nhỏ. Phía trên hầm không có gì che, mỗi khi đào, đất và bụi rớt xuống phủ kín chiếc đầu không tóc của em. Áo quần em biến thành màu đỏ nhưng em vẫn tiếp tục đào. Mồ hôi trộn lẫn vào bụi đỏ. Không có thang để trèo. Mỗi khi muốn vào hay ra khỏi hầm, em phải bò bằng chân tay. Và đến cuối ngày em cũng được chủ thầu phát một số tiền tương đương với 3 Dollar. Khi được hỏi lý do em làm việc cực nhọc, Carlito trả lời "em cần tiền để mua thức ăn". Rất đông các bạn cùng tuổi em đi đào quặng.

Mặc dù trên giấy tờ Congo có ký vào hiệp ước quốc tế nghiêm cấm lao động trẻ em vị thành niên, trong thực tế chẳng bao giờ được áp dụng. Ở châu Phi giá trị của mạng sống con người rất rẻ. Nhiều chuyện còn quan trọng hơn như việc hàng trăm người trong đó có bốn trẻ em bạn của Adon, bị đất sụp chôn sống cũng chẳng được ai quan tâm nói chi là chuyện trẻ em đi làm. Bà Wangari Maathai, người phụ nữ Phi châu đầu tiên được trao giảo Nobel Hòa bình năm 2004, quy trách nhiệm không chỉ lên chính phủ Congo mà cả các công ty đầu tư cũng đã vi phạm luật lạm dụng lao động trẻ em: "Tại những quốc gia, nơi nhân quyền không được tôn trọng và người dân không thể buộc chính phủ để chịu trách nhiệm thì chính phủ của các công ty đầu tư phải đề ra những điều kiện lao động". Chính phủ mà bà muốn nói là Trung Cộng và các công ty

thu mua quặng cũng là các công ty Trung Cộng tại Congo, nhưng phía chính phủ Trung Cộng bao giờ họ cũng trả lời "đó là vấn đề của Congo, không liên quan gì đến công ty hay chính phủ Trung Quốc".

Adon và Carlito là hai trong số 67 ngàn người Congo đang sống bằng nghề đào quặng tại tỉnh Katanga, phía nam Congo, và câu chuyện cảm động về hai em Adon Carlito do một nhóm phóng viên của hãng Bloomberg thực hiện.

Cuối tháng Tám 2008 trên báo *Daily Mail ở* Anh, nhà báo Peter Hitchens trong phóng sự *Làm thế nào Trung Cộng dựng nên một đế quốc nô lệ mới tại Phi Châu* (How China has created a new slave empire in Africa), mô tả đời sống của những người dân Congo mà tác giả gọi là "nghèo khổ, vô vọng, giận dữ" khi phải chui vào những hố sâu 25 mét trong những mỏ quặng bỏ hoang để tìm những mảnh quặng đồng còn sót lại, rửa sạch từ những vũng nước dơ và chất thành những kiện nặng tới hàng trăm kí-lô trên những chiếc xe đạp già nua để đem bán cho các thương gia Trung Cộng đang cần nguyên liệu. Nhiều trong số họ đã chết khi những hầm đất sụp hay bị thương nhưng không có thuốc men. Phần lớn đều có con nhỏ. Nhưng nếu họ may mắn sống sót và sau một ngày thu nhặt quặng thành công, họ kiếm được 3 Dollar để nuôi sống bản thân và gia đình trong những thôn xóm tồi tàn đầy bịnh tật. Và cũng theo phóng sự của Peter Hitchens, đời sống một người dân Congo hôm nay không khác gì của ông bà họ ở thế kỷ 18, nếu có khác chăng họ phải làm việc nhiều lần khổ hơn trong một điều kiện cũng tệ hại hơn nhiều.

Dù sao, công việc đào quặng đó cũng chỉ là một phần của các công ty thu mua tư doanh Trung Cộng, thỏa hiệp kinh tế được ký kết giữa chính phủ Congo và Trung Cộng

đầu năm 2008 lớn hơn nhiều. Hiệp ước kinh tế trị giá hàng chục tỉ Dollar, có ảnh hưởng gần như hầu hết các mặt trong đời sống xã hội tại Congo không phải chỉ trong vòng 10 năm tới mà trong một thời gian rất dài và cũng không chỉ ảnh hưởng về mặt kinh tế mà cả xã hội, văn hóa, truyền thống.

Để cảm thông với số phận Congo, có lẽ nên đi ngược dòng lịch sử tìm hiểu thêm về vùng đất giàu tài nguyên nhất nhưng là một đất nước chịu đựng nhiều thiệt thòi và bất hạnh nhất trên lục địa Phi châu.

Tội ác diệt chủng bị lãng quên

Cộng hòa Dân chủ Congo (Democratic Republic of the Congo, thời Mobutu được gọi là Zaire, thường dễ bị lầm lẫn với Cộng hòa Congo hay Congo-Brazzaville) là một quốc gia vùng trung Phi, có diện tích 2.3 triệu kilô mét vuông và dân số 64 triệu theo thống kê 2008, thủ đô là Kinshasa. Congo có nhiều nguồn tài nguyên phong phú như đồng, vàng, kim cương, cao su, cobalt nhưng lợi tức đầu người hàng năm chỉ có 140 Dollar. Congo tập hợp của khoảng 200 sắc dân. Về căn bản, Congo vẫn là một quốc gia nông nghiệp nhưng từ 1985 việc đô thị hóa ngày càng gia tăng. Về mặt chính trị, chính phủ Congo hiện nay chi phối bởi hiến pháp 2006. Để đạt được một xã hội tạm yên như hiện nay, nhân dân Congo cũng đã phải trả một giá bằng máu của nhiều triệu dân Congo.

Không giống chế độ thực dân tại các nước khác được mở đầu bằng võ trang xâm lược, chế độ thực dân Bỉ có mặt tại Congo được diễn ra dưới hình thức mua bán, trao đổi giữa Henry M. Stanley, đặc sứ của vua Bỉ Leopold đệ nhị và các lãnh đạo Congo địa phương sống dọc sông Congo. Cuối năm 1884, Stanley ký 450 hiệp ước thay mặt cho vua Leopold. Kết quả, Congo trở thành một nước có

tên gọi mỉa mai "Nước Congo Tự do" dưới quyền sở hữu cá nhân của vua Leopold với thủ đô đặt tại Boma, một quận nằm bên bờ sông Congo.

Dưới sự bóc lột sức lao động tàn nhẫn để phục vụ cho túi tham không đáy của vua Bỉ Leopold đệ nhị, người dân Congo trải qua gần một thế kỷ trong địa ngục trần gian. Nhân loại nhắc nhiều về Holocaust, diệt chủng Armenian nhưng so với tội ác của Bỉ tại Congo, số người Do Thái bị Hitler giết hay Armenian bị Thổ Nhĩ Kỳ tiêu diệt còn thấp hơn nhiều. Khoảng một nửa dân số Congo thời bấy giờ, 10 đến 15 triệu dân, bị quân đội và tay sai dưới quyền của vua Leopold tàn sát. Mặc dù chưa bao giờ đặt chân đến Congo, đất nước là phần tài sản của ông ta. Vua Leopold đệ nhị thành lập một hệ thống lao động khổ sai trong đó con người đơn giản chỉ là một dụng cụ sản xuất. Những năm giá cao su lên cao, Leopold chỉ thị cho phu đồn điền phải tăng giờ làm việc. Những ai không làm việc được bị hành hạ bằng nhiều cách như đánh roi, tra tấn và giết chết. Nhiều cuộc nổi dậy của dân chúng bị quân đội riêng của vua Leopold được gọi là Lực lượng Công cộng (Force Publicque) tàn sát không thương tiếc. Quân lính trong Lực lượng Công cộng có thông lệ mỗi khi giết một kẻ chống đối, họ chặt một cánh tay mang về trình lên cấp chỉ huy để làm chứng cho số lượng đạn dược đã dùng. Nhiều lính của Leopold thích đi săn khỉ, để giải thích cho số đạn bắn ra, chúng chặt tay thường dân để đem về trình thượng cấp. Viêc chặt tay không chỉ bị xảy ra cho người lớn mà cả trẻ em vô tội. Hình phạt chặt tay này còn tồn tại đến hôm nay tai Sierra Leone là vết tích của chế độ thực dân mà vua Bỉ Leopold đã để lại tại châu Phi. Mặc dù được các nước thực dân châu Âu cố tình che đậy và dìm vào quên lãng, tội ác diệt chủng của vua Leopold đã được ghi lại trong một số tác phẩm, tiểu thuyết, hồi ký và sử

học, trong đó có sử liệu *Tội ác tại Congo* (The crime of the Congo) của Arthur Conan Doyle xuất bản tại London ngay trong năm Leopold chết, 1909, và *Bóng ma của vua Leopold* (King Leopold' Ghost) của sử gia Adam Hochschild được xuất bản năm 1999.

Congo độc lập trong nhiễu nhương, phân hóa (1960 – 1965)

Trước áp lực dư luận quốc tế và cả quốc hội Bỉ, sau 1908, Congo bị sáp nhập vào Bỉ lần nữa. Quốc gia gọi là "Nước Congo Tự do" do Leopold lập ra dần dần bị giải tán nhưng điều kiện sống của người dân Congo không phải nhờ đó mà tốt đẹp hơn. Dân Congo vẫn một nước thuộc địa, không có một chút quyền hành gì trong bộ máy hành chính từ cấp trung ương đến địa phương. Đến 1955, ngọn lửa đòi độc lập được nhen nhúm từ các nhà ái quốc Phi châu lan rộng đến nhiều nước. Tại Congo nổi bật nhất là Patrice Emery Lumumba. Sau lời hứa trao trả độc lập dành cho các quốc gia thuộc địa Pháp của Tổng thống Pháp Charles de Gaulle nhân chuyến viếng thăm Trung Congo (nay thuộc Congo) đã kích thích việc đòi hỏi tự do của quốc gia trong lục địa Phi châu. Cuối cùng, Bỉ quyết định trao trả độc lập cho Congo vào ngày 30 tháng 6 1960. Patrice Emery Lumumba, 35 tuổi, trở thành Thủ tướng đầu tiên. Chính sách ngu dân và cô lập Congo với thế giới bên ngoài của vua Leopold và thực dân Bỉ để lại một hậu quả vô cùng trầm trọng về mọi mặt trong đời sống xã hội Congo sau khi được trao trả độc lập. Bản thân Thủ tướng Lumumba cũng chỉ học được bốn năm tiểu học và một năm huấn luyện làm nhân viên bưu chính. Dù ít học, Lumumba là một người rất thông minh, có lòng yêu nước sâu sắc, có tài ăn nói và giàu năng lực làm việc. Năm 1958, Lumumba và một nhóm thanh niên có học thành lập Phong trào Quốc gia Congo (Movement Natioal

Cogolais, MNC) và là tổ chức chính trị có nhiều ảnh hưởng trong quần chúng nhất lại Congo lúc bấy giờ. Giành được độc lập là một chuyện nhưng điều hành đất nước lại là chuyện khác. Vào 1960, cả nước Congo chỉ có 30 thanh niên là tốt nghiệp đại học và 136 học sinh hoàn tất chương trình trung học. Congo không có ngay cả một bác sĩ, không có thầy hay cô giáo và sĩ quan quân đội. Cấp cao nhất trong quân đội mà một người Congo được thăng là thượng sĩ và người đó không ai khác hơn là Joseph Mobutu, nhà độc tài sắp xuất hiện trong lịch sử Congo.

Để thay thế quân đội Bỉ, Lumumba phong Mobutu lên chức tham mưu trưởng của quân đội Congo. Trước một đất nước có chủ quyền mà coi như vô chủ với hơn 50 phe nhóm chính trị được hình thành trong giai đoạn chuyển tiếp, Thủ tướng Lumumba vốn không có thiện cảm với các đế quốc thực dân, kể cả Mỹ, đã trở nên cực đoan trong cách giải quyết những xung đột nội bộ Congo. Ông kêu gọi Liên Hiệp Quốc giúp ổn định trật tự tại Congo. Sau khi quân đội Liên Hiệp Quốc đổ bộ xuống Congo, Lumumba còn đi xa hơn khi đòi trục xuất toàn bộ quân đội Bỉ chưa rút hết khỏi Congo, nếu không ông ta sẽ cầu cứu Liên-Xô. Trong thời kỳ chiến tranh lạnh đang ở cao điểm, việc Lumumba cầu cứu Liên-Xô là một thách thức lớn đối với Mỹ. Sự có mặt của Liên-Xô ngay trong trái tim của Phi châu đối với Mỹ là một sự kiện không thể chấp nhận được. Tổng thống Eisenhower không muốn thấy một Cuba tại Phi châu nên đã quyết định loại trừ Lumumba bằng mọi cách, kể cả ám sát nếu cần. Mỹ mua chuộc được Joseph Mobutu, một phụ tá tin cẩn Lumumba và cũng là đương kim tổng tham mưu trưởng quân đội để thực hiện cuộc đảo chánh không đổ máu. Một trong những hành động đầu tiên của Mobutu là trục xuất các nhà ngoại giao Liên-Xô và các quốc gia thuộc khối cộng sản ra khỏi

Congo. Lumumba bị bắt, bị tù và cuối cùng bị phe Katanga thù địch thân Bỉ giết chết lúc 10 sáng 17 tháng Giêng 1961.

Việc thiếu tin tưởng vào Tây phương và Mỹ đã dẫn Lumumba đến những quyết định sai lầm, không thực tế trong thời gian ngắn lãnh đạo Congo và bản thân Lumumba cũng chịu trách nhiệm một phần không nhỏ cho tình trạng xáo trộn của Congo, tuy nhiên, không thể phủ nhận tinh thần yêu nước, lập trường chống thực dân kiên quyết mà ông theo đuổi từ những ngày còn nhỏ. Sau khi Lumumba bị giết hàng trăm cuộc biểu tình chống Bỉ được phát động khắp thế giới. Patrice Emery Lumumba trở thành biểu tượng cho khát vọng độc lập của nhân dân Congo và nhiều chính đảng tại Congo hiện nay mang tên ông. Từ đó cho đến ngày 17 tháng 5 1997, Congo nằm trong tay của nhà độc tài tham nhũng Joseph Mobutu.

Mobutu Sese Seko Nkuku Ngbendu wa Za Banga (1965 – 1997)

Mobutu Sese Seko Nkuku Ngbendu wa Za Banga hay viết gọn là Mobutu Sese Seko, với tên trong khai sinh là Joseph Mobutu sinh ngày 14 tháng 10 1930 tại Lisala, một tỉnh Congo thuộc Bỉ. Cha mất sớm nhưng Mobutu đã xoay xở để theo học trong các trường đạo cho đến khi bị trục xuất vì lý do hạnh kiểm. Mobutu đăng lính. Với trình độ học vấn sẵn có và nói thạo tiếng Pháp, trong quân đội Mobutu được huấn luyện nghề thư ký kế toán tại tổng hành dinh của Lực lượng Công cộng. Mobutu được phong tới chức thượng sĩ, chức vụ cao nhất mà một người lính Congo được phong. Sau khi trở về đời sống dân sự Mobutu đi làm báo. Với tính thông minh, lanh lợi, Mobutu quen biết nhiều người, nhiều phe nhóm trong đó có cả nhà cách mạng chống thực dân Patric Emery Lumumba lẫn các nhân viên tình báo CIA. Mặc dù chưa bao giờ trực

tiếp tham gia chống thực dân hay các phong trào cách mạng giành độc lập Mobutu vận dụng sự quen biết để tạo một vị trí chính trị lẫn quân sự vững chắc cho mình trong giai đoạn chuyển tiếp tranh tối tranh sáng tại Congo.

Sau khi chính thức nắm toàn quyền lãnh đạo Congo từ 1965, Mobutu lần lượt loại bỏ ra ngoài vòng pháp luật tất cả đảng phái, ngoại trừ Phong trào Nhân dân Cách mạng (Movement Populaire de la Revolution, MPR) do chính ông ta lập ra. Trong suốt 32 năm cai trị Congo, Mobutu dành dụm cho mình một tài sản được ước tính khoảng 5 tỉ Dollar trên sự nghèo đói cùng cực của đại đa số dân Congo. Con số 5 tỉ này tương đương với toàn bộ số nợ mà Congo phải vay mượn thế giới.

Những lời tung hô lãnh tụ đầy tính nịnh bợ, các khẩu hiệu tuyên truyền dối trá nhưng rất êm tai Mobutu nghe được trong những dịp viếng thăm các quốc gia cộng sản như Trung Cộng, Bắc Hàn, Rumania, hấp dẫn y đến nỗi khi về nước một trong việc làm đầu tiên của Mobutu không phải xây cầu, đắp đập mà là hình thành ngay một tư tưởng Mobutu. Mobutu ra lịnh thay đổi tên đường, tên phố, quốc kỳ, quốc ca, và tháng 10-1971 thay cả tên nước. Báo chí quốc doanh ca tụng Mobutu như một bậc tiên tri. Mobutu, người bị tố cáo giao nộp Lumumba cho phe Katanga giết để tránh tiếng sát nhân, phục hồi danh dự cho Lumumba. Y làm việc này không phải phát xuất từ sự kính phục lòng yêu nước của Lumumba, mà để giải tỏa dư luận, và đồng thời để tự phong mình là nhân vật số hai trong lịch sử Congo, sau Lumumba, có công giành độc lập.

Bạn thân nhất của Mobutu là nhà độc tài Nicholas Ceauşescu của Romania. Quan hệ của hai nhà độc tài không chỉ giới hạn ở cấp đảng, nhà nước mà cả cá tính thích sùng bái cá nhân cùng cực. Mobutu cũng thán phục chính cá tính độc lập của Nicholas Ceauşescu đối với

Liên-Xô. Sự thân thiết của giữa Mobutu và Nicholas Ceauşescu phổ biến đến mức trong các câu chuyện trào phúng tại Congo, Mobutu Sese Seko được gọi thành Mobutu Sesesescu. Tháng 11-1996, Laurent-Desire Kabila với sự yểm trợ của Burundi, Uganda, Rwanda, đã phát động chiến tranh được gọi là chiến tranh Congo thứ nhất nhằm lật đổ Mobutu. Mobutu đang bị bịnh ung thư tiền liệt tuyến vào giai đoạn cuối, không chống trả nổi, phải lưu đày sang Morocco và chết một thời gian ngắn sau đó.

Laurent-Desire Kabila (1997 – 2001)

Một trong những kẻ thù thuộc loại kỳ cựu của Mobutu là Laurent-Desire Kabila, một lãnh tụ cộng sản hoạt động từ thời Lumumba. Trong thời gian Lumumba làm Thủ tướng, Laurent-Desire Kabila là một lãnh tụ thanh niên có trình độ đại học của một đảng nhỏ liên minh với Phong trào Quốc gia Congo của Lumumba trong quốc hội. Khi Lumumba bị giết, Kabila trốn vào rừng và thành lập Đảng Nhân dân Cách mạng Congo. Với sự yểm trợ võ khí của Trung Cộng, Kabila dù chỉ mới 24 tuổi, tuyên bố thành lập chính phủ ly khai theo chế độ cộng sản tại tỉnh Nam Kivu, phía tây hồ Tanganyika.

Năm 1965, Kabila liên kết với một trong những người cộng sản nhiều huyền thoại nhất của Mỹ châu là Che Guevara. Che nhận xét, trong số những người ông ta gặp, Kabila là người có nhiều điều kiện để lãnh đạo quần chúng. Kabila có tương lai vì tuổi còn rất trẻ và từng theo học triết học tại đại học ở Pháp. Tuy nhiên, cách sống xa hoa, chìm đắm trong rượu chè và chỉ biết quanh quẩn với gái của lãnh tụ cộng sản Kabila đã làm Che thất vọng và cuối cùng bỏ đi vào cuối năm 1965. Nhà nước cộng sản nhỏ nhoi nầy bị Mobutu càn quét và tan vỡ. Báo chí và cả Mobutu đều nghĩ rằng Kabila đã chết, nhưng không, ba

mươi năm sau, Kabila lại xuất hiện và lần nầy lãnh đạo một liên minh quân sự của nhiều nước dưới danh nghĩa Liên minh Các Lực lượng Dân chủ Giải phóng Congo (Alliance des Forces Democratiques pour la Liberation du Congo-Zaire). Quân đội của liên minh đánh bại quân đội của Mobutu chỉ trong vòng vài tháng, và Kabila chiếm thủ đô Kinshasa ngày 20 tháng 5 năm 1997.

Sau khi đánh bại Mobutu, Kabila tự phong là chủ tịch nước đứng đầu một chính phủ cứu nguy dân tộc và đổi tên nước là Cộng hòa Dân chủ Congo như đang được gọi hiện nay. Cuộc đời 30 năm sống trong bí mật của Laurent-Desire Kabila cho đến nay cũng còn nhiều huyền bí vì khi còn sống Kabila thường đánh trống lảng khi được hỏi về quá khứ của mình. Tuy nhiên theo các phóng viên điều tra trong đó có ABC News, lãnh tụ cộng sản Kabila và phe phiến loạn của ông đã sống bằng việc giết voi để lấy ngà, đào mỏ, buôn vàng, kim cương qua ngã Burundi, một nước nhỏ trên biên giới phía đông của Congo và cả bắt cóc người để tống tiền, trong đó ít nhất một người là Mỹ. Nhân dân Congo tránh vỏ dưa gặp phải vỏ dừa vì tham vọng của nhà độc tài Maoist Laurent-Desire Kabila không kém gì của Mobutu. Các nhóm dân chủ thật sự đều rút ra khỏi liên minh hay bị loại bỏ. Laurent-Desire Kabila bị một cận vệ ám sát ngày 18 tháng Giêng 2001. Con trai Laurent-Desire Kabila là Joseph Kabila được trao quyền Tổng thống thay cha.

Joseph Kabila và quan hệ Trung Cộng (từ 2001)

Joseph Kabila lên kế vị cha nắm chức vụ Tổng thống Cộng hòa Dân chủ Congo khi chỉ mới 29 tuổi. Tuổi thơ ấu của ông ta cũng có nhiều huyền bí. Joseph Kabila sinh khoảng tháng 4-1971 tại một nơi nào đó hoặc miền đông Congo hay tại Tanzania. Mẹ của ông ta là vợ thứ ba của Laurent-Desire Kabila. Tuy còn trẻ nhưng Joseph Kabila

tỏ ra khôn khéo về ngoại giao hơn cha. Trong chuyến thăm viếng Mỹ theo lời mời của Tổng thống George Bush sau khi được quốc hội Congo giao quyền Tổng thống, Josehp Kabila mong muốn có một Congo hòa bình sau khi đã trải qua hai cuộc chiến, Congo thứ nhất từ 1996 đến 1997 và Congo thứ hai từ 1998 đến 2003, với trên 4 triệu người chết. Trong buổi tiếp xúc Ngoại trưởng Mỹ Colin Powell, Joseph Kabila cũng hứa hẹn sẽ có những cải cách dân chủ và nhân quyền tại Congo. Tháng 12-2005, một cuộc trưng cầu dân ý Congo chấp thuận một hiến pháp mới. Josehp Kabila ghi danh ứng cử với tư cách độc lập. Đối thủ của Joseph Kabila là Jean-Pierre Bemba, cựu phó Tổng thống và cũng là bạn chiến đấu của cha ông ta. Vì vòng đầu cả hai đều không đạt tỉ lệ trên 50 phần trăm như luật bầu cử quy lịnh, cuộc bầu cử phải tiến vào vòng hai, và lần nầy Kabila đắc cử Tổng thống với 58.5 phần trăm tổng số phiếu bầu. Còn khá sớm để đánh giá Joseph Kabila liệu có trở thành một Mobutu hay Laurent-Desire Kabila hay không, nhưng có nhiều dấu hiệu cho thấy Joseph Kabila đã có nhiều thay đổi như việc sắp xếp lại cơ cấu hành chánh và cho về hưu các viên chức quá già trong hệ thống công quyền. Joseph Kabila có quan hệ mật thiết với Trung Cộng. Khi vào tuổi 25, Joseph Kabila từng là tư lịnh binh đoàn Kadogos nổi tiếng đánh chiếm thủ đô Kinshasa. Sau khi cha làm Tổng thống, Joseph Kabila được gởi sang Trung Cộng để theo học quân sự tại Đại học Quốc phòng Quân Giải phóng Nhân dân Trung Hoa tại Bắc Kinh. Xa hơn nữa, quan hệ mật thiết giữa Trung Cộng và gia đình Kabila bắt đầu từ khi Joseph Kabila chưa ra đời. Bản thân Kabila cha là một Maoist và công khai bày tỏ lòng kính phục đối Mao Trạch Đông. Trong chuyến viếng thăm Trung Cộng của Joseph Kabila vào 22 tháng 3-2002, chủ tịch Trung Cộng Giang Trạch Dân cũng nhắc lại tình hữu nghị cố cựu giữa cha con Kabila và Trung Cộng.

Uống nước nhớ nguồn, Josheph Kabila cũng bày tỏ lòng biết ơn đối với Trung Cộng vì đã hết lòng ủng hộ cha con ông ta trong giai đoạn khó khăn dài trước đó.

Chủ nghĩa bành trướng của Trung Cộng tại Phi châu

Sau khi thiết lập chế độ cộng sản tại lục địa Trung Hoa, Đảng Cộng sản Trung Cộng bắt đầu tìm cách tạo ảnh hưởng tại Phi châu thể hiện qua các chuyến viếng thăm châu Phi ba tuần của Thủ tướng Chu Ân Lai và ngoại trưởng Trần Di vào đầu năm 1964. Tuy còn rất nghèo nàn nhưng đối với các phong trào du kích tại nhiều nước Á, Phi, Trung Cộng được xem như là ngọn hải đăng cho lý tưởng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp. Trung Cộng sử dụng lý luận cách mạng để tạo ảnh hưởng và củng cố vị trí quốc tế qua việc khuyến khích các cuộc nổi dậy võ trang dưới hình thức cách mạng nhân dân tại các quốc gia đang đấu tranh vì độc lập hay vừa được trao trả độc lập nhưng chưa ổn định. Trong thập niên 50 và đầu thập niên 60, ngoài một số vũ khí phần lớn là chế tạo rập theo khuôn mẫu của Liên-Xô, Trung Cộng là một nước lạc hậu về kinh tế kỹ thuật. Vốn liếng và võ khí mạnh nhất của Trung Cộng là lý luận cách mạng chống thực dân đế quốc.

Tại đại hội Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 9-1962, Mao nhấn mạnh sự liên hệ giữa đấu tranh giai cấp trong nước phải được tiến hành đồng thời với việc yểm trợ các cuộc tranh đấu võ trang của các nước khác. Về mặt chính trị, Trung Cộng tích cực tham gia Hội nghị Bandung lịch sử, diễn ra từ 18 đến 24 tháng Tư 1955 tại thành phố Bandung, Nam Dương và sau đó một thời gian ngắn là sự ra đời của Phong trào các Quốc gia không Liên kết.

Về mặt quân sự, các phong trào Maoist được Trung Cộng võ trang hình thành khắp nơi, không những trong các quốc gia đang là thuộc địa, các quốc gia đã được trao trả độc lập mà cả những quốc gia chưa từng bị thuộc địa. Trung Cộng huấn luyện du kích quân thuộc phong trào FRELIMO tại Mozambique, PAIGC tại Guinea, ZANU in Rhodesia (Zimbabwe), ANC tại Nam Phi. Năm 1963, Trung Cộng gởi quân dụng và vũ khí đến các lực lượng du kích đang hoạt động tại miền đông Congo dưới sự lãnh đạo của Antoine Gizenga, nguyên là một bộ trưởng trong chính phủ Lumumba, chống lại Mobutu thân Mỹ. Điểm đặc biệt, khác với Liên-Xô và Mỹ, Trung Cộng nhắm vào các mục đích đầu tư dài hạn nên võ khí tặng cho các phong trào Maoist phần lớn đều dưới hình thức cho không.

Cuối thập niên 50, lý luận "giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc" không còn hiệu quả vì phần lớn các nước đã giành được hay được trao trả độc lập, Trung Cộng chuyển hướng đấu tranh sang việc phát động phong trào chống thực dân mới và đế quốc Mỹ. Trung Cộng cảnh cáo các nước Á, Phi, độc lập chính trị chỉ là bước đầu trong tiến trình giải phóng đất nước, quan trọng là phải có độc lập về kinh tế. Một số thỏa hiệp kinh tế, dù rất tượng trưng, đã được ký kết giữa Trung Cộng và các quốc gia như Ghana, Guinea, Mali, Tanzania. Trong nội bộ phong trào cộng sản thế giới Trung Cộng tấn công vào chủ nghĩa xét lại Khrushchev.

Để chứng tỏ Trung Cộng không chỉ là một mớ lý luận và những võ khi thô sơ, giới lãnh đạo Trung Cộng không ngần ngại thực hiện vài đề án lớn với một số nước Phi châu như trường hợp đề án đường rầy xe lửa Tanzam nối liền Zambia và bờ phía đông của Tanzania năm 1970. Đề án Tanzam được xem như là một đề án lớn nhất của

Trung Cộng thời bấy giờ với kinh phí 500 triệu Dollar để xây dựng một hệ thống đường xe lửa dài 1870 kí lô mét từ Dar es Salamm đến khu vực mỏ quặng chính của Zambia. Số nhân công được sử dụng gồm 50 ngàn tuyển mộ từ Tanzania và 25 ngàn được đưa sang từ Trung Cộng. Bất chấp nắng mưa, chết chóc, 75 ngàn người làm việc suốt 5 năm dài, bắt 300 cầu, đào thông 23 hầm và đặt 147 trạm xe lửa. Đề án được Trung Cộng ca ngợi như một thành công vĩ đại vào năm 1975 mặc dù Trung Cộng biết cả vốn lẫn lời có thể đều không thu lại được. Trung Cộng thực hiện đề án Tanzam không nhằm theo đuổi mục đích lợi nhuận kinh tế nhưng qua đó thiết lập một đầu cầu quan trọng cho việc đổ bộ ồ ạt vào Phi châu trong đầu thiên niên kỷ này và đồng chứng tỏ cho các lãnh đạo các nước Phi châu thấy không chỉ có Mỹ hay Liên-Xô mới khả năng thực hiện các đề án lớn.

Các chính sách đổi mới kinh tế của Đặng Tiểu Bình bắt đầu thập niên 80, về mục tiêu có nhiều thay đổi, nhưng một số điểm trong chính sách đối với châu Phi thời Mao vẫn được duy trì. Giới lãnh đạo Trung Cộng sử dụng và khai thác lịch sử như một vũ khí chiến lược để phục vụ cho mục tiêu bành trướng. Trung Cộng vẫn lặp đi lặp lại khẩu hiệu hợp tác hữu nghị, tình đồng chí anh em thắm thiết giữa các quốc gia cùng cảnh ngộ được như Chu Ân Lai tuyên bố từ Hội nghị Bandung hơn nửa thế kỷ trước, có khác chăng các lãnh tụ phiến loạn ngày xưa nay đã là những tổng thống và Trung Cộng, lãnh tụ của thế giới thứ ba nghèo khổ, nay là một siêu cường.

Các mục tiêu của chủ nghĩa bành trướng Trung Cộng

Thỏa mãn nhu cầu năng lượng và nguyên liệu

Phát triển kinh tế đòi hỏi trước hết là nguyên liệu. Sự thất thoát và lãng phí nguyên vật liệu trong sản xuất đã làm nhu cầu nguyên liệu của Trung Cộng vốn thiếu hụt lại càng thiếu hụt trầm trọng hơn. Để đuổi kịp các nước tư bản phát triển và vượt qua những khiếm khuyết trong sử dụng nguyên liệu, giới lãnh đạo kinh tế Trung Cộng không áp dụng các phương pháp kinh doanh truyền thống mà Mỹ và các nước Tây Âu đã và đang áp dụng. Các chuyên viên đặt hàng của các công ty Trung Cộng không ngồi trong các phòng có gắn máy lạnh, trước máy vi tính và mua nguyên vật liệt từ các thị trường nguyên liệu quốc tế mà đến tận nơi, mua tận gốc và mua với giá rẻ nhất. Tệ hại hơn cả các chế độ thực dân trước đây, Trung Cộng vơ vét đủ cách, đủ kiểu, chính thức qua các hợp đồng nhà nước và không chính thức qua trung gian các công ty thầu thu mua do người bản xứ điều hành. Các công ty Trung Cộng bất chấp các nguyên tắc, luật lệ lao động và họ không quan tâm các bao quặng kia do ai đào ra, dù từ bàn tay của một phụ nữ Congo đang cõng trên lưng một đứa bé sơ sinh hay một em Adon Kalenga chỉ mới 13 tuổi.

Giải quyết nạn thặng dư dân số tại Trung Hoa lục địa

Nội dung của chủ nghĩa bành trướng thế giới của Trung Cộng không chỉ giới hạn về kinh tế mà đồng thời để giải quyết được nạn thặng dư dân số tại nội địa Trung Cộng. Dân số Trung Cộng theo thống kê tháng 7-2008 là 1 tỉ 330 triệu người. Trong 20 năm qua, việc thực thi chính sách kiểm soát dân số mỗi gia đình một con khá hữu hiệu đã giúp mức gia tăng dân số chậm lại tại mức 0.65 phần

trăm mỗi năm. Nếu cứ tiếp tục duy trì chính sách hạn chế sinh đẻ như hiện nay, nghĩa là cứ hai người lớn tuổi mới có một em bé, số lượng người già trong dân số Trung Cộng theo tỉ lệ sẽ tăng nhanh hơn số lượng trẻ em. Theo các nhà phân tích dân số, nếu mức phát triển dân số không thay đổi, trong tương lai không xa Trung Cộng sẽ là một viện dưỡng lão khổng lồ.

Việc thỏa mãn các nhu cầu an sinh, xã hội, y tế cho nhiều trăm triệu người già không còn khả năng lao động, là một viễn ảnh đầy lo sợ của giới lãnh đạo Trung Cộng Theo *Sunday Times* xuất bản tại Anh số tháng Hai 2008, một chuyên viên về Trung Cộng ước lượng rằng chính phủ Trung Cộng cần phải đưa ra khỏi Trung Hoa lục địa 300 triệu người mới có thể giải quyết nạn thặng dư dân số. Đưa đi đâu? Bất cứ nơi nào, nhưng nơi di dân thích hợp nhất của thời đại ngày nay không đâu khác hơn là Phi châu đất rộng, người thưa, tài nguyên phong phú. Trung Cộng cũng tìm cách truyền bá tiếng phổ thông sang các nước Phi châu. Mặc dù rất khó học, các lớp dạy tiếng Trung Quốc được mở khắp mọi nơi. Chính phủ Trung Cộng ước lượng sẽ có 100 triệu người nước ngoài, hẳn nhiên đa số sẽ từ châu Phi, nói tiếng Trung Quốc. Tại Kenya còn có một học viện mang tên Viện Khổng Tử chuyên dạy về văn hóa và ngôn ngữ Trung Quốc.

Theo phân tích của các tác giả tại Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế và Chiến lược (the Center for Strategic and International Studies) trong tổng kết *China the Balance Sheet*, Trung Cộng là một nước già, và vào giữa thế kỷ này Trung Cộng sẽ có 349 triệu cao niên. Hệ thống dưỡng lão tại Trung Cộng ngày nay vẫn còn theo kiểu con cái phụng dưỡng cha mẹ già nhưng 30 năm nữa một người trẻ phải phụng dưỡng bốn người già. Tình trạng mất cân đối giới tính trong dân số Trung Cộng cũng là một mầm mống

khác cho những bất ổn xã hội tương lai. Mặc dù trên giấy tờ chính phủ Trung Cộng nghiêm cấm việc phá thai dựa theo giới tính nhưng tình trạng phá thai một cách bất nhân khi đã biết bào thai là còn gái vẫn xảy ra rất phổ biến tại Trung Cộng. Điều đó dẫn đến tình trạng trai thừa gái thiếu. Phương pháp để giải quyết tình trạng đó là mua vợ từ các nước Á châu khác.

Xuất cảng hàng hóa tiêu dùng

Không giống các quốc gia Tây phương, viện trợ và đầu tư được tính toán một cách cân đối dựa trên nhu cầu ngắn hạn và dài hạn của một quốc gia, trong đó có đầu tư về giáo dục, huấn luyện nghề nghiệp, khoa học kỹ thuật, các đầu tư của Trung Cộng nhắm nhiều nhất vào các mục đích tiêu dùng và dịch vụ như phi trường, sân vận động. Tập sang nghiên cứu *China Monitor* của Trung tâm Nghiên cứu Trung Cộng tại Congo cho rằng việc Trung Cộng xây dựng các công trình chẳng khác mang cá đến cho người dùng mà không chỉ cho họ cách để tự đánh cá.

Như một nước nông nghiệp với nhiều triệu dân là những người tỵ nạn chiến tranh vừa mới hồi cư, sản phẩm công nghiệp Congo không phải là đối thủ cạnh tranh với hàng hóa Trung Cộng. Đường phố Lubumbashi, thủ phủ tỉnh Katanga, là một phố Tàu lớn với các cơ sở thương mại Trung Cộng, từ các ngân hàng, các công ty lớn cho đến các nhà hàng, tiệm ăn, tiệm tạp hóa và cả tiệm thuốc bắc. Về hàng hóa, không chỉ đồng hồ, TV, radio, điện thoại mà ngay cả loại vải truyền thống nhiều màu mà phụ nữ Phi châu ưa chuộng, vốn là đặc sản Congo, cũng được may từ Trung Cộng đem sang. Ngoài việc đánh gục hàng nội địa, các công ty Trung Cộng còn cạnh tranh với cả hàng nhập cảng. Công ty điện thoại di động Congo Chinese Telecomps (CTT) bán các điện thoại phẩm chất

không thua kém các công ty lớn thế giới nhưng giá rất thấp so với các sản phẩm nhập từ Mỹ hay châu Âu.

Mua chuộc và bao che cấp lãnh đạo để khai thác lâu dài

Các lãnh đạo Phi châu không phải là không biết thâm ý của Trung Cộng nhưng họ vẫn muốn hợp tác kinh tế với Trung Cộng hơn là các nước Tây phương. Như đã trình bày, hợp tác với Trung Cộng, các lãnh đạo Phi châu không phải bận tâm về các vấn đề tự do, dân chủ, nhân quyền vì chính sách của Trung Cộng không can thiệp vào nội bộ của các nước khác. Trong khi các vấn đề nhân quyền đã đẩy các công ty phương Tây ra khỏi châu Phi thì Trung Cộng trở thành nước độc quyền đầu tư và khai thác kinh tế. Ngoài ra, hợp tác với Trung Cộng không phải thông qua các thủ tục, các điệu kiện phức tạp như khi vay tiền của IMF (Quỹ Tiền tệ Quốc tế). Thảo luận hay ký kết các hợp đồng thương mại với các công ty Trung Cộng cũng chẳng khác gì ký kết với chính phủ Trung Cộng và do đó không cần phải thông qua sự chấp thuận của chính phủ hay quốc hội, nếu có cũng chỉ là vấn đề thủ tục. Trung Cộng ưu đãi, bao che và nếu cần sẽ sẵn sàng tiếp tay cho giới lãnh đạo để đàn áp các thành phần đối lập, các tầng lớp nhân dân. Giống như chế độ thực dân đế quốc trước đây, Trung Cộng nuôi dưỡng, bao che, cung cấp cho giới lãnh đạo Phi châu tiền bạc, súng đạn, an ninh cá nhân và bảo vệ chế độ bằng sử dụng quyền phủ quyết trong các cơ quan quốc tế như Liên Hiệp Quốc.

Trung Cộng và Congo

Riêng với Congo, năm 1964, Mao Trạch Đông tuyên bố "Nếu chúng ta có được Congo, chúng ta sẽ có được cả Phi châu". Về mặt lịch sử, người Trung Quốc có mặt ở Congo từ lâu lắm. Các nhà khảo cổ học tìm thấy dấu tích người

Trung Quốc có mặt tại Phi châu từ thế kỷ thứ sáu. Trong thế kỷ 18, thời kỳ vua Leopold cai trị Congo, nhiều ngàn người Hoa bị đưa tới để làm đường rầy xe lửa. Đa số đã bị chết vì đói khát hay kiệt sức lao động, một số ít sống sót đã chạy về các thành phố. Tức khắc sau khi Bỉ trao trả độc lập cho Congo, Thủ tướng Trung Cộng Chu Ân Lai đã gởi điện văn chúc mừng Thủ tướng Lumumba và công nhận Congo độc lập. Tuy nhiên hai quốc gia sau đó đã có xung đột ngoại giao khi Tổng thống Kasavubu thiết lập quan hệ ngoại giao với Đài Loan. Để trả đũa, Trung Cộng gởi võ khí cho quân đội của Gizenga đang chống lại chính quyền Congo trung ương của Kasavubu và Mobutu.

Sau khi loại bỏ Tổng thống Kasavubu, siết chặt quyền lãnh đạo tại Congo, Mobutu bắt đầu có tham vọng lãnh đạo cả lục địa Phi châu. Để làm được điều đó nhà độc tài xứ Congo cần phải hòa hoãn với Trung Cộng, quốc gia có ảnh hưởng nhất trong Phong trào các Quốc gia không Liên kết. Congo và Trung Cộng chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao 1972. Cũng trong năm này, Mobutu công nhận đàn em thân tín của Trung Cộng là Bắc Hàn. Mobutu thăm Trung Cộng 5 lần trong khoảng thời gian từ 1973 đến 1994. Đáp lại, từ 1973, các lãnh đạo đảng và nhà nước Trung Cộng viếng thăm Congo, đầu tiên với Ngoại trưởng Hoàng Hoa thăm Congo 1978, đến phó Thủ tướng Lý Tiên Niệm đến Congo 1979. Trung Cộng nắm lấy cơ hội các quốc gia dân chủ Tây phương và Mỹ dưới thời Tổng thống Jimmy Carter bắt đầu tẩy chay chế độ độc tài Mobutu để gây ảnh hưởng với Mobutu. Năm 1983, Trung Cộng tuyên bố hủy bỏ số nợ 100 triệu Dollar Congo vay của Trung Cộng, ngoài ra còn gởi khoảng 1 ngàn chuyên viên Trung Cộng sang làm việc trong các đề án nông và lâm nghiệp tại Congo.

Khi nhà độc tài Mobutu bị Laurent-Desire Kabila lật đổ, quan hệ hai quốc gia chẳng những không gián đoạn mà còn được củng cố vững chắc thêm. Quan hệ giữa Tổng thống Laurent-Desire Kabila và Bắc Kinh không chỉ là quan hệ giữa hai nước mà còn là quan hệ đồng chí anh em vì Laurent-Desire Kabila vốn là một nhà Maoist và đã từng được Mao yểm trợ võ khí khi còn ở trong rừng. Chỉ một thời gian ngắn sau khi lật đổ Mobutu, Tổng thống Congo Laurent-Desire Kabila lên đường viếng thăm Bắc Kinh. Khi Laurent-Desire Kabila bị ám sát, con trai của ông ta lên làm Tổng thống cũng đã thăm Trung Cộng để xin viện trợ, và đổi lại Trung Cộng được hưởng nhiều đặc quyền khai thác quặng mỏ, nhất là đồng và cobalt. Trung Cộng bắt đầu xây dựng hệ thống đường sá, khách sạn, phi trường, nhà máy điện, cơ sở giáo dục cho Congo, cũng như khai thác gỗ và dần dần lan đến các đề án nông nghiệp, ngay cả cà-phê, đường, cây trái.

Cuối tháng 9-2007, Trung Cộng ký với Congo một hợp đồng được xem là lớn nhất từ trước đến nay với một quốc gia Phi châu. Tổng giá trị của hợp đồng lên đến 9.25 tỉ Dollar. Ngân hàng Xuất nhập Cảng Trung Quốc Exim (Export-Import Bank of China) đồng ý cho Congo vay để tân trang hệ thống đường sá tại Congo. Đổi lại, Trung Cộng được quyền khai thác 10.6 triệu tấn đồng và 626,619 tấn cobalt. Theo nội dung của hiệp ước khai thác quặng, được đàm phán tại Bắc Kinh giữa luật sư Pual Fortin thay mặt cho công ty quốc doanh Gecamines của Congo và chính phủ Trung Cộng, số tiền sẽ được chi thành 3 giai đoạn, mỗi giai đoạn 3 năm phù hợp với tiến trình xây dựng và khai thác quặng mỏ. Sau thời gian 10 năm, vai trò độc quyền của Trung Cộng sẽ chấm dứt và hai quốc gia sẽ hợp tác với 2 phần 3 thuộc về Trung Cộng và 1 phần 3 thuộc về Congo, để tiếp tục khai thác quặng

mỏ. Hiệp ước được Quốc hội Congo chấp thuận tháng 5 năm 2008.

Một số nhà phân tích cho rằng đây là một hiệp ước hai bên cùng có lợi vì Congo sẽ có một số cơ sở xây dựng mà họ chưa từng có như Tổng thống Joseph Kabila tuyên bố: "Lần đầu tiên trong lịch sử, nhân dân Congo có thể thấy những quặng đồng, kẽm của Congo đem về những kết quả tốt". Tuy nhiên theo luật sư Georges Kapiamba, một trong số ít người đọc được nội dung của thỏa hiệp, cho rằng thỏa hiệp ký kết vào năm 2008 cũng chẳng khác gì "thỏa hiệp" mà Congo phải ký dưới thời vua Leopold đệ nhị của Bỉ. Cộng hòa Dân chủ Congo, trên thực tế sẽ bị thực dân hóa lần nữa. Có khác chăng, vua Leopold chưa bao giờ đặt chân đến Congo nhưng người Hoa sẽ tràn ngập Congo. Congo sẽ được Trung Cộng xây dựng 176 bịnh viện, hai trường đại học, một cảng, 500 chung cư. Đó là những công trình xây dựng lớn, tuy nhiên so sánh giữa gì sẽ nhận về và những gì sẽ mất đi, Congo sẽ bị thiệt hại nhiều hơn. Đừng nói gì đến chủ quyền đất nước và tài nguyên thiên nhiên, chỉ riêng về thu nhập tiền lời, với giá quặng mỏ vẫn còn cao, các nhà phân tích ước lượng, sau thời hạn 10 năm Trung Cộng sẽ thu lại từ 42 tỉ Dollar đến 90 tỉ Dollar.

Trung Cộng trong vai trò thực dân của họ, hơn ai hết mong được thấy một Cộng hòa Dân chủ Congo ổn định để khai thác tài nguyên của quốc gia này, nhưng liệu ước muốn đó có là một hiện thực hay không là điều khó ai biết trước. Lịch sử đã chứng minh Mỹ, Pháp, Anh không bao giờ nhường Phi châu cho Trung Cộng một cách dễ dàng. Khi thỏa hiệp được trình lên Quốc hội Congo tháng 5-2008, 105 nghị sĩ thuộc các đảng đối lập Congo bước ra khỏi phòng để phản đối. Tháng 10-2008, lực lượng Tutsi dưới quyền của tướng Laurent Nkunda đánh bại các lực

lượng chính phủ Cộng hòa Dân chủ Congo và có ý định tiến về phía khu hầm mỏ Congo. Tướng Nkunda tuyên bố một trong những điều kiện đàm phán giữa ông ta và chính phủ của Tổng thống Joseph Kabila là Congo phải hủy bỏ hiệp ước 9 tỉ Dollar với Trung Cộng. Mặc dù tướng Nkunda vừa bị bắt cách đây 3 tháng nhưng các thành phần chống chính phủ vẫn còn rất mạnh. Thỏa hiệp kinh tế 9 tỉ Dollar vì thế đã trở thành con tin cho cuộc tranh chấp giữa nhiều phe phái. Máu có thể sẽ đổ lần nữa trên đất Congo và giống như hàng trăm năm qua, giọt máu đầu tiên hay cuối cùng cũng chỉ là máu của nhân dân Congo vô tội.

Và Việt Nam?

Bên cạnh nhiều điểm khác nhau về mức độ phát triển kinh tế, khoa học kỹ thuật, địa lý chính trị, hai dân tộc Congo và Việt Nam có chung nhiều điểm bất hạnh giống nhau. Cobalt Congo và Bauxite Việt Nam đều là bước đầu của chủ nghĩa bành trướng của thực dân đỏ Trung Cộng, và viễn ảnh đen tối bị lệ thuộc lâu dài vào Trung Cộng là điều có thực.

Giống như Congo, dân tộc Việt Nam cũng trải qua một cuộc chiến tranh dài, với số người chết gần bằng nhau, và cả hai dân tộc đều nằm dưới sự cai trị của một giới lãnh đạo tự nguyện đặt mình dưới sự bảo hộ của Trung Cộng. Bởi vì, chỉ có Trung Cộng mới làm ngơ trước các hành động bỏ tù, tra tấn, chặt tay, bịt miệng người dân, chỉ có Trung Cộng mới im lặng khi giới cầm quyền sống xa hoa, phung phí trên máu xương, mồ hôi nước mắt của nhân dân, và chỉ núp dưới bóng của Trung Cộng giới lãnh đạo có mới thể kéo dài quyền cai trị đất nước. Giống như Congo, Việt Nam cũng có tài nguyên phong phú, nhân lực dồi dào, lẽ ra hôm nay đã thành một con rồng, con phụng ở Á châu, nhưng không, Việt Nam vẫn còn là một nước

nghèo về kinh tế và có một cơ chế chính trị còn lạc hậu hơn cả Congo.

Dân tộc Việt Nam, sau 34 năm nguyền rủa, van xin, đánh thức lương tâm của giới lãnh đạo cộng sản bằng bao nhiêu bức tâm thư, bao nhiêu lời thỉnh nguyện. Tất cả chỉ là những giọt nước rơi vào biển cả, không tạo được âm vang, không gây nên chút sóng. Đảng Cộng sản đã chọn lựa cho họ một con đường riêng để tồn tại thì dân tộc Việt Nam cũng phải biết đứng lên để thay đổi vận mệnh của chính mình. Lịch sử nhân loại chứng minh, những kẻ độc tài thường không bước xuống theo nguyện vọng nhân dân, họ chỉ chết già trong quyền lực hay bị lật đổ.

Tham khảo

Richard Dowden, *Africa, Altered States, Ordinary Miracles*, Public Affairs, New York 2008

Adam Hochschild, *King Leopold's Ghost: A Story of Greed, Terror, and Heroism in Colonial Africa*, Mariner Books 1999.

Arthur Conan Doyle, *The Crime of the Congo,* London Hutchinson & Co, 1909

Martin Meredith, *The Fate of Africa*, Public Affairs 2005

Princeton Lyman, Director of Africa Policy Studies, Council on Foreign Relation, *China's Rising Role in Africa*, July 2005

Center for Strategic and International Studies and the Peter G . Peterson Institute for International Economics, *China: The Balance Sheet*, Public Affairs 2007

David Pugh, *Chinese Foreign Policy during the Maoist Era and its Lessons for Today*

Peter Hitchens, *How China has created a new slave empire in Africa*, Mail 28th September 2008

Wenran Jiang, *Chinese Inroads in DR Congo: A Chinese "Marshall Plan" or Business?* , The Jamestown Foundation, Jan 12 - 2009.

Amb David H. Shinn, *China's Relations with Zimbabwe, Sudan, and the Democratic Republic of the Congo*

Hannah Edinger & Johanna Jansson, *Center for Chinese Studies, China and the Democratic Republic of Congo:Partners in Development?* October 2008

Simon Clark, Michael Smith and Franz Wild, *China Lets Child Workers Die Digging in Congo Mines for Copper,* Bloomberg, July 22 - 2008.

Richard Behar, *Mineral Wealth of the Congo,* June 1 2008

F William Engdahl, China's US$9bn hostage in the Congo war, Asia Times, Dec 2 - 2008

Jon Swain, Africa, China's new frontier Time, February, 10-2008

Hình ảnh từ mục chinaafrica của website paolowoods.net

HIỂM HỌA TRUNG CỘNG VÀ BÀI HỌC PHI CHÂU

Hai tháng trước ngày khai mạc Thế vận hội mùa hè 2008, Diêu Minh (Yao Ming), một trong những cầu thủ bóng rổ nổi tiếng tại Trung Cộng và Mỹ, trong một buổi lễ rước đuốc Olympic, đã cùng với 150 ngàn người dành một phút im lặng để tưởng nhớ đến 70 ngàn người dân Trung Cộng bị thiệt mạng trong trận động đất tại Tứ Xuyên ngày 12 tháng 5. 2008. Các hệ thống truyền hình chiếu đi chiếu lại nhiều lần cảnh tượng đầy xúc động này cũng như khi nghe Diêu Minh tuyên bố "Ngày 12 tháng 5 người ta không còn nghĩ đến Olympic, không còn nghĩ đến rước đuốc mà chỉ nghĩ đến việc cứu người"

Lời tuyên bố của Diêu Minh chắc đã phát xuất từ trái tim anh, giống như nỗi đau của gia đình 70 ngàn người dân Trung Cộng là nỗi đau có thật. Cảm tình của thế giới dành cho Trung Cộng lên cao nhất kể từ cuộc tàn sát Thiên An Môn 1989. Đối với gia đình 70 ngàn nạn nhân động đất, những mất mát của họ sẽ không thể nào thay thế được, nhưng với chính phủ Trung Cộng biến cố đó là một điều may mắn. Suốt hai tháng sau ngày động đất xảy

ra, Trung Cộng tận dụng cảnh hoang tàn ở Tứ Xuyên, thậm chí còn rước đuốc ngang qua những đống gạch vụn để khơi dậy lòng thương xót và cũng để xoa dịu sự công phẫn của thế giới trước tội ác nghiêm trọng của Trung Cộng đối với các dân tộc châu Phi. Trên những cánh đồng ở Darfur, Sudan, không phải chỉ 70 ngàn người chết mà 300 ngàn da đen bất hạnh bị chặt tay, chặt đầu, treo cổ, hiếp dâm và cũng không chỉ kéo dài trong hơn 3 phút như ở Tứ Xuyên mà đã và đang diễn ra từ hàng chục năm nay nhưng không ai cứu.

Ảnh hưởng và tội ác của Trung Cộng đối với châu Phi không phải là điều gì mới mẻ. Tháng 4. 1955, lãnh đạo của 29 quốc gia Á – Phi ngồi lại tại Bandung, Nam Dương, để tìm cách thúc đẩy các mục tiêu kinh tế xã hội và hợp tác văn hóa giữa các nước chậm tiến, từng là thuộc địa và muốn giữ vị trí độc lập trong cuộc Chiến tranh Lạnh giữa Mỹ và Liên Xô. Hội nghị Bandung là một cơ hội lớn của Trung Cộng để gây ảnh hưởng với các quốc gia vừa giành được độc lập và đang đi tìm một chỗ đứng trên chính trường quốc tế. Bản thân Trung Cộng trong giai đoạn đó cũng chưa thiết lập được mối quan hệ ngoại giao vững chắc với một nước tư bản nào. Chủ trương của Trung Cộng trong hội nghị rất mềm dẻo, như Chu Ân Lai xác định trong diễn văn tại Bandung: “Không ai trong chúng ta phải từ bỏ các quan điểm riêng bởi vì đó là thực tế khách quan, nhưng không nên để những dị biệt làm cản trở việc hoàn thành các mục đích chung”. Bảy điểm do Chu Ân Lai đưa ra, từ điểm thứ nhất tôn trọng chủ quyền, không can thiệp vào các vấn đề nội bộ của nhau cho đến các điểm về tôn giáo, bình đẳng giữa các quốc gia không phân biệt lớn nhỏ v.v… đều được hội nghị ủng hộ hoàn toàn. Tinh thần đoàn kết của khối Á – Phi, tuy nhiên, không kéo dài được bao lâu vì sau đó chế độ Sukarno tại

Nam Dương bị lật đổ, chiến tranh bùng nổ giữa Trung Cộng và Ấn Độ, một quốc gia có ảnh hưởng lớn trong khối Á – Phi, đã tạo sự chia rẽ trong Phong trào Không Liên kết. Dù sao, hội nghị Bandung vẫn được xem như là một trong những thành tựu ngoại giao lớn của Trung Cộng.

Đầu năm 1964, một phái đoàn đông đảo do Thủ tướng Chu Ân Lai hướng dẫn để thực hiện chuyến công du 10 quốc gia lục địa châu Phi bao gồm Algeria, Morocco, Tunesia, Ghana, Mali, Kali, Guinea, Ethiopia, Sudan, Somali. Đây là lần đầu tiên một lãnh đạo nhà nước cao cấp của Trung Cộng viếng thăm châu Phi trong một thời gian khá dài từ 14 tháng 12.1963 cho đến 4 tháng 1.1964. Mục đích của chuyến đi, như trong bài bình luận của *Nhân dân Nhật báo* trước ngày tiễn Thủ tướng Chu Ân Lai và Bộ trưởng Ngoại giao Trần Di lên đường, là để "tăng cường hợp tác với các quốc gia châu Phi và củng cố hòa bình thế giới", nhưng thực chất là để tranh giành ảnh hưởng với Liên Xô và lót đường cho quan hệ Trung Cộng và châu Phi sau này. Cuộc đấu tranh giữa hai đàn anh trong phe xã hội chủ nghĩa đang diễn ra gay gắt. Phần lớn các tài liệu do phái đoàn Trung Cộng phổ biến trong chuyến viếng thăm cũng như được phát giác một cách tình cờ tại một phi trường Anh, đều nhằm chống Liên Xô. Cả Trung Cộng và Liên Xô đều ủng hộ công cuộc đấu tranh giành độc lập của các nước thuộc địa tại châu Phi, tuy nhiên tại một số nước, sự ủng hộ của Liên Xô được thể hiện một cách cụ thể qua vũ khí và tiền bạc, đã đem lại các kết quả tích cực hơn là các ủng hộ có tính cách tinh thần của Trung Cộng. Chu Ân Lai gặp phải một số chống đối tại Algeria hay vài quốc gia như Kenya, Uganda, Tanganyika, đã rút lại lời mời vào phút chót. Dù sao, cá tính ngoại giao mềm mỏng của Chu Ân Lai cũng gây được nhiều cảm tình với lãnh đạo các quốc gia mà họ Chu thăm

viếng và chuyến đi với mục đích giới hạn được đặt ra từ đầu, cũng được đánh giá là thành công.

Sau những thảm trạnh kinh tế và biến động chính trị dồn dập trong thời gian dài từ 1964 đến 1976 đã làm 30 chục triệu người chết đói và những cuộc thanh trừng đẫm máu trong nội bộ lãnh đạo Đảng, hội nghị lần thứ 3 của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Hoa lần thứ 11 tổ chức vào tháng 12.1978 mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử chính trị Trung Cộng.

Sau ba năm nằm gai nếm mật ở chuồng bò Giang Tây và hai lần sống sót thanh trừng, Đặng Tiểu Bình xuất hiện trở lại và đóng vai trò lãnh đạo của cánh cấp tiến trong Trung ương Đảng. Họ Đặng lần lượt loại bỏ các thành phần cực tả và giới hạn quyền hành của các thành phần đối lập, thiếu dứt khoát trong lãnh đạo Đảng mà một thời ông đã liên minh như Hoa Quốc Phong, Uông Đông Hưng. Để thu phục nhân tâm, Đặng Tiểu Bình đánh giá lại vai trò của Mao Trạch Đông trong lịch sử và phục hồi danh dự cho hàng triệu nạn nhân của Cách mạng Văn hóa, trong đó có Lưu Thiếu Kỳ. Về mặt kinh tế, Đặng Tiểu Bình chủ trương hàng loạt chính sách đổi mới kinh tế. Từ 1981, họ Đặng đưa các trợ thủ đắc lực vào các chức vụ then chốt trong Đảng và nhà nước như Hồ Diệu Bang nắm quyền Tổng Bí thư Đảng và Triệu Tử Dương lãnh đạo nhà nước trong cương vị Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Các khẩu hiệu đấu tranh giai cấp được thay bằng "Bốn hiện đại hóa" (công nghiệp, nông nghiệp, quốc phòng, khoa học kỹ thuật). Các thành tựu về kinh tế là thước đo của lãnh đạo chính trị chứ không phải chính trị lãnh đạo kinh tế như trước nữa.

Đặng Tiểu Bình cũng đánh giá nhẹ các phong trào Maoxist một thời được Trung Cộng cung cấp vũ khí và yểm trợ tài chánh. Một số phong trào cực tả đang đấu

tranh võ trang chống chính phủ khắp nơi đã kết án họ Đặng phản bội tư tưởng Mao Trạch Đông. Đặng Tiểu Bình không phủ nhận tư tưởng Mao nhưng như ông nhấn mạnh trong buổi phỏng vấn dành cho nhà báo Ý Oriana Fallcaci 1980: "Dân chúng cần sự ổn định và đoàn kết. Họ quá chán những cuộc biểu dương lực lượng ồ ạt". Ý Đặng Tiểu Bình muốn ám chỉ đến những cuộc biểu tình, tập trung đông đảo như đã diễn ra nhiều lần tại Thiên An Môn dưới thời Mao. Mục đích của họ Đặng rất rõ ràng và dứt khoát là cần ổn định để thực thi "Bốn hiện đại hóa". Không giống như trường hợp Khrushchev hạ bệ Stalin sau đại hội Đảng Cộng sản Liên Xô lần thứ 20, Đặng xác nhận, cũng trong buổi phỏng vấn của Oriana Fallcaci: "Tiếc thay, trong buổi hoàng hôn của cuộc đời, đặc biệt trong giai đoạn 'Cách mạng Văn hóa', chủ tịch Mao đã phạm phải sai lầm – và không phải là sai lầm nhỏ – đã mang đến nhiều bất hạnh cho Đảng, nhà nước và nhân dân, nhưng công lao của Mao đối với Đảng và nhân dân Trung Cộng lớn hơn nhiều so với những sai lầm mà ông phạm phải.

Những năm đầu thập niên 1990, Trung Cộng chính thức theo đuổi mục đích "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" với thị trường chứng khoán, các chương trình cải cách thuế má, trao đổi tiền tệ, kích thích sản xuất. Trước thời kỳ đổi mới, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước toàn quyền quyết định việc phân phối tư liệu sản xuất. Về giá cả, ngoài trừ một ít sản phẩm nông nghiệp do nông dân làm và bán trong các vùng nông thôn xa xôi, hầu hết giá cả hàng hóa đều do sự quyết định của Ủy ban Vật giá Nhà nước. Việc quyết định giá của một sản phẩm nhiều khi không liên quan gì đến mức lợi nhuận cũng như chi phí sản xuất ra sản phẩm đó. Tương tự, trước đổi mới, Trung Cộng không có thị trường lao động theo quan điểm

kinh tế thị trường. Mức lương bổng của công nhân do nhà nước quyết định. Kết quả của chính sách do Đặng Tiểu Bình đề xướng đã thổi luồng gió mới vào nền kinh tế Trung Cộng và tức khắc đem lại nhiều thành quả cụ thể. Theo các tác giả thuộc Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế và Chiến lược (Center For Strategic and International Studies) và Viện Peter G. Peterson về Kinh tế Quốc tế (Peter G. Peteson Institute for International Economics), các chính sách đổi mới kinh tế của họ Đặng tạo điều kiện tham gia của lực lượng lao động khổng lồ 803 triệu người, gia tăng tiết kiệm, hội nhập vào kinh tế toàn cầu, khuyến khích lượng đầu tư và nâng cao trình độ giáo dục phổ thông.

Đặng Tiểu Bình mất năm 1997, một thời gian ngắn trước khi Hong Kong được sáp nhập trở lại Trung Cộng nhưng Giang Trạch Dân, Hồ Cẩm Đào, những người kế tục chính sách của Đặng, không dừng lại mà còn đẩy mạnh hơn các kế hoạch kinh tế của Trung Cộng vào thị trường kinh tế thế giới. Năm 2004, Trung Cộng vượt qua Nhật Bản để trở thành quốc gia mậu dịch đứng thứ ba trên thế giới. Trong giai đoạn 5 năm từ 2000 đến 2005, kinh tế Trung Cộng gia tăng trung bình 9.5%. Giá trị hàng hóa nhập cảng cũng gia tăng từ 225 tỉ đến 660 tỉ USD trong cùng giai đoạn. Trung Cộng chiếm 12% trong tổng mức gia tăng kinh tế toàn cầu. Song song với phát triển kinh tế, Trung Cộng, nơi cư ngụ của một phần năm nhân loại, cũng chuyển mình từ một một nền kinh tế tự túc xã hội chủ nghĩa để dần dần trở thành một xã hội tiêu thụ. Năm 2005, số lượng xe cộ lưu thông tại Trung Cộng là 20 triệu chiếc. Năm 2010, con số được ước lượng sẽ là 56 triệu và với đà tăng đó năm 2020 sẽ có ít nhất 140 triệu chiếc xe trên đường sá Trung Cộng.

Đòi hỏi đầu tiên của các kế hoạch phát triển kinh tế và xã hội tiêu thụ đang hình thành là năng lượng. Mỗi ngày Trung Cộng tiêu thụ 6.93 triệu thùng dầu trong khi chỉ sản xuất được một nửa số đó. Năm 1985, Trung Cộng còn là nước xuất cảng dầu hỏa hàng thứ 2 tại châu Á, nhưng chỉ 5 năm sau Trung Cộng phải bắt đầu nhập cảng dầu hỏa và đến năm 2005 Trung Cộng qua mặt Nhật Bản để trở thành quốc gia nhập cảng dầu hỏa thứ nhì thế giới. Nhu cầu nhiên liệu quá cao tại Trung Cộng một phần cũng phát xuất từ sự sử dụng năng lượng thiếu hiệu quả trong các ban ngành và công ty nhà nước. Mặc dù GPD (tổng sản phẩm nội địa) của Trung Cộng chỉ bằng một phần bảy của Mỹ nhưng năng lượng được dùng tại Trung Cộng lại hơn một nửa của Mỹ. Không những chỉ dầu hỏa, Trung Cộng còn là nước nhập cảng hàng đầu các khoáng sản và nguyên liệu khác như bạch kim, đồng, sắt, vàng, bạc và gỗ. Từ 1990 trở về trước, 60% nguồn năng lượng của Trung Cộng được nhập từ các quốc gia châu Á và phần còn lại là Trung Đông. Hiện nay, Trung Đông đã hạ thấp tỉ lệ này, chỉ còn 45%; dầu hỏa nhập từ châu Phi gia tăng từ con số không năm 1990 đến 28.7% năm 2004. Mậu dịch giữa Trung Cộng và các nước châu Phi vào khoảng 50 tỉ Dollar và ước lượng sẽ lên đến 100 tỉ vào 2010.

Tạo sao châu Phi?

Thứ nhất, các quốc gia châu Phi dễ gần Trung Cộng hơn là Mỹ và các cường quốc phương Tây vì phần lớn các nước này đều mới thoát khỏi ách thực dân không bao lâu. Không ít các lãnh tụ độc tài tại châu Phi hiện nay xuất phát từ các phong trào giải thực, lấy tư tưởng Mác – Lê làm vũ khí lý luận và coi kinh tế xã hội chủ nghĩa như mục tiêu kinh tế trong chiến tranh chống đế quốc để giành độc lập. Trung Cộng khai thác mọi bất đồng giữa các nước phương Tây và các quốc gia nghèo nhưng giàu tài

nguyên, đặc biệt là tại châu Phi. Các nhà lãnh đạo Trung Cộng nhiều lần nhắc đến tinh thần Bandung như là điểm hội tụ cho các quốc gia Á – Phi mặc dù vai trò của Trung Cộng sau 50 năm đã hoàn toàn đảo ngược. Trong diễn văn kỷ niệm 50 năm hội nghị Bandung tháng Tư 2005, Chủ tịch Nhà nước Hồ Cẩm Đào tố cáo các nhóm khủng bố, tội ác, các lực lượng phiến loạn đã làm ảnh hưởng đến hòa bình ổn định tại châu Phi nhưng ông ta quên rằng khẩu súng các phiến quân đang cầm trên tay vốn được chế tạo tại Trung Cộng.

Thứ hai, hợp tác với Trung Cộng, lãnh đạo các nước châu Phi không phải bận tâm về các vấn đề tự do, dân chủ, nhân quyền. Bản thân Trung Cộng là một trong những nước vi phạm nhân quyền hàng đầu thế giới nên vấn đề nhân quyền không bao giờ được đặt ra trong các buổi thương thuyết hay đàm phán các thỏa hiệp kinh tế. Trong khi các vấn đề nhân quyền đã đẩy các công ty phương Tây ra khỏi châu Phi thì Trung Cộng trở thành nước độc quyền đầu tư và khai thác kinh tế. Trung Cộng chủ trương chính sách không can thiệp vào nội bộ của các nước khác, nhưng chẳng qua cũng chỉ để che giấu cái lý lịch không mấy tốt đẹp của bản thân mình. Thứ trưởng Ngoại giao Trung Cộng Châu Trọng Văn trong buổi phỏng vấn dành cho báo *New York Times* tháng 8.2004 biện hộ cho thái độ làm ngơ trước những bất công xã hội tại châu Phi: "Thương mại là thương mại. Trung Cộng tách rời thương mại khỏi chính trị".

Thứ ba, trong khi vay tiền của IMF (Quỹ Tiền tệ Quốc tế), các quốc gia con nợ phải thông qua hàng loạt thỏa thuận về nguyên tắc, phải báo cáo hàng năm, phải bị kiểm soát chặt chẽ các khoản chi dùng và phải thực hiện các cải cách xã hội, giáo dục, nhân quyền cần thiết, điều kiện vay tiền của Trung Cộng dễ chấp nhận hơn nhưng bù lại cũng

có nhiều điều khoản thuận lợi cho phía Trung Cộng. Ngoài ra, trong khi các công ty dầu khí phương Tây độc lập về thương mại nhưng lại lệ thuộc vào các chính sách đối ngoại của chính phủ họ thì cả ba công dầu khí lớn của Trung Cộng, gồm Tổng Công ty Dầu khí Ngoài khơi Trung Cộng (CNOOC), PetroChina và Tổng Công ty Hóa dầu Trung Quốc, đều là những công ty quốc doanh. Thảo luận hay ký kết các hợp đồng thương mại với các công ty này cũng chẳng khác gì ký kết với chính phủ Trung Cộng và do đó không cần phải thông qua sự chấp thuận của chính phủ lần nữa, nếu có cũng chỉ là vấn đề thủ tục giấy tờ.

Trung Cộng ngày nay đã thay thế vai trò của các đế quốc Anh, Pháp, Bồ Đào Nha từng đóng tại Châu Phi thế kỷ 19. Thay vì tạo sự bất ổn qua việc chi viện cho các nhóm phiến loạn, các mặt trận giải phóng dân tộc như đã làm trước đây, họ cố bám vào các lãnh đạo tham nhũng, độc tài để duy trì một chính quyền tập trung, cứng rắn và ổn định. Để hút cạn nguồn dầu hỏa châu Phi, Trung Cộng không những nuôi dưỡng các tầng lớp lãnh đạo độc tài mà còn tiếp tay cho chúng để đàn áp các thành phần đối lập, tàn sát các tầng lớp nhân dân da đen thiếu học, không một tấc sắt trong tay bằng những phương tiện vô cùng ác độc. Giống như chế độ thực dân đế quốc trước đây, Trung Cộng bao che giới lãnh đạo, cung cấp cho chúng tiền bạc, súng đạn, che chở an ninh cá nhân và bảo vệ chế độ bằng quyền phủ quyết trong các cơ quan quốc tế như Liên Hiệp Quốc.

Vài trường hợp điển hình

Tại Angola, cuộc nội chiến giữa hai phe UNITA (Liên minh quốc gia vì độc lập hoàn toàn của Angola) và MPLA (Phong trào nhân dân giải phóng Angola) với sự can thiệp từ các phe bên ngoài như Trung Cộng, Mỹ, Liên Xô, Cuba, trong thập niên 1980 để lại trên 350 ngàn người chết và

trên một triệu người không nhà cửa. Phe MPLA, dưới quyền của lãnh tụ cộng sản José Eduardo dos Santos đã thắng cuộc nội chiến đẫm máu và cai trị dân tộc Angola bằng hệ thống an ninh khủng bố do các cố vấn Đông Đức giúp thành lập trước đây để nhằm tận diệt mọi mầm mống phản kháng. Giống như Kim Nhật Thành và phần lớn lãnh đạo cộng sản khác, dos Santos xây dựng chung quanh ông ta một hệ thống sùng bái cá nhân với sự toa rập của một tập đoàn đặc quyền đặc lợi chia sẻ hầu hết các chức vụ quan trọng trong chính quyền. Sau khi Johna Savimbi, lãnh tụ UNITA, bị giết 2002, dos Santos rảnh tay hơn để củng cố chế độ độc tài, tham nhũng thối nát tại Angola. Trong lúc giới lãnh đạo MPLA sống trong xa hoa, phung phí, con cái chúng được du học nước ngoài bằng tiền thu được từ các nguồn kim cương và dầu hỏa, hàng triệu dân Angola sống dưới mức nghèo quốc tế và mỗi ngày phải sắp hàng dài nhiều cây số chỉ để mua vài cân khoai tây. Từ 1997 đến 2001, các chương trình du học chiếm đến 18 phần trăm của toàn bộ ngân sách giáo dục, cao hơn cả ngân sách dành cho phát triển khoa học kỹ thuật, nhưng phần lớn du học sinh được tuyển chọn từ tầng lớp con ông cháu cha trong khi bốn chục phần trăm dân Angola trong nước không biết đọc biết viết.

Cũng trong cùng thời gian từ 1997 đến 2001, tổng thu nhập từ xuất cảng dầu hỏa của Angola là 17.8 tỉ USD, tuy nhiên con số tiền lời thật sự thì không ai biết. Một tường trình của IMF (Quỹ Tiền tệ Quốc tế) năm 2002 cho biết 21 phần trăm chi phí, tương đương vào khoảng 4.1 tỉ USD, của chính phủ trong giai đoạn từ 1991 đến 2001 đã không được kết toán. Bản thân José Eduardo dos Santos, được quốc hội bù nhìn ca ngợi là "thông minh" và "thành thật", rất hiếm khi rời khỏi dinh thự nguy nga nhìn ra biển của y, trong khi phần lớn dân Angola phải chịu đựng

nghèo nàn, bệnh tật trong các khu nhà bằng đất tồi tàn và tuổi thọ trung bình của người dân Angola chỉ 37 tuổi.

Đồng minh thân cận và cũng là người bảo trợ chính của chế độ độc tài tham nhũng dos Santos không ai khác hơn là Trung Cộng. Trung Cộng cho Angola vay 2 tỉ USD để tài trợ cho các công trình xây dựng phi trường, đường sá tại Angola, và để đáp lại khách hàng ưu tiên và hàng đầu của dầu hỏa Angola là Trung Cộng. Năm 2004, Angola là nước thứ ba sau Saudi Arabia và Iran, cung cấp dầu hỏa cho Trung Cộng. Chỉ riêng trong tháng 3.2006, Angola chuyên chở đến Trung Cộng 456 ngàn thùng dầu một ngày, vượt qua cả Saudi Arabia.

Tại Zimbabwe, tháng 3 năm 2008 vừa qua, đã tiến hành cuộc bầu cử tổng thống và quốc hội. Ứng cử viên Morgan Tsvangirai của Phong trào vì Thay đổi Dân chủ (Movement for Democratic Change) thắng đủ đa số phiếu để buộc đương kim Tổng thống Magube, nhà chính trị có tư tưởng cộng sản, phải tham gia cuộc bầu cử vòng hai quyết định. Trước viễn ảnh thất bại sẽ xảy ra, trong ba tháng vận động tranh cử vòng hai, Magube sử dụng phương pháp khủng bố, đe dọa và ám sát các thành phần đối lập có khuynh hướng dân chủ. Kết quả là trên một trăm người ủng hộ ứng cử viên Morgan Tsvangirai bị giết, hàng ngàn người khác bị thương, nhà cửa, các cơ sở thương mại của phe đối lập bị đốt cháy. Morgan Tsvangirai cuối cùng đã phải quyết định rút ra khỏi vòng tranh cử. Không có đối thủ, Magube thắng vòng hai với 85 phần trăm số phiếu vào ngày 27 tháng 6.2008.

Mỹ, Anh và phần lớn các quốc gia trong Liên minh châu Âu kết án Magube vi phạm nhân quyền và ăn cắp cuộc bầu cử. Ngày 11 tháng 7 năm nay, cố gắng của các nước phương Tây, Anh, Pháp, Mỹ nhằm tái lập dân chủ và ổn định tại Zimbabwe tan vỡ khi Trung Cộng tuyên bố sẽ

phủ quyết các quyết nghị của Liên Hiệp Quốc để trừng phạt chính quyền độc tài của Tổng thống Mugabe. Đại sứ Trung Cộng tại Liên Hiệp Quốc Vương Quang Á lý luận: "*Về mặt quốc tế, sự sử dụng hay đe dọa sử dụng sự trừng phạt rất ít hay không giải quyết được vấn đề*".

Chính quyền Trung Cộng cho rằng họ chủ trương "chính sách không can thiệp" vào nội bộ các quốc gia khác, trong trường hợp này là Zimbabwe, nhưng thực chất họ đã can thiệp vào quốc gia này từ hai mươi năm trước. Theo giáo sư David Shinn, thuộc Đại học George Washington, Trung Cộng bán chiến đấu cơ J-7 và radar cho Zimbabwe, và mới đây không lực Zimbabwe nhận thêm 6 phản lực cơ K-8. Để trao đổi, Magube hứa sẽ cho phép Trung Cộng sử dụng nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú của quốc gia này. Trong suốt thời gian vận động tranh cử giữa Morgan Tsvangirai và Magube, các tàu chở vũ khí của Trung Cộng nhiều lần cố gắng nhập vào các cảng Zimbabwe.

Và bất hạnh nhất là Sudan. Nhắc đến Sudan, người ta sẽ nghĩ ngay đến cuộc diệt chủng vùng Darfur. Trong cuộc xung đột giữa các bộ tộc vùng Darfur, phía tây Sudan, bùng nổ vào đầu năm 2002, chính phủ Sudan cung cấp tài chánh, vũ khí cho nhóm quân sự Janjaweed, cũng như đã tham gia các cuộc tàn sát các bộ lạc Fur, Zaghawa và Massaleit. Cuộc xung đột đã giết chết trên 200 ngàn người và khoảng 2 triệu rưỡi người không nhà cửa, phải sống chen chúc trong các trại tỵ nạn. Đến nay, theo thống kê của Liên Hiệp Quốc, đã có 400 ngàn người bị giết, trong khi các tài liệu khác phỏng đoán từ 200 ngàn cho đến 400 ngàn.

Sudan, dưới sự lãnh đạo của Tổng thống Omar al-Bashir, đã tham gia trực tiếp vào cuộc tàn sát, hiếp dâm, đày ải hơn hai triệu người dân trong khu vực Darfur.

Chính phủ Sudan bị Liên Hiệp Quốc và hầu hết các quốc gia hội viên kết án. Tháng 6.2008, biện lý Tòa án Quốc tế Luis Moreno-Ocampo, người Argentina, ngoài việc truy tố các viên chức trong chính quyền Sudan, đã có ý định truy tố chính Tổng thống Sudan Omar Hassan al-Bashir về tội diệt chủng chống lại nhân loại. Nếu điều đó xảy ra thì đây sẽ là lần đầu tiên Tòa án Quốc tế tại The Hague sẽ xử một nguyên thủ quốc gia. Phản ứng trước tin tức này, ngày 15 tháng 7.2008, đại sứ Trung Cộng tại Liên Hiệp Quốc bày tỏ "sự lo ngại trầm trọng" nếu tòa án quốc tế bắt giữ Tổng thống Sudan và đe dọa phủ quyết bất cứ quyết nghị Liên Hiệp Quốc nào chống lại chính quyền độc tài Bashir.

Trung Cộng bằng mọi giá bảo vệ chế độ diệt chủng Bashir cũng chỉ vì dầu hỏa. Công ty dầu khí quốc doanh của Trung Cộng là khách hàng đầu tư số một vào kỹ nghệ dầu khí Sudan. Trung Cộng sở hữu nhiều mỏ dầu chung quanh khu vực Darfur. Trung Cộng mua 70 phần trăm dầu của Sudan và thậm chí giúp Sudan xây dựng các xưởng chế tạo vũ khí. Theo tạp chí *Sudan Tribune* trong bài bình luận nhân chuyến viếng thăm của Chủ tịch Nhà nước Trung Cộng tháng 5.2007, "Không có quốc gia nào có nhiều ảnh hưởng đối với Khartoum hơn Trung Cộng, khách hàng tiêu thụ 70 phần trăm tổng sản xuất dầu của Sudan, và đã nhiều lần dùng quyền phủ quyết để ngăn cản trừng phạt chế độ Bashir". Mặc dù quyết nghị 1591 được Liên Hiệp Quốc thông qua năm 2005 ngăn cấm việc cung cấp vũ khí cho chính quyền độc tài Bashir, theo một điều tra của phái viên Hilary Anderson của đài BBC công bố ngày 12 tháng 7 vừa qua, Trung Cộng đã cung cấp huấn luyện và trang bị vũ khí, kể cả các hỏa tiễn phòng không cho quân đội Sudan tại Darfur. BBC đã phỏng vấn trực tiếp các nhân chứng trong phe chống chính phủ và được xác nhận các vũ khí mà họ tịch thu được từ chính

phủ Sudan vào tháng 12 năm 2007 được nhập từ Trung Cộng. Bà Abakar Mohammed, mẹ của bảy đứa con, đã tận mắt chứng kiến ba đứa con nhỏ của bà bị các chiến đấu cơ Trung Cộng bắn nát thành những mảnh thịt nhỏ.

Hôm nay 8 tháng 8.2008, lần đầu tiên trong lịch sử, Trung Cộng tưng bừng khai mạc Thế vận hội mùa hè lần thứ 29 với chi phí tổ chức ước lượng lên đến khoảng 44 tỉ USD. Thế vận hội cũng đánh dấu một chặng đường dài của Trung Cộng từ một nước khép kín trở thành một đế quốc đỏ đầy quyền lực. Con đường thành công của Trung Cộng, giống như hầu hết các đế quốc trước đây, đã nhuộm bằng máu, lót bằng xương của hàng triệu người dân các nước nhược tiểu nghèo nàn và bất hạnh. Một tuần trước ngày Thế vận hội khai mạc, nhà báo Corey Hunt trong một bài bình luận trên tờ *Contra Costra Times*, đã kêu gọi toàn thế giới khi ngọn đuốc Olympic vừa đi đến chặng cuối cùng trước khi được thắp lên trên quảng trường Olympic ở Bắc Kinh, hãy dành một phút im lặng để tưởng nhớ đến những nạn nhân của chính sách khủng bố Mugabe ở Zimbabwe, Omar al-Bashir ở Sudan, José Eduardo dos Santos ở Angola và nhiều chế độ độc tài khác trên lục địa châu Phi với sự ủng hộ và bao che của Trung Cộng.

Tham khảo

Martin Meredith, *The Fate of Africa*, Public Affairs 2005

John Ghazvinian, *Unatpped, the scamble for Africa 's oil,* Harvest Book 2005

Martin Meredith, *Magube*, Public Affairs, 2007

Center for Strategic and International Studies and the Peter G . Peterson Institute for International Economics, *China: The Balance Sheet*, Public Affairs 2007

David H. Shinn, *China, Africa and Chinás Global Activism* , The George Washington University

Open Society Archives http://www.osa.ceu.hu

Deng Xiaoping answers to Italian Journalist Oriana Fallacia, August 21 and 23, 1980
http://english.peopledaily.com.cn/dengxp/vol2/text/b1470.html

China and Sudan: Deadly Partnership
http://www.savedarfur.org/pages/china_and_sudan

Brett D. Schaefer and John J. Tkacik, Jr, *Zimbabwes's Enabler: How Chinese Arms keep Magube in Power*,
http://www.heritage.org/Research/africa/wm1997.cfm#_ftn4

Princeton Lyman, Director of Africa Policy Studies, Council on Foreign Relation, China's Rising Role in Africa, July 2005
http://www.cfr.org/publication/8436/

DIỄN BIẾN, CHỐNG DIỄN BIẾN VÀ TỰ DIỄN BIẾN HÒA BÌNH

Tháng 4/1994, trước làn sóng cách mạng dân chủ diễn ra tại Đông Âu, "diễn biến hòa bình" vốn là một đe dọa, đã được Trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam đưa lên hàng nguy cơ, và là một trong bốn nguy cơ hàng đầu trong Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VII) tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ. Từ đó đến nay, đại hội X sang đại hội XI cũng như trong các văn kiện đảng, tập huấn, hội nghị, sách vở của nhà xuất bản chính trị quốc gia nhiều lần nhắc nhở đến nguy cơ này.

Theo Từ điển Bách khoa xuất bản tại Việt Nam 2005, diễn biến hòa bình được định nghĩa: "*Diễn biến hòa bình chiến lược của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế, được thực hiện dưới một phương thức, thủ đoạn mới để chống phá, đẩy lùi và đi đến xoá bỏ chủ nghĩa xã hội. Đối tượng của chiến lược Diễn biến hòa bình là các nước có khuynh hướng phát triển phi tư bản chủ nghĩa. Bản chất của chiến lược DBHB là chống chủ nghĩa xã hội. Nội dung cơ bản là phá hoại các nước xã hội chủ nghĩa về*

các mặt chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hoá, xã hội, v.v... Phương thức và thủ đoạn chủ yếu là tạo dựng và thúc đẩy những nhân tố phản động, chống đối từ bên trong, đẩy đối phương vào khủng hoảng toàn diện, từng bước chuyển hoá chế độ chính trị theo con đường phát triển tư bản chủ nghĩa hoặc bị chính các thế lực chống đối dùng bạo lực lật đổ...”

Diễn biến hòa bình không phải là một chủ thuyết độc lập nhưng là một bộ phận của hai học thuyết đối ngoại thịnh hành của Mỹ sau thế chiến thứ hai là *ngăn chận* (containment) và *đẩy lùi* (rollback).

Tháng 2 năm 1946, George F. Kennan, nhân viên ngoại giao làm việc cho tòa đại sứ Mỹ tại Liên Xô, gởi Bộ Ngoại giao Mỹ một bản phân tích qua hình thức một điện tín dài 5.500 chữ, trong đó ông trình bày một cách chi tiết quan điểm của Stalin về tương lai nhân loại, mục tiêu và chiến lược của Liên Xô sẽ được áp dụng trên phạm vi toàn thế giới, điểm mạnh và điểm yếu của chế độ Cộng sản, đồng thời đề nghị một số biện pháp cần thiết phải được áp dụng để ngăn chận làn sóng Cộng sản. Chính sách đối ngoại chỉ đạo của Mỹ đặt cơ cở trên những phân tích của George Kennan được gọi là ngăn chận (containment).

Lý thuyết đẩy lùi (rollback) các ảnh hưởng của khối Cộng sản tại những nơi bị Cộng sản chiếm được phác họa trước hết nhắm đến các quốc gia Cộng sản chư hầu của Liên Xô tại Đông Âu. Người cổ võ mạnh mẽ nhất cho lý thuyết này là cố Ngoại trưởng Mỹ John Foster Dulles .Trong lúc lý thuyết ngăn chặn nặng về phòng thủ, lý thuyết đẩy lùi nghiêng về phía phản công. Hai lý thuyết này chế ngự chính sách đối ngoại của Mỹ trong và cả sau chiến tranh lạnh, tùy thuộc hoàn cảnh chính trị tại mỗi quốc gia mà một hay cả hai chính sách được áp dụng.

Người đầu tiên gợi ý về diễn biến hòa bình là George Kennan và được ngoại trưởng Dean Acheson dưới thời tổng thống Harry Truman ủng hộ. Tuy nhiên người giải thích rõ quan điểm này cũng là John Foster Dulles. Trong một điều trần tại Quốc hội Mỹ 15 tháng Giêng 1953, Ngoại trưởng Dulles phát biểu: *"Chúng ta phải luôn ghi nhớ đến việc giải phóng các dân tộc bị nô lệ. Tuy nhiên, giải phóng đây không có nghĩa là phát động chiến tranh giải phóng, có nhiều phương tiện khác hơn chiến tranh có thể được dùng để giải phóng".*

John Foster Dulles (1888-1959) giữ chức Bộ trưởng Ngoại giao dưới thời Tổng thống Dwight D. Eisenhower từ 1953 đến 1959. Ông là một chính khách có lập trường chống Cộng sản cương quyết, biện hộ cho chủ trương cứng rắn trong việc đối đầu với phong trào Cộng sản Quốc tế, nhất là với Trung Cộng và Liên Xô. Tại hội nghị Geneva 1954, được biết là ông đã từ chối bắt tay Ngoại trưởng Trung Cộng Chu Ân Lai. Với tư cách Ngoại trưởng, Dulles dành nhiều thời gian để xây dựng khối Minh Ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) nhằm chặn đứng sự bành trướng của Xô Viết sang Tây Âu. Tại viễn đông, Dulles vận động thành lập Tổ Chức Liên Phòng Đông Nam Á (SEATO). Dulles cũng đưa ra hai chủ trương được gọi là "bên miệng hố chiến tranh" (brinkmanship) và trả thù ồ ạt (massive retaliation) để đặt các quốc gia Cộng sản tiêu hao tài nguyên nhân lực trong tình trạng thường trực chuẩn bị cho chiến tranh. Với Trung Cộng, Ngoại trưởng John Foster Dulles có thái độ chống đối ra mặt và có lần đã gọi chế độ Cộng sản tại Trung Quốc là "hiện tượng xấu". Trong một diễn văn vào tháng Sáu 1957, ông còn nhấn mạnh "hiện tượng đó phải biến mất đi". Ngày 11 tháng 8/1958, trong một thông cáo báo chí, Bộ Ngoại giao Mỹ dưới quyền John Foster Dulles xác định "*Chủ nghĩa*

Cộng sản tại Trung Quốc không phải là vĩnh cửu và một ngày nào đó chế độ đó sẽ sụp đổ". Ngày 24 tháng Mười 1958, trong một phỏng vấn dành cho đài BBC, Ngoại trưởng Dulles tiên đoán *"Chủ nghĩa Cộng sản sẽ nhường bước cho một hệ thống mới quan tâm đến an sinh của quốc gia và con người", "Cộng sản Trung Quốc và Cộng sản Nga không phục vụ lợi ích của con người" và "thứ Cộng sản đó sẽ thay đổi".*

Mao Trạch Đông, được biết là người đầu tiên diễn dịch quan điểm của Ngoại trưởng Dulles thành *"diễn biến hòa bình".* Trước tình hình nội bộ đảng không bao giờ đoàn kết và quan hệ xấu dần theo giữa Trung Cộng với Liên Xô, *"diễn biến hòa bình"* trở thành mối bận tâm hàng đầu của Mao Trạch Đông. Theo hồi ký của Bạc Nhất Ba (薄一波), một trong Bát Bất Tử của đảng Cộng Sản Trung Hoa, nguyên Ủy viên Bộ Chính Trị kiêm Chủ tịch Ủy Ban Kinh Tế Nhà Nước, Mao tin rằng chính sách *"diễn biến hòa bình"* của Dulles đã bắt đầu có hiệu quả tại Liên bang Xô Viết qua việc Khrushchev chủ trương "sống chung hòa bình" với khối tư bản.

Các báo *Hồng Kỳ* và *Nhân Dân* đăng hàng loạt các bài bình luận tố cáo Khrushchev phản bội lý tưởng Cộng sản. Mao Trạch Đông tìm mọi cách để ngăn chận tình trạng mà ông ta kết án là Chủ nghĩa xét lại xảy ra tại Trung Cộng. Mao đọc các bài điều trần và diễn văn của Ngoại Trưởng Dulles từng chữ một. Việc Thống chế Bành Đức Hoài phê bình chính sách "Ba ngọn cờ đỏ" tại Hội Nghị Lư San càng làm cho Mao nghi ngờ thêm rằng các mầm mống của diễn biến hòa bình đang phát sinh ngay trong nội bộ đảng Cộng sản Trung Quốc. Cũng theo Bạc Nhất Ba , tháng 11 1959, Mao triệu tập một phiên họp Bộ Chính trị thu hẹp để thảo luận về tình hình quốc tế. Trong dịp này Mao ra lịnh thư ký in và phân phối cho các thành viên tham dự

phiên họp ba diễn văn quan trọng của Ngoại trưởng Dulles. Ba diễn văn đó gồm *Chính sách đối với Viễn đông* (Policy for the Far East) đọc tại Phòng Thương Mại California ngày 4 tháng 12, 1958, *Bản điều trần trước Ủy Ban Ngoại Giao Hạ Viện Hoa Kỳ* ngày 28 tháng Giêng 1958, và bài thuyết trình *Vai trò của Luật pháp trong Thời bình* (The Role of Law in Peace) trình bày trước Hội Luật Sư New York ngày 31 tháng Giêng 1959.

Trong bài viết *"Đế quốc Mỹ, kẻ thù hung bạo nhất của loài người"* vào ngày 12 tháng Giêng 1964, Mao nhấn mạnh đến sự phát triển của diễn biến hòa bình tại Liên Xô: "*Chính sách xâm lược và chiến tranh của chủ nghĩa đế quốc Mỹ đe dọa một cách trầm trọng đến Liên bang Xô Viết, Trung Cộng và các nước xã hội chủ nghĩa khác. Hơn nữa, nó đang mãnh liệt tìm cách đẩy mạnh chính sách "diễn biến hòa bình" tại các nước xã hội chủ nghĩa nhằm mục đích tái lập chủ nghĩa tư bản và làm tan rã phe xã hội chủ nghĩa*". Trong khoảng thời gian từ 1960 đến 1967, Mao tập trung toàn bộ nỗ lực vào việc chống chủ nghĩa xét lại Xô Viết và thanh trừng các phần tử y cho là xét lại trong đảng Cộng sản Trung Hoa, đứng đầu là Thống Chế Bành Đức Hoài. Nhiều nhà phân tích cho rằng *" diễn biến hòa bình"* đã đẩy Mao vào các hoạt động thanh trừng nội bộ đẫm máu trong thời gian đó, tuy nhiên cũng có quan điểm cho rằng Mao đã lợi dụng lý do chống diễn biến hòa bình để loại bỏ các phần tử chống y trong bộ chính trị.

Tuy nhiên, áp bức và đấu tranh là hai mặt biện chứng trong quy luật phát triển của xã hội con người. Một chủ nghĩa đi ngược tại đà tiến của văn minh, chà đạp lên giá trị con người chủ nghĩa đó phải sụp đổ. Đúng như John Foster Dulles nhận xét, sau khi các thế hệ cộng sản đam mê làm cách mạng sắt máu ra đi, các thế hệ chuyển tiếp và thứ ba, thứ tư đối diện với gia tài băng hoại về mọi mặt

buộc họ hoặc phải thay đổi để duy trì quyền lãnh đạo hay phải chịu sụp đổ không tránh khỏi trước sức phản kháng của nhân dân. Nhiệt tình cách mạng xã hội chủ nghĩa và niềm tin vào một xã hội không giai cấp, làm theo năng lực hưởng theo nhu cầu là những chiếc bong bóng nước sau cơn mưa thời đại. Tuy mức độ nhanh chậm khác nhau, những cải tổ thuận theo hướng phát triển chung của nhân loại đã đồng loạt xảy ra. Nói như nhà bình luận chính trị Á Châu Frank Chinh, lãnh đạo các nước Cộng sản chọn "diễn biến hòa bình theo cách riêng của họ".

Giống như Mao, Đặng Tiểu Bình lo ngại về *"diễn biến hòa bình"* nhưng khác Mao, y biết diễn biến là điều không tránh khỏi. Tháng 11/1989, họ Đặng nhận xét về viễn ảnh này: "*Các nước Tây phương đang phát động một thế chiến thứ ba không khói súng. Họ muốn tạo ra một diễn biến hòa bình để đưa các nước xã hội chủ nghĩa sang tư bản chủ nghĩa*". "*Đồng chí Giang Trạch Dân và cấp lãnh đạo trong chính phủ của ông, có thể được xem như thuộc thế hệ thứ ba, và sẽ có thế hệ thứ tư, thứ năm. Khi nào thế hệ già như chúng tôi còn sống, sẽ không có thay đổi. Nhưng khi chúng tôi chết hết, ai bảo đảm là sẽ không có diễn biến hòa bình?*" Mặc dù vẫn tiếp tục chống *"diễn biến hòa bình"*, các chính sách kinh tế, chính trị của Đặng Tiểu Bình và sau đó được Giang Trạch Dân kế tục qua chính sách Ba Đại Diện đã góp phần đẩy mạnh tự diễn biến hòa bình bởi vì như Đặng Tiểu Bình nói *"Con người không thể ăn chủ nghĩa xã hội".*

Tại Xô Viết, sau khi Leonid Brezhnev chết ngày 10 tháng 11/982, Yuri Andropov nắm chức Tổng bí thư nhưng chỉ chưa được hai năm cũng chết vì bịnh suy thận giao quyền lại cho Konstantin Chernenko. Lúc đó Konstantin Chernenko đã 71 tuổi và cũng đang bịnh hoạn. Ngày 10 tháng 3/1985, viên tổng bí thư cực đoan

bảo thủ này theo gót Leonid Brezhnev và Yuri Andropov về với Mác. Với sự ủng hộ của Andrey Gromyko, Bộ Trưởng Ngoại Giao lâu đời nhất trong lịch sử Xô Viết, Mikhail Sergeyevich Gorbachev lên nắm quyền không bị sự cản trở lớn nào. Trong lúc hầu hết các tổng bí thư trước đó sinh ra trước Cách Mạng Cộng sản 1917, Gorbachev sinh ra trong thời Cộng Sản, không mang trong người một dòng lý lịch vào tù ra khám nào và chỉ gia nhập đảng Cộng sản trong thời gian theo học Luật tại Đại Học Moscow. Ở tuổi 54, Gorbachev là ủy viên Bộ Chính trị trẻ tuổi nhất trong lịch sử đảng Cộng sản Liên Xô. Tháng Giêng 1987, các *Cải tổ kinh tế* (Perestroika) và *Cởi mở văn hóa chính trị* (glasnost) tại Xô Viết bắt đầu. Ngày 26 tháng 11/1991, hệ thống Cộng sản Liên Xô chính thức sụp đổ.

Tại Việt Nam, mặc dầu các ý kiến về Đổi Mới Kinh Tế manh nha từ 1983, các chính sách đổi mới kinh tế mới thật sự bắt đầu tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần VI của Đảng Cộng sản Việt Nam 1986. Tại đại hội này, giới lãnh đạo đảng nhìn nhận các sai lầm kinh tế đã dẫn đến những khủng hoảng trầm trọng và cam kết từng bước thực hiện chính sách đổi mới nhằm theo đuổi "công nghiệp hóa-hiện đại hóa". Mặc dầu chủ trương đổi mới nhưng thành phần Bộ Chính Trị được bầu ra trong đại hội VI đa số là những người rất cũ và rất bảo thủ như Phạm Hùng, Võ Chí Công, Đỗ Mười, Đồng Sỹ Nguyên, Mai Chí Thọ, v.v…Trong số 13 ủy viên Bộ Chính Trị, chỉ có Trần Xuân Bách chủ trương đổi mới theo mô hình Gorbachev trong đó đổi mới kinh tế phải tiến hành song song với đổi mới chính trị.

Trần Xuân Bách nhận thức được sự vận hành của lịch sử. Ông hiểu rằng bài ca chiến thắng buổi sáng 30 tháng Tư 1975 đang trở thành bài ai điếu. Dân tộc Việt Nam đã

chịu đựng quá nhiều, hy sinh xương máu quá nhiều. Đổi mới xã hội toàn diện sớm chừng nào tốt cho các thế hệ Việt Nam mai sau chừng đó. Nhưng giữa một đám bảo thủ chỉ biết bám vào chiếc bè quyền lực, quan điểm của Trần Xuân Bách trở nên lạc lõng. Giáo Sư Carl Thayer phát biểu với BBC sau ngày ông Trần Xuân Bách qua đời: *"Cuối cùng Việt Nam đi theo con đường của Trung Quốc, nhấn mạnh đến mục tiêu tăng trưởng kinh tế là lý do người dân cần phải theo đảng. Cải tổ chính trị, theo tôi, thì vô cùng chậm chạp. Và kể từ khi ông Trần Xuân Bách bị sa thải, Việt Nam cũng chẳng đẩy mạnh cải cách chính trị gì cả, và thậm chí số người bất đồng chính kiến có vẻ tăng lên, số vụ hà hiếp họ cũng tăng lên. Do vậy Việt Nam vẫn còn đi sau trong lĩnh vực cải tổ chính trị, và Đảng muốn kiểm soát chặt chẽ tiến trình này."*

Trần Xuân Bách chia sẻ quan điểm với Leonid Abalkinm, cố vấn kinh tế của Gorbachev: "*Đổi mới sâu sắc trong quản trị kinh tế không thể thành thực tế nếu không có những thay đổi tương ứng với đổi mới trong chính trị*".

Trong bài phát biểu cuối năm 1989 trước khi bức tường Berlin đã sụp đổ, Trần Xuân Bách nói về dân chủ: "*Dân chủ không phải là ban ơn, không phải là mở rộng dân chủ (mở rộng). Đó là quyền của dân, với tư cách là người làm nên lịch sử, không phải là ban phát, do tấm lòng của người lãnh đạo này hay người lãnh đạo kia. Thực chất của dân chủ hóa là khơi động trí tuệ của toàn dân tộc để tháo gỡ khó khăn và đưa đất nước đi lên kịp thời đại. Từ hai vấn đề đó, xẩy ra một vấn đề quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị là thế nào? Có nước tự cho mình không cần đổi mới, đã bị bục vỡ. Có nước coi đổi mới kinh tế phải làm nhanh, còn đổi mới chính trị thì chầm chậm cũng bục chuyện. Có nước chỉ đổi mới kinh tế, không đổi mới chính trị, đã bục to. Có nước làm cả hai, nhưng không*

nhịp nhàng, gặp khó khăn. Hai lãnh vực này phải nhịp nhàng, không chân trước chân sau, không tấp tểnh đi một chân."

Cũng vì "tấp tểnh đi một chân" mà sau 25 năm đổi mới, Việt Nam vẫn là một quốc gia nghèo và phát triển chậm so với hầu hết các quốc gia trong vùng như Thái Lan, Malaysia, Indonesia, đừng nói chi là Singapore, Hàn Quốc. Nhìn lại đất nước trong từng lãnh vực, không có thành tựu nào đáng hãnh diện với thế giới. Những gì được gọi là thành quả thật quá nhỏ nhoi so với sự chịu đựng của dân tộc. Trong thống kê 2010 của tổ chức Minh Bạch Quốc Tế (Transparency International), Việt Nam bị xếp vào hàng 116 trong tổng số 178 nước được thăm dò với chỉ số điểm vỏn vẹn 2.7 trên 10, cùng hạng với Ethiopia, Tanzania, Guyana.

Ngoài một xã hội bị tham nhũng đục khoét bên trong, lãnh đạo đảng Cộng sản Việt Nam đang đứng trước nhiều đe doa, cô lập và lợi dụng từ bên ngoài. Mâu thuẫn giữa các quốc gia có quyền lợi kinh tế trong vùng biển Đông ngày càng gay gắt và không sớm thì muộn cũng sẽ dẫn đến chiến tranh trong khu vực. Và nếu đúng như vậy, giới lãnh đạo Cộng sản Việt Nam sẽ làm gì để bảo vệ được chủ quyền đất nước hay lại một lần nữa ném dân tộc vốn đã quá lầm than vào lò thiêu của tham vọng ngoại bang?

Từ Neville Chamberlain đến Richard Nixon, từ Franklin Roosevelt đến Herbert W. Bush, lịch sử nhân loại để lại vô số bài học về tham vọng đế quốc và số phận bất hạnh của các quốc gia nhược tiểu. Vì quyền lợi của đất nước, các cường quốc sẵn sàng bỏ rơi hay bán đứng đồng minh như Anh đã làm với Tiệp Khắc tại Munich 1938, Anh và Mỹ đã làm với Ba Lan tại Yalta 1944, Mỹ đã làm với Việt Nam Cộng Hòa tại hội nghị Paris 1973, hoặc phó mặc sinh mạng của những người đứng lên vì khát vọng tự

do dân chủ làm mồi cho đoàn kên kên Xô Viết như trường hợp Hungary 1956, Tiệp Khắc 1968.

Tháng 4, 2006, Bộ trưởng Ngoại Giao CSVN Nguyễn Dy Niên, trong cuộc phỏng vấn dành cho báo chí trong nước đã phát biểu về diễn biến hòa bình: *"Trong các văn kiện của Đảng chúng tôi cũng như trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhiều học giả VN và nhà báo cũng đã nói đến diễn biến hòa bình. Đây không phải suy diễn mà là hiện tượng thực tế mà VN nhìn nhận. VN đang cố gắng xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do dân, vì dân để người dân thực sự dân chủ. Tôi nghĩ là 4 nguy cơ VN đề ra, mà đẩy lùi được thì sẽ tăng được sự phát triển, nâng cao được Tòa Soạn. Việc xây dựng nhà nước pháp quyền, đẩy lùi tham nhũng thành công, theo tôi, sẽ là biện pháp ngăn chặn diễn biến hòa bình".* Khi được hỏi tiếp, ai là kiến trúc sư của "Diễn biến hòa bình", Nguyễn Duy Niên thoái thác: *"Có lẽ chúng ta không nên nói ai là kiến trúc sư mà chỉ nói những vấn đề mà VN phải xử lý. Đó là thách thức phải đối mặt và xử lý thế nào để vẫn giữ được bản sắc dân tộc và độc lập tự chủ của chế độ…".*

Câu trả lời của Nguyễn Dy Niên cho thấy, giới lãnh đạo Cộng sản thừa nhận có diễn biến hòa bình và đang chiến đấu trong tuyệt vọng để ngăn chận tiến trình này bằng các chính sách tự diễn biến nhằm "xây dựng nhà nước pháp quyền, đẩy lùi tham nhũng". Thế nhưng, tình trạng tham nhũng chỉ là hiện tượng chứ không phải là bản chất của xã hôi. Tham nhũng tại Việt Nam có tính đảng và ngày nào các cơ chế tạo điều kiện cho tham nhũng hình thành và phát triển còn tồn tại, tham nhũng sẽ không bị xóa bỏ tận gốc.

Một mặt đảng tiếp tục nhồi sọ sinh viên học sinh những mớ lý thuyết Mác Lê lạc hậu lỗi thời nhưng mặt khác tự diễn biến hòa bình để kéo dài sự sống. Trong dịp

mừng sinh nhật Hồ Chí Minh 2010, Lê Hùng Nghĩa, trong phát biểu tại Học Viện Ngoại Giao, nhắc lại ngay từ năm 1946, trong đơn thỉnh nguyện Liên Hiệp Quốc ủng hộ Việt Nam vừa độc lập, ông Hồ đã viết "Việt Nam thu xếp các điều kiện ưu đãi đối với các nguồn đầu tư tư bản từ các nước". Hồ Chí Minh, từ một "người Cộng sản quốc tế kiên cường" được diễn biến hòa bình sang một "nhà tư tưởng dân tộc" và hôm nay tiếp tục được diễn biến thành một nhà chủ trương tư bản hóa Việt Nam. Những năm tới sẽ là gì nữa?

Dù đã tìm mọi cách để bảo vệ "độc lập tự chủ của chế độ" như Nguyễn Dy Niên nói, hơn ai hết giới lãnh đạo Đảng biết không thể nào ngăn chận được bước chân của người khổng lồ cách mạng dân chủ đang sừng sững tới. Đến nhanh hay chậm, đến trong bối cảnh đầy máu mủ hay êm đẹp tùy thuộc vào điều kiện chính trị, lịch sử của mỗi quốc gia nhưng tự do dân chủ là tiến trình không thể nào lui. Bởi vì, diễn biến hòa bình không phải là "chiến lược của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế" hay "phương thức, thủ đoạn mới để chống phá, đẩy lùi và đi đến xoá bỏ chủ nghĩa xã hội", nhưng là một bước phát triển có tính quy luật của văn minh nhân loại. Tiến trình dân chủ hóa đã diễn ra tại Liên Xô, Đông Âu, các quốc gia độc tài Bắc Phi, và sẽ đến Việt Nam.

Dòng tiến hóa của con người là một dòng sông không ngừng chảy. Từ giai đoạn sơ khai trên thượng nguồn Hy Lạp xa xôi, con người đang bước một sang giai đoạn thật sự làm chủ lấy mình. Các chế độ phong kiến hà khắc đã chìm sâu trong quá khứ, các chủ thuyết phi nhân đang bị xóa bỏ, các chế độ độc tài sắt máu lần lượt ra đi,. Theo tổ chức Freedom House, hiện nay có 117 trong số 191 quốc gia trên thế giới sống trong chế độ dân chủ, tuy mức độ còn ít nhiều khác nhau. Có quốc gia không may mắn phải

đổ nhiều xương máu nhưng cũng có quốc gia may mắn, cách mạng đã diễn ra trong hòa bình. Cách mạng dân chủ tại Nam Phi 1994 và Nam Dương 1998 là hai bài học đáng lưu ý.

Năm 1974, lãnh tụ đảng Đoàn Kết Nam Phi Harry Schwarz và lãnh tụ da đen Mangosuthu Buthelezi cùng chia sẻ một nhận thức rằng chế độ phân biệt chủng tộc Nam Phi phải chấm dứt và việc giải thế độ phân biệt chủng tộc tại Nam Phi là bước cần thiết đầu tiên để hòa giải quốc gia và xây dựng chế độ dân chủ Nam Phi. Hai nhà chính trị sáng suốt này đã ký kết một văn kiện lịch sử được gọi là Mahlabatini Declaration of Faith tại Mahlabatini, KwaZulu-Natal ngày 4 tháng Giêng 1974. Nội dung chính của văn kiện kêu gọi nhân dân Nam Phi thuộc mọi màu da, bộ lạc, đảng phái phải ngồi lại tìm một hướng đi tốt đẹp lâu dài cho đất nước, cùng soạn thảo một hiến pháp nhấn mạnh đến việc tôn trọng các quyền tự do căn bản của con người, nhưng quan trọng nhất văn kiện nhấn mạnh rằng các mục tiêu nêu trên phải diễn ra trong hòa bình. Sau giai đoạn hai mươi năm đầy khó khăn, thử thách cho đất nước và cho cả hai lãnh tụ, cuối cùng 1994, nhân dân Nam Phi đã thực hiện cuộc bầu cử dân chủ đầu tiên.

Tại Nam Dương, sau 32 năm độc tài tướng Suharto đã buộc phải từ chức 1998. Nam Dương cần sáu năm và ba lần bầu cử để từng bước ổn định quốc gia. Theo giáo sư Ik rarnua Bhaki, tác giả của nghiên cứu "Chuyển tiếp đến dân chủ tại Nam Dương: Những vấn đề còn tồn đọng" (The transition to democracy in Indonesia: some outstanding problems) trong thời gian năm năm sau khi Suharto bị hạ bệ, Indonesia có ba tổng thống B.J. Habibie, Abdurrahman Wahid, and Megawati Sukarnoputri, nhưng tất cả số đó đã được bầu lên hợp với các nguyên

tắc dân chủ. Đại đa số dân chúng được hưởng các quyền tự do phát biểu, tự do thông tin, các quyền kiểm soát lẫn nhau giữa hành pháp và lập pháp được tôn trọng, và phi chính trị hóa các lực lượng võ trang. Mặc dù tiến trình dân chủ tại Nam Dương khó khăn hơn các quốc gia khác bởi vì không chỉ đương đầu với tàn dư của cơ chế độc tài mà còn phải vượt qua các trở lực cực đoan tôn giáo, các sinh hoạt dân chủ tại Nam Dương đã được cải thiện rất nhiều. Theo giáo sư Larry Diamond, đại học Stanford, trong một thống kê, trong mức thang từ 1 đến 10, với 1 tệ hại nhất và 10 là dân chủ nhất, những người dân Nam Dương tham dự thống kê đã trả lời 7, tức một mức độ dân chủ đáng ca ngợi.

Giới lãnh đạo đảng Cộng Sản Việt Nam tiếp tục kết án *"diễn biến hòa bình"* nhưng họ quên rằng sự hiểu biết của người là nguồn thúc đẩy cho các thay đổi xã hội. Thời kỳ tẩy não con người bằng các lý thuyết Mác Lê đã không còn tác dụng. Nếu trước đây sự ngu dốt là bạn đường của chủ nghĩa Cộng sản thì ngày nay trình độ dân trí cao là kẻ thù không đội trời chung.

Tác giả Archie Brown, giáo sư chính trị học đại học Oxford, Anh quốc, trong tác phẩm *Sự vươn lên và sụp đổ của chủ nghĩa Cộng sản* (The Rise And Fall Of Communism) phát hành lần đầu 2009 đã nêu ra 8 lý do khiến chủ nghĩa Cộng sản sụp đổ, trong đó lý do hàng đầu không phải là kinh tế hay quân sự mà là sự thay đổi xã hội (Social Change). Theo giáo sư Archie Brown , năm 1939 tại Nga chỉ 11 phần trăm dân số học xong bậc tiểu học nhưng đến 1984 tỉ lệ đó đã tăng đến 87 phần trăm. Năm 1954 chỉ có 1 phần trăm dân số Liên Xô tốt nghiệp đại học nhưng đến 1984, tỉ lệ đó đã tăng gấp 7 lần. Trình độ giáo dục giúp cho người dân không những có khuynh hướng muốn tìm hiểu những gì khác hơn mà còn có ý

nghi ngờ và từ chối các kiến thức họ được chế độ trang bị. Sự chuyển hóa tri thức là một tiến trình không thể bị ngăn chận bởi bất cứ một cơ chế độc tài nào.

Tương tự tại Việt Nam, cách đây 50 năm tại miền Bắc, nhiều người thật sự tin rằng đảng Cộng sản và dân tộc Việt Nam như nước với sữa, như máu với thịt, hay như Hồ Chí Minh nói "đảng là con nòi của dân tộc". Cách đây 36 năm không ít người đã bừng tỉnh và nhận ra rằng chỉ vì mục đích Cộng sản hóa Việt Nam, đảng đã phản bội dân tộc, lợi dụng máu xương của những người ngã xuống vì khát vọng hòa bình, vì mơ ước đoàn viên, vì cơm no áo ấm. Và hôm nay, đông đảo nhân dân đã hiểu rõ cơ chế độc tài là trở lực duy nhất trên con đường dẫn đến một Việt Nam tự do, dân chủ, văn minh. Cuộc cách mạng dân tộc dân chủ toàn diện và triệt để tại Việt Nam chỉ là vấn đề thời gian.

Một sai lầm quen thuộc của các nhà độc tài là đánh giá thấp phản ứng của nhân dân và nghĩ rằng họ có thể duy trì bộ máy cai trị bằng bạo lực mà không cần thay đổi. Từ nhiều năm nay, Đảng Cộng Sản Việt Nam dựa vào tầng lớp bồi bút để binh vực phần lý luận, dựa bộ máy quân đội, công an để trấn áp đồng bào. Thế nhưng, đảng Cộng sản Liên Xô từng có cả một viện hàn lâm chuyên tập trung nghiên cứu lý luận Cộng Sản, Đông Đức có những binh đoàn được trang bị vũ khí hiện đại hơn quân đội Cộng Sản Việt Nam và Cơ quan Bảo vệ Nhà nước (The State Protection Authority) trực thuộc Trung ương đảng Cộng sản Hungary còn tinh vi hơn cả các cơ quan an ninh Việt Nam, và tất cả đều không cứu được đảng.

Bộ máy tuyên truyền của đảng luôn nhấn mạnh "Công an và Quân đội là hai cánh tay của nhân dân, của Đảng" nhưng như cựu Thiếu tướng Nguyễn Trọng Vĩnh phát biểu *"Tôi đã từng nói: con giun xéo lắm phải quằn. Càng*

đàn áp thì phẫn nộ càng tăng và càng lan rộng. Có thể đến một lúc là không kiểm soát được". Thật vậy, ngoài một số rất nhỏ cam phận cầm cờ khiêng kiệu, đại đa số những người lính, những công an Việt Nam vẫn là những thanh niên mang trong người dòng máu Việt Nam. Hầu hết sinh ra sau cuộc chiến, lớn lên trong cảnh đói nghèo, có nước mắt để khóc cho những đồng bào bị hải quân Trung Cộng bắn thủng ngực, có trái tim để biết hờn căm khi nhìn những hải đảo nhuộm bằng máu của ông cha nằm đang trong tay giặc, có niềm tự hào dân tộc để biết đứng lên bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, có lòng tự trọng để biết tủi nhục khi phải đứng canh giấc ngủ cho các ủy viên trung ương bên ngoài những biệt thự cao sang xây bằng xương máu nhân dân.

Các cuộc biểu tình chống Trung Cộng vừa qua, tuy vẫn còn giới hạn nhưng đã có sự tham dự của nhiều thành phần dân tộc. Họ khác nhau về quá khứ nhưng rõ ràng đang hướng đến một tương lai. Đó là tương lai tự do dân chủ cho dân tộc Việt Nam. Không có con đường nào khác. Không có chọn lựa nào khác. Tự do dân chủ là vũ khí để đánh bại âm mưu bành trướng của Trung Cộng, là cánh cửa mở ra chân trời thịnh vượng cho nhiều thế hệ Việt Nam tương lai. Dân chủ không phải là một khái niệm tây phương, là sản phẩm của *"diễn biến hòa bình",* một "âm mưu đế quốc" mà là quyền của con người được sống, được tự do đi lại, tự do phát biểu, được quyền bầu cử người đại diện cho mình trong các cơ quan nhà nước.

Giá trị của một con người được thẩm định không phải ở chỗ người đó bị té ngã nhưng ở chỗ người đó biết đứng lên và đi tới. Dân tộc Việt Nam cũng thế, sau nhiều lần bị té ngã đang cố gắng đứng lên và đi tới cùng nhân loại. Không bằng những nhát búa của thanh niên Đông Đức khi đập vỡ bức tường Bá Linh hay những chiếc kềm của

thanh niên Hungary khi cắt đứt hàng rào biên giới Áo Hung, nhưng bằng những giọt nước kiên trì của các thế hệ Việt Nam yêu nước, thành trì độc tài Cộng Sản sẽ bị xói mòn và tan vỡ.

Tham khảo

Từ điển Bách khoa, Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam, 2005.

Archie Brown, *The raise and fall of communism,* HarperCollins Publishers, 2009

China Heritage Quarterly, The Australian National University, No. 18, June 2009

Hoàng Tùng, *Những kỉ niệm về Bác Hồ*, DienDan.org

New Evidence on the Cold War in Asia, Cold War International History Project Bullentin, issue 12/13, Wilson Center

Susab L. Shirk, *China Fragil Superpower*, Oxford University Press, 2007

Mao Trạch Đông, *Đế quốc Mỹ, kẻ thù hung bạo nhất của loài người,* tuyển tập các bài viết của Mao trong Marxists.org.

The Cambodia genocide Propject, 1994-2011, Yale Uninversity

U.S.-Vietnam Relations in 2011: Current Issues and Implications for U.S. Policy, Mark E. Manyin Specialist in Asian Affairs, Congressional Research Service 2010

Nikita S. Khrushchev, *Speech to 20th Congress of the C.P.S.U*. Marxists.org

Vietnam celebrates a less Marxist Ho on birthday M&G News.

Khmer Rouge 'Brother Number Two' defends regime that killed two million, Telegraph, 08 December 2011.

Phạm Đỗ Chí & Phạm Quang Diệu, *Kinh Tế Việt NamTừ Đổi Mới Đến Hội Nhập*

Bình luận nước ngoài về Trần Xuân Bách, Giáo Sư Carl Thayer trả lời phỏng vấn BBC

Trần Xuân Bách, *Chủ nghĩa xã hội thật sự là gì?* Talawas 2006

John Foster Dulles, wikipedia.org

TRANH CHẤP MỸ– TRUNG, MỘT CẢNH GIÁC CHO LÒNG YÊU NƯỚC

Tại Diễn đàn Khu vực về Hợp tác an ninh ở châu Á tổ chức tại Hà Nội hôm 23 tháng Bảy, 2010, Ngoại Trưởng Hoa Kỳ Hillary Clinton tuyên bố: *"Hoa Kỳ, giống như các quốc gia khác, có quyền lợi quốc gia về tự do hàng hải, mở cửa những thủy lộ chung tại châu Á, và tôn trọng luật pháp quốc tế trên Biển Đông. Hoa Kỳ chia sẻ quyền lợi này chẳng những với các quốc gia thành viên ASEAN hoặc các quốc gia tham dự Diễn đàn Khu vực ASEAN; mà còn với các quốc gia có nhu cầu về hàng hải khác và cộng đồng quốc tế rộng lớn hơn".*

Ngoài ra bà cũng tuyên bố Hoa Kỳ ủng hộ việc quốc tế hóa cuộc tranh chấp hải phận và giải quyết tranh chấp trên cơ sở công ước Liên Hiệp Quốc về luật biển và "chống lại việc bất cứ một quốc gia tranh chấp nào xử dụng vũ lực". Mặc dù Ngoại Trưởng Clinton xác định vai trò trung lập của Hoa Kỳ, những lời tuyên bố của bà rõ ràng nhằm bênh vực các nước nhỏ trong vùng, nhất là

Việt Nam. Ngoại Trưởng Trung Cộng Dương Khiết Trì giận dữ phản ứng: *"Nhận xét của bà Clinton có vẻ như thực sự nhằm mục đích tấn công Trung Quốc bằng cách tạo ra một ảo ảnh rằng tình hình Biển Đông là đáng báo động".* Theo bình luận của báo New York Times, đây là *"một chiến thắng đầy ý nghĩa đối với Việt Nam".*

Trong ba tuần qua, lần đầu tiên sau 35 năm, các phương tiện truyền thông của Đảng lẫn chống Đảng từ trong nước cũng như chống Cộng từ ngoài nước đã loan tải những lời tuyên bố cứng rắn của bà Ngoại Trưởng Mỹ Hillary Clinton kèm theo những lời bình luận vui mừng, tích cực giống nhau.

Điều đó cũng dễ hiểu. Khoan kể mối thù truyền kiếp giữa Trung Quốc và Việt Nam từ mấy ngàn năm trước, khi tổ tiên chúng ta phải sáng xuống biển tìm ngọc trai, chiều lên non tìm ngà voi, trầm hương, châu báu; khoan kể đến hàng triệu tấn súng đạn, xe tăng, đại pháo Trung Cộng đã cày xéo lên quê hương Việt Nam trong suốt cuộc chiến dài; khoan kể những tư tưởng độc hại Trung Cộng đã cấy vào tâm hồn bao thế hệ Việt Nam, chỉ nhắc đến Hoàng Sa Trường Sa, chỉ nhắc đến ngư dân Thanh Hóa thôi là máu hận đã xông lên trong mỗi con người Việt Nam. Trong lúc đang hoàn cảnh sức yếu thế cô, có một người mạnh như Mỹ từ xa đến bênh vực và nói lên lời phải trái, vui mừng là chuyện tự nhiên.

"Mỹ đang trở lại!" Câu nói đó, suốt tháng qua, hẳn đã dội lại từ Nam ra Bắc và từ Bắc vào Nam trong tâm trạng hồi hộp đợi chờ của rất đông người Việt. Hình ảnh một hàng không mẫu hạm George Washington hùng mạnh đậu ngoài khơi Đà Nẵng như nhắc nhở câu chuyện của tháng Ba 1965 khi Chuẩn Tướng Frederick J. Karch và các đơn vị Thủy Quân Lục Chiến Viễn Chinh đổ bộ xuống

thành phố này mở đầu cho cuộc chiến lâu dài nhất mà Mỹ đã tham gia.

Khác chăng lần này Mỹ trở lại không phải để bảo vệ miền Nam nhưng bảo vệ Việt Nam. Ở hải ngoại, thậm chí có người còn đi xa hơn khi cho rằng người Mỹ sẽ giúp xây dựng một chế độ tự do dân chủ để họ sớm trở về sống những ngày cuối đời trong thanh bình, an lạc. Ở trong nước có vị còn nóng lòng cho rằng Việt Nam phải gấp rút chế bom nguyên tử. Tất cả không hẹn đã vô tình sắp hàng dưới ngọn cờ của Đảng. Như thế mới biết tình yêu nước, dù trong một thanh niên hay một chính trị gia giàu kinh nghiệm, có khi cũng vội vàng và đầy cảm tính như nhau.

Những lời tuyên bố của bà Ngoại Trưởng Hillary Clinton thật ra phát xuất từ chính sách ngăn chận (containment) đã bắt nguồn từ sau Thế Chiến thứ Hai. Một số nhà bình luận gọi chính sách Mỹ đang áp dụng là ngăn chận mới (new containment) mang nội dung kinh tế quân sự để phân biệt với chính sách ngăn chận thời Chiến Tranh Lạnh mang nội dung chống Cộng sản. Để hiểu các hoạt động của Mỹ trong vùng Đông Nam Á, thiết tưởng nên đọc lại chính sách ngăn chận mà Mỹ đã và đang áp dụng.

Tháng 2 năm 1946, George F. Kennan còn là một nhân viên ngoại giao trung cấp làm việc cho tòa đại sứ Mỹ tại Liên Xô. Để đáp lại câu hỏi của Bộ Tài Chánh Mỹ gởi tòa đại sứ tại sao Liên Xô lại chống lại việc thành lập Ngân hàng Thế giới và Quỹ Tiền tệ Quốc tế, George F. Kennan gởi Bộ Ngoại giao Mỹ một bản phân tích qua hình thức một điện tín dài 5,500 chữ, trong đó ông trình bày một cách chi tiết quan điểm của Stalin về tương lai nhân loại, mục tiêu và chiến lược của Liên Xô sẽ được áp dụng trên phạm vi toàn thế giới, điểm mạnh và điểm yếu của chế độ

Cộng sản, đồng thời đề nghị một số biện pháp cần thiết phải được áp dụng để ngăn chận làn sóng Cộng sản.

Bài phân tích của George Kennan không có tựa đề nên chỉ được biết ngày nay như là *Bức Điện Tín Dài*. Nếu bản phân tích được gởi đến Bộ Ngoại giao Mỹ một năm trước đó, có lẽ nó đã vào sọt rác hay đi thẳng vào phòng lưu trữ vì Mỹ và Liên Xô còn đang liên minh nhau tấn công Đức từ hai hướng Đông, Tây. Nhưng tháng 2 năm 1946, văn kiện đã làm Bộ Ngoại giao chú ý. Chính tổng thống Harry S. Truman cũng chỉ thị thành lập một nhóm nghiên cứu để phân tích bản tường trình của George Kennan và phát thảo một chính sách đối ngoại dựa trên các dữ kiện mà ông đưa ra. Bức điện tín của George Kennan được xem như một trong những văn kiện lịch sử bởi vì nó ảnh hưởng đến toàn bộ chính sách đối ngoại của Mỹ trong gần nửa thế kỷ, từ sau Thế chiến thứ Hai cho đến khi hệ thống Liên Xô sụp đổ năm 1991. Chính sách đối ngoại chỉ đạo của Mỹ đặt cơ cở trên những phân tích của George Kennan được gọi là ngăn chận (containment).

Hàng loạt các chủ thuyết như Domino, Nixon, Reagan; các kế hoạch kinh tế như Marshall Plan; các liên minh như Liên phòng Bắc Đại Tây Dương (The North Atlantic Treaty Organization) gọi tắt là NATO tại châu Âu, Liên Phòng Đông Nam Á (Southeast Asia Treaty Organization) gọi tắt là SEATO tại Đông Nam Á hay Hiệp ước Hỗ tương Liên Mỹ Châu (Inter-American Treaty of Reciprocal Assistance) tại Mỹ Châu cũng đều phát xuất từ chính sách chỉ đạo ngăn chận đó. Suốt 9 đời tổng thống từ Harry Truman đến George Herbert Walker Bush, tùy thuộc vào điều kiện chính trị quốc tế trong mỗi giai đoạn, các chiến lược chiến thuật cũng được thay đổi thích nghi nhưng đều không đi xa mục tiêu chính là ngăn chận sự bành

trướng của chủ nghĩa Cộng sản. George Kennan được xem như là cha đẻ của lý thuyết *ngăn chận*.

Chính sách *ngăn chặn* đã diễn ra dưới nhiều hình thức. Bên cạnh cuộc chạy đua vũ trang, Star Wars, viện trợ và phản viện trợ, đảo chánh và phản đảo chánh, cách mạng và phản cách mạng, các cuộc giành dân chiếm đất bằng súng đạn cũng đã diễn ra tại một số quốc gia độn với nhiều mức độ khác nhau.

Các lý thuyết về quốc gia độn có nguồn gốc rất xa xưa nhằm chỉ các vùng đất hay quốc gia nhược tiểu nằm giữa hai cường quốc đối nghịch. Từ thời La Mã, các hoàng đế của đế quốc mênh mông đó đã nghĩ đến việc thiết lập các vùng đất rộng được gọi là vùng giới hạn nằm ngoài biên giới. Về sau, các học giả giải thích khái niệm vùng độn một cách rộng rãi chứ không chỉ thuần nguyên nhân địa lý. Vùng độn có khi chỉ là một dải đất rộng vài chục cây số vuông để bảo đảm cho an ninh nội địa như trường hợp các làng xã nằm phía Nam Lebanon và khu vực Golan Height đối với nền an ninh Do Thái, có khi là một quốc gia như trường hợp Ba Lan sau Thế chiến thứ nhất nằm giữa Nga và Đức, có khi bao gồm nhiều quốc gia như hàng loạt các nước Đông Âu nằm giữa Liên Xô và khối dân chủ Tây phương, cũng có khi bao gồm chỉ một quốc gia và một khối như trường hợp Thổ Nhĩ Kỳ, Phần Lan.

Sau chiến tranh Việt Nam, chính sách *ngăn chặn* của Mỹ dưới thời Tổng thống Jimmy Carter và nhất là Ronald Reagan đã chuyển từ thế thủ sang thế công ở Afghanistan như Brzezinski kể lại "Nay chúng ta cơ hội để tặng cho Nga một Việt Nam riêng của họ", bằng việc yểm trợ vũ khí cho phe Contras ở Nicaragua, giúp đỡ cho Liên minh Dân tộc Vì Độc lập Hoàn toàn của Angola (The National Union for the Total Independence of Angola, UNITA) ở Angola, đồng thời đẩy mạnh với kế hoạch chạy đua vũ trang vô

cùng tốn kém nhằm làm phá sản nền kinh tế Liên Xô. Cuối cùng hệ thống Liên Xô kiệt quệ và tan rã.

Hiện nay, chủ nghĩa Cộng sản chỉ còn thoi thóp ở vài nơi, Chiến tranh Lạnh đã chấm dứt nhưng chính sách ngăn chận đối với Nga và Trung Cộng, hai đối thủ nguyên tử đang cạnh tranh kinh tế và quân sự với Mỹ vẫn được tiến hành.

Đối với Nga, bất chấp lời hứa vào những năm đầu 1990 rằng NATO sẽ không mở rộng ra khỏi biên giới Đức, Mỹ đã mời hàng loạt quốc gia, không chỉ các nước thuộc khối Cộng sản Đông Âu trước đây mà còn những quốc gia nhỏ nhưng có biên giới sát với Nga như Latvia, Lithuania, Estonia tham gia vào NATO. Ngoài ra, Mỹ còn dự tính thiết lập hàng rào hỏa tiễn tại Ba Lan để gọi là "phòng thủ" nhưng thực tế là "trung lập hóa" hàng rào hỏa tiễn Nga. Lãnh tụ Nga Vladimir Putin xem kế koạch của Mỹ chẳng khác gì dựng lên một Cuba ở Đông Âu. Ở phía Nam, Mỹ bao vây Nga bằng cách ủng hộ Ukraine và Georgia. Ukraine giữ một vị trí cực kỳ quan trọng về cả chiến lược lẫn văn hóa. Các sử gia Nga theo truyền thống vẫn gọi thủ đô Kiev là "Mẹ của các thành phố Nga". Mỹ cũng ủng hộ cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Kosovo và công khai phản đối Nga khi họ thẳng tay đàn áp phong trào đòi ly khai của dân Chechnya, một trong 83 Cộng hòa độc lập trong Liên bang Nga. Dù sao, chuyến viếng thăm Nga của tổng thống Barack Obama vào đầu tháng 7, 2009 đã giúp làm dịu một số căng thẳng giữa hai nước. Nga đơn phương cho phép võ khí và quân đội Mỹ được sử dụng không phận Nga trên đường đến Afghanistan thay vì phải vượt qua đèo Khyber hiểm trở. Hai tháng sau đó, Obama đã làm Vladimir Putin ngạc nhiên khi tuyên bố hủy bỏ kế hoạch xây dựng phòng tuyến hỏa tiễn tại Ba

Lan. Đáp lại, Nga cũng hủy bỏ ý định trả đũa các dự tính quân sự tại Ba Lan của cựu tổng thống George W. Bush.

Việc làm dịu quan hệ ngoại giao giữa Mỹ và Nga cũng dễ hiểu vì đối thủ chính trong thế kỷ 21 của Mỹ không phải Nga mà là Trung Cộng.

Nếu tính từ thời điểm 1978, khi chính sách đổi mới của Đặng Tiểu Bình ra đời đến nay, Trung Cộng là quốc gia phát triển nhanh nhất thế giới. Chỉ trong vòng chưa đầy 30 năm, lợi tức bình quân tính theo đầu người của Trung Cộng vào năm 2005 tăng gấp 9 lần. Mới đây, đệ nhị cá nguyệt của 2010, Trung Cộng chính thức qua mặt Nhật Bản để trở thành nước có nền kinh tế lớn thứ hai thế giới. Trung Cộng là nhà máy sản xuất hàng tiêu dùng cho cả thế giới. Dù thương hay ghét, dù ủng hộ hay bài trừ, một nửa đồ dùng trong trong nhà một gia đình Mỹ được chế tạo tại Trung Cộng. Từ chiếc DVD, TV, máy in, máy điện toán cá nhân, giày dép, áo quần và ngay cả lá cờ Mỹ, cũng "Made in China".

Ngoài các lý do chủ quan phát xuất từ chính sách kinh tế của họ Đặng, một yếu tố khách quan thuận lợi cho việc phát triển nhanh chóng là việc nước này hội nhập vào thế giới đúng thời điểm nền kinh tế thế giới đang bắt đầu chuyển động theo hướng toàn cầu hóa. Chỉ trong vòng 25 năm, từ một quốc gia tự cô lập, Trung Cộng trở thành một cường quốc và đang tiếp tục xuất hiện như một siêu cường của thế kỷ 21. Chính sách của Trung Cộng ảnh hưởng cả thế giới, không phải chỉ trong lãnh vực kinh tế, tài chánh, ngân hàng mà cả chính trị và quân sự.

Nếu lịch sử là một chu kỳ lặp lại, tham vọng bành trướng của Trung Cộng không khác nhiều so với thời kỳ sau cuộc cách mạng kỹ nghệ và chủ nghĩa Thực dân Âu châu bắt đầu xâm thực các nước Á, Phi vào đầu thế kỷ 18.

Chỉ trong vòng 6 năm, từ 2001 đến 2006, quan hệ thương mại giữa Trung Cộng và các nước Phi Châu đã tăng từ 1 tỉ Dollar đến 50 tỉ Dollar. Hai chục năm trước đây, ít khi các lãnh đạo Trung Cộng đặt chân đến Phi châu, nhưng chỉ trong 5 năm qua, các lãnh đạo hàng đầu Trung Cộng đã viếng thăm Phi châu 5 lần để tăng cường các hợp tác kinh tế quân sự giữa Trung Cộng và lục địa đầy tài nguyên thiên nhiên này. Trung Cộng hiện diện cùng khắp Phi Châu, từ bệnh viện đến trường học, từ cầu cống đến phi trường và đang tiêu diệt tận gốc rễ mọi mầm mống phát triển kinh tế của các quốc gia mới vừa thoát khỏi ách thực dân và nội chiến. Giấc mơ độc lập của các nước châu Phi chỉ là một giấc mơ trong quá khứ.

Tuy nhiên, con bạch tuộc Trung Cộng rất hùng hổ, rất đe dọa đối với thế giới bên ngoài nhưng lại rất yếu đuối, mong manh trong nội bộ. Bà Susan L.Shirk, một học giả quan tâm đến Trung Cộng khi còn là một những sinh viên Mỹ thăm viếng Trung Cộng và được Thủ tướng Chu Ân Lai chào đón vào năm 1971, trong tác phẩm *Trung Quốc, siêu cường dễ vỡ* cho rằng đe dọa lớn nhất của Trung Cộng là từ bên trong.

Về chính trị. Các nhà lãnh đạo Trung Cộng không phải lo ứng cử đề cử như các quốc gia dân chủ, nhưng lại cho sợ mất quyền hành hơn là các lãnh đạo Tây phương dân chủ. Bài học Liên Xô và các chế độc tài khác trong lịch sử đã cho giới lãnh đạo Trung Cộng biết không sớm thì muộn tòa lâu đài xây trên cát hiện nay cũng bị ngọn sóng dân chủ cuốn ra khơi. Các lãnh đạo Trung Cộng luôn bị ám ảnh với các những cuộc nổi dậy như Thiên An Môn có thể xảy ra bất cứ lúc nào và bất cứ tại đâu trên lãnh thổ mênh mông và đầy dị biệt sâu sắc về kinh tế, văn hóa, xã hội. Sự thay đổi các triều đại phong kiến Trung Quốc là những cuộc thanh toán nhau bằng máu. Ngày nay, những

mâu thuẫn giữa mức độ xã hội hóa của nền kinh tế và cơ chế chính trị ngày càng trầm trọng đến nỗi nhiều học giả cho rằng vấn đề không phải chế độ độc tài Cộng sản tại Trung Quốc có sụp đổ hay không mà là sớm hay muộn.

Về kinh tế. Nền kinh tế Trung Cộng tăng liên tục trong mấy chục năm qua nhưng không có nghĩa là sẽ tăng mãi mãi. Nền kinh tế Trung Cộng tuy nằm trong tay một đảng có tổ chức rất cao, nhưng sự tăng trưởng kinh tế Trung Cộng phần lớn lệ thuộc vào kinh tế thế giới. Một định luật có tính lặp lại theo chu kỳ của nền kinh tế thị trường là tăng trưởng, suy thoái và điều chỉnh. Và khi có sự điều chỉnh, kinh tế thị trường sẽ dẫn đến hậu quả thất nghiệp trong kỹ nghệ và trong nông nghiệp, lạm phát gia tăng, giá cả đắt đỏ, tiền lương hạ thấp, tiền tiết kiệm ký thác trong ngân hàng sẽ bị hàng trăm triệu người đạp lên nhau để rút ra. Thời đại tin học có lợi nhưng cũng vô cùng tác hại khi các nguồn tin được tung ra quá nhanh chóng, nhưng lại không có phương tiện để kiểm chứng. Quân đội dù có đông đảo và tàn bạo bao nhiêu cũng không thể ngăn được làn sóng của một tỉ người từ Hải Nam đến Tân Cương đều có một phản ứng tiêu cực giống nhau. Các cuộc biểu tình ở Tân Cương mới đây cho thấy không nhất thiết phải có một tổ chức quy mô nhưng chỉ cần một tin ngắn được phát ra đúng lúc và đúng chỗ cũng có thể tạo nên một biến cố lớn. Bom nguyên tử, hỏa tiễn, chiến hạm, tàu ngầm đều trở thành vô dụng.

Về quân sự. Trung Cộng là một đất nước có lịch sử phân hóa và nội phản từ trong xương tủy. Là một nước lớn, nhưng Trung Quốc thường không đủ khả năng bảo vệ chính mình. Đừng nói chi thời cuối đời nhà Thanh bị 8 nước Mỹ và Âu Châu cấu xé, mà ngay thời nhà Tống vàng son nhất của Trung Quốc cuối cùng rơi vào tay Mông Cổ, một nước rất nhỏ trên thảo nguyên phía Bắc. Và một lần

nữa vào thế kỷ 17, khi nhà Minh, một triều đại rất mạnh về quân sự nhưng cũng không tránh bị tiêu diệt trong bàn tay của dân tộc Mãn Thanh nhỏ bé. Lịch sử Trung Quốc cũng để lại rất nhiều bài học về các cuộc nổi loạn lớn làm lung lay tận gốc rễ nhiều đế chế trước đó tưởng chừng không thể nào sụp đổ. Cuộc nổi dậy Thái Bình Thiên Quốc là một ví dụ điển hình. Mặc dù loạn Hồng Tú Toàn bị dẹp nhưng đã mang theo sinh mạng của 20 triệu người trong 15 năm khói lửa. Đảng Cộng sản Trung Quốc sẽ không được may mắn như nhà Thanh vì họ sẽ không tồn tại được lâu như thế.

Về xã hội. Trước thời mở cửa kinh tế, đại đa số người dân Trung Quốc lớn lên từ nơi họ sinh ra nhưng từ khi kinh tế phát triển, lực lượng lao động của Trung Cộng đổ dồn vào các thành phố. Sự chênh lệch giữa giàu và nghèo, đô thị và nông thông ngày càng trầm trọng. Tại Trung Cộng, chỉ 10 phần trăm dân số chiếm hữu 45 phần trăm tài sản quốc gia. Sự phân cực trong xã hội do hậu quả của phát triển kinh tế không cân bằng sẽ dẫn đến tình trạng bất ổn xã hội. Giống như các nước dân chủ, khi gặp khó khăn, người dân sẽ đặt vấn đề với hàng ngũ lãnh đạo, nhưng khác với các nước dân chủ, cách giải quyết tại Trung Cộng cũng như tại hầu hết các nước độc tài thường diễn ra bằng sắt máu. Với sự phân cách về địa lý và dị biệt về chủng tộc tại Trung Cộng, sẽ không có một hình thức cách mạng nhung, cách mạng da cam, da vàng nào dành cho Trung Cộng.

Cách giải quyết dùng xe tăng, đại pháo bắng thẳng vào những thanh niên tay trắng tại Thiên An Môn của Đặng Tiểu Bình đối với phần lớn nhân loại là dã man nhưng lại phù hợp với truyền thống dã man của Trung Cộng. Biến cố Thiên An Môn đã qua gần 20 năm nhưng vẫn là mối ám ảnh thường xuyên trong giấc ngủ của các lãnh đạo

Trung Cộng bởi vì đảng chỉ dập tắt ngọn lửa trên quảng trường Thiên An Môn nhưng không dập tắt được ngọn lửa chống đối trong lòng người. Ngọn lửa tự do dân chủ đó vẫn sáng và sẽ một ngày bùng cháy.

Về đối ngoại. Trung Cộng có nhiều đối thủ lợi hại, trong đó gồm Nhật Bản, Ấn Độ, và Mỹ. Quan hệ kinh tế giữa Trung Cộng và Mỹ trong 10 năm qua đã phát triển đến một mức độ vô cùng phức tạp. Mỹ là một trong những quốc gia nhập cảng nhiều nhất từ Trung Cộng, từ 100 tỉ Dollar năm 2000 đến 296 tỉ Dollar vào năm 2009. Trung Cộng nhập cảng từ Mỹ cũng tăng từ 16 tỉ Dollar năm 2000 đến 70 tỉ Dollar năm 2009. Tuy nhiên, sự phụ thuộc vào nhau về mặt kinh tế không có nghĩa là các chính quyền Mỹ không xem Trung Cộng là đối thủ nguy hiểm trong tương lai gần và không có nghĩa là Mỹ ngồi yên để nhìn bàn tay tham vọng của Trung Cộng vươn xa toàn thế giới.

Ngày 29 tháng Giêng, 2010, chính quyền Obama chấp thuận thương vụ trị giá 6.4 tỉ Dollar gồm trực thăng Black Hawk và võ khí chống hỏa tiễn Patriots, tàu vét mìn cho Đài Loan, cùng với việc hợp tác để sản xuất tàu ngầm hoạt động trong vùng biển mà Trung Cộng cho là thuộc lãnh hải của họ. Trung Cộng luôn xem Đài Loan thuộc về Trung Quốc, do đó, như Thứ trưởng Ngoại giao Trung Cộng He Yafei tức khắc phản đối cho rằng Mỹ đã can thiệp vào vấn đề nội bộ của Trung Cộng. Trung Cộng trả thù bằng cách hủy bỏ các thương vụ với các công ty Mỹ đang bán võ khí cho Đài Loan. Phát ngôn viên Bộ Ngoại giao Mỹ đáp lại: "*Đây là một bằng chứng rõ ràng, chính phủ Mỹ phải cung cấp cho Đài Loan các võ khí phòng thủ mà họ cần*". Ngoài ra, chính phủ Mỹ xác định tiếp tục xem xét nhu cầu phòng thủ không phận Đài Loan trước khi bán cả phi cơ chiến đấu F-16 tinh xảo cho Đài Loan.

Sau đó hai tuần lễ, ngày 18 tháng Hai 2010, Tổng Thống Barack Obama đã tiếp kiến Đức Đạt Lai Lạt Ma tại tòa Bạch Ốc. Lần nữa, Trung Cộng đã phản đối mạnh mẽ và cho rằng việc tiếp vị lãnh đạo tinh thần nhân dân Tây Tạng là vi phạm lời cam kết của Mỹ rằng Tây Tạng là một phần của Trung Cộng. Mỹ đáp lại, mặc dù Mỹ công nhận Tây Tạng là một phần của Trung Cộng nhưng Trung Cộng cũng phải tôn trọng sự khác biệt văn hóa giữa Tây Tạng và phần còn lại của Trung Cộng. Để làm nhẹ ảnh hưởng của buổi tiếp kiến, chính quyền Obama không cho phép báo chí vào chụp hình, nhưng sau buổi tiếp kiến, tòa Bạch Ốc đã công bố bức hình Đức Đạt Lai Lạt Ma và Tổng Thống Obama ngồi cạnh nhau. Phát ngôn viên tòa Bạch ốc ca ngợi Đức Đạt Lai Lạt Ma đã theo đuổi mục tiêu bằng phương pháp bất bạo động và cho báo chí biết tổng thống Obama đã ủng hộ một cách mạnh mẽ việc giữ gìn đặc điểm ngôn ngữ, văn hóa, và tôn giáo độc đáo của dân tộc này.

Nhưng dù bán bao nhiêu võ khí cho Đài Loan hay tiếp kiến Đức Đạt Lai Lạt Ma, Đài Loan và Tây Tạng cũng chỉ là những yếu tố tĩnh chứ không phải yếu tố động. Cả hai đều không hội đủ điều kiện để tạo nên những biến cố có ảnh hưởng vùng hay thế giới. Những cuộc nổi dậy của nhân dân Tây Tạng đều mang tính địa phương, gây được thiện cảm nhưng không có tác dụng lớn với chính quyền Trung Cộng. Chuyện Trung Cộng thanh toán Đài Loan bằng võ lực cũng rất khó xảy ra vì Trung Cộng biết Hoa Kỳ không bao giờ để xảy ra và dù có xảy ra cũng chưa chắc đã thắng, còn chuyện Đài Loan giải phóng Trung Hoa lục địa thì đã chết theo Tưởng Giới Thạch từ 1975. Chỉ có hai quốc gia độn là Bắc Hàn và Việt Nam mới thật sự đóng vai trò quan trọng.

Không ai biết rõ, hiểu rõ Bắc Hàn và Việt Nam hơn đàn anh Trung Cộng và cũng không ai hiểu thế mạnh thế yếu của đàn anh Trung Cộng hơn Bắc Hàn và Việt Nam. Như lịch sử chứng minh, Trung Cộng sẽ phải làm tất cả những gì có thể làm, kể cả hy sinh mạng sống của nhân dân họ để duy trì ảnh hưởng với hai Đảng Cộng sản Việt Nam và Bắc Hàn.

Đối với Bắc Hàn, ngoài mấy chục ngàn chí nguyện quân Trung Cộng đã bỏ thây trong chiến tranh Nam Bắc Hàn, Trung Cộng hàng năm đã phải dành riêng một nguồn tài nguyên, của cải lớn để nuôi dưỡng Bắc Hàn. Mặc dù không có tài liệu chính thức nào cho biết tổng số viện trợ Trung Cộng dành cho Bắc Hàn là bao nhiêu nhưng cả thế giới đều biết nguồn viện trợ chính của Bắc Hàn không đến từ đâu khác hơn là Trung Cộng. Theo *Korea Times*, Trung Cộng cung cấp gần hết nguồn năng lượng cho Bắc Hàn và một nửa số thực phẩm người dân Bắc Hàn đang dùng mang nhãn hiệuTrung Cộng.

Một số nhà phân tích chính trị cho rằng hành vi và cách cư xử bất thường của lãnh tụ Bắc Hàn Kim Chính Nhật trong quan hệ ngoại giao quốc tế nhiều khi đặt giới lãnh đạo Trung Cộng vào vị thế khó xử. Nhận xét đó chỉ đúng một nửa. Với Trung Cộng, một Kim Chính Nhật bất bình thường vẫn tốt hơn là một Kim Chính Nhật bình thường, một Bắc Hàn tự cô lập vẫn tốt hơn là một Bắc Hàn mở rộng. Giả thiết, vì bất cứ lý do gì, Bắc Hàn trở mặt với Trung Cộng, quay sang bắt tay với Mỹ, hòa giải với Nam Hàn, mở cửa ngoại thương, hội nhập vào thế giới v.v… quả thật vô cùng bất lợi cho Trung Cộng. Nếu một ngày nào đó Kim Chính Nhật giống như nhà độc tài Libya Muammar al-Gaddafi, người mà trước đây từng bị cố Tổng Thống Reagan gọi là "Chó dại vùng Trung Đông", bỗng dưng "buông đao đồ tể" lên tiếng kết án khủng bố,

xin lỗi nạn nhân, Trung Cộng sẽ phải lo lắng nhiều hơn là mừng rỡ. Không có Kim Chính Nhật, chung quanh Trung Cộng sẽ còn lại toàn là kẻ thù. Ngoài mấy chục ngàn quân Mỹ và Hạm đội thứ Bảy hùng hậu đặt bản doanh ở Yokosuka, Trung Cộng bị bao vây bởi hai anh khổng lồ Nhật Bản và Ấn Độ. Kim Chính Nhật biết rõ thế yếu của Trung Cộng nên sử dụng vị trí sân sau và lá bài võ khí nguyên tử của mình một cách có lợi cho việc duy trì quyền lãnh đạo tuyệt đối trên bán đảo Triều Tiên. Không có tài trợ từ Trung Cộng, Bắc Hàn sẽ sụp đổ; nhưng không có Bắc Hàn, phòng tuyến an ninh dài 1400 km phía Đông Bắc sẽ bị phá vỡ. Trung Cộng ưa thích Kim Chính Nhật? Chắc chắn là không, nhưng cần thì quá sức cần.

Khác với Phi Châu, chính sách bành trướng của Trung Cộng tại Đông Nam Á không chỉ nhằm mục đích kinh tế mà quan trọng hơn là an ninh và quân sự. Trung Cộng dùng vũ lực để chiếm phần lớn các đảo trong vùng Biển Đông mà nhiều nước đang tranh chấp chủ quyền. Tháng Hai 1992, quốc hội Trung Cộng ngang ngược thông qua một đạo luật tuyên bố rằng 80 phần trăm biển Đông là của họ. Năm 1994, Trung Cộng ngang nhiên thiết lập các căn cứ quân sự trên các đảo bất chấp sự phản đối của thế giới. Trong quá trình bành trướng của Trung Cộng, Việt Nam là nước bị thiệt hại nặng nhất về lãnh thổ, lãnh hải và nhân mạng.

Quan hệ giữa Trung Cộng và Cộng sản Việt Nam có một lịch sử lâu dài từ ngày Đảng Cộng sản hai nước được thành lập. Năm 1950, Trung Cộng là nước đầu tiên công nhận Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Cả hai nước đã thừa nhận sự đóng góp của cải và xương máu của Trung Cộng vào mục đích thiết lập chế độ Cộng sản tại Việt Nam.

Không giống như Kim Nhật Thành đầu độc cán bộ đảng và nhân dân Bắc Hàn bằng mớ lý luận Juche mơ hồ,

không tưởng, các nhà lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam là những người Cộng sản đệ Tam chính thống, vốn thấm nhuần lý thuyết Mác Lê và tư tưởng Mao Trạch Đông. Các lãnh đạo đảng là những người tuyệt đối trung thành với lý tưởng Cộng sản và có một thời rất lâu tin một cách chân thành vào đàn anh Trung Cộng. Việc chọn đứng về phe Liên Xô và tiến chiếm Campuchia của Việt Nam đã dẫn đến cuộc chiến tranh biên giới năm 1979 và hàng loạt các cuộc đụng lớn vào những năm sau đó như trận Cao Bằng 1980, Lạng Sơn và Hà Tuyên 1981,Vị Xuyên Hà Tuyên 1984, Lão Sơn Hà Giang 1984, Vị Xuyên lần nữa vào 1985 và 1986.

Sau khi hệ thống Liên Xô sụp đổ, chỗ dựa vững chắc của Đảng Cộng sản Việt Nam về tư tưởng lý luận, bang giao quốc tế, viện trợ kinh tế cũng sụp đổ theo. Đảng Cộng sản Việt Nam đứng bên bờ vực thẳm và không còn con đường nào khác là lần nữa tìm nơi nương tựa dưới tàng cây Trung Cộng.

Tháng 9 năm 1990, lãnh đạo cao cấp của hai đảng gặp ở Thành Đô để bàn về việc giải quyết xung đột Campuchia và tái lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước. Ngay vào thời điểm một siêu cường như Liên Xô và cả khối Đông Âu đã sụp đổ mà các lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn còn tin rằng Trung Cộng sẽ thay thế Liên Xô lãnh đạo phong trào Cộng sản thế giới và tiếp tục giương cao ngọn cờ Xã hội Chủ nghĩa. Cựu Thứ trưởng Ngoại giao Trần Quang Cơ đã viết lại trong hồi ký của ông: "Sở dĩ ta dễ dàng bị mắc lừa ở Thành Đô là vì chính ta đã tự lừa ta. Ta đã tự tạo ra ảo tưởng là Trung Cộng sẽ giương cao ngọn cờ CNXH, thay thế cho Liên Xô làm chỗ dựa vững chắc cho cách mạng Việt Nam và CNXH thế giới, chống lại hiểm hoạ 'diễn biến hoà bình" của chủ nghĩa đế quốc do Mỹ đứng đầu. Tư tưởng đó đã dẫn đến sai lầm Thành Đô cũng như

sai lầm 'giải pháp Đỏ', tức giải pháp nhằm loại bỏ các thành phần không Cộng sản ra khỏi chính quyền liên hiệp tại Campuchia.

Dù sao, sau lần gặp gỡ đó, quan hệ Việt Trung đã cải thiện. Hàng loạt các thỏa hiệp đã được ký kết. Năm 1999, Giang Trạch Dân đề ra một khẩu hiệu để biểu hiện cho mối quan hệ mới giữa hai nước và được gọi là 16 chữ vàng: "Láng giềng hữu nghị. Hợp tác toàn diện. Ổn định lâu dài. Hướng tới tương lai". Một vài quan điểm cho rằng mười sáu chữ vàng là chiếc vòng kim cô Đảng phải đội trên đầu, nhưng cũng có nguồn tin khác cho rằng Đảng còn muốn lệ thuộc hơn thế nữa bằng việc thay chữ hợp tác "toàn diện" thành hợp tác"chiến lược" nhưng Trung Cộng không đồng ý.

Trung Cộng hiểu vị trí khó khăn của Đảng Cộng sản Việt Nam, do đó, trong lúc Việt Nam tìm cách để được phụ thuộc vào Trung Cộng như một đàn anh Xã hội Chủ nghĩa, Trung Cộng tỏ ra thiếu tin tưởng vào người đàn em có một quá khứ đầy phản trắc này. Ngoài miệng tuy không ngừng lặp lại mười sáu chữ vàng, trong thâm tâm, Trung Cộng không từ bỏ tham vọng nước lớn bằng việc ra lịnh hải quân Trung Cộng bắn thủng các tàu thuyền đánh cá của Việt Nam một cách không thương tiếc. Hành động coi thường sinh mạng người Việt là một cách thể hiện thái độ khinh bỉ giới lãnh đạo Cộng sản Việt Nam.

Ngày 23 tháng Bảy vừa qua, cái nút chặn Việt Nam mà Trung Cộng tin rằng không thể nào thoát được bỗng dưng lỏng lẻo. Chiếc vòng kim cô Trung Cộng gắn lên đầu Đảng Cộng sản Việt Nam có nguy cơ rơi xuống. Chuyến viếng thăm Việt Nam của Ngoại trưởng Mỹ Hillary Clinton và một loạt những biến cố chung quanh bao gồm việc hợp tác hạch nhân mà không bao gồm các điều khoản cấm tinh chế Uranium và chuyến viếng thăm vùng biển Đà

Nẵng của Hàng không Mẫu hạm USS George Washington đã làm thay đổi cán cân quyền lực trong vùng. Và lần nữa, Việt Nam lại đóng vai trò của một vị trí chiến lược trong chính sách ngăn chận của Mỹ đối với Trung Cộng tại Đông Nam Á.

Đất Việt Nam, máu Việt Nam, xương thịt Việt Nam trong số phận của một sân sau an toàn của Trung Cộng và một tiền đồn của phe chống Trung Cộng bành trướng, do nhu cầu của chính sách ngăn chận mới, có thể sắp bắt đầu lên giá.

Nhìn vào bản đồ Á châu, chúng ta không khỏi nghĩ đến chiến tranh Trung Mỹ rồi sẽ phải xảy ra. Dù các nhà bình luận có cho rằng quyền lợi của các siêu cường ngày nay đã phụ thuộc, quyện lẫn vào nhau đến mức độ không thể có một bên thắng, một bên bại nếu chiến tranh bùng nổ. Nhưng quan niệm đó không phải là mới. Trước đây đã có nhiều người nói như thế. Sau Thế chiến thứ Nhất, Hội Quốc Liên được thành lập với chức năng duy nhất là bảo đảm nhân loại sẽ không bị tàn sát khủng khiếp như thế nữa. Bao nhiêu tài năng và nỗ lực đã được dành vào mục đích đó, nhưng chưa đầy 20 năm sau, nhân loại lại phải lao vào cuộc chém giết với hậu quả trầm trọng gấp nhiều lần hơn trước.

Cuộc xung đột Mỹ, Trung, Nga trong Chiến tranh Lạnh để lại nhiều bài học quý giá về số phận của những sân sau, tiền đồn và vùng độn. Có những tiền đồn chìm đắm trong chiến tranh hận thù nghèo đói như Cu Ba, Việt Nam, Bắc Hàn, Afghanistan nhưng cũng có những tiền đồn nhờ xung đột đã trở nên giàu có như Nam Hàn, Tây Đức, Đài Loan. Có những vùng độn phải trở thành chư hầu lệ thuộc như các nước Đông Âu thời Liên Xô nhưng cũng có những vùng độn nhờ tài năng của những người lãnh đạo mà duy trì được độc lập như Phần Lan, Thụy Điển, Thổ Nhĩ Kỳ. Và

đặc điểm chung rõ nét của những quốc gia vượt qua được số phận sân sau, tiền đồn và vùng độn để trở nên thăng tiến giàu mạnh chính là dân chủ. Dân chủ là đôi cánh thời đại đã giúp Nam Hàn, Đài Loan, Tây Đức, Phần Lan, Thổ Nhĩ Kỳ vượt qua những vị trí địa lý chính trị khó khăn và trở thành quốc gia giàu mạnh, được kính trọng, có tiếng nói độc lập trong bang giao quốc tế.

Không ai có thể tiên đoán một ngàn năm nữa Việt Nam sẽ ra sao. Nhưng dù ra sao thì đó cũng là trách nhiệm của các thế hệ sau này. Trách nhiệm của các thế hệ hôm nay là giữ nguyên vẹn được mảnh đất mà tổ tiên để lại và xây dựng trên đó một căn nhà thương yêu, đoàn kết, tự do, dân chủ và giàu mạnh. Dân chủ sẽ là vũ khí hữu hiệu nhất để ngăn chận những đe dọa từ Trung Cộng và dân chủ cũng là phương tiện giúp Việt Nam thăng tiến cùng thế giới.

Những lời tuyên bố của bà Ngoại trưởng Hillary Clinton chưa hẳn giúp gì cho số phận của các anh Nguyễn Văn Đài, Trần Huỳnh Duy Thức, Lê Thăng Long, Điếu Cày Nguyễn Văn Hải, Nguyễn Xuân Nghĩa, Lê Công Định, Nguyễn Tiến Trung, Trần Anh Kim v.v… đang ở trong tù như một số người đang nghĩ, trái lại các nỗ lực của họ có thể bị quên đi hay bị cuộc tranh chấp Mỹ – Trung che mờ đi. Với Mỹ, chủ nghĩa Cộng sản thế giới đã chết. Những chế độ độc tài còn rơi rớt ở Trung Cộng, Việt Nam, Lào, Cuba, Bắc Hàn phát xuất từ điều kiện riêng của các quốc gia này chứ không phải nhờ vào các tinh hoa tinh huyết gì của chủ nghĩa Cộng sản. Ngày nay, Mỹ đối xử với các chính quyền Trung Cộng hay Việt Nam như là những chính quyền hợp pháp mặc dù Mỹ biết không ai bầu các chính quyền này ra.

Cuộc vận động dân chủ tại Việt Nam, vì thế, còn nhiều khó khăn và sẽ đòi hỏi nhiều thời gian, công sức, hy sinh.

Tuy nhiên như bác sĩ Lê Nguyên Sang vừa phát biểu sau khi vừa ra khỏi tù "Con đường dân chủ Việt Nam là con đường không thể đảo ngược được". Đúng vậy. Dân chủ, tự do, bình đẳng là quyền bẩm sinh của mỗi con người. Không một ông Harry Truman nào đến Nam Hàn để trao món quà dân chủ trước đây và cũng không có bà Hillary Clinton nào đến Việt Nam để ban phát tự do hôm nay. Sáu chục năm trước, từ đống tro tàn của cuộc chiến, nếu có người tiên đoán rằng năm 2010, Nam Hàn sẽ là một cường quốc kinh tế thứ tư của Á Châu và thứ mười hai của thế giới, người đó có thể bị cho là mỉa mai dân tộc Triều Tiên hay là điên khùng. Tương tự hôm nay, có thể cũng có người cười mai mỉa khi nghe rằng dân tộc Việt Nam rồi cũng sẽ đạt đến điểm hẹn huy hoàng tự do, dân chủ, giàu mạnh như bất cứ dân tộc nào khác trên thế giới đã từng đạt được. Đó không phải là một khẩu hiệu, một ước mơ, nhưng là sự thật, là chân lý. Đảng Cộng sản Việt Nam muốn có mặt trong cuộc vận hành lịch sử của dân tộc Việt Nam trước hết họ phải tự tan biến đi.

TỪ HỒ CẨM ĐÀO ĐẾN OBAMA, BÀI HỌC VỀ CHÍNH SÁCH "SỨC MẠNH MỀM" (SOFT POWER)

Sau thời kỳ Chiến tranh lạnh chủ trương "Sức mạnh mềm" (Soft power) trở thành một xu hướng mới trong chính trị thế giới. Hàng loạt các cường quốc theo đuổi chính sách đối ngoại này. Theo thống kê của tạp chí chuyên về quan hệ quốc tế Monocle, quốc gia đứng đầu là Đức, sau đó theo thứ tự gồm Anh, Mỹ, Pháp, Nhật, Thụy Điển, Úc, Thụy Sĩ, Canada và Ý. Nhưng theo nhiều nhà phân tích chính sách ""Sức mạnh mềm""này cũng là cơ hội cho Trung Cộng và Nga bành trướng. Nhiều lãnh tụ Cộng hòa như Dân biểu Dan Burton còn phê bình chính sách đối ngoại của Obama về căn bản không khác nhiều so với Chính sách nhân nhượng (Appeasement policy) của cố Thủ tướng Anh Nevill Chamberlain khi cấu kết với Pháp để tặng vùng Sudetenland cho Adolf Hitler và là sai lầm đó đã dẫn đến thảm họa lớn nhất trong lịch sử nhân

loại như đã được trình bày trong bài Hiểm họa Trung Cộng và bài học Tiệp Khắc.

"Sức mạnh mềm" là gì?

Joseph Nye Jr., giáo sư chính trị học đại học Harvard và là một trong những người đầu tiên đưa ra lý thuyết chính trị chủ nghĩa tân tự do (neoliberalism) trong quan hệ quốc tế từ cuối thập niên 1970, định nghĩa sức mạnh là khả năng để ảnh hưởng hành vi của người khác nhằm đạt được kết quả mà bạn muốn. Ba cách căn bản để thực hiện:

- Buộc người khác phải làm bằng cách đe dọa.

- Dụ dỗ họ với thù lao.

- Hay hấp dẫn và hợp tác với họ.

Theo Giáo sư Joseph Nye Jr., "Sức mạnh mềm" được định nghĩa như là khả năng đạt được mục tiêu bằng ảnh hưởng, hợp tác với đối phương thay vì ép buộc đối phương phải tuân hành.

Joseph Nye Jr. tóm tắt quan điểm này trong tác phẩm *Sức mạnh Mềm*: *Phương tiện để Thành công trong Chính trị Thế giới (Soft Power: The Means to Success in World Politics): "Một quốc gia có thể đạt được kết quả mong muốn trong chính trị thế giới bởi vì các quốc gia khác – khâm phục giá trị của nó, tích cực noi gương các thành tựu nó đạt được, khát vọng để đạt đến mức độ thịnh vượng và mở rộng của nó, muốn theo chân nó. Trong ý nghĩa đó, quan trọng là đặt ra một nghị trình và thu hút các quốc gia khác trong chính trị thế giới, và không chỉ buộc họ thay đổi bằng các đe dọa quân sự hay trừng phạt kinh tế*". Cũng theo Joseph Nye Jr., "Sức mạnh mềm" của một quốc gia đặt trên ba nguồn gồm văn hóa, giá trị chính

trị và chính sách đối ngoại. Trong tâm bài viết này nhắm vào nguồn thứ ba, chính sách đối ngoại.

TT Barack Obama và chính sách đối ngoại "Sức mạnh mềm"

Sau khi đắc cử tổng thống, Barack Obama từ bỏ chính sách hành động đơn phương (unilateralism) thời George W. Bush và theo đuổi chính sách đa phương (multilateralism) mềm dẻo, lôi kéo thay vì áp lực, bắt buộc. TT Obama dựa vào các định chế, cơ quan quốc tế để giải quyết các xung đột và thúc đẩy các quan hệ ngoại giao.

- Đối với Trung Cộng. Tháng 11, 2011, trong buổi tiếp đón long trọng với 21 phát súng đại bác chào mừng dành cho Chủ tịch Trung Cộng Hồ Cẩm Đào, Tổng thống Barack Obama cũng phát biểu "Hợp tác giữa hai quốc gia chúng ta đem lại lợi ích cho thế giới" và cho Trung Cộng là một trong những thân hữu của Mỹ. Hồ Cẩm Đào trong buổi phỏng vấn dành cho *Wall Street* và *Washington Post* trong những ngày sau đó, cũng phát biểu với giọng điệu tuyên truyền không khác gì Hilter đã phát biểu tại Munich "Chúng ta nên hành động dựa trên các quyền lợi căn bản của nhân dân hai nước và tôn trọng các lợi ích chung của hòa bình và phát triển thế giới."

- Đối với Iran. Suốt thời gian vận động tranh cử cũng như diễn văn đọc tại Cairo tháng Sáu 2009, TT Obama cổ vũ cho chủ trương đa phương thông qua tham khảo, tranh luận, xây dựng các tính hợp pháp và thúc đẩy các mối quan tâm chung vốn thiếu vắng trong thời kỳ George W. Bush. Vào tháng Tư 2009, TT Obama tuyên bố tại Prague, Mỹ "tìm kiếm việc liên hệ với Iran trên cơ sở tôn trọng quyền lợi và sự kính trọng hỗ tương".

- Đối với Nga. Tháng Ba 2009, bà Hillary Clinton, lúc đó là Ngoại trưởng Mỹ tặng cho Ngoại trưởng Nga Sergey Lavrov một cái nút "reset" như một bày tỏ cho đại diện Nga biết đây là thời điểm bắt đầu mới trong quan hệ giữa hai nước. Thay vì tiếp tục hay từng bước thay đổi chính sách đối ngoại của tổng thống tiền nhiệm, TT Obama ngưng tức khắc chính sách đối với Nga của TT Bush và thay vào đó bằng một chính sách mới được các nhà phân tích gọi là "chính sách làm lại từ đầu" (reset policy) sau thời kỳ Chiến tranh lạnh. TT Obama khuyến khích Nga để đóng vai trò cứng rắn hơn đối với Iran và cho phép phi cơ Mỹ bay ngang không phận Nga trên đường tiếp tế cho các lực lượng Mỹ và đồng minh tại Afghanistan. Đáp lại, Obama ngưng áp lực NATO để nhận Georgia và Ukraine vào tổ chức này.

Sự thất bại của chính sách "Sức mạnh mềm" của TT Obama

Với Trung Cộng: Các nhà phân tích đồng ý, miệng lưỡi "hòa bình thế giới" của các lãnh đạo Trung Cộng đã không đi đôi với hành động của họ. Tổng thống Obama đã chứng tỏ quá mềm yếu trước các hành động khiêu khích và trước các vi phạm nhân quyền trầm trọng của lãnh đạo Trung Cộng:

Tiếp tục bảo vệ tới cùng chế độ độc tại dã man Bắc Hàn.

Cho phép vận chuyển các bộ phận hỏa tiễn Bắc Hàn sang Iran qua ngã phi trường Bắc Kinh.

Dùng vũ lực khống chế khu vực biển Đông, độc quyền khai thác các nguồn dầu mỏ, khoáng sản và xâm phạm quyền lợi của các quốc gia vùng Đông Nam Á.

Vi phạm một cách trắng trợn các quyền căn bản của người dân.

Đàn áp dã man các cuộc biểu tình đòi quyền sống của Tây Tạng và các dân tộc thiểu số.

Tiếp tục tăng cường quân sự, hiện đại hóa võ khi và đe dọa chủ quyền các quốc gia Á Châu.

Mới đây, trong một cuộc phỏng vấn dành cho *New York Times*, sáng thứ Ba 4 tháng 2, 2014, Tổng thống Philippines Benigno S. Aquino III kêu gọi các quốc gia trên thế giới làm nhiều hơn nữa để yểm trợ Philippines trong việc đương đầu với Trung Cộng đang xâm phạm lãnh hải Philippines. Tổng thống Aquino so sánh sự thất bại của Tây phương để ủng hộ Tiệp Khắc chống lại Hitler đã dẫn đến Thế Chiến II. Trong 90 phút phỏng vấn dành cho *New York Times*, Tổng thống Aquino nhấn mạnh "*Thế giới phải làm việc này, quý vị có nhớ vùng Sudetenland đã được nhượng cho Hitler để cố tránh Thế chiến II hay không?*"

- Với Iran: Theo Giáo sư Mark P. Lagon, giảng dạy môn an ninh và chính trị thế giới tại đại học Georgetown, trong tiểu luận *Giá trị của các giá trị: Sức mạnh mềm dưới thời TT Obama* (The Value of Values: Soft Power Under Obama) đăng trong tạp chí Các vấn đề thế giới phê bình TT Obama đã bỏ quên giá trị sức mạnh quần chúng khi bắt tay với lãnh đạo độc tài. Chính vì chủ trương đối thoại với lãnh đạo Iran, Mỹ đã từ chối công khai ủng hộ cuộc biểu tình đòi dân chủ của ba triệu dân Iran.

- Với Nga: Rất nhiều bài viết và phân tích về tham vọng bành trướng của Putin. Điều quan trọng nên nhớ, tham vọng của y không dừng lại ở bán đảo Crimea mà là Ukraine. Putin đã tiết lộ quan điểm "Ukraine thuộc Nga" với cựu TT George W. Bush vào năm 2008. Ngoài việc hăm dọa Nga phải chịu đựng một "hậu quả trầm trọng" cho đến nay TT Obama không có và cũng không thể có

một biện pháp trừng phạt nào đáng để làm Putin lo ngại. Dĩ nhiên, hành động của Putin vi phạm các hiệp ước Nga mà đã ký kết bảo đảm chủ quyền Ukraine trong đó có Crimea được ký tại Budapest 1994 nhưng rồi đâu cũng sẽ vào đấy. Hôm nay, như cả thế giới đều biết, Putin lợi dụng chính sách "Sức mạnh mềm" của Tây Âu và Mỹ để chiếm vùng Crimea tự trị của Ukraine.

Chính sách "Sức mạnh mềm" (Soft power) của Mỹ và chính sách Nhân nhượng (Appeasement policy) của Anh

Chính sách "Sức mạnh mềm" (Soft power) của Mỹ và Tây Âu hiện nay được nhiều nhà phân tích so sánh với chính sách Nhân nhượng (Appeasement policy) của Anh và Pháp trước thế chiến thứ hai.

Sau thế chiến thứ nhất, dù thắng hay bại, các quốc gia đều phải chịu đựng một thời kỳ suy thoái kinh tế trầm trọng và cần ổn định để phục hồi kinh tế. Khuynh hướng chủ hòa, do đó, chế ngự trong sinh hoạt chính trị tại các cường quốc dân chủ và lãnh tụ hàng đầu của khuynh hướng này là thủ tướng Anh, Nevill Chamberlain. Thủ tướng Nevill Chamberlain tìm cách hòa giải mối thù địch với Đức. Khi Đức sáp nhập Áo, Chamberlain không có phản ứng cụ thể nào. Hilter nắm được điểm yếu của các lãnh đạo Tây Âu, bước thêm bước khác bằng cách muốn sáp nhập vùng Sudetenlan của Tiệp Khắc đang có hơn ba triệu người gốc Đức, vào lãnh thổ Đức, nếu không sẽ dùng phương tiện vũ lực. Ngày 15 tháng Chín năm 1938, Thủ tướng Nevill Chamberlain bay sang Đức để thương thuyết với Hitler. Các cuộc thương thuyết giằng co cho đến sáng sớm 30 tháng 9 năm 1939, thỏa hiệp Munich được ký kết giữa Đức, Anh, Pháp và Ý, trong đó, cho phép Đức sáp nhập vùng Sudetenland trù phú và chiến lược vào lãnh thổ Đức.

Lịch sử dường như đang được lập lại. Trong tuần này, lần đầu tiên cựu Ngoại trưởng Hillary Clinton lẫn Thượng Nghị Sĩ John McCain đều đồng ý cách hành xử của Vladimir Putin cũng chẳng khác gì Adolf Hitler trong năm 1938. Từ mấy chục năm nay, có lẽ ít khi hồn ma Hitler được lãnh đạo các cường quốc nhắc nhở nhiều hơn thời gian này. Tham vọng mở rộng biên giới Đức về hướng Áo, Tiệp Khắc, Ba Lan, Romania, Hungary của Hitler trong những năm cuối của thập niên 1930 đã trở thành bài học cho các quốc gia đang đương đầu với tham vọng bành trướng của Trung Cộng ở Á Châu và Nga tại châu Âu.

Tối thứ Tư, 5 tháng 3 vừa qua, cựu Ngoại trưởng Mỹ Hillary Clinton gián tiếp so sánh việc Vladimir Putin mang quân vào Ukraine tương tự với việc Adolf Hitler xâm chiếm Tiệp Khắc và Romania. Bà Hillary Clinton phát biểu "*Hitler nói 'họ [dân nói tiếng Đức tại các quốc gia Đông Âu] không được đối xử đúng. Tôi phải đến nơi để bảo vệ dân của tôi.' Và điều đó làm mọi người lo sợ*". Bà Clinton cũng cho rằng "*đòi hỏi của Tổng thống Putin và những lãnh đạo Nga khác rằng họ phải tiến vào Crimea và có thể các khu vực miền đông Ukraine vì họ phải bảo vệ thiểu số người Nga, và điều đó nhắc lại các đòi hỏi vào những năm 1930 khi Đức dưới thời Quốc Xã lập đi lập lại rằng họ phải bảo vệ thiểu số người Đức tại Ba Lan, Tiệp Khắc và nhiều nơi khác ở châu Âu*."

TNS John McCain trả lời phóng viên Andrea Mitchell của MSNBC liệu Putin có chủ trương tái lập "đế quốc theo kiểu Soviet" trước đây hay không, đã phát biểu: "*Tôi nghĩ ông ta luôn có tham vọng đó. Và khi Ukranine có vẻ đang đi lạc hướng vì các biến cố vừa qua làm cho chủ trương kiểm soát Crimea và Sebastopol của ông ta trở nên nguy hiểm... hai lần như thế nhưng đặc biệt lần nầy, quyền của dân nói tiếng Nga cần phải được bảo vệ tại Romania, tại*

Poland, tại các quốc gia vùng Baltic, họ đều nói tiếng Nga, và dĩ nhiên, sự kiện đã trở lại như trong thời điểm của Adolf Hitler và Joseph Stalin."

Thượng Nghị Sĩ Cộng Hòa tiểu bang Florida Marco Rubio cũng đồng ý với cách so sánh của bà Hillary Clinton. Và lý do chính đã đẩy các chính khách của hai đảng về cùng một phía trong biến cố Ukraine bởi vì sách lược "Sức mạnh mềm" của TT Obama đã thất bại. Bà Hillary Clinton, người có khả năng cao sẽ ứng cử tổng thống vào năm 2016, muốn tránh càng xa càng tốt chính sách "Sức mạnh mềm" mà chính bà là người thực hiện trong suốt 5 năm làm ngoại trưởng Mỹ.

Phiên bản Trung Cộng của chính sách "Sức mạnh mềm"

Hồ Cẩm Đào tại Hội nghị đảng CSTQ lần thứ 17 nhấn mạnh việc Trung Cộng cần đẩy mạnh chính sách "Sức mạnh mềm" và khi thúc đẩy chính sách này, lãnh đạo Trung Cộng cũng chú tâm đến các lãnh vực văn hóa, giá trị chính trị và chính sách đối ngoại, nhất là tại châu Phi. Khác với nội dung do Joseph Nye phác họa, chính sách của Trung Cộng thực chất là một chính sách tuyên truyền và mua chuộc, tương tự như chính sách thực dân trước đây. Người viết đã trình bày nội dung của chính sách Trung Cộng tại Phi Châu trong tiểu luận *Hiểm họa Trung Cộng và bài học Congo*, xin tóm tắt lại ở đây:

- Văn hóa: Kể từ sau Diễn đàn hợp tác Hoa Phi được tổ chức lần đầu vào năm 2000, lãnh đạo Trung Cộng xem Phi Châu là vùng cần được khai hóa. Trung Cộng không chỉ xuất cảng hàng hóa mà còn xuất cảng cả văn hóa. Viện Khổng Tử đầu tiên được xây dựng tại đại học Nairobi, Kenya năm 2005 và hiện nay có khoảng 25 viện Khổng Tử tại Phi Châu. Rất nhiều viện khác đang được dựng lên.

Cơ quan Tân Hoa Xã có 20 văn phòng thường trực tại Phi Châu và đầu năm 2012, hệ thống Truyền Hình Trung Ương Trung Quốc chính thức phát hình tại thủ đô Nairobi, Kenya. Với kỹ thuật tuyên truyền tinh vi phối hợp với các hoạt động kinh tế, chính trị, văn hóa, đã làm cho người dân Phi Châu có cái nhìn tích cực về Trung Cộng hơn các cường quốc khác. Cựu Ngoại trưởng Mỹ bà Hillary Clinton tố cáo đó chỉ là một loại chủ nghĩa thực dân mới và nhà báo Barry Malone viết trong *Reuters blog* cho rằng đó là một phiên bản khác của chủ nghĩa đế quốc.

- Chính trị: Các lãnh đạo Phi châu ca ngợi hợp tác kinh tế với Trung Cộng vì hợp tác với Trung Cộng, các lãnh đạo Phi châu không phải bận tâm về các vấn đề tự do, dân chủ, nhân quyền vì chính sách của Trung Cộng không can thiệp vào nội bộ của các nước khác. Trong khi các vấn đề nhân quyền đã đẩy các công ty phương Tây ra khỏi châu Phi thì Trung Cộng trở thành nước độc quyền đầu tư và khai thác kinh tế. Ngoài ra, hợp tác với Trung Cộng không phải thông qua các thủ tục, các điều kiện phức tạp như khi vay tiền của IMF (Quỹ Tiền tệ Quốc tế). Trung Cộng ưu đãi, bao che và nếu cần sẽ sẵn sàng tiếp tay cho giới lãnh đạo để đàn áp các thành phần đối lập, các tầng lớp nhân dân. Trung Cộng cung cấp cho giới lãnh đạo Phi châu tiền bạc, súng đạn, an ninh cá nhân và bảo vệ chế độ bằng sử dụng quyền phủ quyết trong các cơ quan quốc tế như Liên Hiệp Quốc.

- Kinh tế: Quan hệ thương mại giữa Trung Cộng và Châu Phi đã tiến nhanh đến một mức không ngờ. Năm 2000 chỉ 10.5 tỉ Dollar nhưng 2011 lên đến 166 tỉ Dollar vượt qua cả Mỹ. Trung Cộng củng cố vị trí hay đúng hơn là trói buộc các quốc gia Phi Châu qua hàng loạt các đề án như tiền vay để xây dựng đường sá hay huấn luyện nhiều ngàn chuyên viên người Phi Châu trong nhiều lãnh vực

khác nhau. Quan hệ mậu dịch giữa Trung Cộng và các nước châu Phi vào cuối năm ngoái, 2013, đã tăng đến 200 tỉ Dollar so với 85 tỉ của Mỹ. Tổng cộng mậu dịch giữa các quốc gia châu Âu và châu Phi chỉ đạt đến 137 tỉ Dollar. Trung Cộng cần nhiên liệu dầu mỏ, khí đốt và nguyên liệu như đồng, cobalt, cadmium, platinum, kim cương, vàng từ Congo, Liberia, South Africa, Zambia và Zimbabwe. Không giống Mỹ chỉ giao thương về hàng hóa, Trung Cộng giao thương cả nguyên vật liệu, hàng hóa tiêu dùng và dịch vụ. Quan hệ mậu dịch này cho thấy Phi châu không thể phát triển nếu không có Trung Cộng.

Mục tiêu của chính sách "Sức mạnh mềm" của Trung Cộng tại châu Phi

- Thỏa mãn nhu cầu năng lượng và nguyên liệu: Phát triển kinh tế đòi hỏi trước hết là nguyên liệu. Sự thất thoát và lãng phí nguyên vật liệu trong sản xuất đã làm nhu cầu nguyên liệu của Trung Cộng vốn đã thiếu hụt lại càng thiếu hụt trầm trọng hơn. Để đuổi kịp các nước tư bản phát triển và vượt qua những khiếm khuyết trong sử dụng nguyên liệu, giới lãnh đạo kinh tế Trung Cộng không áp dụng các phương pháp kinh doanh truyền thống mà Mỹ và các nước Tây Âu đã và đang áp dụng. Tệ hại hơn cả các chế độ thực dân trước đây, Trung Cộng vơ vét đủ cách, đủ kiểu, chính thức qua các hợp đồng nhà nước và không chính thức qua trung gian các công ty thầu thu mua do người bản xứ điều hành.

- Giải quyết nạn thặng dư dân số tại Trung Hoa lục địa: Nội dung của chủ nghĩa bành trướng thế giới của Trung Cộng không chỉ giới hạn về kinh tế mà đồng thời để giải quyết được nạn thặng dư dân số tại nội địa Trung Cộng. Dân số Trung Cộng theo thống kê tháng 7 năm 2008 là 1 tỉ 330 triệu người. Trong 20 năm qua, việc thực thi chính sách kiểm soát dân số mỗi gia đình một con khá hữu hiệu

đã giúp mức gia tăng dân số chậm lại tại mức 0.65 phần trăm mỗi năm. Nếu cứ tiếp tục duy trì chính sách hạn chế sinh đẻ như hiện nay, nghĩa là cứ hai người lớn tuổi mới có một em bé, số lượng người già trong dân số Trung Cộng theo tỉ lệ sẽ tăng nhanh hơn số lượng trẻ em. Theo các nhà phân tích dân số, nếu mức phát triển dân số không thay đổi, trong tương lai không xa Trung Cộng sẽ là một viện dưỡng lão khổng lồ.

- Xuất cảng hàng hóa tiêu dùng: Không giống các quốc gia Tây phương, viện trợ và đầu tư được tính toán một cách cân đối dựa trên nhu cầu ngắn hạn và dài hạn của một quốc gia, trong đó có đầu tư về giáo dục, huấn luyện nghề nghiệp, khoa học kỹ thuật, các đầu tư của Trung Cộng nhắm nhiều nhất vào các mục đích tiêu dùng và dịch vụ như phi trường, sân vận động. Ngoài việc đánh gục hàng nội địa, các công ty Trung Cộng còn cạnh tranh với cả hàng nhập cảng. Công ty điện thoại di động Congo Chinese Telecomps (CTT) bán các điện thoại phẩm chất không thua kém các công ty lớn thế giới nhưng giá rất thấp so với các sản phẩm nhập từ Mỹ hay châu Âu.

Bài học cho Việt Nam và các nước nhỏ Á Châu

Mấy tuần nay, nhiều bài viết so sánh Việt Nam trong hiểm họa Trung Cộng không khác gì Ukraine trong nanh vuốt Putin. Rất nhiều điểm tương đồng đã được tác giả trình bày, vâng, nhưng cũng có vài điểm khác biệt quan trọng. Đối với Mỹ, Nhật và các quốc gia trong vùng biển Đông, Việt Nam nếu biết vận dụng, sẽ có vai trò quan trọng trong quyền lợi kinh tế và an ninh châu Á hơn Ukraine ở Hắc Hải.

Trung Cộng mạnh hơn Nga nhưng Trung Cộng có một điểm yếu sinh tử, đó là cơ chế chính trị độc tài toàn trị CS tại Trung Cộng rất dễ tan vỡ trước một biến cố chính trị

quân sự lớn. Việc TT Barack Obama tiếp đón đức Đạt Lai Lạt Ma mới đây là một cách nhắc nhở cho lãnh đạo Trung Cộng biết Tây Tạng là một quốc gia đang bị chiếm đóng và Trung Cộng là một nước lớn nhưng là một nước đang bị bao vây. *New York Times* bình luận, không giống như các lần trước, chính phủ Mỹ phải rào đón nhiều ngày trước khi tiếp đón hay viện dẫn lý do đức Đạt Lai Lạt Ma chỉ là một lãnh đạo tinh thần tôn giáo, giải Nobel Hòa Bình v.v.., lần này, TT Obama tỏ ra dứt khoát.

Trung Cộng, một đế quốc mang mầm hư thối ngay từ trong tim của nó, đang cố gắng tồn tại và phát triển bằng bạo lực bành trướng, sẽ sụp đổ giống như tất cả đế quốc đã đi qua trong lịch sử nhân loại. Mọi người kể cả những lãnh đạo Trung Cộng cũng biết điều đó. Mao giữ Trung Cộng tồn tại bằng cách cô lập từ thế giới và Đặng giữ Trung Cộng tồn tại bằng hội nhập vào thế giới. Nhưng cả hai đều có giới hạn. Vượt qua giới hạn, Trung Cộng sẽ tan rã. Và tan rã như thế nào, từ mâu thuẫn bên trong, tác động do chiến tranh từ bên ngoài hay cả hai, vẫn còn là một câu hỏi lớn đang được nhiều nhà phân tích tìm câu trả lời. Chế độ CS tại Trung Quốc sống nhờ vào phát triển kinh tế và tìm mọi cách kể cả lập lại các chính sách thực dân tại Phi Châu để duy trì sự phát triển kinh tế. Lãnh đạo Trung Cộng biết một khi nền kinh tế Trung Cộng bước vào giai đoạn suy thoái, chế độ chính trị như lâu đài xây trên cát vốn không có tính chính danh và hợp luật hiện nay sẽ tan vỡ theo.

Để đương đầu với hiểm họa Trung Cộng, các quốc gia trong vùng Đông Nam Thái Bình Dương phải biết (1) chiến lược hóa quốc tế vị trí của quốc gia mình, (2) liên kết thành một khối trong xung đột với Trung Cộng và (3) khai thác tối đa các mặt yếu của Trung Cộng.

Lịch sử để lại nhiều bài học về chiến lược hóa. Đối với các cường quốc, quyền lợi đồng nghĩa với vị trí chiến lược. Trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, cả TT Dwight Eisenhower và kế nhiệm John F. Kennedy cương quyết giữ Tây Bá Linh, trái tim của Tây Đức, bằng mọi giá bất chấp đòi hỏi của Khrushchev. TT Kennedy ngay cả còn bắn tiếng cho Khrushchev biết Mỹ sẽ không bao giờ rút khỏi Tây Bá Linh dù phải chấp nhận chiến tranh nguyên tử với Liên Xô. Cuối cùng Khrushchev đơn phương từ bỏ đòi hỏi và cho xây bức tường Bá Linh ô nhục. Một ví dụ khác. Ngày 22 tháng 5 năm 1947, Tổng thống Truman ký quyết định viện trợ cho Thổ Nhĩ Kỳ và Hy Lạp và gởi cố vấn quân sự Mỹ bắt đầu giúp đỡ chính phủ Thổ tái trang bị và hiện đại hóa quân đội. Mỹ và Anh muốn dùng đất Thổ như một tiền đồn và quân đội Thổ như một đơn vị tiền phương để làm chậm sức tấn công của bộ binh Liên Xô một khi chiến tranh giữa hai khối bùng nổ trong lúc chờ đợi không lực Anh Mỹ mở các cuộc phản công phát xuất từ các căn cứ không quân đặt tại Ai Cập. Dĩ nhiên, chính phủ Thổ biết rõ thâm ý của Anh và Mỹ nhưng đó là cái giá phải chọn vì nền an ninh và sự thịnh vượng lâu dài của Thổ.

Trung Cộng chỉ giỏi giành một hòn đảo nhỏ như Gạc Ma, chiếm vài trăm thước đất ở Hà Giang, bắn thủng tàu ghe của ngư dân Thanh Hóa nhưng rất sợ chiến tranh toàn diện trong khu vực bùng nổ. Trong điều kiện toàn cầu hóa kinh tế và thông tin như hiện nay, không một quốc gia nào có thể quyết định độc lập và có lợi hoàn toàn trước một biến cố kinh tế, chính trị và quân sự tầm vóc quốc tế. Trong nhiều trường hợp nước càng lớn thiệt hại càng trầm trọng và một nước nhỏ biết vận dụng vị trí của mình có thể vượt qua cơn sóng gió để trở thành một cường quốc trong tương lai gần. Không chỉ các lãnh đạo

quốc gia mà từng người dân có nhận thức phải biết đất nước mình đứng ở đâu trong cuộc cờ không ngừng nghỉ của chính trị thế giới. Nếu không cùng hát đồng ca dân chủ và vươn lên cùng nhân loại mà quanh năm chỉ rên rỉ một bài ai điếu rồi ngày đại tang cho dân tộc sẽ đến không xa.

Tham khảo:

- Joseph S. Nye Jr., Soft Power: The Means to Success in World Politics, Public Affairs 2004

- Joseph S. Nye, Jr. Soft Power, Hard Power and Leadership, Harvard University, 2006

- Mark P. Lagon, The Value of Values: Soft Power Under Obama, World Affair September/October 2011

- Confucius Institutes: China's Global Presence
- Martin Meredith, The Fate of Africa, Public Affairs 2005

- Princeton Lyman, Director of Africa Policy Studies, Council on Foreign Relation, China's Rising Role in Africa, July 2005

- Center for Strategic and International Studies and the Peter G. Peterson Institute for International Economics, China: The Balance Sheet, Public Affairs 2007

- Series Overview: China's Rising Power in Africa

- Soft power, from Wikipedia, the free encyclopedia

- Hiểm họa Trung Cộng và bài học Thổ Nhĩ Kỳ, Trần Trung Đạo

- Hiểm họa Trung Cộng và bài học Congo, Trần Trung Đạo

- Hiểm họa Trung Cộng và bài học Tiệp Khắc, Trần Trung Đạo.

TRUNG CỘNG, CƯỜNG QUỐC TRỊ GIÁ 100 NGÀN DOLLAR

Bangladesh là quốc gia có dân số 147 triệu ở vùng Nam Á. Sau cuộc chiến tạm gọi là nội chiến Pakistan dài phát xuất từ các lý do văn hóa, tôn giáo, địa lý, quốc gia Bangladesh được thành lập vào năm 1971. Về kinh tế, Bangladesh được xếp vào hạng thứ 151 trên thế giới, nghĩa là rất nghèo. Nhiều triệu trẻ em Bangladesh vẫn còn thiếu dinh dưỡng. Chẳng những thế, các nước chung quanh cũng là những nước nghèo không thua kém nên các quan hệ kinh tế thương mại trong khu vực chẳng phát triển gì nhiều.

Nhưng khi trận bão lụt Katrina xảy ra ở New Orleans, Mỹ, tháng 8 2005, Bangladesh là một trong những quốc gia đầu tiên đáp ứng về cả nhân lực lẫn tài chánh. Chính phủ Bangladesh đã tặng nạn nhân Katrina 1 triệu Dollar và sẵn sàng đưa chuyên viên sang giúp xây dựng các đê điều ở New Orleans mà họ vốn có nhiều kinh nghiệm.

Có người cho rằng việc Bangladesh tặng một triệu Dollar cho Mỹ chẳng khác gì "gánh củi về rừng" và cũng

có người cho rằng đó là một cách đầu tư lòng nhân đạo. Một nước nghèo như Bangladesh, số tiền một triệu đó sớm muộn cũng được Mỹ viện trợ trở lại, có thể với cả vốn lẫn lời.

Nhưng đại đa số các nhà bình luận đều đồng ý, trên tất cả những khía cạnh chính trị, kinh tế, nghĩa cử của chính phủ Bangladesh đã nói lên tấm lòng nhân ái của những người cùng cảnh ngộ. Năm 1974, Bangladesh vừa mới thành lập đã phải chịu một trong những cơn lụt lớn nhất trong lịch sử nhân loại với gần 30 ngàn người chết. Những cơn mưa mùa kéo dài suốt tháng đã làm xứ sở này sống với lũ lụt thường xuyên như chúng ta thấy trên các phóng sự truyền hình. Không ai hiểu được nỗi lòng của người chịu đựng lũ lụt hơn những người phải than thở "trời hành cơn lụt mỗi năm" như người dân Bangladesh.

Ngày 4 tháng 11, bão Haiyan hay Yolanda theo cách gọi của Philippines được cảnh báo và ngày 7 tháng 11, Tổng thống Phi Benigno Aquino III kêu gọi dân chúng trong vùng bão sẽ đi qua di tản tức khắc. Nhưng nhiều khu vực không biết tin tức và dù có nhận được lịnh cũng không biết đi đâu. Và vài giờ sau, lúc 6 giờ sáng cơn bão với sức gió 275 kilomet giờ vào đất liền.

Theo ước lượng của các cơ quan thiện nguyện quốc tế nhiều chục ngàn người dân Phi tại các đảo miền trung Philippines đã chết do cơn bão Haiyan gây ra. Chỉ riêng đảo Leyte Island đã có 10 ngàn người chết. Theo ước lượng của cơ quan National Disaster Risk Reduction and Management Council (NDRRMC) thuộc chính phủ Phi, khoảng 9.5 triệu người bị ảnh hưởng và hiện có 630 ngàn người đang lâm cảnh màn trời chiếu đất. Theo phóng viên CNN có mặt tại chỗ trong những ngày đầu, nhiều làng đã trở thành ngôi mộ tập thể và nạn nhân sống sót phải uống nước dừa để sống. Với sức gió 275 kilomet một

giờ số thiệt hại nhân mạng và tài sản cuối cùng sẽ còn cao hơn ước tính rất nhiều.

Trong điêu tàn đổ nát do siêu bão Haiyan gây ra những hạt giống tình thương đang được gieo trồng. Hàng trăm quốc gia, hàng ngàn tổ chức từ thiện khắp thế giới đang đổ về Philippines không chỉ với thuốc men, áo quần, thực phẩm mà cả nhân lực để góp phần hàn gắn vết thương. Chính phủ Mỹ chỉ vài giờ sau cơn bão đã thông báo viện trợ khẩn cấp 20 triệu Dollar, Anh tặng 16 triệu Dollar, Nhật Bản tặng 10 triệu Dollar. Đó chỉ là tiên mặt, ngoài ra, các hàng không mẫu hạm HMS Illustrious của Anh, USS George Washington của Mỹ chuyên chở thuốc men và vật dụng cần thiết đến Phi.

Và Trung Cộng, quốc gia có nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới đã viện trợ 100 ngàn Dollar.

Đừng nói gì các công ty như IKEA cam kết 2.7 triệu Dollar, Coco-Cola cam kết 2.5 triệu Dollar, số tiền viện trợ của cường quốc thứ hai trên thế giới có thể còn thấp hơn số tiền do các cựu thuyền nhân và đồng hương Việt Nam tại hải ngoại đóng góp. Báo *Times* bình luận 100 ngàn Dollar là một sỉ nhục đối với Philippines. Trước phản ứng của dư luận thế giới mới đây Trung Cộng đã gia tăng viện trợ lên đến 1.64 triệu Dollar nhưng không phải tiền mặt mà là mùng mền, chăn chiếu. Những món "Made in China" này nghe qua là đã sợ.

Nhiều nhà bình luận dù phê bình Trung Cộng đã yểm trợ chỉ bằng 6 phần trăm số tiền New Zealand đã hứa nhưng không ai hiểu tại sao các lãnh đạo Trung Cộng lại có thể làm như thế, chẳng lẽ chúng không biết thế nào là xấu hổ hay sao. Ngay cả tờ *Global Times* có khuynh hướng dân tộc cực đoan cũng viết trong phần bình luận ngày 12 tháng 11, 2013 "*Trung Quốc như một cường quốc có trách*

nhiệm nên tham gia vào các hoạt động cứu trợ để giúp đỡ nạn nhân của quốc gia láng giềng. Nếu Trung Cộng làm nhục Philippines lần này, Trung Quốc sẽ chịu tổn thất lớn lao."

Lãnh đạo Trung Cộng không phải là không nhận ra điều đó nhưng Trung Cộng ngày nay không phải là một Trung Cộng mà Chu Ân Lai từng thề nguyền sát cánh cùng các nước nghèo, bị trị láng giềng tại hội nghị Bandung ở Nam Dương 1955. Trung Cộng ngày nay cũng không phải là một Trung Cộng mà Đặng Tiểu Bình đã hứa chia ngọt sẻ bùi với các quốc gia Đông Nam Á bằng những lời đường mật trong chuyến viếng thăm của y năm 1978. Cơn bĩ cực đã qua, thời thái lai đang tới, lãnh đạo Trung Cộng ngày nay là một đám kiêu căng đang giương cao ngọn cờ chủ nghĩa dân tộc Đại Hán và chủ nghĩa này sẽ là chảo dầu của chiến tranh thế giới lần thứ ba phát xuất tại Á Châu.

Hơn ai hết, lãnh đạo Trung Cộng biết 3 trong số 20 cơn lụt lớn nhất nhân loại đều xảy ra tại Trung Hoa với khoảng 3 triệu người chết trong cơn lụt 1931, hai triệu người chết trong cơn lụt 1887 và khoảng bảy trăm ngàn người chết trong cơn lụt 1938, nhưng bản chất ti tiện, kiêu căng của giới lãnh đạo CS đã giết chết đặc tính "nhân chi sơ tính bổn thiện" của con người, che khuất tình "đồng cảnh tương thân", bôi một lớp tro đen lên trên mấy ngàn năm văn hóa Trung Hoa và hủy hoại thể diện một của một quốc gia có nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới.

Trung Cộng là một trong những nước có nguồn dự trữ vàng lớn nhất thế giới, là nước chủ nợ lớn nhất thế giới và GDP có khả năng sẽ vượt qua Mỹ vào năm 2020 với ước lượng khoảng 24 ngàn tỉ Dollar. Trung Cộng có rất nhiều cái nhất nhưng những điều đó không làm nên giá trị của một quốc gia, không làm cho nhân loại kính trọng

Trung Cộng hơn Bangladesh, bởi vì giá trị của một quốc gia không phải được xác định bằng của cải mà bằng các tiêu chuẩn đạo đức, dân chủ, văn minh và văn hóa.

Khi bàn về những phẩm chất để làm một quốc gia trở nên vĩ đại và được kính trọng, nhà văn Thomas Fann, trong một tiểu luận xuất sắc đã nêu ra 10 yếu tố gồm tự do, công lý, danh dự, đạo đức, lòng thương cảm, thành thật, giá trị cuộc sống, sáng tạo, vượt trội, bảo vệ môi trường cho các thế hệ tương lai. Thomas Fann nhấn mạnh đến việc nghĩ đến các thế hệ tương lại khi nhắc câu chuyện Disney Land. Ông Walt Disney chết năm năm trước ngày Disney World ở Florida, Mỹ, khai mạc. Trong lễ khai mạc, có người than phải chi ông còn sống để thấy những khu chơi dành cho cho thiếu nhi huy hoàng tráng lệ như ngày nay. Thật ra, với tầm nhìn xa và tư duy khai phóng, ông Walt Disney đã thấy những nụ cười rạng rở, những ánh mắt vui tươi của trẻ em từ lâu trước ngày khai mạc Disney Land.

Trung Cộng không đạt bất cứ một phẩm chất nào trong mười phẩm chất nêu trên. Nhưng nếu phải xếp hạng, có lẽ nên được xếp Trung Cộng cùng thời đại với các nhóm dân bộ lạc bán khai ăn thịt người còn sống tản mát trong các khu rừng ở Congo, vùng West Indies và khu vực Amazon hoang dã.

Tại sao?

Cách đây không lâu Trung Cộng là một trong số ít quốc gia mà cha mẹ đã làm thịt con đẻ của mình để sống qua ngày. Cách đây không lâu đã có hơn ba chục triệu người dân Trung Cộng phải chết đói, ăn thịt nhau một cách công khai trong thời kỳ Bước tiến nhảy vọt và Công xã nhân dân, tức giai đoạn người dân phải đem nồi niêu xoong chảo ra các "nhà luyện kim sau vườn" để "đúc thép" theo

chủ trương của Mao Trạch Đông. Và không chỉ trong 40 năm trước, mà ngay cả ngày nay cũng thế, trong lúc đại đa số nhân loại đã qua khỏi thời kỳ dã man cả ngàn năm nhưng tại Trung Cộng việc ăn thịt người là một thức ăn sang trọng. Tờ *Next Magazine* phát hành tại Hong Kong cho rằng tại Trung Cộng, thai nhi là thức ăn phổ biến.

Tháng Năm, 2012, trên tờ *Washington Times*, nhà văn và nhà nghiên cứu Youngbee Dale cho biết sở quan thuế Nam Hàn đã tịch thu 17 ngàn viên thuốc chế bằng thai nhi sản xuất tại Trung Cộng. Chính sách một con đã buộc các cặp vợ chồng chọn phá thai dù ở giai đoạn nào khi biết đứa bé sắp chào đời là con gái. Đài truyền hình Nam Hàn chiếu một phóng sự kinh hoàng, trong đó, các bác sĩ người Hoa thực hiện các ca phá thai và ăn bào thai ngay tại chỗ. Một bác sĩ người Hoa khác để dành bào thai trong tủ lạnh như để dành tôm cá. Việc ăn thịt người xảy ra nhiều nơi ở các bộ lạc bán khai Phi Châu, Nam Mỹ nhưng ăn thịt người được nhà nước cho phép chỉ xảy ra tại quê hương của Tập Cận Bình.

Trung Cộng như một cường quốc kinh tế và theo thông lệ chính trị quốc tế, phải hành xử đúng tư cách của một cường quốc dù đối với bạn hay thù. Nhưng không, lãnh đạo Trung Cộng không có trái tim và lòng nhân đạo và cũng không quan tâm đến sĩ diện của quốc gia. Đối với chúng tiền bạc là vũ khí, là cây gậy. Philippines là quốc gia tranh chấp với Trung Cộng về chủ quyền biển Đông nên những đứa bé Philippines đang hấp hối ở Tacloban phải chết thay cho chính phủ của các em.

Lãnh đạo Trung Cộng là những kẻ nói như Bá Dương nhận xét về nước của ông ta "Người Tây phương có thể đánh nhau vỡ đầu rồi vẫn lại bắt tay nhau, nhưng người Trung Quốc đã đánh nhau rồi thì cừu hận một đời, thậm chí có khi báo thù đến ba đời cũng chưa hết."

Tại sao người Nhật không ghét Mỹ dù Mỹ đã ném hai trái bom nguyên tử giết 240 ngàn người Nhật tại hai đảo Hiroshima và Nagasaki? Bởi vì đó là lịch sử. Con người cũng như quốc gia, không ai có thể quay ngược lại bánh xe thời gian và chỉ có thể vượt qua nỗi đau quá khứ bằng cách xây dựng một tương lai tốt đẹp hơn cho các thế hệ mai sau. Trung Cộng thì khác. Mối nhục một trăm năm được ghi đậm ngay trong phần mở đầu của hiến pháp và lòng thù hận nước ngoài đã được đảng CS khai thác tận tình.

Từ cơn bão lụt Katrina đến nay, mỗi khi cần phải tìm một ví dụ để nhắc đến tình người, để biểu dương tinh thần "đồng cảnh tương thân", Bangladesh lại được ca ngợi trong hầu hết bài viết, bài diễn văn, từ tổng thống Mỹ cho đến một học sinh trung học và xem đó như "tấm gương Bangladesh". Từ cơn bão Haiyan về sau, Trung Cộng cũng sẽ được nhắc nhở nhưng hoàn toàn phản nghĩa với Bangladesh. Trung Cộng sẽ đồng nghĩa với bản chất ti tiện, dã man, kiêu căng, thù vặt và thù dai. Bản chất đó là "sự kết hợp hài hòa và nhuần nhuyễn" của dòng máu bành trướng Đại Hán và đặc tính Cộng Sản độc tài.

Theo thống kê của Liên Hiệp Quốc, Trung Cộng là quốc gia có tổng sản lượng nội địa năm 2012 hơn bảy ngàn tỉ Dollar nhưng trong mắt của phần lớn nhân loại hôm nay, trị giá của cường quốc này chỉ đáng 100 ngàn.

CHU KỲ THÙ HẬN VIỆT-TRUNG-MIÊN

Khi nhắc đến quan hệ giữa Việt Nam và Trung Cộng, giới lãnh đạo CSVN thường nhấn mạnh đến 16 chữ vàng "Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai" do Giang Trạch Dân thay mặt lãnh đạo Trung Cộng tặng Lê Khả Phiêu, đại diện giới lãnh đạo CSVN đầu năm 1999 nhưng không hề nhắc đến 12 lời nguyền rủa "Việt Nam là côn đồ, phải dạy cho Việt Nam bài học" do Đặng Tiểu Bình, thay mặt Trung Cộng tặng CSVN vào cuối năm 1978 trong chuyến đi thăm các quốc gia Đông Nam Á của y.

Gọi là lời nguyền rủa vì họ Đặng không viết ra để gởi Bộ Chính trị đảng CSVN qua đường ngoại giao mà do chính giọng Tứ Xuyên của y phát biểu trên đài truyền hình cho nhân dân Đông Nam Á và thế giới cùng nghe.

Lý do nguyền rủa

Phải công tâm mà nói, mặc dù dùng chữ "Việt Nam" họ Đặng nhắm vào đảng CSVN chứ không hàm ý dân tộc Việt Nam hay nhân dân Việt Nam. Và cũng công tâm mà nói,

sau khi tìm hiểu kỹ mối quan hệ giữa hai đảng CS, việc Đặng Tiểu Bình rủa đảng CSVN là "côn đồ" không phải là quá đáng.

Trung Cộng đổ quá nhiều xương máu, góp quá lớn công sức và của cải cho chiến thắng của đảng CSVN. Trong tác phẩm *Trung Quốc lâm chiến: Một bộ bách khoa* (China at War: An Encyclopedia) tác giả Xiaobing Li liệt kê các đóng góp cụ thể của 320 ngàn quân Trung Cộng trong chiến tranh Việt Nam:

"*Mặc dù đang mạnh dần, Trung Quốc vẫn lo ngại sự hiện diện ngày càng mở rộng của Mỹ tại Đông Nam Á. Trong chiến tranh Việt Nam giai đoạn năm 1964 đến năm 1973, quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc (PLA) đã lần nữa can thiệp. Tháng Bảy năm 1965, Trung Cộng bắt đầu đưa quân vào Bắc Việt, bao gồm các đơn vị hỏa tiễn địa-không (SAM), phòng không, làm đường rầy xe lửa, công binh, vét mìn, hậu cần. Quân đội Trung Cộng điều khiển các giàn hỏa tiễn phòng không, chỉ huy các đơn vị SAM, xây dựng và sửa chữa đường sá, cầu cống, đường xe lửa, nhà máy. Sự tham gia của Trung Cộng giúp cho Việt Nam có điều kiện gởi thêm gởi nhiều đơn vị Bắc Việt vào Nam đánh Mỹ. Giữa năm 1965 và năm 1968, Trung Quốc gởi sang Bắc Việt 23 sư đoàn, gồm 95 trung đoàn, tổng số lên đến 320 ngàn quân. Vào cao điểm năm 1967, có 170,000 quân Trung Quốc hiện diện*".

Nội dung này cũng phù hợp với con số do hãng tin Reuter loan đi ngày 16 tháng Năm, 1989 dựa theo tin của China News Service "Hãng tin bán chính thức của Trung Quốc trong một thông báo được theo dõi tại Hong Kong cho biết Trung Cộng đã gởi 320 ngàn quân sang Việt Nam trong thập niên 1960". Về con số thương vong, bản tin còn cho biết hơn 4 ngàn lính Trung Cộng đã chết trong cuộc chiến Việt Nam. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý dưới các

chế độ CS, con số thương vong là một thống kê có tính cách chính trị, con số thật sự không được tiết lộ. Giống như cách CSVN tổng kết thương vong trong chiến tranh Việt Nam, khi nghĩ đến chuyện Mỹ bồi thường chiến tranh, họ đưa ra con số quá cao nhưng khi khoe khoang chiến thắng họ lại hạ con số tổn thất xuống thấp.

Trung Cộng, trong lúc dành dụm từng ký gạo gởi giúp Việt Nam, phải trải qua nạn đói khủng khiếp nhất trong lịch sử loài người do Mao Trạch Đông gây ra trong thời kỳ Bước tiến nhảy vọt và Công xã nhân dân từ năm 1958 đến năm 1962.

Không có một con số chính xác số người chết đói tại Trung Cộng nhưng hầu hết các nhà nghiên cứu đã đồng ý con số lên đến vài chục triệu người. Tác giả Peng Xizhe dự đoán thấp nhất với 23 triệu người và Frank Dikötter, giáo sư môn Lịch sử Trung Quốc Hiện đại, dự đoán ít nhất có 45 triệu người chết, trong đó khoảng 2 đến 3 triệu chết vì tra tấn. Phần lớn các nhà nghiên cứu còn lại cho rằng khoảng 30 triệu người đã chết đói. Viết trên *New York Times*, giáo sư Frank Dikötter trích dẫn lá thư viết tay của viên Giám đốc Sở Anh Ninh Công Cộng tỉnh Tứ Xuyên báo cáo lên cấp trên tỉnh của y có 10.6 triệu người chết đói. Ở Cam Túc có 50 trường hợp ăn thịt người. Nhà báo Daniel Southerland viết trên Washington Post, tại công xã Fengyang có 63 trường hợp người ăn người và tại công xã Damiao hai vợ chồng Chen Zhangying và Zhao Xizhen luộc chín đứa con 8 tuổi của mình để ăn. Riêng tại công xã Wudian có cả trường hợp bán thịt của chính mình như bán thịt heo. Nói chung, những năm cuối thập niên 1950 cho đến đầu 1960 là những năm dân số Trung Cộng giảm thấp nhất nhưng không phải vì hạn chế sinh đẻ nhưng chết quá nhiều.

Tuy nhiên, cũng ngay trong thời gian dân Trung Cộng có nơi phải ăn thịt người mà sống, giới lãnh đạo Trung Cộng đã vét kho gởi sang nuôi CSVN.

Dưới đây là nội dung bản tổng kết của báo Nhân Dân phát hành tại Hà Nội, số 2021 ra ngày 28 tháng Chín 1959 nhân dịp kỷ niệm 10 năm thành lập nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa được dịch sang tiếng Anh và lưu trữ trong Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ (Libray of Congress):

"Trong năm năm qua, Trung Quốc đã dành cho Việt Nam sự giúp đỡ nhiệt tình. Chỉ riêng tiền bạc, trong đó Trung Quốc viện trợ không hoàn lại, đã lên đến 900 triệu Yuan, đây là số lượng bằng thu nhập nội địa của ngân sách Việt Nam trong ba năm 1955, 1956, 1957 cộng lại... Trong công nghiệp, Trung Quốc đã giúp chúng ta trong lãnh vực khai thác hầm mỏ, sản xuất điện khí, cải thiện sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp thực phẩm, công nghiệp hàng tiêu dùng, công nghiệp cơ khí, công nghiệp sản xuất phân bón và hóa chất, công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp dầu khí, công nghiệp sắc thép... Mặc dù trong mười năm xây dựng, Trung Quốc đạt được nhiều thành quả vật chất, vẫn còn là một nước nghèo. Dù sao, Trung Quốc đã hết lòng viện trợ chúng ta. Do đó, chúng ta càng biết ơn sự trợ giúp đó".

Mối tình Việt Trung đã vượt qua khỏi giới hạn quan hệ hai nước bình thường, như Dương Danh Dy, nguyên Tổng lãnh sự Việt Nam tại Quảng Châu, viết trong bài *Hồ Chí Minh với Trung Quốc*: *"Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Bác Hồ đã đi tới nhiều nơi trên thế giới, nhưng có lẽ Trung Quốc là một trong mấy nước Bác lui tới nhiều lần nhất, sinh sống ở đó trong thời gian dài nhất, có cống hiến rất lớn cho phong trào cách mạng cũng như để lại ở đó nhiều tình cảm nhất".* Nói chung, từ đời sống đến tình cảm, mặt nào cũng *"nhất".*

Đảng CSVN đã sống bằng cơm gạo Trung Cộng suốt ba năm ngân sách các năm 1955, 1956, 1957 trong khi cũng ngay thời gian đó quê hương Tứ Xuyên của Đặng Tiểu Bình chết trên 10 triệu người, chết không kịp chôn, chết đầy đường phố.

Từ thời gian thành lập năm 1930 đến cuối thập niên 1960, dây chùm gởi CSVN sống bám vào thân cây CSTQ từ vật chất đến tư tưởng. Câu nói quen thuộc trong bang giao quốc tế "quốc gia không có bạn hay thù mãi mãi mà chỉ có quyền lợi" không áp dụng được với Việt Nam và Trung Cộng. Quan hệ Việt Trung không giống như quan hệ ngoại giao giữa bất cứ hai nước nào trong lịch sử cận đại. Những hy sinh của đảng CSTQ cho đảng CSVN quá lớn để quên và quá cao để đáp đền đầy đủ. Không có sự trợ giúp của đảng CSTQ, không biết số phận đảng CSVN giờ này trôi giạt về đâu.

Phân tích để thấy, Đặng Tiểu Bình nguyền rủa đảng CSVN "côn đồ" không phải là quá nặng lời.

"*Mối tình hữu nghị Việt – Hoa / Vừa là đồng chí vừa là anh em*"

Trung Cộng quan tâm và lo lắng cho đảng CSVN chỉ vì, ngoài lý do an ninh phên dậu phía nam, họ còn luôn nghĩ đảng CSVN là một phần của đảng CSTQ.

Không chỉ phía Trung Cộng mà Việt Nam một thời rất lâu cũng thừa nhận điều đó. Tinh thần nô lệ Trung Cộng ăn sâu vào nhận thức của nhiều thế hệ lãnh đạo CSVN như Dương Danh Dy kể lại *"Bác luôn coi sự nghiệp và lợi ích của cách mạng Trung Quốc như của chính mình".* Công hàm Phạm Văn Đồng bây giờ là chuyện lớn nhưng trong thời buổi thở nhờ bình dưỡng khí của Trung Cộng như báo Nhân Dân viết, công hàm chỉ là chuyện nhỏ. Nhiều người kết án 11 ủy viên trong Bộ Chính trị CSVN thuộc

đại hội 2 năm 1951 ngu xuẩn khi viết công hàm 1958 nhưng đó là ngu xuẩn theo nhận thức ngày nay. Trong mắt lãnh đạo Đảng thời kỳ 1958, công hàm Phạm Văn Đồng lại là một hành động hết sức sáng suốt, thông minh, biểu hiện tính giai cấp, phù hợp nhu cầu phát triển đất nước và xu hướng cách mạng vô sản toàn thế giới. Mấy tổ yến trên hoang đảo xa xôi cách Đà Nẵng 170 hải lý làm sao sánh được với 900 triệu Yuan, làm sao so được sự hy sinh vô bờ bến của đảng CSTQ dành cho đảng CSVN, làm sao so được với cả một lịch sử gần gũi như anh với em, vợ với chồng, nước với sữa, môi với răng giữa hai đảng. Toàn bộ nội dung công hàm còn được đăng trên báo Nhân dân ngày 22 tháng 9 năm 1958 như một cách nhấn mạnh đến tầm nhìn xa thấy rộng của Đảng.

Tình càng nặng, nhớ càng sâu mà khi thù cũng sẽ rất lâu. Cuộc tình giữa hai đảng CS Trung Quốc và Việt Nam diễn theo một chu kỳ có đủ bốn mùa xuân, hạ, thu, đông. Từ những ngày còn trẻ hẹn hò bên bờ sông Mác, bên suối Lê Nin, đã thề nguyền sống chết có nhau, hơn một lần sớt chia nhau từng hạt gạo, viết tặng nhau những dòng thơ vô cùng thắm thiết rồi khi chia tay trong mùa đông lạnh rét họ trở thành thù địch chẳng những chém giết không một chút xót thương mà còn mượn tay hàng xóm để tàn sát gia đình, chặt đầu con cái và thả trôi sông người thân của kẻ từng thề vinh nhục có nhau.

Ngày 17 tháng Hai năm 1979, Đặng Tiểu Bình phát động cuộc chiến tranh giới hạn xâm lăng lãnh thổ Việt Nam để "dạy cho Việt Nam một bài học". Với số quân vượt trội nhiều lần và có yếu tố bất ngờ nhưng Trung Cộng đã chịu đựng tổn thất nặng nề ngay trong những ngày đầu của cuộc chiến. Sau tuần lễ đầu chịu đựng nhiều thiệt hại nhưng danh sách các vùng chiếm được chỉ là những làng xã dọc biên giới, Đặng Tiểu Bình bằng mọi giá

phải chiếm cho được thành phố Lạng Sơn, thủ phủ tỉnh Lạng Sơn để lấy tiếng trước khi rút lui. Chiều ngày 4 tháng Ba, sau nhiều trận giao tranh đẫm máu quân Trung Cộng tiến vào Lạng Sơn. Khi rút khỏi những nơi này, quân Trung Cộng san bằng tất cả nhà cửa để trả thù cho số thương vong quá lớn. Ký giả Nayan Chanda thăm vùng giao tranh vài ngày sau cuộc chiến đã ghi nhận không chỉ các công sở nhà nước mà cả trường học, bịnh viện đều bị quân Trung Cộng giựt sập. Theo nhận xét của Đại Tá Russell D. Howard thuộc Học Viện An Ninh Quốc Gia của Không Quân Hoa Kỳ, Trung Cộng thiệt hại chỉ trong vài ngày bằng hơn một nửa số tổn thất của Mỹ trong 10 năm tham dự chiến tranh Việt Nam. Thật vậy, với vũ khí lạc hậu và đạo quân đông đảo nhưng không có kinh nghiệm chiến trường, Đặng Tiểu Bình đã "học" nhiều hơn "dạy".

Tái áp dụng chính sách cô lập Việt Nam

Mới đây Trung Cộng lần nữa mượn tay hàng xóm Campuchia để bao vây và cô lập Việt Nam như họ đã từng làm sau năm 1975. Cùng một mục tiêu nhưng khác về phương tiện. Vào năm 1978, phương tiện là vũ khí nhưng lần này tài chánh sẽ là phương tiện chính. Năm 1978, các quốc gia hội viên ASEAN ủng hộ quan điểm Đặng Tiểu Bình vì họ không muốn thấy một "Cu Ba phương đông" trong vùng Đông Nam Á. Năm 2012, ngoại trừ Philippines, các quốc gia như Thái, Miến, Brunei, Nam Dương, Mã Lai, Singapore đã nghiêng về phía Trung Cộng qua thái độ không muốn can thiệp vào xung đột biển Đông.

Lý do rất dễ hiểu. Nhìn vào cán cân ngoại thương cũng như vốn đầu tư của Trung Cộng vào các nước ASEAN sẽ biết ngay họ làm như thế phát xuất từ lý do kinh tế và nỗi lo sợ Trung Cộng trừng phạt. Kể từ khi Thỏa hiệp Mậu dịch Công bằng Trung Quốc-ASEAN (The China-ASEAN

Fair Trade Agreement) được ký kết năm 2010, các công ty Trung Cộng đổ tiền như nước vào ASEAN và hiện nay là thành viên thương mại lớn nhất trong vùng. Tổng giá trị mậu dịch giữa Trung Cộng và các nước ASEAN được dự tính sẽ tăng gấp đôi từ 231 tỉ Dollar năm 2010 lên đến 500 tỉ Dollar vào năm 2015 bao gồm hầu hết các ngành công nghiệp, nhẹ như tơ sợi đến nặng như sắt thép. Làm ăn với ASEAN, Trung Cộng rất yên tâm vì biết ASEAN không phải là một liên minh quân sự và trong nội bộ ASEAN chẳng nước nào tin tưởng nước nào.

Tham vọng khống chế ASEAN không phải là mới mà đã bắt đầu từ chuyến viếng thăm của Đặng Tiểu Bình đến các nước ASEAN từ năm 1978. Việc họ Đặng chọn Thái Lan như chặng đầu tiên chỉ vì vừa muốn ve vãn đồng minh thân cận Mỹ ở Đông Nam Á và cũng muốn dùng đất Thái để tiếp tục yểm trợ vũ khí cho Pol Pot. Tại mỗi chặng trên chuyến viếng thăm, Đặng Tiểu Bình nhấn mạnh Việt Nam, một "Cu Ba phương đông" như một đe dọa cho hòa bình và ổn định trong vùng Đông Nam Á. Trong số các lãnh tụ ASEAN thời đó chỉ có Lý Quang Diệu là người hiểu được tâm địa của họ Đặng. Đặng Tiểu Bình ngạc nhiên khi nghe Lý Quang Diệu phát biểu rằng các quốc gia Đông Nam Á lo ngại Trung Cộng nhiều hơn là lo ngại Việt Nam. Dù bất đồng một số điểm Đặng và Lý rất thán phục nhau về khả năng lãnh đạo, tính thực tế và biết nhìn xa về tương lai đất nước họ và thế giới.

Điều kiện kinh tế chính trị năm 2012 khác với điều kiện kinh tế chính trị năm 1979 nhưng đều bất lợi cho CSVN và cũng do bàn tay lông lá của Trung Cộng vận dụng từ bên trong. Chủ trương của Trung Cộng là khống chế Việt Nam, giữ Việt Nam trong vòng khốn đốn, lạc hậu, nghèo nàn, ăn không ngon và ngủ không yên như thời Trung Cộng xúi dục Khmer Đỏ quậy phá vùng biên giới

Tây-Nam Việt Nam. Lãnh đạo Trung Cộng vừa phải hành xử như một trong những cường quốc kinh tế nhưng cùng lúc không che giấu tham vọng thống trị biển Đông bằng mọi phương tiện. Và nếu phải chọn một đối tượng để dằn mặt các nước nhỏ trong vùng, không có đối tượng nào khác hơn là Việt Nam.

Sau một thời gian tương đối yên tĩnh, biết đâu trong những ngày tới, tiếng súng lại nổ vang ở Phú Quốc, Tây Ninh, An Giang và nạn "cáp duồn" lại xảy ra cho bà con đang làm ăn trên đất Campuchia. Khác với tình trạng năm 1977-1978, lần này CSVN nhiều lắm chỉ có thể phản ứng tự vệ dọc biên giới Việt Miên nhưng không thể, về cả điều kiện chính trị thế giới lẫn khả năng quân sự, đánh sập Campuchia trong một hai tuần như trước đây.

Trong cuộc chiến Việt Miên năm 1979, phía Việt Nam chiếm nhiều ưu thế về cả phương tiện chiến tranh lẫn kinh nghiệm chiến trường. Hai ưu thế đó không còn nữa. Suốt 37 năm, giới lãnh đạo đảng CSVN chỉ lo củng cố vai trò cai trị, tham nhũng, tập trung lực lượng an ninh vào việc trấn áp những người yêu nước mà bỏ qua một thế giới đang không ngừng thay đổi, đi lên và những lãnh đạo Campuchia gốc Kmer Đỏ đang mỗi ngày được hiện đại hóa về mọi mặt.

Pol Pot và Đặng Tiểu Bình

Nói đến Khmer Đỏ không thể không nhắc vai trò của Trung Cộng trong xung đột Việt Nam Campuchia. Pol Pot và đảng CS Campuchia là thủ phạm trực tiếp nhưng Đặng Tiểu Bình và đảng CSTQ cũng đã đóng vai trò quan trọng dẫn tới nạn diệt chủng Campuchia. Chính Hun Sen xác nhận điều này trong luận án của y: "Trung Quốc có vai trò quan trọng trong việc ủng hộ cuộc diệt chủng của Polpot

đối với nhân dân Campuchia cũng như việc Polpot xâm lược Việt Nam".

Quan hệ giữa Pol Pot và Trung Cộng bắt nguồn rất sớm và trở nên chặt chẽ về mặt lý luận sau khi Pol Pot bí mật viếng thăm Trung Cộng vào năm 1965. Y ở lại Trung Cộng nhiều tháng và làm việc với Đặng Tiểu Bình, lúc đó là Tổng bí thư đảng CSTQ. Pol Pot được Mao Trạch Đông chỉ dẫn nhiều điểm về lý luận cách mạng và chiến tranh nhân dân. Mao thậm chí còn tặng người học trò ngoan Pol Pot này ba chục cuốn sách của Marx, Engels, Lenin và Stalin. Dòng máu hung bạo, ác độc trong người của Pol Pot được nhuộm đỏ bằng chủ nghĩa Mao và chủ nghĩa dân tộc cực đoan Campuchia. Quan điểm cách mạng liên tục của Mao ảnh hưởng Pol Pot rất nhiều trong việc hoạch định các chiến lược tấn công chế độ Lon Nol thân Mỹ.

Pol Pot trở lại Trung Cộng và tham khảo với Đặng Tiểu Bình từ 28 tháng Chín đến 22 tháng 10, 1977. Đây là lần đầu tiên báo chí quốc tế chính thức biết Saloth Sar và Pol Pot chỉ là một người. Họ Đặng rất vui khi được Pol Pot chia sẻ quan điểm triệt để chống CSVN của y. Trung Cộng viện trợ cho Campuchia hàng trăm xe tăng, đại pháo và nhiều máy bay chiến đấu để chuẩn bị cho các trận đánh lớn có thể xảy ra. Trong giai đoạn này, Trung Cộng là đồng minh duy nhất của Khmer Đỏ. Pol Pot chủ trương chỉ cần một người Campuchia diệt được ba chục người Việt, dân Campuchia sẽ tiêu diệt toàn bộ dân tộc Việt Nam. Các cuộc đột kích vào đảo Thổ Châu, Phú Quốc, nhiều địa phương thuộc các tỉnh An Giang, Tây Ninh, đốt phát làng mạc, giết người, bắt cóc, bịt mắt thả sông của Khmer Đỏ trong giai đoạn 1977-1978 phát xuất từ chủ trương này.

Các trận đột kích liên tục của quân đội Pol Pot gây thiệt hại nặng cho dân Việt sống vùng biên giới đã dẫn

đến cuộc phản tấn công của CSVN vào nội địa Campuchia trong những ngày cuối năm 1978, đánh bật tập đoàn Pol Pot vào rừng và ngày 8 tháng Giêng 1979 thiết lập chế độ thân CSVN Heng Samrin với Hun Sen là Bộ trưởng Ngoại Giao. Về mặt chiến lược, việc CSVN đánh sập chế độ Pol Pot là đúng nhưng vì không có một đồng minh nào ngoại trừ khối Liên Xô xa xôi, bị Trung Cộng, Mỹ, ASEAN liên kết nhau cô lập nên CSVN đã rơi vào vũng lầy Campuchia suốt mười năm.

Hun Sen là ai?

Hun Sen chẳng phải là người xa lạ. Y nguyên là Trung đoàn phó của một đơn vị Khmer Đỏ đào thoát theo Việt Nam và đóng vai Bộ trưởng Ngoại giao trong chính phủ Heng Samrin. Lý lịch của y cũng giống như các lãnh đạo CS thay đổi tùy theo thời thế. Một số nghiên cứu cho rằng y tham gia Khmer Đỏ khá sớm, khoảng 1967, nhưng Hun Sen phủ nhận và tự khai y chỉ gia nhập vào năm 1970 đáp lời kêu gọi của Hoàng thân Norodom Sihanouk. Giống như nhiều lãnh đạo Campuchia có quá khứ Khmer Đỏ khác, Hun Sen cố tình che giấu lý lịch của mình càng nhiều càng tốt.

Luật sư Brad Adams, Giám đốc Khu vực Á châu của Human Rights Watch, nhận xét Hun Sen là một kẻ có bản chất độc tài thô bạo không khác gì các nhà độc tài trong cùng "câu lạc bộ 10 ngàn", ám chỉ một nhóm gồm những nhà độc tài thông qua bạo động, kiểm soát an ninh, dựa vào sự yểm trợ từ nước ngoài để kéo dài quyền lực cai trị trên 10 ngàn ngày. Sau sự sụp đổ của hàng loạt các nhà độc tài tại Tunisia, Egypt, Libya và Yemen, Hun Sen là một trong số rất ít hội viên của "câu lạc bộ 10 ngàn" còn nắm được quyền hành.

Tên danh dự đầy đủ của Hun Sen là Samdech Akeak Moha Sena Padei Techo Hun Sen còn dài hơn cả tên danh dự của nhà độc tài khát máu nhất Congo là Mobutu Sese Seko Nkuku Ngbendu wa Za Banga. Mới đây khi được hỏi liệu y có lo ngại sẽ bị lật đổ như các nhà độc tài Tunisia, Egypt, Libya, máu Khmer Đỏ trong người sục sôi lên và Hun Sen trả lời: "Tôi chẳng những làm suy yếu đối phương mà còn tận diệt chúng… Nếu kẻ nào nghĩ mình đủ mạnh để biểu tình, tôi sẽ đánh gục bọn chó đó và nhốt chúng vào trong cũi".

Hun Sen không chỉ đe dọa thôi nhưng trong quá khứ y đã trấn áp đối lập một cách thô bạo nhiều lần. Trong năm 1991, khi các đại diện Liên Hiệp Quốc vào Campuchia tổ chức tuyển cử, Hun Sen đã ra lịnh cho an ninh dưới quyền tàn sát trên 100 đảng viên của một đảng đối lập ngay trước mắt của phái đoàn Liên Hiệp Quốc. Một lần khác, vào năm 1997, Hun Sen ra lịnh cho cận vệ tấn công bằng lựu đạn vào một buổi họp của lãnh tụ đối lập Sam Rainsy làm 16 người chết và hơn 150 người bị thương. Cũng trong năm 1997, lo ngại bị thất cử, Hun Sen tổ chức đảo chánh chống lại đảng Hoàng gia mà y đã liên minh. Hàng trăm người bị bắt và bị giết. Các nhân viên Liên Hiệp Quốc khi đào xác lên đã khám phá phần lớn đã bị bắn vào đầu trong lúc đang bị còng tay và bị bịt mắt. Những hình ảnh đó gợi lại cảnh tượng kinh hoàng của thời Pot Pot.

Hun Sen 1997 theo dấu chân Pol Pot 1977

Nhiều người cho rằng Hun Sen mới ngã về phía Trung Cộng mới đây. Điều đó không đúng. Khuynh hướng thân Trung Cộng của Hun Sen bắt đầu sau cuộc đảo chánh đẫm máu năm 1997. Cuộc đảo chánh đã làm y mất uy tín trong các lãnh đạo các quốc gia dân chủ Tây phương. Nhiều quốc gia đã ngưng viện trợ cho chính phủ Hun Sen hay

tiếp tục viện trợ nhưng đưa ra các điều kiện phải tôn trọng nhân quyền.

Giống như Pol Pot trước đây, Hun Sen không còn đường nào khác ngoài việc đi tìm sự ủng hộ từ phía Trung Cộng. Dĩ nhiên giới lãnh đạo Trung Cộng nắm bắt cơ hội ngàn vàng này. Từ năm 1997 đến năm 2005, Trung Cộng cung cấp cho chính quyền Hun Sen 600 triệu Dollar qua đầu tư, viện trợ không hoàn lại, hủy bỏ nợ đến thời hạn trả. Từ năm 2000, hàng loạt lãnh đạo cao cấp CSTQ lần lượt viếng thăm Campuchia. Tổng bí thư Giang Trạch Dân thăm Campuchia năm 2000, cựu Thủ tướng Lý Bằng thăm Campuchia năm 2001, Thủ tướng Chu Dung Cơ thăm Campuchia năm 2002.

Đáp lại, trong cùng thời gian, Hun Sen đã thăm viếng Trung Cộng tất cả 6 lần. Hun Sen từng tuyên bố "Trung Quốc nói ít làm nhiều" vì viện trợ của Trung Cộng không đặt ra các điều kiện nhân quyền trong khi nhân quyền lại là tiền đề thảo luận với các nước dân chủ. Trong bang giao quốc tế, chế độ Hun Sen nhiệt tình ủng hộ các chính sách của Trung Cộng qua việc ngăn cấm các viên chức trong chính quyền y thăm viếng Đài Loan, ủng hộ chính sách "Một Trung Quốc", y còn họa theo Trung Cộng khi lên tiếng kết án Mỹ trong vụ máy bay Mỹ ném bom lầm xuống tòa đại sứ Trung Cộng tại Belgrade năm 1999.

Trong lãnh vực quân sự, Trung Cộng lần nữa đóng vai trò yểm trợ tích cực như đã từng làm đối với chế độ Pol Pot. Từ sau cuộc đảo chánh của Hun Sen năm 1997, Trung Cộng đã gởi các trang bị quân sự cho cánh Hun Sen, xây dựng các doanh trại quân đội, sửa chữa phi trường Kampong Chhnang, hàng năm đưa 40 sĩ quan trong quân đội Campuchia sang Trung Cộng huấn luyện. Năm 2011, Trung Cộng cho Campuchia vay 195 triệu Dollar để mua một số lượng máy bay trực thăng không

được tiết lộ của Trung Cộng. Mới đây, 18 tháng Tám 2012, Trung Cộng viện trợ quân sự cho Campuchia thêm 19 triệu Dollar và sẽ giúp xây dựng các bệnh viện quân đội, trung tâm huấn luyện cho đạo quân 140 ngàn của Hun Sen.

Trong hai tháng qua, nhiều người Việt phê bình Hun Sen và lãnh đạo hai nước láng giềng hữu nghị thân thiết Campuchia và Lào, có lịch sử gắn bó từ thời đảng CS Đông Dương, đã bí mật bắt tay Trung Cộng. Thật ra, không có chỗ cho các yếu tố đạo đức, ơn nghĩa trong bàn cờ chính trị. Hơn ai hết Hun Sen biết chính bản thân y trước đây khi được đặt vào chức Bộ trưởng Ngoại giao ở tuổi 27 cũng chỉ là con cờ chính trị của CSVN mà thôi. Thời thế đã đổi thay và con người thay đổi theo thời thế là chuyện bình thường.

Nhiều nhà phân tích cho rằng Campuchia nên giữ vai trò độc lập trong xung đột Việt Trung để nhận được sự ủng hộ từ cả hai bên nhưng đó chỉ là lý thuyết, lịch sử và thực tế kinh tế chính trị cho thấy, Campuchia phải chọn Trung Cộng và chia tay với CSVN. Đi với Việt Nam, Hun Sen không được gì trong khi đi với Trung Cộng Hun Sen có lợi cho cả cá nhân lẫn đất nước của y. Việt Nam không thể cạnh tranh nổi với Campuchia và Bangladesh về sản phẩm tiêu dùng loại rẻ tiền nói chi là chuyện tranh đua với Trung Cộng để viện trợ cho Campuchia.

Đối với nội bộ Campuchia, càng đóng vai trò độc lập với Việt Nam bao nhiêu, Hun Sen, người vẫn còn bị phe đối lập tại Campuchia tố cáo là bù nhìn Việt Nam, sẽ càng được sự ủng hộ của nhân dân Campuchia bấy nhiêu. Thế hệ Campuchia được CSVN cứu sống năm 1979 đã già và nhiều trong số họ đã chết. Thế hệ trẻ lớn lên chỉ biết đến Việt Nam là kẻ thù truyền thống của dân tộc Khmer.

Trong diễn văn kỷ lục dài trên 5 giờ trước quốc hội vào đầu tháng 8, 2012, Hun Sen cứng rắn cam kết "*Thật ra, tuy nhiên, biên giới đường biển giữa Campuchia và Việt Nam vẫn chưa xác định và không một giọt nước nào của nguồn hải lưu đã bị mất về tay Việt Nam*". Các lãnh tụ đối lập trong quốc hội Campuchia từ nhiều năm nay liên tục tố cáo Việt Nam cướp đoạt đất đai trong đó có cả đảo Phú Quốc và vùng hạ lưu sông Cửu Long nơi có dân Khmer Krom đang sống. Khẩu hiệu chống Việt Nam cướp đất đầy tính khích động nhưng lại rất thu hút cử tri trong các mùa bầu cử. Sự cứng rắn đối với Việt Nam của Hun Sen đáp ứng "nguyện vọng" nhân dân nhằm binh vực tính chính danh của chế độ và tiếp tục là hội viên của "câu lạc bộ 10 ngàn" lâu hơn nữa.

Hun Sen tham nhũng

Vi trùng tham nhũng sinh sản rất nhanh trong các chế độ độc tài, nơi quyền lực tập trung trong tay một nhóm nhỏ người nắm quyền cai trị. Tham nhũng là một trong những căn bịnh đang đè nặng lên xã hội Campuchia và gia đình bị tố cáo tham nhũng nhiều nhất là Hun Sen. Mặc dù chỉ làm việc cho chính phủ trong suốt hơn 30 năm, gia đình y có một đời sống sung túc hơn bất cứ người dân Campuchia nào.

Cũng theo lời của luật sư Brad Adams thuộc tổ chức Human Rights Watch, mười năm trước, một viên chức Bộ ngoại giao Mỹ đã tiết lộ cho ông biết tài sản của Hun Sen được ước lượng vào khoảng 500 triệu Dollar. Không ai biết chính xác giá trị bất động sản và dự trữ Dollar, vàng bạc của Hun Sen và gia đình tại các ngân hàng ngoại quốc hiện nay là bao nhiêu. Phản ứng trước những lời tố cáo tham nhũng, Hun Sen cho báo chí biết y và gia đình chỉ sống bằng đồng lương thủ tướng 1,150 Dollar mỗi tháng.

Tuy nhiên không một nhà phân tích nào tin vào con số không thể nào đúng với thực tế này.

Không có CSVN, Hun Sen không chỉ mù một mắt mà đã mồ hoang mã lạnh từ lâu rồi, nhưng với bản chất bạo động, háo danh, tham vọng quyền lực sẵn có của người cựu Khmer Đỏ, Hun Sen rất dễ dàng bị Trung Cộng khích động và mua chuộc. Lãnh đạo Trung Cộng thừa tiền bạc và cũng thừa kinh nghiệm làm ăn với các lãnh đạo độc tài. Cả một đám lãnh đạo châu Phi xa xôi và đắt tiền mà Trung Cộng còn mua chuộc được dễ dàng sá gì một Hun Sen hay một Choummaly Sayasone rẻ mạt ở sát bên nhà.

Chu kỳ thù hận Việt-Trung-Miên

Và tất cả những oan nghiệt đó, dùng chữ của Hun Sen trong luận án tiến sĩ chính trị của y, chỉ vì cùng "từ một bào thai" CS. Lịch sử hiện đại của ba nước bị trói chặt bởi sợi xích oan nghiệt CS. Thật vậy, ý thức hệ CS là nguyên nhân sâu xa cho tất cả đau thương thảm khốc mà người dân vô tội trong ba quốc gia Việt, Trung, Campuchia đã chịu đựng. Cách mạng văn hóa ở Trung Cộng, Cải cách ruộng đất ở Việt Nam, Năm số không (Year Zero) ở Campuchia đều là sản phẩm của hệ tư tưởng Mác Lê Mao.

Chủ nghĩa Cộng Sản đã tàn trên phần lớn trái đất nhưng tại ba nước Việt, Trung, Campuchia bóng ma Cộng Sản vẫn còn ám ảnh thường xuyên trên số phận con người. Ngày nào đảng CS còn cai trị hay có ảnh hưởng lớn, ba nước Việt, Trung, Miên lại sẽ đi vòng theo một chu kỳ thù địch, bắt đầu từ chỗ nợ máu xương và chấm dứt ở chỗ thanh toán nhau bằng xương máu.

Trung Cộng có tranh chấp biên giới với gần 20 quốc gia, lớn như Ấn Độ và nhỏ như Bhutan, nhưng chỉ có Việt Nam là hệ lụy nặng nề. Campuchia cũng tranh chấp biên giới với Thái Lan và thậm chí mới pháo kích vào đất nhau

nhưng chỉ xung đột với Việt Nam là người ta hình dung ngay đến một viễn ảnh vô cùng thảm khốc.

Tại sao?

Chỉ vì cả ba nhánh sông này đều phát xuất từ một nguồn CS. Những người như Hồ Chí Minh, Trần Phú, Norodom Sihanouk, Heng Samrin, Pol Pot, Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Phạm Văn Đồng, Đặng Tiểu Bình, Hoa Quốc Phong, Lý Tiên Niệm đã xác lạnh từ lâu nhưng tên tuổi họ vẫn được nhắc đi nhắc lại trong lịch sử ba nước như những oan hồn còn nặng nợ trần gian.

Thật vô cùng phi lý khi những đứa bé Campuchia sinh ra ở Nam Vang, đứa bé Việt Nam sinh ra ở Hà Nội hôm nay lại phải gánh chịu oan khiên từ thời đảng CS Đông Dương. Và cũng thật buồn cười khi quan hệ giữa hai quốc gia không đặt căn bản trên luật pháp quốc tế mà bị chi phối bởi bốn câu thơ *"Ổn định lâu dài, hướng tới tương lai, láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện"* đầy sáo ngữ, mỉa mai và phản thực tế.

Việt Nam chưa bao giờ bị cô lập hơn hôm nay. Trong giai đoạn xung đột biên giới Việt Miên 1977-1979, ít ra còn có phe Liên Xô ủng hộ, ngày nay một mình trên hoang đảo, chung quanh chẳng còn ai và ảnh hưởng mỗi ngày thêm hẹp. Giới lãnh đạo đảng CSVN chẳng những biết rõ mà còn là đồng tác giả của thảm trạng Việt-Trung-Miên. Trước năm 1975, CSVN đã góp phần nuôi dưỡng tên đồ tể Pol Pot này. Năm 1965, Pol Pot đã từng đi bộ dọc theo đường mòn Hồ Chí Minh ra Hà Nội để tham khảo Lê Duẩn về chiến lược chiếm Campuchia. Tháng Bảy năm 1975, Lê Duẩn và Lê Đức Thọ là hai trong số những quốc khách đầu tiên chính thức viếng thăm nước Campuchia Dân Chủ.

Suốt hơn 30 năm, nhân dân Việt Nam phải chịu đựng từ thảm họa này sang thảm họa khác như một chu kỳ lập đi rồi lập lại nhưng giới lãnh đạo Đảng không có một sách lược cụ thể, dứt khoát nào để đưa Việt Nam ra khỏi vòng bế tắc. Lý do đơn giản chỉ vì việc duy trì quyền lực và quyền lợi của giới lãnh đạo đảng được xem là một ưu tiên hàng đầu, trên cả chủ quyền đất nước và tương lai dân tộc.

Một người có ý thức nào cũng biết, cách duy nhất để thoát ra khỏi chu kỳ máu xương thù hận Việt–Trung-Miên là Việt Nam trước hết phải thoát ra khỏi bóng tối của chủ nghĩa Cộng Sản độc tài bước ra phía ánh sáng của thời đại tự do dân chủ.

Chỉ khi nào Việt Nam đứng dưới bầu trời tự do dân chủ giới lãnh đạo Trung Cộng mới không có quyền nghĩ những đại diện của quốc gia Việt Nam không Cộng Sản kia là "đám côn đồ".

Chỉ khi nào Việt Nam đứng dưới bầu trời tự do dân chủ, Hun Sen cùng đảng Dân chủ Nhân dân của ông ta mới không còn nghi ngờ những đại diện của quốc gia Việt Nam không CS thật ra chỉ là những tên cướp nước giả nhân giả nghĩa.

Tất cả sẽ đều bình đẳng trước Hiến chương Liên Hiệp Quốc và các công ước quốc tế mà ba bên đã ký kết. Ân oán nợ nần giữa các đảng CS không có liên hệ gì đến dân tộc Việt Nam. Những khẩu hiệu có tính tuyên truyền như "16 chữ vàng", "tình hữu nghị" sẽ bị gạch bỏ theo chế độ Cộng Sản đã sáng tác ra chúng.

Trong cuộc đàm phán đa phương hay ngay cả song phương với Trung Cộng và Campuchia, các đại diện của một nước Việt Nam dân chủ có thể thắng, có thể huề và cũng có thể thua, nhưng dù thắng, huề hay thua đều dựa

trên cơ sở luật quốc tế và luôn hành xử xứng đáng với tư cách của một cấp lãnh đạo chính danh, thay mặt cho một nước Việt Nam dân chủ, độc lập, chủ quyền, và sẽ được sự ủng hộ của đại đa số con người yêu chuộng tự do, hòa bình trên thế giới.

Con đường giành lại Hoàng Sa và bảo vệ Trường Sa là một con đường dài, gian nan, đầy gai góc, bị chi phối bởi nhiều yếu tố khách quan và chủ quan. Nhưng nếu không đi sẽ không bao giờ đến. Cho dù lâu dài và gian nan cũng phải bắt đầu và điểm bắt đầu mà một người Việt Nam yêu nước nào cũng có thể làm được, đó là tích cực đóng góp vào tiến trình dân chủ hóa Việt Nam.

Tham khảo:

Extraordinary Chambers in the Courts of Cambodia, the United Nations.

Frank Dikotter, *Mao's Great Famine,* Walker & Company 2010

Ian Storey, *China's Tightening Relationship with Cambodia*, The Jamestown Foundation.

Behind the Bamboo Curtain: China, Vietnam, and the World beyond Asia, edited by Priscilla Roberts, tr. 260, 393-394, Stanford University Press 2007

Ezra F. Vogel, *Deng Xiaoping and the Transformation of China,* Harvard University/Belknap Press 2010, tr. 283.

Philip Short, *Pol Pot: Anatomy of a Nightmare*, Macmillan, 2006, tr. 389

Francis Deron*, Several Improper Connections in Matters of Massacre: China, Cambodia, Indonesia, Monde Chinois,* 2008.

Xiaobing Li, *China at War*: An Encyclopedia, ABC-CLIO LLC, 2012

Reuter, China admits 320,000 troops fought in Vietnam, May 16 1989

Daniel Southerland, *Uncounted Millions: Mass Death in Mao's China,* Washington Post, July 17, 1994

Brad Adams, *10,000 Days of Hun Sen*, The New York Times, May 31, 2012

Russell D. Howard, *The Chinese People's Liberation Army: "Short Arms and Slow Legs"*, USAF Institute for National Security Studies 1999

Cambodian Genocide Program, Yale University

Vũ Cao Đàm, *Bài học đáng giá từ Luận án Tiến sĩ của Thủ tướng Campuchia Hun Sen*, Bauxite Việt Nam, 14-8-2012

Wikipedia "Chiến dịch phản công biên giới Tây-Nam Việt Nam"

Wikipedia "Đặng Tiểu Bình"

Wikipedia "Pol Pot"

NẾU BIẾN CỐ THIÊN AN MÔN XẢY RA HÔM NAY

Một sinh viên đứng trên bục cao trong tang lễ Hồ Diệu Bang ngày 24 tháng Tư 1989, phát biểu: "*Đồng chí Hồ Diệu Bang vừa qua đời. Ông là một lãnh đạo trong sạch. Ông không có một chương mục ngân hàng ở nước ngoài. Con cái ông không thăng quan tiến chức chỉ vì cha là lãnh đạo đảng Cộng Sản. Hôm qua chúng ta nói về minzhu, dân chủ. Vậy minzhu nghĩa là gì? Min là "nhân dân" và Zhu là "làm chủ". Chúng tôi muốn nhận trách nhiệm làm chủ !*"

Lời phát biểu của anh được đáp lại bằng những tràng pháo tay nồng nhiệt của hàng trăm ngàn người như được ghi lại trong cuốn phim tài liệu nổi tiếng *The Gate of Heavenly Peace* của Long Bow Group.

Và đó cũng là một trong hàng loạt các hoạt động của phong trào dân chủ Trung Quốc đã kéo dài suốt bảy tuần lễ tại quảng trường Thiên An Môn. Kết quả, một thiên hùng ca được viết bằng máu của nhiều ngàn sinh viên Trung Quốc yêu dân chủ và được thế giới biết đến hôm nay và mãi mãi về sau như Tàn Sát Thiên An Môn. Một

điều cần lưu ý, nguyện vọng của nhân dân bị đáp lại bằng máu chẳng phải chỉ phát xuất từ quan điểm Cộng Sản cứu cánh biện minh phương tiện thôi mà còn là đặc tính riêng của văn hóa Trung Quốc. Ngay từ 1926, Lỗ Tấn đã phát biểu "*Thỉnh nguyện lên chính phủ xảy ra tại mọi nước. Điều đó không cần thiết phải kết quả bằng cái chết, ngoại trừ, dĩ nhiên tại Trung Quốc*".

Lý tưởng Cộng Sản được Marx, Engel và các môn đệ ở Trung Cộng điểm tô như một thiên đàng tuyệt hảo, có khả năng thỏa mãn mọi nhu cầu của loài người tự giác. Lý thuyết đó cuốn hút hàng triệu nông dân Trung Cộng nghèo khó bỏ gia đình, vợ con, ruộng vườn, đi theo Mao Trạch Đông tìm chân lý. Từ vỏn vẹn 12 đại biểu đại diện cho 57 đảng viên cả nước trong đại hội thành lập đảng 1921 tại Thượng Hải, đảng Cộng Sản Trung Quốc có trên 10 triệu trong đại hội lần thứ Tám vào 1956, chưa tính số đảng viên bị giết trong thời kỳ nội chiến và trong chiến tranh chống Nhật.

Tuy nhiên, sau khi tóm thâu toàn lục địa Trung Hoa, đảng Cộng Sản Trung Quốc đã lộ nguyên hình là một đảng độc tài toàn trị, chăn dân chẳng khác gì chăn trâu ngựa. Thiên đàng đâu không thấy, chỉ có một chế độ nô lệ mới ra đời trong địa ngục trần gian Trung Cộng. Giới lãnh đạo Trung Cộng đã phản bội khát vọng của nhân dân, bỏ chết đói nhiều chục triệu người qua các chính sách kinh tế vô cùng ngu xuẩn trong những năm từ 1958 đến 1961, và sáng sớm ngày 5 tháng Sáu 1989 đã tàn sát thêm nhiều ngàn thanh niên vô tội.

Trong lúc phong trào Thiên An Môn 1989 là một thiên hùng ca về khát vọng dân chủ tự do của con người sẽ mãi mãi được hát lên trên khắp địa cầu, nguyên nhân, diễn tiến và hậu quả thảm khốc của biến cố đã để lại những bài học hữu ích cho các phong trào sinh viên dân chủ thế giới,

đặc biệt đối với các phong trào sinh viên dân chủ tại các quốc gia có hoàn cảnh chính trị tương tự như Trung Cộng trong những ngày trước mắt.

Trước hết cần sơ lược những diễn biến chính của phong trào Thiên An Môn. Tại Trung Cộng, các buổi tập hợp nhằm mục đích biểu dương sức mạnh quần chúng đã trở thành một tập quán lâu đời. Có thể vì nhiều lần và có nội dung trùng hợp, nhất là trong thời "Cách Mạng Văn Hóa" nên các biến cố thường được gọi bằng ngày tháng mà biến cố đó phát sinh thay vì nguyên nhân tạo nên biến cố. Ví dụ, Phong Trào 4 tháng Năm để nhắc nhở cuộc nổi dậy chống đế quốc qua các hiệp ước bất bình đẳng do sinh viên Bắc Kinh phát động ngày 4 tháng Năm 1919 hay biến cố 5 tháng Tư với hàng trăm ngàn người tập trung để kỷ niệm một năm ngày cố Thủ Tương Chu Ân Lai qua đời. Biến cố 4 tháng Sáu, hay còn được báo chí quốc tế gọi là biến cố Thiên An Môn, diễn ra từ 14 tháng Tư đến 5 tháng Sáu 1989, được quan tâm nhiều nhất, không những vì phong trào kéo dài nhiều tuần lễ, số người chết cao, được hàng ngàn nhà báo quốc tế theo dõi mà còn gây tác dụng mạnh mẽ đối với vị thế chính trị của Trung Cộng trong bang giao quốc tế.

Biến cố Thiên An Môn phát sinh sau khi cựu Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản Trung Quốc Hồ Diệu Bang, nguyên là một lãnh tụ Cộng Sản có khuynh hướng cải cách ôn hòa, qua đời sáng sớm 15 tháng Tư 1989. Sáng hôm đó, hàng trăm ngàn người thuộc nhiều giới, trong đó có các đảng viên Cộng Sản trẻ, các nhóm Cộng Sản có khuynh hướng cải cách, các nhóm Cộng Sản thuộc phe đệ tứ tập trung để thương tiếc cựu tổng bí thư và phản đối chính sách trung ương tập quyền của đảng, đòi hỏi các cải cách chính trị, kinh tế. Trong những ngày đầu này sinh viên chưa thực sự tham gia mặc dầu có một số đã có mặt, trong đó có

Chai Ling, người sẽ đóng vai trò quan trọng trong nhiều tuần sau đó. Ngày 15 tháng Tư cũng là ngày sinh nhật của cô sinh viên 23 tuổi này và như cô ta nhìn lại sau này: *"Phong trào là một biểu lộ ý thức dân chủ tự nhiên của người dân và sinh viên".*

Sau tuần lễ đầu không có một lãnh tụ nào nổi bật và cũng không có mục đích cụ thể, sáng 17 tháng Tư, ba ngàn sinh viên từ Đại Học Bắc Kinh tiến về quảng trường Thiên An Môn, và tiếp theo sau, nhiều ngàn sinh viên khác từ Đại Học Thanh Hoa (Tsinghua) nổi tiếng cũng tham gia cuộc biểu dương lực lượng. Cuộc biểu tình nhận được sự ủng hộ của các trường đại học khác ở Bắc Kinh và bắt đầu lan tràn sang các thành phố khác.

Ngày 19 tháng Tư, một liên hiệp sinh viên các trường đại học tại Bắc Kinh ra đời. Ba ngày sau, sinh viên tham dự lễ tưởng niệm cựu Tổng Bí Thư Hồ Diệu Bang tại Nhân Dân Đại Sảnh. Vào thời điểm này, một bản thỉnh nguyện bảy điểm được sinh viên công bố, gồm (1) Khẳng định quan điểm dân chủ và tự do của cố Tổng Bí Thư Hồ Diệu Bang; (2) thừa nhận chiến dịch chống sa đọa tinh thần và giải phóng tư sản là sai lầm; (3) công khai hóa lợi tức của các lãnh đạo nhà nước và gia đình họ; (4) chấm dứt việc ngăn cấm báo chí tư nhân và cho phép tự do ngôn luận; (5) tăng ngân sách giáo dục và tăng lương cho trí thức; (6) chấm dứt hạn chế biểu tình tại Bắc Kinh; (7) tổ chức các cuộc tuyển cử dân chủ để thay thế các viên chức chính phủ đã thực hiện các quyết định sai lầm. Ngoài ra, các lãnh tụ phong trào Thiên An Môn còn đòi hỏi các phương tiện truyền thông nhà nước phải công bố các yêu sách của họ cho dân chúng biết.

Ngày 26 tháng Tư, tờ Nhân Dân Nhật Báo trong bài bình luận đã tố cáo "một nhóm nhỏ âm mưu" tạo sự xáo động nhằm lật đổ đảng Cộng Sản và hệ thống xã hội chủ

nghĩa. Sinh viên đã phản ứng bằng một cuộc biểu dương lực lượng của 40 trường đại học để phản đối nội dung của bài bình luận trên báo Nhân Dân. Ngày 13 tháng Năm sinh viên bắt đầu cuộc tuyệt thực trước Nhân Dân Đại Sảnh, trụ sở của Ủy Ban Thường Trực Hội Đồng Đại Biểu Nhân Dân. Hơn một ngàn người tham gia chiến dịch này. Trong lúc đó, nhiều ngàn sinh viên khác bao vây khu Trung Nam Hải, trụ sở của các cơ quan nhà nước. Tại cả hai nơi, các lãnh tụ sinh viên yêu cầu chính phủ phải công bố bản thỉnh nguyện bảy điểm. Các lực lượng công an phòng vệ giải tán bằng gậy gộc. Sinh viên phản ứng bằng cách kêu gọi đình công, bãi trường. Cả Tổng Bí Thư Triệu Tử Dương lẫn Thủ Tướng Lý Bằng đều có gặp sinh viên để tìm cách chấm dứt cuộc tuyệt thực nhưng không có kết quả. Trong các lãnh đạo đảng, Triệu Tử Dương có khuynh hướng mềm dẻo, trong lúc Lý Bằng và Đặng Tiểu Bình thiên về các phương pháp cứng rắn. Đặng Tiểu Bình trong một phiên họp mật của trung ương đảng đã cảnh giác một mối đe dọa thực sự đang xảy ra. Mặc dù vị trí nhà nước của họ Đặng tương đối thấp so với các lãnh đạo khác, y lại là Chủ Tịch Quân Ủy Trung Ương và là người có quyết định ban hành luật quân sự nhân danh các lãnh đạo nhà nước, phần lớn chỉ có tính cách lễ nghi.

Trong lúc cuộc tuyệt thực đang tiến hành, ngày 15 tháng Năm, Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản Liên Xô Mikhail Gorbachev đến Bắc Kinh trong ngày đầu của chuyến viếng thăm cực kỳ quan trọng giữa hai nước. Đây là chuyến viếng thăm chính thức đầu tiên trong 30 năm và hy vọng sẽ tái lập mối quan hệ ngoại giao vốn bị rạn nứt từ thời Nikita Khrushchev. Hơn một ngàn đại diện báo chí quốc tế, trong đó rất đông do chính nhà nước Trung Cộng mời, để tường thuật chuyến viếng thăm của Mikhail Gorbachev. Luật quân sự được ban hành ngày 20 tháng Năm. Ngày 24 tháng Năm, Tổng Hành Dinh Bảo Vệ Quảng

Trường Thiên An Môn được thành lập và sinh viên bậc cao học Chai Ling được bầu làm Tổng Chỉ Huy. Một bức tượng Nữ Thần Tự Do cao mười mét được dựng lên vào tuần lễ sau đó.

Lúc 5 giờ chiều ngày 2 tháng Sáu, Lưu Hiểu Ba và hai người khác bắt đầu tuyệt thực. Trường hợp Lưu Hiểu Ba rất đặc biệt vì khi mới bắt đầu xảy ra vụ Thiên An Môn ông còn ở New York. Như ông trả lời trong một cuộc phỏng vấn truyền hình sau đó, các hình ảnh trên TV Mỹ đã có tác dụng sâu sắc vào nhận thức của ông và ngày 26 tháng Tư, ông quyết định trở lại Trung Cộng qua ngả Tokyo. Ngày 2 tháng Sáu, Trung Ương Đảng dứt khoát đồng ý dọn sạch quảng đường Thiên An Môn bằng võ lực. Ngày 3 tháng Sáu, các đơn vị Quân Giải Phóng Nhân Dân Trung Quốc bắt đầu tấn công vào quảng trường. Binh đoàn 27 được báo chí ghi nhận là chủ chốt gây thương vong cho sinh viên và dân chúng. Vào lúc 5 giờ 40 sáng 4 tháng Sáu, quảng trường Thiên An Môn nằm trong tay kiểm soát của quân đội. Số người bị giết được ước tính khác nhau tuy theo nguồn tin. Tình báo của NATO ước lượng 7 ngàn người bị giết trong lúc tin của Liên Xô có khoảng 10 ngàn và theo tin của cơ quan Hồng Thập Tự Trung Cộng có 5 ngàn người bị giết và 30 ngàn bị thương.

Dưới các chế độ Cộng Sản những cuộc thảm sát thường không được tiết lộ ra ngoài. Các chính sách kinh tế sai lầm tệ hại của Mao dẫn đến hàng nhiều chục triệu người dân vô tội chết oan, chết đói cũng không được thế giới biết đến một cách chi tiết. Cuộc Tàn Sát Thiên An Môn là biến cố được các hãng truyền hình ghi nhận nhiều nhất và đã có tác hại trầm trọng đến uy tín chính trị của đảng và nhà nước Trung Cộng trong bang giao quốc tế một thời gian khá dài vì hai lý do. (1) Các cơ sở truyền thông quốc tế đến Trung Cộng như một trùng hợp ngẫu

nhiên để đưa tin về chuyến viếng thăm Trung Cộng của Tổng Bí Thư Liên Xô Michail Gorbachev nhưng lại có cơ hội hiếm hoi ghi nhận các hậu quả của biến cố Thiên An Môn, và (2) các hãng truyền thông truyền hình của đảng trong lúc chỉ trích cuộc biểu tình qua các tin tức, phóng sự truyền hình đã vô tình tiếp tay giúp loan tin đến các tầng lớp quần chúng và kích động quần chúng tham gia biểu tình.

Dù gây một tiếng vang lớn, phong trào Thiên An Môn của sinh viên Trung Quốc đã không đạt được mục đích như đã đề ra trong tuyên bố bảy điểm và để lại cho các phong trào dân chủ trẻ thế giới nói chung và tại các quốc gia Cộng Sản nói riêng những bài học cần thiết:

Đoàn kết nội bộ: Theo ký giả Robert Gifford của đài BBC nhận xét nhân dịp đánh dấu 10 năm Tàn Sát Thiên An Môn, một trong những lý do dẫn đến sự thất bại của phong trào Thiên An Môn là sự thiếu đoàn kết trong lãnh đạo phong trào sinh viên. Phần lớn các lãnh tụ sinh viên tham gia một cách tự phát cuộc biểu tình chỉ vì bất mãn trước tình trạng lạc hậu kinh tế, tham nhũng xã hội và độc tài chính trị nhưng không có một nghị trình rõ ràng cần phải làm gì để chuyển hóa một tập thể đầy cảm tính sang một phong trào có tổ chức. Sự chia rẽ không những vì quan điểm mà còn cục bộ đến mức theo mỗi trường, mỗi khoa, mỗi nhóm đã diễn ra rất sâu sắc trong hàng ngũ lãnh đạo phong trào.

Ý thức về dân chủ: Tất cả sinh viên Trung Quốc trong lứa tuổi hai mươi trưởng thành dưới mái trường xã hội chủ nghĩa, ở đó các lý thuyết dân chủ hoàn toàn không được giảng dạy đừng nói chi đến việc ứng dụng vào một hoàn cảnh xã hội đa văn hóa vô cùng phức tạp như Trung Cộng. Bản thân của những lãnh tụ sinh viên chẳng những không phải phát xuất từ thành phần chống đảng mà còn

được rèn huấn bằng lý luận Cộng Sản. Cha mẹ của Chai Ling, lãnh tụ hàng đầu của phong trào là đảng viên Cộng Sản và bản thân cô là thành viên của Đoàn Thanh Niên Cộng Sản Trung Ương.

Phong trào kéo dài quá lâu nhưng không thực hiện các biện pháp có tính quyết định: Các lãnh tụ sinh viên lẽ ra ngay từ đầu phải đặt chỗ dựa vững chắc trong lòng nhân dân, tìm mọi cách nối kết với các phong trào lao động, nhưng theo nhiều nguồn tin quốc tế, họ đã tỏ ra do dự không chịu sự hợp tác đấu tranh với tầng lớp công nhân. Thái độ thiếu dứt khoát và tầm nhìn chiến lược quá giới hạn của sinh viên đã dẫn phong trào đến chỗ bế tắc. Căn cứ vào lời phát biểu của các lãnh tụ sinh viên, dù vụ tàn sát Thiên An Môn không diễn ra, phong trào Thiên An Môn sớm muộn cũng tự giải tán. Tác giả Eddie Chang trong tác phẩm *Standoff at Tiananmen* mô tả tâm trạng tuyệt vọng của các lãnh tụ sinh viên trong những ngày cuối trước khi cuộc tàn sát xảy ra như trường hợp Chai Ling: *"Ngoại trừ những khi thật cần để phát biểu để sinh viên lên tinh thần, Chai Ling ít khi xuất hiện và giao phó hết công việc cho phụ tá của cô".*

Đó là chưa kể các khó khăn về thông tin, vệ sinh, thực phẩm, nước uống, y tế, trật tự trong quảng trường bao la với nhiều trăm ngàn người tập trung suốt nhiều tuần lễ.

Vào thời điểm 1989, phần lớn những khó khăn đó là những khó khăn khách quan bị quy định bởi hoàn cảnh xã hội, ý thức chính trị và giới hạn thông tin tại Trung Cộng.

Nếu biến cố Thiên An Môn xảy ra hôm nay, những khó khăn đó chắc chắn sẽ được vượt qua khá dễ dàng bởi vì, về mặt chủ quan thế hệ trẻ ngày nay có một nhận thức dân chủ rõ ràng và vững chắc, và về mặt khách quan thế

giới đã chuyển mình sang một thời đại thông tin rộng mở mà không nhà nước nào, không một kỹ thuật nào có khả năng bưng bít được hoàn toàn, kể cả tại Trung Cộng. Cuộc cách mạng tin học bùng nổ đầu thập niên 1990 đã giúp mang con người không phân biệt giàu, nghèo, sang, hèn, khác biệt về tôn giáo đến gần nhau trong một căn nhà. Trái đất mỗi ngày một nhỏ dần. Những hàng rào ngăn cách giữa người và người đã bị giới hạn nhiều. Nhân loại ngày nay cần được sống trong một xã hội mở, không bị bao bọc trong bốn bức tường độc tôn hay độc tài.

Một số nhà phân tích tình hình Trung Cộng cho rằng những gì đang xảy ra tại Quảng Trường Tahrir ở Cairo không thể xảy tại Quảng Trường Thiên An Môn ở Bắc Kinh như giới lãnh đạo Trung Cộng đang lo lắng quá xa. Xin đừng quên, trước ngày Thiên An Môn bùng nổ 1989 không ai nghĩ biến cố đó có thể xảy ra. Các lãnh đạo nhà nước Trung Cộng được Đặng Tiểu Bình đưa lên trong giai đoạn đó như Triệu Tử Dương, Lý Bằng là những chuyên viên có đầu óc thực dụng. Chính sách bốn hiện đại hóa đang chứng tỏ thành công. Nền kinh tế Trung Cộng đang bước vào thời kỳ phát triển thứ hai với các kết quả vượt kế hoạch dự trù. Hệ thống tập thể hóa nông nghiệp đã bị xóa bỏ. Công nghiệp tư doanh phát triển một cách nhanh chóng. Giá cả hàng hóa không còn bị quy định bởi nhà nước mà theo nhu cầu thị trường. Nhưng tất cả những phát triển đó đã không đáp ứng được đòi hỏi của thế hệ thanh niên đã tiến xa hơn thực tế xã hội.

Sau ngày thảm sát Thiên An Môn tháng Sáu 1989, một nhà văn Trung Quốc giấu tên đã viết những lời tưởng niệm và dán lên bức tường Thiên An Môn chưa khô hết máu, trong đó có đoạn: *"Chúng tôi vững tin tưởng rằng, sẽ có một ngày khi chúng tôi có thể hát bài hát vui mừng và chiến thắng cho những người đã chết hôm qua, cho những*

người đang chết hôm nay, và sẽ chết ngày mai, và cho những người gặp nhau đây rồi vĩnh biệt hôm sau."

Đúng vậy, phong trào Thiên An Môn bùng nổ và đã bị dập tắt nhưng chắc chắn một Thiên An Môn khác đang được hình thành tại Trung Cộng bởi vì khát vọng tự do dân chủ là ngọn lửa thiêng âm thầm cháy trong lòng người dù đang sống ở đâu trên mặt đất này. Nơi nào có độc tài đảng trị nơi đó sẽ có cách mạng dân chủ. Không ai biết thời điểm nào một cách mạng sẽ diễn ra nhưng không thể phủ nhận hay trốn tránh quy luật xã hội đó.

Nếu biến cố Thiên An Môn xảy ra hôm nay, ý thức dân chủ trong thệ hệ trẻ Trung Cộng đã trưởng thành cộng với các phương tiện thông tin đang có, cuộc tranh đấu sẽ không dừng lại ở những điều thỉnh nguyện suông mà có thể dẫn đến sự sụp đổ toàn bộ hay ít nhất làm thay đổi căn bản cơ chế chính trị tại Trung Cộng. Bắc Kinh sẽ ngăn chận Internet như họ đã ngăn chận Twitter, Facebook, Flickr, Youtube, Blogspot v.v. nhân dịp kỷ niệm 20 năm Tàn Sát Thiên An Môn cách đây hai năm, nhưng phe dân chủ vẫn còn rất nhiều cách để thông tin trong nội địa cũng như chuyển và nhận tin từ nước ngoài. Một chuyên viên kỹ thuật Trung Cộng giấu tên khi được hỏi những gì sẽ xảy ra nếu biến cố Thiên An Môn đang diễn tiến hôm nay, đã thừa nhận rằng với số lượng người được nối kết vào Internet mỗi ngày tăng hàng triệu, việc chận đứng toàn bộ và lâu dài không phải là chuyện dễ dàng.

Một bằng chứng điển hình, theo The Wall Street Journal Asia phát hành hôm 31 tháng Giêng 2011, chính phủ Trung Cộng chặn hai chữ Egypt và Cairo từ các nguồn tìm kiếm internet. Hành động trẻ con đó của giới lãnh đạo Trung Cộng cho thấy họ luôn sống trong bất an, bị động và luôn nằm trong thế thủ hơn là thế công. Hơn ai hết, giới lãnh đạo Trung Cộng biết vị trí của họ là vị trí

của một quốc gia bị bao vây, bởi vì chung quanh họ hầu hết là kẻ thù, không chỉ thù kinh tế, chính trị mà cả về văn hóa, lịch sử, địa lý. Ngoài ra, Trung Cộng ngày nay không phải là một quốc gia đang phát triển, không có gì để mất như hai chục năm trước mà là một cường quốc, dù muốn hay không, họ cũng phải đóng vai trò cường quốc với tất cả trách nhiệm quốc tế để bảo vệ quyền lợi của Trung Cộng. Nếu không, một khi phong trào dân chủ thế giới qua đi, Mỹ sẽ xuất hiện trên trường quốc tế như một cường quốc có lợi nhất, ngay cả còn mạnh hơn một nước Mỹ sau thế chiến thứ hai.

Và cho dù chế độ có thể ngăn chận được thông tin trong lục địa Trung Cộng, Bắc Kinh cũng không thể làm gì được để ngăn chận thông tin quốc tế được truyền đi qua hàng trăm phương tiện internet nhanh nhất và có tác dụng tạo nên một làn sóng công phẫn trên phạm vi toàn thế giới. Sinh viên Trung Quốc, nhân dân Trung Quốc sẽ không cô đơn như 1989 mà cả nhân loại sẽ đứng về phía họ. Hàng trăm cuộc biểu tình trước các tòa đại sứ Trung Cộng ở nước ngoài sẽ tạo nên một áp lực quốc tế thường trực không kém gì tại lục địa Trung Hoa. Thượng Nghị Sĩ John McCain phát biểu trên CNN tuần này "*Chúng ta không thể chấp nhận một Tiananmen Square xảy ra tại Cairo".* Điều đó có nghĩa nếu Thiên An Môn xảy ra hôm nay, giới lãnh đạo Mỹ, vì cả hai lý do nhân đạo cũng như kinh tế, sẽ không đứng bàng quan nhìn hàng ngàn thanh niên vô tội bị nghiền nát dưới lằn xích sắt như đã diễn ra trong 1989.

Giống như cơ chế nhà nước tư bản là hệ quả khoa học của cuộc cách mạng kỹ nghệ vào thế kỷ 18, các chế độ dân chủ mở rộng ngày nay là hệ quả khoa học của một nền kinh tế đang được toàn cầu hóa. Ánh sáng tự do đang rọi vào những nơi mà trước đây không mấy ai quan tâm đến

như Tunisia, Sudan, Yemen, Morocco và lần lượt sẽ đến nhiều nơi khác đang sống dưới chế độ độc tài.

Tham khảo:

Documentary film: *The Gate of Heavenly Peace* – Transcript©1995, Long Bow Group Inc.

Eddie Cheng, *Standoff At Tiananmen* (Sensys Corp.: March 2009).

Rob Gifford, "Student division leads Tiananmen failure," BBC Special Report 1999.

Turmoil At Tiananmen: A Study Of U.S. Press Coverage of The Beijing Spring of 1989 (The Joan Shorenstein Barone Center on the Press, Politics and Public Policy, John F. Kennedy School of Government, Harvard University, 1992).

Wikipedia tiếng Việt "Sự Kiện Thiên An Môn"

Wikipedia tiếng Anh, "Tiananmen Square protests of 1989"

Geremie Barmé, "Beijing Days, Beijing Nights," từ The Pro-Democracy Protests In China: Reports From The Provinces. ed. Jonathan Unger (East Gate Book: 1991).

chinasupport.net

Robin Munro, "The Bloody Road to Tiananmen," The Nation, June 2, 2009.

"CÔN ĐỒ" ĐẶNG TIỂU BÌNH QUA QUAN HỆ VIỆT TRUNG

"Khôn ngoan" và "ngu dốt" là hai tĩnh từ để chỉ khả năng nhận xét, phán đoán một vấn đề dựa theo kiến thức sẵn có. Theo Việt Nam Tự Điển của Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ, bản in 1970 *"khôn ngoan là biết phân biệt lợi hại, phải quấy, khôn ngoan giữa đám ba bề, đừng cho ai lận, chớ hề lận ai"* và *"ngu dốt là ngu đần dốt nát, chẳng hiểu việc phải trái ở đời hay lễ nghĩa xã giao ở đời".* Vì sự kính trọng dành cho đồng loại, nhất là với những người mang bịnh chậm khôn, khi cần diễn tả cái ngu, người ta thường dùng thú vật để so sánh như "ngu như bò", "ngu như trâu" chứ không nói là ngu như một người nào đó.

Từ ngày nghe bài giảng ông Đại tá Trần Đăng Thanh, trên Internet tràn ngập bài đánh giá ông là ngu, ngu đủ kiểu, từ ngu tuyển tập đến ngu toàn tập, thậm chí "ngu như Trần Đăng Thanh". Tuy nặng lời nhưng không oan ức. Trong cương vị một đại tá, phó giáo sư, cán bộ giảng

dạy Học Viện Chính Trị nhưng những đánh giá của ông về các mối quan hệ chính trị trong vùng cũng như thế giới thấp đến mức không thể nào tin được rằng tri thức của ông đang trong trạng thái bình thường. Tuy nhiên, cũng thật bất công và xúc phạm nếu chỉ trích dẫn những điều ấu trĩ, sai lầm trong bài giảng của ông mà không phân tích.

Làm thế nào để có thể *"không được mất chủ quyền và quyền chủ quyền nhưng phải ưu tiên tối thượng là giữ được môi trường hòa bình"* trước một Trung Cộng đang âm mưu khống chế toàn thế giới để vừa nuôi dưỡng chế độ độc tài toàn trị vừa nuôi sống nền kinh tế khổng lồ nhưng đầy tham nhũng và thất thoát? Cách diễn dịch duy nhất theo lý luận của Trần Đăng Thanh là đầu hàng Trung Cộng. Quan điểm của ông là quan điểm "Nhập Tống" của Trần Nhật Hiệu trong cuộc Kháng Nguyên lần thứ nhất. Đất nước này không chỉ bị mất đi một lần nhưng đã giành lại được, Thăng Long không chỉ bị đốt cháy một lần nhưng đã xây lại được, bởi vì tinh thần độc lập, tự chủ đã hòa trong máu của dân tộc từ thuở tổ tiên lên đường đi khai phá phương nam nhiều ngàn năm trước.

Ngay cả trường hợp *"Trung Quốc đã từng nhường cơm xẻ áo dành cho chúng ta từ hạt gạo, từ khẩu súng, từ đôi dép để chúng ta giành thắng lợi trong kháng chiến chống Pháp và thắng Mỹ"* phát xuất từ… "trái tim bồ tát" của Mao Trạch Đông, Đặng Tiểu Bình đi nữa, chẳng lẽ hôm nay làm ngơ để chúng chiếm đoạt toàn bộ biển Đông, đẩy Việt Nam từ một quốc gia bán đảo nhìn ra Thái Bình Dương bao la và phong phú tài nguyên thành một nước không có biển như Lào, Mông Cổ. Đôi mắt ông Trần Đăng Thanh nhìn đâu mà không thấy đường lưỡi bò do Trung Cộng công bố gần như phủ kín Biển Đông và ép Việt Nam,

đất nước hình chữ S phì nhiêu thành một thân xác già nua co ro trên bờ biển dài hơn ba ngàn cây số?

Ngày xưa *"Ra khơi, thấy lòng phơi phới, thấy tình thế giới, thấy mộng ngày mai, thấy niềm tin mới"*, ngày nay mỗi chuyến ra khơi của ngư dân Hải Phòng, Thái Bình, Thanh Hóa, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Khánh Hòa là mỗi lần phó thác số phận không chỉ cho sóng to gió lớn mà còn trong những viên đạn không một chút xót thương của hải quân Trung Cộng. Ba mươi tám năm qua, lương tâm ông Trần Đăng Thanh cất giấu ở đâu mà không cảm thông cho sự chịu đựng vô cùng đau thương của hàng ngàn ngư dân Việt Nam, người bị giết, tàu bè bị đâm thủng, những em bé chiều chiều ra biển chờ cha đi đánh cá không bao giờ trở về. Ba mươi tám năm, nói như nhà văn Nguyễn Xuân Nghĩa *Tổ quốc tôi như miếng da lừa, một lần ước mất đi một góc, ước phồn vinh: rừng mất cây, biển mất cá, ước vẹn toàn: mất hải đảo, mất Cao Nguyên.* Hoàng Sa đã rơi vào tay Trung Cộng từ lâu và Trường Sa mang tiếng là của Việt Nam nhưng đến nay chỉ còn vài đảo nhỏ trong quần đảo rộng lớn này, ông biết không?

Ông Trần Đăng Thanh nhắc nhở học viên *"không quên họ đã từng xâm lược chúng ta nhưng ta cũng không được quên họ đã từng nhường cơm xẻ áo cho chúng ta. Ta không thể là người vong ơn bội nghĩa, đấy là đối với Trung Quốc hai điều không được quên"* mà không biết rằng Trung Cộng chẳng quan tâm gì đến chuyện "giải phóng miền Nam" hay "thống nhất đất nước". Trong buổi gặp gỡ Henry Kissinger năm 1971, Chu Ân Lai tiết lộ Trung Cộng "nhường cơm xẻ áo" cho Việt Nam chẳng phải là chiến lược hay tư tưởng CS gì cả mà dựa hoàn toàn trên gánh nợ lịch sử của tổ tiên y giao phó. Họ Chu lúc đó nghĩ đến việc Mỹ không thua nên chỉ muốn kiểm soát miền Bắc Việt Nam trong gọng kèm chặt chẽ theo truyền thống cai

trị chư hầu thời phong kiến. Ngay cả khi chiến tranh chưa chấm dứt, Trung Cộng đã xây dựng các trục lộ từ Trung Cộng sang Lào để kịp thời can thiệp trong trường hợp chư hầu Việt Nam đủ mạnh đứng lên khởi nghĩa và thôn tính nước Lào. Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai rồi Đặng Tiểu Bình không phải là những kẻ chủ trướng chủ nghĩa bành trướng Trung Cộng mà là những người khai triển chính sách Đại Hán đô hộ các nước nhỏ lân bang truyền thống của tổ tiên y trong thời đại toàn cầu. Trần Đăng Thanh cóp nhặt rất nhiều thông tin nhưng lại bỏ sót những dữ kiện rất hiển nhiên trong lịch sử này.

Trần Đăng Thanh khẳng định, Mỹ *"đang thực hiện "thả con săn sắt, bắt con cá rô"**.** Họ chưa bao giờ tốt thật sự với chúng ta, tội ác của họ trời không dung, đất không tha"* nhưng không biết rằng chỉ có hai lãnh đạo quốc gia mà Đặng Tiểu Bình không thuyết phục được sự ủng hộ để đánh Việt Nam là Thủ tướng Singapore Lý Quang Diệu và Tổng thống Mỹ Jimmy Carter. Lý Quang Diệu sáng suốt chỉ ra cho họ Đặng thấy *"Không có một cộng đồng Nga kiều nào tại các nước Đông Nam Á có thể dẫn đến các cuộc nổi dậy của Cộng Sản do Liên Xô ủng hộ nhưng ở đâu cũng có các cộng đồng Hoa kiều được đảng và nhà nước Trung Cộng xúi dục và ủng hộ".* Với Mỹ, ngày 30 tháng 1 năm 1979, Tổng thống Jimmy Carter mời Đặng Tiểu Bình gặp riêng và trong buổi họp này Tổng thống Carter đọc cho họ Đặng nghe quan điểm của Mỹ từ lá thư do chính tay tổng thống soạn thảo, trong đó, Tổng thống Carter yêu cầu họ Đặng vì sự ổn định của Đông Nam Á và thế giới, cố tự chế hành động xâm lược Việt Nam. Cá nhân Jimmy Carter có thể thương hay ghét Việt Nam nhưng rõ ràng chính sách và tầm nhìn của một tổng thống Mỹ chẳng bao giờ là *"chưa bao giờ tốt thật sự với Việt Nam"* như Trần Đăng Thanh "suy bụng ta ra bụng người".

Gác qua một bên chiêu bài "chống Mỹ cứu nước" tào lao được mấy cái loa tuyên truyền lập đi lập lại đến nhàm chán mà cứ tạm xem đế quốc Mỹ cũng là kẻ thù của Việt Nam, thì giữa Trung Cộng và Mỹ, kẻ thù nào đe dọa trực tiếp đến an ninh, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam và trong trường hợp phải chọn một để đi, người khôn ngoan nên biết chọn ai?

Một người có kiến thức chính trị bình thường cũng biết chỗ dựa phải là Mỹ. Trong quan hệ chính trị quốc tế không có chuyện *"tốt với Việt Nam"* hay *"xấu với Việt Nam"* mà chỉ có *"thuận với quyền lợi Việt Nam"* hay *"nghịch với quyền lợi Việt Nam"*.

Trần Đăng Thanh biết ăn cắp câu nói nổi tiếng của cố Thủ tướng Anh Lord Palmerston thời Nữ Hoàng Victoria *"Nước Anh không có đồng minh bất diệt, kẻ thù vĩnh viễn, chỉ có lợi ích quốc gia dân tộc là bất diệt và vĩnh viễn"* nhưng không hiểu tại sao Thổ Nhĩ Kỳ biết liên minh với Anh, Mỹ, những cựu thù ở xa, để chống kẻ thù độc tài hung bạo Liên Xô ở gần. Sau thế chiến thứ hai, các quốc gia Nhật Bản, Tây Đức, Nam Hàn, Đài Loan, Ai Cập, Thổ Nhĩ Kỳ ngã về phía Mỹ và sau khi khối Liên Xô sụp đổ hầu hết các nước Đông Âu Cộng Sản cũ cũng ngã về phía Mỹ. Lý do rất dễ hiểu, các quốc gia vừa bước ra khỏi chiến tranh hay độc tài lạc hậu rất cần khoa học kỹ thuật, văn hóa giáo dục, giao thương kinh tế. Không có gì hổ thẹn phải đi học cái hay cái đẹp của người khác đem về áp dụng cho đất nước mình, chỉ có những kẻ "ngồi trong đáy giếng thấy trời bằng vung" mới nghĩ không ai khôn hơn mình.

Ông bà ta dạy "gần mực thì đen, gần đèn thì sáng", Trung Cộng không chỉ là mực mà là đế quốc tội ác, thâm độc, bất nhân. Lãnh đạo Trung Cộng không thương xót ba chục triệu dân họ chết dưới bàn tay của Mao Trạch Đông

thì thương xót gì một dân tộc nhỏ nhoi mà tổ tiên nhà Hán của chúng đã nhiều lần cố đồng hóa mà không được.

Ông Trần Đăng Thanh có biết "côn đồ" Đặng Tiểu Bình đã từng muốn xóa bỏ nước Việt Nam trong bản đồ thế giới bằng một chính sách đánh phủ đầu (preemptive policy) khi nói với Tổng thống Jimmy Carter *"Bất cứ nơi nào, Liên Xô thò ngón tay tới, chúng ta phải chặt đứt ngón tay đó đi"* không?

Đặng Tiểu Bình muốn liên minh quân sự với Mỹ như kiểu NATO ở châu Âu để triệt tiêu Liên Xô tại châu Á. Cựu Ngoại trưởng Mỹ Henry Kissinger giải thích quan điểm này của họ Đặng trong tác phẩm *Về Trung Quốc* (On China) của ông: *"Những gì Đặng Tiểu Bình đề nghị về căn bản là chính sách đánh phủ đầu, đó là một lãnh vực trong chủ thuyết quân sự ngăn chận tấn công của Trung Quốc... Nếu cần thiết, Trung Quốc sẽ chuẩn bị phát động các chiến dịch quân sự để phá vỡ kế hoạch của Liên Xô, đặc biệt tại vùng Đông Nam Á".* "Đông Nam Á" và "ngón tay" theo ý Đặng Tiểu Bình tức là Việt Nam và liên kết quân sự theo dạng NATO không phải là để dời vài cột mốc, đụng độ biên giới lẻ tẻ mà là cuộc tấn công phủ đầu quyết định trước khi Việt Nam có khả năng chống trả.

Đặng Tiểu Bình không mua chuộc được sự ủng hộ công khai của Mỹ nhưng ít ra không phải về tay trắng. Mỹ đồng ý giúp Đặng theo dõi sự động binh của 55 sư đoàn Liên Xô phía Bắc. Mỹ cũng dùng vệ tinh để theo dõi trận đánh biên giới và cũng nhờ những tấm ảnh chụp từ vệ tinh mà các cơ quan truyền thông biết ai đã dạy ai bài học trong chiến tranh biên giới Việt Trung 1979. Trong buổi họp riêng với Tổng thống Carter trước khi lên máy bay, Đặng khẳng định *"Trung Quốc vẫn phải trừng phạt Việt Nam".*

"Côn đồ" Đặng Tiểu Bình với chính sách cây gậy

Lý do Trung Cộng đánh Việt Nam năm 1979 ngày nay đã quá tỏ tường. Trung Cộng đánh Việt Nam trước hết phát xuất từ nỗi lo sợ bị bao vây. Tháng 4 năm 1968, Chu Ân Lai tiết lộ với Phạm Văn Đồng: *"Trong một thời gian dài, Trung Quốc bị Mỹ bao vây. Bây giờ Liên Xô bao vây Trung Quốc, ngoại trừ phần Việt Nam"***.** Phạm Văn Đồng đáp: *"Chúng tôi càng quyết tâm để đánh bại đế quốc Mỹ bất cứ nơi nào trên lãnh thổ Việt Nam"***.** Chu Ân Lai: *"Đó chính là lý do chúng tôi ủng hộ các đồng chí"***.** Việc Việt Nam ngã theo Liên Xô đã xác định vòng vây hoàn toàn khép chặt chung quanh Trung Cộng. Riêng một Việt Nam đã quá lo, nếu cộng thêm Miên và Lào với tổng số gần 100 triệu dân thù địch nằm ngay phía nam là một đe dọa lớn.

Để ngăn chận khối Việt Miên Lào liên minh nhau, tháng 8 năm 1975, Đặng Tiểu Bình chia sẻ với Khieu Samphan, nhân vật số ba trong Khmer Đỏ *"Khi một siêu cường [Mỹ] rút đi, một siêu cường khác [Liên Xô] sẽ chụp lấy cơ hội mở rộng nanh vuốt tội ác của chúng đến Đông Nam Á"***.** Họ Đặng kêu gọi đảng CS Campuchia đoàn kết với Trung Cộng trong việc ngăn chận Việt Nam bành trướng. Hoa Quốc Phong cũng lập lại những lời tương tự khi tiếp đón phái đoàn của Tổng bí thư đảng CS Lào Kaysone Phomvihane nhân chuyến viếng thăm Trung Cộng của y vào tháng Ba năm 1976. Tháng Sáu năm 1978, Việt Nam chính thức tham gia COMECON và tháng 11 cùng năm Việt Nam ký Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác có bao gồm các điều khoản về quân sự với Liên Xô. Tháng 12 năm 1978, Việt Nam xâm lăng Campuchia. Đặng Tiểu Bình chọn phương pháp quân sự để chọc thủng vòng vây.

Một lý do khác, Đặng Tiểu Bình khinh rẻ lãnh đạo CSVN là phường "ăn cháo đá bát". Trong cuộc chiến Việt Nam, Trung Cộng không chỉ viện trợ tiền của mà còn

bằng xương máu. Trong tác phẩm *Trung Quốc lâm chiến: Một bộ bách khoa* (China at War: An Encyclopedia) tác giả Xiaobing Li liệt kê các đóng góp cụ thể của 320 ngàn quân *Trung Quốc* trong chiến tranh Việt Nam: *"Trong chiến tranh Việt Nam giai đoạn năm 1964 đến năm 1973, quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc (PLA) đã lần nữa can thiệp. Tháng Bảy năm 1965, Trung Quốc bắt đầu đưa quân vào Bắc Việt, bao gồm các đơn vị hỏa tiễn địa-không (SAM), phòng không, làm đường rầy xe lửa, công binh, vét mìn, hậu cần. Quân đội Trung Quốc điều khiển các giàn hỏa tiễn phòng không, chỉ huy các đơn vị SAM, xây dựng và sửa chữa đường sá, cầu cống, đường xe lửa, nhà máy. Sự tham gia của Trung Quốc giúp cho Việt Nam có điều kiện gởi thêm gởi nhiều đơn vị Bắc Việt vào Nam đánh Mỹ. Giữa năm 1965 và năm 1968, Trung Quốc gởi sang Bắc Việt 23 sư đoàn, gồm 95 trung đoàn, tổng số lên đến 320 ngàn quân. Vào cao điểm năm 1967, có 170,000 quân Trung Quốc hiện diện".*

Lý do thứ ba là sự khinh bỉ, căm ghét Việt Nam của cá nhân họ Đặng. Trong số năm nhân vật hàng đầu lãnh đạo Trung Cộng giai đoạn 1977 đến 1980 gồm Hoa Quốc Phong, Diệp Kiếm Anh, Lý Tiên Niệm, Uông Đông Hưng và Đặng Tiểu Bình thì Đặng Tiểu Bình là người có hoạt động gần gũi nhất với phong trào CSVN. Hơn ai hết, họ Đặng đã tiếp xúc, làm việc với các lãnh đạo CSVN, biết cá tính từng người và cũng biết một cách tường tận và chính xác những hy sinh của Trung Cộng dành cho đảng CSVN. Như tôi đã viết trong bài *Chu kỳ thù hận Việt Trung Miên*, đảng CSVN sống bằng gạo trắng của Trung Cộng nhưng cũng ngay thời gian đó quê hương Tứ Xuyên của Đặng Tiểu Bình chết đói trên 10 triệu người. Trong thời gian hai đảng CS cơm không lành canh không ngọt, bộ máy tuyên truyền CSVN ca ngợi Lê Duẩn như một nhân vật kiên quyết chống bành trướng Bắc Kinh nhưng đừng quên

tháng Tư năm 1965, chính Lê Duẩn đã sang tận Bắc Kinh cầu khẩn Đặng Tiểu Bình để gởi quân trực tiếp tham chiến. Với những đóng góp xương máu đó, việc họ Đặng tuyên bố *"Việt Nam là côn đồ, phải dạy cho Việt Nam bài học"* không phải là chuyện tự nhiên. Câu "Việt Nam là côn đồ" được các đài truyền hình Trung Cộng phát đi và chính Dương Danh Dy, nguyên Tổng Lãnh Sự Quán Việt Nam tại Quảng Châu, đã xem đoạn phóng sự truyền hình đó.

Trong điều kiện kinh tế và quân sự còn rất yếu của Trung Cộng vào năm 1979, đánh Việt Nam là một quyết định vô cùng quan trọng. Đặng Tiểu Bình nắm được Bộ chính trị đảng Trung Cộng nhưng về mặt đối ngoại, Đặng Tiểu Bình phải thuyết phục các quốc gia Đông Nam Á, Á Châu và Mỹ. Cuối năm 1978, Đặng Tiểu Bình, 74 tuổi, thực hiện một chuyến công du chính thức, lịch sử và duy nhất với tư cách lãnh đạo tối cao của Trung Cộng để vừa thúc đẩy Bốn Hiện Đại Hóa và vừa dọn đường đánh Việt Nam. Từ cuối năm 1978 đến đầu 1979, Đặng viếng thăm hàng loạt quốc gia châu Á như Nhật, Thái Lan, Mã Lai, Singapore, Miến Điện, Nepal. Tại mỗi quốc gia thăm viếng, họ Đặng luôn đem thỏa ước Việt-Xô ra hù dọa các nước láng giềng như là mối đe dọa cho hòa bình và ổn định Đông Nam Á. Đặng Tiểu Bình phát biểu tại Bangkok ngày 8 tháng 11 năm 1978: *"Hiệp ước [Việt Xô] này không chỉ nhắm đến riêng Trung Quốc... mà là một âm mưu Sô Viết tầm thế giới. Các bạn có thể nghĩ hiệp ước chỉ nhằm bao vây Trung Quốc. Tôi đã trao đổi một cách thân hữu với nhiều nước rằng Trung Quốc không sợ bị bao vây. Thỏa hiệp có ý nghĩa quan trọng hơn đối với Á Châu và Thái Bình Dương. An ninh và hòa bình châu Á, Thái Bình Dương và toàn thế giới bị đe dọa".* Ngoại trừ Singapore, Đặng nhận sự ủng hộ của hầu hết các quốc gia Đông Nam Á.

Trong số các quốc gia họ Đặng viếng thăm, chuyến viếng thăm Mỹ là quan trọng nhất. Sự đe dọa của Việt Nam chiếm một phần không nhỏ trong nghị trình giữa Đặng Tiểu Bình và các lãnh đạo Mỹ. Nói chung, Mỹ từ chối việc ủng hộ phương án quân sự nhưng để giữ mối quan hệ đang tiến triển tốt, Mỹ đồng ý cung cấp tin tức tình báo về các hoạt động quân sự của Liên Xô vùng biên giới phía bắc Trung Cộng. Trên đường về nước, Đặng ghé Tokyo lần nữa để vận động sự ủng hộ của Nhật. Ngày 17 tháng 2, 1979, Đặng Tiểu Bình xua khoảng từ 300 ngàn đến 400 ngàn quân, tùy theo nguồn ghi nhận, tấn công Việt Nam.

Trong khi Đặng Tiểu Bình chuẩn bị một cách chi tiết từ đối nội đến đối ngoại cho cuộc tấn công vào Việt Nam, các lãnh đạo CSVN vẫn tin người Cộng Sản đàn anh dù có giận cỡ nào cũng không nỡ lòng đem quân đánh đàn em CS Việt Nam, những người từ trong tay áo Trung Cộng chui ra. Dương Danh Dy, nguyên Tổng Lãnh Sự tại Quảng Châu nhắc lại *"Trong tận đáy lòng chúng tôi vẫn hy vọng, có thể một cách ngây thơ rằng, Việt Nam và Trung Quốc từng quá gần gũi và hữu nghị, họ [Trung Quốc] chẳng lẽ thay đổi hoàn toàn với Việt Nam quá nhanh và quá mạnh như thế".* Khi hàng trăm ngàn quân Trung Cộng tràn sang biên giới, Thủ tướng CS Phạm Văn Đồng và Đại tướng Tổng tham mưu trưởng Văn Tiến Dũng vẫn còn đang viếng thăm Campuchia. Tình báo Việt Nam không theo dõi sát việc động binh ồ ạt của Trung Cộng. Nếu ngày đó giới lãnh đạo Đảng không tin tưởng một cách mù quáng vào ý thức hệ CS và "tình hữu nghị Việt Trung", nhiều ngàn thanh niên Việt Nam đã không chết, Lạng Sơn đã không bị san bằng, hai tiểu đoàn bảo vệ thị trấn Đồng Đăng chống cự lại hai sư đoàn Trung Cộng đã không phải hy sinh đến người lính cuối cùng.

Dù bị bất ngờ, hầu hết các nhà phân tích quân sự, kể cả nhiều tác giả người Hoa, cũng thừa nhận khả năng tác chiến của phía Việt Nam vượt xa khả năng của quân đội Trung Cộng. Tạp chí Time tổng kết dựa theo các nguồn tin tình báo Mỹ, chỉ riêng trong hai ngày đầu thôi và khi các quân đoàn chính quy Việt Nam chưa được điều động đến, dân quân Việt Nam vùng biên giới đã hạ bốn ngàn quân chủ lực Trung Cộng. Lần nữa, như lịch sử đã nhiều lần minh chứng, không có khẩu súng nào bắn chính xác hơn khẩu súng của lòng yêu nước.

"Côn đồ" Đặng Tiểu Bình chuyển sang chính sách củ cà rốt

Đối với Đặng Tiểu Bình, tổn thất vài chục ngàn quân không quan trọng, điều quan trọng là y đã bao vây được Việt Nam và đẩy CSVN vào chỗ nghèo nàn, lạc hậu và cô lập. Sau mười năm thù địch, Đặng Tiểu Bình, để thích nghi với điều kiện kinh tế toàn cầu, đã thay đổi chính sách từ cây gậy sang củ cà rốt.

Trung Cộng vào thời điểm 1990 đang phát triển mạnh nên cần chiếm biển Đông chiến lược đầy tài nguyên, và họ Đặng cũng biết, sau khi Liên Xô sụp đổ, CSVN như những kẻ đang chới với trong đại dương đang tuyệt vọng cần một cái phao. Nghe triệu tập giống như nghe lịnh đại xá, Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười và Phạm Văn Đồng đã vội vàng đưa nhau sang Thành Đô triều kiến. Tại khách sạn Kim Ngưu, thủ phủ Thành Đô, tỉnh Tứ Xuyên, lúc 2 giờ chiều ngày 4 tháng 9 năm 1990, các lãnh đạo CSVN và Trung Cộng đã ký kết thỏa hiệp tái lập quan hệ giữa hai đảng CS.

Hơn hai mươi năm qua, nội dung của thỏa hiệp Thành Đô được hai bên giữ bí mật. Phía Trung Cộng dĩ nhiên không dại gì công bố và phía lãnh đạo CSVN không thể

công bố, đơn giản bởi vì đó là thỏa hiệp mang nội dung bán nước. Nếu các điều khoản trong thỏa hiệp nhấn mạnh đến việc tái lập bang giao trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, hợp tác cùng có lợi giống như phần lớn các thỏa hiệp quốc tế giữa các nước có chủ quyền, lãnh đạo CSVN đã tổ chức đại lễ công khai hóa lâu rồi. Tuy nhiên, dù giữ kín tới đâu, nội dung chính không phải là khó đoán: CSVN nhìn nhận chủ quyền của Trung Cộng trên biển Đông để đổi lấy sự tồn tại của đảng CSVN trong vòng ảnh hưởng kinh tế, chính trị và tư tưởng của Trung Cộng.

Khi thỏa hiệp bán nước Thành Đô vừa ký kết xong, ngày 25 tháng 2 năm 1992, Quốc vụ viện Trung Cộng thông qua "Luật Lãnh hải và vùng tiếp giáp" quy định lãnh hải rộng 12 hải lý, áp dụng cho cả bốn quần đảo ở Biển Đông trong đó có quần đảo Tây Sa (Hoàng Sa) và Nam Sa (Trường Sa). Ba tháng sau đó, Trung Cộng ký hợp đồng khai thác dầu khí với công ty năng lượng Crestone, cho phép công ty này thăm dò khai thác dầu khí trong thềm lục địa Việt Nam và hứa sẽ bảo vệ công ty Creston bằng võ lực. Ngoài ra, Trung Cộng còn ngang ngược ra lịnh cấm đánh cá, thành lập các đơn vị hành chánh cấp huyện tại Hoàng Sa và Trường Sa.

Tất cả diễn biến trong quan hệ giữa Việt Nam và Trung Cộng từ 1990 đến nay cho thấy thỏa hiệp Thành Đô, về ý nghĩa, cũng tương tự như hòa ước Giáp Thân hay còn gọi hòa ước Patenôtre được ký giữa đại thần nhà Nguyễn Phạm Thận Duật và đại diện Pháp Jules Patenôtre chia đất nước Việt Nam thành ba mảnh và đặt quyền bảo hộ Việt Nam vào ngày 6 tháng 6 năm 1884 tại Huế. Việt Nam thực chất là một chư hầu của Trung Cộng và vị trí của nhà nước CSVN cũng không hơn gì vị trí của triều đình nhà Nguyễn sau hòa ước Patenôtre.

Thỏa hiệp Thành Đô là một chiến thắng lớn của Trung Cộng. Giang Trạch Dân vui vẻ tặng phái đoàn CSVN hai câu thơ của Lỗ Tấn *"Sau kiếp nạn anh em còn đó, Trông nhau cười, thù oán sạch không"*. *"Anh em còn đó"* tức chú em vong ơn, phản trắc CSVN đã biết phục thiện trở về trong vòng kim cô Trung Cộng.

Sở dĩ Trung Cộng chưa chiếm trọn quần đảo Trường Sa vì tranh chấp chủ quyền Trường Sa liên quan đến nhiều quốc gia không phải chỉ riêng với Việt Nam và ngoài ra, các mối quan hệ kinh tế chính trị vô cùng phức tạp trong thời đại toàn cầu hóa, việc sử dụng các biện pháp quân sự mạnh không phải là quyết định dễ dàng. Trung Cộng sau ba mươi năm phát triển nhưng vẫn chưa đủ mạnh bên ngoài và rất yếu bên trong. Mặc dù tuyên bố hung hăng, quá khích, phô trương tàu chiến, gây hấn qua vài hành động quân sự nhỏ có tính cục bộ để giữ gìn sự đoàn kết nội bộ, Trung Cộng cần ổn định hơn bất cứ quốc gia nào khác trong vùng và luôn tránh né việc quốc tế hóa các tranh chấp quốc tế.

Nhiều người có thể phản biện lý luận này khi cho rằng Việt Nam vẫn phản đối Trung Cộng và tuyên bố chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Vâng, nhưng xin đừng quên quyền được phản đối giới hạn cũng có thể là một điều khoản của thỏa ước Thành Đô. Nếu ai thắc mắc hãy so sánh lời tuyên bố của các phát ngôn nhân Bộ Ngoại giao CSVN từ Lê Dũng trước đây đến Lương Thanh Nghị hôm nay sẽ thấy những lời phản đối chỉ khác về ngày tháng, còn nội dung đều tương tự như nhau, toàn là những câu phản đối ngoại giao sáo rỗng, lấy lệ, chẳng ai quan tâm và không gây một tác dụng gì. Dưới chế độ CS, việc phản đối, ủng hộ, hoan hô, đả đảo chỉ là một hình thức tuyên truyền và không phản ảnh chính sách bên trong của đảng. Trong buổi hội kiến giữa Mao Trạch Đông

và Tổng thống Mỹ Richard Nixon ngày 21 tháng 2 năm 1972, họ Mao nhắc chừng cho tổng thống Mỹ biết quan hệ hai quốc gia đã cải thiện tốt đẹp và đang tiến đến việc bình thường hóa nhưng đừng lấy làm lạ khi Trung Cộng vẫn sẽ tiếp tục công kích Mỹ.

Cựu Ngoại trưởng Mỹ bà Madeline Albright có câu nói rất hay *"Lịch sử chưa bao giờ lập lại một cách chính xác nhưng chúng ta phải gánh lấy tai họa nếu không học từ lịch sử".* Với chính sách bao vây Trung Cộng của Mỹ hiện nay và với nền kinh tế Trung Cộng phát triển nhưng không lối thoát cho bộ máy chính trị độc tài toàn trị đang được chạy bằng nhiên liệu Đại Hán cực đoan, chiến tranh sẽ khó tránh khỏi dù các bên có muốn hay không. Việt Nam, quốc gia vùng trái độn giữa hai quyền lực thế giới, chưa bao giờ đứng trước một chọn lựa sinh tử như hôm nay. Một người có trách nhiệm với tương lai đất nước, dù cá nhân mang một thiên kiến chính trị nào, cũng phải biết thức tỉnh, đặt quyền lợi dân tộc lên trên, chọn hướng đi thích hợp với đà tiến văn minh dân chủ của thời đại, chấm dứt việc cấy vào nhận thức của tuổi trẻ một tinh thần bạc nhược, đầu hàng. Lịch sử không thể viết lại nhưng cơ hội luôn còn đó cho những ai thành tâm quay đầu về với tổ tiên.

Tham khảo:

Đại tá Trần Đăng Thanh giảng về Biển Đông cho lãnh đạo các trường Đại học, Blog Ba Sàm

Hội nghị bí mật Thành Đô 1990, Blog Ngô Đức Thọ

Henry Kissinger, *On China*, The Penguin Press, New York 2011

Graham Hutchings, *Modern China,* Harvard University Press, 2001

A Reassessment, *China's 1979 War with Vietnam: A Reassessment,* The China Quarterly, 2005

Todd West, *Failed Deterrence*, University of Georgia

Reuter, China admits 320,000 troops fought in Vietnam, May 16 1989

Russell D. Howard, *The Chinese People's Liberation Army: "Short Arms and Slow Legs"*, USAF Institute for National Security Studies 1999

Time, *China-Vietnam Border War,* 30 Years Later, a photo essay.

Wikipedia Đặng Tiểu Bình

Wikipedia Chiến tranh biên giới Việt-Trung, 1979 Vietnam tense as China war is marked, BBC, 16 February 2009

TỪ "PHẠM VĂN ĐỒNG" TỚI "THÀNH ĐÔ", HAI CÔNG HÀM BÁN NƯỚC

Về hình thức "công hàm Phạm Văn Đồng" chẳng khác gì một công án thiền, chỉ 12 chữ với nội dung đơn giản nhưng làm tốn không biết bao nhiêu giấy mực, phân tích, bàn thảo và làm ngưng chảy dòng nhận thức của mọi người mỗi khi nhắc đến. Huyền bí hơn nữa, "công hàm" là một tài liệu có thật và là cây gai trong mắt của những người quan tâm đến vận mệnh đất nước, nhưng trong bao nhiêu lần "xác định chủ quyền Việt Nam trên các đảo Hoàng Sa, Trường Sa" giới lãnh đạo đảng Cộng Sản Việt Nam không hề nhắc đến, tưởng chừng như văn bản đó không phải là của họ. Sự im lặng phải có lý do, bởi vì nếu chỉ là vấn đề biển đảo, lãnh đạo đảng đã giải thích từ lâu rồi đâu cần đợi ai nhắc nhở.

Trước khi bàn đến "công hàm" mới, phải nhắc lại vài chuyện về "công hàm" cũ.

Ngày ngày 4 tháng 9 năm 1958, Quốc hội Trung Cộng ra tuyên bố bốn điểm, điểm thứ nhất và thứ tư có liên hệ

trực tiếp đến lãnh thổ Việt Nam gồm Tây Sa tức Hoàng Sa và Nam Sa tức Trường Sa. Đáp lại lời tuyên bố này, ngày 14 tháng 9 năm 1958, Phạm Văn Đồng, Thủ tướng CSVN đã gởi cho Thủ tướng Chu Ân Lai một công hàm *"ghi nhận và tán thành bản tuyên bố, ngày 4 tháng 9 năm 1958, của Chính phủ nước Cộng Hoà Nhân dân Trung-hoa, quyết định về hải phận của Trung-quốc."*

Ngày 22 tháng Chín năm 1958, công hàm đã được đăng trên báo *Nhân dân* để toàn Đảng, toàn dân và toàn thế giới biết hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là của Trung Cộng. Những ai trước nay nghĩ rằng Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam vì đọc *Phủ Biên Tạp Lục* của học giả Lê Quý Đôn hay *Đại Nam Thực Lục* của triều Nguyễn v.v.. không những là một sai lầm lịch sử mà còn đi được lại quyết định của Đảng. Ngày 19 tháng Giêng năm 1974, hải quân Trung Cộng tấn công quần đảo Hoàng Sa. Sau những trận hải chiến không cân sức, hải quân Việt Nam Cộng Hòa triệt thoái khỏi Hoàng Sa. Từ đó, quần đảo thân yêu này nằm trong tay giặc.

Khi quan hệ giữa Việt Nam và Trung Cộng trở nên tồi tệ sau năm 1975 vấn đề chủ quyền Hoàng Sa Trường Sa được đưa ra. Đặc biệt sau chiến tranh biên giới lần thứ nhứt năm 1979, Việt Nam ra bạch thư về chủ quyền Việt Nam trên các quần đảo này với nhiều bằng chứng và tài liệu lịch sử Việt Nam cũng như quốc tế. Phản ứng về phía Trung Cộng, ngoài việc dẫn chứng các "tài liệu lịch sử" riêng của mình, họ còn dựa vào công hàm Phạm Văn Đồng để cho rằng Việt Nam chính thức thừa nhận hai quần đảo là của Trung Cộng từ năm 1958. Trung Cộng còn cho biết ngay trong các sách giáo khoa địa lý bậc trung học trước năm 1975 tại miền bắc Việt Nam cũng đã xác định Hoàng Sa Trường Sa là của Trung Cộng, và ngoài ra, thứ trưởng ngoại giao Việt Nam Ung Văn Khiêm cũng

lập lại điều này khi tiếp tham vụ tòa đại sứ Trung Cộng Li Zhimin.

Một làn sóng công phẫn trong các tầng lớn nhân dân, trước năm 1975 chỉ phát xuất từ miền Nam, đã bắt đầu dấy lên trong vài ngoài nước. Nhưng cùng lúc với những chê trách, giận dữ, kết án, nhiều quan điểm cũng được đưa ra như một cách mách nước cho đảng để tháo gỡ chiếc vòng kim cô đảng tự đặt lên đầu từ năm 1958.

Cách gỡ rối thứ nhất cho rằng công hàm không có giá trị pháp lý vì một quyết định vô cùng quan trọng như thế phải được quốc hội thông qua.

Cách gỡ rối thứ hai cho rằng Trung Cộng xuyên tạc nội dung công hàm vì công hàm của Phạm Văn Đồng không đề cập đến Hoàng Sa và Trường Sa.

Cách gỡ rối thứ ba cho rằng công hàm Phạm Văn Đồng "chỉ là thiện chí của Việt Nam ủng hộ Trung Cộng trong việc tranh chấp với Mỹ về an ninh ở vùng biển gần Đài Loan."

Cách gỡ rối thứ tư cho rằng theo nội dung hội nghị Geneva, Hoàng Sa -Trường Sa đã thuộc về phía Việt Nam Cộng Hòa, một quốc gia có chủ quyền, độc lập, toàn vẹn lãnh thổ trong khuôn khổ của hiệp định Geneva.

Cả bốn cách gỡ rối đều không vững.

Vấn đề có thông qua hay không thông qua, vi phạm hay không vi phạm hiến pháp Việt Nam là vấn đề riêng của Việt Nam. Thực tế quốc hội chỉ là cơ quan đóng dấu tại các quốc gia Cộng Sản đã được quốc tế thừa nhận. Tổng thống Gerald Ford ký thông cáo chung về thỏa hiệp SALT với Tổng bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô Leonid Brezhnev tại Vladivostok năm 1974 mặc dù thời điểm đó Chủ tịch Sô Viết Tối Cao là Nikolai Podgorny. Ngày 29

tháng Giêng năm 1979 Tổng thống Jimmy Carter ky thỏa hiệp bình thường hóa các quan hệ kỹ thuật, kinh tế, thương mại với Đặng Tiểu Bình mặc dù chức vụ của họ Đặng chỉ là một phó thủ tướng. Dưới chế độ Cộng Sản, mọi văn bản quan trọng đều phải thông qua bộ chính trị, cơ quan quyền lực tối cao. Phạm Văn Đồng, ủy viên Bộ chính tri, đóng vai thủ tướng chính phủ nên phải ký công hàm. Thời điểm tháng 9 năm 1958, danh sách bộ chính trị được bầu ra trong Đại hội lần II năm 1951 cũng như được bổ túc trong những năm sau đó gồm Hồ Chí Minh, Trường Chinh, Lê Duẩn, Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Chí Thanh, Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, Nguyễn Duy Trinh, Lê Thanh Nghị, Hoàng Văn Hoan.

Lý luận cho rằng Trung Cộng đã xuyên tạc nội dung công hàm Phạm Văn Đồng vì công hàm không đề cập đến Hoàng Sa và Trường Sa lại càng yếu hơn. Báo Đại Đoàn Kết phát hành 20/07/2011 viết: "Trong Công hàm của Thủ tướng Phạm Văn Đồng không có từ nào, câu nào đề cập đến vấn đề lãnh thổ và chủ quyền, càng không nêu tên bất kỳ quần đảo nào như Trung Cộng đã nêu". Cãi như báo Đại Đoàn Kết là một cách tự kết án mình vì lời tuyên bố của phía Trung Cộng ghi rõ: "*Điều lệ này áp dụng cho toàn lãnh thổ nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc, bao gồm phần đất Trung Quốc trên đất liền và các hải đảo ngoài khơi, Đài Loan (tách biệt khỏi đất liền và các hải đảo khác bởi biển cả) và các đảo phụ cận, quần đảo Bành Hồ (Penghu), quần đảo Đông Sa, quần đảo Tây Sa, quần đảo Trung Sa, quần đảo Nam Sa, và các đảo khác thuộc Trung Quốc*" và Việt Nam phấn khởi đáp ứng bằng cách "ghi nhận và tán thành" toàn văn bản.

Lý luận cho rằng Việt Nam chỉ bày tỏ "thiện chí của Việt Nam ủng hộ Trung Cộng trong việc tranh chấp với Mỹ về an ninh ở vùng biển gần Đài Loan. Trung Cộng đã

phản bội Việt Nam khi dùng công hàm đó để chủ trương chủ quyền của mình ở Hoàng Sa và Trường Sa" do một nhóm 14 tác giả ký trong kiến nghị gởi đảng Cộng Sản Việt Nam cũng không thuyết phục. Việt Nam tự đưa cổ vào tròng chứ không phải Trung Cộng đặt tròng vào cổ Việt Nam. Bản tuyên bố của phía Trung Cộng không chỉ nhằm xác định chủ quyền trên các đảo Đài Loan mà cả các nhóm đảo khác trong đó có Hoàng Sa (tên tiếng Tàu là Tây Sa) và Trường Sa (tên tiếng Tàu là Nam Sa), và công hàm của Phạm Văn Đồng cũng không chỉ nhắm vào Đài Loan mà ủng hộ toàn bộ lời quyết định về hải phận của Trung Cộng. Không một quan tòa quốc tế nào trình độ sơ đẳng đến mức đánh giá hai văn bản một cách độc lập với nhau.

Lý luận khác nữa dựa vào hiệp định Geneva, tuyên cáo của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa công bố ngày 14 tháng Hai năm 1974 xác định chủ quyền trên các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cũng như Bạch thư của Bộ Ngoại Giao Việt Nam Cộng Hòa đầu năm 1975 để bác bỏ giá trị pháp lý của công hàm Phạm Văn Đồng. Phạm Văn Đồng không thể công nhận những gì không thuộc lãnh thổ của Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Đây là lý luận có cở sở pháp lý nhất và có thể dùng để biện luận trong các hội nghị quốc tế, rất tiếc Việt Nam Cộng Hòa không còn hiện diện, về mặt công pháp quốc tế Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam được xem như giữ quyền tài phán.

Một người Việt Nam nào có chút quan tâm về đất nước cũng có lần tự hỏi tại sao lãnh đạo đảng ngày đó sơ sót đến mức như vậy?

Phải chăng vì thời điểm đó "tình hữu nghị Việt - Trung đang thắm thiết và hai nước hoàn toàn tin cậy lẫn nhau" như ông Nguyễn Mạnh Cầm phát biểu?

Phải chăng vì thời điểm đó, đảng phải tập trung vào chiến tranh "chống Mỹ cứu nước" như chính tác giả Phạm Văn Đồng phân trần?

Không, họ chẳng những không sơ sót, không chọn lựa khó khăn nhưng hành động bằng cả nhiệt tình. Trong quan điểm của đảng, công hàm Phạm Văn Đồng phản ảnh mục tiêu trước mắt cũng như lâu dài của đảng CSVN. Việc chọn lựa đảng trên đảo, đặt lý tưởng Cộng Sản trên quyền lợi dân tộc là một chọn lựa tự nhiên, khách quan, hoàn toàn phù hợp với hướng phát triển cách mạng xã hội chủ nghĩa. Sự nô lệ vào tư tưởng Cộng Sản bao trùm lên mọi lãnh vực đời sống của xã hội miền bắc.

Tưởng cũng cần nhắc lại, thời điểm năm 1958 còn là thời điểm nóng bỏng giữa Trung Cộng và Mỹ về vấn đề Đài Loan. Mỗi ngày, pháo binh Trung Cộng bắn hàng trăm viên đại bác vào hai đảo Kim Môn và Mã Tổ. Như Mao tiết lộ với Khrushchev sau này, y không có ý định "giải phóng" Đài Loan. Việc bắn phá Đài Loan chỉ là thái độ của kẻ "ăn không được phá cho hôi" để thỏa lòng căm hận. Thời điểm năm 1958 vấn đề chủ quyền Hoàng Sa, Trường Sa chưa phải là mối bận tâm hàng đầu của Trung Cộng, tuy nhiên những người soạn thảo bản công bố chủ quyền biển của Trung Cộng đã biết phòng xa. Việt Nam thì không. Việt Nam cũng có nhiều cách để làm hả dạ đàn anh Trung Cộng mà vẫn giữ được chủ quyền đất nước và cách dễ nhất là viết, gạch đít, đóng khung, tô màu hai chữ Đài Loan trong văn bản. Giới lãnh đạo đảng đã không làm điều đó.

Nửa thế kỷ trước, cả bộ chính trị lẫn trung ương đảng CSVN viễn du trong giấc mộng về một thiên đường quốc tế vô sản, trong đó con người mang quốc tịch Trung Hoa hay Việt Nam cũng không mấy khác nhau. Trung Cộng có chiếm Hoàng Sa cũng chẳng qua là giữ giùm cho Việt

Nam, tốt hơn là để cho Mỹ chiếm. Nói ra như một chuyện cười nhưng đó là sự thật. Đảng Cộng Sản Việt Nam mang ơn đảng Cộng Sản Trung Quốc sâu đậm. Như hầu hết tài liệu quốc tế và cả tài liệu chinh thức của đảng, trong thập niên năm 1950, Việt Nam phụ thuộc vào Trung Cộng không những súng đạn, lương thực, chỉ huy, hậu cần, lãnh đạo mà cả tư tưởng và tinh thần. Điện văn của đảng Lao động Việt Nam gởi đảng Cộng Sản Trung Quốc sau hội nghị đảng lần thứ hai tháng 3 năm 1951 như Hoàng Văn Hoan nhắc lại trong hồi ký *Giọt nước và biển cả*: *"Đảng Lao động Việt Nam nguyện noi gương anh dũng Đảng Cộng sản Trung Quốc, học tập tư tưởng Mao Trạch Đông, tư tưởng lãnh đạo nhân dân Trung Quốc và các dân tộc Á Đông trên con đường độc lập và tự chủ".*

Lịch sử chống ngoại xâm đầy hy sinh xương máu của tổ tiên ta để có một nắm đất xây lên đó một mái nhà tranh che nắng che mưa gọi là Việt Nam đối với lãnh đạo đảng là sản phẩm của tư duy phong kiến. Theo lý luận duy vật lịch sử, mỗi hình thái sản xuất có một thượng tầng kiến trúc chính trị, văn hóa, xã hội, nhân văn thích hợp, những gì của quá khứ đã thuộc về quá khứ. Trong quan điểm của đảng, các nỗ lực của tổ tiên ta nhằm ngăn chặn âm mưu đồng hóa của các triều đại Hán, Tấn, Tề, Lương, Tùy, Đường, Tống, Minh v.v. đều mang tính lịch sử, tính giai cấp chứ không phải tính văn hóa, tính truyền thống, xã hội xã hội chủ nghĩa sẽ tươi đẹp hơn, con người xã hội chủ nghĩa văn minh hơn và Trung Cộng sẽ đối xử với các nước nhỏ láng giềng bình đẳng trong tinh thần quốc tế vô sản chứ không phải bằng tinh thần đại Hán.

Mục đích căn bản của *Ban nghiên cứu Lịch sử và địa lý Việt Nam* được thành lập ngày 2 tháng 12 năm 1953 không phải nhằm tổng hợp các tài liệu lịch sử, địa lý Việt Nam mà để *"Góp phần vào việc bồi dưỡng lý luận về chủ*

nghĩa Mác-Lênin và đường lối cách mạng của Đảng. Góp phần nâng cao tinh thần yêu nước và tinh thần quốc tế vô sản của nhân dân ta. Phê phán những quan điểm, tư tưởng phản động sai lầm. Phát triển giao lưu văn hóa, khoa học với các nước". Với các mục đích phản ảnh tinh thần vong thân nô lệ như thế, không lạ gì từ trung ương đảng cho đến các chi bộ hạ tầng, từ các đại học cho đến các trường trung học phổ thông, từ các nhà văn cho đến nhà thơ, không một tài liệu nào cho thấy có một tiếng nói khác gióng lên hay một nhà nghiên cứu nào nêu lên thắc mắc. Việc Trung Cộng quả quyết sách giáo khoa địa lý tại miền bắc cũng đã xác định Hoàng Sa, Trường Sa thuộc về Trung Cộng không phải là không có căn cứ.

Trong *Tuyển tập Mao Trạch Đông*, họ Mao từng nhấn mạnh một cách hãnh diện chín chục phần trăm người Trung Hoa là gốc Hán, tuy nhiên, trong mắt lãnh đạo đảng CSVN, đám Mao Trạch Đông, Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai không liên hệ huyết thống gì với đám Tô Định, Mã Viện, Lưu Long thời Tây Hán, một triều đại đã thực hiện các chính sách đồng hóa tổ tiên Việt Nam một cách tàn bạo đến nỗi sử gia Lê Văn Hưu phải thốt lên trong Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, bản gỗ khắc năm Chính Hòa 1697: *"Xin trời vì nước Việt ta sớm sinh thánh nhân, tự làm đế nước nhà."*

Khai quật "công hàm Phạm Văn Đồng" không phải là đề xác nhận giá trị pháp lý của mảnh giấy lộn đó. Không một người, tổ chức, đảng phái nào có quyền sang nhượng lãnh thổ Việt Nam, nơi máu xương của bao nhiêu thế hệ đã thắm lên từng nắm đất. Quyết tâm bảo vệ đất nước qua lời thề Lũng Nhai, lời nguyền sông Hóa vẫn còn vang vọng. Thậm chí cho dù cái gọi là quốc hội Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ngày đó có thừa nhận Hoàng Sa -Trường Sa là của Trung Cộng đi nữa cũng chỉ là sự thừa nhận của một nhóm người, của một đảng độc tài cai trị dân tộc

bằng nhà tù sân bắn chứ không phải đại diện cho tiếng nói của nhân dân Việt Nam.

Khai quật "công hàm Phạm Văn Đồng" để thế hệ trẻ Việt Nam thấy bộ mặt thật phía sau chiêu bài "giải phóng dân tộc" của các tầng lớp lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam. Đảng im lặng không phải vì đảng chưa nghĩ đến bốn cách gỡ rối nêu trên mà chỉ vì công hàm Phạm Văn Đồng là biểu tượng cho ý thức vong bản của một thế hệ lãnh đạo Cộng Sản đang được thần tượng hóa tại Việt Nam. Đám mây đen Cộng Sản đã che khuất lương tri và nhân tính Việt Nam trong con người họ. Giới lãnh đạo đảng không dám công khai tuyên bố hủy bỏ công hàm bởi vì làm như thế là thừa nhận sự u mê, bản chất phản quốc, phản dân tộc của đảng. Họ không đủ can đảm để nguyền rủa chính mình và ly khai với quá khứ của mình.

Khai quật "công hàm Phạm Văn Đồng" để những ai nghĩ rằng giới lãnh đạo CSVN đã nhận thấy hiểm họa Trung Cộng và chọn lựa đứng về phía Liên Xô để đưa đất nước tiến nhanh hơn trên đường công nghiệp hóa chưa hẳn là đúng. Theo Giáo Sư đại học Harvard Ezra F. Vogel trong tác phẩm *Đặng Tiểu Bình và sự biến đổi Trung Hoa* (Deng Xiaoping and the Transformation of China), việc Đặng Tiểu Bình đánh Việt Nam chỉ là chuyện bất đắc dĩ. Sự xáo trộn chính trị nội bộ của Trung Cộng trong thời gian ngắn trước và sau khi Mao chết với các thành phần cực tả khuynh loát quyền hành và bản thân y bị thanh trừng, đã đẩy Việt Nam về phía Liên Xô. Họ Đặng tin rằng nếu y lãnh đạo, với việc nắm vững chính trị Việt Nam và là người đã làm việc với hầu hết cấp lãnh đạo đảng CSVN từ Hồ Chí Minh đến Lê Duẩn, Việt Nam có thể vẫn còn trong vòng kiểm soát của Trung Cộng mà không cần súng đạn. Nếu quả đúng và đã diễn ra như Đặng Tiểu Bình phát biểu, Việt Nam hôm nay dù chưa thành một khu tự trị,

cũng có thể đã là một nước nhỏ trong vòng một nước lớn Trung Hoa.

Khai quật "công hàm Phạm Văn Đồng" để thấy cuộc chiến Việt Nam đã chấm dứt, đế quốc Mỹ ra đi, đế quốc Liên Xô sụp đổ nhưng nợ máu xương giữa hai đảng Cộng Sản Trung Quốc và Việt Nam phải trả bằng thân xác của những người dân vô tội vẫn còn kéo dài cho đến ngày nay. Cuộc chiến biên giới năm 1979 là một thất bại quân sự nhục nhã cho Đặng Tiểu Bình. Trung Cộng che giấu thất bại quân sự chua cay này bằng cách im lặng và ngăn chặn việc phổ biến dưới mọi hình thức các tài liệu có liên quan đến cuộc chiến. Zhou Xu Ke, một cựu chiến binh biên giới và tác giả của cuốc sách do ông tự in lấy *Cuộc chiến cuối cùng* trả lời hãng tin AFP: "Tại Trung Quốc, chính phủ tôn trọng lịch sử chẳng khác gì tôn trọng chó". Về phía Việt Nam cũng chẳng tốt lành hơn. Máu của thanh niên Việt Nam đổ xuống để bảo vệ Lạng Sơn, Cao Bằng v.v… phát xuất từ lòng yêu nước trong sáng và xứng đáng được kính trọng nhưng khi cuộc cờ tàn, chẳng còn ai nhắc nhở đến máu xương đó nữa. Sau cuộc chiến tranh biên giới, Đặng Tiểu Bình đã thay đổi cấp lãnh đạo, phương hướng phát triển kinh tế và mở rộng ảnh hưởng đến các nước tư bản tự do; trong lúc đó giới lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam tự cô lập trong chuyên chính vô sản, lạc hậu trong thời bao cấp, tem phiếu, thu mua để rồi đưa đất nước đến thảm trạng nghèo đói tận cùng suốt thập niên năm 1980.

Sau khi Liên Xô sụp đổ, không còn ai che chở, giới lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam lại lần nữa tìm về nương náu dưới chiếc bóng của đàn anh Trung Cộng. Hội nghị bí mật tại khách sạn Kim Ngưu, Thành Đô, thủ phủ tỉnh Tứ Xuyên trong hai ngày 3 và 4 tháng 9 năm 1990 giữa phía Việt Nam gồm Phạm Văn Đồng, Đỗ Mười, Nguyễn Văn

Linh và phía Trung Cộng gồm Giang Trạch Dân và Lý Bằng thực chất là lễ cam kết một loại "công hàm Phạm Văn Đồng" khác. Cựu thứ trưởng Ngoại giao Trần Quang Cơ phân tích một cách chi tiết các diễn tiến dẫn tới sự kiện Thành Đô trong hồi ký của ông ta. Không ai, ngoài Phạm Văn Đồng, Đỗ Mười và Nguyễn Văn Linh, biết chính xác nội dung hội nghị bí mật Thành Đô nhưng qua thái độ nhu nhược và phản ứng yếu hèn của giới lãnh đạo CSVN trước các hành động chiếm đảo, bắn tàu, cắt dây cáp, giết người tàn nhẫn của hải quân Trung Cộng và mới đây bắt bớ hàng loạt người Việt gióng lên tiếng nói bất bình, cho thấy nội dung bán nước trong "công hàm Thành Đô" hẳn còn trầm trọng và chi tiết hơn cả "công hàm Phạm Văn Đồng".

Trong lễ ký kết thỏa hiệp chiều ngày 7 tháng 11 năm 1991 tại Nhà khách Chính phủ Điếu Ngư Đài Bắc Kinh, Giang Trạch Dân không quên nhắc nhở đến các cam kết cũ và xác định phương pháp mới trong quan hệ Việt Trung như còn ghi lại trong Diễn Đàn Kinh Tế Việt Trung: *"Hoan nghênh các đồng chí Việt Nam sang Trung Quốc hội đàm với chúng tôi. Các đồng chí là những người thuộc thế hệ lãnh đạo lão thành của Việt Nam, cũng là những người bạn lão thành quen biết của những người thuộc thế hệ lãnh đạo lão thành của Trung Quốc; điều đáng tiếc là đã mười mấy năm chưa được gặp nhau. Tôi và đồng chí Lý Bằng một hai năm gần đây tiếp nhận công tác của bậc tiền bối lão thành. Thật đúng là 'trên sông Trường Giang, ngọn sóng sau đẩy ngọn sóng trước, trên đời lớp người mới thay lớp người cũ'. Nhưng chúng tôi hy vọng giữa Trung Quốc và Việt Nam có thể khôi phục mối quan hệ mật thiết giữa hai Đảng và hai nước do những người lãnh đạo thuộc thế hệ lão thành xây dựng nên."*

Tại sao lãnh đạo Trung Cộng chấp nhận sự quy phục của lãnh đạo CSVN? Bởi vì, (1) là thế hệ chứng kiến sự tranh giành quyền lực giữa các lớp đàn anh, Giang Trạch Dân biết tham vọng quyền lực đã hòa trong mạch sống, hơi thở, máu thịt của Phạm Văn Đồng, Đỗ Mười, Nguyễn Văn Linh và giới lãnh đạo CSVN, (2) không giống như thời Liên Xô chưa sụp đổ, lần này đảng CSVN không còn một con đường thoát nào khác, nhưng ba điểm sau quan trong hơn, (3) Việt Nam là hành lang chiến lược trong vùng Nam Á, (4) vào thời điểm 1990. đối tượng cạnh tranh của Trung Cộng không còn là Việt Nam mà là Mỹ, Đức, Nhật và (5) mục tiêu bành trướng của Trung Cộng cũng không phải chỉ là Hoàng Sa -Trường Sa mà là cả vùng Thái Bình Dương.

Đọc hồi ký của Trần Quang Cơ để thấy mặc dù nhân loại sắp bước vào một thiên niên kỷ mới, nhận thức về chính trị và bang giao quốc tế của các lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam vẫn còn ngây thơ đến tội nghiệp. Năm 1990, khi Liên Xô và các nước Cộng Sản Đông Âu như những cánh bèo tan tác ngoài cửa biển mà các lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam vẫn còn nghĩ đến việc liên kết với Trung Cộng chống đế quốc Mỹ: "Các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Lê Đức Anh, Đào Duy Tùng, Đồng Sĩ Nguyên còn nhấn vào "âm mưu của đế quốc Mỹ sau cuộc khủng hoảng chính trị ở Đông Âu" và "Việt Nam và Trung Quốc là hai nước xã hội chủ nghĩa cùng chống âm mưu đế quốc xoá bỏ chủ nghĩa xã hội, phải cùng chống đế quốc".

Cũng vào thời điểm này, Đặng Tiểu Bình đã viếng thăm và ký các thỏa hiệp kinh tế chính trị với các quốc gia tư bản như Mỹ (1979), Anh (1984) cũng như mở rộng hợp tác kinh tế với Đức vừa thống nhất và cựu thù Nhật Bản nhưng các lãnh đạo CSVN còn mơ mộng Trung Cộng sẽ thay mặt Liên Xô giương cao ngọn cờ quốc tế vô sản.

Đặng Tiểu Bình không có mặt trong hội nghị bí mật Thành Đô dù phía Trung Cộng đã hứa một phần vì y chưa nguôi cơn giận chiến tranh biên giới nhưng phần khác cũng vì Phạm Văn Đồng, Đỗ Mười, Nguyễn Văn Linh không xứng đáng là đối tượng thảo luận trong tầm nhìn của y về tương lai Trung Cộng và thế giới, nói chi là số phận Việt Nam. Sau "công hàm Thành Đô" và tái lập quan hệ giữa hai đảng vào ngày 7 tháng 11 năm 1991, các lãnh đạo CSVN thay phiên nhau triều cống Trung Cộng. Lê Đức Anh sang Trung Cộng 28 tháng Giêng năm 1991, Đỗ Mười và Võ Văn Kiệt sang Trung Cộng 5 tháng 11 năm 1991 và gần như hàng năm các lãnh đạo CSVN luân phiên nhau sang Trung Cộng để lập lại lời hứa phục tùng.

Sau khi đặt đảng CSVN trở lại trong vòng kiểm soát, ngày 25 tháng 2 năm 1992, Quốc vụ viện Trung Cộng thông qua "Luật Lãnh hải và vùng tiếp giáp" quy định lãnh hải rộng 12 hải lý, áp dụng cho cả bốn quần đảo ở Biển Đông trong đó có quần đảo Tây Sa (Hoàng Sa) và Nam Sa (Trường Sa). Ba tháng sau đó, ngày 8 tháng 5 năm 1992 Trung Cộng ký hợp đồng khai thác dầu khí với công ty năng lượng Crestone của Mỹ, cho phép công ty này thăm dò khai thác dầu khí trong thềm lục địa của Việt Nam, nằm ở phía Tây Nam của quần đảo Trường Sa. Trung Cộng cũng hứa với công ty Creston sẽ bảo vệ bằng võ lực nếu Việt Nam can thiệp vào công việc của họ. Ngoài các hoạt động khai thác dầu khí trong thềm lục địa Việt Nam, Trung Cộng còn ngang ngược ra lịnh cấm đánh cá, thành lập các đơn vị hành chánh cấp huyện tại Hoàng Sa và Trường Sa, và cho phép hải quân Trung Cộng bắn giết ngư dân Việt Nam vô tội không phải chỉ một lần mà rất nhiều lần. Các lãnh đạo Việt Nam, lo cho sự sống còn của đảng Cộng Sản, đáp lại bằng những lời than vãn gần như giống nhau sau những lần Trung Cộng xâm phạm chủ quyền.

Tại sao Trung Cộng không ngang ngược với Philippines, Mã Lai, Brunei, những quốc gia đang tranh chấp chủ quyền Trường Sa? Bởi vì các quốc gia đó thật sự có chủ quyền chính trị, chính phủ trong sạch được bầu lên một cách hợp pháp, có nhân dân hậu thuẫn, có quốc tế kính trọng, có nhân loại cảm tình. Một chiếc tàu đánh cá treo quốc kỳ Nhật, quốc kỳ Phi làm hải quân Trung Cộng e dè, kiêng nể trong lúc tàu đánh cá treo cờ đỏ sao vàng lại trở thành mục tiêu tác xạ. Thật vậy, với một bên quyết tâm trả thù cho "một trăm năm sỉ nhục" bằng chủ trương bành trướng khắp thế giới và một bên chỉ mong được tiếp tục đè đầu cởi cổ chính đồng bào mình, lãnh đạo Trung Cộng rất yên tâm vì họ biết rõ, ngày nào đảng Cộng Sản còn cai trị nhân dân Việt Nam, ngày đó Trung Cộng còn chi phối được Việt Nam.

Nicholas D. Kristof và Sheryl Wudunn, đồng tác giả của *Trung Hoa thức dậy* (China Wakes: *The Struggle for the Soul of a Rising Power*) nhận xét rằng xung đột có khả năng cao nhất sẽ dẫn đến chiến tranh tại Á Châu là xung đột về các quần đảo trong biển đông. Vì đặc điểm địa lý chính trị, chiến lược quân sự và là quốc gia duy nhất trong số các quốc gia tranh chấp đã trực tiếp hy sinh xương máu trên hai quần đảo Hoàng Sa Trường Sa, lãnh thổ Việt Nam được hầu hết các nhà phân tích nhận xét sẽ là điểm xuất phát của một cuộc tàn sát chưa từng thấy ở Á Châu.

Để đối phó với một Trung Cộng đầy tham vọng, hầu hết các quốc gia có quyền lợi trong vùng như Nam Dương, Mã Lai, Philippines đang làm mọi cách để phát triển kinh tế, tăng cường khả năng quốc phòng hầu ngăn chận bàn chân Trung Cộng. Các chính trị gia bảo thủ Nhật Bản kêu gọi sửa đổi hiến pháp để cho phép nước Nhật tái trang bị. Sự thay đổi chính sách của Miến Điện cụ thể qua

việc ngưng công trình đập do Trung Cộng hậu thuẫn hồi tháng Chín năm 2010 và mở rộng hợp tác với Mỹ qua chuyến thăm viếng của Ngoại trưởng Hillary Clinton lần đầu trong nửa thế kỷ cho thấy một tập đoàn quân phiệt bị thế giới lên án cũng đã biết "buông dao đồ tể". Ngay cả Brunei, một quốc gia có dân số vỏn vẹn 400 ngàn cũng đang hiện đại hóa các phi đoàn trực thăng chiến đấu bằng Blackhawk. Giới lãnh đạo đảng Cộng Sản Việt Nam chỉ biết nuốt nhục để sống. Ngoài những lời tuyên bố về chủ quyền lấy lệ và những thay đổi quốc phòng giới hạn, họ không làm gì cụ thể hơn để đáp ứng với hiểm hoạ chiến tranh lớn nhất trong lịch sử Á Châu sắp xảy ra ngay trên lãnh thổ Việt Nam.

Học sinh các lớp sử thường đọc Mạc Đăng Dung đã cắt đất Vĩnh An, An Quảng gồm 6 động dâng cho nhà Minh để thuộc vào Châu Khâm như đã ghi Đại Việt Sử Ký Toàn Thư. Sự kiện đó chưa hẳn đúng vì Việt Sử Thông Giám Cương Mục viết "Nay xét Khâm Châu chí của nhà Thanh, chỉ thấy chép đời Gia Tĩnh (1522 - 1566), Đăng Dung nộp trả năm động Ti Phù, La Phù, Cổ Sâm, Liễu Cát và Kim Lặc mà thôi, chứ không thấy nói đến động An Lương. Lại tra cứu đến Quảng Yên sách thì động An Lương hiện nay là phố An Lương thuộc châu Vạn Ninh nước ta". Mạc Đăng Dung, trong hoàn cảnh hai đầu đều có địch, buộc phải trả lại năm động vốn là đất của Trung Hoa chứ chẳng dâng hiến phần đất nào thuộc lãnh thổ Việt Nam mà còn cứu được đất nước khỏi lâm vào vòng lệ thuộc ngoại bang. Dù sao, trong lúc "công hàm Mạc Đăng Dung" có thể có lý do tranh luận, tội bán nước trong "công hàm Phạm Văn Đồng" quá hiển nhiên, rõ ràng và chính tác giả khi còn sống cũng đã thừa nhận mình đã ký.

Trước đây sử gia Lê Văn Hưu đã thốt lên câu đứt ruột trong Đại Việt Sử Ký Toàn Thư: *"Xin trời vì nước Việt ta*

sớm sinh thánh nhân, tự làm đế nước nhà". Nếu sử gia sống trong thời đại này, hẳn ngài sẽ đổi thành "Xin trời vì nước Việt ta sớm đánh thức nhân dân để họ biết đứng lên, tự làm chủ nước nhà". Bởi vì lịch sử đã chứng minh, không ai có thể cứu được dân tộc Việt Nam ngoài chính dân tộc Việt Nam. Vó ngựa quân Mông Cổ sải từ Á sang Âu, chiếm gần 20 phần trăm trái đất, đốt cháy thành than các thủ đô Kiev, Budapest, Baghdad, Bắc Kinh, vượt qua các sông Hoàng Hà, Volga, Danube nhưng đã phải dừng lại bên sông Bạch Đằng, Việt Nam. Kẻ thù thắng nhiều trận nhưng dân tộc Việt Nam luôn thắng trận cuối cùng và quyết định. Hơn ai hết, giới lãnh đạo Trung Cộng phải thuộc bài học đó.

Như kẻ viết bài này đã viết trước đây trong tiểu luận *Ai giết 9 ngư dân Thanh Hóa?* một Việt Nam văn minh dân chủ với một nền kinh tế cường thịnh, một hệ thống khoa học kỹ thuật hiện đại là phương tiện hữu hiệu nhất để ngăn chận không những Trung Cộng mà bất cứ một thế lực xâm lăng nào muốn thách thức đến chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam. Nếu không làm được thế, không chỉ Hoàng Sa, Trường Sa, mà cả dân tộc lại sẽ chìm đắm trong họa đồng hóa của thời đại mới. Và khi đó, đừng đổ thừa cho Trung Cộng mà chính sự khiếp nhược, ươn hèn, mê muội trong mỗi chúng ta đã giết chết chính mình và dân tộc mình.

SAM RAINSY, CON CỜ MỚI CỦA TRUNG CỘNG TRONG XUNG ĐỘT VIỆT-TRUNG-MIÊN

Khái niệm chủ nghĩa dân tộc có từ thời cổ Hebrew gần hai ngàn năm trước Thiên Chúa, qua đó, một tập thể người xác định họ khác với các tập thể người khác dựa trên các tiêu chuẩn chủng tộc, tôn giáo, văn hóa, lịch sử. Có nhiều loại chủ nghĩa dân tộc và loại nguy hiểm nhất là chủ nghĩa dân tộc cực đoan (Extreme nationalism, Ultra-nationalism) trong đó một dân tộc tự nhận có đặc tính chủng tộc, văn hóa, lịch sử siêu việt vượt lên trên các dân tộc khác. Chủ nghĩa dân tộc cực đoan cũng là môi trường để các chính trị gia cơ hội dùng hận thù để khích động chiến tranh, khơi dậy mặc cảm dân tộc như một thủ đoạn chính trị để nắm lấy quyền lực. Một chính trị gia Cambode đang sử dụng cả hai phương pháp này, và y tên là Sam Rainsy.

Sam Rainsy là ai?

Sam Rainsy sinh ngày 10 tháng 3, 1949 tại Nam Vang. Du học tại Pháp năm 1965. Tốt nghiệp nhiều bằng cấp về

tài chánh. Tham gia đảng Mặt Trân Đoàn Kết Quốc Gia vì một Cambode Độc Lập, Trung Lập, Hòa Bình và Hợp Tác, gọi tắc là Funcinpec (Front Uni National pour un Cambodge Indépendant, Neutre, Pacifique, et Coopératif) và đại diện châu Âu của đảng này. Funcinpec được thành lập từ thời vua Norodom Sihanouk nhưng yếu dần sau khi ông Hoàng xứ chùa Tháp bị tướng Lon Nol lật đổ trong vắng mặt và lưu vong. Khi Pol Pot lên cầm quyền số đảng viên Funcinpec còn lại phần lớn bị giết. Sau khi về nước 1993, Sam Rainsy được giao chức vụ Bộ Trưởng Tài Chánh nhưng bị bất tín nhiệm hai năm sau đó. Năm 1995, Sam Rainsy tự thành lập đảng riêng, Đảng Quốc Gia Khmer (KNP) và sau đó đổi tên thành Đảng Sam Rainsy. Giữa năm 2012, Đảng Sam Rainsy sáp nhập với Đảng Nhân Quyền do Kem Sokha lãnh đạo thành đảng Đảng Cứu Nguy Dân Tộc Cambodia (Cambodia National Rescue Party, CNRP).

Ngày 3 tháng Hai, 2005 Sam Rainsy tự lưu vong sau khi biết mình sắp bị truy tố với hàng loạt tội trong đó có việc tố cáo Hun Sen có can dự đến cái chết của lãnh đạo công đoàn Chea Vichea. Tuy nhiên tháng Hai, 2006, y nhận được sự khoan hồng từ vua Norodom Sihamoni theo lời yêu cầu của Hun Sen.

Sau khi trở lại Nam Vang, Sam Rainsy bị bắt vì tham gia vào việc nhổ cọc biên giới Việt Miên. Ngày 25 tháng 10 năm đó, Rainsy bị truy tố về tội xách động chủng tộc và hủy hoại tài sản tại tòa án tỉnh Svay Rieng. Lần nữa y tự lưu vong. Tháng 9, 2010 Sam Rainsy bị xử vắng mặt và bị kết án 10 năm tù. Tuy nhiên tháng 7, 2013, vua Norodom Sihamoni, lần nữa theo thỉnh cầu của Hun Sen trước áp lực quốc tế, ân xá cho Sam Rainsy và cho phép y hồi hương.

Dòng dõi của Sam Rainsy đều hoạt động chính trị. Cha của y, Sam Sary trước đây cũng là một chính trị gia và ông nội y, Sam Nhean, cũng thế. Cả dòng họ Sam đều có máu quá khích, hung bạo. Trong thời gian làm đại sứ tại Anh, Sam Sary đã từng đánh một phụ nữ phục vụ có thai một cách dã man đến nỗi bà ta phải trốn khỏi tòa đại sứ để báo cho cảnh sát Anh biết. Sam Sary bị Sihanouk triệu hồi và tước bỏ tất cả các chức vụ và quyền hạn. Vợ của Sam Rainsy, bà Tioulong Saumura sinh ngày 9 tháng 7, 1950 cũng hoạt động chính trị và là lãnh đạo cao cấp của đảng Cứu Nguy Dân Tộc Cambode. Bà được bầu vào quốc hội năm 2003. Từ 1993 đến 1995, bà từng là phụ tá Thống Đốc Ngân Hàng Quốc Gia Cambodia.

Quan điểm của Sam Rainsy đối với Trung Cộng

Sam Rainsy không phải bắt đầu là một con cờ chính trị ngoan ngoãn của Trung Cộng. Tháng 5, 2000, Sam Rainsy đã làm Trung Cộng nổi giận khi tham dự buổi họp của Hội Đồng Dân Chủ Tự Do Á Châu (Council of Asian Liberal Democrats, CALD) tại Jakarta trong đó có đại diện đảng Dân Chủ Tiến Bộ Đài Loan. Vài hôm sau, ngày 20 tháng Năm, y đã đích thân đến Đài Bắc để tham dự lễ nhậm chức của Tổng Thống Đài Loan Trần Thủy Biển mặc dù Trung Cộng đã chính thức khuyến cáo y không nên tham dự. Các hành động này đã làm Trung Cộng tức tối, phản ứng quyết liệt và cảnh cáo Sam Rainsy rằng Trung Cộng sẽ "tiếp tục theo dõi các vi phạm của Sam Rainsy" và nhắc y biết "theo đuổi các mối lợi nhỏ coi chừng sẽ mất lợi lớn".

Lời cảnh báo của Trung Cộng giúp cho Sam Rainsy hiểu rằng muốn đoạt được quyền lực từ tay Hun Sen, y cần theo đuổi chủ trương "kẻ thù của kẻ thù là bạn". Sam Rainsy chống lại mọi chính sách mà Hun Sen ủng hộ và khai thác mọi mâu thuẫn trong khu vực có lợi cho mình,

đặc biệt xung đột Trung Cộng và các quốc gia Đông Nam Á. Theo báo The Cambodia Herald, ngày 23 tháng 1, 2012, Sam Rainsy kêu gọi quốc hội Cambodia ủng hộ quan điểm của Trung Cộng về biển Đông và thừa nhận hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc về Trung Cộng. Sam Rainsy phát biểu: "*Để bày tỏ lòng biết ơn đối với Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa đã ủng hộ Cambodia nhiều chục năm, Cambodia phải hoàn toàn ủng hộ Trung Quốc qua chính sách Một Trung Hoa và bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia này.*" Ngày 11 tháng Giêng 2014 vừa qua tại Siem Reap, Sam Rainsy, lãnh tụ đảng đối lập Cứu Nguy Dân Tộc Cambodia (CNRP) lần nữa tuyên bố "*Chúng tôi đứng về phía Trung Quốc và chúng tôi ủng hộ Trung Quốc trong việc lại chống Việt Nam về chủ quyền Biển Nam Hoa [Biển Đông]*".

Sam Rainsy còn đi xa hơn khi xác nhận và hãnh diện được là người Miên mang dòng dõi Hán. Y tự nhận rằng tổ tiên y đã di cư từ Trung Quốc sang Miên hàng 100 năm trước và cho rằng dân Miên gốc Hoa chiếm đa số trong tổng số dân Cambode. Quan điển ngày làm ngạc nhiên hầu hết các nhà phân tích chính trị và sử học của Miên. Sam Rainsy phát biểu "*Từ 1955, vua Norodom Sihanouk tiếp xúc lần đầu với Thủ tướng Chu Ân Lai, Cambode luôn dựa vào Trung Quốc*". Mới đây Sam Rainsy cũng nhắc lại trong buổi phỏng vấn dành cho BBC "*Chúng tôi noi gương cố Quốc vương [Norodom Sihanouk], người ngay từ những năm 1950 đã xây dựng quan hệ rất tốt với Trung Quốc. Trung Quốc là một cường quốc, không ai có thể bỏ qua. Trung Quốc là tương lai. Chúng tôi hy vọng Trung Quốc sẽ giúp Campuchia bảo vệ chủ quyền…*" Sam Rainsy còn trơ trẽn lập lại câu mà Hun Sen đã dùng để nịnh Trung Cộng trước đó "*Chúng tôi biết ơn Trung Quốc vì họ giúp chúng tôi rất nhiều mà không đòi hỏi gì ngược lại*".

Quan điểm của Sam Rainsy đối với Cộng Sản Việt Nam

Sam Rainsy chống CSVN quyết liệt. Trên báo Cambodia Daily, 21 tháng 7, 1998 Sam Rainsy viết "Nếu tôi thắng cử, tôi sẽ gởi bọn bù nhìn Duôn (yuon) về nhà. Nếu đảng của Sam Rainsy thắng cử, sẽ không còn Duôn". Theo kết quả nghiên cứu của đề án Minorities at Risk về quan hệ Việt Miên, sự thù địch đối với người Việt trên đất Miên có từ nhiều thế kỷ nhưng bùng nổ cao điểm sau hội nghị 19 quốc gia tại Paris vào mùa hè 1989. Năm 1990, thỏa hiệp Paris được bốn thành phần gồm chính phủ Hun Sen, Khmer Đỏ (Khieu Samphan), KPNLF (Son Sann) và nhóm Hoàng Gia Sihanouk ký kết. Bốn thành phần này thành lập Hội Đồng Tối Cao Lãnh Đạo Quốc Gia cho đến khi tổng tuyển cử. Trong lúc Mỹ xác nhận tất cả lực lượng quân sự CSVN đã rút khỏi Cambode, Trung Cộng và Khmer Đỏ không đồng ý và cho rằng thường dân Việt đang cư ngụ tại Miên thực ra chỉ là quân đội trá hình. Loại bỏ khối người Việt mà y gọi Duôn này là mục tiêu chính trong nghị trình chính trị của Sam Rainsy.

Gọi người Việt nhập tịch Miên là Duôn. Tiến sĩ David Roberts, giáo sư sử học University of Ulster, Northern Ireland tố cáo Sam Rainsy đã phân biệt chủng tộc khi gọi người Việt là Duôn (Youn). Trong một bài báo phản biện, tác giả Kenneth T. So đăng trên trang mạng của đảng Cứu Nguy Dân Tộc Cambodia cho rằng chữ Duôn phát âm từ chữ Yueh (Việt) mà ra. Khieu Samphan, lãnh tụ Khmer Đỏ, là người đầu tiên dùng từ ngày trong văn thư gởi ông Akashi, lãnh đạo của United Nations Force tại Cambode (UNTAC). Từ đó, Sam Rainsy tiếp tục dùng tiếng lóng này để chỉ người Việt nhập tịch Miên không chỉ trong khi nói mà cả trong các bài viết. Cứ tạm cho giải thích của Kenneth T. So là hợp lý, y không thể biện hộ việc đem một

cách gọi chỉ phổ biến trong dân gian vào các văn kiện quốc tế. Trong cách nói dân gian, từ Duôn có thể không mang tính mạ lỵ, phỉ báng nặng nề nhưng khi sử dụng Duôn thay vì Việt Nam, một dân tộc mà cả thế giới đều biết và công nhận, trong các văn bản chính thức cấp chính phủ, từ Khieu Samphan cho đến Sam Rainsy đều hàm ý nhục mạ Việt Nam.

Sam Rainsy luôn tìm cách khích động các mâu thuẫn lãnh thổ và lịch sử giữa Việt Nam và Cambode. Sam Rainsy viết trong Cambodia Daily tháng 10, 2013 "Tất cả người dân Cambode vẫn còn nhớ số phận bi thảm của Kampuchea Krom hay dân miền Nam Cambode, gồm 21 tỉnh Khmer đã bị Việt Nam sáp nhập vào thế kỷ trước, với sự đồng lõa của thực dân Pháp, theo sau nhiều thập niên di dân ồ ạt. Kết quả, số người Việt đông hơn người Cambode, và theo cán cân địa lý dân số mới, như một sự kiện đã rồi, đã hợp thức hóa việc Việt Nam sáp nhập lãnh thổ Cambode. Nhân dân Cambode đang lo sợ một sự kiện đã rồi khác đang được chuẩn bị, và lần này có nghĩa là cái chết của đất mẹ Khmer". Ba ngày trước khi bỏ phiếu bầu cử quốc hội Cambode tháng 7, 2013 Sam Rainsy tuyên bố "Tôi cảm thấy thương hại cho Khmers. Họ mất ruộng nương bởi vì Duôn luôn tràn đến và chính phủ không làm gì để bảo vệ đồng bào Khmers nhưng lại bảo vệ Duôn. Hôm nay, họ mang Duôn để bỏ phiếu cho Hun Sen, vậy thì người dân Khmers nên bỏ phiếu cho Sam Rainsy để bảo vệ lãnh thổ của chúng ta".

Sam Rainsy hôm nay chỉ là một chính trị gia cơ hội chứ chẳng phát xuất từ lòng yêu nước thương nòi hay khát kao dân chủ gì. Giấc mơ đẹp của một nhà trí thức Cambode du học 15 năm ở Pháp nếu có cũng đã bị tham vọng quyền lực đốt cháy. Theo lời của Kem Ley, phân tích gia chính trị và là Giám Đốc Trung Tâm Nhân Quyền tại

Cambode, Sam Rainsy nếu cầm quyền, cũng sẽ độc tài không kém gì Hun Sen.

Trung Cộng trong xung đột Việt-Miên

Phần này đã phân tích trong bài Chu kỳ thù hận Việt-Trung-Miên:

Trung Cộng chủ trương mượn tay hàng xóm Campuchia để bao vây và cô lập Việt Nam như họ đã từng làm sau năm 1975. Cùng một mục tiêu nhưng khác về phương tiện. Vào năm 1978, phương tiện là vũ khí nhưng lần này tài chánh sẽ là phương tiện chính. Năm 1978, các quốc gia hội viên ASEAN ủng hộ quan điểm Đặng Tiểu Bình vì họ không muốn thấy một "Cu Ba phương đông" trong vùng Đông Nam Á. Năm 2012, ngoại trừ Philippines, các quốc gia như Thái, Miến, Brunei, Nam Dương, Mã Lai, Singapore đã nghiêng về phía Trung Cộng qua thái độ không muốn can thiệp vào xung đột biển Đông. Khuynh hướng thân Trung Cộng của Hun Sen bắt đầu sau cuộc đảo chánh đẫm máu năm 1997. Cuộc đảo chánh đã làm y mất uy tín trong các lãnh đạo các quốc gia dân chủ Tây phương. Nhiều quốc gia đã ngưng viện trợ cho chính phủ Hun Sen hay tiếp tục viện trợ nhưng đưa ra các điều kiện phải tôn trọng nhân quyền. Con cờ Trung Cộng nhắm vào trước hết là Hun Sen. Hàng loạt lãnh đạo Trung Cộng viếng thăm Cambode. Tổng bí thư Giang Trạch Dân thăm Campuchia năm 2000, cựu Thủ tướng Lý Bằng thăm Campuchia năm 2001, Thủ tướng Chu Dung Cơ thăm Campuchia năm 2002. Trong vòng mười năm qua, Hun Sen đã thăm viếng Trung Cộng tất cả 6 lần. Hun Sen từng tuyên bố "Trung Quốc nói ít làm nhiều" vì viện trợ của Trung Cộng không đặt ra các điều kiện nhân quyền trong khi nhân quyền lại là tiền đề thảo luận với các nước dân chủ. Trong bang giao quốc tế, chế độ Hun Sen ủng hộ chính sách "Một Trung Quốc". Trong hội nghị

cấp Bộ trưởng Ngoại Giao tháng Bảy 2012, Hun Sen chọn đứng về phía Trung Cộng qua việc đóng vai "trung lập" trong xung đột biển Đông.

Quan điểm thân Trung Cộng của Sam Rainsy trong xung đột Việt-Trung-Miên đã làm thay đổi ít nhiều chính sách của Trung Cộng đối với Cambode. Với chủ trương tạo bất ổn thường trực chung quanh Việt Nam, trong ngắn hạn Trung Cộng vẫn có thể duy trì một chính sách thân thiện với chính phủ Hun Sen nhưng lại ngấm ngầm khuyến khích Sam Rainsy tiếp tục các hoạt động lật đổ Hun Sen và gây hấn Việt Nam. Đầu tháng Giêng năm nay, trong buổi tập hợp của đảng CNRP tại Siem Reap, Sam Rainsy nhái lại lời tuyên bố của Trung Cộng qua việc tố cáo Việt Nam xâm phạm lãnh hải Trung Cộng "*Các đảo [Hoàng Sa, Trường Sa] thuộc về Trung Quốc nhưng Duôn đang cố chiếm bởi vì Duôn rất xấu*". Vì tham vọng quyền lực, Sam Rainsy sẽ tiếp tục làm con cờ của Trung Cộng. Chu kỳ thù hận Việt-Trung-Miên, do đó, không biết bao giờ dứt.

Con đường thoát của Việt Nam ra khỏi chu kỳ thù hận, như đã kết luận trong các bài viết trước, là con đường tự do dân chủ. Không có con đường nào khác.

Sự tồn tại và phát triển của quốc gia Phần Lan (Finland) là một bằng chứng hùng hồn về sức mạnh của cơ chế dân chủ. Người viết có dịp sẽ trở lại với nhiều chi tiết hơn trong bài "Hiểm họa Trung Cộng bài học Phần Lan", nhưng chỉ muốn vắn tắt ở đây. Phần Lan chia sẻ chung một biên giới dài 1200 cây số với Liên Xô. Về địa lý chính trị, Phần Lan đối với Liên Xô không khác nhiều so với vị trí của Việt Nam đối với Trung Cộng, nhưng suốt thời kỳ chiến tranh lạnh, Phần Lan chẳng những duy trì được độc lập mà còn phát triển thành một quốc gia có một nền kinh tế hiện đại. Thành thật mà nói, Phần Lan có

ít nhiều may mắn. Đứng về phía Đức trong thế chiến thứ hai nhưng không nằm trên trục tiến quân của Hồng Quân Liên Xô và sự khôn khéo của các lãnh đạo Phần Lan sau đó đã giúp quốc gia này khỏi rơi chung vào số phận của các nước Đông Âu. Tuy nhiên nền tảng để giữ Phần Lan khỏi bị Cộng Sản hóa trong chiến tranh chống Liên Xô 1939-1940 và suốt thời kỳ chiến tranh lạnh chính là cơ chế dân chủ. Cơ chế dân chủ pháp trị với các cơ quan phân quyền độc lập và rõ rệt tại Phần Lan đã giới hạn khả năng độc chiếm quyền lực của đảng CS và đảng này chưa bao giờ đóng được vai trò lãnh đạo chính phủ cho đến khi tuyên bố phá sản vào năm 1992.

Chế độ độc tài CSVN đã dẫn đất nước vào ngõ cụt và đang tiếp tục quanh quẩn trong ngõ cụt. Để tạo thế đứng và sự kính trọng trong quan hệ ngoại giao quốc tế, Việt Nam phải là một quốc gia dân chủ. Trong sinh hoạt dân chủ quốc tế, tất cả sẽ đều bình đẳng trước Hiến chương Liên Hiệp Quốc và các công ước quốc tế mà các bên đã ký kết. Ân oán nợ nần giữa các đảng CS không có liên hệ gì đến dân tộc Việt Nam. Những khẩu hiệu có tính tuyên truyền lừa bịp như "16 chữ vàng", "tình hữu nghị Việt Miên" sẽ bị gạch bỏ theo chế độ Cộng Sản đã sáng tác ra chúng.

Suốt gần 40 năm, dân tộc Việt Nam phải chịu đựng từ thảm họa này sang thảm họa khác như một chu kỳ lập đi rồi lập lại nhưng giới lãnh đạo CSVN không có một sách lược cụ thể, dứt khoát nào để đưa Việt Nam ra khỏi vòng bế tắc. Lý do đơn giản chỉ vì việc duy trì quyền lực và quyền lợi của giới lãnh đạo đảng CS được xem là một ưu tiên hàng đầu, trên cả chủ quyền đất nước và tương lai của các thế hệ Việt Nam. Chọn lựa cuối cùng và tối hậu là chọn lựa của chính nhân dân Việt Nam. Những gì Phần Lan làm được, Thổ Nhĩ Kỳ làm được, Việt Nam cũng sẽ

làm được, chỉ cần mỗi người Việt yêu nước biết đặt sự thịnh suy của dân tộc lên trên quyền lợi cá nhân và biết sống vì nụ cười của con cháu mai sau hơn là than khóc cho nỗi đau của chính bản thân mình.

HIỆN TRẠNG VIỆT NAM

CÂU HỎI THÁNG TƯ

Những ngày còn nhỏ, tôi bị ám ảnh bởi câu hỏi tự mình đặt ra "Tại sao chiến tranh diễn ra tại Việt Nam mà không phải tại một quốc gia nào khác?"

Tôi lớn lên ở Đà Nẵng. Đường phố quê hương tôi trong khoảng thời gian từ 1968 đến 1972 có rất nhiều lính Mỹ. Những chuyến tàu nhập cảng Tiên Sa chở đầy chiến xa và súng đạn mang nhãn "Made in USA". Những đoàn xe vận tải hiệu Sealand, RMK gần như chạy suốt ngày đêm từ nơi dỡ hàng ngoài bờ biển đến các kho quân sự chung quanh Đà Nẵng. Tiếng gầm thét của các phi cơ chiến đấu có đôi cánh gắn đầy bom, lát nữa, sẽ được ném xuống một nơi nào đó trên mảnh đất Việt Nam. Những câu lạc bộ, được gọi là "hộp đêm", mọc đầy hai bên bờ sông Hàn. Mỹ đen, Mỹ trắng chở hàng quân tiếp vụ đi bán dọc chợ Cồn, chợ Vườn Hoa.

Phía trước tòa thị chính Đà Nẵng, trước rạp hát Trưng Vương hay trong sân vận động Chi Lăng, gần như tháng nào cũng có trưng bày chiến lợi phẩm tịch thu từ các cuộc hành quân.

Những khẩu thượng liên có nòng súng cao, những khẩu pháo nòng dài, rất nhiều AK 47, B40, súng phóng lựu đạn và hàng khối đạn đồng vàng rực. Sau "Mùa hè đỏ lửa" trong số chiến lợi phẩm còn có một chiếc xe tăng T54 được trưng bày rất lâu trước tòa thị chính. Không cần phải giỏi ngoại ngữ, chỉ nhìn nhãn hiệu tôi cũng biết ngay chúng là hàng của Trung Cộng và Liên Xô.

Nhìn viên đạn của Nga và Tàu, tôi nghĩ đến trái tim của người lính trẻ miền Nam, giống như khi nhìn chiếc chiến đấu cơ của Mỹ cất cánh tôi chợt nghĩ đến các anh lính từ miền Bắc xấu số đang di chuyển bên kia sông Thu Bồn. Vũ khí là của các đế quốc. Không có khẩu súng nào chế tạo ở miền Nam hay miền Bắc. Các bà mẹ Việt Nam chỉ chế tạo được những đứa con và đóng góp phần xương máu.

Vũ khí của các đế quốc trông khác nhau nhưng nạn nhân của chúng dù bên này hay bên kia lại rất giống nhau. Nếu tháo đi chiếc nón sắt, chiếc mũ vải xanh, hai người thanh niên có mái tóc đen, vầng trán hẹp, đôi mắt buồn hiu vì nhớ mẹ, nhớ em chẳng khác gì nhau. Dù *"con đường Duy Tân cây dài bóng mát"* hay *"mặt hồ Gươm vẫn lung linh mây trời"* cũng là quê hương Việt Nam và nỗi nhớ trong tâm hồn người con trai Việt ở đâu cũng đậm đà tha thiết.

Người lính miền Nam chết vì phải bảo vệ chiếc cầu, căn nhà, xóm làng, góc phố thân yêu của họ. Nếu ai làm một thống kê để hỏi những lính miền Nam còn sống hôm nay, tôi tin không ai trả lời muốn "ăn gan uống máu quân thù" miền Bắc. Họ chỉ muốn sống yên ổn trong hòa bình để xây đắp lại mảnh đất họ đã "xin chọn nơi này làm quê hương" sau khi trải qua quá nhiều đau thương tang tóc. Họ phải chiến đấu và hy sinh trong một cuộc chiến tự vệ mà họ không chọn lựa.

Dân chủ không phải là lô độc đắc rơi vào trong túi của người dân miền Nam mà phải trả bằng một giá rất đắt. Tham nhũng, lạm quyền, ám sát, đảo chánh diễn ra trong nhiều năm sau 1960. Có một dạo, tấm hình của vị "nguyên thủ quốc gia" chưa đem ra khỏi nhà in đất nước đã có một "nguyên thủ quốc gia" khác. Nhưng đó là chuyện của chính quyền và nhân dân miền Nam không dính líu gì đến đảng Cộng Sản miền Bắc.

Dân chủ ở miền Nam không phải là sản phẩm của Mỹ được đóng thùng từ Washington DC gởi qua nhưng là hạt giống do Phan Chu Trinh, Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long, Phan Văn Trường, Nguyễn An Ninh và rất nhiều nhà cách mạng miền Nam khác gieo xuống hàng nửa thế kỷ trước đã mọc và lớn lên trong mưa bão. Không chỉ miền Nam Việt Nam mà ở đâu cũng vậy. Nam Hàn, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ, Phi Luật Tân và nhiều quốc gia khác, dân chủ đã phải trải qua con đường máu nhuộm trước khi đơm bông kết trái.

Khác với người lính miền Nam, người lính miền Bắc chết vì viên thuốc độc bọc đường "thống nhất đất nước". Bác sĩ Đặng Thùy Trâm bị giết ở Quảng Ngãi đã uống viên thuốc đó. Anh Nguyễn Văn Thạc, tác giả của hồi ký *"Mãi mãi tuổi hai mươi"* bị giết ở Quảng Trị đã uống viên thuốc đó. Cô bé Trần Thị Hường 17 tuổi và chín cô gái ở Ngã Ba Đồng Lộc bị bom Mỹ rơi trúng ngay hầm đã uống viên thuốc đó. Họ không biết đó là thuốc độc. Không biết thì không đáng trách. Nhà văn Dương Thu Hương trải qua một thời thanh niên xung phong nhưng chị may mắn còn sống để nhắc cho các thế hệ trẻ Việt Nam hôm nay biết *"chế độ ngoài Bắc là chế độ man rợ vì nó chọc mù mắt con người, bịt lỗ tai con người".*

Tại sao chiến tranh diễn ra tại Việt Nam mà không phải tại một quốc gia nào khác?

Thật không công bằng cho đảng nếu tôi chỉ dùng tài liệu trong các thư viện ở Mỹ để chứng minh âm mưu xích hóa Việt Nam của đảng. Tôi sẽ trích những câu do đảng viết ra. Theo quan điểm lịch sử của đảng CSVN chiến tranh đã xảy ra bởi vì *"Ở miền Nam, lợi dụng sự thất bại và khó khăn của thực dân Pháp, đế quốc Mỹ đã nhảy vào để thay chân Pháp nhằm biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ".*

Không ai hình dung "thuộc địa kiểu mới" hình dáng ra sao và đảng cũng chưa bao giờ giải thích một cách rõ ràng.

Sau Thế chiến thứ hai, hàng loạt quốc gia trong đó có những nước vốn từng là đế quốc, đã nằm trong vòng ảnh hưởng kinh tế và cả chính trị của Mỹ. Chẳng lẽ 18 nước châu Âu bao gồm Tây Đức, Áo, Bỉ, Pháp, Ý, Anh, Hòa Lan v.v... trong kế hoạch Marshall chia nhau hàng trăm tỉ Dollar của Mỹ để tái thiết đất nước sau thế chiến thứ hai đều trở thành những "thuộc địa mới" của Mỹ hay sao? Chẳng lẽ các nước Á châu như Nam Hàn, Nhật Bản, Đài Loan được viện trợ không những tiền của mà còn bằng cả sức người để xây dựng lại đất nước họ là "thuộc địa mới" của Mỹ hay sao?

Chuyện trở thành một "căn cứ quân sự" của Mỹ lại càng khó hơn.

Chính sách vô cùng khôn khéo của chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ dùng Đệ Lục Hạm Đội Mỹ làm hàng rào bảo vệ đất nước Thổ ngăn chặn làn sóng đỏ Liên Xô xâm lược là một bài học cho các lãnh đạo quốc gia biết mở mắt nhìn xa. Mặc dù là một nước trung lập trong thế chiến thứ hai, để lấy lòng Mỹ, lãnh đạo Thổ đã tình nguyện gởi 5.500 quân tham chiến bên cạnh Mỹ trong chiến tranh Triều Tiên. Quân đội Thổ chiến đấu anh dũng nhưng cũng chịu đựng

tổn thất rất nặng nề. Một nửa lực lượng Thổ đã chết và bị thương trong ba năm chiến tranh. Ngày 18 tháng 2 năm 1952, Thổ Nhĩ Kỳ chính thức trở thành hội viên của NATO và hùng mạnh đến ngày nay.

Nhật Bản là một ví dụ khác. Trong cuốn phim tài liệu *Thế Giới Thiếu Mỹ* (The World Without US) đạo diễn Mitch Anderson trích lời phát biểu của Thủ tướng Nhật Yasuhiro Nakasone *"Nếu Mỹ rút khỏi Nhật Bản, chúng tôi phải dành suốt mười năm tới chỉ để lo tái võ trang trong nhiều mặt, kể cả sản xuất võ khí nguyên tử"*. Một quốc gia có nền kinh tế lớn thứ ba trên thế giới với Tổng Sản Lượng Nội Địa năm 2011 lên đến 5.855 tỉ Dollar nhưng dành vỏn vẹn một phần trăm cho ngân sách quốc phòng chỉ vì Nhật dựa vào khả năng quốc phòng của Mỹ và sự có mặt của 35 ngàn quân Mỹ. Khác với chủ trương "đánh cho Mỹ cút ngụy nhào" của Hồ Chí Minh, trong một thống kê mới đây, 73 phần trăm công dân Nhật biết ơn quân đội Mỹ bảo vệ họ.

Đứng trước một miền Bắc điêu tàn sau mấy trăm năm nội chiến và thực dân áp bức, một giới lãnh đạo nếu thật tâm thương yêu dân tộc trước hết phải nghĩ đến việc vá lại những tang thương đổ vỡ, đưa đất nước ra khỏi cảnh đói nghèo, lạc hậu. Ngay cả thống nhất là một ước mơ chung và có thật đi nữa cũng cần thời gian và điều kiện. Con người trước hết phải sống, phải có cơm ăn, áo mặc, nhà ở, học hành trước khi nghĩ đến chuyện đoàn tụ với đồng bào và bà con thân thuộc.

Ngoại trừ các lãnh đạo Cộng Sản, trên thế giới chưa có một giới lãnh đạo thể hiện lòng yêu nước bằng cách giết đi một phần mười dân số, đốt cháy đi một nửa giang sơn của tổ tiên để lại, dâng hiến hải đảo chiến lược cho kẻ thù truyền kiếp của dân tộc mà gọi đó là "thống nhất đất nước" và "hòa hợp dân tộc".

Cũng trong tài liệu chính thức của đảng, ngay cả trước khi ký hiệp định Geneve và khi Việt Nam chưa có một dấu chân người lính Mỹ nào, hội nghị lần thứ sáu của Trung ương Đảng CSVN từ ngày 15 đến 17 tháng 7 năm 1954, Hồ Chí Minh và bộ chính trị đảng CSVN đã nghĩ đến chuyện đánh Mỹ *"Hiện nay đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân thế giới và nó đang trở thành kẻ thù chính và trực tiếp của nhân dân Đông Dương, cho nên mọi việc của ta đều nhằm chống đế quốc Mỹ".*

Vào thời điểm trước 1954, dân tộc Việt Nam thật sự có một mối thù không đội trời chung với Mỹ sâu đến thế sao hay giới lãnh đạo CSVN chỉ vẽ hình ảnh một "đế quốc Mỹ thâm độc đầu sỏ" như một lý do để chiếm toàn bộ Việt Nam bằng võ lực, và cùng lúc để phụ họa theo quan điểm chống Mỹ điên cuồng của chủ nô Mao Trạch Đông sau cuộc chiến Triều Tiên?

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, sau gần một thế kỷ với bao nhiều tổn thất máu xương, tù ngục, mục tiêu Cộng Sản hóa Việt Nam của đảng cuối cùng đã đạt được. Lê Duẩn, trong diễn văn mừng chiến thắng vài hôm sau đó đã nói *"vinh quang này thuộc về đảng Lao Động Việt Nam quang vinh, người tổ chức và lãnh đạo mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam"*.

Lời phát biểu của họ Lê nhất quán với nghị quyết của đại hội Đảng Cộng sản Đông Dương do Trần Phú chủ trì năm 1930 và được Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương phê chuẩn vào tháng 4 cùng năm, ghi rõ: *"Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản trong cuộc cách mạng; hai giai đoạn cách mạng từ cách mạng tư sản dân quyền chống đế quốc và phong kiến nhằm thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và người cày có ruộng và sau đó chuyển sang làm cách mạng xã hội chủ nghĩa".*

Mới đây, Nguyễn Phú Trọng, Tổng bí thư đảng CSVN, trong chuyến viếng thăm Cu Ba, cũng lần nữa khẳng định "Ngay khi mới ra đời và trong suốt quá trình đấu tranh cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn khẳng định: chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, lý tưởng của Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam; đi lên chủ nghĩa xã hội là yêu cầu khách quan, là con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam.... Vào những năm cuối thế kỷ XX, mặc dù trên thế giới chủ nghĩa xã hội hiện thực đã bị đổ vỡ một mảng lớn, hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa không còn, phong trào xã hội chủ nghĩa đang trong giai đoạn khủng hoảng, thoái trào, gặp rất nhiều khó khăn, Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn tiếp tục khẳng định: "Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh".

Nhiều người cho rằng Nguyễn Phú Trọng nói những câu lạc hậu, lỗi thời mà không biết mắc cỡ. Tôi tin y nói một cách chân thành và hãnh diện. Nhờ tài lãnh đạo mà đảng CSVN đã tồn tại dù cả một hệ thống xã hội chủ nghĩa lớn mạnh như Liên Xô đã phải sụp đổ.

Đối diện với thời đại toàn cầu hóa, nội dung chủ nghĩa Mác về mặt kinh tế đã phải thay đổi để đáp ứng nhu cầu tồn tại của đảng nhưng cơ chế nhà nước toàn trị sắt máu theo kiểu Lê Nin, Stalin chẳng những được duy trì mà còn củng cố chặt chẽ và nâng cấp kỹ thuật cao hơn. Dù ngoài miệng có hát bài hòa hợp hòa giải thắm đượm tình dân tộc, bên trong, các chính sách của Đảng vẫn luôn kiên trì với mục tiêu toàn trị và bất cứ ai đi ngược với mục tiêu đó đều bị triệt tiêu một cách tàn nhẫn.

Dưới chế độ Cộng Sản, không những người dân bị ràng buộc vào bộ máy mà cả các lãnh đạo cũng sinh hoạt trong khuôn khổ tổ chức và nghiêm chỉnh thực thi các nguyên

tắc lãnh đạo độc tài sắt máu do đảng của họ đề ra. Điều đó giải thích lý do giọng điệu của những cựu lãnh đạo Cộng Sản như Võ Văn Kiệt, Nguyễn Văn An, Nguyễn Khoa Điềm sau khi rời chức vụ giống như những người vừa được giải phẫu thanh quản, nói dễ nghe hơn nhiều so với thời còn trong bộ máy cầm quyền. Họ không phải là những người "buông dao thành Phật" nhưng chỉ vì họ đã trở về với vị trí một con người bình thường, ít bị ràng buộc trong cách ăn cách nói, cách hành xử, cách khen thưởng và trừng phạt như khi còn tại chức.

Giới lãnh đạo Cộng Sản được trui rèn trong tranh đấu, được huấn luyện chính trị từ cấp đội, cấp đoàn trước khi giữ các vị trí then chốt trong đảng và nhà nước CS. Họ nắm vững tâm lý và vận dụng một cách khéo léo tâm lý quần chúng để phục vụ cho các chính sách của đảng trong từng thời kỳ. Sau biến cố Thiên An Môn, để đánh lạc hướng cuộc đấu tranh đòi dân chủ của thanh niên sinh viên, nhà cầm quyền Trung Cộng khai thác lòng căm thù chính sách quân phiệt của Nhật đã xảy ra từ thế kỷ trước. Lợi dụng việc Bộ Giáo dục Nhật bản liệt kê biến cố tàn sát Nam Kinh như một tai nạn trong sách giáo khoa, nhà cầm quyền Trung Cộng đã khuyến khích hàng chục ngàn thanh niên sinh viên Trung Quốc biểu tình suốt 3 tuần lễ trước tòa đại sứ Nhật. Việt Nam cũng thế. Trong chiến tranh biên giới 1979, các lãnh đạo CSVN đã lần nữa sử dụng thành công viên thuốc độc bọc đường "bảo vệ tổ quốc". Máu của hàng vạn thanh niên Việt Nam đổ xuống dọc biên giới Việt Trung phát xuất từ tình yêu quê hương trong sáng và đáng được tôn vinh, tuy nhiên, nếu dừng lại một phút để hỏi, họ thật sự chết vì tổ quốc hay chỉ để trả nợ xương máu giùm cho đảng CSVN?

Với tất cả thông tin được phơi bày, tài liệu được giải mật cho thấy, cuộc chiến "chống Mỹ cứu nước" mà giới

lãnh đạo CSVN đưa ra thực chất chỉ là cái cớ. Không có một người lính Mỹ nào đến Việt Nam, đảng vẫn cộng sản hóa miền Nam cho bằng được. Bộ máy tuyên truyền tinh vi của đảng thừa khả năng để nghĩ ra hàng trăm lý do khác để đánh miền Nam.

Đảng CSVN là nguyên nhân khiến cho nhiều triệu người Việt vô tội ở hai miền đã phải chết một cách oan uổng, bao nhiêu thế hệ bị suy vong, bao nhiêu tài nguyên bị tàn phá và quan trọng nhất, chiếc còng Trung Cộng mà đảng thông đồng để đeo trên cổ dân tộc Việt Nam mỗi ngày ăn sâu vào da thịt nhưng không biết làm sao tháo gỡ xuống đây.

Nói theo cách viết của nhạc sĩ Việt Khang *"Việt Nam ơi thời gian quá nửa đời, và ta đã tỏ tường rồi"*, chiến tranh xảy ra tại Việt Nam mà không ở đâu khác chỉ vì Việt Nam có đảng Cộng Sản.

Ngoại trừ các em, các cháu bị nhào nặn trong nền giáo dục ngu dân một chiều chưa có dịp tiếp xúc với các nguồn thông tin khách quan khoa học, nếu hôm nay, những người có học, biết nhận thức mà còn nghĩ rằng cuộc chiến kết thúc vào ngày 30 tháng 4 năm 1975 là cuộc chiến "chống Mỹ cứu nước", những kẻ đó hoặc bị tẩy não hoàn toàn hoặc biết mình sai nhưng tự dối lòng để tiếp tục sống cho hết một kiếp người.

Cuộc đấu tranh vì tự do dân chủ đất nước hiện nay, do đó, còn rất khó khăn, đôi gánh non sông còn rất nặng và hành trình tự do còn khá xa xôi.

Sau 37 năm, "hàng triệu người buồn" như ông Võ Văn Kiệt nói, nếu chưa qua đời, hôm nay vẫn còn buồn.

Nhưng người buồn không phải chỉ từ phía những người lính Việt Nam Cộng Hòa bị buộc buông súng, từ phía nhân dân miền Nam bị mất tự do mà còn là những

người miền Bắc, cả những người trong đảng CS đã biết ra sự thật, biết mình bị lừa gạt, biết mình đã dâng hiến cả một cuộc đời trai trẻ cho một chủ nghĩa độc tài, ngoại lai, vong bản.

Gần mười năm trước tôi kết luận bài viết về ngày 30 tháng 4 bằng ba phân đoạn dưới đây và năm nay, tôi kết luận một lần nữa cũng bằng những dòng chữ đó để chứng minh một điều, tuổi trẻ của tôi có thể qua đi nhưng niềm tin vào tuổi trẻ trong tôi vẫn còn nguyên vẹn.

Như lịch sử đã chứng minh, chính nghĩa bao giờ cũng thắng. Không có vũ khí nào mạnh hơn sức mạnh đoàn kết dân tộc. Chỉ có sức mạnh Đoàn Kết Dân Tộc, chúng ta mới có khả năng bảo vệ được chủ quyền và lãnh thổ Việt Nam, chỉ có sức mạnh Đoàn Kết Dân Tộc chúng ta mới có khả năng vượt lên những hệ lụy quá khứ để hướng vào tương lai tươi sáng cho đời đời con cháu mai sau và chỉ có sức mạnh Đoàn Kết Dân Tộc chúng ta mới có khả năng phục hồi sự kính trọng Việt Nam trong lân quốc cũng như trong bang giao quốc tế.

Ngày 30 tháng 4, ngoài tất cả ý nghĩa mà chúng ta đã biết, còn là ngày để mỗi chúng ta nhìn lại chính mình, ngày để mỗi chúng ta tự hỏi mình đã làm gì cho đất nước, và đang đứng đâu trong cuộc vận hành của lịch sử hôm nay. Mỗi người Việt Nam có hoàn cảnh sống khác nhau, quá khứ khác nhau, tôn giáo khác nhau và mang trên thân thể những thương tích khác nhau, nhưng chỉ có một đất nước để cùng lo gánh vác. Đất nước phải vượt qua những hố thẳm đói nghèo lạc hậu và đi lên cùng nhân loại. Không ai có quyền bắt đất nước phải đau nỗi đau của mình hay bắt đất nước phải đi ngược chiều kim lịch sử như mình đang đi lùi dần vào quá khứ. Sức mạnh của dân tộc Việt Nam không nằm trong tay thiểu số lãnh đạo CSVN. Tương lai dân tộc không nằm trong tay thiểu số

lãnh đạo CSVN. Sinh mệnh dân tộc Việt Nam do chính nhân dân Việt Nam quyết định. Và do đó, con đường để đến một điểm hẹn lịch sử huy hoàng cho con cháu, chính là con đường dân tộc và không có một con đường nào khác.

Ba mươi bảy năm là một quảng đường dài. Chúng ta đã hơn một lần trễ hẹn với non sông, nhưng không phải vì thế mà không còn cơ hội. Cơ hội vẫn còn đó nếu chúng ta biết đoàn kết, thấy được hướng đi chung của dân tộc và thời đại. Chúng ta có nhiều quá khứ nhưng đất nước chỉ có một tương lai, đó là tương lai tự do, dân chủ, nhân bản và khai phóng cho những ai, sau những điêu tàn đổ vỡ, còn biết nhận ra nhau, còn biết yêu thương mảnh đất thiêng liêng, vinh quang và thống khổ Việt Nam.

CÁCH MANG DÂN CHỦ TẠI VIỆT NAM, KHOẢNG CÁCH VÀ HY VỌNG

Trong bài thơ *Giấc mơ nhỏ của tôi* có một đoạn nói về sông Bến Hải và sự xa cách giữa người Việt vẫn còn đang chảy trong lòng:

Chào anh công nhân dệt từng tấm vải
Cho tôi làm con thoi nhỏ trên tay
Để tôi nối hai bờ sông Bến Hải
Nối lòng người vời vợi cách xa nhau.

Bài thơ viết sau 1975, nghĩa là thời gian đất nước đã "thống nhất" bằng xe tăng và đại pháo, bằng sân bắn và nhà tù. Tôi không chỉ viết ra mơ ước của mình thôi nhưng đã nhiều lần làm con thoi nhỏ. Thay vì những buổi gặp gỡ nặng về hình thức, nếu có cơ hội tôi thường mang những người một thời đã tìm đủ mọi cách để giết nhau, ngồi lại bên nhau.

Một lần cách đây cũng khá lâu, tôi mời hai người thuộc giới cầm bút đến nhà chơi. Một nhà văn miền Bắc và một nhà văn miền Nam. Cả hai đều may mắn sống sót sau

cuộc chiến. Tên tuổi hai nhà văn không nằm trong danh sách hơn hai triệu người Việt gởi xác ở Trường Sơn, Hạ Lào, Quảng Trị, An Lộc, Thường Đức, Tam Quan, Bình Giã v.v… Nếu tính theo số lượng bom đạn do Mỹ, Liên Xô và Trung Cộng cung cấp và số người chết trên một quốc gia có địa lý nhỏ hẹp, dân số không đông như hai miền Việt Nam trước 1975, chiến tranh Việt Nam có thể được xem là một trong những cuộc chiến tranh có mức độ tàn phá cao nhất trong lịch sử nhân loại.

Chiều hôm đó, chúng tôi ngồi thành ba góc quanh chiếc bàn tròn nhỏ sau vườn. Một buổi chiều êm ả hiếm hoi của mùa hè nóng bức. Hai nhà văn tôi mời đến đều nghe tên nhau từ lâu lắm, đọc văn nhau nhưng chỉ gặp nhau hôm đó lần đầu. Họ rất ngạc nhiên khi nghe tôi giới thiệu tên. Bắt tay mừng rỡ. Những tiếng "Thì ra, thì ra…" dồn dập. Ánh mắt họ sáng lên niềm cảm động chân thành vì chẳng bao giờ họ nghĩ có ngày gặp nhau trên xứ Mỹ này. Nhà văn miền Bắc kể lại hành trình gian nan của anh từ Bắc vào Nam. Những đêm di chuyển đầy nguy hiểm, những ngày tránh bom B52 trải thảm dọc Trường Sơn. Những trường hợp thoát chết trong đường tơ kẽ tóc khi quân đội miền Nam hành quân qua khu vực anh đang trú ẩn. Nơi anh đóng là vùng tranh chấp. Ban ngày Quốc Gia, ban đêm Cộng Sản. Người dân sống dưới hai chế độ. Ban đêm khi lính rút về đồn, anh lại ra hoạt động. Dù sao anh chỉ là nhà văn, nhà báo, không trực tiếp tham dự các trận đánh lớn nên không có những tình tiết gay go hấp dẫn.

Nhà văn miền Nam thì khác. Anh là người lính chiến dạn dày trận mạc. Anh kể lại vài trận đánh đáng nhớ mà anh từng tham dự. Có một lần tiểu đoàn của anh được trao trách nhiệm như một "cục đường để dụ kiến". Vừa đổ quân xuống ngọn đồi không bao lâu, đào công sự chưa xong, các cuộc tấn công liên tục của phe nhà văn miền Bắc

đánh vào. Mở đầu là những cơn mưa pháo. Pháo liên tu bất tận. Pháo không ngừng nghỉ. Pháo ngày đêm. Phe nhà văn miền Nam bị thiệt hại khá nặng. Anh tiểu đoàn trưởng hy sinh ngay trong trận pháo đầu. Sau vài ngày pháo kích, các đơn vị của phe nhà văn miền Bắc từng đợt tấn công. Quá đông. Tỉ lệ có thể nói là mười đánh một. Đơn vị của nhà văn miền Nam phải chọn cái sống trong cái chết, và chống đỡ là con đường duy nhất. Bằng mọi giá phải giữ ngọn đồi. Mà cho dù có muốn rút lui cũng không rút được. Cuối cùng, phe nhà văn miền Nam giữ được ngọn đồi. Như đã tính toán, sau đó, các phi đoàn mở ra hàng loạt các cuộc oanh tạc và pháo binh của phe nhà văn miền Nam tập trung bắn nát chẳng những chung quanh ngọn đồi mà cả các khu rừng bên ngoài "cục đường". Chung quanh ngọn đồi nhỏ ngập đầy xác chết. Sau trận đánh, những chiếc xe ủi đất của công binh đào một đường mương dài, đủ sâu để khỏi hôi thối và xúc hàng trăm xác chết của phe nhà văn miền Bắc đổ vào trong đó. Phe nhà văn miền Nam cũng chẳng hơn gì. "Cục đường" đen đã chảy thành những vũng máu đỏ. Những công sự, những căn hầm bị pháo sập trở thành những ngôi mộ chôn xác đồng đội của anh. Những chiếc trực thăng tải thương hạ cánh mang theo xác anh tiểu đoàn trưởng và rất nhiều bạn bè mới chia nhau điếu thuốc hôm qua nay đã nghìn thu cách biệt. "Nếu lúc đó không giữ được ngọn đồi thì sao?" Nhà văn miền Bắc hỏi. "Thì chết hết chớ sao, cục đường mà". Nhà văn miền Nam trả lời. Anh cười, một nụ cười mang ít nhiều chua chát.

Nhưng rồi anh nói tiếp: "Chắc là anh nghĩ tôi lúc đó căm thù ghê gớm lắm phải không?" Có, nhưng không ghê gớm lắm đâu. Các anh bắn tôi và tôi bắn anh. Mà cho dù các anh không bắn tôi thì tôi cũng bắn các anh. Chiến tranh mà. Xong thì thôi. Lòng căm thù chế độ Cộng Sản trong tôi chỉ lên cao độ khi sống trong nhà tù Cộng Sản và

chịu đựng những cực hình đày đọa, những đối xử bất nhân, những tháng ngày đói khát".

Trời sắp tối, hai anh đều có chuyện phải đi. Họ bắt tay từ giã nhau. Không ai xin lỗi ai. Không ai tha thứ ai. Nhưng qua buổi tâm sự tôi biết, họ đã hiểu nhau hơn, đã thấy được nhu cầu của một Việt Nam hôm nay và ngày mai phải thoát ra khỏi chiến tranh, nghèo đói, độc tài và đi cùng nhân loại hòa bình, ổn định, tự do và giàu mạnh.

Không phải ai cũng có may mắn có dịp trang trải tấm lòng như nhà văn miền Bắc và nhà văn miền Nam sau vườn nhà tôi lần nọ. Đó đây vẫn còn nhiều cái nhìn khắt khe đối với những người đang tranh đấu cho tự do dân chủ với một quá khứ liên hệ với đảng Cộng Sản. Cuộc chiến quá dài, ân oán quá sâu, không phải dễ dàng gì thay đổi hết được. Người Ý, người Ba Lan khi giong buồm, nhổ neo rời cảng, họ để lại quá khứ bên bờ biển chỉ mang trên vai ước vọng về một tương lai tốt đẹp hơn cho họ và con cháu họ. Người Việt Nam thì khác. Người Việt ra đi mang theo cả cuộc chiến tranh đầy máu và nước mắt. Nhiều trong số chú bác anh chị đến được bến bờ tự do khi chiếc vết thương trên da thịt vẫn còn đang mưng mủ sau bao năm tháng tù đày. Xiềng xích không còn, bom đạn đã thôi rơi nhưng tiếng khua, tiếng thét như vẫn còn nghe trong giấc ngủ quê người. Thái độ, dù khắt khe, quyết liệt hay cực đoan đi nữa cũng có lý do riêng của nó. Như nhà văn miền Nam phát biểu, chính sách của đảng CSVN từ 1975 đến nay là nguyên nhân trực tiếp của sự căm thù sâu thẳm trong lòng nhân dân Việt Nam nói chung và miền Nam nói riêng, đối với chế độ CS và là mầm mống của sự phân hóa, chia rẽ, hoài nghi trong cộng đồng người Việt. Nhưng dù lý do gì, các chú bác anh chị vì tương lai con cháu mình, nên suy nghĩ lại và chọn những hình thức đấu tranh hữu hiệu, thích hợp với thời đại ngày nay.

Con đường cách mạng dân chủ Việt Nam, vì thế, khác và khó khăn hơn nhiều so với con đường đã diễn ra tại Bắc Phi và tiến trình chuyển hóa dân chủ đang diễn ra tại Miến Điện.

Điều kiện ra đời và tồn tại của chế độ độc tài toàn trị Cộng Sản tại Việt Nam không giống các chế độ độc tài cá nhân như Muammar Gaddafi tại Lybia, Augusto Pinochet tại Chile, Mobutu Sese Seko tại Zaire hay độc tài phe nhóm quân sự (Junta) Miến Điện, Argentina, Peru, Nigeria, El Salvador và cũng không giống như các chế độ Cộng Sản chư hầu chùm gởi của cây đại thụ Liên Xô một thời tồn tại ở Đông Âu.

Phần lớn các chế độ độc tài quân sự, dù cá nhân hay phe nhóm, hình thành do kết quả của các cuộc đảo chính, lật đổ các chính phủ tiền nhiệm, nhiều khi cũng rất độc tài. Cơ hội đã đưa một số sĩ quan từ vị trí của những người lính trở thành những nhà chính trị. Ngoài lòng tham lam quyền lực và địa vị, họ không sở hữu một vốn liếng chính trị và không có một sự chuẩn bị đầy đủ để lãnh đạo quốc gia. Tham vọng quyền lực của họ chỉ là tham vọng cá nhân, phe nhóm. Muammar Gaddafi của Lybia, Hosni Mubarak của Ai Cập nổi tiếng sắt máu nhưng gốc gác chỉ là những viên sĩ quan võ biền. Các quốc gia Miến Điện, Libya, Ai Cập, Tunisia cũng không trải qua cuộc chiến tranh ý thức hệ tàn khốc suốt mấy mươi năm và vai trò của các đế quốc cũng không mang tính quyết định như trong cuộc chiến Việt Nam.

Việt Nam thì khác. Những người lãnh đạo CSVN được đào tạo để hoạt động, tổ chức, lãnh đạo chuyên nghiệp, kiên quyết theo đuổi đến cùng các mục tiêu ngắn và dài hạn của đảng CS. Chính Lê Duẩn trong tác phẩm quan trọng *Dưới Lá Cờ Vẻ Vang Của Đảng*, đã xác định tham vọng nhuộm đỏ Việt Nam và "đưa cả nước tiến nhanh,

tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội". Từ khi thành lập vào năm 1930 cho đến nay, tuy khác nhau về chiến lược của mỗi thời kỳ và hoạt động dưới nhiều tên gọi (Đảng Cộng sản Đông Dương, Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương, Đảng Lao động Việt Nam, Đảng Nhân dân Cách mạng ở miền Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam) nhưng Đảng hoàn toàn nhất quán về tư tưởng và mục tiêu.

Nạn sùng bái cá nhân dưới các chế độ độc tài không Cộng Sản có nhưng không tác hại trầm trọng đến nhận thức của người dân. Mobutu Sese Seko của Congo là một ví dụ. Nhà độc tài khát máu của Congo này sau các chuyến viếng thăm Bắc Hàn, Trung Cộng, Rumani về đã bắt chước xây dựng một bộ máy tuyên truyền giống hệt như Cộng Sản bằng cách ra lịnh thay đổi tên đường, tên phố, quốc kỳ, quốc ca, và tháng 10 năm 1971 thay cả tên nước. Nhưng ngay cả khi Mobutu còn sống dân Congo chẳng những không mấy quan tâm đến những thay đổi đó mà còn một cách châm biếm gọi tên y là Mobutu Sesesescu chỉ vì Mobutu là bạn thân của tên độc tài Rumani Nicholas Ceauşescu.

Việt Nam thì khác. Giống như "cha già dân tộc" Kim Nhật Thành của Bắc Hàn, hình ảnh một "cha già dân tộc" Hồ Chí Minh đã đóng một lớp băng dày trong nhận thức của nhiều người và ngay cả được thờ chung một bàn thờ với đức Phật Thích Ca, không một phát hiện, một chứng cớ, một tài liệu khoa học nào có thể làm lay chuyển niềm tin mù quáng vào Hồ Chí Minh trong lòng những người Việt cuồng tín. Ý thức nô lệ tồn tại dưới hình thức tà đạo đó không phải chỉ trong hàng ngũ đảng viên mà cả ngay trong những người đấu tranh chống lại các sai lầm của lãnh đạo đảng.

Về mặt lý luận, việc so sánh với hệ lý luận Cộng Sản với những lý thuyết biện minh cho sự tồn tại của các chế độ độc tài như "Sách Xanh" (Green Book) của Muammar Gaddafi hay Đường Miến Điện Dẫn Tới Chủ Nghĩa Xã Hội (The Burmese Way to Socialism) chẳng khác gì đem giáo trình đại học so với sách tập đọc lớp vỡ lòng. Tầng lớp cán bộ làm công tác tuyên truyền ở Miến Điện và Lybia chỉ là một phường nịnh hót gió chiều nào theo chiều đó. Tại Lybia trước tháng Hai 2011, với đại đa số dân chúng Sách Xanh mang tính cách giải trí nhiều hơn là lý luận. Giáo sư Vandewalle của đại học Dartmouth và tác giả của Lịch Sử Libya Hiện Đại (A History of Modern Libya) nhận xét Sách Xanh là một chuỗi những câu cách ngôn chứ không phải là một hệ lý luận thông suốt và chẳng thuyết phục được ai. Sau cách mạng dân chủ, dân chúng đốt hàng ngàn Sách Xanh không phải vì sợ "tư tưởng Muammar Gaddafi" có cơ hội hồi sinh nhưng chỉ vì đó là biểu tượng của chế độ độc tài.

Việt Nam thì khác. Giới lãnh đạo đảng CSVN có cả kho lý luận, một bộ máy tuyên truyền tinh vi và những câu trả lời thích hợp cho từng lứa tuổi, từng ngành nghề, từng giới, từng trình độ học vấn. Nền giáo dục một chiều và phản khoa học như cây đinh đóng sâu vào ý thức của con người từ tuổi ấu thơ cho đến lúc trưởng thành. Không ít người Việt, nhất là những người luôn bắt đầu bằng câu rào đón "đừng nói là tôi bị tẩy não đấy nhé" đã bị tẩy não mà không chịu thừa nhận hay không biết mình bị tẩy não. Với họ, sự có mặt của Đảng Cộng sản trong đời sống chính trị và sinh hoạt xã hội Việt Nam tự nhiên chẳng khác gì bốn mùa xuân hạ thu đông. Họ còn tin rằng chỉ có đảng CSVN với tư cách một đảng cầm quyền, mới có khả năng dẫn dắt dân tộc Việt Nam trên con đường đi đến một tương lai tươi sáng. Họ viện dẫn trong quá khứ đảng có vài chính sách bị cấp dưới thực thi quá tả hay quá hữu

nhưng về căn bản con đường đảng chọn vẫn là con đường đúng, và tham nhũng là một hiện tượng xấu của mọi xã hội đang từng bước đi lên vả lại ngay cả Anh, Mỹ, Pháp đều đầy dẫy đâu chỉ riêng tại Việt Nam.

Chế độ Cộng Sản tại Việt Nam cũng không giống như chế độ độc tài Cộng Sản tại các quốc gia Đông Âu. Mặc dù đảng Cộng Sản tại các nước Đông Âu ra đời trước thế chiến thứ hai nhưng nếu không có sự chiếm đóng của Hồng Quân Liên Xô và sự thỏa thuận của các cường quốc Anh, Mỹ, Liên Xô, sẽ không có một nhóm quốc gia Cộng Sản được gọi là Cộng Sản Đông Âu. Bản thân của định nghĩa "Cộng Sản Đông Âu" đối nghịch với khối các quốc gia dân chủ Tây Âu, vốn đã mang nặng ý nghĩa chính trị trong thời kỳ chiến tranh lạnh nhiều hơn các ý nghĩa về văn hóa hay địa lý.

Việt Nam thì khác. Như tôi có dịp trình bày, trong lúc các đảng Cộng Sản Đông Âu thực chất chỉ là những dây chùm gởi sống nhờ vào sức mạnh của đồng Ruble, xe tăng và hỏa tiễn Liên Xô, khi cây đại thụ Liên Xô thối ruột thì dây chùm gởi cũng khô héo theo, đảng CSVN bám sâu vào cây đại thụ Việt Nam, sinh sôi nẩy nở bằng nhựa nguyên và nhựa luyện Việt Nam. Quá trình hình thành và phát triển của đảng CSVN là một quá trình đầy ngộ nhận lịch sử và họ tồn tại đến ngày nay, một phần lớn cũng nhờ vào những ngộ nhận đó. Cuộc chiến thắng của đảng CSVN ngày 30-4-1975 là kết quả của cuộc lừa gạt lớn nhất trong lịch sử Việt Nam.

Không ít người Việt cho rằng sở dĩ Việt Nam không được quốc tế quan tâm đúng mức như Miến Điện, Ai Cập chỉ vì chưa có những Giải Nobel Hòa Bình như Aung San Suu Kyi của Miến Điện hay Mohamed ElBaradei của Ai Cập, nơi những tiếng nói của họ đã được chính phủ khắp thế giới lắng nghe.

Thật ra, tại Ai Cập quê hương của Mohamed ElBaradei và Miến Điện quê hương của Aung San Suu Kyi, dù cai trị bằng bạo lực sắt máu, quyền con người trong các quốc gia độc tài quân sự không hoàn toàn bị xóa bỏ. Chế độ thông tin, kiểm duyệt còn nhiều kẽ hở. Qua các phương tiện truyền thông quốc tế, những gì xảy trong các quốc gia này đều được thế giới biết được khá rõ. Các tổ chức đối lập, chống chính phủ, công đoàn tuy bị trấn áp nhưng vẫn có cơ hội hoạt động. Đảng đối lập Liên Đoàn Toàn Quốc Vì Dân chủ (National League for Democracy, viết tắt là NLD) của bà Aung San Suukyi có cơ sở hạ tầng vững chắc và đã thắng 396 trong tổng số 485 ghế Quốc Hội trong cuộc bầu cử dân chủ công khai được quốc tế công nhận năm 1990 trước khi bị đám quân phiệt đàn áp. Các cơ sở từ trung ương đến địa phương, kể cả đại diện của chính phủ NLD cạnh các chính phủ quốc tế bên ngoài Miến Điện cũng đã duy trì các hoạt động trong suốt thời gian bà Aung San Suu Kyi bị giam giữ tại nhà.

Thế giới đang ca ngợi bà, ngoài đức tính can đảm và kiên trì với lý tưởng tự do còn vì thái độ ôn hòa, chấp nhận đối thoại để giải quyết các vấn đề của đất nước. Tuy nhiên không phải bao giờ thái độ ôn hòa, hợp tác cũng đem lại kết quả tốt. Như có lần tôi đã viết, hòa giải hòa hợp là con đường hai chiều, không ai có thể đứng bên này sông bắt người khác phải bơi qua sông để hòa giải với mình. Trong điều kiện Miến Điện hay Việt Nam, hòa giải tùy thuộc trước hết vào chính sách và thái độ của giới cầm quyền.

Không giống như giới lãnh đạo Miến Điện cuối cùng đã thức tỉnh, tại Việt Nam, lời kêu thương thống thiết của tầng lớp nhân dân bị áp bức suốt 37 năm qua chỉ là những viên sỏi nhỏ rơi vào biển cả, không tạo nên gợn sóng, tiếng vang nào. Với tất cả sự kính trọng dành cho bà

Aung San Suu Kyi, nếu bà phải đối phó với cơ chế lãnh đạo độc tài ngoan cố như Việt Nam, có thể bà phải chọn giải pháp của đức Giám Mục Giáo Hội Anglian Desmond Tutu, Giải Nobel Hòa Bình 1984.

Chủ trương của đức Giám Mục Giáo Hội Anglian Desmond Tutu là một bài học giá trị để đối phó chính sách ngoan cố của chế độ độc tài. Giám Mục Desmond Tutu trong cuộc đấu tranh chống Phân Biệt Chủng Tộc Nam Phi vào thời điểm khốc liệt 1976, thay vì thỏa hiệp, đàm phán, đã kêu gọi thế giới gia tăng cấm vận, tẩy chay hàng hóa Nam Phi, cô lập chính phủ Nam Phi, trừng phạt kinh tế Nam Phi càng mạnh càng tốt mặc dù điều đó có ảnh hưởng trực tiếp đến lực lượng lao động phần lớn là da đen. Giám Mục Tutu chống cả sáng kiến thương lượng với chính quyền da trắng Nam Phi của Tổng Thống Reagan. Khi được hỏi cấm vận và trừng phạt kinh tế chỉ làm cho dân da đen bị đói trước, ông thẳng thắn tuyên bố nhân dân Nam Phi chịu đói nhưng đói "có mục đích". Rất nhiều quốc gia như Anh, Mỹ và công ty quốc tế hưởng ứng lời kêu gọi của đức Giám Mục. Nền kinh tế Nam Phi bị khủng hoảng. Đồng Rand của Nam Phi mất giá đến 35 phần trăm trong một thời gian ngắn. Để cứu vãn nền kinh tế, thực chất là cứu vãn gia tài, lãnh đạo chính quyền da trắng đành phải nhượng bộ. Giám Mục Desmond Tutu được trao giải Nobel Hòa Bình 1984, giải Nhân Đạo Albert Schweitzer 1986, giải Sydney Peace 1999, giải Gandhi Hòa Bình 2005, Huân Chương Tự Do Tổng Thống Hoa Kỳ 2009 và được thế giới ca ngợi nhờ vào vai trò của ông như nhân vật hàng đầu trong nỗ lực giải quyết vấn đề phân biệt chủng tộc tại Nam Phi.

Việt Nam không thiếu những nhà đấu tranh có nhiều năm thử thách trong lao tù, có đạo đức, có lý luận, có tâm huyết nhưng chỉ vì chưa có điều kiện khách quan và chủ

quan để những ánh đuốc tự do được tỏa sáng xa hơn. Các nhóm hoạt động vì dân chủ, các nhóm đối kháng với đảng CSVN gần như không có một phương tiện nào. Ngoại trừ một số ít người hoạt động dân chủ tên tuổi đang bị tù và được các cơ quan nhân quyền quốc tế được ghi nhận, hàng trăm, hàng ngàn người đang bị đe dọa thường trực, trấn áp, tù đày trong các làng xã, quận huyện xa xôi hay đang trốn tránh tại nhiều nơi trong vùng Đông Nam Á, không ai biết được, không một tổ chức nào tổng kết hết được. Sự chịu đựng trong âm thầm câm nín của các tầng lớp nhân dân Việt Nam so với nhân dân Miến Điện và các nước Bắc Phi đau đớn hơn nhiều. Những bản án dài hạn chụp lên đầu những người yêu nước khi họ chỉ vừa cất lên tiếng nói trước những bất công xã hội. Người ít và thế cô. Giải giang sơn Việt Nam hình chữ S thực chất là một nhà tù được bao bọc bằng một bức tường bưng bít thông tin dày và một chế độ trấn áp không thua tiêu chuẩn một nhà tù khắt khe quốc tế nào.

So sánh và phân tích một số điểm khác nhau tiêu biểu giữa Việt Nam và các quốc gia khác để thấy cuộc đấu tranh vì tự do dân chủ Việt Nam khó khăn và phức tạp hơn cuộc chuyển hóa dân chủ Miến và cách mạng hoa lài Bắc Phi nhiều lần.

Đấu tranh chống lại một hệ thống cai trị tinh vi như CSVN như thế mà chúng ta chỉ chen lấn nhau trong những chỗ đứng chật hẹp, co cụm trong những mẫu số chung có tính địa phương, tôn giáo, bám víu vào những phạm trù, lý luận lỗi thời, sẽ không giải phóng được dân tộc ra khỏi chế độ Cộng Sản.

Đảng CSVN còn thống trị nhân dân Việt Nam được, vì ngoài nhà tù sân bắn, còn nhờ vào việc gieo rắc các mầm mống phân hóa, khai thác các bất đồng không cơ bản, đào sâu thêm hố hoài nghi chia rẽ trong cộng đồng dân tộc.

Nếu các thành phần dân tộc vẫn tiếp tục chống đối nhau, tiếp tục khai thác những bất đồng nhỏ nhặt, tiếp tục kéo dài những cuộc tranh luận mà cả hai bên đều biết sẽ không đi đến đâu, rồi tất cả chỉ rơi vào chiếc bẫy của đảng CS.

Một khái niệm quen thuộc gần như nghe mỗi ngày là chính nghĩa quốc gia. Trước năm 1975, khi nghe nói đến chính nghĩa quốc gia chúng ta tự động nghĩ đến các thành phần dân tộc đang chiến đấu chống Cộng Sản và về mặt địa lý, phải sống bên bờ phía nam của sông Bến Hải. Ngày nay, nhận thức đó không còn đúng và biên giới đó không còn tồn tại nữa. Khái niệm quốc gia dân tộc hôm nay mang ý nghĩa rộng lớn hơn nhiều. Đó là chỗ dựa không phải chỉ dành cho những người Việt hải ngoại mà cả đồng bào trong nước đang chịu đựng trong xích xiềng Cộng Sản, không phải chỉ những người thuộc chế độ Việt Nam Cộng Hòa mà tất cả những ai quan tâm và dấn thân vì một Việt Nam tự do dân chủ và thịnh vượng.

Nội lực dân tộc phải bắt đầu từ mỗi con người Việt Nam trước khi chảy chung vào dòng thác dân tộc. Cuộc biểu tình ngày 1 tháng 7 vừa qua với sự hiện diện của rất nhiều thành phần, từ thanh niên sinh viên học sinh, nông dân, công nhân đến các bậc bô lão và văn nghệ sĩ. Đó là những dấu hiệu tích cực. Họ có quá khứ khác nhau nhưng cùng được thôi thúc bằng tinh thần yêu nước, truyền thống tự chủ giống nhau. Tổng cộng số người tham dự các cuộc biểu tình từ Hà Nội đến Sài Gòn vào khoảng vài trăm nhưng có một giá trị tinh thần rất lớn. Bước chân của họ là khởi điểm cho một cuộc cách mạng dân tộc dân chủ toàn diện và triệt để đang diễn ra tại Việt Nam. Quyền tự chủ dân tộc trong thời đại ngày nay gắn liền với dân chủ. Nói cụ thể hơn, Việt Nam không bao giờ giành lại được Hoàng Sa, Trường Sa từ tay bá quyền Trung Cộng

bằng cơ chế chính trị độc tài mất lòng dân và không được quốc tế ủng hộ như chế độ CSVN hiện nay.

Cuộc cách mạng giành độc lập của Mỹ làm thay đổi khuôn mặt thế giới suốt mấy trăm năm nay cũng chỉ bắt đầu bằng một nhóm nhỏ khoảng từ 30 đến 130 người đã can đảm ném các thùng trà của Anh xuống vịnh Boston năm 1773. Tương tự, biến cố Phá Ngục Bastille sáng ngày 14 tháng Bảy 1789 được chọn làm ngày quốc khánh Cộng Hòa Pháp không phải để giải phóng nhiều trăm hay nhiều ngàn tù nhân chính trị nhưng chỉ là hành động mang tính biểu tượng vì ngày đó nhà tù Bastille chỉ giam giữ 7 tù nhân. Các biến cố ném trà xuống biển, phá ngục Bastille hay cuộc biểu tình 1 tháng 7 vừa qua tại Việt Nam đều không phải là biến cố lớn về hình thức nhưng chuyên chở những nội dung lịch sử. Ba sự kiện có một đặc điểm giống nhau rằng cách mạng là một tiến trình không thể nào đảo ngược. Chọn lựa hôm nay, vì thế, không còn là chọn lựa của nhân dân Việt Nam mà là của giới cầm quyền. Bài học Tunisia, Ai Cập, Libya và Miến Điện cho thấy thuận với lòng dân thì sống mà nghịch với lòng dân sẽ bị bánh xe lịch sử nghiền nát.

Cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam là cuộc đấu tranh có chính nghĩa và chính nghĩa luôn thắng trận cuối cùng. Từng giọt nước đã và đang được rót vào ly. Không ai biết giọt nước làm tràn ly sẽ rót xuống khi nào nhưng chắc chắn mọi người đều biết, sẽ rót xuống từ lòng dân tộc Việt Nam và thời gian không còn xa xôi nữa. Cả hơn 700 tờ báo đảng, dĩ nhiên không cùng hô đả đảo Trung Cộng xâm lăng trên trang nhất nhưng cũng không dám chỉ trích, không xám xúc phạm bởi vì đảng biết những bước chân trên đường phố Sài Gòn, Hà Nội hôm kia là những bước chân từ khát vọng thiêng liêng và trong sáng.

Ước mơ của hai người lính, hai nhà văn miền Bắc và miền Nam mong được thấy các thế hệ Việt Nam tương lai được sống trong hòa bình, ổn định sẽ thành sự thật. Tổ tiên chúng ta đã làm được, ông bà chúng ta đã làm được và rồi chúng ta, con cháu của các ngài, cũng sẽ làm được. Con tàu rộng thênh thang và mỗi ngày được nối thêm nhiều toa mới, đủ chỗ cho mọi người có tâm huyết hướng về cùng điểm hẹn tự do, dân chủ, nhân bản và thịnh vượng cho Việt Nam mãi mãi về sau.

BUỔI CHIỀU TRÊN NGHĨA ĐỊA HÀNG DƯƠNG

Một ngày hè như thế này 29 năm trước, người anh cùng sở làm và cũng cùng quê Đà Nẵng ghé qua hỏi tôi có thích đi Côn Đảo một chuyến với anh. Không giống như khi được các anh chị khác rủ đi thăm miền Bắc trong những lần họ nghỉ phép về thăm nhà mà tôi đã từ chối trước đây, Côn Đảo có một hấp lực cực mạnh khiến tôi gật đầu không chút gì ngần ngại. Chiếc ghe vượt biên anh đóng sắp hoàn tất và đã hứa dành cho tôi một chỗ. Nghĩ đến việc ra đi không hẹn ngày trở lại, thăm Côn Đảo là dịp hiếm hoi không thể bỏ qua. Côn Đảo là đất lịch sử của cách mạng Việt Nam, điểm hẹn của những tâm hồn yêu nước và cũng là nơi nhà cách mạng Phan Chu Trinh từng tả *"Bốn mặt dày vò oai sóng gió / Một mình che chở tội non sông"* trong bài thơ "Đập đá Côn Lôn" nổi tiếng của ông. Người anh cùng sở làm lo hết các phương tiện cần thiết, và như thế chúng tôi đi. Anh có vài việc phải đi, còn tôi chỉ đi theo cho biết chứ không làm gì cả.

Khi anh làm xong việc, thời gian còn lại anh em chúng tôi đi vài nơi trên đảo. Côn Đảo ngày chúng tôi đến còn rất hoang vắng. Những khu tù chính trị đã giải tán từ lâu.

Tù chính trị mới không bị đưa ra đây mà vào Chí Hòa, Phan Đăng Lưu hay các trại tù miền Bắc. Các khu trại giam Côn Đảo đã trở thành một viện bảo tàng nhưng ít có người thăm. Bên cạnh những xà lim nơi các đảng viên Cộng sản cấp trung ương từng bị giam giữ, Côn Đảo còn có những khu nổi tiếng vì được báo chí phản chiến Mỹ và Việt khai thác tận tình như chuồng cọp, chuồng bò. Khu chuồng cọp được xây từ thời thực dân, cũ kỹ, kích thước rộng bằng những lớp học nối tiếp nhau. Đặc điểm của khu chuồng cọp là phòng giam không có mái che mà chỉ có những bờ tường dày và thanh sắt lớn. Chị coi sóc ở đây, vốn là một tù nhân Côn Đảo, cho biết trên bờ tường dựng sẵn nhiều thùng vôi bột, nếu tù nhân la ó, phản đối, trật tự tù sẽ đổ vôi xuống.

Trên đường ra về chúng tôi đi theo chị coi sóc nhà tù đến nghĩa địa Hàng Dương. Nắng đã dịu nhiều. Mặt trời đang xuống dần bên kia đỉnh núi. Được gọi là Hàng Dương có lẽ vì chung quanh nghĩa địa có rất nhiều dương liễu. Nghĩa địa có nhiều khu. Mỗi khu có vài trăm ngôi mộ. Chị trịnh trọng giới thiệu một ngôi mộ mà chị gọi là rất linh thiêng: mộ chị Võ Thị Sáu. Tôi không biết gì nhiều về chị Sáu ngoài bản nhạc bắt đầu với "Mùa lêkima nở, ở quê tôi miền đất đỏ" và đọc đâu đó chuyện chị bị xử bắn khi còn trong tuổi vị thành niên. Tấm bia trên mộ chị Sáu hướng về phía biển và nổi bật lên vì ngày đó đã được xây cao hơn các ngôi mộ khác. Phía sau mộ chị Sáu có một cây dương liễu cụt ngọn, cằn cỗi, trên tàn cây có những chồi xanh nhú lên. Việc một cây bị chặt ngọn nên sinh ra những nhánh non là chuyện bình thường nhưng qua lời giải thích của chị hướng dẫn thì đó là một điều kỳ diệu, một dấu chứng linh thiêng, điềm báo của một cái cũ tàn đi nhưng những cái mới ra đời. Ngay cả một cây dương liễu cũng được giải thích bằng lý luận và niềm tin Cộng Sản.

Anh tôi không thích cảnh nghĩa trang buồn tẻ nên đã đi dạo nơi khác. Cả chị hướng dẫn cũng đi ra ngoài. Tôi ngồi một mình nhìn mấy trăm ngôi mộ, có tên và không tên, được đắp và không được đắp, cao thấp không đều. Bên cạnh một số mộ có bia, tên tuổi và vừa được chỉnh trang, hẳn là của các đảng viên Cộng sản cao cấp, rất nhiều ngôi mộ không có ngay cả tấm thẻ gỗ ghi tên, cỏ mọc đầy sau nhiều năm chưa được một lần chăm sóc. Phần lớn các ngôi mộ trong nghĩa địa Hàng Dương là dấu tích tàn ác của thực dân Pháp. Thời Việt Nam Cộng hòa, chuyện ở tù Côn Đảo cho đến chết là chuyện hiếm hoi. Hầu hết tù chính trị chỉ ở một thời gian ngắn trước khi được đưa ra Thạch Hản, Thiện Ngôn, Lộc Ninh, Bồng Sơn để trao trả về phía bên kia như đã ghi lại một cách chi tiết trong tác phẩm ký sự *"Tù binh và Hòa Bình"* của nhà văn Phan Nhật Nam.

Hôm qua, khi bắt đầu viết bài này tôi vào Google tìm mộ chị Võ Thị Sáu. Cây dương liễu đã chết và được thay vào đó bằng cây phượng đỏ. Ngôi mộ của chị cũng được xây bằng đá đen, cao hơn ngôi mộ cũ nhiều và không phải sơn màu vôi trắng như lần tôi đến. Nghĩa địa Hàng Dương bây giờ là một trung tâm du lịch, màu sắc lòe loẹt, không còn những mộ cỏ hoang vu, những con đường đất hẹp và những hàng dương cằn cỗi chung quanh. Tôi không cảm thấy chút nào xúc động khi nhìn lại cảnh nghĩa địa Hàng Dương mà chỉ tội nghiệp cho các em học sinh đang sắp hàng vào xem các di tích được gọi là cách mạng ở Côn Đảo. Các em đi xem kịch mà tưởng mình đang tìm về lịch sử cha ông.

Một trong những đặc điểm của chế độ Cộng sản là lừa dối. Không phải chỉ Việt Nam mà mọi quốc gia Cộng sản đều như thế. Khi chế độ Cộng sản Đông Đức sụp đổ, báo chí khám phá trong cơ sở dữ liệu của cơ quan an ninh

Stasi một hệ thống lừa dối có tầm vóc quy mô ngoài giới hạn đạo đức của con người. Việc nghi kỵ, lừa dối không chỉ ở nằm trong hệ thống đảng, các cơ quan nhà nước, mà cả trong mỗi gia đình ruột thịt, máu mủ thân yêu. Anh lừa dối em. Vợ lừa dối chồng. Cha mẹ lừa dối con cái. Cháu chắt lừa dối ông bà. Lừa dối là phương tiện duy nhất để tồn tại trong xã hội Cộng Sản.

Tại Việt Nam cũng thế. Vở kịch tuyên truyền mà Đảng đã đóng suốt mấy chục năm qua làm thui chột nhận thức của nhiều thế hệ Việt Nam. Từ chuyện *Lê Văn Tám lấy thân mình làm đuốc* đến chuyện *Tôn Đức Thắng kéo cờ Cộng sản trên Hắc Hải* đều là những chuyện hoang đường nhưng nghe riết cũng quen tai, nghe riết nên tin là chuyện thật.

Có một thời không ít người dân miền bắc còn tin rằng những khẩu CKC, AK47 của mấy chị dân quân đã từng bắn hạ những F-4 Fantom, F-111 của Mỹ. Theo lời kể của cựu Trung Tướng Yevgeni Antonov, nguyên Trưởng đoàn cố vấn quân sự của Liên Xô tại Việt Nam trong một bài báo trên tờ Pravda nhân dịp đánh dấu 30 năm cuộc chiến Việt Nam chấm dứt, Liên Xô đã gởi nguyên một trung đoàn phòng không với đầy đủ vũ khí và trang bị sang Việt Nam tham chiến và 13 người lính phòng không Liên Xô đã chết trên đất Bắc. Những chiếc máy bay Mỹ đầu tiên bị bắn rơi trên bầu trời Hà Nội, kể cả chiếc chiến đấu cơ của Thượng Nghị Sĩ John McCain, cũng từ hỏa tiễn của các đơn vị Hồng quân Liên Xô chứ không phải từ "Bộ đội phòng không anh hùng", nói chi là các chị dân quân núp bên bờ ruộng như trong mấy bức ảnh tuyên truyền của đảng.

Cũng theo lời kể của cựu thiếu tướng Liên Xô Yevgeni Antonov, chỉ huy lực lượng phòng không Liên Xô tại Việt Nam từ 1969 đến 1970, Việt Nam chỉ là một phòng thí

nghiệm cho vũ khí Liên Xô. Họ muốn đích thân xử dụng vũ khí để chuẩn bị cho việc máy bay Mỹ và NATO oanh tạc vào nội địa Liên Xô trong trường hợp có chiến tranh giữa hai khối sau này. Cuộc chiến đã tàn, chế độ cũng đã tan, ngọn đèn đời sắp tắt, những người lính già Nga chẳng bị áp lực nào để phải nói dối, để tuyên truyền, để bảo vệ cho đảng, hay cho cả chính mình. Họ chỉ còn kỷ niệm, và kỷ niệm của tuổi về chiều thường thành thật, trong sáng như những ngày mới lớn.

Bên cạnh Liên-Xô, vào thời điểm 1967 ngoài hàng vạn tấn đạn dược, vũ khí, đã có 16 sư đoàn với 170 ngàn quân Trung Cộng tại miền Bắc Việt Nam để yểm trợ cho đảng Cộng sản Việt Nam nhưng đồng thời để bảo vệ vòng đai an ninh của Trung Cộng. Tội ác của Trung Cộng đối với dân tộc Việt Nam, từ các tư tưởng độc hại đến võ khí giết người, từ cải cách ruộng đất đến đến Hoàng Sa, Trường Sa, từ chiến tranh biên giới đến trận chiến Lão Sơn, không thể viết hết trong một bài, trong một cuốn sách mà phải xây dựng một trung tâm dữ kiện.

Máu đổ, thây rơi, nhà tan, cửa nát ở Hà Nội, Hải Phòng là điều có thật. Những mất mát đau thương vô cùng to lớn của đồng bào miền Bắc đã chịu đựng dưới đạn bom Mỹ là điều có thật. Căm thù, phẫn uất vì thế là những phản ứng tự nhiên. Tuy nhiên không phải chỉ vì đế quốc Mỹ đã đơn phương xâm lược Việt Nam như các thế hệ sinh viên học sinh đã và đang được dạy. Hơn ba mươi năm là một thời gian đủ dài để đồng bào miền Bắc, các thế hệ trẻ miền Bắc có gia đình chịu đựng đau thương bất hạnh trong chiến tranh, nhìn lại cuộc chiến một cách khách quan và so sánh với thực tế đất nước để qua đó biết rõ những ai và học thuyết nào chính là nguyên nhân của chiến tranh, độc tài và chậm tiến hôm nay.

Đảng Cộng sản có thể tùy thích tạo ra hàng trăm đảng viên cỡ Lê Văn Tám, Tôn Đức Thắng. Đó là chuyện nội bộ của đảng nhưng họ không có quyền biến Côn Đảo thành tài sản riêng của đảng, không có quyền mê hoặc của các thế hệ trẻ Việt Nam bằng các mẫu chuyện hoang đường kiểu Lê Văn Tám như bộ máy tuyên truyền Liên Xô đã từng tô điểm lên một cậu bé nhà nông Pavlik Morozov bất hiếu trước đây. Côn Đảo cũng không phải là đất hương hỏa của Marx, Lenin để lại cho đảng Cộng sản Việt Nam mà là đất thiêng của cách mạng Việt Nam nơi nhiều thế hệ đã lấy xương thịt mình làm phân bón cho mầm xanh tương lai dân tộc.

Trong nghĩa địa Hàng Dương, bên chiếc cầu đá phía bên phải dinh chúa đảo, trước những xà lim chật hẹp, một ngày không xa, các thế hệ Việt Nam sẽ đến đó, không phải để nghe kể công, nghe tuyên truyền mà đến để im lặng cúi đầu tưởng niệm các anh hùng dân tộc.

Họ là ai? Họ là những đảng viên Việt Nam Quang Phục Hội, Phong trào Đông Du, Phong Trào Duy Tân, Tân Việt Cách mạng Đảng, Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đại Việt Quốc Dân Đảng, Đại Việt Dân Chính, Dân Xã Đảng, Đảng Lập Hiến, Đại Việt Duy Dân và nhiều tổ chức, phong trào không Cộng sản khác.

Họ là ai? Họ là tín đồ các tôn giáo, nhất là Cao Đài và Hòa Hảo, hai tôn giáo được ra đời tại miền Nam, có truyền thống kiên quyết chống cả thực dân lẫn Cộng sản.

Nếu họ đã từng là đảng viên Cộng sản thì sao? Không sao cả. Như tôi đã có dịp viết trên diễn đàn talawas, việc tham gia vào đảng Cộng sản của một số người Việt Nam, chủ yếu là để được tổ chức hóa nhằm mục đích hợp đồng chiến đấu, đạt đến chiến thắng dễ dàng hơn chứ không phải vì tin vào chủ nghĩa Cộng Sản. Ngày đó, vì điều kiện

giao thông khó khăn, núi non cách trở, sự phát triển của các đảng phái chống thực dân ít nhiều bị giới hạn bởi các đặc tính địa phương, bà con dòng họ, hoàn cảnh trưởng thành. Nếu họ sinh ra ở Quảng Nam họ sẽ gia nhập Việt Nam Quốc Dân Đảng, sinh ra ở Quảng Trị họ sẽ gia nhập Đại Việt, sinh ra ở Cần Thơ, Vĩnh Long, An Giang họ sẽ gia nhập Dân Xã Đảng. Đó là trọng điểm của các đảng phái chống Pháp trong những thập niên đầu của thế kỷ 20. Ông bà chúng ta có súng dùng súng, có gậy dùng gậy, và trong nhiều trường hợp chỉ là những bàn tay không gầy yếu.

Những người Việt yêu nước thời đó chọn lựa đảng phái như chọn một chiếc phao để đưa dân tộc sang bờ độc lập. Những nông dân hiền hòa chất phác , những công nhân đầu tắt mặt tối làm sao biết được con đường họ đi không dẫn đến độc lập, tự do, hạnh phúc mà dẫn đến nghèo nàn, lạc hậu, độc tài và làm sao biết được chiếc phao họ bám cũng là chiếc bẫy buộc chặt chẳng những cuộc đời họ mà còn gây hệ lụy cho cả dân tộc đến ngày nay.

Tôi tin, phần lớn những người yêu nước đã chết trong giấc mơ về một Việt Nam hòa bình, độc lập chứ không phải trong giấc mơ về một xã hội Cộng sản đại đồng. Người yêu nước bằng tình yêu trong sáng, không đánh thuê, đánh mướn cho một chủ nghĩa, một ý thức hệ ngoại lai vong bản hay cho một quyền lợi đế quốc nào sẽ không bao giờ chết, không bao giờ bị lãng quên. Lịch sử sẽ đánh giá, dân tộc sẽ ghi ơn họ một cách công bằng.

Tôi tin, cuộc chiến chống thực dân Pháp là cuộc chiến chính nghĩa. Đó là cuộc đấu tranh đầy gian khổ nhưng anh hùng của một dân tộc bị nô lệ đã đứng lên chống lại một thực dân tàn bạo. Trong suốt gần một thế kỷ trong bóng tối thực dân, hàng vạn đồng bào thuộc nhiều thế hệ

Việt Nam đã bị bắt, tra tấn và đã hy sinh trên Côn Đảo. Ngoài một Nguyễn An Ninh để lại thịt xương, một Trần Cao Vân, một Phan Chu Trinh để lại những bài thơ viết bằng máu và mồ hôi trong những ngày đập đá, còn có hàng ngàn, hàng vạn đồng bào đã chết trong âm thầm, không để lại họ tên.

Nhưng cho dù họ có để lại đủ họ tên đi nữa, các thế hệ Việt Nam sau 1975 cũng không có quyền biết đến họ, không có cơ hội để cám ơn họ, để thắp một nén hương, và phần mộ họ một mai có thể sẽ bị san bằng theo mưa nắng. Đảng Cộng sản không chỉ nhuộm đỏ miền Nam, nhuộm đỏ Việt Nam mà còn cố tình nhuộm đỏ cả lịch sử.

Côn Đảo ngày nay gắn liền với tên tuổi của các đảng viên Cộng sản trung ương Tôn Đức Thắng, Lê Duẩn, Phạm Hùng, Hà Huy Tập, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Văn Linh, Lê Quang Vịnh v.v. Các em học sinh đang sắp hàng chờ vào xem những xà lim kia làm sao biết được, với số đảng viên vỏn vẹn 5 ngàn vào mùa thu 1945, đảng Cộng Sản, dù bị bỏ tù và chết gấp mười lần trong hai cuộc chiến, cũng không thể bằng với con số khoảng 200 ngàn người Việt Nam yêu nước đã từng ở tù Côn Đảo theo nhiều nguồn ước lượng.

Các em cũng không biết rằng hàng trăm lãnh tụ cách mạng không Cộng sản mà đức độ và tài năng bao trùm nhiều lãnh vực như Đức Huỳnh Giáo Chủ, Trương Tử Anh, Phạm Quỳnh, Khái Hưng, Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch, Bùi Quang Chiêu, Hồ Văn Ngà, Nguyễn Thế Nghiệp v.v., đã không ở tù hay chết ngoài Côn Đảo chỉ vì họ bị Cộng sản thủ tiêu ngay tại đất liền.

Khác với đảng Cộng sản được thành lập từ nước ngoài theo chỉ thị của quốc tế Cộng sản và nhiều đảng viên được đưa sang Trung Cộng, Liên Xô huấn luyện một cách

bài bản nhằm thực hiện các mục tiêu ngắn hạn cũng như dài hạn của trung ương đảng đề ra, phần lớn đảng phái không Cộng sản đã sinh ra và lớn lên ngay trong lòng dân tộc với tất cả khó khăn, thiếu thốn về mọi mặt. Họ không chỉ bị chết dưới lưỡi đao phong kiến, máy chém thực dân mà còn chết trong bàn tay của những người cùng máu mủ với mình.

Đọc lại diễn tiến của cuộc khởi nghĩa Yên Thế, quá trình thành lập các đảng phái không Cộng sản và lắng nghe các nhà cách mạng trải lòng qua thơ văn đẫm đầy máu lệ, mới cảm thấy lòng yêu nước của thế hệ cha ông thật vô bờ bến.

Bằng hành trang duy nhất trên vai là lòng yêu nước, các nhà cách mạng không Cộng sản dấn thân vào con đường giải phóng dân tộc trên chuyến xe chạy bằng máu của chính mình.

Chiều mùa hè năm đó, lần đầu tiên trong đời tôi xúc động đứng im lặng trước anh linh của những anh hùng đã ngã xuống cho độc lập tự do thật sự của dân tộc. Xương thịt của những người đã hy sinh từ phong trào kháng thuế miền Trung, Hà Thành đầu độc, khởi nghĩa Duy Tân, Thái Nguyên, Yên Bái hẳn đã hòa tan vào lòng đất mẹ nhưng anh linh họ vẫn là ngọn đuốc soi sáng giấc mơ Việt Nam độc lập, tự chủ của dân tộc.

Như tôi có lần đã viết. Giấc của họ là giấc mơ của những người để lưng trần, tóc cắt ngắn, đóng khố che thân, dắt bầy con, vượt bao nhiêu núi rừng ghềnh thác trong cuộc nam tiến đầy gian nan nhưng vô cùng hiển hách, từ dọc bờ Dương Tử di dần xuống lưu vực sông Hồng cách đây gần 50 thế kỷ. Trong lúc bao nhiêu bộ tộc Bách Việt khác đã hoàn toàn bị tiêu diệt hay đồng hóa vào những tỉnh, những huyện như Hồ Nam, Quảng Tây,

Quảng Đông, Vân Nam, Phúc Kiến của Trung Cộng ngày nay, giòng giống Lạc Việt qua bao độ thăng trầm, vẫn tồn tại và trưởng thành như một nước Việt Nam.

Giấc mơ của họ là giấc mơ của những người đã tạo nên nền văn minh Việt Nam rất sớm. Nơi đó, từ nhiều thế kỷ trước Công nguyên, tổ tiên chúng ta đã biết trồng cây ăn trái, biết làm đồ gốm, biết đẽo đá thành những lưỡi cuốc nhọn, biết đắp đất ngăn bờ để đưa nước sông vào ruộng. Tổ tiên chúng ta đã biết xây dựng các cơ xấu xã hội, lấy thôn làng làm căn bản, lấy nông nghiệp làm nền tảng kinh tế, lấy tình nghĩa đồng bào làm sức mạnh, lấy nguồn gốc tổ tiên (một mẹ trăm con, chung cùng bọc trứng) làm nơi nương tựa tinh thần. Những hình ảnh thân thương quen thuộc của cây đa, bến nước, sân đình gắn liền trong tâm thức của mỗi người Việt Nam. Những chiếc trống đồng Đông Sơn, Ngọc Lũ được chạm trổ tinh vi đánh dấu một thời đại vàng son trong tiến trình phát triển văn minh nhân loại. Chính tinh thần văn hóa Hòa Bình, Đông Sơn đã hun đúc thành sức mạnh dân tộc, để các thế kỷ sau đó, đủ sức đối kháng với sự xâm lăng thô bạo của các nguồn văn hóa mang ý đồ đồng hóa phát xuất từ phương Bắc.

Giấc mơ của họ là giấc mơ của một dân tộc hơn một ngàn năm trong bóng đêm nô lệ nhà Hán, nhà Ngô, nhà Đường, nhà Minh qua bốn lần bắc thuộc với bao nhiêu cực hình đày đọa, sáng xuống bể tìm ngọc châu, chiều lên non săn ngà voi, trầm hương, châu báu, dân tộc Việt vẫn bảo vệ được tính độc lập, vẫn giữ được bản sắc văn hóa Việt trong sáng và thuần nhất.

Đất nước chúng ta đã hơn một lần bị mất đi và giành lại được nhưng chúng ta hãnh diện nói lớn rằng dân tộc Việt Nam chưa bao giờ bị mất gốc. Hình ảnh những chiếc búa, những chiếc rìu, những mũi thương, mũi đao, mũi tên bằng đồng đào được ở vùng Trung Châu, Bắc Việt, ở

sông Bạch Đằng, dọc Ải Nam Quan không chỉ là những cổ vật mà còn là chứng tích của bao nhiêu trận mạc, bao nhiêu cuộc chiến đấu, bao nhiêu máu xương và nước mắt của tổ tiên đã đổ xuống trước các cuộc xâm lăng của các triều đại Bắc phương khác.

Lịch sử bao giờ cũng mang tính kế tục nhưng trước hết là lịch sử của thời đại. Mỗi thế hệ có một trách nhiệm để hoàn thành những trách nhiệm mà lịch sử giao phó cho thời đại của họ nhưng dù không hoàn thành, ngọn đuốc lịch sử vẫn phải được chuyển sang bàn tay thế hệ khác. Giấc mơ về Việt Nam tự do, dân chủ và giàu mạnh dù sớm hay muộn sẽ phải thành hiện thực.

Thời gian gần đây, tôi có dịp đọc nhiều bài viết từ những tấm lòng đang băn khoăn vì đất nước. Phần lớn bắt đầu bằng nhóm chữ "chưa bao giờ ...như hôm nay". Chưa bao giờ con người Việt Nam bị khinh thường như hôm nay. Chưa bao giờ lãnh thổ Việt Nam bị chiếm đoạt trắng trợn như hôm nay. Chưa bao giờ chủ quyền đất nước bị đe dọa như hôm nay. Chưa bao giờ tài nguyên thiên nhiên bị thất thoát như hôm nay. Tất cả đều đúng cả. Tôi chỉ muốn thêm vào một "chưa bao giờ" nữa, đó là, chưa bao giờ ranh giới giữa dân tộc và phản dân tộc rõ ràng như hôm nay. Biên giới đó rõ ràng đến mức một người Việt Nam có thể chọn lựa đứng về phía chính nghĩa, phía dân tộc mà không phải lo lầm lỡ về sau.

Giới lãnh đạo đảng Cộng sản Việt Nam đã chọn một con đường riêng của họ. Con đường đảng chọn cũng rất rõ ràng: phát triển đất nước theo định hướng Trung Cộng và cùng lúc bằng mọi giá duy trì chế độ độc tài toàn trị tại Việt Nam.

Bộ chính trị trung ương đảng Cộng sản Việt Nam không phải là những người không biết suy nghĩ, không

thấy đúng, thấy sai và thậm chí có rất nhiều cơ hội để sửa sai nhưng quyền lợi cá nhân, phe nhóm và đảng đã che khuất sự sống còn và tương lai đất nước.

Nhân dân Việt Nam chịu đựng quá nhiều rồi, nhượng bộ quá nhiều rồi, lùi bước quá nhiều rồi. Từ xâm lăng Hoàng Sa đến chiến tranh biên giới, các trận đánh khu vực Lão Sơn, lấn chiếm Trường Sa, bắn chết ngư dân Thanh Hóa và hôm nay Bauxite. Chỉ một thời gian ngắn thôi mà nhìn ra biển, nhìn lên núi, nhìn xuống phố, nhìn qua sông, đâu đâu cũng thấy hàng Trung Cộng, đất Trung Cộng, đảo Trung Cộng, người Trung Cộng, vài chục năm nữa đất nước sẽ ra sao?

Tại sao Trung Cộng không bắn thủng tàu, không ăn cướp tài sản, đất đai của Thái Lan, Philippines hay ngay cả của đàn em Bắc Hàn một cách công khai, lộ liễu như họ đã và đang làm đối với Việt Nam? Một người có ý thức nào cũng biết, đơn giản bởi vì giới lãnh đạo Cộng sản Trung Cộng sống trong gan ruột của giới lãnh đạo đảng Cộng sản Việt Nam những kẻ không còn một chọn lựa nào khác ngoài việc núp dưới chiếc dù Trung Cộng.

Như tôi có lần mách nước cho bà con ngư dân trong bài "Ai giết 9 ngư dân Thanh Hóa", cách hay nhất để khỏi bị hải quân Trung Cộng bắn chết là khi tàu đánh cá vừa ra khỏi cửa biển thì xin các bác làm ơn hạ cái lá cờ gọi là "cờ tổ quốc" xuống giùm. Nếu phải treo thì treo đại một lá cờ Phi, cờ Thái Lan, cờ Nhật lên mũi tàu. Nói ra thì cho là phản động nhưng tin tôi đi, làm như thế bà con ngư dân mới hy vọng còn đường trở về với vợ con.

Thời điểm 1958, Pháp đã rút đi và Mỹ thì chưa đến mà Phạm Văn Đồng, còn có thể thay mặt cho 11 ủy viên bộ chính trị, hạ bút ký một văn kiện nhục nhã như thế thì với hoàn cảnh phe Cộng sản chỉ còn lại năm anh em trên một

chiếc xe tang, trong đó có đến bốn em đang lâm cảnh hàn vi đói khát, thì chuyện gì mà họ không dám làm. Lê Khả Phiêu, trong giai đoạn tìm về chủ cũ năm 2001, cũng có thể đã ký những văn bản tương tự như văn bản của Phạm Văn Đồng, khác chăng, "đồng chí Phạm Văn Đồng bị lộ" và "đồng chí Lê Khả Phiêu chưa bị lộ" mà thôi.

Người Do Thái nguyền rủa Hitler, nhân loại kết án Hitler, nhưng nhân dân Đức trước khi có thái độ tương tự, họ phải biết trách các thế hệ Đức trong thập niên 30 của thế kỷ 20, bởi vì chính dân Đức thời đó bằng con đường bầu cử hợp pháp đã đồng ý đặt mình dưới sự lãnh đạo của Hitler và đảng Quốc Xã. Nhân dân Việt Nam chưa bao giờ bầu đảng Cộng sản để lãnh đạo nhưng chắc chắn cũng sẽ phải trả lời cho các thế hệ mai sau về thái độ thờ ơ, thỏa hiệp, yếu hèn của các thế hệ hôm nay trước tình trạng băng hoại đạo đức, lạc hậu kinh tế, thất thoát tài nguyên, mất mát lãnh thổ và suy yếu chủ quyền đất nước.

HỌC TIẾNG NÀO TỐT NHẤT?

Tháng trước tôi đi thăm Ấn Độ, nơi tiếng Anh chế ngự trong hầu hết các sinh hoạt của đời sống và môi trường chuyên nghiệp. Khi vừa về lại nhà đọc tin Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam vừa công bố một dự thảo đưa tiếng Hoa vào bậc tiểu học và trung học với lượng thời gian bốn tiết mỗi tuần. Tôi ngạc nhiên tự hỏi tại sao lại có một chính sách giáo dục đi ngược đà tiến của thế giới đến như vậy. Nhưng sau đó, một thông cáo khác của Bộ Giáo dục và Đào tạo giải thích là "học sinh dân tộc Hoa ở Việt Nam".

Dù chỉ dành cho học sinh các "dân tộc thiểu số" thôi, tôi vẫn nghĩ đó là một chủ trương sai. Ngoại ngữ là phương tiện để hội nhập vào thế giới. Học ngoại ngữ nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển đất nước. Với thời gian và nguồn năng lực giới hạn, học sinh Việt Nam nói chung chỉ nên tập trung vào một hay hai ngoại ngữ, trong đó Anh ngữ phải được xếp quan trọng hàng đầu.

Hai trong số những ưu thế của Ấn Độ là dân chủ và Anh ngữ, nhưng có dịp trực tiếp làm việc vài tuần ở đó tôi mới hiểu rõ hơn về sức mạnh của dân chủ và sự tiện dụng của tiếng Anh trong đời sống tại quốc gia này. Tôi xin

trích vài đoạn trong ký sự về chuyến đi thăm Ấn Độ của tôi có liên quan đến việc học tiếng nước nào tốt nhất qua mối giao tình với một anh tài xế tắc xi và đời sống của các chuyên viên kỹ thuật ở Ấn.

Cuối tháng Hai, sau hai tuần đi vài nơi trên miền bắc, chúng tôi từ New Delhi trở lại Bangalore, thành phố lớn nhất ở miền nam và được xem như "Silicon Valley" của Ấn Độ. Càng đi về phía nam như Chennai, Mandurai, chúng ta sẽ gặp người dân Ấn có màu da đen hơn. Theo lịch sử văn minh Ấn, người miền bắc gốc Aryans da trắng và miền nam gốc Dravidians da đen. Các cuộc di dân giữa hai miền qua suốt chiều dài lịch sử đã làm cho màu da ngày càng bão hòa dần nhưng vẫn còn khá rõ giữa dân Ấn hai miền nam bắc. Giống như người Việt, người Ấn hay nhấn mạnh về lịch sử bảy ngàn năm của họ. Đúng ra, các nhà văn minh học chỉ công nhận năm ngàn năm lịch sử Ấn, còn hai ngàn năm kia dựa vào các huyền sử hơn là các khám phá khoa học.

Đón gia đình tôi ở phi trường cũng là VJ. Tôi sẽ gọi tên anh như vậy trong bài này. VJ là người tài xế đầu tiên đã đón tôi ở Bangalore hai tuần trước. Gặp lại nhau ở Bangalore, anh rất mừng. Tôi kể anh nghe chuyện đi từ bắc xuống nam. Nhiều nơi tôi đến như Varanasi, Sarnath anh chưa từng qua. Trong bốn tài xế đã đưa đón chúng tôi trong thời gian làm việc và thăm viếng ở Ấn, VJ xuất sắc trong nhiều lãnh vực. Anh học đại học nhưng vì lý do gia đình nên không hoàn tất. Ba anh mất sớm, anh phải đi làm để nuôi mẹ, rồi mẹ cưới vợ cho anh và vợ chồng anh có con đầu lòng. Bây giờ trở lại trường rất khó. Anh được tuyển dụng làm tài xế xe tắc xi cho một công ty du lịch hợp đồng đưa đón khách cho bộ phận Ấn Độ của công ty tôi đang làm việc. Nhờ khả năng tiếng Anh, đức tính tốt và tinh thần làm việc tận tụy, hãng thường yêu cầu anh đón

đưa các khách từ Mỹ sang. Trình độ tiếng Anh giúp cho anh VJ có một đời sống khá đầy đủ trong lúc các tài xế khác cùng công ty vất vả hơn nhiều. Khách Mỹ sang thăm Ấn thường tặng tiền thưởng rộng rãi vì ngoài thói quen cho tiền "típ" và tỉ giá cao của Dollar so với Rupee, tiền thưởng chẳng phải tiền từ túi riêng của họ. Về Mỹ họ sẽ khai chi phí chuyến đi và được hoàn trả lại đầy đủ. Tiếng Anh không những giúp VJ có được các tiện nghi của đời sống nhưng quan trong hơn là kiến thức và những giá trị tinh thần khác làm phong phú thêm đời sống con người anh. Những đồng nghiệp người Mỹ của tôi đã từng được anh đưa đón đều nói về anh với lòng kính trọng.

VJ giới thiệu với tôi về sức mạnh tâm linh của người dân Ấn. Dưới vó ngựa của các đoàn quân viễn chinh Hồi Giáo tràn sang lục địa Ấn từ cuối thế kỷ 11, nếu không có một bức tường tâm linh dày và mạnh, Ấn Độ có thể đã trở thành một quốc gia Hồi Giáo như nhiều quốc gia ở vùng Trung Á. Tôi đồng ý nhưng cho rằng sực mạnh đó chưa đủ, bằng chứng Ấn Độ đã bị các lãnh chúa Hồi Giáo cai trị một cách sắt máu suốt mấy trăm năm và nếu không có thực dân Anh, có thể ngày nay vẫn còn bị cai trị. Tôi chia sẻ quan điểm của anh đối về thành phần Hồi Giáo cực đoan tại Ấn nhưng đồng thời cũng phê bình ảnh hưởng tiêu cực tôn giáo còn tồn đọng trong xã hội Ấn. Sau tuần đầu đón đưa tôi mỗi ngày mấy bận, thảo luận và cả tranh luận trong lúc kẹt xe, chúng tôi mến nhau.

Tôi không còn xem anh là tài xế và anh cũng hết xem tôi như khách. Chúng tôi cùng ăn cơm một bàn, cùng uống cà phê một tiệm, trước khi gia đình tôi sang nghỉ hè, chúng tôi cùng lang thang trong những chiều nhộn nhịp sau giờ làm việc. Những chuyện đó được xem là bình thường ở Mỹ nhưng không xảy ra ở Ấn Độ. Theo lời VJ kể, anh chưa bao giờ ăn cơm chung hay ngồi nhâm nhi cà phê

với khách, dù khách Ấn hay khách nước ngoài. Khi có các đồng nghiệp Ấn ăn cơm với tôi, VJ thường tránh đi chỗ khác. Tôi để ý các đồng nghiệp Ấn Độ thường lên giọng với những người cấp dưới và tỏ vẻ không vui khi nghe tôi kể chuyện tôi và VJ đi ăn cơm chung. VJ đồng ý việc phân biệt đẳng cấp còn nhiều nhưng chỉ ở các vùng quê xa xôi, tại các đô thị lớn vị trí được quy định bằng quyền lợi kinh tế và quyền lực chính trị. Anh cho biết chuyện anh không ngồi chung bàn ăn với tôi khi có đồng nghiệp Ấn chỉ vì lý do nghề nghiệp quy định chứ không phải do đẳng cấp xã hội.

VJ nói về tương lai của con anh bằng niềm hãnh diện và hy vọng. Anh tin chế độ dân chủ tự do sẽ giúp cho đất nước Ấn vượt qua những hàng rào tiêu cực trong xã hội, xóa bỏ các tàn tích, các phân biệt, định kiến từ xưa để lại. Khi con người có quyền tự do phát biểu theo luật định và được bảo vệ bởi hiến pháp, các hàng rào tập quán tiêu cực sẽ dần dần được thay đổi. Theo anh, Ấn Độ đã thay đổi rất nhiều và đang trên đường hiện đại hóa. Hệ thống xe điện tại Bangalore vừa khánh thành trước ngày tôi qua vài tháng đã giúp rất nhiều trong việc đi lại của dân nghèo. Dĩ nhiên, với một quốc gia có 1.2 tỉ dân, hàng trăm thứ tiếng, khoảng cách giữa giàu và nghèo còn dài hơn cả cầu Kanpur 23 kilomet, mọi cải cách đều phải có thời gian.

Vai trò và ảnh hưởng của truyền thông tại nhiều thành phố lớn của Ấn không thua kém gì các nước dân chủ phát triển. Trong thời gian tôi ở đó vào đầu tháng Hai, một ông tướng Ấn khai man lý lịch và bị đưa lên tận Tối cao Pháp viện để xử. Mỗi khi mở CNN India là nghe chuyện ông tướng Ấn này. Tôi đem hỏi VJ và anh chàng giải thích, năm sinh của ông tướng Ấn này công bố trong hai tài liệu không giống nhau. Tài liệu thứ nhất ông tướng khai ông

sinh 1952 và tài liệu công bố sau ông tướng khai ông sinh 1953. Báo chí đưa vấn đề ra trước dư luận. Tòa phán quyết ông sinh 1952 chứ không phải 1953 như ông cải chính. Cuối cùng, vì khai khác biệt chỉ một năm thôi, ông tướng đã phải từ chức. Tôi nói với VJ, các bạn thật may mắn, tại Việt Nam, nhân dân nhiều khi không biết ngay cả tên thật của những người lãnh đạo đừng nói chi là ngày sinh tháng đẻ. VJ biết khá nhiều về Việt Nam và anh hy vọng Việt Nam cũng sớm có một ngày trở nên một nước tự do dân chủ như Ấn Độ.

Vì lý do nghề nghiệp tôi có dịp đi khá nhiều nhưng Ấn Độ để lại trong lòng nhiều kỷ niệm đẹp về văn hóa, lịch sử và nhất là con người. Không giống như cách đối xử với các anh tài xế ở Chennai, Varanasi, New Dheli, tiền thưởng dành cho VJ tôi để trong một bì thơ và kín đáo tặng cho anh ngay đêm đó. Sáng sớm hôm sau, chúng tôi như hai người bạn bịn rịn tiễn đưa nhau ở một góc phi trường. Chúng tôi từng người bắt tay tạm biệt anh. VJ chúc con gái út tôi học giỏi và mong gặp vợ con tôi. Nhóm làm việc của tôi phần lớn nằm ở Chennai, nên việc trở lại Bangalore, nhất là vợ con tôi, chắc là rất khó. Lần đầu tiên tôi bước xuống xe tắc xi mà nghe lòng quyến luyến với anh tài xế. Và anh có thể cũng vậy, ít khi đổ một người khách xuống mà không muốn chia tay. Tình người quả thật vô cùng kỳ diệu.

Ngoài VJ, thành phần thứ hai tôi tiếp xúc nhiều nhất là các đồng nghiệp trong ngành kỹ thuật thông tin như tôi ở Bangalore .

Trong số những thành phố tôi đi qua, Bangalore là thành phố hiện đại nhất, không chỉ điều kiện giao thông, thiết kế đô thị nhưng cả trong sinh hoạt hàng ngày của dân chúng. Bangalore có 8 triệu dân, là thủ phủ của tiểu bang Karmataka. Với mức tăng trưởng kinh tế 10.3% mỗi

năm, Bangalore là một trong những tiểu bang phát triển nhanh nhất của Ấn Độ. Hiện nay, Bangalore đang đứng thứ sáu trong danh sách những tiểu bang có mức tổng sản lượng quốc gia tính theo đầu người cao nhất Ấn Độ. Báo chí so sánh Bangalore với vùng Santa Clara ở California, nơi được gọi là Silicon Valley của Mỹ. Rất nhiều chi nhánh hải ngoại của các công ty kỹ thuật thông tin Mỹ đặt tại Bangalore.

Phần lớn các công ty nằm gần nhau trong các Công Viên Kỹ Thuật Thông Tin (Information Technology Park) và được bảo vệ an ninh thật chặt chẽ. Các tòa nhà xây gần đến nỗi khi mới bước vào lần đầu tôi tưởng chỉ một công ty tôi đang làm thôi. Các chuyên viên Ấn thay đổi công việc làm nhanh hơn các chuyên viên ở Mỹ rất nhiều. Tuy làm việc cho các công ty khác nhau, sự thông tin liên lạc giữa họ rất gần gũi. Một công ty nào đó cần người cả khu mấy chục công ty đều biết. Các kỹ sư, chuyên viên Ấn ăn cơm chung trong những nhà ăn lớn, đi xe chung, nghỉ ngơi chung, giải trí chung, tập thể dục chung. Ở Mỹ thay đổi một công việc nhiều khi còn phải bán nhà, ở Ấn thay đổi công việc giúp họ lên lương nhưng không ảnh hưởng nhiều đến sinh hoạt hàng ngày, vẫn đi một xe, làm việc trong một khu, ăn trong một nhà ăn và có thể cũng làm giống một giờ giấc đã quy định trong công việc trước.

Nhiều người nghĩ rằng dân Ấn Độ có khuynh hướng giỏi về ngành thông tin kỹ thuật hơn dân các quốc gia khác. Tôi nghĩ điều đó không đúng. Lợi thế lớn nhất của các kỹ sư Ấn Độ là Anh ngữ chứ không phải vì họ thông minh hơn kỹ sư các nước khác. Nhóm tôi làm việc thường được gọi là "tiểu Liên Hiệp Quốc" vì nhân viên có gốc từ nhiều nước khác nhau nhưng ngoài tiếng Anh, tôi không thấy sự khác nhau nổi bật nào giữa một kỹ sư Ấn và một kỹ sư gốc Rumani.

Mặc dù tiếng Hindi là ngôn ngữ quốc gia và tiếng địa phương là ngôn ngữ được dùng hằng ngày ở nhà, tiếng Anh vẫn là ngôn ngữ của đời sống xã hội. Không giỏi tiếng Anh suốt đời làm những công việc có đồng lương được trả theo mức địa phương, và dĩ nhiên rất thấp so với lương các công ty nước ngoài. Hầu hết trường học đều dạy ba sinh ngữ. Một bảng hiệu, một thông báo trên đường đi được viết bằng ba thứ tiếng gồm Hindi, Anh ngữ và tiếng địa phương. Các kỹ sư vừa mới ra trường từ một đại học lớn ở Ấn Độ, nói tiếng Anh có thể còn khó nghe nhưng trình độ viết của họ không kém gì kỹ sư Mỹ và có thể còn nghiêm chỉnh, chính xác hơn.

Sau khi giành được độc lập, một số chính trị gia Ấn Độ bảo thủ chủ trương chỉ dùng Hindi như quốc ngữ và loại hẳn Anh ngữ ra khỏi các chương trình giáo dục. Một khuynh hướng cho rằng chỉ nên dùng Anh ngữ trong bậc trung học trở lên thay vì từ bậc tiểu học. Nhưng cả hai chủ trương bảo thủ đều thất bại, Anh ngữ vẫn tiếp tục được xem là một trong ba ngôn ngữ chính thức tại Ấn Độ.

Lợi thế tiếng Anh đã mang đến cho các thế hệ chuyên viên kỹ thuật trẻ Ấn một cơ hội tốt khi các công ty Mỹ vào đầu thập niên 1990 bắt đầu khai thác các thị trường thông tin kỹ thuật ở các nước đang phát triển. Rất nhiều đề án tin học có thời gian rộng rãi để hoàn thành không cần phải được viết tại Mỹ với giá cao. Tương tự, các công việc bảo trì các cơ sở dữ liệu phải làm vào ban đêm theo giờ Mỹ lại rất thích hợp để làm tại Ấn vì cùng lúc bên đó là ban ngày.

Nguồn cung cấp lớp chuyên viên và kỹ sư trẻ thỏa mãn hai điều kiện kỹ thuật và tiếng Anh không đâu khác hơn là Ấn Độ. Từ đó đã tạo nên một truyền thống giáo dục, thôi thúc các thế hệ học sinh Ấn theo học các ngành kỹ thuật và giúp cho Ấn Độ phát triển nhanh trong lãnh vực

này. Tuy nhiên, thị trường của các ngành kỹ thuật thông tin tại Ấn đã đến mức bão hòa. Lương bổng cao vì sự cạnh tranh giữa các công ty ngoại quốc. Ngay cả một số kỹ sư gốc Ân làm việc tại Mỹ cũng trở về làm việc cho các công ty nước ngoài tại Ấn để vừa gần gũi gia đình vừa có một đời sống tốt. Các công ty Mỹ đang nhìn sang các quốc gia khác ở Á châu nhưng thách thức lớn nhất của các thế hệ kỹ sư trẻ trong vùng này vẫn là Anh ngữ.

Những bữa cơm trưa ở Bangalore, tôi thường ăn cơm chung với các chuyên viên người Ấn trong những nhà ăn rất rộng. Đa số họ còn rất trẻ, vui tươi, năng động. Nhìn họ tôi thầm nghĩ đến các thệ hệ trẻ Việt Nam. Nếu có điều kiện để được tự do phát triển và có một trình độ tiếng Anh tương đối vững vàng, các thế hệ trẻ Việt Nam sẽ phát triển rất nhanh, không thua kém, đừng nói chi Ấn Độ, mà bất cứ một quốc gia nào khác trên thế giới.

Tiếng Anh không nên hiểu đơn giản là tiếng của người Anh hay người Mỹ nhưng là ngôn ngữ có tính phổ quát nhất trong cộng đồng nhân loại ngày nay với ít nhất được 58 quốc gia công nhận như là ngôn ngữ chính thức và hầu hết các quốc gia còn lại đổ xô nhau đi học. Cùng với sự phát triển của các mạng lưới thông tin xã hội như Twitter, Facebook v.v. nhằm nối kết con người dù họ đang sống một góc nào đó của thế giới, vai trò của Anh ngữ càng thêm quan trọng. Sự thành công của Ấn Độ, Singapore cho thấy chính sách ngoại ngữ của một quốc gia là một chính sách giáo dục dài hạn, không nên đặt ra các chương trình học ngoại ngữ chỉ để đáp ứng nhu cầu chính trị ngắn hạn, và nhất là chỉ để làm vui lòng giới lãnh đạo một "nước lạ" nào đó.

CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Lịch sử Việt Nam từ khi có Đảng Cộng sản đến nay là lịch sử của những ngộ nhận, và ngộ nhận lớn nhất là ngộ nhận giữa yêu nước và bán nước.

Bắt đầu từ hoàn cảnh cá nhân, tôi hay suy nghĩ về chiến tranh và đất nước. Như một lẽ tự nhiên, tôi cũng kết bạn với những người có ít nhiều thao thức về đất nước. Những đứa không cùng sở thích lần lượt xa dần. Từ một nhóm nhỏ thời trung học, sau thêm bạn từ các tỉnh khác khi lên đại học. Chúng tôi thường quây quần nhau ở một quán cà phê bình dân gần chợ Hòa Hưng. Quán không có tên nên chúng tôi đặt tên là Cà phê Lương Sơn Bạc để dễ hẹn hò nhau (ngày đó chúng tôi chưa đủ nhận thức để đặt tên quán là Cà phê Lũng Nhai). Với tôi, bạn bè không những chỉ là những người cùng thao thức, cùng lứa tuổi, mà còn là bóng mát, là gia đình vui buồn riêng của tôi.

Giống như nhiều gia đình sau biến cố 30 tháng 4, 1975, "gia đình" chúng tôi cũng trải qua một giai đoạn đấu tranh nội bộ trầm trọng. Có đứa ủng hộ chính quyền

mới một cách nhiệt tình, có đứa miễn cưỡng phải tham gia để tồn tại trong xã hội đang thay đổi, nhưng cũng có đứa chống chế độ một cách quyết liệt. Dù ủng hộ hay chống đối, chúng tôi, những thanh niên nặng về lý luận hơn là hành động, cũng chỉ đấu tranh tư tưởng ở quán cà phê.

Ngày nọ, một người bạn đến nhà chào tôi để ra đi. Sau thời gian học tập chính trị ở trường, anh đã dứt khoát về quan điểm nên có thể sẽ không có thời gian để ghé Lương Sơn Bạc nữa. Anh cho tôi biết, tuy chưa đồng ý với lý luận của Đảng về cách mạng xã hội chủ nghĩa, anh tin cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân là đúng. Theo bạn tôi, đất nước không có con đường nào khác. Thái độ tích cực nhất của một người Việt Nam là xây dựng đất nước tốt đẹp hơn. Mọi chống đối chỉ làm cho dân tộc thêm điêu linh, thống khổ.

Bạn tôi là một người yêu nước chân thành. Chúng tôi đã từng ngồi yên lặng như âm thầm mặc niệm những người vừa chết khi nghe những bản tin chiến sự phát ra từ chiếc radio cũ kỹ của tôi. Chúng tôi đã từng san sẻ những ngậm ngùi chua xót mỗi khi nghe giọng hát Khánh Ly cất lên từ chiếc máy cassette nhỏ của bà chủ quán: *"Huế Sài Gòn Hà Nội, hai mươi năm sao vẫn còn xa".* Chưa bao giờ hai chữ hòa bình quan trọng hơn thế. Chưa bao giờ hai tiếng thống nhất thiết tha hơn thế. Hai mươi năm, dải đất Việt Nam là những dòng sông máu, những khu rừng xương, những cánh đồng nhầy nhụa da thịt anh em. Phải chấm dứt chiến tranh. Phải có hòa bình. Không có chọn lựa nào khác.

Người bạn lớn hơn tôi vài tuổi nên dù chơi với nhau tôi vẫn gọi anh ta bằng anh chứ không mày tao như với vài người khác. Tôi nhớ là đã nói với anh: "Điều mà Đảng cần nhất ở anh là đồng ý với lý luận của họ về cách mạng

dân chủ nhân dân, bởi vì, từ cơ sở đó, sớm hay muộn rồi anh cũng sẽ đồng ý với lý luận về cách mạng xã hội chủ nghĩa". Anh không tranh luận. Anh chỉ ra đi. Anh ra đi như hàng triệu thanh niên miền Bắc đã băng rừng vượt suối ra đi, và cũng giống như hàng trăm trí thức tả khuynh miền Nam ngày đó ra đi. Họ bỏ tổ quốc mà đi nhưng cứ tưởng ra đi vì tổ quốc. Tất cả đã rơi vào chiếc bẫy của Đảng, và miếng mồi đặt trên chiếc bẫy không gì khác hơn là lòng yêu nước, khát vọng hòa bình và giấc mơ đoàn viên dân tộc.

Tôi thông cảm với anh cũng như sau này thông cảm với Đặng Thùy Trâm, Nguyễn Văn Thạc và nhiều người khác. Nhận thức và quan điểm của một người bao giờ cũng mang tính lịch sử, bị quy định bởi các yếu tố chủ quan cũng như khách quan của hoàn cảnh xã hội. Sài Gòn ngày đó như sắp tận thế. Đời sống con người bị khép kín trong một phòng tối khổng lồ, một căn hầm sâu không lối thoát. Tiếng nói duy nhất vọng lên là tiếng nói của Đảng. Cánh cửa duy nhất được phép mở ra là cánh cửa của Đảng.

Ngồi trong thư viện của một đại học Mỹ để ca ngợi dân chủ, phê phán độc tài là chuyện dễ dàng, ai viết cũng hay, ai nói cũng hợp tình hợp lý, nhưng sống tại Việt Nam sau 30 tháng 4, suốt 24 giờ một ngày bị xoáy tròn trong một bộ máy tuyên truyền tinh vi nhất thế giới với các phương tiện lừa dối, cám dỗ, đe dọa, việc giữ được niềm tin vào một ngày tia sáng dân chủ sẽ rọi vào địa ngục trần gian Việt Nam là cả một thách thức vô cùng to lớn.

Nội dung của cuộc cách mạng Đảng gọi là "dân tộc dân chủ nhân dân" gồm "đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, đạp đổ ngụy quyền miền Nam, thực hiện thống nhất đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, mở đường cho cuộc cách mạng xã hội chủ

nghĩa". Còn cách mạng xã hội chủ nghĩa là gì người dân không cần phải quan tâm hay đồng ý. Đó là chuyện của nội bộ Đảng Cộng sản Việt Nam.

Những ngày sau 30.4.1975, từ chiếc loa treo ở đầu phố cho đến các giáo trình, giáo án, sách vở ở trường, tất cả đều tập trung vào việc đề cao vai trò của Đảng. Nào là không có Đảng, dân tộc Việt Nam sẽ mãi mãi chìm đắm trong bóng tối của nô lệ, lạc hậu, đói nghèo. Nào là các đảng phái quốc gia nếu không phải "thân Nhật" thì cũng "thân Pháp" hay "thân Mỹ". Tương tự, không một lãnh tụ cách mạng nào xứng đáng hơn Hồ Chí Minh. Một "Phan Chu Trinh yêu nước nhưng cải lương", một "Phan Bội Châu nhiệt tình nhưng vọng ngoại", một "Nguyễn Hải Thần bám Tàu lâu đến nỗi quên cả tiếng Việt", chỉ có Hồ Chí Minh là suốt đời "vì dân vì nước".

Đảng đã cụ thể hóa và cơ cấu hóa lý luận về "cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân" thành các đoàn thể phụ thuộc như Trí thức Yêu nước, Phật giáo Yêu nước, Công giáo Yêu nước, Liên hiệp Thanh niên Sinh viên v.v… Cơ cấu trung ương tập quyền trong chế độ Cộng sản vận hành như một thái dương hệ. Đảng là mặt trời và các tổ chức, đoàn thể là những thiên thể chung quanh, mỗi thiên thể có quỹ đạo riêng, có vệ tinh riêng, có vòng trong, vòng ngoài nhưng cùng bị chi phối bởi cùng một lực hấp dẫn của mặt trời.

Từ sau hiệp định Geneve đến nay, không biết bao nhiêu giấy mực Đảng đổ ra để biện minh cho việc cưỡng chiếm miền Nam bằng súng đạn của Nga Tàu, với lý do chính vẫn là Việt Nam Cộng hòa từ chối tổng tuyển cử. Tuy nhiên, cốt tủy của vấn đề không phải bên nào ký bên nào không, bên nào chủ trương tổng tuyển cử, bên nào từ chối tổng tuyển cử, mà là sự chọn lựa giữa ý thức hệ Quốc gia và Cộng sản.

Miền Nam, với một quân đội mới được chuyển giao chỉ vài tiểu đoàn, một chính quyền còn đang chập chững bước thấp bước cao trên con đường dân chủ, một xã hội còn đang bị khoanh vùng bằng phe phái, giáo phái, và đại đa số người dân vẫn chưa phân biệt được sự khác nhau giữa Việt Minh và Cộng sản thì làm sao Việt Nam Cộng hòa có thể thắng Đảng Cộng sản, một tổ chức quy củ, dạn dày kinh nghiệm lọc lừa và có một bộ máy tuyên truyền biến trắng thành đen vô cùng lợi hại.

Và giả thiết có bầu cử và Việt Nam Cộng hòa thắng, Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ giải thể hệ thống chính ủy, đảng bộ trong quân đội, giao nộp vũ khí, sáp nhập vào quân đội chính phủ, giải tán bộ máy công an, dẹp bỏ bộ máy tuyên truyền, tự nguyện đặt mình trong khuôn khổ luật pháp và hoạt động một cách công khai như các chính đảng khác? Một người có nhận thức chính trị căn bản cũng biết những chuyện đó còn khó xảy ra hơn chuyện mặt trời mọc ở phương tây và lặn ở phương đông.

Với các lãnh đạo Cộng sản miền Bắc, cộng sản hóa Việt Nam là canh bạc của đời họ. Những năm tháng trui rèn ngoài Côn Đảo hay trốn tránh ở Liên Xô, Trung Cộng, họ cũng chỉ nghiền ngẫm một mục tiêu Cộng sản duy nhất đó. Nếu có tổng tuyển cử thì tốt. Họ sẽ chiếm miền Nam không cần súng đạn. Nếu không có tổng tuyển cử cũng không sao. Họ vẫn chiếm miền Nam nhưng bằng bạo lực. Dù qua phương cách gian lận bầu cử hay phải "đốt cháy cả dãy Trường Sơn", mục tiêu toàn trị vẫn không thay đổi. Sinh mạng của nhiều triệu người Việt, tương lai bao nhiêu thế hệ Việt Nam, viễn ảnh một Việt Nam nghèo nàn thua sút phần lớn nhân loại không nằm trên bàn tính của Bộ Chính trị Trung ương Đảng. Bài học chiến tranh Triều Tiên chưa phai mùi thuốc súng với hơn 3 triệu người thiệt mạng chỉ trong vòng 37 tháng đánh nhau không làm

Đảng phân vân. Khả năng Mỹ trực tiếp đưa quân tham chiến và nhiều triệu tấn Napalm sẽ được ném xuống hai miền không khiến Đảng do dự. Đảng chỉ cần chiến thắng, dù là chiến thắng trên máu xương của đồng bào ruột thịt, trên xác đám trẻ thơ vừa mới chào đời, trên cảnh tương tàn phân hóa tận cùng của đất nước.

Nếu ai cho rằng nhận xét như thế là một chiều và quá đáng, hãy đọc lại các chính sách của Đảng và việc thực hiện các chính sách đó từ 1954 tại miền Bắc, và từ 1975 trên phạm vi cả nước đối với các tầng lớp nhân dân, các thành phần dân tộc không Cộng sản.

Một số người có thể cho rằng nói như thế là đánh giá quá cao mục tiêu của Đảng Cộng sản mà bỏ qua nguyện vọng thống nhất đất nước là nguyện vọng thiêng liêng, phản ảnh truyền thống yêu nước mấy ngàn năm lịch sử của dân tộc Việt Nam. Không. Không ai bỏ qua. Nguyện vọng thống nhất đất nước, tình dân tộc thiêng liêng là tình cảm có thật và vô cùng sâu sắc. Nhưng tình cảm đó chỉ có trong con người Việt Nam bình thường, có trong bác nông phu tay lấm chân bùn, có trong anh công nhân đầu tắt mặt tối, có trong hàng triệu thanh niên nam nữ miền Bắc phải lên đường vào Nam chiến đấu, nhưng không có trong trong đầu óc của giới lãnh đạo Cộng sản, những người thợ vẽ đã vẽ lên tâm hồn nóng bỏng của tuổi hai mươi trong sáng những chân trời không có thực.

Nhà văn Nguyễn Khải, vào cuối đời đã viết về bản chất lừa dối của Đảng trong *Đi tìm cái tôi đã mất*:

"Và nói dối, nói dối hiển nhiên, không cần che đậy. Vẫn biết rằng nói dối như thế sẽ không thay đổi được gì vì không một ai tin nhưng vẫn cứ nói. Nói đủ thứ chuyện, nói về dân chủ và tự do, về tập trung và dân chủ, về nhân dân là người chủ của đất nước còn người cầm quyền chỉ

là nô bộc của nhân dân. Rồi nói về cần kiện liêm chính, về chí công vô tư, về lý tưởng và cả quyết tâm đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa Cộng sản. Nói dối lem lém, nói dối lì lợm, nói không biết xấu hổ, không biết run sợ vì người nghe không có thói quen hỏi lại, không có thói quen lưu giữ các lời giải thích và lời hứa để kiểm tra."

Mặc dù nhiều người đã biết dối trá thuộc về bản chất của chế độ Cộng sản, bài viết như lời trối của nhà văn Nguyễn Khải gây chấn động bởi vì ông ta là một người suốt đời sống, viết và chiến đấu dưới ngọn cờ của Đảng.

Một câu hỏi thường được đặt ra, tại sao các nước Cộng sản Đông Âu và Liên Xô sụp đổ mà Cộng sản tại các nước Á châu như Trung Cộng, Việt Nam, Lào, Miên không sụp đổ. Mặc dầu mỗi nhà phân tích chính trị có thể giải thích nguyên nhân một cách khác nhau tùy theo góc độ họ đứng và mục đích nghiên cứu, đa số đã đồng ý rằng các nước Cộng sản tại Á Châu có một điểm mà các nước Cộng sản Đông Âu không có, đó là sự ràng buộc lịch sử giữa dòng sống của đảng Cộng sản và dòng sống của đất nước nơi đảng ra đời. Đảng Cộng sản Trung Quốc được thành lập 1921 trong cuộc kháng chiến chống Nhật, đảng Cộng sản Việt Nam ra đời 1930 trong cuộc kháng chiến Pháp. Đảng Cộng sản Việt Nam sao chép toàn bộ lý luận của Đảng Cộng sản Trung Quốc kể cả việc lợi dụng mối liên hệ lịch sử ngắn ngủi giữa Đảng và dân tộc để giải thích tính chính danh của Đảng trong tương lai lâu dài của dân tộc.

Đừng quên, trong thời điểm đó, không phải chỉ có Đảng Cộng sản Việt Nam mà rất nhiều đảng, nhiều phong trào cách mạng khác ra đời từ nam đến bắc để cùng đánh đuổi Thực dân. Tuy nhiên, không có một phong trào nào, một đảng phái nào trong cương lĩnh đã tự cho rằng vì họ đánh Pháp nên đảng của họ có đặc quyền lãnh đạo cách

mạng, đặc quyền lãnh đạo đất nước, không chỉ hôm nay và mãi mãi về sau như Đảng Cộng sản Việt Nam.

Con đường cách mạng Việt Nam lót bằng xương máu của hàng vạn người yêu đất nước từ mọi giới, mọi thế hệ. Tác giả Louis Roubaud in trong cuốn sách *Việt Nam*, xuất bản 1931, được trích dẫn khá nhiều, viết về cuộc khởi nghĩa Yên Bái và những diễn biến tại pháp trường. Ngay ở trang đầu Roubaud đã viết: *"Việt Nam! Việt Nam! Việt Nam! 13 lần tôi nghe tiếng hô này trước máy chém ở Yên Bái. 13 người bị kết án tử hình đã lần lượt thét lên như vậy cách đoạn đầu đài hai thước".* Tác giả cũng viết về nhà cách mạng Nguyễn Thái Học: *"Anh mỉm miệng cười, cực kỳ bình thản, đưa mắt nhìn đám đông công chúng và cúi đầu chào đồng bào rồi cất giọng đĩnh đạc, trầm hùng mà hô lớn: "Việt Nam vạn tuế". Cô Giang, vợ chưa cưới của Nguyễn Thái Học, cũng có mặt trong đám đông."*

Trong giây phút lịch sử đó, 13 đảng viên Việt Nam Quốc dân Đảng đã dành hơi thở cuối cùng của đời mình trên mặt đất này để gọi tên hai tiếng Việt Nam. Tuyệt nhiên không ai trong số họ kể cả Đảng trưởng Nguyễn Thái Học đã hô Việt Nam Quốc dân Đảng. Điều này khác hẳn với những lãnh đạo Cộng sản như Nguyễn Thị Minh Khai trước giờ bị xử tử chỉ hô lớn "Đảng Cộng sản Việt Nam muôn năm!" để thể hiện tinh thần bất khuất, kiên trung của bà ta đối với Đảng, cũng như Lê Hồng Phong, trong lời trăn trối cuối cùng ngoài Côn Đảo chỉ nguyện trung thành với Đảng.

Với những người yêu nước chân chính, đảng cách mạng chỉ là chiếc ghe để đưa dân tộc Việt Nam qua sông, trong khi với Đảng Cộng sản, chiếc ghe lại chính là dân tộc.

Sau 35 năm, lý luận gọi là "cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân" vẫn còn được Đảng lặp đi lặp lại để lừa gạt các thế hệ trẻ Việt Nam như đã từng lừa gạt các thế hệ cha chú họ. Không ít những người lớn tuổi thuộc thế hệ chiến tranh 1954 đến 1975 đã từng theo Đảng, dù biết lầm đường, vẫn tiếp tục bám vào lý luận đó và tự lừa dối chính mình rằng cuộc chiến gọi là "giải phóng miền Nam bằng võ lực" là đúng và kết quả, vai trò lãnh đạo của Đảng là tất yếu. Họ tự lừa dối chỉ vì quyền lợi bản thân, chén cơm manh áo, chức quyền, và trong vài trường hợp chỉ là kỷ niệm của một thời trai trẻ đã qua.

Sự sụp đổ của hệ thống Cộng sản quốc tế, xu hướng phát triển dân chủ văn minh của nhân loại và quyền lợi bức thiết của dân tộc Việt Nam đã làm cho mâu thuẫn giữa dân tộc và Đảng Cộng sản chưa rõ nét trong chiến tranh trở nên ngày càng sâu sắc sau cuộc chiến. Dù cho Đảng có ngụy biện và lừa dối bao nhiêu, đại đa số người dân hôm nay đã biết Đảng Cộng sản Việt Nam là vật cản lớn nhất của phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội tại Việt Nam, cũng như để chuẩn bị cho cuộc chiến tranh một mất một còn chống chủ nghĩa bành trướng Trung Cộng không thể nào tránh khỏi trong tương lai.

Chưa bao giờ trong lịch sử Việt Nam, việc tập trung sức mạnh dân tộc trên nền tảng một xã hội dân chủ trở thành một nhu cầu bức thiết hơn hôm nay. Khác với lý luận "cách mạng dân tộc dân chủ" có tính áp đặt, dựng trên những lọc lừa dối trá, cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ngày nay là cuộc vận động toàn dân tộc, tận dụng mọi chất liệu, vốn liếng, tài năng của người Việt trong cũng như ngoài nước.

Nội dung của cách mạng dân tộc dân chủ là tập trung sức mạnh dân tộc, gạt bỏ mọi bất đồng, vận dụng các điều kiện quốc tế thuận lợi để đẩy mạnh cuộc vận động dân

chủ tại Việt Nam đến thành công, thiết lập một chế độ dân chủ pháp trị, hiện đại hóa đất nước toàn diện làm nền tảng cho việc phục hồi chủ quyền đất nước, mở đường cho một Việt Nam thăng tiến lâu dài.

Bởi vì, chỉ có một dân tộc Việt Nam đoàn kết dưới ngọn cờ dân chủ mới thắng được bá quyền Trung Cộng.

Trung Cộng không sợ USS George Washington hay bom nguyên tử mà sợ dân chủ. Ngọn đuốc dân chủ sẽ đốt cháy lây đến cơ chế trung ương tập quyền Trung Cộng một cách vô cùng nhanh chóng. Các tan vỡ trong cơ chế chính trị sẽ gây một phản ứng dây chuyền dẫn tới sự tan vỡ toàn bộ cơ cấu xã hội vốn đặt trên một nền tảng chính trị rất mong manh. Bài học đế quốc La Mã, Áo Hung trước đây hay Liên Xô, Nam Tư còn sờ sờ trước mắt. Chẳng những các dân tộc lớn như Mãn, Mông, Hồi, Tạng sẽ trở nên các quốc gia độc lập, mà ngay các tỉnh lớn trong nội bộ dân tộc Hán cũng có khả năng tuyên bố chủ quyền. Chẳng những Phật giáo, Pháp Luân Công mà cả Hồi giáo Tân Cương tuy ít nhưng có khuynh hướng bạo động, cũng là những đe dọa đối với Bắc Kinh. Một Trung Hoa mênh mông còn có nguy cơ tan thành từng mảnh, chủ quyền quốc gia trong lục địa còn không giữ được nói chi là chủ quyền trên hai nhóm đảo Hoàng Sa, Trường Sa xa xôi.

Là một nước nhỏ, Việt Nam phải biết vận dụng mọi biến động chính trị của các nước lớn để phục hồi lãnh thổ và bảo vệ chủ quyền. Đó là những kinh nghiệm tổ tiên ta đã đúc kết bằng xương máu. Một Mai Thúc Loan không thành công, một Ngô Quyền thành công, một Bà Trưng thành công, một Bà Triệu không thành công, nhưng lòng yêu nước, yêu độc lập tự chủ dân tộc trong lòng các vị vẫn giống nhau. Khát vọng đó qua nhiều thời đại đã trở thành một truyền thống và luôn âm ỉ cháy trong lòng người Việt dù đang sống ở đâu trên mặt đất này. Nếu không có

truyền thống độc lập tự chủ đó, Việt Nam ngày nay không phải là nước Việt Nam mà có thể đã được gọi là Khu tự trị An Nam.

Chính sách của Trung Cộng đối với cuộc tranh chấp Biển Đông thể hiện chỗ yếu của Trung Cộng nhiều hơn thế mạnh. Trung Cộng chỉ giỏi ăn hiếp những ngư dân Hòa Lộc không một tấc sắt trong tay trên những chiếc ghe đánh cá bằng gỗ mỏng vì họ biết không có một Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc nào rảnh rỗi để thảo luận hay ra nghị quyết lên án Trung Cộng về việc bắn một chiếc ghe hay đưa một đoàn du lịch đi thăm viếng Trường Sa. Nhưng Trung Cộng rất tránh đụng những vấn đề nhạy cảm và có ảnh hưởng quốc tế. Ngay cả đồng minh và khách hàng lớn nhất của Trung Cộng trong thế giới Hồi giáo là Iran mà còn gọi Trung Cộng là con cọp giấy khi không dám phủ quyết quyết nghị của Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc kết án chính sách nguyên tử của Iran. Nhiều người lo ngại một ngày Trung Cộng có thể sẽ "dạy Việt Nam một bài học" nữa. Tuy nhiên đừng quên, năm 1979 Trung Cộng không có gì để mất, nhưng năm 2010 trở về sau Trung Cộng có khả năng mất tất cả dù thắng hay bại trong chiến tranh với Việt Nam. Ngay trong chiến tranh biên giới 1979, khi tuyên bố cuộc chiến với Việt Nam là "chiến tranh giới hạn" trong bụng Đặng Tiểu Bình cũng đã dọn đường cho việc rút quân. Với bản chất tiểu nhân của giới lãnh đạo Trung Cộng, họ có thể sẽ thực hiện vài hành động khiêu khích trong vùng Biển Đông để đo lường phản ứng của Mỹ, nhưng cho ăn vàng cũng không dám xua 300 ngàn quân sang biên giới như họ đã làm trong 1979.

Dân tộc Việt Nam cần một kẻ thù và đang có một kẻ thù. Đó là chủ nghĩa bành trướng bá quyền Trung Cộng. Kẻ thù này chẳng những đã được nhân dân trong cũng

như ngoài nước xác định mà một bộ phận lãnh đạo trung ương của Đảng, vì lý do gì đó, cũng đã xác định. Nhưng để thắng Trung Cộng, đoàn kết nội bộ dân tộc chưa đủ mà phải vận dụng được các lợi thế quốc tế trên cơ sở của một chế độ dân chủ.

Về lâu dài, vì lợi ích kinh tế cũng như về các giá trị nhân quyền, Mỹ muốn thấy Trung Cộng trở thành một quốc gia dân chủ trong một châu Á và Thái Bình Dương ổn định. Trung Cộng là nhà băng của nhiều quốc gia trên thế giới kể cả Mỹ, nhưng không giống như các công ty tài chánh Lehman Brothers hay Merrill Lynch, sự khủng hoảng chính trị Trung Cộng sẽ gây tác hại vô cùng trầm trọng đối với nên kinh tế thế giới không thể đo lường được.

Đài Tiếng nói Hoa Kỳ phát thanh 9 giờ một ngày bằng Hoa Ngữ hướng về lục địa Trung Quốc qua hai đài chuyển vận, một đặt ở Thái Lan và một đặt ở Philippines. Ngoài ra, mặc dù mối quan hệ kinh tế phức tạp giữa hai nước đã làm nhẹ các yếu tố khác, chính phủ Mỹ luôn đưa vấn đề nhân quyền trong mọi cuộc gặp gỡ cao cấp giữa hai nước. Trong biến cố Thiên An Môn, nhiều ngàn sinh viên từ Thượng Hải đến Bắc Kinh để tham gia biểu tình cũng nhờ nghe tin tức trên đài VOA. Trong những ngày đầu các cơ quan thông tin của Đảng im lặng coi như không có gì xảy ra, nhưng vì VOA cập nhật tin tức sốt dẻo hàng giờ và sinh viên từ các thành phố tiếp tục ồ ạt kéo về, hệ thống đài của Đảng buộc phải lên tiếng tố cáo "âm mưu nước ngoài", nhưng đó cũng là cách thú nhận biến động chính trị lớn đang diễn ra tại Bắc Kinh.

Tương tự, Mỹ cũng muốn thấy Việt Nam trở thành một nước tự do dân chủ trong một Đông Nam Á hòa bình và ổn định. Nhưng dân chủ không phải là món quà mà ông thần tài Uncle Sam đem đặt trước cửa nhà của mỗi gia

đình người Việt, mà phải bằng nỗ lực của chính dân tộc Việt Nam. Mỹ bỏ 900 tỉ Dollar hay 3 ngàn tỉ tùy theo cách tính và 4500 nhân mạng để lật đổ Sadam Hussein, không phải chỉ nhằm đem lại hòa bình dân chủ cho nhân dân Iraq. Tuy nhiên, nếu là một dân tộc khôn ngoan, đây là cơ hội giúp Iraq vượt qua những khó khăn trước mắt để trong vài năm nữa trở thành một cường quốc trong thế giới Ả Rập.

Trong cuộc chiến tranh giữa Mỹ và Iraq, ai cũng nghĩ kẻ có lợi nhiều nhất sẽ là dân tộc Kurds. Nhưng không, họ là những người chịu đựng thiệt thòi nhiều nhất. Saddam Hussein đã tàn sát không thương tiếc các cuộc nổi dậy của nhân dân Kurds ly khai trước sự bàng quang của Mỹ. Đa số các nhà phân tích đều cho rằng Mỹ phản bội lý tưởng độc lập của nhân dân Kurds. Điều đó chỉ đúng một nửa. Nửa còn lại là sự phân liệt vô cùng trầm trọng trong tập thể 35 triệu Kurds sống trong nhiều quốc gia vùng Tây Á. Một dân tộc chia rẽ, cấu xé nhau, không có một hướng đi chung, không thể vận dụng được sự ủng hộ từ quốc tế và cũng không xứng đáng để được quốc tế ủng hộ.

Bởi vì, chỉ có một dân tộc Việt Nam đoàn kết dưới ngọn cờ dân chủ mới có khả năng làm cho đất nước giàu mạnh.

Khi nói đến phát triển kinh tế, Đảng thường nêu lên những thành tựu giảm nghèo, nâng cao mức sống của người dân so với thời kỳ bao cấp. Ba mươi lăm năm rồi, những bài hát trên chiếc đĩa nhựa 45 vòng đó không còn nghe được nữa. Nhân loại đã bỏ Việt Nam quá xa. Hãy nhìn sang các nước Đông Âu. Họ chỉ thoát ra khỏi xích xiềng Cộng sản chưa được 20 năm nhưng nền kinh tế đã tăng gấp nhiều chục lần so với thời kỳ Cộng sản. Một Ba Lan, một Hungary ngày nay hoàn toàn khác với một Ba

Lan, một Hungary khi còn là những nước Cộng sản chư hầu.

Hai mươi năm trước, có lẽ không bao nhiêu người biết trên trái đất này có một xứ gọi là Lithuania. Như một quốc gia nhỏ nằm sát biên giới Liên Xô, Lithuania là nạn nhân của hiệp ước mật giữa Hitler và Stalin ký kết 1939. Dân tộc Lithuania sau khi bị Stalin cưỡng chiếm, đã chịu đựng những hy sinh vô bờ bến dưới ách Cộng sản. Nhưng ngày nay, đôi cánh tự do dân chủ đã giúp cho dân tộc Lithuania có dân số chưa bằng một phần hai mươi của Việt Nam trở thành một trong những phát triển nhanh nhất Châu Âu, là hội viên đầy kính trọng của NATO và Cộng đồng châu Âu. Việt Nam có tất cả phương tiện tài nguyên, nhân lực và thậm chí nhiều hơn những gì Lithuania đã có trước đây, ngoại trừ đôi cánh. Việt Nam không thể bay ra biển lớn như khẩu hiệu Đảng thường rêu rao nếu chỉ biết nhìn quanh trong nhà, nhìn xuống ruộng, nhìn về quê, nhưng phải thật sự nhìn ra biển, phải biết chọn một hướng đi đúng với thời đại.

Bởi vì chỉ có đoàn kết dân tộc dưới ngọn cờ dân chủ mới thật sự tập trung được sức mạnh tổng hợp của dân tộc và là nền tảng cho một Việt Nam hòa hợp lâu dài.

Tội lỗi của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với nhân dân Việt Nam cả hai miền nam bắc không thể kể hết. Dù Đảng có tung ra hàng trăm nghị quyết 36 cũng không tập hợp được mấy trăm ngàn chuyên gia Việt Nam đang làm việc trong các ngành nghề chuyên môn khắp thế giới và cũng không thuyết phục được khối người Việt hải ngoại đã từng sống, từng chịu đựng, từng bị đày ải dưới chế độ Cộng sản. Như tôi có dịp trình bày trước đây nhiều lần, hòa giải hòa hợp không chỉ là một tình cảm mà phải dựa trên các nền tảng chính trị, kinh tế, xã hội cần thiết, và các nền tảng đó chính là sự thật, tự do, dân chủ và bình đẳng

giữa những con người cũng như giữa các thành phần trong xã hội. Và điều đó không thể xảy ra khi nào Đảng Cộng sản còn nắm quyền lãnh đạo đất nước.

Nhưng làm thế nào và ai sẽ là người thực hiện cuộc cách mạng dân chủ đích thực trong tình hình mới?

Cách đây hai hay ba năm, tôi không nhớ chính xác, chỉ còn nhớ hôm đó trời đang vào thu như hôm nay. Những hàng cây phong sau vườn của nhà sắp sửa ngả vàng. Hôm đó, tôi đến dự một bữa cơm chia tay. Nhân vật chính trong của buổi tiễn đưa là một bạn trẻ vừa học xong và sắp trở lại Việt Nam. Ăn trưa xong, chúng tôi ra vườn sau ngồi ôn lại khoảng thời gian người bạn trẻ đã học ở Mỹ với những đổi thay về tuổi tác, vóc dáng, đời sống, nhưng nhiều nhất vẫn là nhận thức. Một lúc sau, người bạn trẻ nhìn tôi và hỏi: "Theo anh, em nên làm gì khi trở lại Việt Nam?"

Tôi biết ý em không phải làm nghề gì để sống, làm cách nào kiếm được nhiều tiền, nhưng là cách nào hữu hiệu nhất để đóng góp vào xã hội Việt Nam đang thiếu thốn quá nhiều. Tôi trả lời, đại ý, xã hội Việt Nam phân hóa và suy thoái đến mức lãnh vực nào cũng cần thay đổi. Nhiều người phải có một tổ chức mới đóng góp được nhưng cũng có người làm việc hữu hiệu hơn khi hoạt động độc lập. Tuy nhiên, dù có tổ chức hay độc lập, một điều mà thế hệ Việt Nam hôm nay phải hiểu, dân chủ là đôi cánh của dân tộc, và nỗ lực của em dù trong chức vụ gì, trong ngành nghề gì cũng nên tác động và thúc đẩy mục tiêu thời đại đó.

Không ai nói con đường cách mạng dân tộc dân chủ là con đường tráng nhựa, sẽ đến chiều nay hay sáng mai, nhưng chắc chắn sẽ đến, miễn là mỗi người Việt còn đang nghĩ đến an nguy dân tộc, bỏ ra một chút công sức, đóng

góp một ít tài năng. Dăm giọt nước không đầy sông nhưng dòng sông không phải tự nhiên có mà là tích lũy từ nhiều giọt nước.

MẶC CẢM CHIÊU HỒI VÀ KHÁT VỌNG TỰ DO

Mùa hè năm nay tôi đến thăm một đảo nhỏ vùng Trung Mỹ. Thật ngạc nhiên. Cuối tháng Bảy, những hàng phượng vĩ trổ bông màu đỏ rực giống hệt như trong các sân trường ở Việt Nam. Tuổi học trò mộng mơ ngủ yên trong ký ức chợt thức dậy ở một nơi rất xa xôi. Nhìn hàng phượng vĩ lòng lại bâng khuâng nhớ đến quê nhà. Cả gia đình ngồi bên hàng phượng đỏ và kể cho nhau nghe những kỷ niệm về hoa phượng. Hai mươi bảy năm. Thời gian tôi sống ở ngoài nước đã dài hơn thời gian tôi sinh ra và lớn lên trong nước, thế nhưng, Việt Nam vẫn là đề tài chính không chỉ trong sinh hoạt cộng đồng, những buổi họp mặt anh em văn nghệ, trong bữa cơm gia đình mà ngay cả trong những ngày ở lại trên một hòn đảo cách Việt Nam hàng chục ngàn dặm. Đơn giản, bởi vì đó là đất nước. Không có gì quan trọng hơn đất nước. Mỗi người rồi sẽ ra đi nhưng đất nước sẽ ở lại cho nhiều đời sau.

Có lần tôi được hỏi mai mốt có dịp trở về, ngoài gia đình, tôi sẽ đi đâu khác. Tôi trả lời rằng tôi sẽ đi thăm Hà

Nội. Thật vậy, tôi không hề có ý nghĩ trở về chỉ để thăm những hàng phượng đỏ trên đường Bạch Đằng Đà Nẵng, những đồi sim tím ở Quế Sơn hay tìm lại những gì tôi đã mất. Không. Nền nhà cũ, con đường xưa, trường học, dòng sông tuổi thơ đã là kỷ niệm và dù vui hay buồn cũng đã thuộc về quá khứ. Mỗi thứ đã có một ngăn riêng trong tâm hồn. Tôi vẫn ôm ấp và sống với chúng trong mỗi ngày tôi còn có mặt ở đây. Nếu có dịp trở về, tôi sẽ đến thăm sông Hồng, Quốc Tử Giám, hồ Hoàn Kiếm, chùa Một Cột. Tôi sẽ đi Phong Châu, Phú Thọ để dâng nén hương lên anh linh các đấng vua Hùng. Tôi sẽ hành hương về Yên Tử, vùng đất tổ của Phật Giáo Việt Nam. Ở mỗi nơi tôi sẽ không quên dành một phút để trịnh trọng thưa rằng tôi là người có lỗi.

Tôi có lỗi bởi vì trước đây tôi đã nghĩ sai về Hà Nội, nghĩ xấu về Hà Nội, nghĩ sai về miền Bắc, nghĩ xấu về miền Bắc. Hà Nội trong tôi 33 năm trước là trung tâm quyền lực của một chế độ độc tài, tàn bạo đã mang súng đạn của Nga, Tàu về tàn sát hàng triệu người dân miền Nam, giày xéo lên quê hương Việt Nam. Tôi có mặc cảm rằng ra Hà Nội là đầu hàng, ra Hà Nội là chấp nhận chế độ, là một hình thức chiêu hồi. Tôi ở lại Việt Nam thêm 6 năm nhưng nhất định không đi thăm miền Bắc, dù có nhiều cơ hội.

Thực tế chính trị Việt Nam sau 1975 với hàng loạt các chính sách vô cùng thất nhân tâm là những đám mây đen che khuất đi những đền tháp vàng son của một Hà Nội uy nghi trong tâm hồn tôi. Đứng trên đường phố Sài Gòn buổi trưa 30 tháng 4 năm 1975, tôi nhớ lại những ngày ở Đà Nẵng đầu năm 1968 với tiếng gầm thét của những máy bay chiến đấu, những khẩu đại pháo nòng dài, những quân trang quân dụng, tất cả đều được chế tạo và mang đến từ nước Mỹ. Và 30 tháng 4 năm 1975 cũng chẳng

khác gì. Từ khẩu súng trường cho đến túi lương khô, nếu không mang nhãn hiệu Trung Cộng thì cũng Liên Xô. Cả con người cùng dòng giống với tôi nhưng xa lạ không khác gì những anh chàng Mỹ đen Mỹ trắng trước đây.

Đặc tính lai căn thể hiện không chỉ trong sách vở, trong giáo trình mà cả trong cách ăn nói, giọng hát, diễn kịch, điệu múa, dáng đi cũng rập theo cung cách của Nga. Hà Nội trong tôi sau 1975 không còn là Hà Nội nơi Trần Quang Khải từng khẳng khái ngâm vang *"Thái bình nên gắng sức, non nước ấy ngàn thu"* trong đêm liên hoan mừng chiến thắng quân Nguyên cuối thế kỷ 13. Giấc mơ được ra thăm miền Bắc của tôi không ai đụng nhẹ nhưng đã tan như chiếc bong bóng nước trong cơn mưa Sài Gòn buổi sáng cuối tháng 4 năm 1975.

Tôi cắt đứt không thương tiếc tình yêu dành cho chiếc nôi văn hóa của dân tộc Việt Nam mà từ tuổi thiếu thời tôi bao đêm mơ ước một lần được đến, được trở về thăm, được hôn lên mảnh đất nơi tôi đã từng viết *"mỗi chiếc lá như còn nghe hơi thở, mỗi cành cây như có một linh hồn".* Thật vậy. Những năm đầu thập niên 1970, khi còn học trung học Trần Quý Cáp ở Hội An, nếu ai hỏi tôi sẽ làm gì sau khi đất nước thanh bình, tôi trả lời ngay rằng tôi sẽ đi thăm miền Bắc. Không phải vì tôi bị ảnh hưởng bởi nhạc Trịnh Công Sơn *"khi đất nước tôi thanh bình, tôi sẽ đi ba miền"*, mà vì trong các môn học tôi vẫn thích nhất môn sử. Quê cha của tôi là Quảng Nam nhưng đất tổ của tôi là miền Bắc. Khi còn nhỏ, mỗi năm trong ngày giỗ chạp, bác tôi thường nhắc nhở con cháu, dòng họ chúng tôi lần đầu từ ngoài Bắc đi vào Nam chỉ có hai anh em, người anh dừng lại ở Quảng Nam nhưng người em thì đi tiếp vào Quảng Ngãi. Nhưng cũng sau lần chia tay đó họ đã lạc nhau cho đến bây giờ. Tôi lớn lên với cảm tình sâu đậm dành cho cả hai xứ Quảng thân yêu và niềm khao khát tìm

về những bà con cùng tộc ở miền Bắc vẫn âm thầm chảy trong tâm hồn tôi. Thầy dạy môn sử cũng đam mê lịch sử như tôi và đã dạy chúng tôi những giờ sử tuyệt vời. Thầy diễn tả các trận Tụy Động, Chúc Động còn hay hơn Kim Dung tả trận Tụ Hiền Trang trong Thiên Long bát bộ. Từ ô cửa của trung học Trần Quý Cáp, những buổi chiều tôi đã thả hồn mình trôi theo sóng nước sông Hồng, và đâu đó dưới lòng sông như vẫn còn những chiếc cọc gỗ lim mà hơn một ngàn năm trước đã đâm thủng chiến thuyền quân Nam Hán hay hơn bảy thế kỷ trước Trần Hưng Đạo đã đánh bại quân Nguyên. Tôi thuộc nằm lòng tên tuổi của các vị danh tướng thời Lê Lợi như Lê Thạch, Lê Sát, Lê Lai, Nguyễn Xí, Đinh Lễ, Đinh Liệt… và các vương tước nhà Trần như Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật, Trần Khánh Dư, Trần Quốc Toản... Những địa danh Đông Đô, Tây Đô, Chi Lăng, Vạn Kiếp, Thiên Trường đi vào ý thức tuổi học trò của tôi như những niềm kiêu hãnh không bao giờ phai nhạt.

Là một trong những sinh viên thuộc diện "sinh viên chế độ cũ", sau mấy tháng đi làm thủy lợi, chúng tôi trở về trường Luật học tiếp. Để tìm giải đáp cho những câu hỏi về Đảng Cộng sản, về chiến tranh và cách mạng Việt Nam, tôi học rất nghiêm túc, chăm chú lắng nghe các cán bộ giảng dạy kinh tế chính trị, triết học Mác - Lê, đến nhà tập thể để tìm hiểu thêm từ các giáo sư đại học miền Bắc về những điều các ông các bà có thể không nói hết ở trường và đọc tất cả những gì có thể đọc. Sau thời gian khá dài học hỏi và tiếp xúc với nhiều người, tôi hiểu ra rằng những gì tôi nghĩ về miền Bắc trước đó là không đúng. Tôi đã vơ đũa cả nắm. Đồng bào miền Bắc, giống như chúng tôi ở miền Nam, đều là nạn nhân của ý thức hệ cộng sản, thậm chí họ còn chịu đựng dài hơn, lâu hơn và đau đớn hơn nhiều. Thế hệ trẻ chúng tôi ở miền Nam cũng may mắn hơn những người cùng tuổi ở miền Bắc.

Chúng tôi sinh ra và lớn lên trong một xã hội tuy không hẳn hoàn toàn tự do nhưng vẫn có ít nhiều chọn lựa. Chúng tôi chẳng những có quyền phàn nàn, chỉ trích mà còn xuống đường, hoan hô và đả đảo. Tuổi trẻ miền Bắc thì không. Họ sinh ra khi Đảng đã có rồi. Sự có mặt của Đảng Cộng sản như họ được dạy từ lớp mẫu giáo là một quy luật tất yếu của xã hội loài người. Đảng cần thiết như hơi thở và sự sống, tự nhiên như nắng và mưa, khoa học như mặt trời mọc buổi sáng và lặn vào buổi tối. Đảng là tối thượng, là tuyệt đối, trên cả cha mẹ, gia đình và tổ quốc. Chính sách tẩy não, thuần hóa con người không phải là sản phẩm độc quyền của chế độ cộng sản, nhưng chỉ trong xã hội cộng sản việc "trồng người" mới được xem như là mục tiêu của nền giáo dục. Tôi ý thức điều đó cũng là thời gian tôi phải lo tìm đường vượt biển, nên không có dịp ra thăm miền Bắc.

Đối với miền Nam, tôi cũng hiểu ra rằng miền Nam mất không phải vì thiếu 300 triệu đôla viện trợ đặc biệt đầu 1975 hay vì bị Mỹ bỏ rơi như cố Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu thở than oán trách trong diễn văn cuối cùng của ông vài ngày trước khi lên máy bay. Miền Nam mất không phải vì quân đội Việt Nam Cộng Hòa yếu kém hơn quân đội cộng sản hay các tướng lãnh Việt Nam Cộng Hòa không tài ba thao lược bằng các tướng Cộng Sản. Cộng sản thắng cuộc chiến Việt Nam, như tôi đã viết trong vài bài trước trên talawas, chỉ vì từ ngày thành lập 1930 họ luôn nhất quán với mục đích toàn trị và bất chấp mọi phương tiện để đạt đến mục đích; họ tổ chức tinh vi và phát huy triệt để tính Đảng từ trong mỗi tổ ba người cho đến cấp trung ương, và quan trọng nhất, họ tận dụng lòng yêu nước truyền thống, nhất là đặc tính bảo thủ, của người dân Việt Nam. Việt Nam Cộng Hòa thì hoàn toàn khác. Tại miền Nam không có một đảng chính trị nào được tổ chức tinh vi đến mức có thể gọi là lực đối kháng

tương xứng với Đảng Cộng sản, không có một hệ thống thông tin ngang tầm với bộ máy tuyên truyền cộng sản và các nhà lãnh đạo miền Nam, vì những vướng mắc bản thân và mải lo tranh quyền đoạt lợi, đã không làm sáng lên được chính nghĩa, không tổng hợp được lòng yêu nước, yêu tự do dân chủ trong người dân miền Nam thành sức mạnh. Vì thế, nếu không có ngày 30 tháng 4 năm 1975 thì rồi cũng sẽ có 30 tháng 4 năm 1976, 30 tháng 4 năm 1977, nói khác đi, việc miền Nam rơi vào tay cộng sản chỉ là vấn đề sớm hay muộn, trước hay sau chứ không phải là khả năng có hay không có thể xảy ra.

Với nhận thức đó, tôi không còn mang mặc cảm chiêu hồi khi nghĩ về Hà Nội và tìm lại được trong tôi tình yêu dành cho chiếc nôi của lịch sử Việt Nam. Vâng, nhưng đó không phải là quan trọng nhất. Quan trọng hơn thế nữa vì tôi hiểu đã rằng ngay từ trên những điêu tàn đổ nát, một cuộc chiến mới đã được phát động trong âm thầm trên phạm vi cả nước, đó là cuộc chiến giữa khát vọng tự do nhân bản và cộng sản độc tài toàn trị, giữa tự do và nô lệ, giữa thịnh vượng văn minh và nghèo nàn lạc hậu. Tôi bắt gặp trong ánh mắt của những người dân đang chui rúc dưới những tấm ny-long trên đường Trần Hưng Đạo, trong những căn nhà không vách ở các vùng kinh tế mới, đang sắp hàng bán máu ở bịnh viện Chợ Rẫy một niềm đau câm nín và tôi tin một ngày những nỗi đau câm nín đó sẽ biến thành vũ khí. Không ai nói đây là cuộc tranh đấu dễ dàng. Bằng chứng là, dù nói gì thì nói, sau 33 năm chế độ cộng sản vẫn còn tồn tại và Việt Nam vẫn còn là một nước lạc hậu về văn minh, nghèo nàn về kinh tế và tất cả các quyền căn bản của một con người vẫn còn là một mơ ước xa xôi.

Cộng sản còn sống bởi vì nhiều người nghĩ rằng cộng sản đã chết.

Nếu cho rằng cộng sản đã chết thì trước khi chết cộng sản sống ở đâu? Liên Xô sau Cách mạng 1917 có phải là cộng sản không?

Liên Xô dưới thời Stalin có phải là cộng sản không? Trung Cộng dưới thời Mao với những "nhà máy luyện kim sau hè" và công xã nhân dân có phải là cộng sản không?

Bắc Hàn dưới thời Kim Nhật Thành có phải là cộng sản không? Campuchia dưới thời Pol Pot có phải là cộng sản không?

Việt Nam dưới thời Hồ Chí Minh với Cải cách Ruộng đất và Nhân văn Giai phẩm có phải là cộng sản không?

Tất cả đều không và đều có, đều khác nhau và đều giống nhau. Không, bởi vì chưa có nước cộng sản nào kể cả Liên Xô với những kế hoạch 5 năm đầy tham vọng, đạt được những bước phát triển kinh tế có thể giải thích đúng với lý thuyết của Mác; và đều giống nhau, vì tất cả đều dùng những phương tiện mà lý thuyết Mác - Lê đã đề cao, đó là áp dụng bạo lực không thương tiếc đối với các thành phần xã hội cản trở bước tiến hay chống đối lại các mục tiêu của Đảng Cộng sản.

Đặng Tiểu Bình, một thời đã được thế giới ca ngợi là nhà cải cách xã hội lớn và thậm chí có người còn hy vọng ông ta sẽ từng bước mở đường cho một Trung Quốc dân chủ, hội nhập vào dòng phát triển của văn minh thế giới khi họ Đặng chuyển hướng nền kinh tế tập trung sang kinh tế thị trường, xóa bỏ toàn bộ hệ thống công xã thời Mao, tố cáo tội ác của Cách mạng Văn hóa, thiết lập các khu kinh tế đặc biệt làm cửa ngõ giao thương quốc tế, cho phép người dân phát biểu ý kiến qua phương tiện của "Bức tường dân chủ" gần khu Tử Cấm thành ở Bắc Kinh. Đặng Tiểu Bình viếng thăm Mỹ vào tháng Giêng 1979 và

được Tổng thống Jimmy Carter tiếp đãi như quốc khách, mặc dù chức vụ của ông ta chỉ là Phó Thủ tướng. Nhưng cũng chính Đặng Tiểu Bình chứ không ai khác, là người có quyền tối hậu trong quyết định tàn sát nhiều ngàn sinh viên Trung Quốc yêu dân chủ đầu tháng 6 năm 1989. Những chiếc tăng của các binh đoàn 27 và 28 trên đường phố Bắc Kinh gợi lại cho người xem hình ảnh của những chiếc tăng Liên Xô tại thủ đô Praha, Tiệp Khắc mùa xuân 1965 hay thủ đô Budapest, Hungary tháng 11 năm 1956. Thời điểm khác nhau, nạn nhân cũng khác màu da, nhưng phương pháp mà các lãnh tụ cộng sản áp dụng để tiêu diệt kẻ thù của đảng dù ở nước nào cũng giống nhau và độc ác như nhau. Cộng sản không phải chỉ là mớ lý luận mơ hồ mà chính là thực tế vô cùng cụ thể và tàn bạo. Đặc điểm áp dụng bạo lực không thương tiếc đó vẫn còn sống hùng và sống mạnh tại Việt Nam. Các cơ quan truyền thông quốc tế khi nhắc đến Việt Nam thường kèm theo chữ cộng sản đi đầu như để nhắc nhở người đọc về một xã hội còn nhiều lạc hậu, là một cơ chế chính trị độc tài, là một đảng chính trị sống nhờ bạo lực chứ không phải là nơi có những con người đang theo đuổi mục tiêu "làm theo năng lực hưởng theo nhu cầu" như Mác viết.

Cộng sản còn sống vì căn bệnh sùng bái cá nhân vẫn còn hoành hành và tác hại.

Khi nói đến bịnh sùng bái cá nhân, người ta sẽ nghĩ ngay đến Bắc Hàn trước. Nhà báo Robert Marquand, một chuyên viên về Bắc Hàn của tờ *Christian Science Monitor,* trong các phóng sự về phần đất cô lập từ thế giới nầy đã thu thập hàng trăm tin tức, mẩu chuyện về cuộc sống đồi trụy cha con Kim Nhật Thành mà đối với phần lớn nhân loại gần như là những chuyện khó tin đến độ hoang đường. Theo Robert Marquand, Kim Chính Nhật có khoảng từ 2 đến 4 tỉ đôla ký thác trong các ngân hàng

châu Âu. Sau khi kế thừa sự nghiệp của "lãnh tụ vĩ đại" năm 1994, Kim Chính Nhật sống xa hoa trong cung điện Trường Thọ ở Bình Nhưỡng và ngày đêm tận hưởng thú vui xác thịt với các đoàn vũ cho chính họ Kim đặt tên như "đội ca vũ", "đội hạnh phúc", "đội thỏa mãn". Đối với việc ăn uống, y rất kiêng cữ và chọn lọc. "Lãnh tụ kính yêu" thích món ăn Ý hơn là món do các đầu bếp Bắc Hàn chuẩn bị. Để món ăn được nấu cho đúng kiểu, lãnh tụ mướn không những chỉ đầu bếp Ý mà còn yêu cầu chở nguyên cả cái bếp từ Ý sang để nấu nướng cho y ăn. Những điều đó xảy ra trong thời điểm khi khối Xô-viết vừa tan rã, các nguồn viện trợ lớn từ các quốc gia cộng sản bị cắt đứt, hạn hán, mùa màng thất thu, và trên đường phố tỉnh Bắc Hàm Kính (North Hamgyong) người chết đói nằm la liệt. Không một thống kê nào cho biết chính xác bao nhiêu người dân vô tội, bao nhiêu trẻ em Bắc Hàn đã chết, nhưng theo ước lượng từ nhiều cơ quan từ thiện quốc tế cũng như lời kể những viên chức Bắc Hàn cao cấp đào thoát được, khoảng 600 ngàn cho đến 3 triệu (hơn 10 phần trăm dân số) dân Bắc Hàn chết đói trong giai đoạn từ 1990 đến 1997.

Tại sao một đất nước 23 triệu người lại có thể chấp nhận để những người lãnh đạo đất nước đối xử một cách tàn tệ như thế? Phải chăng họ sợ chết, bị bỏ tù, tra tấn, lao động khổ sai?

Tất cả lý do đó đều đúng nhưng chưa phải là hoàn toàn chính đáng. Theo giáo sư và ký giả Bradley K. Martin, tác giả của tác phẩm *Dưới sự bảo bọc đầy tình thương của cha già dân tộc* (Under the Loving Care of the Fatherly Leader), được nhà điểm sách Nicholas D. Kristof của The New York Review of Books đánh giá là tác phẩm xuất sắc nhất về xã hội Bắc Hàn từ trước đến nay, ở Bắc Hàn *"mọi người bị tiêm nhiễm ngay từ khi mới sinh ra để*

tin vào các lý thuyết tôn thờ cá nhân. Họ tin rằng cha con Kim Nhật Thành là bậc thánh nhân, vượt qua khỏi các luật căn bản của loài người, là một giống người đặc biệt, loại người xứng đáng để tôn thờ". Phần lớn dân Bắc Hàn vẫn tin rằng nạn đói là do thời tiết, hạn hán, thất thu chứ không phải là hậu quả của một chính sách cai trị dã man, ngu xuẩn và tàn bạo nhất trong lịch sử loài người.

Các đảng viên cộng sản hay đoàn viên trung kiên của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh khi đọc những mẩu chuyện đau lòng đang xảy ra tại Bắc Hàn, hẳn nhiên cảm thấy an ủi bởi vì Việt Nam không phải là Bắc Hàn. "Bác Hồ tình yêu bao la" của họ không giống như Kim Nhật Thành. "Bác Hồ" xứng đáng được gọi là "cha già dân tộc", là "nhà thơ lỗi lạc" của văn học Việt Nam, là "nhà quân sự thiên tài" không thua kém gì Hưng Đạo Đại vương, là "nhà giáo dục vĩ đại" của đất nước, không, không thể so sánh "Bác Hồ" với cha con Kim Nhật Thành bịnh hoạn kia được. Xin đừng mừng vội. Nếu đi hỏi những người dân Bắc Hàn, họ cũng trả lời tương tự như thế. Với người dân Bắc Hàn, Kim Nhật Thành cũng là "nhà thơ, nhà khoa học, nhà giáo dục vĩ đại", đừng nói chi là "Bác Hồ" của Việt Nam mà cả gần bảy tỉ người trên trái đất nầy không ai có một đời sống thanh bần, trong sạch, một trái tim to lớn, một tình yêu bao la dành cho đất nước hơn là "lãnh tụ vĩ đại" và "lãnh tụ kính yêu" của họ.

Điều đó cho thấy mức độ trầm trọng tuy có thể khác nhau, nhưng nhiều người Việt Nam cũng đang mang một căn bịnh như người dân Bắc Hàn. Một em bé khăn quàng đỏ của Việt Nam cũng ca ngợi "Bác Hồ tình yêu bao la" một cách chân thành như một em bé khăng quàng đỏ Bắc Hàn ca ngợi "lãnh tụ vĩ đại Kim Nhật Thành" của em. Sùng bái cá nhân là căn bịnh của chủ nghĩa cộng sản, nơi nào chủ nghĩa cộng sản đặt chân đến là nơi đó bịnh sùng bái

cá nhân phát sinh và tồn tại theo suốt chiều dài của Đảng. Việt Nam cũng thế, đừng nói chi các làng bản xa xôi, nông thôn hẻo lánh, nơi ông Hồ được đưa vào miếu Thần hoàng để cúng tế hàng năm, mà ngay cả ở thành phố, trong chùa chiền, trong sách vở văn học, ông Hồ Chí Minh, giống như cha con họ Kim ở Bắc Hàn, vẫn được xem như là "là bậc thánh nhân vượt qua khỏi các luật căn bản của loài người, là một giống người đặc biệt, loại người xứng đáng để tôn thờ". Chúa và Phật có thể sai nhưng ông Hồ thì không. Tất cả những tìm hiểu, nghiên cứu khoa học, khách quan, độc lập về cuộc đời ông Hồ đều bị nghiêm cấm và có thể bị bỏ tù nếu vi phạm. Bịnh sùng bái cá nhân như một loại tà đạo mấy chục năm qua đã giết chết các mầm mống sáng tạo, vươn lên, suy nghĩ độc lập trong nhiều thế hệ Việt Nam.

Đảng Cộng sản còn tồn tại nhờ vào một tầng lớp có học phục vụ cho Đảng.

Vì các lý do địa-chính trị, Đảng Cộng sản Việt Nam khống chế tư tưởng và đời sống con người khôn khéo hơn cha con Kim Nhật Thành nhiều. Thay vì đóng đinh toàn bộ đất nước vào một hệ thống giáo điều không tưởng như lý thuyết Juche ở Bắc Hàn, Đảng Cộng sản Việt Nam đã tạo ra những không gian sinh tồn tương đối rộng và tồn tại một cách độc lập dành cho các thành phần xã hội khác nhau. Mỗi thành phần có một môi trường sinh hoạt riêng và chịu các điều kiện chi phối riêng. Như Mác đã nói "Giai cấp tiểu tư sản là đòn xóc nhọn hai đầu", thành phần có học phục vụ đắc lực nhưng nguy hiểm, cho nên vừa được nhiều biệt đãi mà cũng vừa bị kiểm soát chặt chẽ hơn so với các thành phần khác. Ngày nay, trong khu vườn văn học vẫn có tiếng chim kêu, có tiếng nước chảy, tiếng suối reo và các nhà thơ, nhà văn vẫn có quyền sáng tác, miễn là đừng bước ra khỏi giới hạn mà Đảng đã

khoanh vùng. Ngoại trừ một số nhỏ đã vượt qua hay đang tìm cách vượt qua khỏi hàng rào cản để cùng chịu đựng với những bất hạnh của dân tộc, dùng ngòi bút để nói lên thảm trạng của đất nước hay đấu tranh cho quyền lợi đất nước, phần lớn đã ở lại trong vườn. Như Erich Maria Remarque viết trong *Chiến hữu,* "hạnh phúc bắt đầu từ thói quen", họ dần dần cũng cảm thấy hạnh phúc và tự an ủi rằng ít ra môi trường sáng tác ngày nay tốt hơn nhiều so với ba mươi ba năm trước. Ngày nay họ không phải thức đêm nén bút để ca ngợi một "anh hùng diệt Mỹ" mà họ chưa bao giờ biết mặt hay tả một "chiến thắng thần thánh" mà họ chưa hề tham dự. Ngày nay họ có quyền viết về tình dục, tình yêu và cả về cuộc sống, miễn là đừng viết về cuộc sống của những người đang ở trong các nhà tù của chế độ, cuộc sống của hàng trăm ngàn phụ nữ Việt Nam đang bán mồ hôi nước mắt khắp thế giới, cuộc sống của hàng ngàn người dân oan khiếu kiện bị mất nhà mất đất đang ngồi chờ các quan lớn trả lời trong các công viên.

Hơn ai hết, thành phần có học biết rằng dù trong khoa học tự nhiên hay khoa học nhân văn, không có phản biện sẽ không bao giờ có sự thăng tiến và phản biện chỉ hình thành trên môi trường tự do sáng tạo chứ không thể ở một môi trường nào khác, thế nhưng, họ chấp nhận làm một người câm điếc để được tồn tại hơn là phản biện để rồi bị tước đi bổng lộc. Mới đây, ông Chu Hảo, nguyên thứ trưởng Khoa học Công nghệ và Môi trường, trong buổi phỏng vấn dành cho web *Dân Trí* mà talawas có nối lại trong mục spectrum, cũng thừa nhận rằng "để có độc lập tư duy, tự do sáng tạo và khách quan phê phán thì phải có một cơ chế dân chủ để đảm bảo cho các quyền đó". Quá đúng. Tuy nhiên, khi được hỏi tại sao thời còn là Thứ trưởng ông đã không nói câu đó mà đợi cho đến khi không còn tại chức mới "lớn tiếng", ông Hảo đáp "*Đơn*

giản là khi còn tham gia quản lý, họ là con người của guồng máy đó nên phải tôn trọng kỉ luật guồng máy, chưa kể người trong cuộc khó có cái nhìn khách quan như người ở ngoài cuộc". Ông không giải thích nhưng người đọc cũng hiểu việc "tôn trọng kỉ luật guồng máy" chính là việc phục vụ cho quyền lợi của Đảng Cộng sản theo kiểu ăn cây nào thì rào cây nấy. Nếu hiểu theo cách nói của ông Chu Hảo, trong guồng máy nhà nước hiện nay không ai đáng gọi là trí thức vì không ai dám phản biện, dám nói lên những cái đúng, tố cáo những cái sai, biết đau cái đau của dân tộc và biết buồn trong nỗi buồn của dân tộc. Như phần lớn những người thuộc tầng lớp có học, ông cũng không đủ can đảm bước ra khỏi chiếc chiếu mà Đảng đã trải cho các ông ngồi. Tâm trạng của ông Chu Hảo cũng là tâm trạng chung của những người thuộc tầng lớp gọi là trí thức xã hội chủ nghĩa hiện nay, khi về hưu, thất sủng, bị bỏ rơi, họ phê bình, phán xét như những quan tòa, nhưng thời gian trẻ trung, năng nổ, đóng góp được nhiều nhất cho đất nước thì họ lại là những kẻ tòng phạm.

Nhà báo Mike Benge của tờ *Washington Times***,** trong bài bình luận trên ấn bản ngày 1 tháng 7 năm 2007, 'Láo to' sống tại Việt Nam ('Big Lie' lives in Vietnam), cho rằng Thomas Jefferson sẽ lăn lộn trong mồ nếu biết ông Hồ Chí Minh đã dùng câu nói bất hủ: "Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc" để lừa gạt dân tộc Việt Nam suốt hơn nửa thế kỷ qua. Trong cuộc chạy đua vào chức vụ Tổng thống Hoa Kỳ, về quan điểm và cách giải quyết các vấn đề của Mỹ, John McCain và Barrack Obama gần như khác nhau hoàn toàn nhưng cả hai đều rất giống nhau trong định nghĩa về đất nước. Tối ngày 11 tháng 9 vừa qua, trong buổi phỏng vấn nhân dịp lễ tưởng niệm nạn nhân khủng bố, khi được

hỏi tại sao ông yêu nước Mỹ, John McCain trả lời *"Tôi yêu nước Mỹ, không chỉ là nơi tôi sinh ra và lớn lên mà còn là lý tưởng, là khát vọng".* Tương tự, trong diễn văn chấp nhận làm ứng cử viên Đảng Dân chủ, Barrack Obama đã nói: *"Có một lời hứa đã làm cho nước Mỹ khác với các quốc gia khác, rằng qua sự làm việc cần mẫn và hy sinh, mỗi chúng ta có thể theo đuổi những giấc mơ riêng nhưng vẫn đến cùng nhau như một gia đình nước Mỹ, để bảo đảm rằng các thế hệ sau cũng có thể theo đuổi các giấc mơ của họ".* John McCain và Barrack Obama không nói để tuyên truyền hay kiếm phiếu mà là sự thật. Từ khi Thomas Jefferson nắn nót những dòng chữ đầu tiên cho bản Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ 1776 cho đến hôm nay, nước Mỹ trải qua nhiều cuộc chiến, trong đó có cuộc chiến giành độc lập đầy vinh quang và một cuộc nội chiến tương tàn đẫm máu, nhưng họ vẫn là một cường quốc. Nước Mỹ trưởng thành không phải nhờ bom nguyên tử mà nhờ ở giấc mơ, lời hứa, khát vọng, như Tổng thống Kennedy một lần đã viết: *"Con người có thể chết, đất nước có thể thăng hay trầm, nhưng lý tưởng luôn sống mãi".*

Nhà báo Mike Benge dùng câu nói của Thomas Jefferson để mỉa mai giới lãnh đạo cộng sản Việt Nam như là những người ăn cắp ý tưởng của Mỹ để lừa gạt dân tộc Việt Nam nhưng ông có thể không biết rằng khát vọng độc lập tự do của dân tộc Việt Nam là một khát vọng có thật và bắt đầu từ nhiều ngàn năm thăng trầm của lịch sử. Câu nói của Thomas Jefferson rất hay, những câu trả lời của John McCain, Barrack Obama rất ý nghĩa, nhưng không phải là quá mới lạ. Tổ tiên Việt Nam đã mơ, đã sống và đã chết cho giấc mơ khai phóng của mình. Khát vọng tự do dân chủ chưa bao giờ bức thiết hơn lúc này, khi một phần lãnh thổ của tổ tiên đang nằm trong tay ngoại bang, khi Việt Nam mỗi ngày một lùi thêm so với đà tiến của nhân loại. Đây không phải lúc đứng trước ngã ba

để chọn lựa đường nào là đúng nhất. Không giống như ngày xưa, thế hệ hôm nay chỉ có hai con đường để chọn, hoặc làm công cụ cho chế độ độc tài hoặc đi về phía dân tộc để cùng tranh đấu cho một ngày mai tươi đẹp. Nếu trước 1954, chính nghĩa của dân tộc Việt Nam là giải phóng đất nước ra khỏi chế độ thực dân bóc lột thì chính nghĩa của ngày nay là giải phóng đất nước khỏi chế độ cộng sản độc tài, chuyên chính, đưa dân tộc đi lên cùng nhịp với đà tiến tự do, dân chủ và văn minh. Vũ khí được trang bị hôm nay không phải là bom napalm, tăng T54, súng M16 hay AK47 mà là lòng yêu nước chân chính, là trí tuệ của thời đại. Người lính tự do trong trận chiến hôm nay là những người Việt Nam yêu nước, kiên nhẫn, biết hy sinh những quyền lợi và cả những đau nhức bản thân mình cho nhu cầu chung của đất nước, biết vượt qua được những cách ngăn tôn giáo, Bắc - Nam để sống vì tương lai của các thế hệ mai sau. Cuộc tranh đấu sẽ không diễn ra ở miền Nam hay miền Bắc, trên không hay ngoài biển, mà trải rộng khắp nơi, trong và cả ở ngoài nước. Chỗ dựa của người lính tự do không phải là đôla Mỹ hay súng đạn Nga mà là lịch sử, là Đống Đa, Vạn Kiếp trước đây và Hoàng Sa, Trường Sa hôm nay. Những tranh luận, biện minh, đối thoại, hay mặc cảm chiêu hồi, vì thế, đều không còn cần thiết nữa.

Chẳng lẽ 33 năm với tất cả chịu đựng và hy sinh, với tất cả máu và nước mắt nhỏ xuống khắp ba miền, chưa đủ là lý do để thay đổi chế độ độc tài này bằng một thể chế tự do dân chủ, mà phải đào xới thêm trong các văn khố ở Washington DC, Bắc Kinh, Moskva…, để chứng minh ai bán nước hơn ai?

THỜI SINH VIÊN Ở SÀI GÒN

Nhân dịp đọc bài viết của Hoàng Thanh Trúc trên Dân Làm Báo và qua đó đọc thêm các bài viết khác *Không hổ thẹn về một thời trai trẻ* của một nhóm tác giả và *Cuộc họp mặt "có một không hai"* của Huỳnh Tấn Mẫm trên báo Tuổi Trẻ sau buổi hội thảo *"tầm vóc và ý nghĩa của phong trào đấu tranh của sinh viên – học sinh trí thức, văn nghệ sĩ... tại các đô thị miền Nam giai đoạn 1954-1975"* được tổ chức tại Đại học Duy Tân (Đà Nẵng) trong hai ngày 19 và 20-5-2012, tôi chợt nhớ lại một bài thơ tôi viết từ lâu lắm cũng có nhắc đến các anh chị này.

Bài thơ *Đêm cuối đi qua trường Luật* viết ra trong những ngày mới đến Mỹ nhưng bắt nguồn từ những ý hiện lên trong một đêm mưa tháng Sáu 1981 ở Sài Gòn. Tôi không ghi lại ngày tháng viết bài thơ nhưng có in trong tập thơ đầu tay ở Mỹ năm 1991. Bài thơ khá dài, dưới đây là một đoạn có liên quan đến bài viết này:

Trời Sài Gòn tháng Sáu mưa đêm
Như từng nhát dao chém xuống đời vội vã
Tôi ra đi dặn lòng quên tất cả
Những hẹn thề toan tính thuở hoa niên
Bốn phương trời lưu lạc một bầy chim

Đã lạc lối về sông Dương Tử
Tổ quốc Việt Nam
Bốn nghìn năm lịch sử
Còn lại hôm nay là những tang thương
Tôi nhìn qua bên góc kia đường
Tấm bảng Hội Liên Hiệp Sinh Viên
Vẫn còn đong đưa trên vách
Chợt nhớ ra tên các chị các anh
Những Huỳnh Tấn Mẫm, Trịnh Đình Ban
Những Nguyễn Hoàng Trúc, Võ Như Lanh
Các anh, các chị
Giờ nầy chắc vẫn còn đang thức
Để viết xong bài tự kiểm trước nhân dân
Nhớ viết thật nhiều về những chiến công
Đã đốt bao nhiêu xe Mỹ Ngụy
Đã bán đứng bao nhiêu bè bạn anh em
Đã cắm được bao nhiêu cờ mặt trận
Tôi không hề trách các anh
Vì chẳng bao giờ ai trách
Những tên cầm cờ, khiêng kiệu
Hãy cố cong lưng và thu mình thật nhỏ
Hãy biết dại khờ và biết ngây ngô
"Độc lập, Hòa Bình, Thống Nhất, Tự Do"
Phải nhớ luôn luôn là tất yếu
Kể cả chuyện tình yêu trai gái
Cũng phải học thuộc lòng
Định nghĩa mới hôm nay
Đừng bao giờ nhắc những chuyện không may
Như những Ủy Ban Đòi Quyền Sống
Những Phong Trào Dân Chủ Tự Do
Dân Việt Nam bây giờ
Không có gì đáng để lo
Hơn những chuyện cháo rau, khoai sắn

Và không có một chút quyền
Dù chỉ là quyền để than thân trách phận.

Tôi từ Đà Nẵng vào Sài Gòn cuối tháng Tám 1972. Nơi tôi ghi danh học đầu tiên là trường Luật. Có thể nói tôi là một trong những tân sinh viên nộp đơn vào năm thứ nhất niên khóa 1972-1973 trễ nhất. Ghi danh vào trường Luật không cần phải thi, chỉ cần trình bằng tốt nghiệp Tú Tài phần hai là đủ. Phòng ghi danh là một khu nhà lụp sụp phía sau trường chung một hàng rào với đại học Kiến Trúc. Tôi được phát một thẻ sinh viên tạm. Số sinh viên của tôi dài tới năm số. Tôi không nhớ chính xác nhưng hai số thứ tự đầu đã lên đến trên mười ngàn. Trường Luật, được chính thức thành lập dưới thời Đệ nhất Cộng Hòa, là một trong những trường già nua về cả hình thức lẫn chiều dài lịch sử, trong số các trường đại học thuộc Viện Đại Học Sài Gòn. Trường không có nhiều đất trống ngoại trừ khoảng sân không mấy rộng giữa trường. Cổng trường còn lại những viên ngói đỏ rêu phong từ khi mới thành lập. Giảng đường chỉ là những phòng học dài nối nhau. So với các trường trung học như Gia Long, Petrus Ký, trường đại học Luật Khoa Sài Gòn nhỏ hẹp và chật chội hơn nhiều. Vì số thẻ sinh viên của tôi cao trên mười ngàn nên có lần tôi viết câu thơ mô tả trường Luật *"mười ngàn sinh viên trong giảng đường vài trăm chỗ / học suốt năm không thấy mặt thầy".*

Công việc đầu tiên của một tân sinh viên sau khi ghi danh, nhận lớp, là đi mua *"cua"* tức sách giáo khoa giảng dạy của các thầy, từ dân luật, hình luật đến cổ luật. Vì hiếm khi gặp mặt thầy, không có *"cua"* là rớt. Sau khi ghi danh ở Luật, tôi sang ghi danh Ban Kinh Tế khoa Khoa Học Xã Hội ở đại học Vạn Hạnh. Khoa Khoa Học Xã Hội ở Vạn Hạnh phải thi vào nhưng cũng chỉ thi cho đúng thủ

tục vì tôi không nghe ai thi rớt vào khoa Khoa Học Xã Hội ở đại học Vạn Hạnh bao giờ.

Trường Luật chật hẹp mà sinh viên lại quá đông, chúng tôi thường la cà trong những quán cốc. Nhiều nhất là chung quanh công trường Quốc Tế, thường gọi là Hồ Con Rùa, bên ngoài trụ sở "Tổng Hội Sinh Viên" số 4 Duy Tân hay góc Thư Viện Quốc Gia trên đường Gia Long. Các quán cà phê thường không có tên. Ngoài quán cà phê Bà Vú bên ngoài đại học Vạn Hạnh, phần lớn các quán chung quanh trường Luật do sinh viên tự đặt tên bằng địa điểm để dễ hẹn nhau. Số sinh viên ghi danh vào Luật cao nhưng bỏ trường ra đi sớm rất đông và thi rớt cũng nhiều. Trong số những người bỏ cuộc có tôi. Tôi học cả hai trường và vì kỳ thi cuối khóa cùng ngày nên tôi không theo đuổi việc học Luật hết năm thứ nhất. Bạn bè tôi phần đông học Luật nên mỗi tuần tôi đều trở lại trường. Ở đó, dưới những gốc me, vỉa phố, bên những ly cà phê đen, cà phê sữa, trên những ghế thấp, cạnh những chiếc bàn vuông, chúng tôi để cho những thao thức về chiến tranh và số phận đất nước có dịp tuôn trào. Tuổi đời còn rất trẻ nhưng chiến tranh đã làm chúng tôi già sớm hơn tuổi mười tám của mình.

Khi sang Vạn Hạnh tôi có dịp học với thầy Trần Văn Tuyên môn Chính Trị Quốc Nội và thầy Vũ Quốc Thông môn Luật Hiến Pháp Đối Chiếu. Đây là hai môn học tôi thích nhất. Luật Sư Trần Văn Tuyên không mang theo sách vở hay tài liệu giảng dạy gì và những bài giảng của thầy là kinh nghiệm sống trong thời hoạt động chính trị. Vì thầy dạy không theo giáo khoa nên giảng đường lúc nào cũng đông. Sinh viên phải có mặt để ghi lời thầy giảng. Tôi thường tìm cách gần gũi thầy Trần Văn Tuyên để hỏi những chuyện đất nước trong giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1954. Thầy Trần Văn Tuyên đơn giản, tóc

cắt cao và thường mặc áo sơ-mi trắng ngắn tay. Thầy Vũ Quốc Thông thì khác, lúc nào cũng đường bệ, chuẩn bị kỹ càng và luôn đến lớp với một cặp-táp (le cartable) đầy tài liệu giảng dạy. Tôi hay thắc mắc với thầy Vũ Quốc Thông về cách dùng chữ. Ví dụ thầy dùng chữ "Chủ nghĩa Tập Sản" thay cho "Chủ nghĩa Cộng *Sản".* Tôi cho rằng khái niệm "Chủ nghĩa Tập Sản" hay "Chủ nghĩa Bình Sản" được nhắc đến nhiều trước năm 1975, chỉ là một phạm trù thuần kinh tế, nghĩa hẹp nhiều so với chủ nghĩa Cộng Sản vốn là cả một hệ thống triết học giải thích toàn bộ đời sống con người, xã hội và vũ trụ. Thầy chăm chú lắng nghe ý kiến nhưng không thay đổi cách gọi "tập sản" của mình. Thầy Vũ Quốc Thông dạy tận tụy và trích dẫn nhiều từ các sách Pháp, trong đó có cả Tuyển tập Marx-Engel. Thầy chúng tôi, Giáo sư Trần Văn Tuyên chết trong tù Cộng Sản năm 1976 và Giáo sư Vũ Quốc Thông chết năm 1987, chỉ một thời gian ngắn sau khi ra khỏi nhà tù. Tình nghĩa thầy trò ở miền Nam, dù tiểu học, trung học hay cả đại học đều thắm thiết, thân thương, đáng kính, đáng yêu và đáng nhớ. Tôi cố gắng rất nhiều nhưng không phải là người tự học. Kiến thức của tôi là của các thầy cô trao lại. Đứa sinh viên năm thứ nhất ngày xưa không còn trẻ nữa nhưng mỗi khi nghĩ đến các thầy cô tự nhiên thấy mình nhỏ lại thật nhiều.

Thời gian từ năm 1973 đến năm 1975 là thời gian yên tỉnh. Chương trình bình định đại học khá thành công. Mùa hè năm 1973, một nhóm sinh viên chúng tôi đại diện cho trường tham dự trại hè sinh viên toàn quốc do Bộ Giáo Dục và Thanh Niên tổ chức ở Trường Thiếu Sinh Quân Vũng Tàu. Đông sinh viên du học cũng về tham dự trại. Dĩ nhiên không có "lãnh tụ sinh viên" đường phố nào. Đó là những ngày vui nhất của mùa hè. Không chỉ sinh viên Sài Gòn, Vạn Hạnh, Minh Đức mà cả Huế, Cần Thơ, Đà Lạt và các trường đại học tư mới thành lập cũng cử phái đoàn

tham dự. Buổi tối chúng tôi quây quần trong sân cờ của trường Thiếu Sinh Quân trao đổi kinh nghiệm học hành, chuyện đất nước và hát nhạc Du Ca như có lần tôi đã kể lại trong bài viết *Khi bài hát trở về*. Ngoại trừ các nhóm chống chính phủ bốn mùa của các bà Ni Sư Khất Sĩ Huỳnh Liên, Phong Trào Phụ Nữ Đòi Quyền Sống của bà Ngô Bá Thành, năm 1973, các phong trào sinh viên tranh đấu ở Sài Gòn do Cộng Sản tổ chức phần lớn đã được dập tắt. Các "lãnh tụ sinh viên học sinh" mặt nổi như Huỳnh Tấn Mẫm, Trịnh Đình Ban, Trần Thị Lan, Lê Văn Nuôi, Võ Như Lanh, Nguyễn Xuân Lập v.v. đã bị kết án và vừa được trao trả tù binh.

Nhắc đến chuyện trao trả tù binh không thể quên tác phẩm *Tù Binh và Hòa Bình* của nhà văn Phan Nhật Nam, trong đó anh dành trọn một chương để viết về những người mà anh gọi là "Những người lỡ làng". Hôm đó, buổi chiều ngày 27-3-1973, những "lãnh tụ sinh viên" sắp được trao trả về phía Cộng Sản đang tụm nhau ngồi trong một chiếc lều để chờ được nhận. Những bài hát của Phạm Thế Mỹ, Trịnh Công Sơn được cất lên từ chiếc lều nhỏ. Họ gồm Võ như Lanh, Trịnh đình Ban, Cao thị quế Hương, Trần thị Lan, Trần thị Huệ, Nguyễn thành Công. Không ai biết họ hát để nung cao khí thế hay hát để che đi sự lo âu trước tương lai mờ mịt núi rừng đang chờ đợi họ. Trong quan điểm đấu tranh giai cấp, dù các anh chị là đảng viên Cộng Sản cũng chỉ là đảng viên thành phố, gốc tiểu tư sản, vừa gia nhập và không được tin tưởng hoàn toàn. Nhà văn Phan Nhật Nam tả cảnh anh Nguyễn Thành Công khi tiếp xúc với viên Đại Tá Hungary trong "đôi mắt có vẻ lạc thần, giọng nói đã đượm màu mệt mỏi". Anh Phan Nhật Nam viết đoạn đó thật cảm động. Anh không giận hay trách móc những tù binh gốc sinh viên anh sắp sửa trao trả mà cảm thông cho sự bồng bột tuổi trẻ của họ nhiều hơn:

"*Phải, tôi hiểu rằng nhóm sinh viên đang ngồi ở dưới tàn cây cao su, đang gảy nên những âm thanh trầm lắng với tiếng hát nhiệt thành trong sáng kia quả tình không thể nào là những người cộng sản được. Họ không thể nào là những người cộng sản chuyên chính, dù cho họ đã vào khu học tập, dù đã là cán bộ nội thành làm nhiệm vụ sinh viên vận theo đường lối và kỹ thuật đấu tranh phát xuất từ Cục R, kiểm soát và điều hành bởi ủy viên thanh niên thuộc thành ủy Sài Gòn-Chợ Lớn. Họ cũng không phải là cộng sản dù có chứng minh thư xác nhận là thành viên của đảng lao động, hoặc thành viên của đoàn thanh niên trong mặt trận giải phóng...Vì tiếng hát, điệu đàn, nét mặt và lời nói tất cả vẫn là phản ảnh của một hoài bão, hoài bão bất diệt của tuổi trẻ. Muốn thoát khỏi hoàn cảnh bít bùng của đời sống hiện tại, đấu tranh và xây dựng một quê hương rạng rỡ tốt đẹp hơn. Và chính phát xuất từ ý định đẹp đẽ mơ tưởng này, hoài bão của họ đã được đồng hóa với mục tiêu chiến thuật đoản kỳ của cộng sản. Và họ trở thành loại cán bộ tiền phong đắc lực thực hiện những mục tiêu hạn chế trong đường phố Sài Gòn, nơi Giảng Đường, trong lòng cộng đồng tuổi trẻ Việt Nam*."

Trong bài viết *Những người đi tìm tổ quốc* trên talawas năm 2006, tôi cũng viết về các anh chị đó:

"*Thời sôi nổi trong giảng đường đại học, trên đường phố Sài Gòn đã là dĩ vãng, giữa rừng cao su Lộc Ninh họ là những thanh niên thành phố đang bước vào một cuộc đời mới ở một nơi hoàn toàn xa lạ. Như những con cá bị vớt khỏi sông và bỏ vào trong chậu, ngơ ngác, rụt rè, sợ hãi. Họ không còn là bè bạn của nhau, không còn gọi nhau bằng tên, bằng thứ mà sẽ là đồng chí. Đồng chí cũng đồng nghĩa với nghi ngờ, kiểm soát và dò xét lẫn nhau. Họ hối hận không? Họ thật sự có phải là Cộng sản không? Họ có phân biệt được, dù chỉ là căn bản, những điểm khác nhau giữa*

xã hội mà họ vừa bỏ lại và xã hội mà họ đang tìm đến không? Không ai hỏi và họ cũng sẽ không trả lời thật với lòng. Có những tâm sự, sống giữ kín chết mang theo, chứ không bao giờ chia sẻ với ai. Hồi xưa tôi cũng có cái nhìn khắt khe về những người bỏ đi. Các anh có quyền biểu tình, có quyền chống độc tài, chống tham nhũng, chống độc diễn nhưng khi bỏ đi sang hàng ngũ của những người ném lựu đạn vào quán ăn, pháo kích vào trường học, đặt mìn trên quốc lộ, các anh đã phản bội quyền sống trong hoà bình của nhân dân miền Nam. Giống như những đứa con lớn lên trong một gia đình nghèo, có bà mẹ bịnh tật, có người cha say rượu hay đánh đập con cái và còn một bầy em nhỏ dại. Thay vì khuyên răn người cha, săn sóc người mẹ, che chở cho đám em khờ, các anh lại bỏ đi, và chẳng những đã bỏ đi mà còn dắt kẻ gian về đốt phá nhà mình."

Ngày nay, các tài liệu của Đảng đều xác nhận hoạt động của các phong trào chống đối chính quyền VNCH chẳng phải là tự phát chống bất công, độc tài, độc diễn gì mà đều được đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Thành Đoàn Thanh Niên Cộng Sản trực thuộc Thành ủy Sài Gòn Gia Định nhắm vào mục tiêu duy nhất là đánh sụp chế độ Cộng Hòa non trẻ ở miền Nam và áp đặt chế độ Cộng Sản độc tài toàn trị trên phạm vi cả nước. Tất cả tổ chức, phong trào, tôn giáo, đoàn thể đều được Đảng khai thác, vận dụng một cách tinh vi để phục vụ cho mục đích cuối cùng của đảng Cộng Sản.

Những tên tuổi, hình ảnh được báo chí đối lập và thân Cộng ở Sài Gòn đánh bóng mà nhà văn Phan Nhật Nam nhắc đến chỉ là những khuôn mặt đấu tranh công khai trên đường phố Sài Gòn. Họ không biết những đảng viên Cộng Sản nòng cốt thực sự điều khiển phong trào từ bóng tối là ai. Những kẻ mài dao giết người thường trốn kỹ trong rừng. Những kẻ trao lựu đạn cho sinh viên để ném

vào nhà hàng, trường học, chợ búa thường giấu mặt. Họ không gọi nhau bằng tên thật, bằng mày tao thân tình trong quán cà phê bên ngoài khuôn viên đại học Văn Khoa, Luật Khoa mà gọi bằng bí danh, bằng thứ tự.

Những *"anh ba", "chị năm"* đó bây giờ đang sống trong những biệt thự cao sang, có kẻ hầu người hạ và những chàng sinh viên một thời bồng bột nay chỉ là những "*kẻ lạ của hoàng hôn" "lặng nghe những dư âm sâu lắng của quá khứ đọng lại, rồi trôi theo những món ăn với một vị đắng đắng"* như anh Hạ Đình Nguyên, một trong những "lãnh tụ phong trào sinh viên" đã viết trong bài *Về một vị đắng* sau buổi họp mặt kỷ niệm "Phong trào Đấu tranh của Thanh niên-Sinh viên-Học sinh Sài gòn" năm ngoái.

Khi tôi vào năm thứ nhất, nhiều trong số anh chị tham gia xuống đường vài năm trước vẫn còn học năm thứ ba, thứ tư, và qua họ tôi biết con số sinh viên tham gia biểu tình không đông như báo chí thân Cộng mô tả và cũng không mang tầm vóc "quốc tế" chỉ với vài chàng thanh niên phản chiến Mỹ như bài ký thổi phồng của anh Huỳnh Tấn Mẫm. So với nhiều chục ngàn sinh viên liên khoa thuộc đại học Sài Gòn và các đại học tư tại miềm Nam thời đó, vài trăm anh chị bị xúi giục xuống đường chỉ là con số nhỏ. Thành thật mà nói, phần đông những sinh viên đi biểu tình là những người nặng tình cảm dành cho đất nước nhưng vô cùng nông nổi. Các anh chị bất mãn trước các bất công trong xã hội và phẫn uất khi nhìn cảnh điêu tàn đổ nát do cuộc chiến gây ra nhưng không nhận thức đúng nguyên nhân sâu xa của thực trạng bi thảm đang diễn ra trên đất nước và không đủ trưởng thành để cân nhắc trước một chọn lựa sinh tử của đời mình.

Tuổi trẻ ở đâu cũng thế, nhiệt tình, phản kháng, cương trực, vô tư, nhưng như tôi có lần đã viết, tại Việt Nam những đặc tính đó của tuổi trẻ bị Đảng Cộng sản lợi

dụng tận cùng, không chỉ tiếng hát lời ca, mà còn cả thịt xương và từng giọt máu.

Bài hát quen thuộc trong giới sinh viên trước năm 1975 nói lên một mơ ước chân thành của thế hệ trẻ *"Rồi hòa bình sẽ đến, đến cho dân tộc Việt, đôi bồ câu trắng rủ nhau về làng xưa..."*, nhưng sau năm 1975, đàn bồ câu đã biến thành bầy kiến gặm nhấm vết thương dân tộc đang mưng mủ. Tiếng hát của các anh chị trên đường phố được thay bằng những tiếng rên của những bà mẹ đang bán máu ở các nhà thương. Lời ca của các anh chị sau được thay bằng là tiếng khóc của em thơ trên các vùng kinh tế mới. Đất nước chìm đắm trong độc tài và đói khát. Hàng triệu người phải bỏ nước ra đi, chết trên biển cả, chết dưới bàn tay hải tặc.

Các anh các chị, có thể không phải là thủ phạm nhưng không thể phủ nhận là những người đã góp phần gây ra những điêu tàn đổ nát hôm nay. Xin đừng im lặng nữa. Nếu không đủ sức để hành động, hãy viết, hãy nói, hãy kể lại cho các thế hệ trẻ những bài học dù thất bại, những ước mơ dù bị phản bội, những kinh nghiệm dù được đổi bằng xương máu của mình. Là những người có lương tâm, hôm nay, không có tòa án nào kết án các anh chị nặng bằng tòa án lương tâm của chính các anh chị. Là những người vốn nặng tình cảm, hôm nay, không có tình cảm nào cấu xé các anh chị bằng tình cảm các anh chị đã từng dành cho đất nước. Xã hội Việt Nam băng hoại, trụy lạc, tha hóa ngày nay là chiếc gương, các anh chị hãy soi vào đó để thấy lại chính mình.

Chế độ dân chủ non trẻ mà các anh chị góp phần đánh gục, đã quỵ xuống sáng ngày 30-4-1975 nhưng không chết. Và tại Việt Nam hôm nay, các giá trị dân chủ quý giá đó không chỉ là của miền Nam thôi, không chỉ là của Việt

Nam Cộng Hòa thôi mà đang là tài sản, hành trang và mục tiêu chung của cả dân tộc.

Dân chủ là khúc khải hoàn ca đang được nhân loại cất vang trên mọi nơi của quả địa cầu, từ Bắc Phi sang Đông Á nhưng không có nghĩa chỉ mới bắt đầu vài năm qua mà từ nhiều ngàn năm trước. Có người bàn về dân chủ như một mục đích đòi hỏi nhiều tiền đề và điều kiện. Điều đó không đúng. Dân chủ không phải là hải đảo xa xôi phải cần ghe tàu, lương thực, thời gian mới đạt tới nhưng là một thực tế gần gũi trước mắt và thậm chí có thể nắm bắt trong tay. Dân chủ không phải món quà của ai ban cho khi đến tuổi trưởng thành mà là quyền làm người bắt đầu từ trong bụng mẹ.

Quốc gia Mông Cổ, một quốc gia không có truyền thống dân chủ, là một ví dụ. Nhiều người cho Mông Cổ khó có thể trở thành một nước dân chủ sau một giai đoạn phong kiến hàng ngàn năm nối tiếp bằng một chế độ Cộng Sản chuyên chính chư hầu Liên Xô suốt hơn bảy chục năm. Khi tôi viết bài này, nhân dân Mông Cổ đánh dấu tròn 20 năm được sống dân chủ. Đôi cánh thiên thần đó đã giúp đưa Mông Cổ từ một quốc gia cô lập, bất ổn cùng hạng với Afghanistan, Nigeria và Somalia trở thành một trung tâm du lịch an toàn và đầy hấp lực văn hóa. Hai mươi năm trước đường phố thủ đô Ulaanbaatar gần như hoang vắng nhưng ngày nay tấp nập và phồn vinh. Theo *tạp chí Economist*, dù kinh tế thế giới còn đầy khó khăn, mức phát triển kinh tế của Mông Cổ trong ba tháng giữa 2011 đã tăng 21% so với cùng thời kỳ trong năm trước đó. Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế dự đoán kinh tế Mông Cổ sẽ tăng trung bình 14% từ 2012 đến 2016. Là một quốc gia trong vị trí trái độn với vỏn vẹn 2.5 triệu dân và không có chiều dày truyền thống dân chủ như nhiều quốc gia khác, Mông Cổ sẽ còn gặp nhiều khó khăn nhưng cơ chế chính trị mới

giúp cho người dân sống yên tâm trong tự do, thanh bình, no ấm và nỗ lực vì một tương lai tươi đẹp cho con cháu họ.

Việt Nam thì khác.

Sau 37 năm, tiếng súng đã vắng đi trên đất nước Việt Nam, non sông liền một dải nhưng người dân vẫn sống trong nỗi bất an lo sợ, hàng trăm ngàn người con gái Việt phải rời bỏ quê hương đi ăn mày, làm điếm, ở đợ khắp thế giới, phần lớn trong số hơn hai triệu người Việt hải ngoại vẫn còn bị xem là "thành phần phản động bám theo chân đế quốc", và trong nước, những quyền căn bản như ngôn luận, đi lại, thờ phụng của người dân vẫn chưa có được, hàng ngàn người yêu nước vẫn còn bị tù đày. Đó là sự thật, không ai tuyên truyền ai, không ai xúi giục ai.

Sau 37 năm, mấy chục ngàn thân xác thanh niên làm bia đỡ đạn cho đảng CSVN trong chiến tranh biên giới năm 1979, hàng ngàn xác thanh niên Việt Nam bị đốt cháy thành than trong trận Lão Sơn 1984, hàng trăm xác thanh niên Việt chìm sâu quanh bờ đảo Gạc Ma năm 1988, hàng trăm ngư dân Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Ngãi bị bắn thủng ngực, hai quần đảo Hoàng Sa-Trường Sa thân yêu như đôi mắt Việt Nam bị đã bị kim Trung Cộng tẩm thuốc độc đâm sâu và đang chảy máu. Đó là sự thật, không ai tuyên truyền ai, không ai xúi giục ai.

Nhìn những gì đang xảy ra trên thế giới đã làm những người Việt đang quan tâm đến vận mệnh đất nước không khỏi cảm thấy thẹn thùng. Dù ban ngày vẫn phải sống bằng thái độ tích cực, trả lời phỏng vấn bằng ngôn ngữ tự tin nhưng ban đêm thế nào cũng gác tay lên trán âm thầm tự hỏi tại sao Liên Xô, Đông Âu cho tới Bắc Phi, Miến Điện nhưng viễn ảnh một Việt Nam tự do, dân chủ, hùng mạnh vẫn còn là một mục tiêu chưa đến. Nỗi lo lắng và niềm

đau xót này không phải của riêng ai mà của tất cả người Việt Nam còn biết xót xa, còn biết hổ thẹn trước sự lạc hậu của Việt Nam so với đà tiến quá nhanh của nhân loại.

Một câu hát trong bài Tự Nguyện quen thuộc trong giới sinh viên trước năm 1975 *"nếu là hoa, tôi sẽ làm một đóa Hướng Dương"*, chưa bao giờ hơn lúc này Việt Nam cần những người yêu nước biết vươn cao, đứng thẳng như những cành Hướng Dương Dân Tộc. Con người đến và đi nhưng lịch sử Việt Nam như dòng sông không ngừng chảy. Đất nước sẽ vượt qua và lớn lên như đã từng vượt qua và lớn lên sau ngàn năm Bắc Thuộc.

ĐỪNG ĐÁNH RƠI TUỔI TRẺ

Một đêm mơ tôi thấy mình và người thân đi dạo trên một ngọn đồi. Xa xa cuối chân đồi là một thành phố vừa lên đèn và trên trời đang treo một vầng trăng mười sáu. Cảnh đẹp như trong một cuốn phim tình cảm. Nếu đúng như các nhà tâm lý học nói, người ta thường mơ những cảnh mà họ đã thấy, những việc họ đã làm, thì ngọn đồi phải là một trong những nơi tôi đã sống hay đã đến. Vâng. Khi ngồi thật yên lặng để hồi tưởng, tôi biết ngọn đồi đó ở Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, nơi tôi đã đến thăm trong những ngày còn nhỏ.

Quế Sơn là nơi cha mẹ tôi đã gặp nhau, đã thương và cưới nhau. Những ngọn đồi chập chùng, không cao lắm, có những bụi sim thấp và những hoa màu tím, có thể là nơi họ đã từng hò hẹn. Các cụ trong vài thế hệ trước, dù có lãng mạn cũng ít khi kể cho con cháu nghe nhưng từ ngày mẹ tôi mất cha tôi rất ít về vùng đồi núi đó. Phải chăng để khỏi nghe lòng đau xót khi *"về đồi sim ta nhớ người vô bờ"* như thế hệ chúng tôi sau này. Dù sao, cảnh núi đồi thơ mộng đã góp phần để lại cho hai người một tác phẩm, là tôi, trong thế gian này, tuy không kể ra, tôi cũng đoán biết cha mẹ tôi mơ mộng đến dường nào.

Giấc mơ dễ thương là một ví dụ để giải thích điều tôi muốn nói rằng tuổi thơ, tuổi thanh niên là thời gian đẹp nhất của một con người và không bao giờ phai đi.

Nhiều khoảng không gian trong ý thức bị phủ dày dưới lớp bụi thời gian nhưng kỷ niệm của tuổi thơ, ký ức thời tuổi trẻ dù dấn thân, khai phá hay nông nổi, sai lầm không bao giờ bị che khuất. Đó là thời gian duy nhất mang đến cho ta nụ cười, niềm hãnh diện nhưng cũng là thời gian duy nhất làm ta tiếc nuối, ăn năn khi ngồi đếm những ngày cuối của đời mình trôi đi trong buồn bã, chậm chạp trong một nhà dưỡng lão ở nước ngoài hay trên một chiếc giường tre, giường gỗ nào đó ở quê hương.

Thời gian tôi sống ở Mỹ dài hơn thời gian tôi sống ở Việt Nam. Nếu tính luôn những năm còn quá nhỏ không giữ lại được gì trong ký ức, thì còn dài hơn nữa. Về trách nhiệm, tôi rất nặng nợ với xứ này nhưng thành thật mà nói, về tình cảm, tôi yêu đất nước Việt Nam không chỉ hơn nước Mỹ thôi mà còn hơn nhiều thứ khác.

Yêu nước thì nói mình yêu nước. Đó không phải là chức vụ, lương bổng, bạc vàng hay của cải gì mà sợ gọi khoe khoang. Tôi yêu Việt Nam, trước hết, cũng chỉ vì tôi yêu tôi trong một thời tuổi trẻ.

Với nước Mỹ, tôi nợ quá nhiều thứ. Tôi nợ đôi tay người lính hải quân Mỹ ôm tấm thân ốm o đói khát của tôi lên từ chiếc cầu dây mong manh đang đong đưa bên thành chiến hạm khi ghe tôi đang được vớt ngoài biển Đông. Tôi nợ cơ quan thiện nguyện chiếc áo ấm đầu tiên để che cơn rét khắc nghiệt miền Đông Bắc Mỹ. Tôi nợ người dân Boston bao dung, rộng lượng đã đưa vòng tay nhân ái ôm lấy tôi, một người tỵ nạn không thân nhân nào ở Mỹ. Thế nhưng dù nợ bao nhiêu, dù đã sống ở đây

30 năm và đã là công dân Mỹ có quốc tịch 24 năm, khi viết về thành phố Boston và đất nước Hoa Kỳ tôi vẫn quen dùng hai chữ "xứ người" và "đất khách".

Bởi vì, trong trái tim, tôi là người Việt Nam.

Tôi là người may mắn, được học hỏi trong một nền giáo dục dân chủ, sống nhiều năm trong xã hội dân chủ để có cơ hội so sánh với nền giáo dục và xã hội Việt Nam tôi đã từng trải qua trước và sau 1975. Nhiều triệu người cùng thế hệ tôi trước đây và nhiều triệu tuổi trẻ Việt Nam ngày nay không có may mắn đó.

Có thể các bạn trẻ không nhận ra, nhưng ngay trong phút giây các bạn đang sống, cuộc đấu tranh khốc liệt giữa khoa học và phản khoa học, giữa đúng và sai, giữa chân thật và giả dối, giữa cố gắng vươn lên và áp lực phục tùng đang diễn ra trong ý thức. Nếu không có điều kiện tiếp cận luồng ánh sáng văn minh khoa học, không được trợ lực từ các nguồn kiến thức khách quan, ý thức vươn lên của các bạn sẽ bị trấn áp, tinh thần độc lập sẽ bị triệt tiêu, các bạn sẽ không có cơ hội chọn đúng một lý tưởng tuổi trẻ và cuối cùng dẫn đến việc đánh mất cả cuộc đời mình.

Nói nhắc đến hai chữ lý tưởng, người ta thường nghĩ đến một con đường xứng đáng để đi, một mục đích để hiến dâng cuộc đời mình như Thomas Merton nói : *"Nếu bạn muốn biết tôi là ai, đừng hỏi tôi sống ở đâu, hay tôi ăn thích ăn món gì, hay tôi chải tóc cách nào, nhưng hãy hỏi tôi sống vì mục đích gì".*

Lý tưởng được nhắc nhiều nhất tại Việt Nam là lý tưởng Cộng Sản. Từ chiếc loa treo trên trụ đèn đầu phố cho đến cương lĩnh chính thức của các đại hội đảng đều lập đi lập lại rằng con đường đẹp nhất là con đường Cộng

Sản và lý tưởng đẹp nhất của một đời người là lý tưởng Cộng Sản.

Nhưng ý thức hệ Cộng Sản như đã chứng minh không phải là con đường đẹp nhất mà là chất độc tàn phá ý thức của con người một cách có hệ thống và bắt đầu ngay từ khi mới chập chững vào đời.

Hai phân đoạn dưới đây trích trong chương trình giáo dục mầm mon do Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam phê duyệt 2009 so sánh với chương trình giáo dục mầm non tại Bắc Hàn dựa theo nghiên cứu của Andrea Matles Savada, *North Korea: A Country Study* lưu trữ tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ:

Tại Việt Nam, ba đến bốn tuổi phải được dạy để biết "kính yêu Bác Hồ" và "thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ". Bốn đến năm tuổi phải "nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ, thích và thuộc một số bài hát, bài thơ về Bác Hồ". Năm đến sáu tuổi phải "nhận ra hình ảnh Bác Hồ, chỗ ở, nơi làm việc của Bác Hồ, biết một số bài hát, bài thơ, câu chuyện về Bác Hồ".

Tại Bắc Hàn, tương tự như Việt Nam, một phần không nhỏ trong chương trình giảng dạy bậc tiểu học được dành để ca ngợi công ơn "Kim Nhật Thành Vĩ Đại" và "Đạo đức Cộng Sản". Những sách giáo khoa bậc mẫu giáo và tiểu học Bắc Hàn gồm "Thời thơ ấu của Nguyên Soái Kim Nhật Thành", "Ca ngợi công ơn lãnh tụ", "Theo bước chân cha già Kim kính yêu", "Xem hình ảnh lãnh tụ Kim Chính Nhật".

Có tương lai nào, ngoài vong thân nô dịch, khác hơn dành cho các thế hệ măng non của đất nước?

Suốt hơn 80 năm từ khi có đảng Cộng Sản, bao nhiêu thế hệ Việt Nam đã đánh mất tuổi thanh xuân trong "lý tưởng" hão huyền đó?

Con số có thể lên đến nhiều triệu. Đa số đã chết trong chiến tranh hay chết già nhưng một số không nhỏ vẫn còn sống.

Chủ nghĩa Cộng Sản như phần lớn nhân loại biết hôm nay là tai họa khủng khiếp nhất lịch sử nhân loại và bị hầu hết các quốc gia e ngại. Số người chết do chủ nghĩa Cộng Sản gây ra nhiều lần lớn hơn các cuộc chiến tranh thế giới cộng lại. Đừng nói gì đến ngục tù Gulad, nạn đói Ukraine, thảm sát rừng Katyn ở châu Âu xa xôi, chỉ đọc những thảm cảnh xảy ra bên cạnh nước mình do Mao Trạch Đông và Pol Pot gây ra, hay đọc ngay trong biến cố Việt Nam như Nhân Văn Giai Phẩm, Cải Cách Ruộng Đất và hỏi những người lớn tuổi tại miền nam về Kinh Tế Mới, về Cải Tạo Công Thương Nghiệp, về chính sách Tù Cải Tạo để biết hậu quả của chủ nghĩa Cộng Sản trầm trọng đến mức nào.

Và hôm nay, các cựu chiến binh của thế hệ "Điện biên" và cả "giải phóng miền nam", những người đã đem tuổi thanh xuân hiến dâng cho "lý tưởng Cộng Sản" đang ngồi vuốt lấy nỗi đau riêng trong những khu nhà tập thể.

Họ cố ru giấc ngủ bằng niềm an ủi vì mình đã sống một cuộc đời có ý nghĩa. Họ tự nhủ lòng ít ra những hy sinh của họ cũng không oan uổng khi mục tiêu thống nhất đất nước cuối cùng đã đạt được. Vâng. Thống nhất đất nước là mơ ước có thật nhưng chỉ có thật trong lòng các cựu chiến binh già, trong Đặng Thùy Trâm, Nguyễn Văn Thạc, trong những người băng rừng vượt suối vào "giải phóng miền nam", trong những thanh niên miền Bắc đã chết ở Hạ Lào, An Lộc, chứ không có trong mục tiêu của đảng Cộng Sản Việt Nam.

Có gia đình nào thật sự thương yêu nhau đã chọn lựa đoàn tụ bằng cách giết đi một phần ba số anh em, con cháu của mình không?

Chắc chắn là không. Dân tộc Việt Nam có thể phải tạm thời sống trong xa cách để chờ một cơ hội thuận tiện hơn để đoàn tụ. Nước Đức đã chọn và cả Triều Tiên sau một lần thử lửa 1950, cũng phải chọn. Đoàn viên dân tộc là một ước mơ bùng cháy trong lòng mỗi người Việt Nam, không nhất thiết phải là Nam hay Bắc. Câu hát "Lìa xa thành đô yêu dấu, một sớm khi heo may về, lòng khách tha hương vương sầu thương" cất lên trong nước mắt ở Sài Gòn sau 1954.

Chỉ có đảng Cộng Sản vì mục tiêu tối hậu Cộng Sản hóa Việt Nam mới có thể hành động mà không cần quan tâm đến tương lai đầy thảm họa đang chờ đợi các thế hệ Việt Nam. Khi phát động chiến tranh "thống nhất đất nước" bằng võ lực, lãnh đạo Đảng biết họ phải đương đầu với Mỹ, về quân sự, là một siêu cường quốc hùng mạnh nhất thế giới, và về kinh tế, vừa bước ra khỏi thế chiến thứ hai như một quốc gia có lợi nhất. Nhưng mục đích Cộng Sản hóa đã ăn sâu vào từng huyết cầu, từng tế bào sống của lãnh đạo Cộng Sản làm ức chế mọi bâng khuâng, do dự, đo lường hậu quả mà hầu hết các nhà lãnh đạo quốc gia khác phải có.

Sau 36 năm, những biệt thự, những cao ốc, những khu nghỉ mát khang trang mà các cựu chiến binh già không bao giờ có khả năng đặt chân đến, đã được xây bằng xương máu của các đồng chí, anh em họ đổ xuống trong các cuộc chiến tranh. Ngoài một số rất ít quá công phẫn đã cất lên tiếng hét xung phong cuối cùng qua những lá thư tố cáo, phần lớn phải cam chịu để sống với số tiền hưu trí nhỏ nhoi mỗi tháng. Bán hết huân chương cũng không đủ tiền trả một tô phở 35 Dollar mà các ủy viên

trung ương và gia đình vừa ăn đừng nói chi những chiếc Porsche đắc tiền của các "đầy tớ nhân dân" đang đậu ngoài sân tiệm.

Dù biết bài ca của giai cấp công nhân đã trở thành bài ai điếu, nói theo ngôn ngữ của Mác, và số người nghe mỗi ngày một ít dần, đảng Cộng Sản vẫn tiếp tục hát, tiếp tục hô nào lý tưởng Cộng Sản.

Đọc bài *Lý tưởng Cộng sản sẽ thắp sáng thế kỷ 21* của tác giả Quang Thống đăng trong trang nhà của Hội Nhà Báo Việt Nam, trong đó có những câu nhạt nhẽo đọc lên chỉ càng thêm bực bội như "tất cả thế giới đều công nhận sự nghiệp đổi mới đất nước ở Việt Nam do Đảng cộng sản lãnh đạo đã đạt được những kỳ tích vang dội" hay kết luận "Chúng ta phấn chấn bởi một niềm tin mãnh liệt, rằng lý tưởng mà dân tộc ta noi theo đang không ngừng tỏa sáng, con đường đi tới ấm no hạnh phúc mà nhân dân ta khai phá, đang nở hoa kết trái".

Bài viết được trao giải A của Giải báo chí 2006 do Hội Nhà Báo Việt Nam tổ chức. Thì ra, không phải chỉ một người vô lương tâm mà cả một tổ chức đại diện cho 600 tờ báo cũng không có lương tâm như tác giả. Thời của "trăng Trung Quốc tròn hơn trăng nước Mỹ" hay "mơ sáng mai thức dậy thành người Việt Nam" đã qua quá xa rồi. Ngay cả trong quán nhậu, những mẫu chuyện cười mỉa mai chế độ như thế có lẽ cũng không còn nghe ai kể nữa vì chẳng có ai cười.

Vì chén cơm manh áo, một người nhiều khi phải nói những điều mình không muốn nói, viết những điều mình không muốn viết, tuy nhiên phải biết đâu là giới hạn, biết đâu nên dừng lại. Nếu không giữ được chức năng nghề nghiệp và tư cách đạo đức của một người cầm bút, ít ra cũng không nên đầu độc con cháu trong gia đình mình.

Tâm hồn tuổi thơ như những tờ giấy trắng trinh nguyên, hãy viết lên đó những câu ca dao đậm đà tình dân tộc, hãy vẽ lên đó hình trái tim thương yêu thay vì những khẩu hiệu giết người và búa liềm thù hận.

Với những tuổi trẻ may mắn học hỏi từ nhiều nguồn, những bài viết tuyên truyền đó là chẳng qua để quảng cáo cho một món thuốc giả, rẻ tiền, nhưng một số không ít các bạn cùng thế hệ sinh ra và lớn lên trong các quận huyện xa xôi, hẻo lánh như ở vùng rừng núi Quế Sơn quê tôi chẳng hạn, không có dịp tiếp xúc với ánh sáng khoa học, vẫn còn tin và tin đến độ chân thành.

Hôm nay, dù đang sống ở đâu trên trái địa cầu này và đang sinh hoạt trong một tổ chức chính trị nào, kể cả trong đảng Cộng Sản, một người Việt còn có chút ưu tư cho vận mệnh đất nước, còn biết tủi thẹn, xót đau trước quá nhiều thua thiệt của Việt Nam đối với phần lớn nhân loại, đều phải thừa nhận Việt Nam đang cần một sự thay đổi căn bản không chỉ trong hạ tầng cơ sở kinh tế xã hội mà quan trọng hơn trong thượng tầng kiến trúc chính trị tư tưởng. Nói một cách vắn tắt, cuộc cách mạng dân chủ triệt để là con đường không thể nào thay thế tại Việt Nam.

Nhiều người nghe tới hai chữ cách mạng là nghĩ ngay đến Công Xã Paris, Cách Mạng Pháp, Cách Mạng Tháng Mười đẫm máu. Tôi, trái lại tin rằng, cuộc cách mạng dân chủ Việt Nam tuy sẽ rất khó khăn, đòi hỏi nhiều kiên nhẫn với các tác động từ bên ngoài và vận động từ bên trong, khi xảy ra sẽ xảy ra trong nhanh chóng và không đổ máu bởi vì tuyệt đại đa số người dân, ở mức độ khác nhau, đều thấy những bất công phi lý đang diễn ra hàng ngày trên đất nước, đều chán ghét chế độ và đều có trong lòng chung một khát vọng dân chủ tự do.

Dân chủ không phải chỉ là cơ sở lý luận, hệ thống lý thuyết mà còn là những gì cụ thể, có thể nắm bắt, cầm lấy trong tay.

Dân chủ không phải là món hàng tiêu dùng xa xỉ dành cho những kẻ dư thừa nhưng là tất cả góc cạnh gần gũi, bình thường, quen thuộc của đời sống.

Dân chủ không phải là sản phẩm tư tưởng của Mỹ, Pháp, Anh, hay một đặc tính văn hóa của một màu da, chủng tộc riêng nào mà của con người từ khi mới cất lên tiếng khóc chào đời.

Đất nước Việt Nam, trên từng ngọn núi, trong mỗi dòng sông, từ Chí Linh đến Bạch Đằng, từ Chi Lăng sang Vạn Kiếp đã thắm máu của bao thế hệ tổ tiên đổ xuống để giữ gìn trên bốn ngàn năm chứ không phải là gia tài của Mác, Lê Nin để lại. Do đó, đất nước Việt Nam là tài sản của dân tộc Việt Nam chứ không phải của đảng Cộng Sản Việt Nam. Tại sao người dân Việt phải cúi đầu để Đảng ban phát từng chén cơm manh áo? Tại sao một trí thức trẻ muốn tiến thân trong xã hội phải tìm mọi cách kể cả luồn cúi, nịnh hót để được vào đảng Cộng Sản?

Lý luận ba dòng thác cách mạng (cách mạng xã hội chủ nghĩa, cách mạng giải phóng dân tộc, phong trào đấu tranh cho hoà bình dân chủ tại các nước bị trị) là cơ sở duy nhất để đảng Cộng Sản Việt Nam biện hộ cho vai trò thống trị của mình. Đó là lý luận có tính áp đặt của kẻ cướp có súng đạn trên tay. Quan điểm của chủ nghĩa Mác Lê về giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội không liên hệ gì đến bản chất của cuộc đấu tranh giành độc lập và mục tiêu xây dựng đất nước của dân tộc Việt Nam.

Tuy nhiên, hãy tạm giả thiết rằng lý luận ba dòng thác là đúng và cuộc chiến chống Mỹ cũng đúng luôn, thì sau

36 năm đưa dân tộc vào con đường cùng không lối thoát với một chế độ chính trị chà đạp mọi quyền căn bản của con người, một xã hội tham nhũng thối nát (Corruption Perceptions Index xếp Việt Nam vào hạng 116 trong 178 quốc gia, cùng hạng với ba quốc gia nghèo nhất Phi Châu Ethiopia, Guyana và Tanzania), một chính sách giáo dục ngu dân, nô dịch, chạy theo hư danh bằng cấp nhưng thiếu thực tài, một nền kinh tế lạc hậu trì trệ đi sau các nước trong vùng hàng mấy chục năm, đảng Cộng Sản Việt Nam có cần phải bị lật đổ và lật đổ càng sớm càng tốt hay không?

Lịch sử mang tính thời đại và tính liên tục. Giống như chính quyền trong các xã hội dân chủ, mỗi thế hệ có một trách nhiệm riêng, dù hoàn thành hay không, khi bước qua thời đại khác, vẫn phải chuyển giao trách nhiệm sang các thế hệ lớn lên sau. Sức đẩy để con thuyền dân tộc vượt qua khúc sông hiểm trở hôm nay không đến từ Facebook hay Twitter, không đến từ Mỹ, Anh, Pháp hay đâu khác, mà bắt đầu từ bàn tay và khối óc của tuổi trẻ Việt Nam.

Quyền tự do tôn giáo, tự do phát biểu, tự do đi lại, quyền được đứng ra lãnh đạo hay chọn lựa những người lãnh đạo đất nước là quyền dành cho mọi công dân và phải được tôn trọng bằng luật pháp chứ không phải là đặc quyền dành riêng cho đảng Cộng Sản. Tuy nhiên, giới lãnh đạo Đảng sẽ không tự nguyện trao trả những gì họ đã đánh cắp mà phải giành lại từ tay họ. Như có lần tôi đã viết, lịch sử nhân loại chứng minh, những kẻ độc tài thường không bước xuống theo nguyện vọng nhân dân, họ chỉ chết già trong quyền lực hay bị lật đổ.

Một đời người trung bình sống bảy mươi năm, nhưng cho dù sống tám mươi, chín mươi hay một trăm năm

cũng chỉ có một thời tuổi trẻ và khi qua đi, tuổi trẻ sẽ không bao giờ trở lại.

Trong bài viết về lý tưởng phụng sự xã hội được viết cách đây khá lâu tôi có phát biểu rằng, về ý nghĩa, lý tưởng là một mục đích sống cao đẹp của một đời người. Nếu chúng ta đặt qua một bên niềm tin tôn giáo hay sự giải thích dựa vào niềm tin tôn giáo, và nếu chúng ta không có một lý tưởng để sống, sự có mặt của chúng ta sẽ vô vị biết bao. Đời sống chỉ là sự lập lại một cách nhàm chán những công việc, những ngày, những tháng, những năm, những tiếng cười và nước mắt, những hơn thua và tranh chấp, cho đến cuối cùng một hơi thở hắt ra. Nhưng với một người sống có lý tưởng, sống có mục đích, những khoảnh khắc dù chỉ một vài giây phút cũng đầy ý nghĩa. Người có lý tưởng bao giờ cũng lạc quan và hy vọng bởi vì họ không chỉ sống cho hôm nay mà cho ngày mai và nhiều ngày mai sẽ tới.

Đừng đánh rơi tuổi trẻ.

CHÍNH SÁCH BẾ MÔN TỎA CẢNG THỜI CỘNG SẢN

Tôi đang sống ở Boston. Không biết vì lý do gì, lịch sử của thành phố này lại có rất nhiều liên hệ, có khi gắn bó và cũng có lúc oan khiên, với lịch sử Việt Nam và cả với chính tôi nữa. Và biểu tượng lâu đời nhất của mối quan hệ Việt Mỹ đầy biến cố là USS Constitution, chiếc hạm được ủy nhiệm đầu tiên của hải quân Mỹ, bây giờ là một viện bảo tàng nổi nằm ở góc vịnh Boston.

Hơn hai trăm năm, trước khi có USS Nimitz, USS George Washington, USS Constitution, hạ thủy 1798 và được trang bị 54 khẩu đại bác, là niềm kiêu hãnh của hải quân Mỹ. Và cũng chính chiến hạm này đã bắn vào quê hương Đà Nẵng của tôi.

Câu chuyện bắt đầu vào tháng 5-1845, USS Constitution trên chuyến hải hành thiện chí, đã ghé Đà Nẵng để xin cung cấp thức ăn, nước uống và xin phép chôn cất một thủy thủ vừa qua đời. Tuy nhiên, khi biết Việt Nam đang giam giữ Giám mục Dominique LeFevre, một nhà truyền giáo Pháp đang bị cầm tù, Đại Úy Hạm Trưởng John Percival yêu cầu Việt Nam trao trả tự do cho

giám mục. Phía Việt Nam từ chối. Hạm trưởng Percival tức giận và chỉ huy một đội quân võ trang đổ bộ xuống Đà Nẵng. Ông tống đạt thư đòi Việt Nam phải trao trả tự do cho Giám Mục LeFevre. Đồng thời, cũng để chứng tỏ quyết tâm của mình, hạm trưởng đã hạ lệnh bắt ba viên quan Việt Nam trú phòng Đà Nẵng làm tù binh. Phía Việt Nam cũng nhất định không trả tự do cho giám mục. Không làm gì được, cuối cùng, Hạm trưởng Percival đành thả tù binh và ra đi. Trước khi nhổ neo, ông ra lịnh cho giàn trọng pháo của USS Constitution nã vào biển Đà Nẵng một loạt để bày tỏ thái độ bất bình.

Không chỉ mỗi Việt Nam bị hiếp đáp, thị uy, nhưng cùng một khoảng thời gian đó, 1852, Hạm trưởng Matthew Perry, trên những chiến hạm tương tự như USS Constitution bây giờ, cũng đã đe dọa chủ quyền nước Nhật. Hạm trưởng Matthew Perry chưa bắn viên đạn nào, chỉ phô trương lực lượng thôi nhưng đã làm nước Nhật suy nghĩ.

Trong khi đó, các vua triều Nguyễn vẫn an nhiên. Những viên đại bác từ USS Constitution bắn vào Đà Nẵng không làm lung lay bức tường thành hủ nho, phong kiến, lạc hậu trong ý thức của các vua nhà Nguyễn.

Bế môn tỏa cảng chưa hẳn là một sai lầm. Nếu đóng cửa để suy nghĩ, để gặm nhắm cái nhục, để uống cái đau của một nước yếu, để trau giồi, học hỏi, canh tân và rồi vươn lên thì cũng không đáng trách. Các vua triều Nguyễn không được như thế. Chính sách bế môn tỏa cảng thời nhà Nguyễn là bản sao chính sách bế môn tỏa cảng của nhà Thanh dẫn đến việc Trung Hoa bị ngoại bang chia năm xẻ bảy sau đó.

Mặc cho dông bão phương tây đang ùn ùn kéo tới, vua tôi nhà Nguyễn vẫn cứ tiếp tục miệt mài đèn sách trong

kho kinh sử Trung Hoa, vẫn Tứ Thư Ngũ Kinh, vẫn trọng đạo Thánh Hiền, vẫn hãnh diện vì "*Văn như Siêu Quát vô tiền Hán*, *Thi đáo Tùng Tuy thất thịnh Đường".*

Học ngày đó là học để ra làm quan, để làm thơ chứ không phải để giúp dân, cứu nước. Trong Việt Nam Sử Lược sử gia Trần Trọng Kim viết về giáo dục dưới triều Nguyễn: "*Bao nhiêu công phu của người đi học chú trọng vào sự học cho nhớ những sách Tứ Thư, Ngũ Kinh cùng những lời thể chú của tiền nho trong những sách ấy và học thêm mấy bộ sử nước Tàu".*

Và ông kết luận: "Bởi vậy ai hay kinh nghĩa đã nghĩ mình hơn người, ai tài thi phú đã tưởng mình giỏi nghề trị nước. Việc đời thì tối tăm mờ mịt mà lại tự phụ và kiêu căng, cho thiên hạ như rơm rác, coi mình như thần thánh".

Câu "*Việc đời thì tối tăm mờ mịt mà lại tự phụ và kiêu căng, cho thiên hạ như rơm rác, coi mình như thần thánh*" đọc lên nghe cay đắng nhưng thực tế làm sao. Trần Trọng Kim viết câu này cách đây gần một trăm năm nhưng nếu ai chỉ mới đọc lần đầu có thể hiểu lầm vừa được viết từ Hà Nội tối hôm qua.

Phong trào giải thể chế độ thực dân được phát động sau thế chiến thứ nhất và trở thành một cao trào bùng nổ khắp các quốc gia Á Phi cùng với việc ra đời của Liên Hiệp Quốc sau thế chiến thứ hai. Phần lớn các quốc gia bị trị lần lượt giành được tự do. Dọc bờ sông Nile cho đến vùng Địa Trung Hải, các dân tộc Phi châu từng bước xây dựng lại đất nước họ. Tại Á Châu, các quốc gia thuộc địa như Ấn Độ, Mã Lai, Singapore, Nam Dương, hay vừa hình thành sau thế chiến thứ hai như Đài Loan, Nam Hàn tập trung nỗ lực vào việc tái thiết và canh tân đất nước để đuổi kịp đà tiến nhân loại. Hành trình dân chủ hóa tại các quốc gia

này gặp rất nhiều hy sinh, thử thách, có khi phải nhuộm bằng máu, nhưng đó cũng là một mục tiêu đích thực và không thể nào thay thế mà đất nước họ phải đạt đến.

Giống như các nước Phi châu xa xôi và Á châu gần gũi, lẽ ra Việt Nam cũng có cơ hội giành độc lập và bắt tay xây dựng đất nước. Việt Nam, với nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, một lực lượng lao động cần cù, một dân số không quá đông hay quá ít, một ý chí quật cường hun đúc từ lịch sử bốn ngàn năm, nếu không phải là con rồng, con phượng của Á Châu thì cũng không đến nỗi thua kém Thái Lan, Philippines, Ấn Độ, Mã Lai, Singapore, Nam Dương.

Không. Trong lúc những quốc gia cùng số phận đã vượt qua, đã vươn lên, Việt Nam vẫn máu đổ thịt rơi, hàng triệu người dân Việt Nam vô tội vẫn tiếp tục ngã xuống mỗi ngày trên đồng ruộng Việt Nam.

Tại sao?

Bởi vì khác với các phong trào giành độc lập tại các nước Á Phi, Việt Nam có đảng Cộng Sản.

Toàn bộ chính sách của Mỹ từ 1946 đến thời kỳ Liên Xô sụp đổ đều hướng đến một mục tiêu duy nhất là ngăn chặn sự bành trướng của chủ nghĩa Cộng Sản (containment). Tuy nhiên, tùy thuộc vào điều kiện kinh tế, chính trị, quân sự của mỗi quốc gia, việc áp dụng chính sách ngăn chặn diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau.

Đối với Việt Nam, để đương đầu với một đội quân hùng mạnh của đảng Cộng Sản Việt Nam đang "thừa thắng xông lên" sau trận Điện Biên Phủ, với sự yểm trợ vũ khí dồi dào của các quốc gia khối Cộng Sản đứng đầu là Liên Xô và Trung Cộng, trong lúc tại miền Nam một quân đội quốc gia non trẻ đang mới hình thành, Mỹ đã chọn giải pháp trực tiếp can thiệp bằng quân sự.

Một trăm hai mươi năm, sau khi USS Constitution đến Đà Nẵng, mùa hè 1965, các chiến hạm Mỹ từng đoàn cập bến. Những đơn vị Thủy Quân Lục Chiến Mỹ đầu tiên đổ bộ. Ngày đó, người Mỹ chưa biết nhiều về con người Việt Nam, văn hóa Việt Nam. Thật ra họ cũng không cần biết. Việt Nam chỉ là điểm nhỏ trên bản đồ chiến lược toàn cầu của Mỹ.

Và để thực hiện chính sách ngăn chặn Cộng Sản, Mỹ mang máy móc sang Đức, mang sách vở sang Nhật và mang bom đạn sang Việt Nam.

Thế nhưng, cuộc chiến chưa tàn mà người Mỹ đã bỏ đi khi chính sách toàn cầu thay đổi. Họ ra đi vội vàng như đã đến lúc mặc cho cây dân chủ ở miền Nam phải chết non khi vừa bén rễ, mặc cho hàng triệu người lính miền Nam hết súng, hết đạn, đưa lưng trần chịu pháo, mặc cho hàng triệu đồng bào miền Trung, miền Tây Nguyên phải tay bồng bế con thơ, lưng cõng cha mẹ già, bỏ làng mạc ruộng vườn chạy trốn trong lúc T54, T76 đang rượt đuổi theo sau.

Trong ly rượu chúc mừng chiến thắng ở Moscova, ở Trung Nam Hải, có nước mắt của những đứa bé Việt Nam không cha, có máu của những bà mẹ Việt Nam bất hạnh nhỏ xuống khắp ba miền.

Mỗi khi nhìn USS Constitution tôi lại nghĩ đến những quan hệ giữa Việt Nam và Mỹ. Trong suốt hơn mười năm làm việc ở trung tâm thành phố Boston, tôi đi ngang qua đó nhiều lần và thậm chí có dịch một bài báo của tờ Boston Globe về chuyện người lính hải quân Mỹ đầu tiên thuộc USS Constitution được mai táng tại Đà Nẵng, nhưng chưa bao giờ đặt chân lên chiếc tàu chiến đó.

Ghét Mỹ chăng? Không. *"Quốc gia chỉ có quyền lợi chứ không có kẻ thù"*, câu nói quen thuộc đó đã được Ngoại

Trưởng Mỹ Hillary Clinton lập lại khi bắt tay lãnh tụ độc tài *Moammar Gaddafi* tháng 9, 2009. Và hôm nay cũng chính bà Hillary Clinton tuyên bố *Moammar Gaddafi phải chịu trách nhiệm cho những vi phạm nhân quyền tại Libya mặc dù nhân quyền tại Libya bị chà đạp hơn 40 năm chứ không phải chỉ vài tuần qua.*

Nhìn số phận của các dân tộc Libya, Ai Cập, không thể không nghĩ đến số phận hẩm hiu suốt mấy trăm năm của dân tộc mình.

Thật vậy. Nếu có một dân tộc phải được xếp vào danh sách những dân tộc chịu đựng dưới chính sách đô hộ hà khắc, đồng hóa bất nhân và diệt vong tàn bạo nhất trong bàn tay của các đế quốc ngoại bang xâm lược thì bên cạnh một Do Thái với hai ngàn năm lưu vong và những lò thiêu sống của Hitler, một Armenia bị diệt chủng dưới gót giày của đế quốc Ottoman, phải có một Việt Nam trong một ngàn năm nô lệ dưới các triều đại Tần, Hán, Ngô, Tấn, Tùy, Đường, Minh.

Thật vậy. Nếu có một dân tộc là nạn nhân của chế độ thực dân tàn bạo với tất cả cực hình tàn khốc, thì bên cạnh một Congo trước những thanh gươm bén của vua Bỉ Leopold, một Triều Tiên dưới chính sách đồng hóa của Nhật, phải có một Việt Nạm dướt gót dày Thực Dân Pháp gần suốt một trăm năm. Thực dân đến Việt Nam không phải để gieo rắc tinh thần tự do được dấy lên từ cách mạng 1789 mà để cướp đoạt tài nguyên và bóc lột tận cùng sức lao động của nhân dân Việt Nam.

Phải chi ông bà chúng ta ngày đó biết thức thời mở cửa, tiếp nhận nhiều nguồn khác nhau để hóa giải ngoại lực, từng bước hiện đại hóa đất nước để tăng cường nội lực thì có thể đã thoát nạn thực dân, Cộng Sản và Việt Nam đâu đến nỗi này.

Dù sao, lịch sử là một dòng sông không ngừng chảy. Có lúc phải vượt qua những mỏm đá cheo leo nhưng cũng có khi êm đềm phẳng lặng. Không ai có thể thay đổi quá khứ nhưng có thể học từ những sai lầm, những thiếu sót để làm đẹp tương lai.

Nhân loại chỉ mới qua khỏi thập niên đầu của thế kỷ nhưng đã bước một bước thật dài trong khoa học kỹ thuật và đời sống xã hội. Thời đại hôm nay là thời đại dân chủ. Từ anh chăn cừu trên thảo nguyên Mông Cổ cho đến người thợ mỏ Phi châu đều đã có quyền chọn lựa người lãnh đạo của mình.

Hành trình phát triển của loài người có tính quy luật, từ thấp đến cao, từ lạc hậu đến văn minh, từ thu hẹp đến rộng mở. Trong quá trình đó, nhân loại đã trải qua nhiều thảm họa nhưng cũng đã chứng minh khả năng của con người có thể vượt qua thảm họa bằng con đường dân chủ. Năm 1974, chỉ có 41 nước trong số 150 quốc gia trên thế giới theo chế độ dân chủ. Năm 1990, ba phần năm tổng số quốc gia trên thế giới theo chế độ dân chủ. Và hôm nay, dân chủ, tuy mức độ còn khác nhau nhưng đang là thực tế tại hầu hết quốc gia, ngoại trừ một rất số nhỏ, trong đó có Việt Nam.

Người Việt có quyền tin, tuổi trẻ Việt Nam chứ không ai khác sẽ là những người mang giọt nước tự do trong lành tưới lên cánh đồng khô cháy Việt Nam. Những thế hệ trẻ của Việt Nam thế hệ đầu thiên niên kỷ đang đứng trước nhiều thử thách nhưng cũng nhiều triển vọng.

Nhưng không. Tuy có nhiều tiếng nói bất đồng vang lên và nhiều nhóm trẻ đang hoạt động trên khắp các nẻo đường đất nước cũng như trong internet, Việt Nam vẫn chưa có một phong trào tầm vóc đủ lớn như Tunisia hay Ai Cập. Sức đẩy từ phía dân tộc vẫn chưa đủ mạnh để đưa

cuộc cách mạng dân chủ đến nhanh hơn và tiết kiệm được nhiều hơn những hy sinh chịu đựng của đồng bào.

Tại sao? Có nhiều lý do, nhưng trong bài này, tôi muốn nói đến một lý do tư tưởng, rằng suốt 36 năm qua giới lãnh đạo đảng Cộng Sản Việt Nam đã áp dụng một chính sách bế môn tỏa cảng tư duy tinh vi và hệ thống.

Đọc bài báo "Kết nạp Đảng tại Harvard" đăng trên hầu hết các báo trong nước để thấy cái tác hại của chính sách bế môn tỏa cảng tư duy trong nhận thức của hai trí thức trẻ Trần Phương Ngọc Thảo và Lê Anh Vinh.

Vua quan thời nhà Nguyễn miệt mài trong Tứ Thư Ngũ Kinh nho giáo thì giới trí thức trẻ ngày nay bị đầu độc bằng chủ nghĩa Mác Lê và tư tưởng Hồ Chính Minh phản văn minh, phản khoa khọc và phản tiến bộ.

Chính sách bế môn tỏa cảng tư duy đã làm các em tin một cách chân thành rằng khác với các đảng Cộng Sản Liên Xô, Đông Đức, Ba Lan, đảng Cộng Sản Việt Nam do dân mà ra, từ dân mà có, đảng Cộng Sản Việt Nam là dân tộc Việt Nam là một, và do đó, đảng lãnh đạo dân tộc Việt Nam là chuyện tự nhiên như thời tiết.

Đảng Cộng Sản và dân tộc Việt Nam chẳng những chưa bao giờ là một mà từ trong bản chất đã có tính mâu thuẫn triệt tiêu nhau.

Như lịch sử đã chứng minh trong 80 năm qua, chính sách của đảng, dù có lúc cực kỳ chuyên chính và cũng có khi tương đối nới lỏng để làm nhẹ áp lực quần chúng, mục tiêu cộng sản hóa toàn cõi Việt Nam và đặt dân tộc Việt Nam dưới quyền cai trị tuyệt đối của Đảng luôn nhất quán sau 11 kỳ đại hội và 13 lượt tổng bí thư.

Có người cho rằng, đảng Cộng Sản ngày nay không còn là một đảng theo quan điểm Mác Lê đúng nghĩa nữa mà

thực tế chỉ là một đảng cướp. Tuy nhiên, đừng quên, đảng cướp cũng cần phải có một cơ sở lý luận, bởi vì khác với con vật, con người có ý thức và sống bằng một niềm tin. Kim Nhật Thành có Chủ Nghĩa Độc Lập Tự Cường (Juche), Moammar Gadhafi có Chủ Nghĩa Xã Hội Hồi Giáo (Green book), ngay cả nhà độc tài tàn ác nhất Phi châu là Thượng sĩ Mobutu Sese Seko cũng dựng nên một lý tưởng quốc gia mà ông ta gọi là Nhận Thức Đúng (Authentication).

Dưới thời nhà Nguyễn, từ vua quan đến dân chúng, nói cho cùng cũng chỉ là nạn nhân của một nhận thức bảo thủ sai lầm kế thừa suốt thời kỳ phong kiến, chính sách bế môn tỏa cảng tư duy của Đảng ngày nay là một chủ trương, một chính sách nhằm che đậy mọi ánh sáng văn minh từ bên ngoài rọi vào cùng lúc xây dựng một thiên đường hoang tưởng bên trong.

Những lãnh đạo Đảng đang hô hào lý tưởng Cộng Sản tại Việt Nam hôm nay, thật ra, đã từ lâu không còn tin vào miệng lưỡi của chính mình, nhưng những thuốc độc bọc đường đó đã tàn phá bao nhiêu thế hệ trẻ Việt Nam.

Các em Trần Phương Ngọc Thảo và Lê Anh Vinh như được nhắc trong bài báo, là tài nguyên của đất nước chứ không phải của đảng Cộng Sản.

Như những trí thức trẻ, các em chắc đang mơ một ngày không xa Việt Nam sẽ thành một Singapore hay một Nam Hàn. Tuy nhiên, khi trở về sống, làm việc và va chạm với thực tế chính trị tại Việt Nam, các em sẽ hiểu ra, ngày nào Việt Nam còn bị cai trị dưới một chế độ độc tài toàn trị, ngày đó giấc mơ ra biển lớn của các em sẽ không bao giờ thành hiện thực.

Không ai có thể lấy tay che mặt trời. Chính sách bế môn tỏa cảng tư duy tinh vi nhưng không thể bưng bít sự thật mãi mãi và bưng bít được mọi người. Vẫn có rất

nhiều tuổi trẻ Việt Nam đang dấn thân trên nhiều ngã đường đất nước. Họ đang bị trấn áp, đe dọa, tù đày nhưng không bỏ cuộc. Từ trong những nhọc nhằn mà họ đang chịu đựng có một niềm hãnh diện dâng lên vì được sống trong thời đại mà những nỗ lực của họ sẽ mở ra trang sử mới cho dân tộc.

Những trái tim Việt Nam khai phá đó, trong trắng, nhiệt tình như vùng đất vỡ hoang đang chuẩn bị cho vụ mùa thứ nhất, nhưng cũng chính họ sẽ là những người tự mình đi tìm hạt giống tốt để gieo trồng trên quê hương màu mỡ của mình.

Lật đổ một nhà độc tài khác với thay đổi một cơ chế độc tài. Đảng Cộng Sản bám sâu vào đất nước mấy mươi năm, tác hại không chỉ về kinh tế chính trị mà trầm trọng hơn về nhận thức, tư tưởng và văn hóa. Trường Chinh đã viết trong Luận cương văn hóa 1943: "*Phải hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội".* Cách mạng dân chủ hôm nay, do đó, phải bắt đầu từ việc tháo gỡ các nhận thức sai lầm về lịch sử, xóa bỏ văn hóa Cộng Sản để mở đường cho cách mạng dân tộc dân chủ toàn diện và triệt để.

Đường cách mạng dân chủ Việt Nam có thể còn nhiều chông gai, sỏi đá, đòi hỏi nhiều thời gian và kiên nhẫn trong mỗi chúng ta, nhưng là một con đường vinh quang, đích thực, một bước phát triển không thể nào đảo ngược của dân tộc và loài người.

CHỌN LỰA CỦA ĐỜI NGƯỜI

Nỗi lo sợ lớn nhất của một nhà tranh đấu cho tự do dân chủ của một đất nước không phải là sợ bị tù mà bị sống lưu vong, bởi vì với phần đông, đi là hết.

Boris Pasternak không phải là nhà đấu tranh chính trị nhưng khi bị hăm họa nếu đi nhận giải Nobel văn chương có thể không được phép trở về Nga, ông từ chối đi nhận giải. Aung San Suu Kyi được phép đi thăm chồng bịnh nặng nhưng có thể không được trở về, bà đành chịu không thấy mặt chồng còn hơn phải rời Miến Điện. Nhắc lại, năm 1997, chồng bà, Tiến sĩ Michael Aris, bị ung thư tuyến tiền liệt giai đoạn cuối nhưng bị chính phủ quân phiệt Miến từ chối cấp giấy phép nhập cảnh thăm bà và cuối cùng Michael Aris đã chết ở Anh Quốc đúng trong ngày sinh nhật của ông không có mặt vợ.

Vua Hàm Nghi của Việt Nam mình là bài học khác. Trong suốt ba năm từ 1885 đến 1888, chịu đựng bao gian truân đói khổ trong rừng núi Quảng Bình, nhà vua không hề than van và ngay cả khi bị bắt vị vua 17 tuổi còn mắng vào mặt Việt gian Trương Quang Ngọc "Mi giết ta đi còn hơn là mi mang ta ra nộp cho Tây", nhưng khi bước xuống tàu Biên Hòa để bị lưu đày sang Algérie, ngài đã

khóc. Giọt nước mắt của vị vua mất nước và cũng là một thanh niên Việt Nam chỉ mới 18 tuổi tuôn rơi chỉ vì phải rời xa tổ quốc thân yêu và một phần khác ngài cũng biết đi là hết, giấc mộng Cần Vương xem như chính thức cáo chung.

Trong giai đoạn từ 1975 đến nay, có hai nhà đấu tranh vì tự do dân chủ và nhân bản Việt Nam nổi tiếng nhưng có hai chọn lựa khác nhau: Giáo sư Đoàn Viết Hoạt chọn lựa ra đi và Bác sĩ Nguyễn Đan Quế chọn lựa ở lại.

Giáo sư Đoàn Viết Hoạt: Không thể ra khỏi nhà tù nếu thiếu điều kiện ra đi khỏi Việt Nam

Giáo sư Đoàn Viết Hoạt bắt đầu các hoạt động chống độc tài CS ngay sau 1975 và bị tù tổng cộng gần 20 năm:

- Lần thứ nhất: Ngày 29 tháng 7 năm 1976 ông bị bắt với cáo trạng "Tuyên truyền tư tưởng phản động chống phá Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam". Giáo sư bị CSVN giam giữ 12 năm không bản án. Ông ra khỏi tù lần thứ nhất ngày 9 tháng 2 năm 1988.

- Lần thứ hai. Một năm sau, Giáo sư Đoàn Viết Hoạt góp phần thành lập nhóm Diễn Đàn Dân Chủ và sáng lập viên của tạp chí Diễn Đàn Tự Do. Ngày 17 tháng 11 năm 1990, ông bị CSVN bắt lần thứ hai. Tòa sơ thẩm CSVN ngày 31 tháng 3 năm 1993 kết án giáo sư 20 năm tù giam. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm sau đó, giảm án xuống còn 15 năm tù giam. Năm 1993, ông bị đưa sang trại tập trung lao động khổ sai. Ngay trong tù, ông đã tổ chức hoạt động đối lập và vì vậy, ông bị đưa đi giam giữ cô lập 4 năm liền tại trại giam Thanh Cầm, Thanh Hóa.

Giáo sư Đoàn Viết Hoạt đối diện với chọn lựa không thể ra khỏi nhà tù nếu không chịu rời bỏ Việt Nam, nhưng ông cũng chỉ chịu rời Việt Nam khi vợ, con và nhiều bạn bè khuyên ông nên chấp nhận ra nước ngoài. Năm 1998,

từ nhà tù, ông được đưa thẳng tới sân bay Nội Bài để bay sang Mỹ.

Sáng 8 tháng 4, 2014 vừa qua, phóng viên Kính Hòa của RFA phỏng vấn Giáo sư Đoàn Viết Hoạt về việc Cù Huy Hà Vũ được trả tự do và tức tốc đưa sang Mỹ. Giáo Sư Đoàn Viết Hoạt phát biểu:

"*Tôi nghĩ rằng nếu có thể thì chúng ta nên ở lại để đấu tranh. Tôi cũng muốn sớm được trở lại để đấu tranh với các bạn trong nước. Và ở ngoài này thì chúng ta phải vận động để thả ở trong nước chứ không đưa ra ngoài. Mỗi một người đi ra ngoài là mất một chiến sĩ trong nước, mà chiến sĩ ở trong nước mới là chính. Ngoài này chúng tôi chỉ hỗ trợ thôi. Khi sang ngoài này thì chúng tôi làm hết sức mình để hỗ trợ trong nước. Tất nhiên trong nước là cái chính, chúng ta phải bằng mọi giá đấu tranh để Hà nội thả anh em ra trong nước. Và phải chấp nhận những tiếng nói đối lập để đi đến dân chủ một cách ôn hòa bất bạo động.*"

Ông Phạm Văn Thành, một người đã từng ở tù chung với Giáo sư Đoàn Viết Hoạt nhận xét trên Facebook về những lời phát biểu của giáo sư:

"*Giáo sư Đoàn Viết Hoạt đã trả lời rất thực lòng. Với bản thân tôi, tôi luôn luôn giữ lòng kính trọng với các quyết định của ông, kể cả quyết định chấp nhận đi ra nước ngoài, một quyết định tôi biết là cực kỳ khó khăn đối với ông, người mà tôi trân trọng gọi bằng thầy xưng con ngay từ khi anh em chúng tôi đón nhóm của ông chuyển từ trại Z30D Hàm Tân vào trại Trừng Giới A20 Xuân Phước cuối năm 1993. Thời gian ở trại A20 Xuân Phước, ông là người nỗ lực không ngừng nghỉ trong mục tiêu nâng cao khả năng lý luận cho những anh em tù chính trị đã bị giam cầm quá lâu (từ 1977 /1980/1984). Vốn liếng văn hóa, chính trị, xã hội và quan hệ quốc tế của ông đã làm chúng*

tôi bật ngửa và đặc biệt nhất là sự can trường và ý nhị của ông. Trước sự đeo bám của an ninh trại, ông bất chấp những đớn đau sẽ đến với mình và liên tục tham dự các buổi họp nhóm với tất cả các anh em tù kỳ cựu tổ chức. Nhiều người trong nhóm (nhóm Diễn Đàn Tự Do) của ông đã phải tránh hẳn ông vì sợ sự liên lụy. Bối cảnh ấy, anh em võ biền chúng tôi mới thật sự kính phục người mà trước đó nhiều anh em có ý không phục vì ông có liên quan đến những nhóm phản đối chính quyền miền Nam VNCH trước 1975. Bối cảnh trại A20 Xuân Phước, một trại khét tiếng tàn khốc với gần hai ngàn nấm mộ số (tính đến 1994) đã giúp cho chúng tôi nhận ra giá trị thực thụ của một kẻ sĩ. Một bậc trí thức thực sự."

Về việc Giáo sư Đoàn Viết Hoạt ra đi. Cựu tù nhân chính trị Phạm Văn Thành cũng cho biết chính ông là người được giáo sư hỏi ý ngay khi ở trong tù. Hỏi ý nhiều khi không phải để nhận câu trả lời nhưng chỉ là cách để nhẹ những ưu tư đang đè nặng trong lòng.

Câu trả lời của Giáo sư Đoàn Viết Hoạt và tiết lộ của một người ở tù chung nhiều năm với ông, cho chúng ta biết chọn lựa ra đi của ông là một chọn lựa khó khăn. Chọn lựa nào mà chẳng có hy sinh. Ông ra đi mang theo một niềm tâm sự luôn chôn giấu trong lòng và tâm sự đó đã nhiều đêm làm ông trăn trở. Ông cho nhiều người thân biết khi máy bay bay lên trời cao, nhìn xuống thấy đất nước xa dần ông đã bật khóc, không cầm được nước mắt. Bởi ngày trở lại không biết đến bao giờ. Ông không bao giờ muốn rời xa quê hương nếu được tự do lựa chọn. Như ông đã chọn lựa trở về Việt Nam sau khi học xong bằng Tiến Sĩ ở Mỹ. Và sau khi CS chiếm miền nam ông cũng đã quyết định ở lại quê hương để tiếp tục chiến đấu cho lý tưởng dân chủ mà ông đã noi theo thân phụ ông từ khi còn trẻ.

Giáo sư Đoàn Viết Hoạt không phải là mẫu người hoạt động theo kiểu xông xáo đó đây nhưng là một nhà giáo dục, một cựu tù nhân lương tâm phát xuất từ miền Nam, một nhà tư tưởng, học ở Mỹ nên việc hội nhập vào sinh hoạt chính trị dòng chính Mỹ cũng như tham gia vào cộng đồng Việt Nam hải ngoại không mấy trở ngại khó khăn. Không giống như nhiều người tranh đấu khác chỉ tập trung vào các hoạt động có tính cách chiến thuật, ngắn hạn, giáo sư viết sách, phân tích tình hình quốc tế, sử dụng tích cực các mối quan hệ của cá nhân ông với quốc tế, đề nghị các chiến lược dài hạn cho các phong trào đấu tranh, vì thế, vai trò của ông tại hải ngoại có thể hữu hiệu không kém, nếu không muốn nói thuận lợi hơn, vai trò của ông khi còn ở trong nước.

Bác sĩ Nguyễn Đan Quế: "Lưu đầy không phải là tự do"

Một người bạn tù của Giáo sư Đoàn Viết Hoạt, Bác sĩ Nguyễn Đan Quế thì khác, ông đã chọn lựa sống chết với quê hương ngay trong giờ phút Sài Gòn thoi thóp thở cho đến hôm nay.

Ngày 30 tháng Tư năm 1975, trong lúc nhiều người Việt Nam chạy ra sông, ra biển, Bác sĩ Nguyễn Đan Quế đã chạy ngược dòng người, ông chạy về bệnh viện, nơi hàng trăm thiếu nhi Việt Nam bị thương tích và bệnh hoạn không có người chăm sóc, không có ngay cả một viên thuốc chống đau. Với chức năng của một bác sĩ và tình thương dành cho thế hệ thiếu nhi đang bị chế độ bỏ rơi, ông đã ở lại tiếp tục ngành chuyên môn của mình tại bệnh viện Chợ Rẫy. Tuy nhiên, một năm sau, trước những bất công, hà khắc mà chế độ CS áp đặt lên nhân dân Việt Nam một cách tàn nhẫn từ trong bệnh viện nơi ông làm việc cho đến ngoài xã hội, Bác sĩ Nguyễn Đan Quế phát động

cuộc đấu tranh vì tự do dân chủ và nhân bản cho dân tộc Việt Nam.

Từ đó, ông đã dấn thân vào hành trình tranh đấu cho một Việt Nam tự do dân chủ và nhân bản. Bác sĩ Nguyễn Đan Quế bị bắt nhiều lần và có những bản án kéo dài hàng chục năm qua nhiều trại tù lớn ở miền Nam:

- Lần thứ nhất: Mười năm, từ 1978 đến 1988, trong đó có thời gian dài bị biệt giam vì đã sáng lập Mặt trận Dân tộc Tiến bộ "với âm mưu lật đổ chính quyền cộng sản". Không đưa ra tòa xét xử.

- Lần thứ nhì: Ngày 29 tháng 11 năm 1991, trong phiên tòa chỉ vỏn vẹn ba mươi phút, CSVN đã xử Bác sĩ Nguyễn Đan Quế 20 năm khổ sai và 5 năm quản chế vì "hoạt động lật đổ chính quyền". Đến năm 1993, Bác sĩ Quế bị đưa đi lao động khổ sai ở trại K4 Xuyên Mộc (Bà Rịa) và ở trại K3 Xuân Lộc, cách Sài Gòn 80 cây số về hướng Đông Bắc. Mặc dù sức khỏe của ông ngày càng yếu, quản giáo CSVN vẫn tìm cách hành hạ ông bằng lao động khổ sai và biệt giam.

- Lần thứ ba: Bị bắt năm 2003 vì lên tiếng tranh đấu cho tự do thông tin và phát biểu. Lần nữa, trước áp lực quốc tế và đồng bào trong cũng như ngoài nước. CSVN đã buộc phải thả Bác sĩ Nguyễn Đan Quế vào năm 2005.

- Lần thứ tư: Bị bắt vào cuối tháng 2 năm 2011, sau khi công bố "Lời kêu gọi toàn dân xuống đường cứu nước". CSVN trả ông về nhà sau khi bị tạm giữ 48 giờ.

Năm 1998, trước áp lực quốc tế, chính quyền cộng sản đồng ý thả bác sĩ Nguyễn Đan Quế với điều kiện ông phải rời Việt Nam.

Với hai mươi năm tù tội, CSVN nghĩ rằng bác sĩ đã cạn kiệt tinh thần cũng như thể lực và phải chọn con đường

bình an nhất cho những ngày tháng cuối đời là ra đi. Nhưng họ đã lầm. Bác sĩ Nguyễn Đan Quế từ chối. "Lưu đầy không phải là tự do" ông tuyên bố một cách khẳng khái. Tự do của một người chỉ trọn vẹn ý nghĩa nếu được tự do trên quê hương mình và cùng với dân tộc mình. Không có tự do dành cho những kẻ bị lưu đày. Cuối cùng, Cộng Sản đành thả ông và giam lỏng ông tại Sài Gòn.

Ngày 11 tháng 5 năm 2014 đánh dấu 24 năm ngày Bác sĩ Nguyễn Đan Quế công bố Bản Tuyên Bố của Cao Trào Nhân Bản kêu gọi đồng bào Việt Nam trong và ngoài nước, các chính phủ và nhân dân yêu chuộng tự do dân chủ khắp thế giới tích cực ủng hộ cuộc đấu tranh bất bạo động đòi hỏi nhà cầm quyền CSVN phải (a) Tôn trọng các nhân quyền căn bản của người dân Việt Nam. (b) Phải chấp nhận sinh hoạt chính trị đa nguyên. (c) Phải trả lại cho người dân Việt Nam quyền được lựa chọn một thế chế chính trị phù hợp với nguyện vọng của mình qua các cuộc bầu cử tự đó và công bằng dưới sự giám sát của Liên Hiệp Quốc.

Năm nay, bác sĩ Nguyễn Đan Quế đã 73 tuổi với gần một nửa đời người trong tù tội lao lung. Ngọn đèn nhân sinh có thể một ngày sẽ tắt nhưng ngọn đèn nhân bản ông thắp lên trong ngày 11 tháng 5 năm 1990 chẳng những không tắt mà mỗi ngày một sáng hơn. Hai mươi năm trước, phong trào xã hội dân sự tại Việt Nam chỉ có Cao Trào Nhân Bản và Diễn Đàn Tự Do, hôm nay hàng trăm nhóm, phong trào, mạng lưới internet, tập hợp xã hội dân sự đang được ra đời và phát triển. Con đường ông đi ngày đó chỉ có một vài dấu chân lẻ loi đơn độc, hôm nay, hàng trăm, hàng ngàn người cùng đi. Tuổi trẻ Việt Nam xem bác sĩ như là một người cha, người chú, một chỗ dựa tinh thần, một nơi để tìm nguồn an ủi trong những lúc khó khăn. Và Bác sĩ Nguyễn Đan Quế, cũng giống như trong

buổi chiều 30 tháng Tư, 1975 lại tiếp tục săn sóc, khuyên răn các em bằng đức tính khiêm cung và tấm lòng nhân ái.

Tiến sĩ Cù Huy Hà Vũ và Mount Everest đang chờ

Tiến sĩ Cù Huy Hà Vũ là một người đa tài. Anh sinh ngày 2 tháng 12 năm 1957 tại xã Ân Phú, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh). Anh tốt nghiệp tiến sĩ luật học, thạc sĩ văn chương, họa sĩ nhưng được biết đến nhiều nhất như một nhân vật bất đồng chính kiến với nhà nước CSVN. Anh bị bắt vào ngày 5 tháng 11 năm 2010 tại Sài Gòn và bị khởi tố ngày 15 tháng 11 năm 2010 về tội danh quen thuộc của CS "Tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam". Anh bị kết án 7 năm tù. Phiên tòa ngày 2 tháng 8 năm 2013 giữ nguyên bản án. Tuy nhiên, trong lúc đang ở tù, anh Cù Huy Hà Vũ được CS phóng thích và cùng vợ đi thẳng sang Mỹ ngày 7 tháng Tư năm 2014.

Tiến sĩ Cù Huy Hà Vũ ra khỏi nhà tù CS là một tin vui chung cho phong trào dân chủ Việt Nam. Cuộc vận động và tranh đấu thay mặt anh đã diễn ra không ngừng trên mọi lãnh vực, mọi bình diện, mọi phương tiện, mọi giới và mọi tầm vóc đã có hiệu quả. Trong nước Cù Huy Hà Vũ đã trở thành niềm thôi thúc của tuổi trẻ dấn thân. Ngoài nước, Cù Huy Hà Vũ đứng hàng đầu trong danh sách tù nhân mà các tổ chức nhân quyền dùng để gây áp lực cho CSVN. Phần lớn các nhà phân tích và đồng bào quan tâm đều nghĩ CSVN phải trả tự do cho anh sớm. Và họ đoán đúng. Tuy nhiên thay vì trở về với bạn bè cùng tranh đấu, với công cuộc vận động dân chủ đang quá cần anh, với phong trào bảo vệ Hoàng Sa Trường Sa mà anh từng gắn bó, anh được đưa từ nhà tù sang Mỹ ngay là một tin làm nhiều người ngạc nhiên. Không ít người thất vọng, lo lắng và ngay cả buồn phiền.

Lần nữa, chọn lựa đi hay ở là chọn lựa cá nhân. Nếu anh chọn ra đi để chửa bịnh và được sống bình an sau những năm tháng dài đấu tranh mệt mỏi ở Việt Nam thì đó là chọn lựa riêng tư. Mỗi người trong thế giới này có quyền chọn lựa một cách sống riêng cho mình và gia đình mình. Quyết định đó phải được tôn trọng. Đất nước Việt Nam là của 90 triệu người chứ không phải chỉ của một mình Cù Huy Hà Vũ. Và đừng quên, phong trào dân chủ từ thập niên 1990 đến nay có những lãnh tụ đấu tranh tưởng chừng như "gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo" đã tự biến mất đi không để lại một dấu vết gì. Thỏa hiệp, đầu hàng, mệt mỏi hay dù gì cũng không ai trách và sau một thời gian sẽ không còn ai nhắc. Cuộc vận động dân chủ như một chuyến tàu, tại mỗi sân ga, có người bước xuống nhưng cũng có người khác bước lên. Lịch sử đã, đang và sẽ diễn ra như thế.

Nhưng nếu anh Cù Huy Hà Vũ chọn ra nước ngoài để vừa được bình an vừa tiếp tục con đường tranh đấu như phương cách anh đã làm trong nước thì đó sẽ là một chọn lựa vô cùng khó khăn để thực hiện:

- Phương pháp đấu tranh: Từ trước đến nay, anh Cù Huy Hà Vũ chọn phương pháp đấu tranh trong vòng cơ chế, nghĩa là chấp nhận và dựa trên hiến pháp CS, luật pháp CS. Anh từng ứng cử vào chức vụ Bộ trưởng Thông Tin, tranh cử Đại biểu Quốc Hội. Anh từng kiện Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Thừa Thiên, kiện cả Thủ tướng CS Nguyễn Tấn Dũng, đòi hỏi phải thay đổi hiến pháp. Nói chung, anh tìm mọi kẽ hở của chế độ để tấn công, nhưng những kẽ hở đó đã được đóng lại cùng lúc với cánh cửa máy bay. Điều kiện đầu tiên để đấu tranh trong vòng cơ chế là phải có mặt. Không gian đấu tranh chính trị như thế không tồn tại ở hải ngoại. Ở Mỹ không có "gậy ông" để anh "đập lưng ông". Lịch sử đấu tranh giành độc lập cho Việt Nam trong

thời kỳ Pháp thuộc có rất nhiều người đã đấu tranh trong vòng cơ chế thực dân như Bác sĩ Nguyễn Văn Thinh, Nhà báo Nguyễn Phan Long, Kỹ sư Bùi Quang Chiêu, Nhà văn Diệp Văn Kỳ v.v… và đã giúp tạo nền móng vững chắc cho chế độ dân chủ tại miền Nam Việt Nam từ 1954 đến 1975 nhưng họ đều trực diện một mất một còn với chế độ thực dân tại Việt Nam.

- Hậu thuẫn đấu tranh: Anh Cù Huy Hà Vũ vận dụng tích cực các mối quan hệ cá nhân, gia đình, môi trường xã hội mà anh xuất phát để làm điểm tựa đấu tranh. Những điều kiện đó thuận lợi bao nhiêu ở trong nước sẽ bất lợi bấy nhiêu ở hải ngoại. Giả thiết rằng điểm hẹn cuối cùng trong hành trình tranh đấu của anh Cù Huy Hà Vũ cũng là một nước Việt Nam tự do dân chủ như phần lớn người Việt trong và ngoài nước đang tranh đấu, điểm khởi hành của anh phát xuất từ trong lòng chế độ CS và vì thế không đi cùng một ngã với đại đa số người Việt hải ngoại. Người Việt hải ngoại không phải bao giờ cũng bằng mặt, bằng lòng với nhau nhưng có một lập trường dứt khoát giống nhau đối với chế độ CS như một điều kiện tiền đề, không có chuyện "tuy nhiên", "lẽ ra" hay "nói gì thì nói" nào cả.

- Lý luận đấu tranh: Anh Cù Huy Hà Vũ không phải là nhà tư tưởng hay nhà lý luận. Hầu hết các hoạt động của anh chỉ mang tính chiến thuật, ngắn hạn, gây khó khăn cho chế độ nhưng không tấn công vào nền tảng của ý thức hệ Mác Lê và các nguyên nhân dẫn đến một đất nước điêu tàn, nghèo đói, phân hóa như hôm nay. Có thể đó phương cách đấu tranh anh nghĩ là thích hợp nhưng trong điều kiện hải ngoại những chiến thuật như thế không hiệu quả và cũng không thuyết phục được bao nhiêu người. Tham nhũng tại Việt Nam có tính đảng và sinh sôi nảy nở tốt tươi dưới bóng cây cổ thụ quyền lực của đảng, do đó, đánh tham nhũng mà tránh đánh vào đảng CS cũng chẳng

khác gì đánh vào chiếc bóng đen mà để yên cho kẻ trộm dọn nhà mình.

Anh Cù Huy Hà Vũ có thể nói đã một mình đã tạo nên một phong trào đấu tranh đầy sinh động. Các nhà chiến lược và lý luận có thể không đánh giá anh cao nhưng cách đấu tranh của anh lại dễ gây phong trào quần chúng và gây khó cho lãnh đạo CS. Nhiều bạn trẻ đã khóc, đã xuống đường, đã bị tù vì anh khi anh bị chế độ CS hạ nhục. Nhiều cụ già đã thương quý anh như con, như cháu khi anh bị lao tù. Ngoài việc can đảm, gan dạ, với tuổi trung niên, anh là chất keo nối kết các tầng lớp xã hội. Quốc tế nhìn anh như một lãnh tụ đấu tranh nổi bật của giai đoạn này và luôn dùng để gây áp lực nhân quyền với chế độ. Nhưng chất keo đó chỉ còn là những giọt nước mưa rớt rơi trên mặt phi đạo khi chuyến bay mang anh đi vừa cất cánh. Nụ cười và dấu V chiến thắng của anh đưa lên khi ra khỏi phi trường Dulles ở Washington DC có thể chỉ để xã giao với người đang cầm máy ảnh nhưng làm đắng cay cho bao nhiêu đồng bào, anh em đang kỳ vọng ở nơi anh.

Lịch sử cũng từng chứng minh không phải đi là hết

Rất nhiều chính khách đối lập lưu vong hay tự lưu vong ở nước ngoài sau đó đã trở về và thành công trong việc lãnh đạo quốc gia như Benazir Bhutto, Kim Đại Trọng ở Á Châu, Jacob Zuma, Moncef Marzouki của Phi Châu và nhiều người khác.

Nhiều độc giả đã biết trường hợp Kim Đại Trọng của Nam Hàn và Benazir Bhutto của Parkistan, xin giới thiệu trường hợp của Tổng thống Tunisia Moncef Marzouki mới đây. Sau khi tốt nghiệp bác sĩ tại đại học Strasbourg, Pháp, Bác sĩ Moncef Marzouki trở lại Tunisia và thành lập Trung Tâm Y Tế Cộng Đồng để ngăn chận lạm dụng thiếu nhi. Bác sĩ Moncef Marzouki không có tham vọng chính

trị nhưng trước việc nhà độc tài Ben Ali trấn áp một cách dã man các thành phần đối lập, ông đã đứng ra thành lập Ủy Ban Quốc Gia Bảo Vệ Tù Nhân Lương Tâm (the National Committee for the Defense of Prisoners of Conscience). Ông bị tù nhiều lần trước khi lưu vong sang Pháp. Tại Pháp, ông tiếp tục lãnh đạo Nghị Hội vì Nền Cộng Hòa (Congrès pour la République) gọi tắt là CPR. Nghị Hội vì Nền Cộng Hòa quy tụ một tập thể trí thức thuộc nhiều tôn giáo, thành phần xã hội, hữu và tả, Arab và không Arab nhưng theo đuổi một mục tiêu tối hậu là thành lập một chế độ Cộng Hòa đầu tiên tại Tunisia bao gồm tự do ngôn luận, tự do hội hộp, tự do bầu cử và ứng cử. CPR đòi hỏi một hiến pháp mới đặt cơ sở trên các nguyên tắc của chế độ Cộng Hòa. Sau khi nhà độc tài Ben Ali bị lật đổ, Moncef Marzouki trở về Tunisia để tham gia cuộc bầu cử quốc hội và được chọn làm Tổng thống của Tunisia ngày 12 tháng 12 năm 2011. Trả lời báo chí, Moncef Marzouki phát biểu về nhiệm vụ chính của ông ta "Khi một đất nước phải trải qua 50 năm độc tài, nhiệm vụ chính của tôi là ngăn chận độc tài tái diễn".

Còn hơi sớm để đánh giá, nhận xét về việc anh Cù Huy Hà Vũ ra đi bởi vì có thể có nhiều yếu tố về phía Mỹ, phía CSVN và cả cá nhân anh vẫn chưa được biết, chưa được tiết lộ, chưa được tỏ bày. Những điểm người viết trình bày không có ý phê bình, chỉ trích nhưng chỉ muốn nêu ra một cách thẳng thắn về những hoàn cảnh và tình huống mà anh Cù Huy Hà Vũ có thể sẽ phải đương đầu trong những ngày tháng tới. Nếu anh chỉ muốn có cuộc sống bình an, đọc sách, họa, nghiên cứu luật sẽ không có gì để nói nhưng nếu anh tiếp tục dấn thân trên đường đấu tranh như đã từng làm thì trước mặt là đỉnh Everest đang đợi chờ anh.

Một góp ý chung cho tất cả những người ra đi, dù ra đi bằng ghe như kẻ viết bài này hay bằng máy bay như các lãnh tụ đấu tranh: Xa đất nước là một bất hạnh và ra đi, dù viện dẫn bất cứ một lý do gì, cũng có lỗi với quê hương.

ĐỪNG KHÓC CHO PHƯƠNG UYÊN MÀ HÃY SỐNG CÙNG MƠ ƯỚC CỦA EM

Cô bé đứng trên bục cao, đôi kính cận có cọng dày, tóc vén cao, áo trắng học trò, thân hình mảnh mai trông giống như một cô bé học sinh 15 tuổi đang đứng bảng đen trong lớp học chứ không phải đứng trước tòa án Cộng Sản. Em không sợ hãi, không van xin, trầm tĩnh và tinh khôi như một thiên thần: *"Tôi là sinh viên yêu nước, nếu phiên tòa hôm nay kết tội tôi, thì những người trẻ khác sẽ sợ hãi và không còn dám bảo vệ chủ quyền của đất nước. Nếu một sinh viên, tuổi trẻ như tôi mà bị kết án tù vì yêu nước thì thật sự tôi không cam tâm"*.

Cạnh em, Đinh Nguyên Kha, áo sơ mi trắng, tóc cắt cao của một thanh niên Việt Nam kiểu mẫu. Nguyên Kha cũng dõng dạc: *"Tôi trước sau vẫn là một người yêu nước, yêu dân tộc tôi. Tôi không hề chống dân tộc tôi, tôi chỉ chống đảng cộng sản. Mà chống đảng thì không phải là tội".*

Hàng triệu người Việt Nam trong hai ngày qua sống trong tâm trạng vừa phẫn nộ, vừa xót xa nhưng cũng vừa hãnh diện. Phẫn nộ khi đọc bản án của đảng CS dành cho hai em, xót xa khi nhìn vóc dáng mảnh mai, yếu đuối của Phương Uyên, nhưng hãnh diện đến rơi nước mắt vì những câu nói lịch sử của hai em.

Trước ngày ra tòa Cộng Sản, không ít người nghĩ rằng giới lãnh đạo CSVN chắc cũng "giương cao đánh khẽ thôi" vì hai em còn trẻ, nhất là Nguyễn Phương Uyên không những là một cô bé khi bị bắt mới 20 tuổi mà còn là một cán bộ đoàn trường của đoàn Thanh niên Cộng sản Đại học Công nghiệp Thực phẩm. Đất nước khó khăn, lòng người ly tán. Chưa bao giờ Việt Nam đứng trước hàng trăm ngàn thử thách như ngày nay. Ngoài biển, như Việt Khang thét lên trong dòng nhạc của em *"Giặc Tàu ngang tàng trên quê hương ta, Hoàng Trường Sa, đã bao người dân vô tội, chết ngậm ngùi vì tay súng giặc Tàu"* và bên trong là một căn nhà đang đổ nát, một quốc gia bị phân liệt đến mức tận cùng, một nền kinh tế đang trên đà phá sản, giới lãnh đạo đảng CS dù độc ác, bất nhân, ti tiện, ngu xuẩn bao nhiêu cũng phải biết ngừng tay đao phủ để cứu vớt non sông và cứu vớt chính bản thân đảng. Nhiều người nghĩ thế.

Trước ngày ra tòa Cộng Sản, không ít người có thể đã nghĩ hai em sẽ xin tha, sẽ tự thú, sẽ đầu hàng. Các em còn nhỏ và đời sống còn dài. Cuộc tranh đấu giữa các em và chế độ độc tài như trò chơi cút bắt. Bắt được xin tha, tha xong lại tranh đấu tiếp theo kiểu "vừa đánh vừa đàm" của người lớn. Nhiều anh chị của các em trước đây đã chơi trò chơi đó vì họ nghĩ muốn làm gì trước hết cũng cần phải sống, cần phải có mặt, cần phải có điều kiện để viết, để nói, và muốn thế hãy tạm thời thú nhận, có chết chóc ai đâu, chẳng người nào, cơ quan nào, tổ chức nào, dù

quốc tế hay Việt Nam, tin một lời tự thú trong chế độ CS độc tài. Nhiều người nghĩ thế.

Cả hai nhóm người tiên đoán như trên đều lầm.

Nguyễn Phương Uyên và Đinh Nguyên Kha không khuất phục. Chuyện "thú tội", "xin khoan hồng" chỉ mới vài năm trước đây nhưng như đã thuộc vào quá khứ xa xôi, một thời kỳ còn chập chững đấu tranh, một phương pháp nay đã lỗi thời. Tranh đấu cho quyền lợi của dân tộc là một tự nguyện phát xuất từ trái tim và lòng yêu nước. Không ai bắt các em phải làm những việc các em không chọn lựa. Nhịp đập chân thành của con tim và tiếng gọi thiêng liêng của lòng yêu nước không cho phép một người gập đầu "xin khoan hồng", "thú tội" dù chỉ là một hình thức trá hàng. Bảo vệ tổ quốc là một niềm vui, niềm hãnh diện. Nếu đã chọn hy sinh phải hy sinh cho trọn vẹn với lý tưởng của đời mình.

Tình yêu nước trong lòng Nguyễn Phương Uyên và Đinh Nguyên Kha vô cùng trong sáng. Không giống Nguyễn Thị Minh Khai trước giờ bị xử tử hô lớn "Đảng Cộng sản Việt Nam muôn năm!" để thể hiện tinh thần bất khuất, kiên trung của bà ta đối với đảng, hay Lê Hồng Phong, trong lời trăn trối cuối cùng ngoài Côn Đảo chỉ nguyện trung thành với đảng, Phương Uyên và Nguyên Kha chỉ nghĩ đến những bà mẹ Việt Nam đang buôn tảo bán tần, nghĩ đến các em thơ đang lây lất trên đường phố, nghĩ đến máu các chú bác đã đổ xuống ở Hoàng Sa, nghĩ đến nắm xương của các chú bác đã thành cọc cắm lên hải đảo Trường Sa.

Ngày 16 tháng Năm 2013 là ngày lịch sử.

Như đã có một lần trong lịch sử, ngày 26 tháng Hai năm 1285, Bảo Nghĩa Vương Trần Bình Trọng hô lớn "Ta thà làm quỷ nước Nam, chứ không thèm làm vương đất

Bắc". Chàng thanh niên Việt Nam Trần Bình Trọng chỉ mới 26 tuổi.

Như đã có một lần trong lịch sử, ngày 17 tháng Sáu năm 1930, 13 đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng đã dành hơi thở cuối cùng của đời mình trên mặt đất này để gọi tên hai tiếng Việt Nam trước khi bước lên máy chém, tuyệt nhiên không ai trong số họ kể cả Đảng trưởng Nguyễn Thái Học hô "Việt Nam Quốc Dân Đảng muôn năm". Đảng chính trị với họ chỉ là chiếc ghe để chèo dân tộc sang bến bờ độc lập chứ không phải mục tiêu, cứu cánh của cuộc đời họ hay của phe nhóm và tổ chức họ giống như đảng CSVN. Nguyễn Thái Học khi sống là Đảng trưởng Việt Nam Quốc Dân Đảng nhưng khi chết đã chết như bao nhiêu thanh niên yêu nước khác, thư thái ngâm những vần thơ tuyệt mệnh "Chết vì tổ quốc, chết vinh quang, lòng ta sung sướng, trí ta nhẹ nhàng". Chàng thanh niên Việt Nam Nguyễn Thái Học chỉ mới 29 tuổi.

Lịch sử mang tính thời đại và tính liên tục. Mỗi thế hệ có một trách nhiệm riêng, dù hoàn thành hay không, khi bước qua thời đại khác, vẫn phải chuyển giao trách nhiệm sang các thế hệ lớn lên sau. Sức đẩy để con thuyền dân tộc vượt qua khúc sông hiểm trở hôm nay không đến từ Mỹ, Anh, Pháp hay đâu khác, mà bắt đầu từ bàn tay và khối óc của tuổi trẻ. Lịch sử Việt Nam đã và đang được viết bằng máu của tuổi trẻ Việt Nam.

Giới lãnh đạo Đảng cũng không "giơ cao đánh khẽ" như có người hy vọng nhưng bằng một bản án nặng nề, bẩn thỉu và hèn hạ nhất đối với hai em Nguyễn Phương Uyên và Đinh Nguyên Kha.

Mấy ngày nay trên nhiều diễn đàn khá đông người lại tiếp tục tranh cãi chuyện chủ nghĩa Cộng Sản còn sống hay đã chết. Thật ra, chủ nghĩa Cộng Sản sống hay chết

tùy thuộc vào góc nhìn và cách phân tích bản chất của chế độ độc tài toàn trị Cộng Sản. Chủ nghĩa Cộng Sản, như một lý tưởng mà không ít người đeo đuổi trong thời trai trẻ, có thể đã chết tại Nga ngay sau khi Cách Mạng Tháng Mười bùng nổ 1917, đã chết tại Trung Cộng khi Mao Trạch Đông lên nắm chính quyền 1949, và chết tại Việt Nam khi Hồ Chí Minh cất tiếng trên quảng trường Ba Đình đầu tháng 9 năm 1945, nhưng từ đó đã bắt đầu một loại chế độ Cộng Sản thực tế với các đặc tính bất nhân, tàn bạo nhất trong các chế độ độc tài của lịch sử loài người. Chế độ đó vẫn còn tồn tại ở Việt Nam biểu hiện qua bản án khắc nghiệt dành cho Phương Uyên và Nguyên Kha.

Bộ máy chính trị toàn trị, kinh tế lạc hậu, xã hội sa đọa, đạo đức suy đồi, hiện tượng sùng bái cá nhân, thói quen suy tôn lãnh tụ, lừa dối nhân dân, bưng bít có chủ trương, đổ thừa có hệ thống của ý thức hệ Cộng Sản vẫn còn nguyên tại Việt Nam như từ ngày mới nhập cảng từ Liên Xô, Trung Cộng.

Phương pháp đầu độc, tẩy não của đảng CSVN dành cho các em bé Việt Nam hoàn toàn giống phương pháp đầu độc thiếu nhi đang thực hiện tại Triều Tiên. Hình ảnh "Bác Kim" trong lòng thiếu nhi Triều Tiên như Bradley K. Martin mô tả trong tác phẩm *Dưới sự bảo bọc đầy tình thương của cha già dân tộc* (Under the Loving Care of the Fatherly Leader) không khác gì hình ảnh một "Bác Hồ" "tình thương bao la", "cha già dân tộc", "nhà thơ lỗi lạc", "nhà quân sự thiên tài", "nhà giáo dục vĩ đại" được Đảng nhồi nhét vào tâm hồn trong trắng của bao nhiêu thế hệ Việt Nam.

Những ai còn nghĩ đến "hòa giải hòa hợp" với CS, còn tin vào lòng dạ chí thành của Thứ trưởng Ngoại Giao CS Nguyễn Thanh Sơn khi thắp hương trước phần mộ của

các chiến sĩ VNCH ở nghĩa trang quân đội Biên Hòa hãy đọc lại bản án của đảng CS dành cho hai em Đinh Nguyên Kha và Nguyễn Phương Uyên một lần nữa và tự hỏi có một phương pháp, một con đường nào, một hy vọng nào để dân tộc Việt Nam có thể sống chung với đảng CSVN. Một người có nhận thức chính trị căn bản nào cũng biết là không.

Những ai còn hoài nghi vào sức mạnh dân tộc Việt Nam hãy đọc lại lời tuyên bố của hai em "*Tôi trước sau vẫn là một người yêu nước, yêu dân tộc tôi*". Là một đoàn viên đoàn thanh niên Cộng Sản chắc chắn Phương Uyên đã được nhồi sọ rằng khi lớn lên phải biết trung thành với đảng, phải biết đi theo con đường đảng đã vạch ra. Tư tưởng Cộng Sản ngoại lai nô dịch dù độc hại bao nhiêu cũng không giết được hạt mầm dân tộc đang âm thầm lớn lên trong tâm hồn hai em, đã chiến đấu trong nhận thức của hai em, đã chiến thắng qua hành động của hai em và biểu hiện hùng hồn qua câu nói lịch sử của hai em. Đảng CS muốn Phương Uyên trở thành sâu bọ đo hai hàng chân trên cành cây mục nát của đảng nhưng em đã vươn lên thành cánh bướm vàng.

Trong nỗi đau khi nghe tin hai em bị kết án nặng nề đã dâng trong lòng hàng triệu người Việt Nam một niềm hãnh diện. Lòng yêu nước đã thắng. Chưa bao giờ ranh giới giữa yêu nước và bán nước rõ ràng hơn hôm nay. Cuộc chiến nào cũng khó khăn nhưng cuộc chiến tư tưởng bao giờ cũng khó khăn nhất. Những câu nói của hai em sẽ vang vọng trong dòng lịch sử ngàn đời không phai. Lịch sử dân tộc, qua bao thời đại, đã được giữ gìn bằng sức mạnh tuổi trẻ. Thời đại hôm nay là thời đại của Đỗ Thị Minh Hạnh, Nguyễn Hoàng Quốc Hùng, Đoàn Huy Chương, Đinh Nguyên Kha, Nguyễn Phương Uyên, của hàng trăm thanh niên nam nữ đang ở trong tù CS, của

hàng ngàn hàng triệu thanh niên Việt Nam đang sắp sửa tiếp nối hành trình. Lịch sử Việt Nam vừa đau thương nhưng vừa là một bản hùng ca viết bằng nước mắt và nụ cười của bao nhiêu thế hệ.

Ai dạy Đinh Nguyên Kha và Nguyễn Phương Uyên để nói những câu hào hùng như thế. Không ai dạy. Như một lần tôi đã viết, tuổi trẻ Việt Nam không cần một ngọn hải đăng để rọi sáng đêm tối trời dân tộc nhưng ngay từ trong lòng họ đã bùng cháy lên ngọn đèn tự chủ được thắp sáng bằng tâm thức Việt Nam. Tuổi trẻ Việt Nam ngày nay không cần chờ đợi một minh quân ra đời hay một lãnh tụ xuất hiện để dẫn dắt họ trên đường cứu nước bởi vì chính họ sẽ là những minh quân của thời đại và con đường dẫn đến điểm hẹn lịch sử được soi sáng bằng trí tuệ Việt Nam. Tuổi trẻ Việt Nam ngày nay không cần vay mượn một chủ nghĩa, một ý thức hệ, một lý thuyết ngoại lai nào làm kim chỉ nam để giải phóng dân tộc bởi vì chính họ đã được trang bị bằng các đặc tính dân tộc, nhân bản và khai phóng kết tinh và kế thừa từ hơn bốn ngàn năm lịch sử. Các em cũng nhắc cho giới lãnh đạo Đảng biết rằng một ngàn năm sống trong bóng tối Bắc thuộc không làm dân tộc Việt Nam mù mắt thì ba mươi tám năm trong triết học Mác-Lê làm sao có thể thui chột đi tình yêu nước thiết tha trong lòng người dân và nhất là trong lòng tuổi trẻ Việt Nam.

Ngoài bản chất tàn ác, bất nhân, ti tiện, còn lý do nào khác khiến Đảng đã ra tay nặng nề với hai em Đinh Nguyên Kha và Nguyễn Phương Uyên.

Còn một lý do nữa, bởi vì Đảng sợ.

Đúng như Brad Adams, Giám đốc Ban Á Châu của Human Rights Watch (HRW) phát biểu: **"***Đưa người dân ra tòa xử chỉ vì phát tán tờ rơi chỉ trích chính phủ là một*

việc làm lố bịch và biểu hiện sự bất an của chính quyền Việt Nam".

Đảng cảm thấy "bất an" là phải. Trong suốt 38 năm cai trị đất nước bằng nhà tù sân bắn chưa bao giờ đảng CS bị cô lập trên thế giới và mất chỗ đứng hoàn toàn trong lòng dân tộc Việt Nam như ngày nay. Không giống như trong thời chiến núp bóng dưới chiêu bài "chống ngoại xâm" và lợi dụng lòng yêu nước của nhiều người Việt Nam, ngày nay, chung quanh đảng chỉ có kẻ thù. Những tâm thư, thỉnh nguyện, góp ý kiến về hiến pháp, đổi tên đảng, thay tên nước vừa qua cho thấy, nhiều thành phần, lực lượng trước đây là phên dậu của đảng, là hậu thuẫn của đảng đang quay sang chống đảng. Một người dù mê muội bao lâu cũng có một lần thức tỉnh. Một tiếng nói đúng gióng lên dù trễ còn hơn im lặng suốt đời.

Hành động điên cuồng vượt qua mọi thước đo đạo đức qua hai bản án dành cho hai em Nguyên Kha và Phương Uyên cho thấy không phải sức bén của con dao độc tài mà là hành động tuyệt vọng của đảng CSVN. Quyết định của Nicolae Ceausescu khi ra lệnh công an bắn vào cuộc biểu tình của nhân dân Rumania sáng ngày 17 tháng 12 năm 1989 chỉ để dẫn đến bản án tử hình dành cho vợ chồng ông ta một tuần sau đó. Thật vậy, lịch sử đã nhiều lần chứng minh, khi một chế độ chỉ còn trông cậy vào các phương tiện bạo lực trấn áp để tồn tại, chỉ còn biết sử dụng bộ máy công an kềm kẹp để duy trì quyền cai trị, ngày tàn của chế độ đó chỉ là vấn đề thời gian.

Những ai còn đang đứng bên lề cuộc tranh đấu vì chủ quyền đất nước, vì tự do dân chủ nhân bản hãy bước lên chuyến tàu lịch sử hôm nay để cùng với hai em đi về phía bình minh của dân tộc Việt Nam. Đời người rồi sẽ qua nhưng dân tộc Việt Nam phải còn và mãi mãi sẽ còn. Con tàu đi cứu nước còn nhiều toa rộng, đủ chỗ cho mọi

người, mọi thành phần, mọi tôn giáo, mọi quá khứ. Hành động cứu nước cũng rất nhiều để chọn, không nhất thiết phải vào tù ra khám, không nhất thiết phải tìm cho ra được những cây búa lớn để đập vỡ bức tường chuyên chính, nhưng một bàn tay nhỏ, một bước chân xuống đường chống thực dân đỏ Trung Cộng, một thái độ không hợp tác với nhà cầm quyền CS, một lá thư thăm hỏi các em các cháu trong tù trong những ngày sinh nhật, lễ lớn, một tấm vé tham dự bữa cơm gây quỹ giúp các em đang bị tù hay đang bị khó khăn v.v… cũng mang đầy ý nghĩa.

Bức tường chuyên chính CSVN đã không sụp đổ vì những cơn bão thời đại Liên Xô, Đông Âu, Bắc Phi xa xôi nhưng chắc chắn sẽ sụp đổ vì những giọt nước kiên nhẫn Việt Nam đang nhỏ xuống từ tuổi trẻ Việt Nam, từ đồng bào Việt Nam trong cũng như ngoài nước. Chúng ta có thể khác nhau ở điểm khởi hành nhưng có cùng một điểm hẹn tự do để đạt đến. Chúng ta có thể mang trên vai những hành lý khác nhau nhưng đều chất chứa bên trong một khát vọng dân chủ để theo đuổi. Đừng khóc cho Phương Uyên mà hãy sống cùng mơ ước của em.

ÁP LỰC NÀO BUỘC CSVN PHẢI THẢ PHƯƠNG UYÊN?

Qua nay, bên cạnh niềm vui trong lòng mọi người yêu mến Phương Uyên, việc CSVN thả cô bé 21 tuổi này cũng đã tạo nhiều tranh luận giống như khi em bị chế độ CSVN giáng xuống cuộc đời non trẻ một bản án nặng nề hồi giữa tháng Năm.

Có quan điểm cho rằng Phương Uyên chỉ là một "món hàng" trả giá giữa Mỹ và CSVN về Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (Trans-Pacific Partnership); có lý luận cho rằng việc thả Phương Uyên là dấu hiệu cho thấy phe thân Tây phương đang mạnh hơn trong nội bộ lãnh đạo CSVN; có phân tích cho rằng giới lãnh đạo CSVN nhận ra họ đã phạm sai lầm chính trị khi giáng xuống đời một cô gái chỉ ngoài 20 tuổi bản án 6 năm tù lần trước nên nay phải sửa sai.

Các lý luận đó không những chứng tỏ sự thiếu tự tin, tinh thần lệ thuộc vào ngoại bang mà còn phạm phải sai lầm căn bản là không xác định được vai trò chủ động của các thành phần dân tộc trong con đường tranh đấu cho tự do dân chủ tại Việt Nam.

Áp lực chính buộc nhà cầm quyền CSVN thả Phương Uyên phát xuất từ cuộc đấu tranh bền bỉ, đa dạng, tích cực và nhiệt tình của mọi tầng lớp nhân dân, mọi thế hệ Việt Nam trong nước và ngoài nước.

Chính những bạn trẻ trong nước thức đêm viết từng tờ biểu ngữ, in từng tờ truyền đơn, vẽ hình Phương Uyên và Nguyên Kha trên từng chiếc áo đã góp phần làm thay đổi "bản án sáu năm tù giam" thành "bản án ba năm tù treo" của Phương Uyên.

Chính các bạn trẻ ngoài nước tổ chức những đêm không ngủ, gởi hàng ngàn lá thư lên các tổ chức nhân quyền quốc tế, tổng thống và quốc hội Mỹ, các lãnh đạo châu Âu, các cơ quan nhân quyền thuộc Liên Hiệp Quốc đã giúp cho Phương Uyên được ngồi ăn bữa cơm bên mẹ chiều nay.

Chính đồng bào các giới khắp nơi tại hải ngoại tích cực tham gia những cuộc biểu tình liên tục trước Tòa Bạch Ốc, điện Capitol, trước các tòa đại sứ CSVN đã giúp cho Phương Uyên tìm lại được nụ cười hồn nhiên trong vòng tay của gia đình, bạn bè và bà con thân thuộc.

Các thành phần dân tộc Việt Nam trong suốt nhiều năm và qua nhiều hình thức đã làm nên những đợt sóng đập liên tục vào bức tường chuyên chính độc tài cũng như làm tiếng chuông vang vọng vào lương tri nhân loại.

Ở hải ngoại, bao lớp người dầm mưa, đội nắng, đạp tuyết mà đi trong các cuộc biểu tình chống CS độc tài, đòi hỏi nhân quyền cho đồng bào Việt Nam ngay cả trong những ngày tháng vô cùng khó khăn chân ướt chân ráo mới đến định cư sau 1975. Các cộng đồng người Ba Lan, Tiệp Khắc, Hung, Rumania, Bulgaria, Albany định cư tại các nước tây phương sau khi quốc gia của họ bị CS cai trị

sau thế chiến thứ hai, và cả cộng đồng người Cu Ba tại Mỹ sau 1959 đã không làm được như thế.

Nếu không có hàng loạt các hình thức đấu tranh được phát động ồ ạt và nhịp nhàng từ các thành phần dân tộc, chẳng một nguyên thủ quốc gia dân chủ nào, một cơ quan nhân quyền quốc tế nào biết đến Phương Uyên ngoài những bản tin nhân quyền thường lệ, và số phận của em cũng giống như số phận hàng ngàn người Việt Nam khác đang bị tù đày hay đã chết đi trong quên lãng khắp ba miền đất nước suốt ba mươi bảy năm qua.

Trách nhiệm nặng nề, đôi vai nặng gánh, cộng đồng Việt Nam tại hải ngoại không thể làm hết những điều cần phải làm, cứu được hết những đồng bào cần phải cứu nhưng cuộc đấu tranh chưa bao giờ dừng lại.

Phân tích để thấy chính sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc là nền tảng, là nguồn lực của cuộc đấu tranh vì tự do dân chủ của dân tộc Việt Nam.

Quan hệ và tranh chấp quốc tế bao giờ cũng tồn tại không chỉ giữa các quốc gia thù địch, đối nghịch về quyền lợi mà ngay trong các nước đồng minh. Các dân tộc nhỏ luôn phải bị chi phối và ảnh hưởng. Điều đó không thể nào tránh khỏi. Tuy nhiên, các bài học Phần Lan, Thổ Nhĩ Kỳ, Do Thái cho thấy yếu tố quyết định cuối cùng cho số phận của một dân tộc vẫn luôn nằm trong tay của chính dân tộc đó. Và cũng phân tích để thấy không chỉ Phương Uyên mà còn rất nhiều người như Đinh Nguyên Kha, Việt Khang, Nguyễn Văn Hải, Đỗ Thị Minh Hạnh, Trần Huỳnh Duy Thức v.v. cần phải được tiếp tục đấu tranh.

Cuộc vận động tự do dân chủ cho cả dân tộc là con đường đầy gai góc, gian nan nhưng là con đường chính nghĩa và chính nghĩa sẽ tất thắng.

CỜ VÀNG TRONG BẢN ÁN NGUYÊN KHA VÀ PHƯƠNG UYÊN

Một em du sinh kể tôi nghe câu chuyện em hỏi mua một lá cờ vàng ba sọc đỏ tại một tiệm Việt Nam trong những ngày mới đặt chân đến Mỹ để theo học đại học.

Trong một lần đi mua sắm tại một tiệm tạp hóa do người Việt làm chủ tại Washington DC, thấy gần quầy tính tiền có để một số cờ Mỹ, Việt loại để bàn, em ngỏ ý muốn mua một lá. "*Thưa bác, cờ này để trưng bày hay để bán, nếu bán cháu muốn mua một lá*". Em du sinh hỏi. Bác chủ tiệm nhìn em từ đầu đến chân. Qua giọng nói, cách ăn mặc, bác chủ tiệm, vốn cũng là người gốc Bắc, biết rõ chẳng những em vừa mới từ Việt Nam qua mà còn thuộc tỉnh nào ở miền Bắc nữa. "*Cậu mua để làm gì?*" Bác hỏi lại với giọng nghi ngờ. "*Thưa bác, đấy là việc của cháu. Cháu chỉ muốn biết cờ này có bán không thôi ạ*". Em trả lời. Bác chủ tiệm vốn đã không thiện cảm lại càng khó chịu với cách trả lời hụt hẫng của em. Trong suy nghĩ của bác xuất hiện nhiều phỏng đoán nhưng không có một phỏng đoán

nào tốt. Bác nghĩ đến việc "thằng Cộng con" này có thể mua để đốt, để xé bỏ, để ném xuống sông Potomac cho khuất mắt. Bác đưa tay kéo hàng cờ nhỏ cắm trên tấm bảng gỗ nhỏ lại gần tưởng như em sẽ giật chạy. "*Cậu biết cờ này là cờ gì không?"* Bác chủ tiệm gằn giọng như một công tố viên đang trưng bằng chứng lịch sử trước bị can. "*Thưa không ạ, cháu chỉ biết đây là cờ vàng".* Em du sinh kiên nhẫn đáp tuy trong bụng than thầm "Mua một lá cờ sao khó thế". "*Đây là cờ quốc gia!*" Bác chủ tiệm nhấn mạnh từng chữ. Và rồi không chờ em đáp, bác giảng cho em du sinh nghe một bài về ý nghĩa lá cờ vàng. "*Không bán, cậu ra khỏi chỗ này đi*". Bác giận dữ kết luận. Em lặng lẽ ra về.

Mấy năm sau, câu chuyện đã trở thành chuyện vui trong những ngày đầu di du học, em thú thiệt với tôi khi bác chủ tiệm hỏi em cũng không biết mua để làm gì. Em không thể đem cờ về Việt Nam, không thể trưng bày cờ trong phòng khách, trong lớp học nhưng em hỏi mua vì thật sự muốn biết thêm về lá cờ vàng ba sọc đỏ. Đó là một phần của lịch sử Việt Nam. Không phải riêng em du sinh, dần dần càng nhiều người Việt thuộc thế hệ em muốn biết về lá cờ vàng. Sau khi hệ thống CS Đông Âu sụp đổ, lãnh đạo các nước CS Á Châu không còn cách nào khác nên phải "tự diễn biến hòa bình" để tồn tại. Cánh cửa thông tin hé mở, ánh sáng khoa học qua những khe hở rọi vào và em là một trong những con chim nhỏ may mắn nhìn được bầu trời từ kẻ hở đó.

Tuy chưa có cơ hội nắm bắt hết ý nghĩa lịch sử, các em có đủ nhận thức để tự đặt vấn đề, rằng nếu cờ vàng ba sọc đỏ là biểu tượng của tất cả mọi xấu xa, tội ác như các em được dạy thì những gì các em đang thừa hưởng hôm nay, từ những bản tình ca các em hát mỗi ngày cho đến những bài thơ đậm đà tình dân tộc, những bài văn ca ngợi tình

người, tình cha mẹ, gia đình, làng xóm, và ngay cả trong cách cách ăn, cách mặc, cách nói năng lễ độ, lối sống tự do thoải mái do ai để lại?

Dĩ nhiên không phải đến từ chính sách trồng người đang làm thui chột khả năng sáng tạo của các em, không phải từ nền giáo dục ngu dân dưới mái trường xã hội chủ nghĩa đang biến các em thành những con người vô cảm. Và nếu không phải từ hôm nay, có thể là sản phẩm để lại từ một chế độ đang bị đảng CS nguyền rủa mỗi ngày. Tìm hiểu về lá cờ vàng, do đó, đang là một trào lưu mới trong thế hệ trẻ Việt Nam.

Mới đầy, cờ vàng ba sọc đỏ lần nữa là trung tâm của vụ án Nguyên Kha và Phương Uyên. Một quan điểm cho rằng, sở dĩ đảng CS giáng xuống đời hai em những bản án nặng nề chỉ vì Phương Uyên in lá cờ vàng làm truyền đơn và đem dán tại vài địa điểm. Theo lời mẹ của Phương Uyên kể lại nội dung phiên tòa, Phương Uyên không từ chối có in lá cờ vàng ba sọc đỏ nhưng chỉ vì em muốn tìm hiểu về lịch sử.

Lời phát biểu của em Nguyễn Thiện Thành khi trả lời phỏng vấn của đài Á Châu Tự Do sau đây lần nữa xác định lời khai của Phương Uyên trước tòa: “Khi học lịch sử chúng tôi hiểu được màu cờ vàng là màu truyền thống của dân tộc VN trong xuyên suốt mấy ngàn năm lịch sử và lá cờ vàng ba sọc đỏ là lá cờ có từ thời vua Thành Thái 1890 một triều đại Kháng Pháp, và vua Thành Thái bị lưu đày. Chúng tôi sử dụng lá cờ gần nhất trong lịch sử VN để nói lên tinh thần dân tộc bất khuất.”

Nhưng tại sao các em lại phải đi tìm một lá cờ, trong trường hợp này là cờ vàng ba sọc đỏ, để nói lên tinh thần bất khuất chống ngoại xâm?

Bởi vì lá cờ đỏ sao vàng không "nói lên tinh thần dân tộc bất khuất". Tổ quốc là không gian, thời gian, nguồn cội và là căn nhà chung của một giống dân có cùng một lịch sử, văn hóa, truyền thống, lãnh thổ, vùng trời, vùng biển. Ngay trong Đại Tự Điển do Trung tâm Ngôn ngữ và Văn hóa Việt Nam thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo soạn thảo và nhà Xuất bản Văn hóa Thông Tin ấn hành năm 1998 cũng định nghĩa tổ quốc là "Đất nước, gắn liền với bao thế hệ ông cha, tổ tiên của mình: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tổ quốc Việt Nam của chúng ta". Đảng CS, về đối nội, nhẫn tâm bỏ tù từ cụ già đến em bé vị thành niên nhưng đối ngoại chỉ biết cúi đầu trước Trung Cộng ngang ngược. Đọc những lời phản đối Trung Cộng xâm phạm lãnh hải Việt Nam của các phát ngôn viên Bộ Ngoại Giao CSVN từ Lê Dũng trước kia đến Lương Thanh Nghị ngày nay gần như chỉ có một nội dung ngoại giao sáo rỗng tuy khác nhau ngày tháng. Lãnh đạo đảng biết rằng việc chỉ trích nặng lời chỉ càng thêm tổn hại cho mối quan hệ về sau giữa hai đảng chứ chẳng làm Trung Cộng nhả ra một thước đất nào. Trung Cộng biết điều đó rất rõ nên cũng rất ít quan tâm đến những lời phản đối lấy lệ của phía Việt Nam.

Bởi vì lá cờ đỏ sao vàng chỉ đại diện cho đảng CS độc tài. Dù người vẽ cờ là Lê Quang Sô, Nguyễn Hữu Tiến, Hồ Tri Hạ hay nhập từ Trung Cộng, Liên Xô, lá cờ đỏ sao vàng vẫn là lá cờ CS và đã được đại hội Xứ Ủy Nam Kỳ thông qua tại Tân Hương vào tháng Bảy 1940. Chỉ cần đọc lại lịch sử thế giới trong phần tư thế kỷ qua thôi, từ 15 nước thuộc Liên Bang Xô Viết cho đến 8 nước Cộng Sản Đông Âu, 3 nước Cộng Sản vùng Baltics (Latvia, Lithuania, Estonia), Cộng Sản Phi châu (Ethiopia), Cộng Sản Á Châu (Kampuchea), có quốc gia thay đổi ít như Ba Lan hay quốc gia thay đổi hoàn toàn như Nga, nhưng không có một nước nào tiếp tục sử dụng lá cờ của chế độ Cộng Sản

làm cờ đại diện cho quốc gia thời kỳ sau Cộng Sản. Trong quan điểm đó, thương hiệu nền đỏ sao vàng của đảng CSVN chỉ gắn liền với sự cai trị của đảng CS không thể gọi là cờ tổ quốc và càng không nên dùng để biểu dương lòng yêu nước của mình. Lý luận cho rằng chỉ cờ búa liềm mới là cờ đảng CS còn cờ đỏ sao vàng là cờ tổ quốc chẳng khác gì bảo Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam, Quốc hội CSVN, nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam là những cơ quan hoàn toàn độc lập chứ không phải là một tổ chức trực thuộc trung ương đảng CSVN và đều do các ủy viên Bộ Chính Trị trực tiếp lãnh đạo.

Bởi vì lá cờ vàng ba sọc đỏ đang bị che dấu, bị trù dập là lá cờ mà các em cần phải biết nhiều hơn. Có thể các em chưa biết nhiều về lá cờ vàng ba sọc đỏ nhưng một điều các em biết cái gì đảng nguyền rủa, đảng sợ hãi cái đó phải tốt, phải đúng. Các em có thể bắt đầu do tính tò mò, do chán ngán với thực tế phũ phàng đang có, dần dần có nhận thức rõ và sâu sắc hơn về các vấn đề lịch sử. Thì ra, lá cờ vàng, không phải chỉ có một nguồn gốc lịch sử lâu dài nhưng còn từ máu xương, từ mồ hôi nước mắt, từ hơi thở của những người đã gìn giữ và bảo vệ vùng trời, vùng biển tự do của đất nước. Một tài sản dù đồ sộ bao nhiêu cũng không có giá trị lớn về mặt tinh thần nếu tài sản đó không được đánh đổi bằng mồ hôi ước mắt của những người đã tạo ra nó. Lá cờ vàng đã đắp lên bao nhiêu ngôi mộ, bao nhiêu quan tài, bao nhiêu khuôn mặt tuổi thanh niên đã chết vì lý tưởng tự do của dân tộc trong cuộc chiến tự vệ đầy gian khổ để bảo vệ từng thước đất, từng hải lý của tổ quốc thân yêu. Không giống như những năm bị khóa chặt trong bốn bức tường đen sau 1975, thế hệ trẻ ngày nay, nếu chịu khó học hỏi, đọc nhiều nguồn tư liệu khác nhau, các em sẽ biết ngay lá cờ vàng ba sọc đỏ không đơn giản là cờ của "Bù nhìn Bảo Đại", "chế độ Ngô Đình Diệm" hay "chế độ Nguyễn Văn Thiệu", biểu tượng

cho "tội ác ngập đầu của Mỹ Ngụy", phản ảnh một "xã hội miền nam thối tha đồi trụy" như em đã được dạy trong trường, học tập trong sinh hoạt chi đoàn. Các chế độ chính trị, dù tốt hay xấu, hưng thịnh hay suy vong cũng đến và đi nhưng màu cờ vàng đại diện cho cả quốc gia như dòng nước vẫn tiếp tục trôi trên con sông lịch sử.

Bởi vì lá cờ vàng ba sọc đỏ không chỉ là cờ của chế độ VNCH và phục hồi giá trị lá cờ không có nghĩa là phục hồi chế độ VNCH, tái lập hiệp định Paris, chia đôi đất nước như trước 1975. Không. Dân tộc Việt Nam không hề đặt bút ký thỏa ước Patenotre, hiệp định Geneve hay hiệp định Paris. Tất cả chỉ là sự áp đặt của thực dân và đế quốc đã diễn ra dưới nhiều hình thức trong những thời điểm khó khăn của vận mệnh đất nước. Trong suốt hai thế kỷ qua, dân tộc Việt Nam liên tục là nạn nhân đáng thương, bị xâm lược bởi các ý thức hệ ngoại lai vong bản. Không một người Việt Nam yêu nước nào muốn thấy quê hương chìm đắm và tiếp tục chìm đắm trong lạc hậu, độc tài triền miên như thế này. Một người Việt Nam nào thiết tha với tiền đồ đất nước cũng muốn thấy quê hương được thật sự tự do, thống nhất từ Ải Nam Quan đến Mũi Cà Mau ôm ấp Hoàng Sa, Trường Sa trong bao la tình biển mẹ. Nhân dân Việt Nam chỉ chống lại việc thống nhất đất nước bằng xe tăng và đại pháo của Nga, Tàu và đặt cả nước dưới ách cai trị độc tài chuyên chính của đảng CSVN mà thôi.

Bởi vì lá cờ đỏ sao vàng là cờ phi nghĩa. Các nhà lãnh đạo Cộng Sản không thể chứng minh cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam là cuộc chiến tranh chính nghĩa. Hãy đọc con số thống kê: Ba triệu người chết trong chiến tranh. Ba trăm ngàn người còn ghi nhận là mất tích sau chiến tranh. Một xứ sở 38 năm sau chiến tranh vẫn còn bị xếp vào một trong những nước chậm tiến. Một chế độ độc

tài đảng trị bị loài người khinh rẻ. Một nền kinh tế khoa học kỹ thuật đi sau nhân loại hàng thế kỷ. Nhãn hiệu độc lập, tự do, hạnh phúc sau bao năm đánh bóng cũng chỉ hiện nguyên hình là những con cá gỗ. Tất cả những hậu quả đó là cái giá dân tộc Việt Nam phải trả cho cuộc chiến tranh được gọi là "giải phóng dân tộc" của lãnh đạo đảng CSVN. Đó không phải là chính nghĩa, không phải là giải phóng nhưng là tội ác diệt chủng. Ngạn ngữ Tây phương có câu "Ai giải thích được lịch sử người đó thắng". Những cường hào ác bá đang sống trong các biệt thự nguy nga ở Hà Nội, Sài Gòn ngày nay không phải là những người làm nên lịch sử nhưng chỉ là những kẻ, trước đây, đã ăn cắp lịch sử, giải thích lịch sử, bóp méo lịch sử cho phù hợp với tham vọng Cộng sản hóa Việt Nam, và ngày nay, để tiếp tục sống huy hoàng trên những thống khổ triền miên của dân tộc Việt Nam.

Bởi vì lá cờ vàng ba sọc đỏ là cờ chống Trung Cộng bành trướng một cách dứt khoát. Khi Phương Uyên dõng dạc tuyên bố trước tòa án CS "Tôi dùng máu viết khẩu hiệu 'Tàu khựa cút khỏi Biển Đông' và "Đảng cộng sản chết đi", khẩu hiệu bị cho là 'phỉ báng đảng cộng sản Việt Nam', là vì tôi thể hiện lòng yêu nước khi tôi căm phẫn Trung Cộng xâm chiếm Việt Nam đến tột cùng sự phẫn uất" cho thấy suy nghĩ của em chẳng những vượt cao hơn những người cùng thế hệ mà còn can đảm và rõ ràng hơn những bậc cha chú còn cam tâm nhận ơn mưa móc của đảng. "Tàu khựa cút" và "Đảng Cộng Sản chết" là hai điều kiện tiên quyết để phục hồi chủ quyền đất nước về đối nội cũng như đối ngoại. Lịch sử Việt Nam cho thấy, muốn thắng kẻ thù xâm lược dân tộc phải biết đoàn kết và phát huy nội lực. Ngày nào đảng CS còn cai trị đất nước bằng nhà tù, trấn áp và cúi đầu trước Tàu Khựa thì đừng mong gì đoàn kết và phát huy nội lực, đừng mong đòi lại được Hoàng Sa và phần lớn Trường Sa. Nguyên Kha biết điều

đó. Phương Uyên biết điều đó. Nhân dân Việt Nam có nhận thức đúng về hướng đi của đất nước biết điều đó. Nếu không phải do chính bà Nguyễn Thị Nhung, mẹ của Phương Uyên và những người chính mắt tham dự phiên tòa thuật lại, thật không ai có thể tin một cô bé mong manh như giọt sương buổi sáng 21 tuổi đó đã điềm tỉnh đón nhận bản án dành cho em. Em trở thành huyền thoại ngay trong khi còn sống và ở tuổi hai mươi. Em dâng hiến tuổi thanh xuân của mình để dựng mùa xuân cho dân tộc Việt Nam.

Thế hệ tuổi hai mươi hôm nay sinh ra nhiều năm sau khi chiến tranh chấm dứt nên có nhiều điều các em chưa hiểu hết. Từ sau ngày 30 tháng Tư 1975, lá cờ vàng không còn bay trên bầu trời miền Nam nhưng đã để lại cho nhân dân Việt Nam, trong đó có các em, những tài sản vật chất và tinh thần vô cùng phong phú, và nếu lấy các giá trị và thành quả đó ra, Việt Nam hôm nay chỉ là một địa ngục Bắc Hàn.

Thật vậy, chỉ bàn sơ về âm nhạc, một lãnh vực gần gũi nhất với thế hệ trẻ. Gác qua một bên quan điểm và lối sống cá nhân của một số người viết nhạc, hãy tưởng tượng âm nhạc Việt Nam không có Phạm Duy, Lê Thương, Dương Thiệu Tước, Trịnh Công Sơn, Vũ Thành An, Ngô Thụy Miên, Trầm Tử Thiêng, Từ Công Phụng, Lê Uyên Phương, Nguyễn Văn Đông, Hoàng Trọng, Cung Tiến, Phạm Đình Chương, Nguyễn Ánh 9, Hoàng Thi Thơ, Trần Thiện Thanh, Lam Phương, Trúc Phương, Anh Bằng, Lê Dinh, Minh Kỳ, Lê Hựu Hà, Nhật Ngân v.v. rồi nền âm nhạc Việt Nam với những Bài ca năm tấn của Nguyễn Văn Tý, Trai anh hùng, gái đảm đang của Đỗ Nhuận, Hò kiến thiết của Nguyễn Xuân Khoát v.v. sẽ nghèo nàn và lạc hậu biết bao nhiêu. Các nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý, Đỗ Nhuận, Nguyễn Xuân Khoát đều là những tài năng âm nhạc,

những nhạc sĩ tiên phong của nền âm nhạc Việt Nam nhưng không giống Văn Cao và Đoàn Chuẩn im lặng, họ chấp nhận làm những con ve để trỗi lên một điệu nhạc tuyên truyền rẻ tiền, buồn tẻ suốt 21 năm trong mùa hè Cộng Sản nóng bức và dài lê thê ở miền Bắc.

Sự hiện hữu và sức thu hút của cờ vàng là một thực tế không thể chối cãi. Những phản ứng tức tối của nhà cầm quyền CSVN trước việc các thành phố lớn nhỏ ở Mỹ nối tiếp nhau công nhận lá cờ vàng cho thấy sự sợ hãi của họ trước một sự thật lịch sử mà họ không còn có thể che đậy, dấu diếm, lừa gạt được ai hay giải thích cách nào khác. Hành động điên cuồng, man rợ, vô nhân của đảng CS khi kết án một cô gái chỉ 21 tuổi phải giam hãm sáu năm tới của đời con gái trong vòng lao lý và ba năm quản thúc chỉ vì em in và dán lá cờ vàng, một lần nữa, chỉ tự tố cáo sự sợ hãi của đảng CS đối với lá cờ vàng ba sọc đỏ.

Khi còn nhỏ, tôi chỉ nhìn thấy lá cờ vàng từ góc độ của một sân trường trung học. Khi lớn lên, học hỏi thêm, tôi nhìn lá cờ vàng từ góc độ của chế độ mà tôi đã sống, từ miền Nam tự do mà tôi đã ra đi, từ đất nước mà tôi yêu quý. Và hôm nay, tôi nhìn lá cờ vàng từ trái tim trong sáng của Phương Uyên, một em bé gái Việt Nam vừa mới lớn và đang đập theo nhịp đập của tương lai dân tộc. Chính nghĩa dân tộc rồi sẽ thắng. Cuối cùng, chỉ có người Việt Nam mới ôm ấp và đeo đuổi giấc mơ tự do dân chủ cho chính mình và tương lai của con cháu mình. Không ai xót thương và cứu vớt dân tộc Việt Nam ngoài chính dân tộc Việt Nam. Nếu tất cả chúng ta cùng biết đau một nỗi đau chung và cùng biết đeo đuổi một giấc mơ Việt Nam như Nguyên Kha, Phương Uyên đang theo đuổi, tôi tin cuộc vận động tự do dân chủ và phục hồi chủ quyền đất nước sẽ sớm thành công. Điểm hẹn huy hoàng của lịch sử có thể chỉ còn năm phút nữa nhưng nếu không ai đứng

dậy và bước đi, năm phút sẽ qua nhanh và mục tiêu không bao giờ đạt đến. Hãy đứng lên và cùng đi với Nguyên Kha, Phương Uyên và tuổi trẻ Việt Nam.

BƯỚC ĐƯỜNG DÀI ĐẾN TỰ DO CỦA NELSON MANDELA

Theo kết quả thăm dò của công ty tư vấn Reputation Institute được công bố vào tháng Chính năm 2011, Nelson Mandela được chọn là lãnh tụ được yêu mến nhất, kính trọng nhất, thán phục nhất và tin tưởng nhất thế giới. Tổng thống Mỹ Barack Obama đứng hạng thứ 14, Thủ tướng Ấn Độ Manmohan Singh đứng hạng thứ 27, Thủ tướng Anh David Cameron đứng hạng thứ 34.

Nhân loại yêu chuộng tự do, dân chủ và hòa bình kính phục Nelson Mandela không phải chỉ vì ông yêu nước, yêu tự do, can đảm ở tù suốt 27 năm dài lao động khổ sai nhưng quan trọng hơn ông không dùng sự khổ đau chịu đựng của riêng mình làm thước đo cho chiều dài tương lai của đất nước Nam Phi và không đặt đôi gánh nặng quá khứ hận thù lên trên đôi vai của các thế hệ Nam Phi mai sau. Thay vào đó, Nelson Mandela đã dùng đức tính bao dung, kiên nhẫn, khôn ngoan, biết nhìn ra thấy rộng để vực dậy một đất nước bị phân hóa bởi màu da, chủng tộc, xã hội giáo dục, kinh tế chính trị và cả văn hóa lịch sử kéo

dài hơn 300 năm từ thời nô lệ, thuộc địa cho đến thời kỳ Nam Phi độc lập.

Con người cũng như đất nước, giá trị được thẩm định không phải ở sự chịu đựng nhưng ở chỗ biết vượt qua. Một con người bình thường phải vượt qua những hoàn cảnh khắc nghiệt để tiến thân, một dân tộc chỉ có thể đuổi kịp đà tiến của nhân loại nếu dân tộc đó vượt qua được những bất hạnh của chính mình và vận động được sức mạnh tổng hợp của dân tộc. Một câu nói nổi tiếng của Nelson Mandela về hòa giải "Hòa giải thật sự không đơn giản chỉ là việc quên đi quá khứ". Nelson Mandela được kính trọng không phải vì ông quên đi quá khứ nhưng nhờ ông đã sống rất trọn vẹn trong quá khứ, đã chiêm nghiệm và chuyển hóa những hào quang và chịu đựng, thành công và thất bại, hy vọng và tuyệt vọng của quá khứ thành nhựa nguyên, nhựa luyện cho những hàng cây xanh tốt tươi và hy vọng của tương lai Cộng Hòa Nam Phi.

Hãy tưởng tượng, Nelson Mandela, người bị tù hơn 27 năm và đã có thời gian chọn lựa phương pháp đấu tranh bằng võ lực, không chủ trương hòa giải mà nhất định trả thù cho bằng được thiểu số da trắng một thời đã áp đặt những chính sách bất công, phân biệt chủng tộc lên trên số phận của đa số người da đen rồi nước Cộng hòa Nam Phi ngày nay liệu có thể là quốc gia ổn định và phát triển hay không?

Chắc chắn là không.

Hãy tưởng tượng, công việc đầu tiên của tổng thống Nelson Mandela không phải là việc thành lập Ủy Ban Hòa Giải và Sự Thật mà là lập một danh sách mấy trăm ngàn viên chức chính quyền Nam Phi đã có liên hệ ít nhiều đến việc đàn áp các phong trào chống phân biệt chủng tộc để rồi sau đó tống giam họ trong các trại tù tận vùng núi

rừng KwaZulu-Natal xa xôi hiểm trở, bắt thiểu số da trắng phải giao nộp nhà cửa, tài sản, đày sang các vùng kinh tế mới ở miền Northern Cape hoang vu để trả thù cho những cực hình đày đọa mà dân da đen đã từng chịu đựng dưới ách phân biệt chủng tộc của chính quyền da trắng Nam Phi thì liệu hòa giải dân tộc có thật sự đến cho quốc gia này hay không?

Chắc chắn là không.

Rất nhiều tác phẩm viết về Nelson Mandela và một số tác phẩm khác trích từ các cuộc phỏng vấn ông, nhưng *Bước đường dài đến tự do* (Long walk to freedom) là tác phẩm cho chính ông chấp bút từ những năm 1970 khi còn bị tù ở đảo Robben, ngoài Cape Town, Nam Phi. Phần lớn các chi tiết trong bài viết này cũng được trích dẫn từ hồi ký dày hơn sáu trăm trang *Bước đường dài đến tự do* của Nelson Mandela.

Nelson Mandela ra đời ngày 18 tháng 7 năm 1918 tại Mvezo, một ngôi làng nhỏ bên bờ sông Mbashe thuộc quận Umtata, thủ phủ của Transkei, một trong những khu vực lớn nhất của Nam Phi. Ông được đặt tên là Rolihlahla. Theo ngôn ngữ Xhosa, Rolihlahla có nghĩa "kéo một cành cây xuống" nhưng chính xác hơn có nghĩa là "kẻ gây rối". Cha của ông, Gadla Henry Mphakanyiswa, cai quản khu vực Mvezo và cũng là một cố vấn của vua bộ lạc Thembu. Mandela kế thừa không những cá tính mà cả vóc dáng cao và thẳng của cha ông ta. Cha của Mandela có bốn vợ, và bà Nosekeni Fanny, mẹ của Mandela là vợ thứ ba. Theo cách gọi trong gia đình, vợ thứ nhất được gọi là Vợ Cả, Vợ Phía Tay Phải (mẹ của Mandela), Vợ Phía Tay Trái, và Vợ Chăm Sóc Gia Đình. Mandela là con lớn của mẹ ông nhưng lại là con trai nhỏ nhất trong số bốn anh em cùng cha khác mẹ.

Khi còn nhỏ Mandela chịu phép rửa tội theo đạo Tin Lành phái Methodist Church. Khi đi học, cô giáo Mdinggane thêm tên Nelson vào tên gia đình đặt. Từ đó, ông được gọi là Nelson Rolihlahla Dalibhunga Mandela. Năm Mandela lên 9 tuổi, cha ông qua đời vì bịnh phổi. Nelson Mandela được Jongintaba Dalindyebo, người kế tục chức vụ của cha ông, nhận làm con nuôi. Sau lễ cắt bao quy đầu vào năm ông 16 tuổi, Nelson Mandela được đưa vào trường trung học nội trú Clarkebury.

Năm 1937 khi vào tuổi 19, Nelson Mandela theo học đại học Healdtown, Fort Beaufort. Giống như Clarkebury, Healdtown là một trường đạo Tin Lành thuộc phái Methodist Church và là trường đại học nội trú duy nhất dành cho người da đen. Sinh viên da đen ưu tú từ khắp Nam Phi theo học tại đây. Một biến cố tinh thần đã xảy ra cho Nelson Mandela vào năm cuối tại Healdtown là buổi viếng thăm trường của nhà thơ lớn Krune Mqhayi, người dân tộc Xhosa. Lần đầu tiên trong đời Nelson Mandela xúc động lắng nghe một nhà thơ lên tiếng phê bình chính sách phân biệt chủng tộc của chính quyền da trắng một cách công khai với sự hiện diện của viện trưởng và toàn ban giảng huấn trường, rất đông trong số họ là da trắng.

Năm 1940, Nelson Mandela theo học tại đại học University College of Fort Hare. Đây là trường đại học nội trú da đen lớn nhất ở Nam Phi. Mandela hy vọng sẽ tốt nghiệp Cử Nhân tại trường này. Ông được bầu vào Hội Đồng Sinh Viên và tức khắc trở thành một lãnh tụ sinh viên tranh đấu cho các quyền lợi sinh viên. Trong một lần xung đột với ban lãnh đạo trường về tiêu chuẩn thực phẩm dành cho sinh viên, Nelson Mandela từ chức khỏi hội đồng sinh viên. Viện trưởng viện đại học tức giận trục xuất ông khỏi trường cho đến cuối niên khóa.

Mandela trở lại nhà nhưng chỉ để biết tin cha nuôi đang chuẩn bị cưới vợ cho mình. Mandela không muốn và cùng người anh nuôi bỏ trốn sang Johannesburg. Tại đây, Mandela tiếp tục học hàm thụ các lớp còn lại của hệ cử nhân và chính thức tốt nghiệp tại Fort Hare vào năm 1942. Năm 1943, Nelson Mandela theo học cử nhân luật tại trường đại học Witwatersrand với ý định trở thành một luật sư.

Chàng thanh niên Nelson Mandela là một người đàn ông cứng rắn nhưng cũng rất đa cảm. Mandela yêu nhiều người. Trong thời gian trú trại khu Alexandra thuộc thành phố Johannesburg, Mandela gặp Ellen Nkabinde, cô bạn luôn có nụ cười tươi, làm nghề dạy học mà Mandela quen biết khi cả hai còn ở Healdtown. Họ yêu nhau. Khu Alexandra đông đúc và chật hẹp, cặp tình nhân đang yêu không biết đi đâu ngoài việc ngồi ngắm những vì sao trên nền trời vào ban đêm. Dù sao, Ellen mang đến cho Mandela tình yêu, sự ủng hộ, niềm tin và hy vọng trong lúc anh ta đang lạc lõng giữa thành phố Alexandra còn xa lạ. Rất tiếc chỉ vài tháng sau Ellen rời thành phố mang theo mối tình đầu của Mandela.

Sau khi Ellen đi, Mandela lại yêu một người con gái khác. Nàng tên là Didi, xinh nhất trong năm người con gái của gia đình Xhosa mà Mandela đang trọ. Cuộc tình rồi cũng không đi đến đâu vì Didi không thật sự để mắt xanh đến anh chàng Mandela đa cảm đang trọ trong nhà mình. Nhưng lần thứ ba thì khác. Trái tim Mandela hướng về phía người con gái trẻ đẹp đang theo học nghề y tá tại Johannesburg tên là Evelyn Mase. Cha mẹ Evelyn chết sớm và cô sống với người anh. Vài tháng sau khi yêu nhau, Mandela hỏi cưới. Evelyn là vợ đầu của Nelson Mandela cho đến năm 1958.

Nelson Mandela bắt đầu tham gia các hoạt động của tổ chức Nghị Hội Toàn Quốc Nam Phi (African National Congress) gọi tắt là ANC vào năm 1942 và cuộc đời hoạt động của ông từ đó được chính trị hóa. Như ông ta giải thích trong *Bước đường dài đến tự do*: "Thật khó để xác định thời điểm nào tôi bị chính trị hóa khi tôi biết mình đã dành cả cuộc đời trong cuộc đấu tranh giải phóng. Làm một người Phi trong xã hội Nam Phi có nghĩa là bạn được chính trị hóa từ lúc mới ra đời, dù bạn có thừa nhận điều đó hay không. Một hài nhi ra đời trong bịnh viện chỉ dành cho da đen. Đưa về nhà trên xe bus chỉ dành cho da đen. Nếu may mắn được đi học cũng chỉ học trường dành cho da đen. Khi cô hay cậu đó lớn lên cũng chỉ làm những công việc người da đen phải làm và mướn một căn nhà để ở cũng chỉ được ở trong khu da đen".

Nhắc lại, ANC được thành lập vào ngày 8 tháng Giêng năm 1912 tại Bloemfontein để đấu tranh cho quyền của người da đen Nam Phi do nhà biên khảo John Dube và nhà thơ Sol Plaatje sáng lập. Chủ tịch đầu tiên của tổ chức là John Dube. Trong suốt hơn 70 năm tranh đấu, ANC đã trở thành đảng chính trị chiếm đa số trong cuộc bầu cử năm 1994 và trong cuộc bầu cử năm 2009, ANC chiếm đến gần 66 phần trăm trong tổng số cử tri đi bầu. Nhiều người ảnh hưởng đến quan điểm chính trị của Nelson Mandela đối với tổ chức ANC nhưng như chính Mandela thừa nhận, ảnh hưởng nhất phải là Walter Sisulu vì đức tính cương quyết, có lý có tình, thực tế và tận tụy của ông ta. Walter tin tưởng ANC là phương tiện cần thiết để thay đổi Nam Phi, là nơi gìn giữ của khát vọng của tầng lớp da đen bị trị tại Nam Phi. Mandela cũng tin tưởng sâu xa điều đó.

Sau khi gia nhập, Mandela trở thành một thành viên tích cực của phong trào chống phân biệt chủng tộc tại

Nam Phi. Năm 1943, Nelson Mandela là một trong những thành viên sáng lập của Liên Đoàn Thanh Niên ANC nhằm đưa cuộc đấu tranh vào quần chúng, tổng hợp sức mạnh của giới nông dân ở nông thôn và tầng lớp công nhân tại các thành phố. Nelson Mandela cho rằng các hình thức thư thỉnh nguyện, cầu xin giới lãnh đạo da trắng không phải là hình thức đấu tranh thích hợp nhưng phải đánh trực tiếp vào quyền lợi của chúng qua các hình thức tẩy chay, đình công bãi thị, bất hợp tác với giới cầm quyền. Mặc dù ban đầu gặp trở lực từ các thế hệ lãnh đạo già, các hoạt động của Liên Đoàn Thanh Niên ANC dần dần đã được trung ương ANC chấp nhận. Vai trò lãnh đạo của Nelson Mandela được chính thức hóa qua các hoạt động cương quyết của ông. Năm 1947, Manela được bầu vào ban chấp hành ANC vùng Transvaal. Người lãnh đạo trực tiếp của ông là C.S. Ramohane, một người yêu nước và kế hoạch xuất sắc. Bản thân Ramohane không có cảm tình với Cộng Sản nhưng làm việc với họ vì ông cho rằng ông ta nên đón nhận sự ủng hộ từ mọi phía. Mandela cũng là tác giả của đề án Mandela làm tiêu chuẩn hoạt động cho cả tổ chức ANC trong đó đặt nặng vai trò chỉ đạo từ trung ương khi nhà cầm quyền da trắng đặt ANC ra ngoài vòng pháp luật.

Chiến Dịch *Thách Thức Những Luật Bất Công* (Defiance Campaign of Unjust Laws) là chiến dịch có quy mô lớn của ANC đòi hủy bỏ sáu đạo luật bất công trước ngày 29 tháng Hai năm 1952 và nếu không ANC sẽ có những hoạt động ngoài hiến pháp chống chính phủ da trắng. Dĩ nhiên, chính phủ da trắng không nhượng bộ mà còn đàn áp quyết liệt. Ngày 6 tháng Tư năm 1952, hàng loạt cuộc đình công đã được thực hiện tại các thành phố lớn như Johannesburg, Pretoria, Port Alizabeth, Durban và Cape Town. Ngày 30 tháng Bảy năm 1952, Nelson Madela bị bắt cùng với hai mươi lãnh đạo ANC khác.

Nelson Mandela bị kết án chín tháng tù ở nhưng sau đó được chuyển thành hai năm tù treo.

Năm 1952 cũng là năm có nhiều thay đổi trong nội bộ ANC. Albert Luthuli, một lãnh tụ có khuynh hướng đẫy mạnh các hoạt động của ANC được bầu vào chủ tịch. Mandela, trong cương vị chủ tịch khu Transvaal, là một trong bốn phụ tá của của Albert Luthuli. Nelson Mandela tiếp tục cuốn hút vào các hoạt động cho ANC cho đến ngày tháng 12 năm 1956, Nelson Mandela bị bắt lần nữa. Lần này bị truy tố với một tội nặng hơn nhiều: mưu phản. Nelson Mandela đóng tiền tại ngoại hầu tra. Phiên tòa mưu phản kéo dài hai năm đã làm Nelson Mandela kiệt quệ về mọi mặt, tình cảm gia đình tan nát và điều kiện tài chánh suy sụp. Cũng trong thời gian khó khăn này, sự khác biệt về cách sống, lý tưởng đã làm hai vợ chồng Mandela và Evelyn vốn khác biệt đã khác biệt sâu sắc hơn. Cuối cùng cả hai đã đồng ý chia tay nhau.

Một lần trên đường từ tòa về qua một ngã tư đường, Nelson Mandela chợt lưu ý một cô gái đang đứng chờ xe bus. Nét đẹp của nàng cuốn hút Mandela nhưng ông ta biết khó mà có dịp gặp lại nàng. Như mối duyên tiền định, một hôm, khi đang ngồi làm việc trong văn phòng luật sư vừa mới lo tái trang bị, Mandela gặp lại cô lần nữa. Cô gái tên là Nomzamo Winifred Madikizela, và thường được gọi tắt là Winnie. Từ đó, họ gặp nhau bất cứ khi nào có thể. Họ ăn trưa với nhau và cùng nhau đi dạo trên cánh đồng cỏ xanh giống như cánh đồng cỏ ở quê hương Transkei. Mandela chia sẻ với Winnie những hy vọng và khó khăn. Như Mandela thuật trong hồi ký "Tôi không hứa hẹn với nàng vàng bạc hay kim cương, tôi sẽ không bao giờ có khả năng tặng nàng những món quà như thế". Winnie hiểu và chấp nhận mọi khó khăn. Vì Mandela vẫn còn trong thời gian bị truy tố, lễ cưới phải được tòa án

chấp nhận. Đám cưới của Mandela và Nomzamo Winifred Madikizela được tổ chức vào ngày 14 tháng Sáu năm 1958 tại một nhà thờ nhỏ. Toàn bộ ban chấp hành trung ương ANC đã được mời nhưng một số đông, giống như Mandela đang bị truy tố nên không tham dự được. Vì không có tiền và thời gian để đưa nhau đi tuần trăng mật, đám cưới xong, chú rể Mandela lại tiếp tục ra tòa.

Sáng 29 tháng Ba năm 1961, sau hơn bốn năm dài từ khi bị bắt, hỏi cung, ra tòa với hàng ngàn tài liệu và hàng trăm nhân chứng, chính quyền da trắng vẫn không đủ bằng chứng tin cậy để kết án ANC là tổ chức Cộng Sản. Chánh án Rumpff, một thẩm phán có lương tâm công lý, tuyên bố các bị can vô tội và được thả tức khắc.

Mandela biết việc trắng án chỉ có giá trị tạm thời, nhà cầm quyền da trắng sau nhiều năm với biết bao nhiêu tốn kém để truy tố ông chắc chắn thế nào cũng tìm bắt lại. Thay vì về nhà, Mandela quyết định lui vào hoạt động bí mật. Hầu hết các hoạt động của Nelson Mandela trong giai đoạn này được giữ kín với hành tung bất thường. Ông ẩn mình vào ban ngày và thường hoạt động vào ban đêm. Các lực lượng công an cảnh sát tung nhiều đợt lục soát để tìm bắt ông. Không những công an mà cả báo chí cũng tung phóng viên để thăm dò tung tích của Mandela. Nhiều báo phóng đại việc Mandela tránh thoát hệ thống công an trong đường tơ kẽ tóc.

Thật ra không ai biết thật sự "đường tơ kẽ tóc" đó như thế nào nếu không do chính Mandela viết trong hồi ký. Một lần khi Mandela lái xe và nhìn qua người khách đang ngồi trong xe bên trái không ai khác hơn là Đại tá Spengler, giám đốc sở an ninh Witwatersrand. Tuy Mandela hóa trang nhưng khó mà qua được đôi mắt chuyên nghiệp của Spengler. Cũng may viên đại tá có trách nhiệm lùng bắt Mandela đã không nhìn sang hướng

của ông. Rất nhiều lần khác, các cảnh sát yêu nước đã tìm cách báo cho bà Winnie biết trước khi có cuộc hành quân lục soát xảy ra trong vùng Mandela đang trốn. Mandela là người tổ chức từ bóng tối cuộc tổng đình công 29 tháng Năm năm 1961 tại Nam Phi. Nhiều trăm ngàn công nhân Nam Phi chấp nhận rủi ro mất việc đã ở nhà để ủng hộ lời kêu gọi của Mandela và ANC. Tuy nhiên, sau khi đánh gía kết quả ngày đình công, Mandela cho rằng nếu phía chính phủ da trắng đàn áp thẳng tay, cuộc đình công sẽ thất bại.

Trong thời điểm khó khăn và quyết liệt đó, Mandela và nhiều lãnh đạo ANC nghĩ không có một chọn lựa nào khác hơn là con đường võ trang. Tháng Sáu năm 1961, cánh quân sự của ANC, Umkhonto we Sizwe gọi tắt là MK, được thành lập nhằm mục đích lật đổ chính quyền phân biệt chủng tộc da trắng bằng các biện pháp quân sự. ANC giao trách nhiệm thành lập, tổ chức và chỉ huy cánh quân sự cho Nelson Mandela. Như chính ông ta thú nhận "Tôi, chưa bao giờ là một người lính, chưa từng chiến đấu trong mặt trận nào, thậm chí chưa bắn một viên đạn, lại được giao trọng trách thành lập một quân đội". Nhưng cũng từ đó, Mandela bắt đầu đọc các sách về chiến tranh du kích, sách chiến lược và chiến thuật quân sự và học rất nhanh.

Ngày 26 tháng Sáu năm 1961, Nelson Mandela, từ một địa điểm bí mật công bố qua báo chí lá thư công khai với nội dung sau:

"*Tôi được báo một trát tòa bắt giữ tôi đã được phát ra, đồng thời công an cảnh sát đang lùng bắt tôi. Hội Đồng Hành Động Quốc Gia thuộc ANC đã nhận xét kỹ lưỡng và khuyến cáo tôi không nên đầu hàng. Tôi đồng ý với lời khuyên và sẽ không nộp mình cho một chính quyền mà tôi không công nhận. Bất cứ nhà chính trị chín chắn nào cũng hiểu rằng trong tình trạng hiện nay của đất nước, tìm cách*

làm một thánh tử đạo rẻ tiền qua việc giao nộp sinh mạng cho cảnh sát là một hành động ngây thơ và là một trọng tội. Tôi đã chọn con đường này, một con đường khó khăn và đòi hỏi nhiều rủi ro, gian khổ hơn là ngồi trong nhà tù. Tôi đã phải tự tách rời khỏi vợ con thân yêu, xa mẹ già và các chị em tôi để sống như một kẻ sống ngoài vòng pháp luật trên chính đất nước của mình. Tôi đã phải đóng cửa cơ sở làm việc, từ bỏ ngành nghề chuyên môn và sống trong đói khát như nhiều triệu đồng bào tôi... Tôi sẽ chiến đấu chống chính quyền phân biệt chủng tộc sát cánh bên các bạn trong từng phân, từng dặm cho đến chiến thắng cuối cùng. Các bạn sẽ làm gì? Đến để cùng chiến đấu với chúng tôi hay hợp tác với chính quyền để trấn áp các đòi hỏi và khát vọng của nhân dân Nam Phi? Các bạn sẽ im lặng và bàng quan mặc trước những vấn đề sống và chết của nhân dân tôi và nhân dân chúng ta? Phần tôi, tôi đã có một chọn lựa cho riêng mình. Tôi sẽ không rời Nam Phi và cũng chẳng đầu hàng. Chỉ thông qua gian khổ, hy sinh và hành động quân sự, mục đích tự do mới đạt được. Đấu tranh là cuộc đời tôi. Tôi sẽ tiếp tục cuộc chiến đấu vì tự do cho đến những ngày cuối của đời mình".

Sau khi công khai phát động cuộc đấu tranh võ trang, tháng 10 năm 1961, Nelson Mandela di chuyển vào nông trại Liliesleaf ở Rivonia, vùng ngoại ô phía bắc Johannesburg. Nông trại được xem là tổng hành dinh của MK. Nelson Mandela mang tên mới là David Motsamayi, một người giữ nhà do chủ phái đến chăm sóc nhà cửa đất đai. Sau Mandela, các chỉ huy vùng của MK lần lượt đến nông trại. MK cũng xoay xở khéo léo để Winnie và các con đến thăm Mandela vào vài cuối tuần. Cơ cấu tổ chức của MK cũng tương tự như ANC, gồm bộ chỉ huy trung ương và các địa phương. Hàng ngàn truyền đơn được rải khắp các thành phố lớn để công bố ngày ra đời của MK.

Tháng Hai năm 1962, Nelson Mandela bí mật xuất ngoại đại diện cho cả ANC lẫn MK tại hội nghị của Phong Trào Tự Do Liên Phi cho Đông, Trung và Nam Phi Châu, gọi tắt là PAFMECSA được tổ chức tại thủ đô Addis Ababa thuộc Ethiopia. Tổ chức này là tiền thân của Tổ Chức Đoàn Kết Châu Phi hiện nay. Đây là một hội nghị vô cùng quan trọng vì là lần đầu tiên ANC có cơ hội kêu gọi sự yểm trợ trực tiếp của các quốc gia Phi Châu trong cuộc đấu tranh võ trang chống chính phủ da trắng Nam Phi. Trong dịp này, Mandela thăm viếng và kêu gọi viện trợ từ các quốc gia Phi Châu như Egypt, Lybia, Tunisia, Ghana, Algeria, Morocco, Mali, Guinea, Sierra Leone, Liberia, Senegal. Tuy cùng một Phi Châu nhưng không phải quốc gia nào cũng nhiệt tình ủng hộ. Một số lãnh đạo quốc gia viện trợ năm ngàn bảng Anh và cũng có một số quốc gia không tặng đồng nào. Trước khi lên đường trở lại Nam Phi, Nelson Mandela tham dự khóa huấn luyện quân sự tám tuần lễ tại Ethiopia. Trong thời gian Mandela ra nước ngoài, các cuộc đánh phá do MK chủ trương diễn ra tại nhiều nơi ở Nam Phi. ANC yêu cầu Mandela thu ngắn thời gian thụ huấn quân sự để về nước.

Tuy nhiên vài hôm sau khi trở lại Nam Phi, Nelson Mandela bị bắt vào ngày 5 tháng Tám năm 1962. Lần này, Nelson Mandela bị kết án 5 năm vì hai tội sách động công nhân đình công và xuất ngoại bất hợp pháp. Mendela bị đưa đến nhà tù Pretoria Local.

Thời gian ngắn sau đó, tổng hành dinh của MK tại nông trại ở Rivonia bị khám phá, lục soát và nhiều tài liệu quan trọng bị tịch thu. Phần lớn các cấp chỉ huy trung ương của MK cũng lần lượt bị bắt. Một số ít may mắn thoát được nhưng đã phải lưu vong sang các quốc gia Phi Châu. Trong lúc đang bị tù, Nelson Mandela lại bị truy tố với một tội nặng hơn trong phiên tòa được báo chí gọi

"Chính phủ chống lại Bộ Chỉ Huy Quốc Gia Tối Cao và những người khác". Mandela là bị cáo đầu tiên trong danh sách nên phiên tòa còn được gọi là "chính phủ chống lại Nelson Mandela và những người khác". Phiên tòa kéo dài gần hai năm. Khắp thế giới bùng lên phong trào ủng hộ Mandela. Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc yêu cầu chính quyền Nam Phi ân xá. Sinh viên đại học London bầu Nelson Mandela làm chủ tịch sinh viên dù vắng mặt bởi vì Mandela vẫn còn là sinh viên hàm thụ khoa Luật của đại học London và vừa hoàn tất kỳ thi cuối khóa hai ngày trước ngày tuyên án.

Đêm trước đó, Mandela và các bạn đã quyết định dù bản án nặng đến đâu hay thậm chí có tử hình đi nữa, cũng không kháng án. Theo lời Mandela giải thích với các luật sư bào chữa, kháng án chỉ làm giảm giá trị đạo đức của lý tưởng mà họ đã và đang đeo đuổi, kháng án cũng có nghĩa là phải giải thích khác hơn và từ chối những hành động chính nghĩa mình đã làm. Mandela tin nếu bản án do tòa quyết định là tử hình, chắc chắn sẽ có một phong trào quần chúng mạnh mẽ đứng lên phản đối, ông không muốn làm nhẹ tinh thần của cuộc đấu tranh đó. Như Mandela viết "không có sự hy sinh nào có thể gọi là quá to lớn trong cuộc đấu tranh vì tự do". Mandela còn chuẩn bị cả câu nói cuối cùng trường hợp chánh án De Wet hỏi ông sau khi nghe tuyên đọc án tử hình: "Tôi chuẩn bị chết trong niềm tin vững chắc rằng cái chết của tôi sẽ là niềm khát vọng cho lý tưởng mà tôi đang dâng hiến cuộc đời mình".

Ngày 12 tháng Sáu năm 1964, ngoại trừ hai người, một được miễn tố và một nhẹ tội, Nelson Madela và các bạn còn lại bị kết án chung thân. Kết án xong, nửa đêm ngày hôm sau, Mandela và 6 thành viên lãnh đạo của MK bị đưa đến nhà tù Robben Island, tương tự như đảo

Alcatraz ngoài vịnh San Francisco của Mỹ, trong một máy bay quân sự bí mật với các lực lượng công an cảnh sát vây kín từ nơi tạm giam đến phi trường. Xà lim của Mandela rộng khoảng 1.8 mét. Mỗi phòng có một tấm bảng giấy ghi tên và số tù. Bảng của Mandela ghi là "N Mandela 466/64". Năm đó Mandela 46 tuổi. Mandela dành hơn 100 trang trong hồi ký để mô tả đời sống vô cùng khắc nghiệt trong suốt 17 năm dài tại nhà tù Robben Island, nơi đó mỗi ngày ông phải đập đá dưới cơn nắng cháy da và ban đêm ngủ trong xà lim mới dựng còn rất ẩm thấp. Đó cũng là thời gian Mandela bị nhiễm vi trùng lao.

Sau 21 năm qua hai trại tù, từ Robben đến Pollsmoor với tất cả gian lao và chịu đựng, trong một lần khám bịnh thường lệ, bác sĩ khám phá tiền tuyến liệt của Mandela bị sưng to và cần phải được giải phẫu. Nhưng sau khi giải phẫu xong, viên điều hành trại tù, Thiếu tướng Munro, đưa Mandela đến một phòng giam khang trang nhiều so với phòng giam mà ông ta sống trước đó. Tuy không nói ra, Mandela biết chính quyền da trắng đã có ý thăm dò phản ứng của ông về cách đối xử mới của chính quyền.

Trong suốt cuộc đời tranh đấu từ khi gia nhập ANC, Nelson Mandela đã chọn nhiều phương pháp đấu tranh, trong đó có bất bạo động và cả bạo động. Tuy nhiên, sau nhiều năm suy tư về con đường đất nước đã trải qua và hy vọng nào còn đang chờ trước mặt, Mandela đã thay đổi phương pháp đấu tranh. Nelson Mandela viết trong hồi ký "Sự thay đổi, tôi quyết định, không phải chỉ là trách nhiệm mà còn là cơ hội… Tôi đắn đo từ lâu về việc bắt đầu nói chuyện với phía chính phủ. Tôi kết luận thời gian đã đến và cuộc đấu tranh sẽ thuận lợi hơn khi cần được đẩy mạnh qua đàm phán. Nếu chúng ta không bắt đầu

đàm phán sớm, cả hai bên phải lao vào đêm tối của áp bức, bạo động và chiến tranh."

Mandela nhìn lại cuộc đấu tranh của ANC trong suốt 70 năm, rất nhiều thường dân vô tội đã bị giết nhưng chính quyền phân biệt chủng tộc da trắng vẫn nhất định không nhường bước. Thật là vô nghĩa nếu cuộc đấu tranh võ trang tiếp tục và mỗi ngày nhiều mạng sống bị cướp mất đi. Không ít các hoạt động của MMK là hành động khủng bố. Tuy nhiên, một bên nào muốn dừng lại cũng không phải là chuyện dễ dàng. Nhà cầm quyền da trắng đã nhiều lần khẳng định ANC và MK là những tổ chức khủng bố Cộng Sản trong lúc ANC cũng không kém phần quyết liệt khi cho rằng chính phủ Nam Phi chỉ là một chính quyền phát-xít, phân biệt chủng tộc và do đó sẽ không có gì để đàm phán với họ cho đến khi nào họ công nhận ANC. Về phần nội bộ ANC, việc thông tin giữa Mandela và các lãnh đạo trung ương của ANC cũng rất khó khăn vì một số đang bị tù, một số khác đang lưu vong và số còn lại hoạt động bí mật rải rác khắp nơi.

Nelson Mandela cuối cùng chọn một giải pháp, đó là tự quyết định cách giải quyết vấn đề một mình và tuyệt đối không cho ai, kể cả các thành viên ANC đang bị tù chung biết. Nếu thành công sẽ có lợi cho đất nước và nếu thất bại chỉ một mình ông ta chịu trách nhiệm. ANC có thể cho rằng vì Mandela không tiếp cận với thực tế và đầy đủ thông tin nên đã có những quyết định không đúng với đường lối của ANC.

Vài tuần sau khi về phòng giam mới, Mandela viết thư cho Bộ trưởng Tư pháp Nam Phi Kobie Coetsee và đề nghị thảo luận về những vấn đề cần thảo luận. Đầu năm 1986, Mandela tiếp đón một phái đoàn bảy thành viên đại diện nhiều quốc gia thăm viếng Nam Phi để tìm hiểu sự thật. Phái đoàn do Tướng Olusegun Obasanjo, cựu tổng

thống Nigeria và cựu ngoại trưởng Úc Malcolm Fraser cầm đầu. Tại buổi gặp gỡ, Nelson Mandela lần nữa đưa ra chủ trương đối thoại nhưng nhấn mạnh đó là việc đối thoại giữa ANC và chính phủ chứ không phải riêng ông ta và chính phủ. Mandela khẳng định với phái đoàn quốc tế rằng ông là một người Quốc Gia Nam Phi chứ không phải là Cộng Sản. Mặc dù có làm việc với nhiều đảng viên Cộng Sản, Mandela từ lâu đã quan niệm rằng cuộc đấu tranh của ANC chống chính quyền da trắng là cuộc đấu chống kỳ thị chủng tộc chứ không phải là cuộc đấu tranh giai cấp hay đấu tranh vì lý do kinh tế như đảng Cộng Sản Nam Phi lý luận. Tuy chưa tuyên bố công khai từ bỏ phương tiện võ trang, Mandela thừa nhận rằng bạo động không bao giờ có thể là giải pháp cuối cùng cho vấn đề Nam Phi. Trong buổi hội kiến với phái đoàn quốc tế, Mandela cũng đòi hỏi phía nhà cầm quyền da trắng phải bày tỏ thiện chí trước bằng cách giải tỏa vòng vây công an cảnh sát khỏi các thôn ấp da đen. Nếu làm được như vậy, ông tin phía ANC cũng sẽ đáp ứng bằng cách hạn chế các cuộc tấn công để làm tiền đề cho đàm phán. Mandela cho phái đoàn biết việc trao trả tự do cho bản thân ông trước áp lực quốc tế đang phát động không giải quyết được vấn đề tranh chấp tại Nam Phi.

Trong năm 1987, Tổng thống Nam Phi Botha thành lập một ủy ban bí mật trong đó có bộ trưởng tư pháp Kobie Coetsee có trách nhiệm đàm phán riêng với Nelson Mandela. Các buổi thảo luận bí mật diễn ra nhiều lần giữa Mandela và ủy ban tổng thống. Vào thời điểm quan trọng này, Nelson Mandela xét thấy cần phải hội ý với các lãnh đạo MK đang bị tù với ông và hiện đang bị giam giữ ở tầng trên. Ông gặp riêng từng người và tất cả đều không chống đối phương pháp đàm phán nhưng đồng thời cũng không tin tưởng hoàn toàn nơi thiện chí của nhà cầm quyền da trắng. Ngoài ra, Oliver Tambo, lãnh tụ của ANC

đang hoạt động bên ngoài đã biết về sự đối thoại đang diễn ra giữa Mandela và chính quyền, và đã đặt ra cho Mandela nhiều câu hỏi. Để các lãnh đạo ANC bên ngoài an tâm, trong một tin nhắn bí mật cho Oliver Tambo, Mandela xác định việc đàm phán thật sự chỉ diễn ra giữa ANC và chính quyền da trắng chứ không phải giữa ông ta và chính quyền da trắng.

Ngày 4 tháng Bảy năm 1989, Nelson Mandela bí mật được đưa đi gặp tổng thống Nam Phi P. W. Botha tại dinh tổng thống vào lúc 5:30 sáng. Trong buổi hội kiến ngắn chưa đầy 30 phút, Nelson Mandela yêu cầu tổng thống Botha trả tự do cho tất cả tù chính trị Nam Phi trong đó có cả ông. Tổng thống Botha từ chối. Tuy nhiên, không đầy một tháng sau, Botha từ chức tổng thống Cộng Hòa Nam Phi và quyền lãnh đạo quốc gia được trao qua de Klerk. Tháng mười cùng năm, de Klerk tuyên bố trao trả tự do cho bảy lãnh tụ cao cấp của ANC.

Tháng Chạp cùng năm, tổng thống de Klerk mời Mandela hội kiến. Trong dịp này, Nelson Mandela nhắc lại các đòi hỏi tiên quyết trong đó bao gồm việc hủy bỏ luật ngăn cấm ANC hoạt động, trả tự do cho tất cả tù chính trị còn lại, hủy bỏ luật tình trạng khẩn cấp quốc gia, cho phép các lãnh tụ đảng phái chính trị đang lưu vong trở về nước. Mandela lưu ý tổng thống de Klerk, nếu chính phủ Nam Phi không làm được những điều đó, một mai khi được trả tự do, Nelson Mandela tại tiếp tục tranh đấu như trước và chẳng lẽ chính phủ da trắng lại bắt giam, kết án và tù đày ông như hai mươi bảy năm trước đó hay sao.

Ngày 2 tháng Giêng năm 1990, Tổng thống F. W. de Klerk trong diễn văn lịch sử đọc trước quốc hội Nam Phi tuyên bố hủy bỏ chính sách phân biệt chủng tộc và đặt nền tảng cho cải cách dân chủ tại Nam Phi. Nói chung, tổng thống de Klerk đã thực hiện hầu hết các điều khoản

do Mandela yêu cầu trong lần gặp gỡ trước đó. Lần đầu tiên trong 30 năm, hình ảnh và các lời tuyên bố của Nelson Mandela được công khai trưng bày trong dân chúng.

Ngày 10 tháng Giêng sau đó, de Klerk mời Nelson Mandela gặp lần nữa và thông báo chính phủ sẽ đưa ông về lại Johannesburg và trao trả tự do cho ông tại đó vào ngày hôm sau. Nelson Mandela từ chối việc được trả tự do tại Johannesburg và cũng không muốn được trả sớm như vậy. Trong suốt 27 năm tranh đấu để được tự do, không bên nào nghĩ cuối cùng việc trả tự do ở đâu lại trở thành vấn đề tranh cải. Cả Mandela lẫn nhà cầm quyền cũng không ngờ có một ngày bên chính phủ muốn thả tự do cho tù nhân Mandela nhưng chính tù nhân Mandela lại muốn ở thêm một tuần lễ nữa. Cuối phiên họp, mỗi bên nhượng bộ một phần. Nelson Mandela sẽ ra khỏi cổng nhà tù ông đang ở nhưng không thể ở lại thêm ngày nào khác.

Lúc 3:30 chiều ngày 11 tháng Giêng năm 1990, Nelson Mandela bước ra khỏi cổng nhà tù cuối cùng Victor Verster giữa rừng người đang hân hoan chờ đợi.

NELSON MANDELA VÀ TIẾN TRÌNH HÒA GIẢI TẠI NAM PHI

Một câu hỏi mà Mandela, lãnh tụ của Nghị Hội Toàn Quốc Nam Phi (African National Congress) gọi tắt là ANC, trăn trở suốt gần mười ngàn đêm trong tù từ đảo Robben đến Pollsmoor, và cũng là câu hỏi cho bất cứ ai mang lý tưởng cứu đời, rằng ông ta thật sự muốn gì và sẽ làm gì sau khi bước ra khỏi cánh cửa sắt nhà tù. Tiếp tục cuộc đấu tranh một mất một còn với chính quyền da trắng? Tiếp tục đi xin súng đạn ngoại bang như ông đã từng làm trong thập niên 1960 về tàn sát người dân Nam Phi? Tiếp tục cuộc khởi nghĩa võ trang để mong có ngày thu lại cả vốn lẫn lời bằng cách trả thù nặng nề và thảm khốc hơn những kẻ đã từng bỏ tù ông, hành hạ ông?

Và mỗi lần suy nghĩ về những câu hỏi như thế, trong nhận thức của Mandela lại vọng lên câu nói cuối cùng vào buổi sáng ngày 11 tháng Sáu 1964 tại phiên tòa Rivonia "*Tôi cống hiến cuộc đời cho cuộc tranh đấu của nhân dân Nam Phi. Tôi đấu tranh chống sự thống trị da trắng và cũng đấu tranh chống sự thống trị da đen. Tôi ôm ấp lý tưởng về một xã hội tự do và dân chủ trong đó con người*

sống hòa thuận và có cơ hội bình đẳng. Đó là lý tưởng tôi hy vọng sống và hoàn thành. Nhưng nếu cần, tôi cũng chuẩn bị để chết vì lý tưởng của mình".

Câu nói đó suốt mấy mươi năm đã hòa trong tiếng sóng bên bờ Cape Town vọng về mỗi đêm như một lời nhắc nhở để rồi Mandela, dù trong lưu đày, bị khổ sai hay làm tổng thống, giải Nobel Hòa Bình, lý tưởng của ông như ngọn hải đăng trên đảo Robben vẫn rực sáng một màu hy vọng. Không ai khuyên ông, không ai dạy ông, chính ước mơ được thấy "một xã hội tự do và dân chủ trong đó con người sống hòa thuận và có cơ hội bình đẳng" giúp ông có được những chọn lựa chính trị vượt qua tầm thời đại và vượt qua những khổ đau chịu đựng của riêng ông.

Nhắc lại, buổi trưa ngày 12 tháng Sáu năm 1964, chánh án De Wet kết tội Mandela và các bạn chiến đấu của ông trong phong trào Umkhonto we Sizwe, cánh võ trang của ANC gọi tắt là MK hơn 200 tội trong đó có "phá hoại, phát động chiến tranh, tấn công Cộng hòa Nam Phi bằng các phương tiện võ trang, âm mưu lật đổ chính phủ" và nhận án tù chung thân khổ sai. Trong thời gian tòa luận án, biện lý chính phủ có nghĩ đến việc đề nghị án tử hình nhưng rút lại vì phản ứng quốc tế.

Mandela đến đảo Robben vào mùa đông 1964 và sống ở đó trong điều kiện vô cùng khắc khổ. Ban ngày phải đục đá làm cầu tàu, ban đêm nằm trên sàn xi măng ẩm thấp. Mỗi năm chỉ được một lần thăm nuôi và kéo dài vỏn vẹn 30 phút. Sáu tháng mới được phép viết một lá thư và cũng sáu tháng mới được phép nhận một lá thư. Mandela bị cai ngục và tù nhân da trắng hiếp đáp và hành hung. Những sự phản đối của ông và các bạn tù chỉ là những viên sỏi ném vào biển Nam Đại Tây Dương không vang vọng được đâu xa. Nelson Mandela đã chịu đựng suốt 17

năm và nhiễm vi trùng lao phổ trong thời gian này. Trong nỗi cô đơn tận cùng, người bạn đường thân thiết nhất của ông chính là lý tưởng "tự do, dân chủ và bình đẳng" mà ông ôm ấp.

Nam Phi trong thập niên 1980 là những năm đầy bạo động. Mặc dù bản thân Mandela và nhiều cấp chỉ huy MK bị tù hay lưu đày nhưng cuộc đấu tranh bằng các phương tiện vũ trang chẳng những không giảm bớt mà ngày càng tăng. Năm 1981, các lực lượng chính phủ tấn công các căn cứ của ANC ở Maputo, Mozambique giết nhiều trẻ em và phụ nữ. Để trả thù, đầu tháng Chạp 1982, MK đặt chất nổ tại căn cứ nguyên tử Nam Phi trong vùng ngoại ô Cape Town. Cuối tháng Chạp cùng năm, chính phủ Botha tung hàng loạt các cuộc tấn công vào các căn cứ tiền phương của MK tại Maseru, Lesotho làm thiệt mạng 42 người, trong đó có hàng tá phụ nữ và trẻ em. Tháng Năm 1983, MK trả đũa bằng cách đặt bom tại một căn cứ không quân Nam Phi ngay trung tâm thành phố làm mười chín người chết và hàng trăm, trong đó rất đông thường dân vô tội bị thương. Và như thế, MK đặt bom và chính phủ lùng diệt, chính phủ tấn công và MK trả đũa, máu của nhân dân Nam Phi dù chiến đấu cho bên nào, đã đổ quá nhiều trong suốt hai mươi năm bạo động.

Năm 1982, Nelson Mandela được di chuyển từ đảo Robben đến nhà tù Pollsmoor, nơi ông có thể tiếp cận nhiều hơn với tin tức bên ngoài. Mandela viết trong hồi ký "Giết chết thường dân vô tội là một thảm kịch. Đọc con số người chết tôi cảm thấy vô cùng khủng khiếp". Ông nhận thức rằng trước khi bàn chuyện đúng hay sai, chính nghĩa hay phi nghĩa, dù đang ở trong tù, ông cũng là người chịu trách nhiệm cho những cái chết của thường dân vì cánh võ trang của ANC do chính ông chủ trương.

Trong giai đoạn này, chính phủ da trắng Nam Phi áp dụng chính sách "chia để trị" nhằm cô lập và phân hóa nội bộ các phong trào chống phân biệt chủng tộc tại Nam Phi bắt đầu từ cấp lãnh đạo các đảng phái, tổ chức, bộ lạc xuống tận các địa phương. Chính sách này là một con dao hai lưỡi không chỉ áp dụng đối với các thành phần da màu đang chống chính phủ bên ngoài nhà tù mà cũng áp dụng cho cả Mandela và các bạn đang ở tù cùng với ông. Từ năm 1973, ngay trong thời gian Mandela còn bị giam trên đảo Robben, Bộ trưởng đặc trách nhà tù Nam Phi Jimmy Kruger đã tìm cách thuyết phục Mandela để phủ nhận phương pháp bạo động, hứa sẽ giảm án và thậm chí được trả tự do với điều kiện ông chịu định cư luôn tại quê hương Transkei. Mandela không chấp nhận. Năm 1985, Tổng thống Nam Phi P. W. Botha lần nữa đề nghị trả tự do cho Mandela chỉ cần ông "phủ nhận một cách không điều kiện việc dùng bạo động như võ khí chính trị". Mandela lại lần nữa từ chối bởi vì tự do của ông phải gắn liền với tự do của đất nước.

Trong một lá thư gởi đến nhân dân Nam Phi qua trung gian con gái Zindzi Mandela đọc trong buổi mít tinh của ANC tại Soweto, Mandela viết "*Tôi luôn ấp ủ giấc mơ được trả tự do cho cá nhân tôi, nhưng tôi quan tâm hơn là tự do của nhân dân Nam Phi… Tự do đem lại cho riêng tôi có nghĩa gì một khi ANC, tổ chức của nhân dân vẫn còn bị ngăn cấm? Tự do đem lại cho riêng tôi có nghĩa gì một khi vợ con tôi phải sống lưu đày tại Branfort? Tự do đem lại cho riêng tôi có nghĩa gì một khi quyền công dân của nhân dân Nam Phi không được tôn trọng? Chỉ có con người tự do mới có thể đàm phán. Tù nhân không thể ký kết một hợp đồng nào. Tôi không thể và sẽ không quyết định gì một khi nhân dân Nam Phi và bản thân tôi chưa được tự do. Tự do của tôi không thể tách biệt khỏi quyền tự do của nhân dân Nam Phi*".

Như đã viết trong bài trước, trong suốt cuộc đời tranh đấu từ khi gia nhập ANC, Nelson Mandela đã chọn nhiều phương pháp đấu tranh, trong đó có bất bạo động và cả bạo động. Tuy nhiên, sau nhiều năm suy tư về con đường đất nước đã trải qua và hy vọng nào đang chờ trước mặt, Mandela đã thay đổi phương pháp đấu tranh. Nelson Mandela viết trong hồi ký "Sự thay đổi, tôi quyết định, không phải chỉ là trách nhiệm mà còn là cơ hội… Tôi đắn đo từ lâu về việc bắt đầu nói chuyện với phía chính phủ. Tôi kết luận thời gian đã đến và cuộc đấu tranh sẽ thuận lợi hơn khi cần được đẩy mạnh qua đàm phán. Nếu chúng ta không bắt đầu đàm phán sớm, cả hai bên phải lao vào đêm tối của áp bức, bạo động và chiến tranh".

Sau ba năm đàm phán ngay từ trong nhà tù giữa Mandela và ủy ban bí mật do chính Tổng thống Pieter Willem Botha lập ra, lúc 3:30 chiều ngày 11 tháng Giêng năm 1990, Nelson Mandela bước ra khỏi cổng nhà tù thứ tư và cuối cùng Victor Verster. Đây là một chiến thắng lớn nhưng chỉ là bước đầu tiên trong hành trình hòa giải quốc gia đầy gian nan mà Nelson Mandela vừa mới lên đường.

Ngày 12 tháng Giêng, Nelson Mandela họp báo để giải thích quan điểm của ông về tương lai Nam Phi. Dù sau 27 năm bị khổ sai, Mandela không chôn giấu trong lòng sự oán hận nào đối với thiểu số da trắng cai trị đất nước nhưng nhấn mạnh đến mục tiêu thay đổi cơ chế chính trị. Ông khẳng định "chúng tôi không muốn tàn phá đất nước trước khi giải phóng đất nước, và loại bỏ da trắng cũng có nghĩa là tàn phá đất nước". Tương lai của Nam Phi không đặt trên tiêu chuẩn màu da hay sắc tộc mà là tiêu chuẩn công dân.

Dù nhượng bộ, chính phủ của Tổng thống de Klerk vẫn còn nắm trong tay bộ máy công an, tình báo và lực lượng quân đội hùng mạnh nhất châu Phi. De Klerk không có ý

định đầu hàng quyền lực trừ phi có một áp lực mạnh mẽ từ nhân dân và quốc tế. Sau một vòng thăm viếng các quốc gia Phi Châu để gây cảm tình trong vùng và gây áp lực quốc tế đối với chính phủ de Klerk, tháng Ba 1990, ANC và de Klerk bắt đầu vòng đầu đàm phán chính thức. Trước ngày họp, hai bên có lập trường khác biệt. Phía chính phủ de Klerk không muốn áp dụng phương pháp bầu cử kiểu Anh, theo đó đảng nào chiếm đa số ghế trong quốc hội sẽ là đảng cầm quyền. Ông ta muốn duy trì quyền thiểu số bằng cách tạo ra một hệ thống lãnh đạo quốc gia theo dạng san sẻ quyền lực.

Phái đoàn đại diện ANC trong cuộc đàm phán lịch sử gồm phần lớn là những người đã dâng hiến cả cuộc đời cho lý tưởng tự do chủng tộc Nam Phi, gồm Walter Sisulu, Joe Slovo, Alfred Nzo, Thabo Mbeki, Ahmed Kathrada, Joe Modise, Ruth Mompati, Archie Gumede, Reverend Beyers Naude, Cheryl Carolus, và Nelson Mandela.

Buổi đàm phán đầu tiên trái với lo lắng của cả hai bên. Thay vì với không khí nặng nề và thái độ quyết liệt, phiên họp diễn ra trong vòng thân mật và vui vẻ không ngờ. Đại biểu hai phái đoàn mừng rỡ bắt tay như gặp lại người thân quen sau nhiều năm xa cách chứ không phải những người cách đó vài hôm đã không đội trời chung. Tổng thống de Klerk làm mọi người ngạc nhiên khi tuyên bố bản chất của chế độ phân biệt chủng tộc vốn đã mang mầm xấu và thành thật xin lỗi. Tuy không phải là lời tuyên bố chính thức trước nhân dân, đó là những điều mà các đại biểu phái đoàn ANC chưa bao giờ nghe. Đại biểu ANC Thabo Mbeki, tổng thống Nam Phi dân chủ thứ hai sau Mandela, trả lời báo chí với giọng hài hước chiều hôm đó "Hai bên đã khám xét nhau và đồng ý là không bên nào có sừng".

Mơ ước riêng tư nhất của Nelson Mandela sau ngày được trả tự do là được đi thăm mộ mẹ nhưng mãi tới tháng Tư ông mới có chút thời gian để về cố quận Qunu, quê hương của tuổi thơ và nơi mẹ ông, bà Noqaphi Nosekeni, yên nghỉ. Mẹ ông qua đời vào năm 1968 khi ông còn ở trong tù và nhà cầm quyền da trắng không cho phép ông về đưa tang mẹ. Mấy chục năm sau, quê hương Qunu vẫn nghèo nếu không muốn nói là nghèo hơn trước. Qunu là nơi chôn giấu kho tàng của tuổi hoa niên tươi đẹp của Nelson Mandela, nơi ông lớn lên và nơi ông chọn để an nghỉ sau khi chết.

Một biến cố khác là việc vợ ông, bà Winnie Mandela, bị đưa ra tòa về tội bắt cóc và đánh đập bốn thanh niên tại nhà bà vào năm 1988. Một thiếu niên 14 tuổi chết và ba thanh niên còn lại tố cáo nhóm cận vệ của bà Winnie Madikizela Mandela đã khủng bố cả thành phố Soweto. Trước ngày tòa nghe nhân chứng, Gabriel Mekgwe, 22 tuổi và là một trong ba thanh niên sống sót bị mất tích. Hai nhân chứng còn lại từ chối cung khai. Sau ba tháng rưỡi, tòa kết tội bà Winnie đã có liên hệ đến việc bắt cóc và là tòng phạm đối với việc đánh đập các thanh thiếu niên. Nelson Mandela tuy bên ngoài ủng hộ vợ nhưng rất đau lòng trước sự thật được phô bày.

Nelson Mandela còn chịu đựng một vết thương riêng tư khác trong cuộc đời vốn đã đầy gian nan thương khó. Khi còn ở trong tù, Nelson Mandela đã biết vợ mình đang ngoại tình với Dali Mpofu, một luật sư nhỏ hơn bà 27 tuổi. Việc ngoại tình giữa Winnie Mandela và Dali Mpofu còn lén lút kéo dài ngay cả sau khi Mandela được tự do. Bà Winnie gặp Nelson Mandela khi chỉ mới 23 tuổi và Mandela đã gần 40 tuổi. Họ yêu nhau và cưới nhau trong vội vàng. Ba năm sau, Mandela rút vào hoạt động bí mật cho đến ngày bị bắt và vào tù. Winnie Mandela viết trong

hồi ký "Tôi có rất ít thời gian để yêu chồng". Khi biết vợ ngoại tình, Mandela dĩ nhiên đau xót nhưng cảm thông và tha thứ. Ông chỉ viết thư yêu cầu bà Winnie đưa tình nhân ra khỏi nhà. Trong thời gian đó, sự chung thủy của Winnie đối với chồng chỉ còn trong lý tưởng đấu tranh chính trị, tình yêu nam nữ đã tàn phai. Tình cảm trong người phụ nữ này đã bị xói mòn và cạn kiệt theo năm tháng đợi chờ. Tuy nhiên về mặt hình thức, bà Winnie vẫn tiếp tục đóng trọn vai trò người phụ nữ can đảm, anh hùng, vợ của Nelson Mandela.

Sau khi Mandela ra tù, hai vợ chồng mới khám phá ra họ còn cách nhau xa hơn khi Mandela còn ở trong tù. Năm 1990, Mandela không còn là lực sĩ quyền Anh, một luật sư xông xáo và một thanh niên lãng mạn mà là một cụ già 72 tuổi, ốm yếu, bịnh hoạn. Ngay cả trong sinh hoạt hàng ngày hai người cũng khác. Mandela theo thói quen vẫn ăn ngủ đúng giờ giấc của nhà tù từng quy định trong khi bà Winnie, trẻ hơn chồng 17 tuổi, còn sung sức, thức khuya và dậy trễ. Những ngôn ngữ tình yêu chất chứa trong những lá thư chỉ còn là kỷ niệm. Trong phòng ngủ của hai vợ chồng, tấm thiệp Giáng Sinh cuối cùng Nelson Mandela gởi bà Winnie vào tháng Chạp 1989 với hàng chữ "Darling, I love you" được treo trịnh trọng nhưng cũng thật mỉa mai với thực tế lạnh lùng chăn gối giữa hai người. Về mặt hình thức, Mandela và Winnie vẫn tay trong tay xuất hiện trước công chúng nhưng họ không có ngay cả một đêm gần gũi nhau như Mandela tiết lộ với tòa án khi thỉnh nguyện được ly dị vợ "Winne chưa bao giờ vào phòng ngủ khi tôi còn thức".

Hai mươi bảy năm sống ngoài mọi sinh hoạt xã hội bình thường đã làm ông trở thành lạc lõng, cô độc giữa vinh quang của Nam Phi và nhân loại dành cho ông. Tuy nhiên, khi lá thư đánh ghen của bà Winnie viết gởi người

yêu Dali Mpofu với những lời dâm ô hạ cấp như việc tố cáo Mpofu suốt ngày chỉ biết "chạy vòng vòng để làm tình với phụ nữ" đã bị báo *The Johannesburg Sunday Times* đăng tải nguyên văn vào tháng 9 1992 là nhát búa đập vào trái tim rạn nứt. Chưa đầy tháng sau, Nelson Mandela ly thân với bà Winnie và ngày 20 tháng Ba 1996 tòa án cho phép Tổng thống Nelson Mandela chính thức được ly dị bà ta.

Mặc dù hạnh phúc gia đình tan nát, trong cuộc đấu tranh chống chính quyền phân biệt chủng tộc da trắng, Nelson Mandela chứng tỏ vô cùng sáng suốt, minh mẫn và cương quyết. Báo chí Nam Phi gọi Mandela là "con người sắt" trong tiến trình đàm phán. Cuộc đàm phán vòng đầu giữa ANC và chính phủ de Klerk chấm dứt với nhiều tiến bộ. Hai bên cam kết theo đuổi tiến trình giải thể chế độ phân biệt chủng tộc, hủy bỏ Tình Trạng Khẩn Cấp Quốc Gia, soạn thảo hiến pháp mới, thành lập chính phủ chuyển tiếp gồm đại diện các đảng phái. Tuy nhiên trong thời gian sau đàm phán, bạo động lại tiếp tục tại nhiều nơi nhưng chính phủ de Klerk đã không có những biện pháp ngăn chận hữu hiệu. ANC tuyên bố đình hoãn đàm phán với chính phủ.

Tháng Bảy 1991, Nelson Mandela được chính thức bầu vào chức vụ Chủ tịch ANC tại đại hội toàn quốc được tổ chức lần đầu tiên trong lãnh thổ Nam Phi. Trong chức vụ mới, Nelson Mandela quyết tâm theo đuổi mục tiêu dân chủ Nam Phi bằng cách tái lập đàm phán với chính phủ de Klerk và cơ hội đầu tiên đã diễn ra tại CODESA gồm đại diện 18 đảng phái hoạt động tại Nam Phi để thảo luận về giải pháp dân chủ cho Nam Phi với sự quan sát của Liên Hiệp Quốc, Liên Hiệp Anh, Cộng Đồng Âu Châu và Tổ Chức Đoàn Kết Phi Châu. Tuy nhiên, đại hội đã không diễn ra như Mandela mong muốn, Tổng thống de Klerk

dùng diễn văn bế mạc để tấn công vào uy tín của ANC. Mandela trả đũa bằng cách phê bình Tổng thống de Klerk che dấu nghị trình riêng, không thành thật và tìm cách để duy trì chế độ phân biệt chủng tộc dưới một hình thức khác. ANC tẩy chay cuộc đàm phán.

Sau bốn tháng ngưng trệ, tháng Năm 1992, cuộc đàm phán lại tiếp tục, gọi là CODESA 2 được khai mạc ngày 17 tháng Sáu 1992. Qua cuộc đàm phán lần này, hai bên đồng ý việc chuyển tiếp dân chủ sẽ được tiến hành qua hai giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất là thành lập một Hội đồng Chấp hành Chuyển tiếp đa đảng đại diện cho các thành phần tham dự CODESA 2 để hoạt động như một chính phủ lâm thời và soạn thảo hiến pháp. Giai đoạn hai là tổng tuyển cử. Tuy nhiên khi đi vào chi tiết của các điểm đã được thỏa thuận như tỉ lệ số phiếu cần thiết trong quốc hội để thông qua các đạo luật, ANC và chính phủ của Tổng thống de Klerk lần nữa rơi vào bế tắc.

Bên cạnh sự bế tắc liên quan đến nội dung của đàm phán, các thành thần cực hữu da trắng võ trang mà Mandela gọi là lực lượng thứ ba, cũng tìm mọi cách để phá hoại tiến trình đàm phán, đưa đất nước vào vòng nội chiến trong đó có cả việc ám sát các thành viên uy tín và ưu tú của ANC như trường hợp Chris Hani, cựu Tham mưu trưởng của MK bị bắn ngay tại nhà.

Tháng Chín 1992, Mandela và Tổng thống de Klerk họp riêng và ký kết một văn thư thỏa thuận làm tiêu chuẩn chỉ nam cho các cuộc đàm phán theo sau. Vào tháng Chạp 1992, hai bên ANC và chính phủ lại ngồi vào bàn hội nghị lần nữa. Tổng thống de Klerk đồng ý thành lập Hội đồng Chấp hành Chuyển tiếp để chuẩn bị cho tổng tuyển cử và đồng ý với nội dung của hiến pháp tạm thời. Điểm quan trọng nhất đối với Tổng thống de Klerk là việc quy định thế nào là đa số và sự an toàn của thiểu số da

trắng sau tổng tuyển cử. De Klerk đòi hỏi bên thắng phải nhận được hai phần ba tổng số phiếu bầu. ANC không đồng ý và đặt tỉ lệ đa số tại 60 phần trăm. Ngày hôm sau de Klerk đồng ý.

Mặc dù 85 phần trăm dân số Nam Phi là da đen, không phải người da đen nào cũng ủng hộ ANC. Các thành phần dân chúng rất ô hợp và phân tán theo từng địa phượng, bộ lạc, tôn giáo và thậm chí có nhiều đảng tuyên bố tẩy chay bầu cử, do đó, muốn thắng số phiếu trên 60 phần trăm không phải chuyện dễ dàng. ANC đã phát động một chiến dịch vận động quy mô mới với hơn một trăm văn phòng do các lãnh đạo dày kinh nghiệm phụ trách.

Nelson Mandela không phải là nhà hùng biện nên dù với sự giúp đỡ của một nhóm chuyên viên viết diễn văn xuất sắc, ông vẫn không thành công trong những buổi diễn thuyết như chính ông thú nhận trong hồi ký. Patti Waldmeir của báo *The Financial Times* nhận xét Mandela như "là một trong những nhà diễn thuyết buồn chán nhất Nam Phi". Những nơi ông dừng lại, hàng ngàn người tập trung chào đón nhưng sau khi ông nói nửa chừng, một phần hai dân chúng đã ra về. Dân chúng đến để được nhìn tận mắt một Nelson Mandela huyền thoại chứ không hẳn để nghe ông diễn thuyết. Khi tranh luận với de Klerk trước hệ thống truyền hình, ANC đã phải mời Frank Greer, cựu cố vấn của Tổng thống Bill Clinton sang để chỉ dẫn cách ăn nói. Nelson Mandela vận động tranh cử với quan điểm hòa giải và hứa bảo đảm quyền của mọi người không phân biệt màu da. Ông dành thời gian để thăm viếng xã giao Tổng Giám đốc Cảnh sát, Tham mưu trưởng Quân đội và yêu cầu họ tiếp tục chức vụ trong trường hợp ANC thắng cử.

Quốc kỳ của Cộng hòa Nam Phi cũng là một vấn đề. Ngay khi ra khỏi tù, Nelson Mandela đã đề nghị Nam Phi

phải có một lá cờ mới thật sự đại diện cho toàn dân chứ không phải chỉ đại diện cho thiểu số cai trị. Quốc hội lâm thời được trao trách nhiệm công bố một quốc kỳ mới trước ngày bầu cử tổng thống nhưng không một mẫu cờ nào trong số 7,000 phác họa được quốc hội lâm thời thông qua. Mãi cho tới 15 tháng Ba 1994, mẫu quốc kỳ do Frederick Brownell vẽ mới được công nhận. Quốc kỳ này cũng chỉ được gọi là quốc kỳ lâm thời và cần năm năm thử nghiệm trước khi quốc hội thông qua lần nữa. Và năm năm sau đó, quốc hội Nam Phi đã đồng ý mẫu cờ do Frederick Brownell vẽ là quốc kỳ Cộng Hòa Nam Phi như đang bay hôm nay. Ngày 26 tháng 4 1993 là một ngày đáng nhớ trong lịch sử Nam Phi vì hôm đó nhân dân Nam Phi tham dự tổng tuyển cử để chọn đảng lãnh đạo, thực tế là chọn tổng thống. Đối với đại đa số cử tri da đen, đây là lần đầu tiên trong đời họ được cầm lá phiếu trong tay. Cuộc bỏ phiếu diễn ra suốt 4 ngày và trong không khí tương đối êm đẹp.

Mandela bỏ phiếu vào ngày thứ hai một địa điểm gần ngôi mộ của John Dube, người sáng lập ra tổ chức ANC như một cách để biết ơn người đã dâng hiến đời mình cho cách mạng. Tại đây với John Dube như điểm bắt đầu và cũng tại đây với Nelson Mandela như điểm kết thúc của chu kỳ tranh đấu cho quyền con người. Lý tưởng của John Dube cuối cùng đã đạt được nhưng phải cần đến 82 năm gian khổ máu xương. Nelson Mandela viết trong hồi ký "Khi tôi đứng bên mộ John Dube, được xây gần một ngôi trường nhỏ, tôi không nghĩ đến hiện tại mà nghĩ về quá khứ… Tôi nghĩ đến bao anh hùng Nam Phi vĩ đại, những người đã cống hiến cuộc đời để cho nhiều triệu dân Nam Phi có quyền bỏ phiếu hôm nay. Tôi không đi bầu một mình mà cùng đi với những người đã hy sinh".

ANC nhận được 62. 3 tổng số phiếu bầu, cao hơn mức đa số quy định và Nelson Mandela trở thành tổng thống da đen đầu tiên. Buổi tối ngày 2 tháng Năm 1994, Tổng thống de Klerk đọc diễn văn công nhận thất bại. Chế độ phân biệt chủng tộc Nam Phi chính thức cáo chung.

Tổng thống Nelson Mandela, ngoại trừ việc thích thay đồ nhiều lần trong ngày, sống một cuộc sống rất đạm bạc. Như đối thủ de Klerk nhắc lại "Mandela có một khả năng đặc biệt. Ông làm mọi người ông tiếp xúc cảm thấy rất thân tình". Thật vậy, mỗi lần đi xa về, Mandela không quên ra bắt tay thăm hỏi mọi người trong dinh tổng thống, từ các phụ tá, cận vệ cho đến các bác làm vườn. Khi đi kinh lý bằng trực thăng, Mandela thường ngồi gần phi công để bắt chuyện gia đình, đời sống và lương bổng. Ở tù quá lâu nên nhiều khi hành vi của Nelson Mandela chẳng khác gì còn đang ở trung tù. Một bạn tù của Mandela thú nhận "thật khó để lấy Robben ra khỏi tâm hồn họ". Ông dành một phần ba số lương tổng thống hàng năm cho quỹ từ thiện Nelson Mandela Children's Fund do chính ông sáng lập vào năm 1995. Là con người, ai không cảm thấy sung sướng khi được tôn vinh, ca ngợi, Nelson Mandela cũng vậy nhưng ông không bị chói mắt bởi hào quang danh vọng và quyền lực. Ông tiếp đón những nông dân và công nhân nghèo không khác gì khi tiếp đón các chủ tịch công ty lớn. Thỉnh thoảng Mandela vẫn về quê tham dự phiên họp của bộ lạc ông. Một lần đoàn làm phim Anh đến quay phim, Tổng thống Nelson Mandela làm hư cả đoạn phim vì trong lúc đang phỏng vấn nửa chừng ông sực nhớ quên bắt tay người quay phim nên bước xuống bắt tay anh ta. Khi Tổng thống Mandela đi công vụ, ngoài đoàn tùy tùng, dĩ nhiên có rất nhiều phóng viên truyền hình đi theo, khi nhìn các phóng viên mang máy quay phim với chân cẳng nặng nề, ông thường dừng lại để chờ.

Sau khi chính thức ly dị với bà Winnie Mandela, Nelson Mandela quan hệ tình cảm với bà Graça Machel, nhà hoạt động chính trị Mozambique, góa phụ của cố Tổng thống Mozambique Samora Machel và trẻ hơn Mandela 27 tuổi. Bà Graça Machel là người phụ nữ Phi Châu đầu tiên làm vợ của hai tổng thống châu Phi.

Thái độ hòa giải của Nelson Mandela thể hiện ở những việc nhỏ như đã không vội vã đổi ngay tên đường từ các tổng thống, tướng lãnh từng là hung thần của chế độ phân biệt chủng tộc như Botha hay Malan sang tên của các anh hùng trong chiến tranh giành độc lập của Nam Phi. Ông muốn sự thay đổi diễn ra trong tuần tự, bình thường và ổn định tinh thần dân chúng. Trong mọi buổi nói chuyện, Nelson Mandela nhấn mạnh đến ba nguyên tắc ảnh hưởng cả đời ông gồm hòa giải, nhân cách và tình thương.

Tinh thần hòa giải của Mandela thể hiện ngay trong thành phần lãnh đạo quốc gia. Ngoài việc ông là tổng thống, chức vụ Phụ tá Tổng thống Thứ nhất được trao cho cựu Tổng thống de Klerk và lãnh tụ ANC Thabo Mbeki được mời giữ chức Phụ tá Tổng thống Thứ hai. Nội các Đoàn kết Quốc gia của Tổng thống Nelson Madela bao gồm nhiều thành phần, sắc tộc. Ngoài Phụ tá Thứ nhất de Klerk, các chuyên viên da trắng nắm giữ các bộ quan trọng gồm cả bộ Nội vụ. Không ít viên chức chính phủ là những người bàn tay chưa khô máu da đen nhưng Nelson Mandela làm hòa với họ để họ cảm thấy thật sự là thành viên của một đại gia đình Nam Phi mới như khi ông ta phát biểu về khái niệm Quốc gia Cầu Vồng (Rainbow Nation) "Nam Phi là một Quốc gia cầu vồng, hòa bình với chính mình và với thế giới".

Sau khi đắc cử, Tổng thống Nelson Mandela đến chào hỏi xã giao cựu tổng thống da trắng bảo thủ Pieter Willem

Botha. Y chưa nguôi giận và Mandela lại phải lần nữa lắng nghe những lời hằn học của ông ta. Nelson đáp lại bằng nụ cười tha thứ. Khi Tổng giám đốc cơ quan tình báo thời phân biệt chủng tộc Niel Barnard về hưu Mandela tổ chức một tiệc tiễn đưa trịnh trọng và trong dịp đó ông còn mời cả Tướng Willemse, cựu chỉ huy trưởng nhà tù Robben và là người chịu trách nhiệm cho những cực hình ông đã chịu đựng suốt hơn 20 năm dài, đến tham dự. Tướng Willemse xúc động phát biểu "những cơ hội như thế này không diễn ra nhiều lần trong suốt một đời người".

Nelson Madela cũng tế nhị ngay cả trong việc chọn nơi làm dinh tổng thống bằng cách để de Klerk ở lại tư dinh tổng thống tại Groote Schuur trước đây còn ông dời sang một khu nhà khác ở Cape Town và đặt tên cho căn nhà mới là Thung Lũng Khoan Dung. Ông quan tâm đến việc chuyển tiếp quyền lực một cách ổn định đến nỗi bà Winnie, vợ cũ của ông, công khai phê bình Mandela quan tâm đến dân da trắng nhiều hơn dân da đen Nam Phi. Nelson Mandela tổ chức buổi gặp gỡ của những góa phụ có chồng bị giết trong cuộc phân tranh chủng tộc của cả hai bên để họ cảm thông nhau.

Tháng 8 1995, Mandela đến viếng thăm góa phụ của cố tổng thống Nam Phi Dr. Hendrik Verwoerd, người được xem là kiến trúc sư của chế độ phân biệt chủng tộc Nam Phi vô cùng tàn ác mà Mandela đã trực tiếp đương đầu trong giai đoạn 1960. Ba tháng sau đó, Nelson Mandela mời ông Percy Yutar, 84 tuổi, nguyên là biện lý chính phủ tại phiên tòa Rivonia đã xử Mandela chung thân, đi ăn trưa. Mandela còn đi xa hơn khi cử cựu giám đốc nhà tù Robben làm đại sứ Nam Phi tại Áo. Nhiều bạn tù lên tiếng phản đối nhưng Mandela trả lời "Người can đảm không ngại tha thứ vì mục đích hòa bình".

Nhưng tha thứ không đồng nghĩa với lãng quên. Mandela và ANC đơn giản không thể tha thứ cho chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và xếp tất cả tội ác của chúng vào ngăn kéo lịch sử. Sự thật cần phải được kể lại. Tháng Giêng 1996, Ủy ban Sự thật và Hòa giải (TRC) ra đời và Mandela đề cử Giám mục Anh giáo Desmond Tutu làm chủ tịch. Lễ khai mạc TRC được tổ chức tại nhà thờ Anh giáo. Bộ trưởng Tư pháp Nam Phi nhấn mạnh trong diễn văn khai mạc "Tôi mời quý vị cùng chúng tôi tìm hiểu sự thật, bởi vì không có sự thật, sẽ không có hòa giải thật sự". Các đại diện tôn giáo trong đó có cả đạo Do Thái và Phật Giáo được mời lên đọc lời cầu nguyện và chúc lành cho TRC thành công.

Thật ra, không phải đợi đến 1996 mới có TRC mà ngay trong thời gian đàm phán giữa Mandela và de Klerk vấn đề hòa giải đã được đưa ra. Cựu Tổng thống de Klerk đòi hỏi, dù bên nào thắng trong cuộc tổng tuyển cử, một cuộc đại ân xá cũng phải được thực hiện. ANC không thể để chế độ phân biệt chủng tộc tự ân xá một cách dễ dàng. Cuối cùng hai bên đồng ý, sự ân xá đặt trên cơ sở cá nhân nếu đương sự trình bày hết sự thật và có thể chứng minh hành động của họ do các mục tiêu chính trị thúc đẩy chứ không phải hận thù cá nhân. Những tướng lãnh hay chính trị gia từ chối cung khai có thể bị truy tố theo thủ tục hình sự như trường hợp của cựu Bộ trưởng Quốc phòng Magnus Malan.

Đa số tướng lãnh và các bộ trưởng trong nội các đều quy trách nhiệm cuối cùng lên cựu Tổng thống de Klerk. Đến phiên de Klerk, ông thay mặt chế độ thừa nhận sai lầm nhưng lại từ chối việc chính phủ chủ trương tra tấn, ám sát, hiếp dâm và các hành động tương tự. Tuy cho rằng phương cách "một lần kể lại để rồi thôi" là quá rộng lượng nhưng ANC không muốn tạo ra các thánh tử đạo

cho cánh cực hữu đang còn khá mạnh nếu tổ chức phiên tòa xử tội phạm chiến tranh theo kiểu Nuremberg.

Nhân loại từng lên án chế độ phân biệt chủng tộc Nam Phi, các cơ quan truyền thông quốc tế đã làm nhiều phim tài liệu về sự chịu đựng của người da đen tại Nam Phi nhưng không ai, kể cả Nelson Mandela có thể hình dung ra tội ác trầm trọng đến mức nào cho đến khi chính kẻ gây ra tội ác cung khai và nạn nhân chịu đựng kể lại. Vô cùng khủng khiếp. Những chiến dịch "giới hạn", "trung lập hóa", "loại khỏi xã hội" là tên gọi khác của việc chặt nhỏ thân thể nạn nhân hay đốt thành tro các xác chết. Cựu Tổng thống Pieter Willem Botha từ chối ra cung khai mặc dù Nelson Mandela hứa sẽ tháp tùng ông ta ra trước ủy ban. Tội ác không chỉ gây ra từ phía chính phủ da trắng mà cả ANC cũng là thủ phạm của những vụ tàn sát như đã từng xử tử một loạt 22 người vì tội phản bội. Chủ tịch ANC Thabo Mbeki phản bác những tội lỗi do ANC gây ra nhưng chính Mandela không đồng ý và cho rằng ANC cũng đã phải chịu trách nhiệm một phần. Sau hai năm lắng nghe trong nỗi đau nhức chung của đất nước, TRC hoàn thành nhiệm vụ, một tổng kết dày năm chương được công bố.

Dĩ nhiên Nelson Mandela không phải là thánh. Ông có nhiều khuyết điểm về cá nhân cũng như về các chính sách đối nội và đối ngoại trong nhiệm kỳ duy nhất làm tổng thống. Tổng thống Nelson Mandela không theo đuổi một chính sách đối ngoại phù hợp với quan điểm hòa bình, công lý như ông từng nhấn mạnh. Tình cảm "chống chủ nghĩa đế quốc" khi hoạt động trong ANC bên cạnh đảng Cộng Sản Nam Phi trong thập niên 1950, 1960 còn rất sâu đậm trong ý thức của Mandela. Ông thường lớn tiếng phê bình các yếu tố tiêu cực trong các xã hội dân chủ tây phương nhưng lại im lặng trước sự chà đạp nhân quyền

của những tên độc tài bị nhân loại rẻ khinh như Fidel Castro, Muammar Gaddafi, Saddam Hussein. Lý do vì những tên độc tài này tích cực ủng hộ ANC về mọi mặt trong khi các quốc gia dân chủ cũng lên án chủ nghĩa phân biệt chủng tộc nhưng lại không ủng hộ tranh đấu võ trang. Nelson Mandela đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc tại Nam Phi nhưng làm ngơ trước chính sách diệt chủng của Suharto tại Nam Dương đối với thiểu số Đông Timor. Thậm chí, kiểu áo Batik mà Mandela ưa thích và thường mặc trong các dịp lễ và các buổi tiếp tân quốc tế cũng do Suharto tặng. Trong thời gian Nelson Mandela làm tổng thống 11.7 phần trăm thanh niên Nam Phi bị mắc HIV/AIDS nhưng ông không có biện pháp nào hữu hiệu để ngăn chận mãi cho đến khi chính con trai ông ta chết vì bịnh AIDS năm 2005 ông mới nhiệt tình ủng hộ các chiến dịch ngăn ngừa AIDS.

Dù sao, với chỉ một nhiệm kỳ tổng thống trong đó dành phần lớn thời gian để hòa giải và ổn định đất nước thật khó có thể ưu tiên hóa mọi kế hoạch. Khi nhận chức tổng thống, Nelson Mandela thừa hưởng một đất nước phân cực đen trắng trầm trọng. Trong tổng số dân số 40 triệu, 23 triệu sống không có điện nước và hệ thống vệ sinh, 2 triệu trẻ em không có trường học và một phần ba dân số không biết chữ. Tỉ lệ thất nghiệp lên đến 33%. Năm 1994, chính phủ Mandela công bố chính sách y tế miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi và phụ nữ có thai. Vào năm 1999, ANC thông báo 3 triệu người đã có đường dây điện thoại, 1.5 triệu trẻ em có trường học, 500 bịnh viện được xây. Đạo luật cải cách ruộng đất 1994 cho phép người dân đòi lại quyền sở hữu đất đai bị tước đoạt dưới thời phân biệt chủng tộc. Từ ngay giai đoạn đầu của nhiệm kỳ tổng thống, Nelson Mandela đã chuẩn bị cho giai đoạn sau Mandela, một sự kiện hiếm thấy trong

chính trị Phi Châu. Mandela khẳng định dù dân chúng có đòi hỏi, ông cũng sẽ không tái cử.

Như bà Graça, hiện nay là vợ của Nelson Madela, kết luận dựa theo kinh nghiệm của bà tại Mozambique, không có Nelson Mandela, Nam Phi đã là một hỏa diệm sơn. Tổng thư ký Liên hiệp quốc Ban Ki-moon phát biểu "Nelson Mandela là biểu hiện sống của giá trị cao cả nhất của Liên hiệp quốc. Qua những năm trong tù ông đã duy trì được niềm tin kiên định vào công lý và bình đẳng. Sau khi được tự do, ông đã hòa giải trước hết với những người đã truy tố ông, và dẫn đường hướng đến một Nam Phi đa chủng, dân chủ". Đại hội đồng Liên hiệp quốc biểu quyết chọn ngày 18 tháng Bảy, sinh nhật ông làm Ngày Quốc Tế Nelson Mandela.

Giữa một xã hội đầy những hố sâu ngăn cách, mục tiêu hòa giải mà Mandela chủ trương và thành công như nhân loại biết hôm nay không phải là con đường tráng nhựa rộng thênh thang nhưng đã trải qua nhiều khó khăn, chướng ngại đến nỗi đã phải bị gián đoạn nhiều lần. Chữa một vết thương trên da thịt đã khó nói chi chữa lành một căn bịnh tinh thần thấm sâu vào trong máu hơn nửa thế kỷ, như trường hợp của Nelson Mandela, hẳn còn khó hơn nhiều. Nelson Mandela chịu đựng cả hai, thân thể và tinh thần, nhưng ông đã tự chữa lành bịnh của mình và dùng phương thuốc bao dung như hành trang lên đường chữa trị căn bịnh của đất nước ông. Tiến trình hòa giải đầy thử thách đó bắt đầu từ chính Nelson Mandela.

Người kêu gọi hòa giải trước hết phải hòa giải được với chính mình, nếu không, đó chỉ là khẩu hiệu tuyên truyền chính trị được dùng để lừa gạt người khác.

Nelson Mandela đã hòa giải được với một Nelson Mandela trong lòng chất chứa hận thù chủng tộc, với một

Nelson Mandela từng chủ trương khởi nghĩa võ trang như con đường duy nhất để xóa bỏ ách thống trị của thiểu số da trắng, với một Nelson Mandela 27 năm sống trong xà lim chật hẹp đầy bóng tối, với một Nelson Mandela đang bị vi trùng lao đục phá hai lá phổi, với một Nelson Mandela thân cộng sản, trước khi hòa giải cả đất nước Nam Phi.

Một đức tính của Mandela có lẽ sẽ mãi mãi gắn liền với lịch sử nhân loại là đức tính khoan dung. Khi còn trẻ Mandela là một thanh niên rất hiếu động đã từng là võ sĩ quyền Anh, luôn phát biểu với giọng sách động nhưng những suy nghiệm trong 27 năm tù đã làm ông thay đổi. Nelson Mandela là người sáng lập quốc gia Nam Phi dân chủ, giống như George Washington của Mỹ, Giuseppe Garibaldi của Ý hay Símon Bolívar của châu Mỹ La Tinh, nhưng khác họ, Nelson Mandela đạt đến dân chủ không bằng những cuộc chiến tranh đẫm máu.

Các cựu tù nhân khi nắm được quyền lực thường đi tìm những kẻ đã từng hại mình, Mandela cũng đi tìm nhưng khác ở điểm không phải để kể tội, trả thù mà để tha thứ.

Cuộc đời rất mong manh và ngắn ngũi, những ai đang sống hôm nay, dù quyền uy hay hèn yếu, dù giàu sang hay nghèo khó, rồi sẽ chết nhưng đất nước sẽ phải còn và mãi mãi còn cho các thế hệ mai sau. Nelson Mandela, vì thế, mãi mãi là ngọn hải đăng của lương tri nhân loại và tấm gương sáng cho lãnh đạo các quốc gia đang chìm đắm trong hận thù phân hóa để mưu cầu một nền hòa bình thịnh vượng lâu dài cho đất nước.

VIỆT NAM CỘNG HÒA, LỐI THOÁT CỦA HOÀNG SA VÀ DÂN TỘC

Sau 40 năm nếu tính từ thời gian hải quân Trung Cộng tấn chiếm Hoàng Sa và 56 năm kể từ khi Phạm Văn Đồng gởi công hàm cho Thủ tướng Trung Cộng Chu Ân Lai, lần đầu tiên lãnh đạo CSVN chính thức phủ nhận công hàm. Bao nhiêu lần lập đi lập lại câu thần chú *"Việt Nam có đầy đủ cơ sở pháp lý vững chắc về chủ quyền đối với Hoàng Sa"* nhưng giới lãnh đạo CSVN không hề nhắc đến công hàm, tưởng chừng như văn bản đó không phải là của họ. Thứ Sáu 23-5-2014, ông Trần Duy Hải, Phó Chủ nhiệm Ủy Ban Biên Giới Quốc Gia, trong cuộc họp báo với mục đích "làm rõ công thư của Thủ tướng Phạm Văn Đồng" đã đưa ra các lý luận để phản bác các quan điểm của Trung Cộng.

Điều kiện quốc tế dẫn tới công hàm Phạm Văn Đồng

Trước 1958, Trung Cộng không có một quan điểm rõ ràng nào về lãnh hải. Nhà văn Trung Quốc Wei Wen-han nghiên cứu về lãnh hải nhắc lại cho đến tháng Sáu 1957

Trung Cộng vẫn chưa có một xác định nào về hải phận và thềm lục địa thuộc về Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa. Tháng 12 năm 1957, Nam Dương tuyên bố mở rộng lãnh hải từ 3 hải lý theo truyền thống mà hầu hết các quốc gia áp dụng sang 12 hải lý và được tính từ điểm ngoài cùng của các đảo thuộc lãnh thổ Nam Dương. Vì Nam Dương là quốc gia quần đảo, nếu tính như vậy, một vùng biển rộng lớn của vùng Nam Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương đều thuộc quyền kiểm soát của Nam Dương. Anh, Hòa Lan và nhiều quốc gia khác cùng lên tiếng phản đối. Trung Cộng chụp lấy thời cơ binh vực Nam Dương và ngày 4 tháng 9 năm 1958 công bố riêng một Bản tuyên bố về lãnh hải của Trung Quốc (Declaration on China's Territorial Sea) với các điểm chính như mọi người đều biết: *"Bề rộng của lãnh hải Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa sẽ là 12 hải lý"* và *"áp dụng tương tự đối với Đài Loan và các đảo chung quanh, Quần đảo Bành Hồ (Penghu), Quần đảo Trung Sa (Tungsha), Quần đảo Tây Sa (Hsisha), Quần đảo Chungsha, Quần đảo Nansha (Nam Sa), và các đảo khác thuộc Trung Quốc"*.

Công tâm mà nói, bản tuyên bố của Trung Cộng trong thời điểm đó nhắm vào Mỹ đang bảo vệ các tàu hàng Đài Loan trong các vùng đảo Kim Môn, Mã Tổ, Bành Hồ hơn là các nước Đông Nam Á. Người soạn thảo bản tuyên bố của Trung Cộng áp dụng phương pháp tính lãnh hải của Nam Dương và có tầm nhìn Đại Hán nên đã đưa các đảo Tây Sa (Hsisha) tức Hoàng Sa và Nam Sa (Nansha) tức Trường Sa trong vùng biển Đông vào. Chính phủ Mỹ tức khắc bác bỏ bản tuyên bố của Trung Cộng và các chiến hạm Mỹ vẫn tiếp tục bảo vệ an ninh cho các tàu hàng Đài Loan trong vùng 3 hải lý của đảo Kim Môn, Bành Hồ chung quanh Đài Loan. Trung Cộng không dám bắn. Bộ quốc phòng Mỹ đã lên kế hoạch tấn công Trung Cộng bằng bom nguyên tử. Để giữ thể diện, Bành Đức Hoài tuyên bố ngưng bắn vào

Kim Môn nếu tàu chiến Mỹ ngưng bảo vệ tàu hàng Đài Loan. Mỹ chẳng những không đáp lại đòi hỏi của Trung Cộng mà còn gởi Ngoại trưởng Mỹ John Foster Dulles thăm Đài Loan để bàn kế hoạch phòng thủ Đài Loan lâu dài.

Hai lý do Trần Duy Hải dùng để bác bỏ công hàm Phạm Văn Đồng

Thứ nhất. Công hàm Phạm Văn Đồng *"hoàn toàn không đề cập đến vấn đề lãnh thổ và chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa"*.

Lý luận này không thuyết phục được ai. Không cần phải đứng về phía Trung Cộng mà chỉ một người có chút hiểu biết và dù đứng về phía Việt Nam cũng phản bác lại dễ dàng. Đưa ra lý do không đề cập đến Hoàng Sa, Trường Sa là một cách tự kết án mình. Bản tuyên bố của phía Trung Cộng ghi rõ Hoàng Sa và Trường Sa thuộc về Trung Cộng và Việt Nam đáp lại bằng cách *"ghi nhận và tán thành bản tuyên bố"*. CSVN có nhiều cách để lấy lòng đàn anh Trung Cộng mà vẫn giữ được chủ quyền đất nước. Chẳng hạn, Phạm Văn Đồng chỉ nhấn mạnh đến sự ủng hộ của đảng và nhà nước CSVN đối với các chính sách của Trung Cộng trong xung đột Đài Loan mà không nhắc nhở gì đến Hoàng Sa, Trường Sa và coi như không biết đến "Bản tuyên bố về lãnh hải của Trung Quốc". May ra còn có thể cãi cọ được. Tiếc thay, lãnh đạo đảng sợ viết như vậy chưa vừa lòng đàn anh và chưa tỏ bày hết lòng dạ trung kiên, kết cỏ ngậm vành của mình.

Không giống thái độ của các nước Mỹ, Anh, Hòa Lan, CSVN tự nguyện đưa cổ vào tròng. Không có một văn bản nào cho thấy Trung Cộng áp lực Việt Nam phải đồng ý với bản tuyên bố lãnh hải của Trung Cộng. Không có tài liệu nào cho thấy Trung Cộng đe dọa nếu CSVN không ủng hộ

sẽ đưa quân sang "dạy cho một bài học" hay cắt đứt viện trợ. Thời điểm năm 1958 vấn đề chủ quyền Hoàng Sa, Trường Sa chưa phải là mối bận tâm hàng đầu của Trung Cộng, tuy nhiên những người soạn thảo bản công bố chủ quyền biển của Trung Cộng đã biết phòng xa. CSVN thì không. Nếu sự kiện được trình lên toàn án quốc tế, không một quan tòa nào sơ đẳng đến mức đánh giá hai văn bản một cách độc lập với nhau.

Phân tích để thấy, lãnh đạo CSVN trong lúc phủ nhận giá trị của công hàm Phạm Văn Đồng trước dư luận quốc tế, cũng đồng thời thừa nhận trước nhân dân Việt Nam công hàm Phạm Văn Đồng là công hàm bán nước.

Lý do thứ hai cũng do Trần Duy Hải đưa ra *"Hoàng Sa và Trường Sa cũng phù hợp với thực tế lúc đó hai quần đảo này nằm dưới vĩ tuyến 17 thuộc quyền quản lý của Việt Nam Cộng hòa"*.

Trong hai lý do, chỉ có lý do Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) là có sức thuyết phục về mặt pháp lý cũng như gây được cảm tình của thế giới tự do. Tuyên cáo của chính phủ VNCH công bố ngày 14 tháng Hai năm 1974 xác định chủ quyền trên các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cũng như Bạch thư của Bộ Ngoại Giao VNCH đầu năm 1975 đanh thép bác bỏ giá trị pháp lý của công hàm Phạm Văn Đồng. Phạm Văn Đồng không thể công nhận những gì không thuộc lãnh thổ của Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. VNCH là một quốc gia có chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Hoàng Sa, Trường Sa thuộc về VNCH đã được quốc tế công nhận. Tuy nhiên, lý luận VNCH có gây được cảm tình nhân loại và có thể dùng để tranh luận trong bàn hội nghị cũng chưa thắng được bởi vì VNCH không còn là một thực thể chính trị.

Phản bác của nhà nghiên cứu Trung Quốc

Ngô Viễn Phú, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Pháp luật Việt Nam và từng du học tại Việt Nam đã bác bỏ các luận điểm của CSVN. Ngô Viễn Phú cho rằng *"Ở thời điểm đó, trên trường quốc tế, một số quốc gia có quan hệ tốt với miền Bắc, trong đó có Trung Quốc, đều thừa nhận miền Bắc là đại diện hợp pháp duy nhất cho Việt Nam; và phía Trung Quốc, vào ngày 18 tháng 1 năm 1950, thể theo đề nghị của chính quyền miền Bắc, đã thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức với miền Bắc, hai bên cùng cử đại sứ (tới Hà Nội và Bắc Kinh)."*

Đàn anh Cộng Sản Trung Quốc công nhận đàn em CSVN là chuyện đương nhiên và thể theo lời yêu cầu của CSVN chứ không phải của VNCH. Quan hệ ngoại giao giữa hai nước thay đổi theo từng thời kỳ. Singapore là một nước nhỏ nhưng mãi đến 1990 mới công nhận Trung Cộng. Liên Xô là một nước lớn nhưng Mỹ bắt chờ 16 năm sau cách mạng CS Nga mới công nhận Liên Xô. Thời điểm 1933 Nhật bắt đầu bành trướng ở phương Đông nên Mỹ cần làm dịu căng thẳng ở phương Tây, nếu không Tổng thống Franklin Roosevelt còn cô lập Liên Xô thêm nhiều năm nữa.

Việc *"Trung Quốc, đều thừa nhận miền Bắc là đại diện hợp pháp duy nhất cho Việt Nam"*cũng chỉ giá trị giữa miền Bắc CS và Trung Cộng không ảnh hưởng gì với quốc tế và không liên hệ gì đến nước thứ ba, trong trường hợp này là VNCH. Trung Cộng có quyền công nhận miền Bắc Cộng Sản và không công nhận VNCH về mặt ngoại giao nhưng vẫn phải thừa nhận VNCH là một quốc gia độc lập được quốc tế và các quốc gia tham dự hội nghị Geneva, trong đó có Trung Cộng tham dự và ký kết.

Trong khi phản bác Ngô Viễn Phú lại cũng dựa trên lý luận CSVN đã xâm lược VNCH và không có quyền "thừa kế" lãnh thổ của nước bị chiếm: *"Nếu theo quan điểm đã*

nhắc đến ở trên của các học giả Việt Nam thì, miền Bắc là "bên thứ ba ở ngoài không liên quan", như vậy, sẽ có nghĩa là thừa nhận địa vị hợp pháp của chính quyền miền Nam, và thế thì, những cái gọi là "bù nhìn" hay "chính quyền ngụy" chỉ là cách gọi càn, và việc "giải phóng miền Nam" của chính quyền miền Bắc chính là hành động xâm lược. Theo nguyên tắc của luật quốc tế, bên xâm lược không có quyền "kế thừa" lãnh thổ và tất cả các quyền lợi của bên bị xâm lược, thế thì, chính quyền Việt Nam hiện nay, vốn là kế tục của chính quyền miền Bắc trước đây, sẽ không có quyền lấy tư cách người kế thừa của chính quyền miền Nam để mà đưa yêu cầu về lãnh thổ đối với quần đảo Tây Sa và quần đảo Nam Sa."

Về mặt công pháp quốc tế cũng như cả lãnh đạo CSVN lẫn phe phản bác lý luận của CSVN đều công nhận rằng chủ nhân thật sự của Hoàng Sa vẫn là VNCH. Do đó, điều kiện tiên quyết, chọn lựa duy nhất và con đường thích hợp nhất không chỉ để giải quyết tranh chấp Hoàng Sa, Trường Sa với Trung Công mà mở đường cho tự do, dân chủ và thịnh vượng là tập trung vào công cuộc phục hưng VNCH.

Lối thoát VNCH

Đọc tới đây, một số độc giả có thể sẽ dừng lại vì cho người viết không tưởng, hư cấu hay chủ trương đi lại một vết xe đổ. Không. Phục hưng VNCH không phải là đi lùi vào quá khứ mà hướng tới tương lai, không phải lập lại mà thăng tiến cao hơn. VNCH không phải là vết nhăn trên trán của thế hệ cha chú đã qua mà là hành trang và ước vọng của tuổi trẻ ngày nay. Chủ nghĩa CS mới thật sự là lạc hậu và việc cáo chung của chủ nghĩa này chỉ là vấn đề thời gian. Thác nước Niagara không thể nào chảy ngược. Không phải người viết, phần đông độc giả mà ngay cả các lãnh đạo CSVN cũng không thể chối cãi sự thật đó. Chủ

nghĩa CS còn kéo dài ở Á Châu cho đến hôm nay là nhờ họ biết núp bóng sau tấm bình phong chống thực dân đế quốc. Tấm bình phong do họ dựng lên đang rã mục. Năm 1954 tại miền Bắc, nhiều người thật sự tin rằng đảng CS và dân tộc Việt Nam là một, như nước với sữa, như máu với thịt, hay như Hồ Chí Minh nói "đảng là con nòi của dân tộc". Năm 1975, khi đối diện với miền Nam từ lối sống đến phương tiện hoàn toàn khác với những gì bộ máy tuyên truyền CS đã thêu dệt nhiều người bắt đầu nhận ra đảng đã lợi dụng máu xương của những người ngã xuống vì khát vọng hòa bình, vì mơ ước đoàn viên, vì cơm no áo ấm chỉ để CS hóa toàn đất nước. Và hôm nay, 2014, đông đảo nhân dân Việt Nam đã hiểu rõ cơ chế độc tài là trở lực duy nhất trên con đường dẫn đến một Việt Nam tự do, dân chủ, văn minh. Cuộc cách mạng dân tộc dân chủ toàn diện và triệt để tại Việt Nam chỉ là vấn đề thời gian.

Và khi đó, thể chế nào khác sẽ thay thế chế độ CS nếu không phải là thể chế cộng hòa? Thực tế chính trị rất hiển nhiên đó đang là một khải hoàn ca tại hầu hết các quốc gia cựu Cộng Sản như Cộng hòa Czech, Cộng hòa Hungary, Cộng hòa Ba Lan, Cộng hòa Lithuania, Cộng hòa Estonia, Cộng hòa Mông Cổ v.v... Tiến trình dân chủ hóa diễn ra nhanh hay chậm tùy theo điều kiện của mỗi nước nhưng là hướng phát triển của văn minh nhân loại trong thời đại này.

Giá trị của VNCH

Trong suốt 60 năm từ 1954, bộ máy tuyên truyền của đảng đã không ngừng vẽ trong nhận thức của bao nhiêu thế hệ Việt Nam một VNCH chẳng khác gì một con ma, ghê sợ, hung dữ và tội lỗi nhất trong thế gian này. Suốt 60 năm qua, VNCH là hiện thân của thứ tội ác. Trong nhận thức không chỉ tuổi trẻ Việt Nam sinh sau 1975 mà ngay

cả các tầng lớp cán bộ, đảng viên, nhà văn, nhà thơ đều được dạy để biết VNCH có ba đặc điểm lớn là "tham nhũng", "trấn áp" và "ôm chân đế quốc Mỹ".

Trong tiểu luận *"Khám nghiệm một hồn ma"* trên Talawas 8 năm trước người viết đã có dịp phân tích thể chế cộng hòa tại miền Nam. Xin trích một phần bài viết đó ở đây để chia sẻ với các độc giả chưa đọc.

Miền Nam trước 1975 có tham nhũng không? Chẳng những có mà còn vô cùng trầm trọng.

Miền Nam có đàn áp biểu tình, đối lập không? Có, không chỉ đàn áp một lần mà nhiều lần, không chỉ một năm mà nhiều năm.

Miền Nam trước 1975 có sống bám vào viện trợ Mỹ không? Có, không chỉ 300 triệu dollars "viện trợ đặc biệt" như nhiều người hay nhắc mà nhiều tỉ đô la.

Vâng, tất cả điều đó đều có. Chế độ cộng hòa tại miền Nam Việt Nam ra đời và lớn lên trong một hoàn cảnh chiến tranh tàn khốc, trong đó các nguyên tắc dân chủ đã trở thành con dao hai lưỡi. Chính con dao dân chủ hai lưỡi đó đã đâm vào thân thể của chế độ cộng hòa hàng trăm vết thương đau đớn từ ngày mới ra đời cho đến gục xuống trong tức tưởi. Miền Nam có tất cả sắc thái của một xã hội dân chủ đang từng bước đi lên. Dân chủ không phải là lô độc đắc giúp một người trở nên giàu sang trong một sớm một chiều mà là quá trình tích lũy vốn liếng từ những chắt chiu của mẹ, tần tảo của cha, thăng trầm và thử thách của cả dân tộc.

Ngay cả những quốc gia tiên tiến như Pháp, Mỹ, Nam Hàn cũng phải bước qua con đường đầy máu nhuộm để có được nền dân chủ như hôm nay. VNCH cũng vậy. Miền Nam có đàn áp chính trị nhưng cũng có đấu tranh chính trị, có ông quan tham nhũng nhưng cũng có nhiều phong

trào chống tham nhũng hoạt động công khai, có ông tướng lạm quyền nhưng cũng có ông tướng trong sạch, có nghị gà nghị gật nhưng cũng có những chính khách, dân biểu, nghị sĩ đối lập chân chính. Như một viên ngọc nằm trong lòng lớp rong rêu của vỏ con trai, trên tất cả, giá trị đích thực của VNCH không nằm trong tham nhũng, trấn áp và đồng đô la Mỹ mà nằm trong Hiến pháp VNCH đặt nền tảng trên một thể chế dân chủ do dân và vì dân.

Lời mở đầu của Hiến pháp 1967 do chủ tịch Quốc hội Lập hiến Phan Khắc Sửu ký ngày 18 tháng 3 năm 1967, xác định Việt Nam là một chế độ cộng hòa *"Dân chủ độc lập, thống nhất, lãnh thổ bất khả phân, chủ quyền thuộc về toàn dân" phát xuất từ "Ý thức rằng sau bao năm ngoại thuộc, kế đến lãnh thổ qua phân, độc tài và chiến tranh, dân tộc Việt Nam phải lãnh lấy sứ mạng lịch sử, tiếp nối ý chí tự cường, đồng thời đón nhận những tư tưởng tiến bộ để thiết lập một chánh thể cộng hòa của dân, do dân và vì dân, nhằm mục đích đoàn kết dân tộc, thống nhất lãnh thổ, bảo đảm Độc lập Tự do Dân chủ trong công bằng, bác ái cho các thế hệ hiện tại và mai sau."*

Ngoài phần mở đầu hùng hồn nêu trên, chuyên chở trong suốt 9 chương và 117 điều của Hiến pháp 1967 là nền tảng của chế độ cộng hòa, qua đó, quyền lãnh đạo đất nước như chỉ rõ trong điều 3, được phân quyền rõ rệt: "Ba cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp phải được phân nhiệm và phân quyền rõ rệt. Sự hoạt động của ba cơ quan công quyền phải được phối hợp và điều hòa để thực hiện trật tự xã hội và thịnh vượng chung trên căn bản Tự do, Dân chủ và Công bằng xã hội".

Phục hưng VNCH không có nghĩa là phục hưng chính quyền miền Nam. Chính thể không đồng nghĩa với một chính quyền và do đó không sống hay chết theo một chính quyền. Giá trị của VNCH được xây bằng xương máu

của bao nhiêu người và ngày nay đã vượt qua khỏi vĩ tuyến 17 để trở thành ước vọng chung cho cả dân tộc. Sau 39 năm, VNCH như một mạch nước chảy ngầm trong rặng núi, đau đớn, vất vả, khó khăn nhưng không bao giờ ngừng chảy. Nếu ai cho tôi khoác lác hãy gác qua bên mặc cảm Bắc Nam, định kiến xã hội, khuynh hướng chính trị, đảng phái, tôn giáo, tả khuynh, hữu khuynh, thù hận riêng tư và thậm chí che luôn bốn chữ Việt Nam Cộng hòa trên trang đầu của Hiến pháp VNCH mà chỉ đọc một cách nghiêm chỉnh nội dung thôi, tôi tin người đọc dù Nam hay Bắc, dù trong hay ngoài nước, sẽ công nhận đó chính là mục tiêu mà dân tộc Việt Nam cần phải đạt đến. Công nhận các giá trị được đề ra trong hiến pháp VNCH không có nghĩa là đầu hàng, chiêu hồi. Không. Không ai có quyền chiêu hồi ai hay kêu gọi ai đầu hàng. Đây là cuộc chiến mới, cuộc chiến giữa dân tộc và phản dân tộc, giữa cộng hòa và cộng sản, giữa tự do và độc tài, giữa nhân bản và toàn trị. Mỗi người Việt sẽ chọn một chỗ đứng cho chính mình phù hợp với quyền lợi bản thân, gia đình, con cháu và sự sống còn của dân tộc.

Hiến pháp VNCH có thể chưa hoàn chỉnh nhưng là một văn kiện tham khảo cần thiết để kiến tạo một Việt Nam dân chủ cường thịnh. Hạt giống do Phan Chu Trinh, Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long, Phan Văn Trường, Nguyễn An Ninh và rất nhiều nhà cách mạng miền Nam khác gieo xuống hàng thế kỷ trước đã mọc và lớn lên trong mưa bão. Hạt giống dân chủ khơi mầm tại miền Nam cũng không chỉ bắt đầu sau khi đất nước bị chia đôi 1954 mà đã có từ hàng trăm năm trước.

Lợi dụng chính sách Nam kỳ tự trị của thực dân, các nhà cách mạng tại miền Nam có cơ hội học hỏi và áp dụng phương pháp đấu tranh nghị trường, tiếp cận các tư tưởng dân chủ Tây phương, mở mang dân trí làm nền

tảng cho chế độ cộng hòa sau này. Đó không phải là sản phẩm của Tây hay Mỹ mà là vốn quý của dân tộc đã được đổi bằng máu, mồ hôi, nước mắt của nhiều người. Đó không phải là tài sản của riêng miền Nam mà của tất cả những người Việt cùng ôm ấp một ước mơ dân chủ. Những ai biết gạt bỏ định kiến Bắc Nam, tháo gỡ lớp màn "căm thù Mỹ Ngụy" ra khỏi nhận thức, sẽ thấy đó chính là hành trang cần thiết cho nỗ lực mưu cầu một xã hội công bằng và tốt đẹp hơn cho các thế hệ mai sau. Không cần phải tìm giải pháp từ Miến Điện, Nam Phi, Ai Cập, Libya hay tìm chân lý ở Anh, ở Mỹ mà ngay ở đây, giữa lòng đất nước Việt Nam.

Phục hưng VNCH không có nghĩa là phủ nhận công lao của những người đã hy sinh trong chiến tranh chống thực dân Pháp. Như kẻ viết bài này đã nhấn mạnh nhiều lần, cuộc chiến chống thực dân Pháp là cuộc chiến chính nghĩa. Đó là cuộc đấu tranh đầy gian khổ nhưng rất anh hùng của một dân tộc bị nô lệ đã đứng lên chống lại một thực dân tàn bạo. Việc tham gia vào đảng phái, kể cả việc tham gia vào đảng Cộng sản của một số người Việt Nam trong thời kỳ chống Pháp, chủ yếu là để được tổ chức hóa nhằm mục đích hợp đồng chiến đấu, đạt đến chiến thắng dễ dàng hơn. Những người Việt yêu nước thời đó chọn lựa đảng phái như chọn một chiếc phao để đưa dân tộc sang bờ độc lập nhưng đối với đảng CS chiếc phao lại chính là dân tộc.

Nhiều người yêu nước chọn tham gia vào đảng CS nhưng bản thân đảng CS như một tổ chức chính trị dựa trên ý thức hệ CS chưa bao giờ là một đảng yêu nước. Những nông dân hiền hòa chất phác, những công nhân đầu tắt mặt tối làm sao biết được con đường họ đi không dẫn đến độc lập, tự do, hạnh phúc mà dẫn đến nghèo nàn, lạc hậu, độc tài và làm sao biết được chiếc phao họ bám

cũng là chiếc bẫy buộc chặt chẳng những cuộc đời họ mà còn gây hệ lụy cho cả dân tộc đến ngày nay. Dù sao, người yêu nước bằng tình yêu trong sáng, không đánh thuê, đánh mướn cho một chủ nghĩa, một ý thức hệ ngoại lai vong bản hay cho một quyền lợi đế quốc nào sẽ không bao giờ chết, không bao giờ bị lãng quên. Lịch sử sẽ đánh giá, tổ quốc sẽ ghi công họ một cách công bằng.

Phục hưng VNCH không có nghĩa là tái thực thi hiệp định Paris. Dân tộc Việt Nam là một thực thể thống nhất và tất cả các hòa ước Patenôtre, hiệp định Geneva hay hiệp định Paris đều là những chiếc còng của thực dân và đế quốc áp đặt lên đầu lên cổ dân tộc Việt Nam trong giai đoạn Việt Nam yếu kém và phân hóa. Trước 1975, trong đáy lòng của bất cứ một người Việt yêu nước nào cũng mong một ngày dân tộc Việt Nam từ Ải Nam Quan đến Mũi Cà Mau sẽ được đoàn viên trong tự do, dân chủ và thịnh vượng. Tuy nhiên, ngoài trừ lãnh đạo CSVN chủ trương CS hóa toàn cõi Việt Nam bằng súng đạn của Nga, Tàu, không ai muốn đoàn viên phải trả bằng giá của nhiều triệu sinh mạng người dân vô tội, đốt cháy một phần đất nước, để lại một gia tài nghèo nàn lạc hậu cho con cháu. Hôm nay, dù không tự mình chọn lựa, dân tộc Việt Nam cũng đã là một và không có một thế lực nào làm Việt Nam phân ly lần nữa.

Lịch sử Việt Nam như một dòng sông, có khi cuồn cuộn lúc âm thầm, có chỗ sâu chỗ cạn nhưng chưa bao giờ ngưng chảy. Đó là sự thật. Khoảng thời gian từ khi Mã Viện, danh tướng nhà Đông Hán, đánh bại Hai Bà Trưng (năm 43) đến khi Lý Nam Đế đánh bại quân Lương Vũ Đế và dựng nước Vạn Xuân (năm 543) là tròn 500 năm. Biết bao nhiêu lớp người đã sinh ra và chết đi trong suốt 5 thế kỷ sống trong bóng tối nô lệ nhưng sức sống Việt Nam vẫn tồn tại và lớn lên. Việt Nam là một trong số rất ít quốc

gia trên thế giới trong đó người dân gọi nhau bằng hai tiếng đồng bào thân thương và trìu mến. Đối mặt với một kẻ thù đông hơn nhiều và mạnh hơn nhiều, chưa bao giờ sức mạnh tổng hợp của 90 triệu người Việt trong nước và 3 triệu người Việt ở hải ngoại cần thiết như hôm nay. Đảng CS có 3 triệu đảng viên nhưng đa số trong số 3 triệu người này trong thực tế cũng chỉ là nạn nhân của một tập đoàn lãnh đạo đảng tham quyền và bán nước. Chỉ có sức mạnh toàn dân tộc phát triển trên cơ chế dân chủ tự do mới mong thắng được Trung Cộng và mọi kẻ thù có âm mưu xâm lược Việt Nam. Tổ tiên Việt Nam đã làm được rồi các thế hệ Việt Nam ngày nay cũng sẽ làm được.

Người viết biết rằng, đối với một số người Việt đã bị bộ máy tuyên truyền đầu độc quá lâu và các bạn trẻ bị nhào nặn hoàn toàn trong hệ thống giáo dục một chiều CS, để có một nhận thức đúng về lịch sử là một quá trình đấu tranh tư tưởng khó khăn.

Nếu vậy, tạm gác qua chuyện thế kỷ trước mà hãy nhìn thẳng vào thực tế đất nước sau 39 năm vẫn là một nước lạc hậu về mọi mặt từ kinh tế, chính trị, quốc phòng và đời sống. Việt Nam còn thua xa những nước ở châu Phi như Ghana, Sierra Leone, Namibia vì những quốc gia đó còn nghèo nhưng hãnh diện vì chính phủ họ do nhân dân họ bầu lên. Nếu vậy, tạm gác qua chuyện thế kỷ trước mà hãy nhìn vào cách giải quyết tranh chấp Hoàng Sa, Trường Sa với Trung Cộng của lãnh đạo CSVN. Ngoài những lời phản đối đọc như kinh nhật tụng họ không có và cũng không thể có một chọn lựa dứt khoát nào chỉ vì quyền lợi trước mắt của một nhóm người lãnh đạo được đặt lên trên quyền lợi lâu dài của đất nước. Như người viết đã trình bày trong bài trước, rồi mai đây, sau trận đánh ghen HD-981, lãnh đạo CSVN lại lên đường sang Bắc Kinh triều cống, lại 16 chữ vàng, lại ca ngợi tình đồng chí,

nghĩa anh em thắm thiết. Cơn hờn giận giữa hai đảng CS theo thời gian có thể sẽ nguôi ngoai nhưng trên các vùng biên giới, trong lòng biển Việt Nam, máu của ngư dân Việt Nam, của người lính biển Việt Nam sẽ không ngừng chảy. Thảm trạng xã hội Việt Nam hôm nay, những lạc hậu kinh tế hôm nay, những yếu kém về quốc phòng hôm nay, những cô đơn trong bang giao quốc tế hôm nay là những câu trả lời cho những ai còn do dự, còn một chút tin tưởng nào đó ở lãnh đạo đảng CSVN.

Sau hải chiến Hoàng Sa đầy hy sinh xương máu, VNCH lần nữa lại được lịch sử giao trọng trách đòi lại Hoàng Sa, Trường Sa trong tay Trung Cộng. Cuộc tranh đấu mới sẽ khó khăn nhưng là con đường đúng nhất của dân tộc trong cùng hướng phát triển của nhân loại. Giống như hầu hết các nước cựu CS ở Đông Âu và khối Liên Xô, thể chế Cộng Hòa là chọn lựa đương nhiên và dứt khoát. Các quốc gia sẽ bình đẳng trước công pháp quốc tế. Những khẩu hiệu tuyên truyền rất sến như "16 chữ vàng", "hữu nghị Việt Trung" sẽ bị chôn sâu theo xác của ý thức hệ CS. Dân tộc Việt Nam sẽ vượt qua những khó khăn để phát triển thành một quốc gia hiện đại về cả kinh tế lẫn quốc phòng. Các nhà lãnh đạo VNCH trong cuộc đấu tranh mới trên mặt trận ngoại giao sẽ hành xử xứng đáng với tư cách của một cấp lãnh đạo chính danh, thay mặt cho một nước VNCH thống nhất, dân chủ, độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và chắc chắn sẽ được sự ủng hộ của đại đa số con người yêu chuộng tự do, hòa bình trên thế giới. Giành lại Hoàng Sa và bảo vệ Trường Sa là một cuộc tranh đấu gian nan, gai góc, bị chi phối bởi nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, nhưng chính nghĩa và chân lý cuối cùng sẽ thắng.

CHÍNH SÁCH TẨY NÃO CỦA CS

KHI TIẾNG KHÓC CHÍNH LÀ LỜI TỐ CÁO

Dù dưới một quan điểm tôn giáo nào, sự có mặt của con người trên thế giới này chỉ diễn ra trong một khoảng thời gian rất ngắn. Với tác giả bài viết này và có lẽ với nhiều độc giả, tiếng sóng vỗ vào thành ghe trong một đêm dông bão như vẫn còn vang vọng đâu đây nhưng đã hơn 30 năm rồi. Một triết gia đã viết, mỗi bước chân ta đi trong ngày là một bước gần hơn đến với ngôi mộ của mình.

Con người sinh ra đều trơ trụi giống nhau nhưng cuộc đời và cách chết đã làm họ khác nhau. Có những người chết đi để lại nhiều lợi lạc cho hậu thế, một cách sống đạo đức cho con cháu noi gương, nhưng cũng có những kẻ chết đi, dù được che đậy dưới lớp hào quang giả tạo rực rỡ dường nào hay bức tường thành thông tin bưng bít dày đến bao nhiêu, tội ác của họ cũng có một ngày được phanh phui để lộ nguyên hình những ác nhân thời đại. Con khủng long chết 65 triệu năm trước vẫn được tìm ra, nói chi là con người. Lịch sử là lương tri và từ sơ khai đến

hiện đại lịch sử luôn phán xét công bằng, cho đến nay chưa ai tránh thoát.

Một buổi sáng tháng Chín 1997, trên đường phố Calcutta, hàng triệu dân Ấn đứng dọc hai bên đường để tiễn đưa một nữ tu đã dâng hiến gần trọn đời mình cho lớp người cùng khổ. Con đường đó, từ 1929, nữ tu gốc Albany thuộc dòng Loreto Sisters đặt chân đến lần đầu khi mới 19 tuổi. Vỉa hè Calcutta là nơi nữ tu thường đến để ngồi an ủi những người đang chết. Không có ngay cả một viên thuốc, nữ tu chỉ biết cầm lấy bàn tay đầy máu mủ của bịnh nhân và xua đuổi đi bầy kiến đang bám lên vết thương đau nhức. Nhiều bịnh nhân đã đáp lại bằng cách mỉm cười thay cho lời cám ơn trước khi hắt ra hơi thở cuối cùng. Và những khu nhà ổ chuột Calcutta này là nơi chiều chiều nữ tu một tay cầm một chiếc khăn và tay kia cầm một cục xà phòng đến tắm cho trẻ em nghèo trong xóm. Nhiều năm sau, chính đám trẻ này là những người đầu tiên gọi nữ tu là mẹ. Mẹ Teresa như nhân loại biết hôm nay.

Ngày 5 tháng 9 năm 1997 mẹ không đến nữa vì hôm đó là ngày mẹ ra đi. Quan tài Mẹ Teresa được phủ quốc kỳ Ấn Độ thay vì Albania, nơi mẹ chưa một lần trở lại. Ngày đi, mẹ vẫn mặc chiếc áo vải trắng viền xanh Sari trị giá 1 rupee mẹ tự sắm cho mình sau khi chính thức rời khỏi dòng tu Loreto Sisters. Đoạn đường từ quảng trường Netaji, nơi tổ chức thánh lễ, đến Căn Nhà Của Mẹ, nơi mẹ sẽ yên nghỉ, chìm trong không khí tôn nghiêm trang trọng. Những em bé Ấn Độ tay cầm những bông hoa nhỏ vẫy chào. Tất cả đều cúi đầu khi quan tài do một chiếc xe kéo súng quân đội kéo ngang qua. Chính phủ Ấn dành cho mẹ một vinh dự đặc biệt vì chính chiếc xe kéo pháo cũ kỹ này đã kéo quan tài của Thánh Mahatma Gandhi ra nghĩa trang 1948.

Nhân loại tiếc thương mẹ, nhân dân Ấn Độ biết ơn mẹ, và chính những người cùng khổ ở Calcutta đang sắp hàng hai bên đường cám ơn mẹ, nhưng ngoài tiếng máy xe kéo pháo nhịp đều, không có một sự ồn ào nào khác. Trên xe, những nữ tu và người lính ngồi im lặng. Không ai khóc lớn, không ai than van, không ai lăn lộn, không ai kể lể. Niềm thương tiếc chân thành thánh thiện đã cô đọng thành ngọc bích và lắng sâu xuống tận đáy lòng. Sự ra đi của Mẹ Teresa và nhiều bậc vĩ nhân khác đơn giản như họ một lần đã ghé thăm hành tinh chúng ta.

Bên kia những cuộc chia tay đầy ắp tình nhân loại như thế là những cái chết của các lãnh tụ Cộng Sản đã diễn ra như những vở kịch được biên tập tất cả đặc tính bi, hài, tò mò, chân thành, giả dối đến tận cùng.

Trước tang lễ có một không hai của Kim Nhật Thành, tang lễ Stalin được xem như một tang lễ đáng ghi nhớ nhất trong lịch sử tang lễ các lãnh tụ Cộng Sản. Ngày 9 tháng 3 1953, hàng triệu người tập hợp tại Hồng trường để chào vĩnh biệt "đại nguyên soái" Joseph Stalin của họ. Theo chi tiết ghi lại trong trang web của báo Pravada, cũng như theo mô tả của Brenda Haugen trong tác phẩm *Joselp Stalin: Dictator of the Soviet Union*, khoảng 500 người chết chỉ vì chen lấn nhau để đến gần khán đài. Tại Việt Nam vì xa xôi cách trở không tham dự được nhưng cũng "làng trên xóm dưới xôn xao" khi nghe tin "Ông mất" và ít ra cũng có Tố Hữu đã khóc đến mức "xé ruột, xé lòng" trong bài thơ *Đời đời nhớ ông* bất hủ. Cảnh khóc than thê thảm tương tự đã diễn ra tại Thiên An Môn 1976, Hà Nội 1969 với những cô công nhân mặt sưng húp vì mấy ngày đêm khóc không còn nước mắt. Nếu những tên đồ tể Nicolae Ceausescu không bị xử bắn, Pol Pot không chết trong rừng, Erich Honecker không chết trong lưu đày, tang lễ của họ hẳn cũng ngập đầy nước mắt.

Và mới đây, các cơ quan truyền hình trên thế giới đồng loạt đưa tin về cái chết đột ngột của lãnh tụ Bắc Hàn Kim Chính Nhật và lồng trong các bản tin là cảnh hàng trăm ngàn người dân Bắc Hàn, từ cụ già đến em bé, từ thiếu nữ đến thanh niên đều khóc thê thảm, khó lăn lộn, khóc đến ngất xỉu. Theo tin chính thức của Bắc Hàn, đã có năm triệu người, tức hơn hai mươi phần trăm dân số, bằng nhiều cách bày tỏ lòng thương tiếc dành cho lãnh tụ kính yêu Kim Chính Nhật. Các cơ quan truyền thông quốc tế dành nhiều thời gian để tìm hiểu về hiện tượng khóc rất lạ đời này. Son Jeong Hun, trước đây vượt thoát từ Bắc Hàn cho biết *"Nếu bạn không khóc một cách công khai, bạn bị xem là có thái độ sỉ nhục lãnh tụ và có thể bị kết án chống lại nhà nước."*

Tuy nhiên, trong lúc rất nhiều người phải khóc, khóc không ra nước mắt, cũng có rất nhiều người đã khóc một cách chân thành chỉ vì các vi trùng tôn thờ cá nhân ăn sâu vào nhận thức và họ đã bị hoàn toàn tẩy não.

Tại Bắc Hàn, mỗi gia đình đều có một bức ảnh của Kim Nhật Thành và Kim Chính Nhật. Ban kiểm tra hình lãnh tụ theo định kỳ đến khám xét từng nhà. Gia chủ sẽ bị phạt nếu hình của cha con họ Kim không được lau chùi đúng tiêu chuẩn. Bịnh tôn thờ lãnh tụ tại Bắc Hàn trầm trọng đến nỗi người dân có thể chết chỉ để bảo vệ bức ảnh của "cha già dân tộc". Theo hồ sơ tội ác của Kim Nhật Thành và Kim Chính Nhật do giáo sư Grace M. Kang chuẩn bị để truy tố trước tòa án quốc tế, ngày 4 tháng Sáu 1997 một chiếc ghe đánh cá bị sóng đánh chìm, thủy thủ trên ghe đã buộc chân dung của Kim Nhật Thành và Kim Chính Nhật vào phao cấp cứu để hai bức ảnh khỏi chìm trong lúc các thủy thủ đã chết đuối. Khi hai bức ảnh được hải quân Bắc Hàn tìm được, những thủy thủ bị chết đuối được tặng danh hiệu Anh Hùng Cộng Hòa. Ngoài ra, tạp chí *Time*

cũng đã tường thuật một trường hợp hỏa hoạn ở Bắc Hàn, chủ nhà đã lo cứu bức ảnh trước khi cứu con mình. Tháng 4/2003, theo tạp chí Economist, một chiếc xe lửa ở Bắc Hàn không may chạy trật đường rầy và đụng vào một toà nhà lớn, cả xe lửa lẫn toà nhà đều bốc cháy, hàng trăm khách trong xe, người trong toà nhà vừa chết vừa bị thương. Thế nhưng khi những người dân Bắc Hàn tới cứu, họ đã cố tìm cách dập tắt ngọn lửa đang đốt cháy tấm chân dung lớn của Kim Chính Nhật treo trên toà nhà trước khi cứu chữa những người bị thương đang sắp chết cháy trong nhà.

Người dân Bắc Hàn không có cùng một ý niệm về không gian và thời gian như phần còn lại của nhân loại. Ngày tháng và nơi chốn đã bị đổi thay sau khi Kim Nhật Thành xóa bỏ niên lịch AD và thay vào đó bằng lịch Juche, lấy năm sinh của ông ta làm chuẩn. Ví dụ, năm 2000 là năm cuối cùng của thiên niên kỷ đối với phần lớn thế giới nhưng tại Bắc Hàn chỉ mới là năm Juche 99. Trong một bài bình luận của Rodong Sinmun, cơ quan thông tin chính thức của Đảng Công nhân Triều Tiên phát hành ngày 31 tháng 8 năm 1997, viết về Kim Chính Nhật: *"Nhân dân Triều Tiên tuyệt đối tôn kính, tin tưởng và theo chân Tướng Quân như Thượng Đế. Tư tưởng quý giá này căn cứ vào sự kiện rằng họ đã cảm nhận một cách sâu sắc sự vĩ đại của Tướng Quân từ đáy lòng họ. Tướng Quân là thầy giáo vĩ đại dạy nhân dân Triều Tiên ý nghĩa thật sự của cuộc sống, là người cha đã ban cho họ đức tính liêm khiết chính trị quý giá và là một ân nhân có trái tim nồng ấm dịu dàng, đã mang đến cho nhân dân Triều Tiên niềm hạnh phúc trọn vẹn... Tướng Quân là cây trụ tinh thần và là vầng thái dương vĩnh cửu của nhân dân Triều Tiên".*

Một số nhà phân tích tâm lý cho rằng, vấn đề không phải người dân Bắc Hàn khóc thật hay khóc giả nhưng chỉ

việc khóc một cách tự nhiên và công khai trước ống kính truyền hình đã cho thấy khả năng của chế độ kiểm soát hành vi của người dân chặt chẽ đến chừng nào.

Bộ máy tuyên truyền của đảng Cộng Sản Bắc Hàn đã biến toàn xã hội thành một đại gia đình trong đó Kim Nhật Thành là ông nội, Kim Chính Nhật là cha già, và Kim Chính Ân (Kim Jong Un) đang là đích tôn gia trưởng. Các bức hình trẻ em vui mừng ngồi trên đùi Kim Nhật Thành hay những cặp vợ chồng mới cưới thay vì đến nhà thờ hay chùa, đã đến trước tượng Kim Nhật Thành làm lễ ra mắt tổ tiên cho thấy mối quan hệ giữa quần chúng và lãnh tụ đã vượt qua mối quan hệ chính trị bình thường để trở thành mối giây thiêng liêng bền bỉ rất thích hợp với văn hóa Á Đông.

Trong lúc, theo Katharina Zellweger, giám đốc cơ quan thiện nguyện Thụy Sĩ có văn phòng tại Nhưỡng Quang, mỗi người dân Bắc Hàn chỉ được cấp tiêu chuẩn thực phẩm 150 gram mỗi ngày và rất đông người quá đói phải ra đồng đào rễ, cắt cỏ và hái lá để ăn, gia đình Kim Chính Nhật sống như một đế vương. Theo hồi ký *"Tôi từng là đầu bếp của Kim Chính Nhật"* (I Was Kim Jong Il's Cook) của đầu bếp Nhật Bản từng phục vụ Kim Chính Nhật và ký dưới tên Kenji Fujimoto, món ăn khoái khẩu của họ Kim là sushi với tôm tươi. Các thức ăn phục vụ Kim được chọn lựa theo đặc sản của mỗi nước như thịt heo Đan Mạch, đồ biển Nhật, bia Tiệp Khắc, chuối Thái Lan, đu đủ Mã Lai… Kim Chính Nhật nghiện rượu vang. Hầm rượu của y có khoảng 10,000 chai. Theo hồ sơ của BBC trong thượng đỉnh năm 2000 tiếp cựu Tổng thống Nam Hàn Kim Đại Trọng, Kim Chính Nhật đã uống 10 ly rượu vang. Phòng phim của Kim Chính Nhật chứa khoảng 20,000 phim, trong đó Rambo và Jame Bond là những bộ phim y thích nhất. Gia đình họ Kim không thiếu một món giải trí nào từ

sân bóng rổ đúng tiêu chuẩn NBA, xe gắn máy trượt tuyết, giàn karaoke… Cũng theo lời kể của đầu bếp Kenji Fujimoto, Kim Chính Nhật nuôi chó đầy đủ hơn nuôi dân. Trong nạn đói, những nhân viên coi chó cho y đã phải ăn trộm thức ăn của chó để ăn. Bị bắt được, toán trưởng bị đày hai năm trong trại tập trung và các đội viên mỗi người bị đày một năm.

Nhân dân Bắc Hàn không biết đời sống xa hoa và tánh tình bịnh hoạn của Kim Chính Nhật. Với đa số người dân Bắc Hàn, Kim Chính Nhật từ khi còn sống cho đến lúc qua đời là thần thoại diệu kỳ. Cơ quan truyền hình chính thức của Bắc Hàn KCNA cho biết trước giờ họ Kim chết, đỉnh núi thánh Bạch Đầu Sơn (Paektu) được bao phủ bằng một ánh sáng màu đỏ rực đầy huyền bí. Cũng theo KCNA, không chỉ nhân dân Triều Tiên hay loài người mà cả trời đất cũng tiếc thương trước cái chết của lãnh tụ kính yêu. Nói theo kiểu Tố Hữu của Việt Nam là "Đời tuôn nước mắt, trời tuôn mưa". Mobutu Sese Seko trước đây được là người có những danh xưng rất độc đáo như "Nhà cứu rỗi dân tộc", "Cha già dân tộc" v.v… nhưng so với cha con họ Kim, Mobutu chỉ đáng là học trò. Tại Bắc Hàn, Kim Chính Nhật ngoài các danh dự được gọi hàng ngày như "Lãnh tụ kính yêu", "Đồng chí vĩ đại", "Tư lịnh tối cao" v.v… còn được gọi trong tiểu sử chính thức là "Con trời", "Ngôi sao sáng của đỉnh Bạch Đầu Sơn".

Với các bằng chứng tẩy não tinh vi như vậy, việc dân Bắc Hàn khóc thật cũng chẳng phải là chuyện lạ.

Nhân dịp bàn chuyện khóc lóc của người dân Bắc Hàn, thử phân tích một số lý do tại sao chế độ Cộng Sản có thể tồn tại lâu dài hơn nhiều chế độ độc tài khác trong lịch sử nhân loại thời hiện đại. Một số lý do trực tiếp liên hệ đến Bắc Hàn trong khi một số lý do khác là lý do tổng quát chung cho cả phong trào Cộng Sản.

Lý do thứ nhất là bộ máy kiểm soát chính trị và xã hội. Đảng Cộng Sản kiểm soát chặt chẽ toàn bộ cơ cấu xã hội một cách tinh vi, từ các đơn vị nhỏ đến các ban ngành lớn. Cơ quan tuyên truyền trung ương đảng kiểm soát từng chi tiết các sinh hoạt tri thức, thông tin, truyền thanh, truyền hình, báo chí. Hệ thống kiểm duyệt trong chế độ Cộng Sản không chỉ ở trung ương mà theo nhiều tầng lớp. Ngay cả khi tác giả viết bài cũng đã thực thi tự kiểm duyệt vì họ biết những gì nên viết và những gì không được viết trước khi nạp bản thảo cho cơ quan kiểm duyệt nhà nước. Bức tường bưng bít thông tin dày nhiều lớp như thế đã che đậy tội ác ngập trời của các lãnh tụ Cộng Sản. Giáo sư Brian Reynolds Myers giảng dạy môn nghiên cứu quốc tế tại đại học Dongseo – Dongseo University in Busan, South Korea – cho biết ngoài một rất ít lén lút mua được vài bộ phim Nam Hàn, máy truyền hình Trung Cộng, tuyệt đại đa số sản phẩm văn hóa nghệ thuật là sản phẩm của tuyên truyền. Các tác phẩm phim ảnh được duyệt nhiều lần để bảo đảm khi đến người dân không có một tình tiết nào đi ngược với đường lối của Đảng.

Lý do thứ hai vì họ chỉ giết chính nhân dân nước họ. Không giống chế độ độc tài Đức Quốc Xã tàn sát dân Do Thái, lãnh đạo Cộng sản các nước thường giết chính đồng bào cùng máu mủ, cùng tổ tiên, cùng đất nước với họ. Ngay từ sau 1975, dư luận thế giới đã biết đến tội ác của chế độ Pol Pot. Tạp chí *Time* còn đăng cả bức hình một tội nhân đang bị đánh vào đầu bằng cuốc. Tuy nhiên, ngoài Việt Nam tấn công chế độ bằng một lý do riêng vào tháng Giêng 1978, không một quốc gia nào, kể cả Liên Hiệp Quốc, có hành động cụ thể để ngăn chặn tội ác của Pol Pot. Khi một chế độ có toàn quyền sinh sát với nhân dân, họ cũng có điều kiện để tồn tại lâu dài. Giống như Pol Pot, cha con Kim Nhật Thành và Kim Chính Nhật đã can tội diệt chủng và chống lại nhân loại. Theo ước lượng của

báo chí ít nhất một triệu người đã chết trong các trại tù Bắc Hàn từ ngày đình chiến đến nay. Bộ Ngoại Giao Mỹ cho biết khoảng 150 ngàn đến 200 ngàn người vẫn còn đang bị ở tù. Ngoài ra, khoảng 2.5 triệu người dân Bắc Hàn đã chết trong các nạn đói từ 1994

Lý do thứ ba, cũng khác với các lãnh tụ Đức Quốc Xã thường bị truy tố ngay sau chiến tranh, tội ác của các lãnh tụ Cộng sản còn được che giấu một cách tinh vi, có hệ thống dưới các nhãn hiệu vô cùng tốt đẹp như "độc lập, tự do, hạnh phúc". Vai trò của Kim Nhật Thành trong chiến tranh chống Phát Xít Nhật, Hồ Chí Minh trong chiến tranh chống Pháp, Fidel Castro trong chiến tranh chống độc tài Batista, Stalin trong chiến tranh chống Đức, Mao Trạch Đông trong chiến tranh chống Nhật được đề cao đến độ nếu không có họ có thể toàn dân tộc đã bị xóa tên khỏi lịch sử loài người. Hình ảnh Mao Trạch Đông chính thức tuyên bố thành lập nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, hình ảnh Hồ Chí Minh đọc "tuyên ngôn độc lập" đã được đánh bóng sáng đến mức mọi tội tác tày trời khác đã trở thành trộm vặt. Chỉ trong vòng vài năm sau ngày tuyên bố "Nhân dân Trung Hoa đã đứng lên" 30 triệu "nhân dân" đã bị giết trong hàng loạt các chiến dịch chống hữu khuynh, trăm hoa đua nở, bước tiến nhảy vọt, công xã nhân dân, cách mạng văn hóa. Tội ác của Mao chống lại nhân dân Trung Hoa nói riêng và loài người nói chung vượt qua con số do Hitler, Stalin và Leopold II cộng lại. Tương tự tại Hà Nội chỉ vài năm sau ngày "tôi nói đồng bào nghe rõ không", nhiều vạn "đồng bào" đã không còn cơ hội nghe rõ nữa vì họ đã chết một cách oan ức trong các cuộc đấu tố vô cùng tàn ác.

Lý do thứ tư, ngoại trừ trường hợp Khrushchev, ít khi nào một lãnh đạo Cộng sản đứng lên thẳng thắn vạch trần tội lỗi của lớp lãnh đạo trước, bởi vì làm như thế là tạo

chỗ hở cho kẻ thù chung tấn công vào chế độ. Trường hợp Đặng Tiểu Bình đối với Mao Trạch Đông là một ví dụ điển hình. Đặng Tiểu Bình là một trong những người chịu đựng sự hành hạ và mất mát lớn lao về nhân mạng trong thời Cách mạng văn hóa. Bản thân Đặng Tiểu Bình bị chính Mao thanh trừng nhiều lần và con trai của Đặng Tiểu Bình trọng thương khi bị bị ném từ cửa sổ xuống đường. Chuyện đời tư của Mao, từ bản chất độc tài, nghi kỵ cho đến cá tính trăng hoa dâm dật, Đặng Tiểu Bình biết hơn ai hết, nhưng khi lên nắm quyền hành, họ Đặng vẫn tiếp tục sơn son thiếp vàng lên một hình tượng mà cá nhân y vô cùng căm hận. Trên đồng nhân dân tệ từ đơn vị một đồng cho đến một trăm đồng vẫn in khuôn mặt mỉm cười của kẻ từng điều khiển bộ máy giết người khủng khiếp nhất trong lịch sử nhân loại. Bởi vì, là một trong số rất ít lãnh đạo Cộng sản lão thành còn sót lại từ thời Vạn lý trường chinh và cũng quá thuộc sử Tàu, Đặng Tiểu Bình biết, giống như các triều đại phong kiến Trung Hoa, đặc tính kế thừa của một quyền lực trung tâm là một yếu tố sinh tử không thể phủ định của chế độ Cộng Sản. Điểm trung tâm vỡ toàn bộ hệ thống cai trị sẽ vỡ theo.

Lý do thứ năm, các lãnh đạo Cộng Sản thường tận dụng vị trí của kẻ thù đã chết. Những lãnh tụ Cộng Sản thường tận diệt kẻ thù còn sống nhưng ca tụng kẻ thù đã chết. Stalin ca tụng Lenin, Fidel Castro ca tụng Ernesto "Che" Guevara, Đặng Tiểu Bình ca tụng Mao Trạch Đông. Lấy trường hợp Che làm ví dụ. Nếu Ernesto "Che" Guevara không làm cách mạng phiêu lưu Nam Mỹ mà tiếp tục ở lại Cu Ba, thật khó tưởng tượng ông ta có thể sống sót dưới bàn tay của Fidel Castro. Một rừng không có hai cọp, một nước không có hai vua, đừng nói chi là quan hệ giữa Che và Fidel Castro rạn nứt trước khi Che tạm biệt vợ con lần cuối và lên đường đi Bolivia cuối năm 1966. Che chủ trương kỹ nghệ hóa đất nước, Fidel Castro chủ

trương củng cố quyền lực trung ương. Sự khác biệt của Che và Fidel Castro khá giống trường hợp của Lưu Thiếu Kỳ và Mao Trạch Đông. Nhưng hôm nay, nếu ai đến Havana, sẽ gặp hình ảnh Che trên khắp ngả đường. Xác chết không nghe được lời ca tụng, không nếm được mỹ vị cao lương, không sống trong các biệt thự có kẻ hầu người hạ, chỉ có đám độc tài đang thống trị đất nước mới thật sự là những kẻ hưởng thụ quyền lực.

Lý do thứ sáu, che đậy tội ác của nhau. Thật vậy, nếu không chính từ cửa miệng Khrushchev nói ra trong diễn văn dài 4 giờ đồng hồ giữa khuya ngày 2 tháng 5/1956 trước đại hội lần thứ 20 đảng Cộng sản Liên Xô, có thể sau khi chế độ Xô Viết sụp đổ, nhân loại mới biết Stalin là "một người luôn ngờ vực một cách bịnh hoạn… Sự hoài nghi bịnh hoạn đó làm cho Stalin không tin tưởng ngay cả những lãnh đạo cao cấp đã từng làm việc với y nhiều năm. Nhìn đâu Stalin cũng thấy những "kẻ thù", "người hai lòng dạ", "gián điệp"". Theo Khrushchev, Stalin đã dùng "tất cả các phương tiện lừa dối, xây dựng vinh quang cho chính bản thân y". Khrushchev kể, năm 1948, tác phẩm *Tiểu sử Ngắn của Stalin* được trình lên cho y coi lại trước khi in: "Stalin không có một sự tự trọng tối thiểu nào khi tự sửa đổi bản thảo để gọi chính mình là lãnh tụ vĩ đại, nhà chiến lược siêu phàm của mọi thời đại và sửa bất cứ đoạn nào ca ngợi y không đủ". Ở Việt Nam cũng có chuyện lãnh tụ tối cao tự ca ngợi đời mình như thế.

Thật vậy, nếu không phải do chính cửa miệng Nuon Chea, Anh Hai (Brother Number Two) của Khmer Đỏ, sau Anh Cả Pol Pot thốt ra, thế giới không biết lý do hàng triệu người dân Cambode bị giết chỉ vì "họ là kẻ thù của nhân dân". Tên đao thủ phủ Nuon Chea khi trả lời không hiện ra trên khuôn mặt một dấu hiệu xót thương, hối tiếc, dường như ông ta vừa giết một con gà, con vịt chứ không

phải 1,7 triệu người trong một đất nước chỉ có 7 triệu dân. Chỉ trong thời gian 4 năm từ 1975 đến 1979, 21%, dân Cambode đã bị giết bằng các hình thức vô cùng thảm khốc, kể cả cắt cổ, chặt đầu, gây thương thích và để chảy máu cho đến chết. Những chi tiết trong hồ sơ tòa án do Liên Hiệp Quốc bảo trợ về nhà tù Tuol Sleng hay được gọi theo mã số S-21sẽ mãi mãi ám ảnh trong lịch sử Cambode. Phần lớn tù nhân tại S-21 bị giết sau thời gian tra tấn bằng các thủ đoạn tàn độc như xẻ thịt, đổ rượu vào vết thương. Trong số 17 ngàn tù nhân tại Tuol Sleng chỉ có 7 người sống sót. Trong phiên tòa hôm 8 tháng 12/2011, thậm chí Nuon Chea còn phản đối dư luận dám nói xấu đảng Cộng sản: "Khờ Me Đỏ không phải là những người xấu đâu nhé".

Thật vậy, nếu không phải do chính ngòi bút của Hoàng Tùng, nguyên bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam và là một trong số rất ít người gần gũi với Hồ Chí Minh nhiều năm viết ra có lẽ còn rất lâu người dân Việt Nam mới biết Hồ Chí Minh không những biết trước mà còn là người bỏ lá phiếu quyết định xử tử bà Nguyễn Thị Năm: "*Sau cố vấn Trung Quốc là La Quý Ba đề nghị mãi, Bác nói : 'Thôi tôi theo đa số, chứ tôi vẫn cứ cho là không phải'*". Nếu trong buổi họp đó, với tư cách Chủ tịch Ban chấp hành Trung ương đảng và người có quyền lực tối thượng bao trùm lên cả đám đệ tử "đa số" kia trong bộ chính trị, Hồ Chí Minh quyết định khác đi, chẳng những số phận của người phụ nữ yêu nước, cống hiến con cái của mình, tài sản của mình cho cuộc kháng chiến chống Thực Dân Pháp đầy gian khổ của dân tộc không phải chết một cách oan ức mà còn cứu mạng nhiều ngàn người dân vô tội khác trong những lần đấu tố sau đó. Tòa án lịch sử dân tộc Việt Nam hôm nay và ngàn đời sau phán xét ông Hồ không phải dựa vào việc ông ta "cho là phải" hay "cho là không phải" khi giết bà Nguyễn Thị Năm nhưng ở chỗ ông

ta đã quyết định bỏ phiếu "theo đa số". Lá phiếu của ông Hồ chính là viên đạn bắn vào đầu bà Nguyễn Thị Năm.

Chủ nghĩa Cộng Sản đã tàn rụi ở châu Âu nhưng trong năm nước còn sót lại sự khổ đau, chịu đựng vẫn còn đến hôm nay và không biết đến bao giờ mới hết. Chiến tranh lạnh đã tàn. Các nước tư bản tự do vì lý do kinh tế đã không còn giương cao ngọn cờ dân chủ như trước nữa. Họ mặc nhiên chấp nhận chế độ Cộng Sản như là một thực tế của mỗi quốc gia hơn là một phong trào quốc tế. Nhân dân Bắc Hàn, Cu Ba, Việt Nam, Lào, Trung Hoa là những dân tộc chịu đựng trong cô đơn. Người dân Bắc Hàn khóc vì sợ hãi, giả dối, bắt buộc hay bị tẩy não, đều đáng thương, đáng được cảm thông hơn là đáng trách hay đáng bị cười khinh dễ. Những giọt nước mắt đó trước lương tâm nhân loại chính là những lời tố cáo hùng hồn về một chế đô phi nhân đang tồn tại ở Á Châu.

AI PHỈ BÁNG DÂN TỘC?

Joseph Goebbels, Bộ trưởng Tuyên truyền của Đức Quốc xã, được xem như là một trong những người áp dụng thành công nhất kỹ thuật vận động quần chúng, có lần đã chỉ thị cho các cán bộ tuyên truyền của Đảng Quốc xã Đức không nên tổ chức các phiên họp quần chúng vào buổi sáng sớm. Theo Goebbels, vào buổi sáng đầu óc con người sáng sủa, sinh lực được hồi phục sau một giấc ngủ ngon, nhờ đó mà ý thức phản kháng của họ rất mạnh. Họp hành vào ban đêm sẽ đem lại nhiều hiệu quả hơn vì con người mệt mỏi, sinh lực cạn dần sau ngày dài làm việc và do đó khả năng phân biệt giữa đúng và sai, giữa thành thật và dối trá cũng yếu theo. Bộ trưởng Tuyên truyền của Đức Quốc xã còn nhấn mạnh: "*Nếu nói dối đủ to và cứ tiếp tục lặp đi lặp lại lời dối trá của mình, quần chúng rồi sẽ tin vào lời dối đó*"**.** Kỹ thuật tuyên truyền như Joseph Goebbels giải thích, tóm lại, là nói dối đúng lúc và nói dối nhiều lần.

Một trong những ví dụ nổi tiếng của nói dối đúng lúc là bản tin về người hành tinh khác đổ bộ vào nước Mỹ của Orson Welles, đạo diễn của đoàn kịch Mercury Theatre on the Air, được phát vào ngày 30 tháng 10 năm 1938.

Trong lúc đang lôi cuốn người nghe trên đài phát thanh với vở kịch *Chiến tranh giữa các thế giới* (The War of the Worlds) phỏng theo tác phẩm cùng tên của Herbert George Wells, Orson Welles đã ngưng lại để công bố một bản tin sốt dẻo. Nội dung của bản tin cho biết người hành tinh khác đang xâm lăng trái đất tại một địa điểm gọi là Grover's Mill thuộc tiểu bang New Jersey. Trong số gần 12 triệu người nghe bản tin của Orson Welles, đã có khoảng 1 triệu người tin rằng người hành tinh khác thật sự đang đổ bộ tại New Jersey. Thế là, thành phố bị ngưng trệ, xa lộ kẹt xe vì hàng ngàn người bỏ thành phố để chạy về các khu vực nông thôn, nhà thờ ngưng thánh lễ, công sở đóng cửa, siêu thị tràn ngập người mua thức ăn để dự trữ cho cuộc chiến tranh hành tinh khủng khiếp sắp diễn ra. Hẳn nhiên, đó là tin thất thiệt, thế nhưng vẫn có hàng triệu người tin bởi vì được phát ra đúng thời điểm người nghe đang bị thu hút vào vở kịch *Chiến tranh giữa các thế giới***.** Việc áp dụng cách nói dối như vậy được các nhà nghiên cứu về lý thuyết tuyên truyền gọi là những viên đạn thần thông (magic bullets) của kỹ thuật tuyên truyền.

Ngoài ra, một kỹ thuật khác được gọi là *big lie*, tạm dịch là "láo to" mà tôi đã trích trong bài trước. Kỹ thuật láo to rất xưa nhưng rất hữu hiệu. Một lời nói dối tày trời nếu được lặp đi lặp lại mãi rồi cũng sẽ có người tin. Một ví dụ quen thuộc với người Việt về phương pháp láo to này là chuyện Tăng Sâm giết người thời Xuân Thu. Chính mẹ Tăng Sâm còn tin là con mình giết người đừng nói chi ai khác. Hitler phân tích kỹ thuật này trong hồi ký *Đời tranh đấu của tôi* (Mein Kamf): **"***Láo to luôn có một mức độ đáng tin cậy nhất định, bởi vì quảng đại quần chúng trong một nước bị sa một cách dễ dàng vào tầng sâu của bản chất xúc động hơn là một cách ý thức hay tự nguyện; và do đó, nhận thức sớm nhất của họ đã trở thành nạn nhân của láo to hơn là láo nhỏ, vì chính họ cũng thường*

hay nói dối những chuyện lặt vặt nhưng cảm thấy thật xấu hổ khi phải nói những chuyện láo tày trời. Việc bịa ra những chuyện láo to chưa bao giờ xuất hiện trong đầu óc họ và vì thế họ cũng không tin là những người khác lại có thể vô liêm sỉ đến mức có thể bóp méo sự thật một cách xấu xa như thế". Mặc dù Hitler phân tích để phê bình người Do Thái đã "láo to" khi đổ lỗi sự thất bại của Đức trong Thế chiến Thứ nhất cho Ludendorff nhưng chính Đảng Quốc Xã đã tận dụng kỹ thuật này để tiêu diệt dân Do Thái.

Trong thế giới cộng sản, từ Lenin, Stalin và hầu hết lãnh đạo các nước cộng sản đã áp dụng một cách triệt để phương pháp láo to như một loại vũ khí nhằm triệt hạ uy tín đối thủ và tiêu diệt các thành phần đối kháng, các mầm mống chống đảng trong mọi lãnh vực. Tuyên truyền là vũ khí quyết định và cũng là phương tiện sống còn của Đảng. Và Việt Nam cũng không ra ngoài khuôn khổ. Hai kỹ thuật nói dối đúng lúc và nói dối lặp lại thịnh hành tại Việt Nam từ 1954 tại miền Bắc và từ 1975 trên phạm vi cả nước. Đọc các tài liệu về Cải cách Ruộng đất, Nhân văn Giai phẩm, các vụ án chống xét lại… để thấy rằng, trong hơn nửa thế kỷ qua, những viên đạn tuyên truyền độc ác đã sát hại không biết bao nhiêu người dân vô tội, trong số đó rất nhiều người yêu dân tộc, yêu hòa bình và tự do dân chủ.

Và mới đây, những viên đạn tuyên truyền lại nhắm vào đức Tổng Giám mục Hà Nội Ngô Quang Kiệt sau bài phát biểu của ngài tại Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội hôm 20 tháng 9 năm 2008.

Các cơ quan truyền thông, từ các báo phát hành với số lượng lớn như *Lao Động*, *Thanh Niên*, các đài phát thanh, truyền hình, cho đến trang web của các bộ, các ban ngành nhà nước, theo chỉ thị của Đảng, đồng loạt tố cáo đức

Tổng Giám mục đã "phỉ báng dân tộc" vì ngài "cảm thấy nhục nhã khi cầm cái hộ chiếu Việt Nam". Đảng đã dịch chữ "hộ chiếu" thành "dân tộc". Và một lần nữa chiêu bài "bảo vệ dân tộc" lại được treo lên, những tiếng kèn thúc quân quen thuộc một thời đã đẩy hàng triệu thanh niên miền Bắc vào cuộc chiến tranh chém giết biết bao người miền Nam vô tội lại được thổi to lên và những khẩu hiệu đã từng dẫn đường cho bao nhiêu thế hệ Việt Nam như những con thiêu thân lao vào lò lửa tham vọng bá quyền của Trung Cộng và Liên Xô được giương cao trên đường phố.

Báo *Công An Đà Nẵng* chạy một tít dài: "Tổng Giám mục Ngô Quang Kiệt là người nước nào vậy?". Tờ *Việt Báo* bình luận: "Ông Ngô Quang Kiệt nên xấu hổ với giáo dân!" Báo *Công An Nhân Dân* tố cáo: "Lộ rõ ý đồ xấu của ông Ngô Quang Kiệt". Báo *Hà Nội Mới* nhận xét: "Ông Ngô Quang Kiệt đi ngược lại lợi ích của dân tộc". Trên trang web chính thức của chính phủ: "Lộ rõ bản chất xấu xa và tâm địa đen tối" và các báo khác đã liên tục viết những bài xã luận lên án nặng nề tương tự.

Tôi không phải là tín đồ Thiên Chúa giáo và cũng không theo dõi một cách chi tiết từ đầu cuộc tranh chấp Thái Hà nhưng sau khi đọc các bài viết trên báo chí và những ý kiến mang nặng đầu óc Vệ binh Đỏ trên các trang web trong nước so với toàn văn bài phát biểu của đức cha Ngô Quang Kiệt, tôi cảm thấy vô cùng bất nhẫn. Nguyên văn câu nói của đức Tổng Giám mục Hà Nội như thế này: **"***Do đó, chúng tôi xin nhắc lại, chúng tôi rất mong muốn xây dựng một khối đại đoàn kết dân tộc. Chúng tôi đi nước ngoài rất nhiều, chúng tôi rất là nhục nhã khi cầm cái hộ chiếu Việt Nam, đi đâu cũng bị soi xét, chúng tôi buồn lắm chứ, chúng tôi mong muốn đất nước mình mạnh lên. Làm sao như một anh Nhật nó cầm cái hộ chiếu là đi qua tất cả*

mọi nơi, không ai xem xét gì cả. Anh Hàn Quốc bây giờ cũng thế. Còn người Việt Nam chúng ta thì tôi cũng mong đất nước lớn mạnh lắm và làm sao thật sự đoàn kết, thật sự tốt đẹp, để cho đất nước chúng ta mạnh, đi đâu chúng ta cũng được kính trọng."

Nếu tất cả những người biết đọc biết viết có cơ hội đọc nguyên văn bài phát biểu của đức cha Ngô Quang Kiệt và ngồi xuống lắng lòng suy nghĩ về những lời nói tự nhiên và chân thành của ngài mà tôi vừa trích dẫn, họ sẽ hiểu ra rằng chẳng những đức Tổng Giám mục không nhục mạ dân tộc mà còn là người có lòng yêu nước sâu đậm. Câu nói của đức cha Ngô Quang Kiệt không có một chữ nào dù trực tiếp hay gián tiếp, dù nghĩa đen hay nghĩa bóng gọi là phỉ báng dân tộc; ngài chỉ nói lên sự quan tâm, bức xúc của mình trước một Việt Nam yếu kém, thua sút đối với các quốc gia trong cùng một châu Á như Nhật Bản, Nam Hàn. Mặc cảm làm người dân của một đất nước bị phân hóa, hoài nghi, chia rẽ, nghèo nàn, tham nhũng, không được kính trọng mà đức cha cảm nhận trong những chuyến đi xa vẫn ngày đêm ám ảnh trong ý thức của ngài. Và đức cha hẳn đã nhiều lần tự hỏi làm sao dân tộc Việt Nam có thể vượt qua được cái bất hạnh của chính mình để đi đứng ngang hàng với các quốc gia khác. Nếu không phải là người yêu nước và biết tủi thẹn với những hy sinh xương máu của tổ tiên, nếu không mang trong lòng những thao thức về đất nước, đức cha đã không buông ra những câu nói đó. Càng yêu nước càng thấy đau cho đất nước, càng yêu lịch sử hào hùng của tổ tiên càng cảm thấy nhục nhã phải làm người Việt Nam trong thời đại hôm nay. Và hai điều kiện để có thể vượt qua cái nghèo nàn, yếu kém không gì khác hơn là "đoàn kết dân tộc" và đưa "đất nước lớn mạnh" như đức Tổng Giám mục đã phát biểu hôm 20 tháng 9. Những ai đang trăn trở về đất nước đều ý thức rằng không có đoàn kết đất nước sẽ

không thể nào lớn mạnh và một đất nước không lớn mạnh sẽ không được thế giới kính trọng.

Nếu không đúng như thế, hãy chỉ cho tôi một niềm tự hào dân tộc.

Tự hào đã đánh thắng đế quốc Mỹ ư?

Có lẽ đó là chuyện mà những người có ý thức không ai còn muốn nhắc hay đem ra tranh cãi. Không phải vì thời gian đã trôi qua hay muốn quên đi quá khứ mà vì ngày nay sách vở viết về mưu đồ của Trung Cộng và Liên Xô trong cuộc chiến Việt Nam không còn hiếm hoi như trước. Sự thật về cuộc chiến đã phơi bày một cách chi tiết về con số bao nhiêu ngàn quân Trung Cộng đã tham chiến tại Việt Nam cũng như bao nhiêu vũ khí mà các đế quốc cộng sản đã đổ xuống Việt Nam. Nếu có một thống kê chính xác, tôi tin số người dân Việt Nam vô tội bị giết bằng súng đạn của Liên Xô và Trung Cộng còn vượt xa số người chết do bom đạn Mỹ gây ra, bởi vì chiến trường diễn ra ở miền Nam chứ không phải miền Bắc. Thế thì ai mới đáng gọi là quân xâm lược đây? Nói như thế để so sánh chứ không có nghĩa là binh vực Mỹ. Đế quốc nào cũng là đế quốc và trò chơi của họ được tính bằng xương máu của các dân tộc nhược tiểu, trong đó có Việt Nam.

Khi gài Liên Xô vào chiếc bẫy Afghanistan để trả thù cho thất bại của Mỹ tại Việt Nam, Zbigniew Brzezinski, cố vấn an ninh quốc gia của Tổng thống Jimmy Carter, chắc chắn đã không quan tâm đến số phận của hàng triệu dân Afghanistan sắp sửa chết dưới bàn tay của Liên Xô xâm lược. Và hôm nay, hai mươi năm sau khi quân đội Liên Xô rút đi và cả hệ thống cuối cùng đã sụp đổ, Afghanistan vẫn còn là một bãi chiến trường. Khi chiến tranh Việt Nam chấm dứt, kẻ ngậm đắng nuốt cay không phải là Mỹ mà chính là Trung Cộng khi biết rằng thằng em cộng sản

mà họ đã tốn bao nhiêu công sức nuôi nấng từ lúc khó khăn đã quay lưng phản bội đàn anh. Cuộc chiến Việt Nam đã mang Trung Cộng và Mỹ lại gần nhau hơn và trong trận chiến tranh Việt - Trung năm 1979, để lôi kéo Trung Cộng vào phe chống Liên Xô, các cơ quan tình báo Mỹ đã cung cấp cho Trung Cộng các tin tức về khả năng quân sự của phía Việt Nam. Mỹ đưa quân sang Việt Nam ồ ạt từ giữa 1965 chẳng phải vì chính nghĩa quốc gia. Chính nghĩa quốc gia, lý tưởng tự do dân chủ là của nhân dân miền Nam, những người đã sống, chiến đấu và chết trong cuộc chiến tự vệ đầy anh dũng từ 1954 đến 1975. Có hay không có người Mỹ, nhân dân miền Nam cũng đứng lên bảo vệ các giá trị tự do mà họ đã chọn lựa và theo đuổi.

Tự hào về giang sơn gấm vóc ư?

Hãy nhìn ra Biển Đông, hai quần đảo quan trọng về cả quân sự lẫn kinh tế đang nằm trong vòng kiểm soát của hải quân Trung Cộng. Lịch sử như đang diễn ra theo một chu kỳ. Sau gần hai thế kỷ ngập chìm trong khói lửa, tương quan kỹ thuật quân sự giữa Việt Nam và Trung Cộng cũng không khác gì thời quân đội nhà Nguyễn đánh nhau với liên quân Pháp - Tây Ban Nha. Cái thuở tầm vông vót nhọn đương đầu với súng thần công và thuyền buồm ghe gỗ đương đầu với tàu chiến được đóng bằng sắt thép lại tái diễn. Từ xưa đến nay, Trung Cộng luôn chọn chiến tranh thôn tính như là phương pháp thích hợp nhất để giải quyết mọi cuộc xung đột với các nước nhỏ láng giềng. Khi dùng những chữ "trừng phạt" hay "dạy Việt Nam một bài học" theo giọng điệu của vua quan phong kiến thời nhà Tống, nhà Minh, trong đầu óc của lãnh đạo Trung Cộng, Việt Nam vẫn còn là một trong số chư hầu của họ.

Việt Nam và Trung Cộng có thể vài năm hay vài chục năm nữa rồi cũng sẽ đánh nhau. Tuy nhiên, nếu chiến

tranh nổ ra vào thời điểm này, toàn bộ khả năng quân sự của Việt Nam có thể bị Trung Cộng vô hiệu hóa trong vòng vài giờ. Cái may mắn cho Việt Nam là vị trí của Trung Cộng ngày nay trên chính trường quốc tế không phải là một Trung Cộng mới bắt đầu chương trình hiện đại hóa vào năm 1979 khi họ xâm lăng Việt Nam. Trung Cộng ngày nay là một trong những siêu cường quốc hàng đầu thế giới nhưng đồng thời cũng là một siêu cường quốc dễ vỡ (fragile superpower) theo giáo sư Susan L. Shirk trong tác phẩm nghiên cứu về Trung Cộng. Trung Cộng đang cần sự ổn định để duy trì mức phát triển và chạy đua với các cường quốc trong G8. Đối tượng cạnh tranh của Trung Cộng là Mỹ, Nhật, Đức, Pháp, Ý, Anh, Canada, Nga chứ không phải Việt Nam. Một cuộc chiến có tác động quốc tế như năm 1979 có thể không diễn ra trong thời gian trước mắt, nhưng những đụng chạm ở tầm địa phương sẽ xảy ra liên tục.

Trung Cộng biết rằng trong một cuộc chiến tranh toàn diện với Việt Nam, dù có thắng về quân sự thì phần bất lợi kinh tế chính trị cũng nghiêng về phía họ, nhưng đồng thời họ sẽ không bao giờ để yên cho Việt Nam phát triển. Hải quân Trung Cộng sẽ tiếp tục bắn giết ngư dân Việt Nam như họ đã làm suốt ba chục năm qua, hạm đội Trung Cộng sẽ tiếp tục đe dọa hải lưu Việt Nam và lãnh đạo Trung Cộng sẽ ngăn chặn bất cứ một quốc gia nào hợp tác với Việt Nam để khai thác nguồn dầu khí quan trọng trong thềm lục địa của Việt Nam. Việt Nam sẽ làm gì? Đưa cuộc tranh chấp Hoàng Sa và Trường Sa ra Liên Hiệp Quốc? Liên Hiệp Quốc là ai nếu không phải là một Trung Cộng có quyền phủ quyết? Cầu viện Mỹ làm trung gian giải quyết chăng? Đế quốc không có bạn hay thù mà chỉ có quyền lợi, và với chính sách đối ngoại hàng hai của Việt Nam hiện nay, cái lợi Mỹ thu về chưa hẳn lớn bằng cái lợi họ có thể bị mất đi.

Tự hào về quá khứ oai hùng của dân tộc ư?

Không một người Việt Nam có ý thức dân tộc nào mà không biết hãnh diện với lịch sử hào hùng của dân tộc, nhưng đừng quên rằng dân tộc nào cũng có niềm tự hào riêng của họ. Một nước Bamahas có nền độc lập chỉ mới được ba mươi lăm năm (1973) nhưng không có nghĩa là người dân Bahamas ít hãnh diện về đất nước họ bằng một người Việt Nam có hơn bốn ngàn năm lịch sử. Ngoài ra, một truyền thống nếu không được kế thừa và phát huy một cách thích nghi với thời đại thì truyền thống đó sẽ sớm trở thành một thói quen lạc hậu và sẽ chết dần theo thời gian. Biết bao dân tộc vốn đã có một nền văn minh rực rỡ, có truyền thống tốt đẹp từ mấy nghìn năm trước nhưng các thệ hệ sau đã không biết giữ gìn và phát huy, cuối cùng cũng đi vào viện bảo tàng, và nếu còn được nhắc nhở chăng cũng chỉ trong giáo trình của các khoa văn minh hay nhân chủng học. Tôi chia sẻ tâm trạng của đức cha Ngô Quang Kiệt. Tôi cũng có dịp đi khá nhiều, tham dự nhiều hội nghị, làm việc trong một môi trường nơi các đồng nghiệp đến từ nhiều quốc gia khác nhau trên thế giới, nhưng thú thật tôi chưa bao giờ đem chuyện Việt Nam ra bàn trước với ai và rất khó chịu mỗi khi nghe ai nhắc đến Việt Nam, đơn giản bởi vì tôi biết sẽ không có câu bình luận nào tốt đẹp theo sau. Việt Nam cho đến hôm nay vẫn còn đồng nghĩa với chiến tranh, nghèo đói, độc tài.

Có gì đáng tự hào khi Việt Nam vẫn còn bị xếp vào một trong những nước tham nhũng trầm trọng trên thế giới. Trong thống kê 2008 vừa được tổ chức Transparency International công bố, Việt Nam bị xếp vào hàng 121 trong tổng số 180 nước được thăm dò. Phần lớn những nước đứng sau Việt Nam là các quốc gia Á - Phi nghèo nàn, lạc hậu. Báo chí Việt Nam đồng loạt đăng tải thống kê

như loan báo một tin mừng bởi vì Việt Nam được tăng hai bậc so với thống kê 2007, mặc dù nước đứng sau Việt Nam không phải là thứ 122 mà là 126, vì có 5 quốc gia cùng hạng với Việt Nam. Trong lúc tham nhũng tại nhiều nước trong thế giới phát xuất từ lòng tham có tính cách cá biệt, tham nhũng tại Việt Nam có tính đảng, từ trong cơ chế mà ra và sẽ tồn tại cùng với cơ chế. Làm sao xây dựng một chế độ chính trị trong sạch khi toàn bộ quyền hành nằm trong tay một thiểu số người nắm quyền sinh sát cả một dân tộc? Mỗi khi có một ý kiến mới không hợp với chủ trương của Đảng gióng lên là toàn Đảng xúm vào đánh hội đồng, như vậy thì đất nước làm sao thăng tiến? Một đức Tổng Giám mục, lãnh đạo tinh thần của nhiều triệu tín đồ và có một vị trí quốc tế mà còn bị đối xử như vậy thì một người dân thấp cổ bé miệng ở các thôn làng xa xôi hẻo lánh sẽ bị đối xử ra sao?

Có người còn chiêm bao rằng một ngày nào đó Việt Nam sẽ trở thành một Singapore và Đảng Cộng sản Việt Nam cũng sẽ hoạt động giống như Đảng Nhân dân Hành động Singapore (People Action Party, gọi tắt là PAP) với các nhà lãnh đạo tài ba và liêm khiết. Đó chỉ là một mơ ước hão huyền. Trứng ngỗng chỉ có thể nở ra ngỗng. Nguồn gốc hình thành, cơ cấu lãnh đạo và mục tiêu của PAP hoàn toàn khác biệt so với Đảng Cộng sản Việt Nam. PAP là tập hợp những chuyên gia trí thức Singapore có tinh thần độc lập dưới sự lãnh đạo của Lý Quang Diệu, một nhà chính trị có tầm nhìn vượt xa thời đại và đã thắng cử qua một cuộc bầu cử tự do hợp pháp năm 1959. Các thành phần đối lập tại Singapore thời đó tuy thất cử nhưng vẫn hoạt động và tiếng nói của họ vẫn có một ảnh hưởng quan trọng trong đời sống chính trị quốc gia trong giai đoạn vừa giành được nền độc lập một cách hòa bình từ thực dân Anh. Trong lúc các nhà lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam phải sang chầu Trung Cộng hàng năm để

xin súng đạn, Lý Quang Diệu không thấy cần thiết ngay cả việc thừa nhận nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là một nước có chủ quyền toàn vẹn. Những biện pháp cứng rắn của chính phủ Lý Quang Diệu sau khi Singapore tách khỏi Liên bang Mã Lai vào năm 1965 là nhằm bảo vệ sự tồn tại mong manh của hòn đảo nhỏ này và ngăn chặn sự xâm nhập của cộng sản với sự yểm trợ tích cực của Trung Cộng. Mãi đến tháng 10 năm 1990, khi Singapore đủ mạnh về kinh tế và ổn định về chính trị, Lý Quang Diệu mới thừa nhận Trung Cộng. Trong thời kỳ mà "Bác đang cùng chúng cháu hành quân" vào Nam "chống Mỹ cứu nước" thì các nhà lãnh đạo Singapore và nhiều lãnh đạo sáng suốt ở châu Á đã lợi dụng chính sách chống cộng của Mỹ ở châu Á để hợp tác và phát triển kinh tế, nhờ đó, không chỉ nền kinh tế Singapore mà nhiều nước nhỏ khác ở châu Á như Nam Hàn, Đài Loan cũng đã lần lượt cất cánh và trong một thời gian ngắn được thế giới ca ngợi như là những con rồng châu Á.

Có gì đáng tự hào khi Việt Nam, một dân tộc có hơn bốn ngàn năm văn hiến nhưng ngoại trừ một thời gian ngắn ở miền Nam trước 1975, đại đa số nhân dân chưa bao giờ có một cơ hội để bầu người đại diện cho mình trong các cơ quan nhà nước. Cuộc chiến tranh lạnh đã chấm dứt. Sự phân cực thế giới dựa trên ý thức hệ không còn nữa. Lịch sử văn minh nhân loại được lật sang một chương khác. Hành trình của loài người đang bước vào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên dân chủ và phát triển toàn diện. Các quốc gia cộng sản trước đây đã bừng tỉnh sau cơn ác mộng dài và đang hăng say làm lại cuộc đời. Từ một thời được xem là chư hầu của Liên Xô, các nước Đông Âu đã trở thành những thành viên kinh tế thương mại và cả chính trị quân sự quan trọng của cộng đồng châu Âu và thế giới. Việt Nam thì sao? Việt Nam là một trong chỉ 5 nước cộng sản của phong trào cộng sản thế

giới còn sót lại, nơi con người sống trong bất an, nơi tất cả những quyền căn bản mà phần lớn mà nhân loại thụ hưởng đã không được tôn trọng. Một trong những chương trình thống kê gây nhiều chú ý nhưng cũng nhiều tranh cãi là thống kê về "Những quốc gia hạnh phúc nhất trên thế giới". Cánh chỉ trích cho rằng hạnh phúc là một trạng thái của ý thức, không thể đem ra cân, đo, đếm và xếp hạng như các đơn vị vật lý. Cánh ủng hộ cho rằng mục đích thực sự của thống kê không phải để so sánh giữa một người Đan Mạch và một người Zimbabwe ai hạnh phúc hơn ai, mà để đánh giá xu hướng ý thức của con người về hạnh phúc chuyển đổi theo thời gian. Xem xét kết quả 2008 không có ý nghĩa gì nếu không so sánh với kết quả 2007, 2006 cũng như với suốt 25 năm trước đó. Và theo giáo sư Ronald Inglehart, người điều hành thống kê World Values Survey trong 20 năm qua, kết luận sau buổi công bố kết quả thống kê năm 2008: **"***Nói chung, ý thức toàn cầu đang gia tăng về tự do trong phần tư thế kỷ qua đã che khuất các lý do thuần túy kinh tế về hạnh phúc***",** và ông cũng tìm thấy quan hệ hỗ tương giữa hạnh phúc và dân chủ. Giải thích của giáo sư Ronald Inglehart cho thấy hạnh phúc gắn liền với tự do dân chủ và đó cũng là xu hướng của thời đại. Việt Nam được xếp hàng thứ 36 trong bảng thống kê. Lẽ ra phải cao hơn. Rất tiếc Bắc Hàn không nằm trong danh sách các nước được thăm dò, nếu có, họ đã được xếp vào hàng thứ nhất.

Giới lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam có tật giật mình nên hiểu chữ "nhục" theo nghĩa tiêu cực như một hình thức cúi đầu, chịu làm tay sai cho ngoại bang. Đúng ra, cảm thấy nhục nhã không phải là thái độ phản quốc; trái lại trong hoàn cảnh đất nước hôm nay, biết nhục càng nhiều càng tốt. Ngoại trừ những kẻ ngày đêm sống trong bóng tối mới không thấy được cái yếu kém của đất nước. Muốn vượt qua cái nhục, cái yếu hèn, không nên trốn

tránh mà phải đối diện với chúng. Nỗi nhục chính là phân bón cho cây xanh hy vọng của tương lai dân tộc được vươn lên tươi tốt. Trong suốt dòng lịch sử, dân tộc Việt Nam đã hơn một lần chịu nhục. Lời trách mắng của Hưng Đạo Đại Vương hơn bảy trăm năm trước như còn văng vẳng đâu đây: **"***Ngồi nhìn chủ nhục mà không biết lo; Thân chịu quốc sỉ mà không biết thẹn".* Vâng, cũng từ cái đau xót, cái nhục nhã, cái nhược tiểu của dân tộc Việt Nam mà thời đó tổ tiên chúng ta đã đứng lên đánh bại cả một đạo quân Nguyên hùng mạnh mà vó ngựa đã giẫm nát cả một phần lớn châu Âu và châu Á.

Việt Nam đang đứng trước nhiều khó khăn nhưng không phải là không có một phương pháp giải quyết. Như đức cha Ngô Quang Kiệt đã nhấn mạnh trong buổi gặp gỡ Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội hôm 20 tháng 9, phương pháp đó là: **"***Còn người Việt Nam chúng ta thì tôi cũng mong đất nước lớn mạnh lắm và làm sao thật sự đoàn kết, thật sự tốt đẹp, để cho đất nước chúng ta mạnh, đi đâu chúng ta cũng được kính trọng***".** Đảng đã xé ra thì Đảng phải rào lại. Đoàn kết dân tộc là trách nhiệm của Đảng, nhưng đoàn kết không bao hàm nghĩa đầu hàng mà phải dựa trên sự bình đẳng, tương kính giữa các thành phần dân tộc và tôn trọng nhân phẩm con người với tất cả quyền tự do bẩm sinh của họ. Và nếu không làm được điều đó thì chính các lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam chứ không ai khác là những người phỉ báng dân tộc Việt Nam.

VÕ THỊ THẮNG VÀ NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN, BÓNG TỐI VÀ ÁNH SÁNG

Một nữ đặc công thuộc lực lượng biệt động thành Sài Gòn được bộ máy tuyên truyền Cộng Sản đánh bóng đến mức không thể nào bóng hơn. Đó là bà Võ Thị Thắng. Nụ cười khá ăn ảnh của bà bên ngoài tòa đại hình Sài Gòn, được một phóng viên Nhật chụp ngày 27 tháng 7 năm 1968 và được Trần Quang Long đưa vào nhạc phẩm Nụ cười chiến thắng. Bắt lấy cơ hội tuyên truyền, theo chỉ thị của đảng, từ đó, không biết bao nhiêu phim, nhạc, thơ, bình luận, hồi ký, bút ký đã viết về bà Võ Thị Thắng.

Kỹ thuật nhồi sọ theo kiểu "Tăng Sâm giết người" rất đơn giản nhưng vô cùng hữu hiệu. Những thông tin có tính chỉ đạo của đảng đã theo nhiều ngã tấn công và tấn công liên tục vào ý thức vào con người. Từ sáng đến chiều, từ ban ngày qua ban đêm, từ năm tàn qua tháng tận, dần dần không chỉ các em học sinh có tâm hồn ngây thơ trong trắng yêu "nụ cười chiến thắng" của bà mà cả

người lớn cũng say mê những "mẩu chuyện anh hùng" về bà Võ Thị Thắng.

Và không những đảng viên CS mà cả những người "phê bình đảng", những "nhà phản biện" cũng không thoát ra khỏi sức hút của "nụ cười Võ Thị Thắng". Trong phiên tòa xử tiến sĩ Cù Huy Hà Vũ tháng 4 năm 2011, và lần nữa sau phiên tòa xử hai em Nguyễn Phương Uyên và Đinh Nguyên Kha mới đây, "nụ cười chiến thắng" của Võ Thị Thắng lại được một số tác giả nhắc đến để ca ngợi tinh thần yêu nước dũng cảm của hai em Phương Uyên và Nguyên Kha. Khi dùng nụ cười một nữ khủng bố để so sánh với ước vọng dân tộc, nhân bản và hòa bình trong tâm hồn trong như ngọc của một nữ sinh viên, các tác giả không để ý đến những nghịch lý vô cùng căn bản trong hai mục đích sống, hai phương pháp đấu tranh và hai nhân cách đạo đức hoàn toàn trái nghịch giữa hai con người.

Võ Thị Thắng là ai?

Bà Võ Thị Thắng, sinh ngày 10 tháng 12 năm 1945 tại xã Tân Bửu, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Ủy viên Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng CSVN khóa VIII và khóa IX. Bà là con út của 10 anh em sinh ra trong một gia đình Cộng Sản hoạt động tại Long An. Từ khi còn nhỏ bà đã giúp cha mẹ đưa cơm, nuôi giấu cán bộ CS.

Sau khi từ Long An lên Sài Gòn đi học đến lớp đệ nhị, tức lớp mười một bây giờ, tại trường Gia Long. Theo tài liệu chính thức của đảng, trong thời gian tại Sài Gòn "Thắng tham gia phong trào đấu tranh xuống đường của thanh niên sinh viên, học sinh Sài Gòn Gia Định; rồi phong trào công nhân và nhân dân lao động khu xóm, xí nghiệp nội thành; khẩn trương gây dựng cơ sở, xây dựng căn cứ chính trị nội thành, diệt ác phá kềm, ém quân, vũ

khí mai phục, chuẩn bị vào đợt Mậu thân – tổng công kích khởi nghĩa năm 1968".

Từ sau Mậu Thân, bà Võ Thị Thắng gia nhập lực lượng biệt động thành Sài Gòn và được giao nhiệm vụ ám sát ông Trần Văn Đỗ. Ông Trần Văn Đỗ chẳng phải là viên chức cao cấp, một chính khách tên tuổi gì của chính phủ VNCH mà chỉ là phường trưởng phường Phú Lâm, quận 6, Sài Gòn. Theo tài liệu đăng trên Quân Đội Nhân Dân ngày 17-09-2009 *"Ngày 27-7-1968, sau khi nắm tình hình địch, chị cải trang đột nhập vào nhà tên Đỗ cùng với hai đồng chí yểm trợ vòng ngoài. Hôm đó khác thường lệ tên Đỗ đi ngủ sớm, chị tiến thẳng đến giường tên Đỗ lên đạn bắn hai lần nhưng cả hai phát súng đều không nổ. Thấy động tên Đỗ tỉnh dậy, chị bắn lần thứ ba nhưng không trúng"***.** Vụ ám sát bị lộ, bà bị bắt, đưa ra tòa đại hình và bị kết án hai mươi năm tù. Sau khi hiệp định Paris ký kết, bà Võ Thị Thắng được trao trả về phía Cộng Sản tại Lộc Ninh vào tháng 4 năm 1974.

Tóm lại, dù "vận chuyển vũ khí mai phục" hay "ám sát", nhiệm vụ chính của nữ cán bộ CS Võ Thị Thắng là giết người. Bà Thắng không giết Tây, không giết Mỹ nhưng như bằng chứng trước tòa, bà giết người Việt Nam.

Hoạt động của biệt động thành Sài Gòn chủ yếu là bắt cóc, ám sát, ném bom, đặt chất nổ tại các nơi công cộng. Những hoạt động đó xét theo tiêu chuẩn nào, vào thời kỳ nào và nhân danh bất cứ lý do gì đều là các hoạt động khủng bố. Yasser Arafat, chủ tịch Tổ Chức Giải Phóng Palestine (Palestine Liberation Organization), một tổ chức có liên hệ rất nhiều với các hoạt động khủng bố chống Do Thái và từng thề sẽ làm cho "cuộc sống của người dân Do Thái không thể nào chịu đựng nổi" cuối

cùng cũng thừa nhận khủng bố là một hành động xấu xa, tội lỗi.

Phương pháp khủng bố của biệt động thành Sài Gòn hoàn toàn giống như hoạt động của phong trào Tháng Chín Đen tại Jordan thập niên 1970, của các nhóm Hồi Giáo cực đoan tại Iraq sau 2003, Taliban tại Afghanistan sau 2001, của cánh cực đoan quân sự Hamas tại Palestine, của tổ chức al-Qaeda tại nhiều nơi trên thế giới hiện nay. Giống như hầu hết các tổ chức khủng bố, ngoài việc lấy mục đích biện minh cho phương tiện bất nhân, những kẻ giết người cũng đã được ca ngợi và vinh danh.

Để giết một người Mỹ các nhóm khủng bố al-Qaeda đã giết hàng trăm người dân chính nước họ như các hành động đặt đang bom diễn ra tại Iraq. Tương tự, để giết một người Mỹ hay một người lính VNCH, các biệt động thành Sài Gòn đã giết nhiều người Việt Nam vô tội trong đó có đàn bà trẻ em. Một người Việt Nam lớn tuổi nào cũng không thể quên "chiến công hiển hách" của lực lượng biệt động thành tại nhà hàng Mỹ Cảnh tối 25 tháng 6, 1965. Trong số hàng trăm người chết do hai trái mìn đặt tại nhà hàng có nhiều "kẻ thù nhân dân" còn mặc tã.

Nguyễn Phương Uyên là ai ?

Nguyễn Phương Uyên, sinh 12 tháng 10, 1992, sinh viên năm thứ 3 trường Đại học Công nghiệp thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh, cư ngụ xã Hàm Trí, huyện Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận.

Khác với Võ Thị Thắng được cha mẹ nuôi dưỡng bằng lòng "căm thù Mỹ Ngụy", sinh viên Nguyễn Phương Uyên, dù tham gia đoàn trường của đại học nhưng bản chất là một cô bé ngoan hiền, hồn nhiên, hiếu thảo và có tấm lòng vị tha đối với mọi người. Trong hai mươi mốt năm làm người từ lúc mới sinh ra cho đến nay, cô bé mảnh

mai này, ngoại trừ lúc vô tình dẫm lên, có thể chưa tự tay giết một con kiến đừng nói chi nghĩ đến chuyện giết người. Một bộ ảnh do bạn bè thu thập cho thấy một Phương Uyên sống yên vui bên cạnh gia đình. Các em vui chơi, nhảy nhót tung tăng, cười nói hồn nhiên như một cánh bướm vàng trong khu vườn xuân tuổi trẻ. Một bạn học của em trả lời đài Á Châu Tự Do: *"Năm cấp 3, em và Uyên chơi thân với nhau. Trong lớp học, Uyên học rất chăm chỉ. Bạn ấy hiền lắm. Khi đi học, bạn bè có gì là bạn ấy hay giúp đỡ lắm. Nói chung, bạn ấy rất năng động trong những hoạt động của trường lớp và hòa đồng với bạn bè."*

Khác với Võ Thị Thắng là sản phẩm tuyên truyền, được sơn bằng những lớp son phấn giả tạo, Nguyễn Phương Uyên là một con người thật, tinh khôi như một thiên thần. Trong lúc Võ Thị Thắng đấu tranh bằng phương tiện giết người, bạo động Nguyễn Phương Uyên chọn phương pháp ôn hòa để gióng lên tiếng nói của mình. Che khuất trong đôi cánh thiên thần Phương Uyên là lòng yêu nước vô cùng trong sáng. Trong vóc dáng như sợi tơ tưởng chừng một cơn gió nhẹ cũng có thể thổi em bay ra khỏi cửa sổ là một trái tim chan chứa tình dân tộc không thể nào lay chuyển được. Em đứng trước tòa án CS nhẹ nhàng như một nhánh lau non trước cơn bão lớn, điềm tĩnh nhưng cương quyết: *"Việc tôi làm thì tôi chịu, xin nhà cầm quyền đừng làm khó dễ mẹ hay gia đình của chúng tôi. Chúng tôi làm để thức tỉnh mọi người trước hiểm họa Trung Quốc xâm lược đất nước và cuối cùng là chúng tôi làm xuất phát từ cái tấm lòng yêu nước nhằm chống cái xấu để làm cho xã hội ngày càng tốt đẹp tươi sáng hơn". Và em nói tiếp "Tôi là sinh viên yêu nước, nếu phiên tòa hôm nay kết tội tôi, thì những người trẻ khác sẽ sợ hãi và không còn dám bảo vệ chủ quyền của đất nước. Nếu một sinh viên, tuổi trẻ như tôi mà bị kết án tù vì yêu nước thì thật sự tôi không cam tâm".*

Tại sao nhiều người vẫn tin vào các "anh hùng" do đảng CS dựng nên?

Nikolai Bukharin, lý thuyết gia Cộng Sản, chủ nhiệm báo Sự Thật, cơ quan ngôn luận chính thức của đảng CS Liên Xô và người bị Stalin thanh trừng năm 1938, viết trong tác phẩm kinh điển *ABC về chủ nghĩa Cộng Sản*: *"Tuyên truyền về chủ nghĩa cộng sản, về lâu dài trở thành một phương tiện để xóa bỏ mọi tàn tích cuối cùng của tuyên truyền tư sản bắt nguồn từ chế độ cũ, và là phương tiện mạnh mẽ để tạo ra một hệ lý luận mới, một cách suy nghĩ mới, một tầm nhìn về thế giới mới".*

Với chủ trương đó, chính sách trồng người của các chế độ CS thể hiện qua hai phương pháp: giáo dục và tẩy não.

Về giáo dục, nền giáo dục Cộng Sản không đặt trên cơ sở khách quan khoa học nhưng là một hệ thống tuyên truyền phục vụ cho các mục tiêu của đảng và nhà nước CS trong mỗi thời kỳ. Về tẩy não, năm kỹ thuật căn bản được áp dụng triệt để trong phạm vi toàn xã hội cho đến từng người: cô lập, kiểm soát, tạo sự bất an, lập đi lập lại và gây xúc động cho đối phương.

Nhận thức của con người không ở trong trạng thái tỉnh nhưng luôn luôn biến động, thay đổi và đón nhận các nguồn thông tin từ bên ngoài bao gồm xã hội, giáo dục, môi trường thiên nhiên và cả cơ thể của chính con người. Chủ động kiểm soát được nguồn thông tin đi vào ý thức con người là kiểm soát được con người. Cả năm phương pháp tẩy não được thực hiện liên tục, phối hợp chặt chẽ và tác dụng hỗ tương vào nhận thức con người cho đến khi đối tượng hoàn toàn bị đặt trong vòng kiểm soát. Các nguồn thông tin do chế độ CS cung cấp có tính hệ thống, theo từng tuổi, từng giai đoạn trưởng thành thâm nhập vào nhận thức con người, củng cố và đóng đinh trong đó.

Có lần Stalin phát biểu một ngày nào đó vai trò của Bộ Công An sẽ không còn cần thiết. Ý của tên đồ tể này là khi đó người dân đã bị cơ chế hóa, một hình thức thuần hóa trong sinh vật, đến mức các luật lệ sẽ không cần phải áp đặt mà vẫn được chấp hành như một phản xạ tự nhiên.

Biết rõ tuổi trẻ là tuổi của khát vọng xanh tươi, nhiệt tình nồng cháy nhưng chưa có những tham vọng cá nhân, bộ máy tuyên truyền của các quốc gia Cộng Sản sản xuất các anh hùng mang tinh thần dâng hiến.

Có một thời tác phẩm *Thép đã tôi thế đấy* của Nikolai Ostrovsky là tác phẩm gối đầu giường của đa số thanh niên CS khắp thế giới, trong đó có thanh niên miền Bắc. Nhật ký của bác sĩ Đặng Thùy Trâm, người bị giết tại Quảng Ngãi cuối tháng 6 1970, bắt đầu với câu trích từ tác phẩm này *"Cả đời ta, cả sức ta đã hiến dâng cho sự nghiệp cao đẹp nhất trên đời: Sự nghiệp đấu tranh giải phóng loài người"***.** Tương tự, trong nhật ký của Nguyễn Văn Thạc, tử trận tại Quảng Trị mùa hè 1972, cũng thế, đầy những trích dẫn Thép đã tôi thế đấy. Ngày 24 tháng 12 năm 1971, Nguyễn Văn Thạc viết về thần tượng Paven của anh: **"***Dạo ấy Paven mới 24 tuổi. Ba năm của thời 20, anh đã sống say sưa, sống gấp gáp và mạnh mẽ. Cưỡi trên lưng con ngựa cụt hai tai trong lữ đoàn Budionni anh đã đi khắp miền đất nước. Cuộc sống của anh là một dòng mùa xuân bất tận giữa cuộc đời. Đó là cuộc sống của người Đảng viên trẻ tuổi, cuộc sống của một chiến sỹ Hồng quân. Mình thèm khát được sống như thế. Sống trọn vẹn đời mình cho Đảng, cho giai cấp***."**

Trong dòng lịch sử Việt Nam bốn ngàn năm chống ngoại xâm và xây dựng đất nước, biết bao nhiêu câu nói, thơ văn hiển hách của lớp lớp anh hùng dân tộc. Có câu nói nào hay hơn, khí phách hơn câu nói của Triệu Nữ Vương *"Tôi muốn cỡi cơn gió mạnh, đạp bằng sóng dữ,*

chém cá tràng kình ở biển Đông, giành lại giang sơn, cởi ách nô lệ, cứu dân ra khỏi nơi đắm đuối, chứ không thèm cúi đầu, còng lưng để làm tì thiếp người ta". Có cái chết nào nói lên tình yêu chung thủy, tình yêu nước đậm đà hơn cái chết của Nguyễn Thị Giang, một phụ nữ như Võ Thị Thắng, *"Mờ sáng ngày 18 tháng 6 năm 1930, cô về làng Thổ Tang, tổng Lương Điền, phủ Vĩnh Tường (nay thuộc Vĩnh Phúc) để lạy tạ cha mẹ chồng (ông Nguyễn Văn Hách và bà Nguyễn Thị Quỳnh), tháo chiếc đồng hồ có khắc chữ "G" tặng cho Nguyễn Văn Lâm, em trai Nguyễn Thái Học và từ giã mọi người. Trên đường đi cô ghé quán trà bên gốc cây đề, thuộc Xóm Mới, xã Đông Vệ giáp quốc lộ số 2, cách làng Thổ Tang ước chừng một cây số. Sau khi uống bát nước trà xanh, từ biệt bà chủ quán, cô đến đứng dưới gốc cây đề, mắt nhìn về hướng làng Thổ Tang và tự kết liễu đời mình bằng khẩu súng lục mà Nguyễn Thái Học tặng cô ở đền vua Hùng ngày nào. Hôm ấy là ngày 18 tháng 6 năm 1930".*

Những câu nói anh hùng, những cái chết kiên trinh như thế, tại sao thanh niên, sinh viên miền Bắc không học, không sống, không học tập, không trích dẫn lại gối đầu giường tác phẩm của nhà văn Sô Viết Nikolai Ostrovsky từ tận xứ Ukraine ?

Chỉ vì "nền giáo dục" ngoại lai và nô dịch Việt Nam thực tế chỉ là một phiên bản tuyên truyền của Liên Xô và Trung Cộng.

Trung Cộng có "anh hùng lao động" Hướng Lôi Phong, Liên Xô có "anh hùng lao động" Alexey Stakhanov, CSVN có Kim Đồng, Lê Văn Tám, Võ Thị Sáu, Võ Thị Thắng v.v... Tuy nhiên, theo thời gian và đà tiến của kỹ thuật thông tin, hầu hết "anh hùng" của Liên Xô, Trung Cộng và Cộng Sản Việt Nam đều lần lượt được chứng minh là hàng giả.

Chuyện "anh hùng lao động" Hướng Lôi Phong một năm sau khi bị trụ đèn đè chết trở thành anh hùng là một ví dụ rất hề. Bộ máy tuyên truyền của Trung Cộng, ngoài việc phát hành các tuyển tập thơ, văn còn trưng bày nhiều hình ảnh của Hướng Lôi Phong đang "lao động quên mình" khi còn sống. Tuy nhiên, Susan Sontag, một nhà sản xuất phim ảnh sau khi xem xét bộ ảnh 12 tấm của Lôi Phong đã nhận xét những bức ảnh đó được chụp bằng một phẩm chất và điều kiện kỹ thuật tuyệt hảo đến mức không có một nhiếp ảnh gia chuyên nghiệp nào có thể có mặt bên cạnh Hướng Lôi Phong để chụp. Làm thế nào một nhiếp ảnh gia chuyên nghiệp có thể biết trước một anh chàng binh nhì Hướng Lôi Phong khi anh ta gần như vô danh tiểu tốt, để đi theo và ghi lại "cuộc đời anh hùng", "một người vì mọi người" của anh ta qua một bộ ảnh chuyên nghiệp? Không quá khó để tìm câu giải đáp. Bộ ảnh chỉ là một sản phẩm tuyên truyền được sản xuất sau khi Hướng Lôi Phong chết. Bây giờ chuyện Hướng Lôi Phong là một chuyện cười nhưng đã có một thời người dân Trung Cộng tin một cách chân thành.

Ran Yunfei, một nhà hoạt động dân chủ Trung Quốc, cho The Newyork Review of Books, biết **"***Tất cả những gì đảng CS dạy bạn để kính phục đều là những chuyện giả dối. Hiện nay họ lại thúc đẩy học tập Hướng Lôi Phong lần nữa nhưng ai cũng biết Hướng Lôi Phong là nhân vật giả tưởng do đảng CS nặn ra. Tất cả "anh hùng" đều là giả tạo*"**.**

Sự kiện Tôn Đức Thắng Người thủy thủ phản chiến ở Biển đen của CSVN đã bị Giáo sư Christoph Giebel trong buổi phỏng vấn dành cho BBC khẳng định: "Trong quyển sách của tôi, tôi tin rằng ông Tôn Đức Thắng không có mặt trên bất kì con tàu nào của Pháp liên quan vụ binh biến ở Hắc Hải. Tôi tin là vào thời điểm đó, ông Tôn Đức

Thắng đang ở Toulon, cảng miền nam nước Pháp". Và thê thảm hơn, Lê Văn Tám là một nhân vật ảo, từ tên tuổi cho đến đầu mình và tay chân đều do bộ máy tuyên truyền CSVN nặn ra. Sự kiện này do chính Trần Huy Liệu, bộ trưởng bộ tuyên truyền CSVN thú nhận và được Phan Huy Lê, một trong nhà sử học hàng đầu của chế độ tiết lộ.

Nạn nhân của các "anh hùng" trong nhiều trường hợp lại chính là "anh hùng". Chuyện Võ Thị Sáu hái hoa cài lên tóc là một điển hình. Theo sách vở của đảng, ngày bị xử bắn, trên đường ra pháp trường Võ Thị Sáu còn rảnh rỗi để dừng lại hái mấy cành hoa cài lên tóc của mình. Lãng mạn hơn, vài phút trước khi bị bắn, bà ta còn gỡ những cành hoa trên tóc để tặng lại cho những người tù đào huyệt lát nữa sẽ chôn mình. Câu chuyện mô tả bà Võ Thị Sáu giống như một công chúa đi dạo vườn hoa chứ không phải một tử tù sắp chết. Hãy tạm gác qua bên việc bà có thể bị tâm lý bất bình thường như nhiều người đang bàn tán mà chỉ xem xét khía cạnh pháp lý. Trên thế giới này, không phải thế kỷ trước và cũng không phải thời các quốc gia nhược tiểu bị cai trị dưới ách thực dân tàn bạo mà cả ngày nay tại các nước văn minh tiên tiến, một tử tù ra pháp trường hai tay phải bị còng và chân phải bị xích. Còng và xích không phải là vì sợ tử tù bỏ chạy nhưng đó là một phần của bản án tử hình. Giống như Hướng Lôi Phong của Trung Cộng, nhân vật Võ Thị Sáu có thể là một người thật, đảng Cộng Sản lợi dụng bà trong tuổi vị thành niên để khích động lòng dân nhưng lại tô vẽ nên một Võ Thị Sáu bịnh hoạn đến độ đáng thương.

Chúng ta đều biết, về mặt kinh tế và kỹ thuật Việt Nam phát triển chậm hơn các quốc gia khác nhiều chục năm tuy nhiên đó chưa hẳn là một mối nguy nghiêm trọng lâu dài. Mối lo lớn của đất nước là về mặt dân trí, xã hội, đạo đức và những mặt này Việt Nam còn thua xa các quốc gia

tiên tiến nhiều thế kỷ. Với óc cần cù của người Việt, chúng ta không phải quá lo lắng về một nền khoa học hiện đại, một nền kỹ thuật hiện đại nhưng điều đáng lo lắng nhất là làm thế nào để có những con người Việt Nam với những suy nghĩ đúng, có nhận thức đúng về hướng đi của đất nước hôm nay và mai sau. Phục hưng dân tộc, vì thế, phải bắt đầu ở việc phục hưng các đặc điểm đạo đức, các giá trị nhân bản, khai phóng từ chính trong mỗi người Việt Nam. Một xã hội lương thiện phải được xây dựng bằng những con người có tinh thần hướng thiện.

Một con vẹt có thể cất giọng ca thánh thót và ngay cả hát hay hơn một con chim sơn ca ngoài vườn buổi sáng nhưng không ai bảo tiếng hát của vẹt là biểu tượng cho "mùa xuân, hạnh phúc, hy vọng, may mắn, tự do, niềm vui, tuổi trẻ, tính sáng tạo và ngày mới" như khi nhắc đến chim sơn ca. Phương Uyên là tiếng hát của sơn ca trong khu vườn xuân đất nước. Cơn mưa dài chưa dứt, cơn bão lớn chưa ngưng nhưng hy vọng vẫn còn đây trong lòng người Việt.

Tổ tiên để lại cho chúng ta một gia tài vô cùng phong phú với tất cả phương tiện cần thiết để đưa đất nước Việt Nam thành một cường quốc văn minh và hiện đại. Chúng ta có tinh thần độc lập, tự chủ cao hơn bất cứ một quốc gia nào ở vùng Đông Nam Á. Chúng ta đều ôm ấp một giấc mơ Việt Nam huy hoàng, sáng lạng. Cái duy nhất mà chúng ta chưa có đó là một cơ hội. Và cơ hội sẽ không do ai ban cho, không do ai viện trợ nhưng chính người Việt Nam trong và ngoài nước, đặc biệt là các bạn trẻ, là những người đang tạo ra cơ hội cho dân tộc mình.

Phân tích chính sách tuyên truyền của chế độ CS để thấy sự tác hại của nó trong nhận thức của các tầng lớp nhân dân và cũng cho thấy việc so sánh giữa Võ Thị Thắng và Nguyễn Phương Uyên chẳng khác gì so sánh

giữa giả và thật, chiến tranh và hòa bình, hận thù và nhân ái, bóng tối và ánh sáng.

"HÃY TÔN TRỌNG LỊCH SỬ" NHƯNG LỊCH SỬ NÀO?

Tôi chưa đọc *Bên Thắng Cuộc* đầy đủ để viết về tác phẩm này. Sách do một người em gởi từ California vẫn chưa đến. Có thể khi đọc xong cả hai cuốn, sẽ nhận xét *Bên Thắng Cuộc* với tư cách một người miền Nam đã sống những năm khắc nghiệt ở Sài Gòn, "sinh viên chế độ cũ", đi kinh tế mới, vượt biển và trăn trở cùng đất nước. Bài viết này chỉ bàn đến luận điểm mà các báo lề đảng dùng khi viết về tác phẩm *Bên Thắng Cuộc*.

Hầu hết báo lề đảng đều đòi hỏi *"Hãy tôn trọng lịch sử"*, vâng, nhưng lịch sử nào?

Một trong những đề án lớn của các quốc gia thuộc khối CS Liên Xô cũ không chỉ phục hồi kinh tế, ổn định xã hội sau gần 80 năm sống trong chế độ toàn trị kinh hoàng nhưng là viết lại lịch sử. Các nhà sử học Nga dành nhiều năm để đánh giá các sự kiện diễn ra từ thời Vladimir Lenin đến Mikhail Gorbachev và cho đến nay vẫn còn đang đánh giá. Nhiều chi tiết như các điều khoản bí mật trong hiệp ước Molotov-Ribbentrop, việc chiếm đóng các quốc gia vùng Baltic, sự giúp đỡ của đồng minh trong thế

chiến thứ hai v.v… đã bị xóa trong sử CS. Một số sự kiện có nhắc đến nhưng lại cố tình viết sai thủ phạm như vụ tàn sát 22 ngàn sĩ quan Ba Lan tại Katyn vào tháng 3 năm 1940 được viết là Đức Quốc Xã chứ không phải do mật vụ Sô Viết hành hình. Không chỉ sử Nga mà cả lịch sử thế giới, sự sụp đổ của đế quốc La Mã, các hình thái kinh tế cũng được giải thích theo quan điểm CS.

Các nhà sử học Việt Nam trong tương lai cũng sẽ nhức đầu như thế. Lịch sử không có một dòng chảy chính thống và trong suốt qua các thời kỳ đất nước. Lịch sử Việt Nam từ năm 1954 ở miền Bắc và từ năm 1975 trên phạm vi cả nước là lịch sử của kẻ thắng trận, được giải thích theo quan điểm của kẻ thắng trận và để phục vụ cho mục đích của kẻ thắng trận. Lịch sử Việt Nam mà sinh viên học sinh đang học là lịch sử được phát ra từ cái loa, biểu tượng cho bộ máy tuyên truyền của chế độ, giống như cái loa mà Huy Đức có thể đã ám chỉ trong bìa sách *Bên Thắng Cuộc*.

Rất nhiều tranh luận về lý do tồn tại của chế độ CS tại Việt Nam. Trong cái nhìn của riêng tôi, chế độ CS tại Việt Nam chưa sụp đổ, không phải nhờ đổi mới kinh tế, ổn định xã hội nhưng chính là nhờ tác dụng của cái "loa lịch sử" đó. Đảng CS ít nhiều đã thành công trong việc che giấu được tội ác và khoác cho mình chiếc áo chính danh, chính nghĩa hay ít nhất không một thành phần dân tộc nào chính danh, chính nghĩa hơn đảng CS.

Đảng Cộng sản tại năm quốc gia sót lại từ phong trào CS quốc tế, đặc biệt Trung Cộng và Việt Nam đã pha chế chủ nghĩa Dân tộc vào chủ nghĩa Cộng sản thành một loại hợp chất gây mê man nhãn hiệu Dân tộc Xã hội chủ nghĩa. Đảng CS lý luận rằng họ ra đời để đáp ứng một nhu cầu lịch sử và, như một tác giả viết trong báo Pháp Luật, *"những người cộng sản chỉ nối tiếp sứ mệnh mà lịch sử giao phó".* Lịch sử nào giao phó?

Chủ trương nhuộm đỏ Việt Nam của đảng CS rõ như ban ngày khi đẩy hàng triệu thanh niên miền Bắc mang súng đạn Nga Tàu vào cưỡng chiếm miền Nam. Pháp rút sớm hay rút muộn, Mỹ đến hay không đến cũng chẳng ảnh hưởng gì đến mục tiêu thiết lập một nhà nước CS trên toàn lãnh thổ Việt Nam dứt khoát từ ngày thành lập đảng CS vào năm 1930. "Độc lập dân tộc", "Thống nhất đất nước" chỉ là những chiêu bài. Nếu không dùng khẩu hiệu "Chống Mỹ cứu nước" bộ máy tuyên truyền tinh vi của đảng cũng thừa khả năng để nặn ra hàng trăm chiêu bài, khẩu hiệu hấp dẫn khác để kích thích và vận dụng lòng yêu nước. Bộ máy tuyên truyền của đảng nhồi nhét vào nhận thức của các thế hệ Việt Nam, nhất là thế hệ sinh ra và lớn lên sau cuộc chiến, rằng cuộc chiến tranh gọi là "Chống Mỹ cứu nước" trước 1975 là cuộc chiến chính nghĩa, "đánh Mỹ" là bước kế tục của chiến tranh chống Thực Dân Pháp. Đó là lý luận của kẻ cướp. Đảng CS không chỉ cướp đất nước mà cướp cả niềm tin và khát vọng của những người đã chết.

Như tôi đã viết trước đây, miền Nam có đàn áp chính trị nhưng cũng có đấu tranh chính trị, có ông quan tham nhũng nhưng cũng có nhiều phong trào chống tham nhũng hoạt động công khai, có ông tướng lạm quyền nhưng cũng có ông tướng trong sạch, có nghị gà nghị gật nhưng cũng có những chính khách, dân biểu, nghị sĩ đối lập chân chính. Xây dựng một xã hội dân chủ vừa bước ra khỏi phong kiến và thực dân là một tiến trình vinh quang nhưng cũng đầy trắc trở. Dân chủ ở miền Nam như một chiếc cây non lớn lên trong mưa chiều nắng sớm. Nhưng dù có khó khăn, tham nhũng thối nát bao nhiêu đi nữa, đó cũng là vấn đề riêng của Việt Nam Cộng Hòa không dính dáng gì đến đảng CS ở miền Bắc. Những ông như Trịnh Đình Thảo, Lâm Văn Tết có đủ không gian và phương tiện để đấu tranh một cách hợp pháp tại miền Nam cho một

xã hội tốt đẹp hơn như hàng trăm chính khách quốc gia khác. Dĩ nhiên, họ có thể thất bại, bị tù đày và ngay cả bị giết nhưng vẫn là những người quốc gia chân chính. Tuy nhiên, khi tham gia Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam, chấp nhận làm công cụ cho đảng CS, họ đã tự chặt chiếc cầu biên giới giữa họ và nhân dân miền Nam.

Tác giả viết trong *Sài Gòn Giải Phóng* nhắc đến "10 cô gái Đồng Lộc" mà không biết rằng nếu có thể hiện hồn về, công việc đầu tiên của các cô chết trong hố bom Đồng Lộc là đi tìm lãnh đạo đảng CS để thanh toán cả vốn lẫn lời vì cái chết oan uổng của các cô chỉ để đổi lấy một đất nước nghèo nạn, lạc hậu, một chế độ độc tài, tham nhũng, phản văn minh tiến bộ như ngày nay.

Tác giả trên báo *Sài Gòn Giải Phóng* cũng nhắc đến đến "nhà tù Côn Đảo", "nghĩa trang Hàng Dương" làm tôi nhớ đến nơi này. Tôi cũng đã từng đến đó, không phải vì phải ở tù mà chỉ vì muốn biết một di tích lịch sử của dân tộc. Đảng xem nhà tù Côn Đảo như một "trường đại học CS", tài sản riêng của đảng CS nhưng đừng quên nhà tù Côn Đảo do thực dân Pháp lập ra năm 1862 tức 68 năm trước khi đảng CS ra đời. Năm 1945, đảng CS ước lượng có khoảng 5 ngàn đảng viên. Cho dù thực dân Pháp bắt và đày nguyên cả đảng ra Côn Đảo cũng không thể so với số tù nhân thuộc các phong trào yêu nước khác. Với tôi, cuộc chiến chống thực dân Pháp là cuộc chiến chính nghĩa. Trong suốt gần một thế kỷ trong bóng tối thực dân, hàng vạn đồng bào thuộc nhiều thế hệ Việt Nam đã bị bắt, tra tấn và đã hy sinh trên Côn Đảo. Những đồng bào đã hy sinh trong cuộc chiến chống Thực Dân và bỏ xác trên đảo đều xứng đáng được tôn vinh.

Nếu họ đã từng là đảng viên Cộng sản thì sao? Không sao cả. Như tôi đã có dịp viết trong tiểu luận *Từ buổi*

chiều trên nghĩa địa Hàng Dương, việc tham gia vào đảng Cộng sản của một số người Việt Nam, chủ yếu là để được tổ chức hóa nhằm mục đích hợp đồng chiến đấu, đạt đến chiến thắng dễ dàng hơn chứ không phải vì tin vào chủ nghĩa Cộng Sản. Ngày đó, vì điều kiện giao thông khó khăn, núi non cách trở, sự phát triển của các đảng phái chống thực dân ít nhiều bị giới hạn bởi các đặc tính địa phương, bà con giòng họ, hoàn cảnh trưởng thành. Nếu họ sinh ra ở Quảng Nam họ sẽ gia nhập Việt Nam Quốc dân Đảng, sinh ra ở Quảng Trị họ sẽ gia nhập Đại Việt, sinh ra ở Cần Thơ, Vĩnh Long, An Giang họ sẽ gia nhập Dân xã Đảng. Đó là trọng điểm của các đảng phái chống Pháp trong những thập niên đầu của thế kỷ 20. Những người Việt yêu nước thời đó chọn lựa đảng phái như chọn một chiếc phao để đưa dân tộc sang bờ độc lập. Những nông dân hiền hòa chất phác, những công nhân đầu tắt mặt tối làm sao biết được con đường họ đi không dẫn đến độc lập, tự do, hạnh phúc mà dẫn đến nghèo nàn, lạc hậu, độc tài và làm sao biết được chiếc phao họ bám cũng là chiếc bẫy buộc chặt chẳng những cuộc đời họ mà còn gây hệ lụy cho cả dân tộc đến ngày nay. Đảng Cộng sản như một tổ chức thì khác. Mục đích của đảng CS không chỉ nhuộm đỏ miền Nam, nhuộm đỏ Việt Nam mà còn nhuộm đỏ cả dòng lịch sử.

Tác giả viết trên báo *Pháp Luật* so sánh việc chính quyền miền Nam tra tấn các đảng viên CS và tù "cải tạo" sau 1975 khi kết án tác giả *Bên Thắng Cuộc* đã *"Nhấn mạnh "chế độ hà khắc" của các trại cải tạo nhưng cuốn sách lại không nhắc đến những trại tù và cách ứng xử của chế độ Sài Gòn cũ đối với những người yêu nước".*

Những kẻ ném lựu đạn vào nhà hàng, ám sát, đặt mìn trên quốc lộ 1, quốc lộ 4, đặt bom trong sân vận động, đốt chợ, đốt làng, giết người vô tội không phải tù chính trị

hay tù binh chiến tranh mà chỉ là những tên khủng bố. Chúng là những kẻ yêu đảng chứ không phải là "những người yêu nước". Tội ác giết phụ nữ trẻ em của chúng phải được xét xử theo đúng luật pháp. Điều đó đã và đang được áp dụng tại mọi quốc gia trên thế giới không riêng gì Việt Nam Cộng Hòa.

So sánh tù CS ở Côn Đảo và tù "cải tạo" là một cách so sánh vụng về và không cân xứng. Tổng số tù tại Côn Đảo khác nhau tùy theo bên nào tổng kết, 5 ngàn theo con số của VNCH công bố và 17 ngàn theo con số của Hà Nội. Dù chọn con số 17 ngàn của đảng thổi phồng vẫn không thể so với hơn 200 ngàn công nhân viên chức và sĩ quan quân đội VNCH bị giam giữ trong 150 trại tù, đa số tận rừng sâu nước độc kéo dài từ 1975 đến 1992 mà chính Thủ tướng CS Phạm Văn Đồng thừa nhận. Các tổ chức quốc tế ước lượng cho đến 1982 số viên chức và sĩ quan VNCH bị giam giữ vẫn còn lên đến 300 ngàn người. Theo tổng kết của báo chí Mỹ, khoảng 165 ngàn người đã chết trong các trại tù CS. Ngoài ra, hàng triệu thân nhân, gia đình, con cái họ bị đày ra các vùng kinh tế mới, bị bạc đãi như nô lệ thời CS chỉ vì lý lịch VNCH.

Một điều quan trọng mà người dân miền Nam sẽ không bao giờ quên, không giống tù Côn Đảo xảy ra trong thời chiến, tội ác "tù cải tạo" vô cùng phi nhân đã được đảng thực thi sau khi đất nước đã hòa bình, sau khi Lê Duẩn ngọt ngào tuyên bố *"chiến thắng này thuộc về nhân dân Việt Nam"* và sau khi Trần Văn Trà, Chủ tịch Ủy ban Quân quản Sài Gòn Gia Định vuốt ve các viên chức VNCH còn trong Dinh Độc Lập *"Nhân dân Việt Nam chính là người chiến thắng và chỉ đế quốc Mỹ mới thật sự là kẻ bại trận mà thôi".*

Phân tích như vậy để thấy lý luận trong bài viết trên báo *Pháp Luật* cho rằng cuộc chiến chấm dứt sáng 30-4-

1975 *"không phải là chiến thắng của một "bên thắng cuộc" hạn hẹp mà là chiến thắng của mọi người Việt Nam, trong đó cả những người từng ở phía bên kia"* đúng là sản phẩm của chính sách tẩy não. Miền Nam sau 30-4-1975 là một nhà tù và nhân dân miền Nam là tù nhân dưới nhiều hình thức khác nhau.

Từ 1983, để tồn tại, đảng CS phải tự diễn biến hòa bình bằng cách mở thêm một vài ô cửa sổ cho gió vào nhưng thực chất đất nước vẫn còn bị bao bọc bằng bức tường dày bưng bít thông tin và một chế độ trấn áp không thua tiêu chuẩn một nhà tù khắt khe quốc tế nào. Lý thuyết Mác Lê có thể chỉ còn trong đầu môi chót lưỡi, trong các diễn văn, trong các bài ai điếu của các lãnh đạo đảng nhưng các phương tiện chuyên chính, toàn trị CS vẫn không khác gì nhiều so với thời triệt để cách mạng trước đây. Một nhạc sĩ trẻ Việt Khang chỉ viết hai bài hát chống Tàu bị kết án bốn năm tù. Một cô gái Đỗ Thị Minh Hạnh mới ngoài hai mươi tuổi, đấu tranh cho quyền lợi công nhân phù hợp với luật pháp của đảng CS quy định bị kết án bảy năm tù, một thanh niên trẻ Lê Sơn chỉ đưa tin tức các cuộc biểu tình chống Trung Cộng và chống khai thác Bauxite tại Tây Nguyên bị kết mười ba năm tù. Và hàng trăm, hàng ngàn người khác đã sống và đã chết, nhiều trường hợp rất âm thầm, trong nhà tù CS chỉ vì dám nói lên khát vọng dân chủ tự do.

Tác giả trên báo *Sài Gòn Giải Phóng* viết *"Có thể lúc này lúc khác, Đảng có sai lầm. Cuộc sống khó khăn, đôi khi tôi cũng mất lòng tin vào đường lối của Nhà nước*"**.** Hãy chỉ dùm tôi, không phải một năm, một tháng mà chỉ một ngày thôi đảng CS đã "lúc này lúc khác". Bản chất của chế độ chưa hề thay đổi dù chỉ một giờ.

Lãnh đạo đảng có 38 năm để chọn một hướng đi phù hợp với trào lưu tiến hóa của nhân loại, có hàng trăm cơ

hội để sửa sai nhưng họ không làm. Tất cả chính sách của đảng chỉ nhằm một mục đích duy nhất là củng cố quyền cai trị mặc cho dân tộc bị bỏ lại phía sau một đoạn đường quá xa so với đà tiến của nhân loại sau cách mạng tin học và toàn cầu hóa kinh tế cuối thập niên 1980. Tội ác của đảng với "tù cải tạo", "kinh tế mới", "đổi tiền", "đánh tư sản", có viết hàng tủ sách cũng không hết. Nỗi đau và sự chịu đựng vô bờ bến của nhân dân miền Nam nói riêng và cả nước nói chung, không thể nào diễn tả cạn dòng. Hàng ngàn câu chuyện thật đau lòng đã xảy ra trên con đường máu nhuộm Việt Nam sau 1975 và chỉ được phơi bày khi bức tường chuyên chính CS bị đạp đổ.

Có hai cách để đạp đổ bức tường chuyên chính. Thứ nhất, đi mượn một cái búa lớn của các cường quốc đem về đập phá bức tường và thứ hai xoi mòn bằng những bàn tay nhỏ Việt Nam kiên nhẫn. Sau 38 năm, những người đi tìm búa hoặc chết trên đường hoặc trở về không. Còn lại hôm nay là những bàn tay Việt Nam nhỏ nhoi. Bàn tay Đỗ Thị Minh Hạnh, Nguyễn Hoàng Quốc Hùng, Đoàn Huy Chương, Nguyễn Văn Hải, Tạ Phong Tần, Trần Huỳnh Duy Thức, Lê Công Định, Lê Quốc Quân, Đặng Xuân Diệu, Hồ Đức Hòa, Lê Văn Sơn và hàng ngàn người Việt Nam yêu nước khác. Dù đang ngồi trong bốn bức tường đen, họ mới chính là những người đang viết sử và thấy đâu là sự thật.

CỜ ĐỎ SAO VÀNG LÀ CỜ TỔ QUỐC?

Macy's là một trong 20 công ty buôn bán sản phẩm tiêu dùng lớn nhất nước Mỹ. Đứng đầu danh sách là Walmart. Cách đây vài năm, trên diễn đàn Internet, một người hay một nhóm người Việt nào đó tố cáo công ty Macy's "treo cờ Cộng Sản", tức cờ nền đỏ sao vàng. Thế là hàng trăm người lên tiếng phản đối theo. Thậm chí có người viết thư gởi thẳng cho ban giám đốc Macy's yêu cầu công ty này phải hạ ngay "lá cờ máu" đó xuống.

Thật ra, thương hiệu của Macy's là nền trắng sao đỏ dù có lúc đổi ngược bằng nền đỏ sao trắng giống như các đội thể thao chuyên nghiệp thường đổi ngược màu áo tùy thuộc khi chơi ở sân nhà hay sân khách. Mà cho dù, công ty Macy's có dùng nền đỏ sao vàng đi nữa cũng chỉ là thương hiệu của một công ty, giống như công ty buôn bán đồ cũ được thành lập vào sáng 2-9-1945 tại Việt Nam mà thôi.

Theo các tài liệu về công ty Macy's, trong khi làm việc cho hãng Emily Morgan, Rowland Hussey Macy thấy một cô gái xâm một ngôi sao đỏ. Thấy đẹp, ông ta cũng tìm thợ xâm cho mình một hình sao đỏ. Ngày 28-10-1858, công ty Macy's chính thức thành lập. Nhưng một công ty thì phải có thương hiệu, nghĩ đến hình xâm mình ưa chuộng, ông quyết định dùng cờ nền trắng sao đỏ là thương hiệu chính thức cho công ty. Công ty Macy's làm ăn khấm khá, mở nhiều cơ sở vùng Đông Bắc, bao gồm Massachusetts và New York, nhưng tham vọng của ông Macy không chỉ quanh quẩn miền bắc đất hẹp người thưa nhưng nhắm vào thị trường đông dân trù phú ở miền nam. Macy's thu phục các công ty nhỏ như O'Connor Moffat ở San Francisco, John Taylor Dry Goods Co. ở Kansas. Trong thời gian này, Macy's dùng một số thương hiệu khác nhau, nhưng sau khi đã chế ngự thị trường, Rowland Macy chỉ dùng một hình sao đỏ như thương hiệu chính thức cho công ty từ đó đến ngay.

Theo tài liệu chính thức của đảng CSVN, tác giả lá cờ nền đỏ sao vàng là ông Nguyễn Hữu Tiến làm nghề thầy giáo, tham gia đảng Cộng Sản, bị tù và vượt ngục. Năm 1935, ông được Xứ Ủy Nam Kỳ giao trách nhiệm vẽ lá cờ để sử dụng trong các cuộc đấu tranh. Ông đã vẽ lá cờ nền đỏ sao vàng. Lá cờ này được Xứ Ủy Nam Kỳ chấp thuận và xuất hiện trong các cuộc đấu tranh do đảng Cộng Sản tổ chức và lãnh đạo, trong đó có cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ 23-11-1940. Ngày 28-8-1941 ông Nguyễn Hữu Tiến bị xử bắn cùng các lãnh đạo trung ương khác của đảng Cộng Sản như Nguyễn Thị Minh Khai, Võ Văn Tần, Hà Huy Tập. Ông Hồ Chí Minh rất thích lá cờ này và thường dùng trong các hoạt động của phong trào Việt Minh, một tổ chức ngoại vi của đảng Cộng Sản.

Cờ nền đỏ sao vàng xuất hiện không chính thức trong ngày 2-9-1945 vì đến ngày 5-9-1945, ông Hồ mới ký sắc lịnh dùng cờ của Xứ Ủy Cộng Sản Nam Kỳ làm cờ chính thức cho nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Sau đó lá cờ nền đỏ sao vàng được đưa sang quốc hội gồm khoảng 300 đại biểu bù nhìn của đảng Cộng Sản, không tính 70 đại biểu từ các đảng không Cộng Sản thêm vào sau không bầu, thông qua. Sau giai đoạn khó khăn từ 1945 đến 1950, đảng Cộng Sản với sự yểm trợ bằng máu xương và súng đạn từ hai đàn anh Cộng Sản quốc tế, đã chiếm được một nửa nước Việt Nam. Nhưng mục tiêu của Đảng không dừng lại ở miền bắc đất hẹp người thưa nhưng nhắm vào khu vực đông dân trù phú ở miền nam. Ngày 20-12-1960, trung ương đảng CSVN lập thêm chi nhánh miền nam và để che giấu dư luận quốc tế, Đảng dùng cờ nửa xanh nửa đỏ làm thương hiệu cho cơ sở miền nam. Nhưng sau khi chiếm trọn miền nam vào 30-4-1975, việc che đậy không còn cần thiết, Đảng dùng cờ nền đỏ sao vàng cho cả nước từ đó đến nay.

Dù có vài tình tiết trùng hợp lý thú, công ty Macy's và đảng CSVN chẳng liên hệ gì nhau. Sự so sánh chỉ nhằm chứng minh rằng cờ nền đỏ sao vàng của đảng CSVN và cờ nền trắng sao đỏ của công ty Macy's đều chỉ là thương hiệu của một hai tổ chức kinh doanh. Một công ty quốc tế ở Mỹ hay một tiệm bán đồ cũ ở Việt Nam cũng đều có thương hiệu và sự tồn tại của thương hiệu gắn liền với thời gian hoạt động của công ty. Giả thiết, một ngày nào đó công ty Macy's bị công ty Target mua, ngôi sao đỏ sẽ bị thay bằng hai vòng tròn trắng đỏ, thương hiệu của công ty Target. Tương tự, một ngày, chắc chắn sẽ có ngày đó, chế độ CSVN sụp đổ, lá cờ nền đỏ sao vàng cũng sẽ tiêu tùng theo chế độ.

Trong quan điểm đó, tôi chia sẻ ý kiến của nhà báo Lê Diễn Đức viết trong Facebook góp ý bài báo "Những lá cờ" của tác giả Bá Tân đăng trên Blog Quê Choa của nhà văn Nguyễn Quang Lập: "Theo tôi, cờ đỏ sao vàng không phải là cờ của Tổ quốc VN, của dân tộc VN, mặc dù tôi đã từng học tập, lớn lên dưới lá cờ này và nhiều lúc đã tự hào vì cha ông tôi đã chiến đấu dưới lá cờ này. Nhưng chính xác mà nói thì đó là cờ hiệu của nhà nước CHXHCN VN do Đảng CSVN cầm quyền. Nước VN có mấy ngàn năm lịch sử, trải qua bao nhiêu triều đại và chế độ với những là cờ khác nhau. Cờ đỏ sao vàng có chính thức từ ngày 2/9/1945, chỉ là biểu tượng của một nhà nước với ý thức hệ cộng sản, không đại diện cho cả chiều dài lịch sử của dân tộc."

Dưới đây là vài bằng chứng.

Tại châu Âu. Trước 1989, "cờ tổ quốc" của Hungary gồm ba màu đỏ, trắng, xanh lá cây, ở giữa là huy hiệu sao đỏ và búa liềm của đảng Cộng Sản. Quốc kỳ của Hungary hiện nay, trong lúc vẫn duy trì ba màu truyền thống của dân tộc Hung, ở giữa là hai đường cung trống rỗng, đánh dấu sự cắt bỏ chủ nghĩa Cộng Sản khỏi đất nước Hungary. Khoảng trống được giữ lại giữa lá cờ còn để nhắc nhở sự hy sinh của các thế hệ Hungary trong cuộc nổi dậy vào tháng Mười 1956. Ngày đó, đường phố Budapest ngập đầy những lá "cờ tổ quốc" bị xé nát như những xác lá cuối mùa thu. Tiến sĩ Nicholas Martin, giáo sư ngôn ngữ học tại Pasadena City College, vào thời điểm đó là một cầu thủ Water Polo và đang đại diện cho Hungary trong Thế Vận Hội 1956 tại Melbourne, nhắc lại kỷ niệm không thể nào quên trong đời ông: "Việc đầu tiên tôi làm là xé ngay lá cờ Cộng Sản Hungary trong làng Thế Vận và chúng tôi tuyên bố đại diện cho một quốc gia Hungary tự do". Nhưng vào những ngày cuối của Thế Vận 1956 cũng là lúc đoàn xe

tăng của Hồng Quân Liên Xô đang càn lên xác những người dân Hung yêu chuộng tự do được trang bị bằng gậy gộc, đội tuyển Hung gặp đội tuyển Liên Xô trong giải chung kết Water Polo. Trận đấu được báo chí tường thuật là trận đấu "máu hòa trong nước". Kết quả đội tuyển Hungary đã thắng đội tuyển Liên Xô tỉ số 4-0. Thật ra, các cầu thủ Liên Xô cũng chỉ là những cầu thủ vô tội, chẳng may phải gánh chịu các trận tấn công liên tục của các tuyển thủ Hungary đang sôi máu căm thù.

Tại châu Á. Mông Cổ, sau thời đại huy hoàng của Thành Cát Tư Hãn và các con ông, vào thế kỷ 14, quê hương của đại đế bị chia cắt thành hai mảnh và phân hóa trầm trọng. Vào thế kỷ 17, Mông Cổ bị đặt trong vòng cai trị của nhà Thanh và phần lớn khu Nội Mông đã trở thành đất của nhà Thanh, hiện nay là Khu tự trị Nội Mông thuộc Trung Cộng. Lợi dụng cách mạng Tân Hợi Trung Hoa 1911, các phong trào yêu nước Mông Cổ tuyên bố độc lập nhưng chưa kịp làm gì đã bị quân Trung Hoa đánh bại và chiếm đóng. Trong lúc số phận Mông Cổ, một trong những đế quốc lừng danh trong lịch sử nhân loại sắp bị xóa tên khỏi bản đồ thế giới, quân đội Bạch Nga dưới quyền Bá Tước Ungern, bị Cộng Sản Nga đánh đuổi, tràn sang biên giới và đánh bại quân Trung Hoa. Trong cái rủi có cái may, sự xâm lược của quân Nga vô tình cứu Mông Cổ thoát khỏi nạn đồng hóa. Khi Liên Xô thắng, nước Cộng Hòa Nhân Dân Mông Cổ, trong vùng Ngoại Mông, được thành lập. Tuy bị đặt trong vòng kiểm soát của Liên Xô, về đối ngoại Mông Cổ là một quốc gia độc lập, thành viên của Liên Hiệp Quốc và nhiều tổ chức quốc tế. Khi Liên Xô sụp đổ, giống như các nước trong vòng ảnh hưởng của Liên Xô, Mông Cổ trở thành nước Cộng Hòa Mông Cổ. Hai chữ "nhân dân" trong tên nước bị xóa bỏ. Trong thời Cộng Sản, "cờ tổ quốc" của Mông Cổ gồm ba phần, hai bên màu đỏ, phần giữa màu xanh với dấu hiệu

sao vàng của đảng Cộng Sản bên trái. Ngày 15 tháng Giêng 1992, quốc hội Cộng Hòa Mông Cổ biểu quyết xóa bỏ ngôi sao vàng Cộng Sản khỏi lá cờ và thay vào đó bằng ngọn lửa biểu tượng cho tinh thần Soyombo phát triển, thịnh vượng và thành công của dân tộc Mông Cổ.

Tại châu Phi. Ethiopia là một trong những chiếc nôi của văn minh nhân loại nhưng trong thập niên 1980 của thế kỷ 20 quốc gia 82 triệu người này đã chịu đựng nạn nghèo đói tận cùng và ách Cộng Sản dã man. Chỉ trong vòng 5 năm, khoảng 10 phần trăm dân số bị chết trong đói khát hay chết dưới bàn tay của bạo chúa Mengistu. Kỷ nguyên Mengistu được báo chí gọi là "khủng bố đỏ" để so sánh với "khủng bố trắng" do thực dân Âu châu gây ra cho các nước Phi châu trước đây. Sau khi thiết lập chế độ độc đảng vào năm 1987, Mengistu Haile Mariam và đảng Lao Động Ethiopia do y thành lập tuy vẫn giữ ba màu đỏ, vàng và xanh lá cây truyền thống đoàn kết châu Phi nhưng ngay giữa lá cờ, Mengistu đã thêm huy hiệu nền đỏ sao vàng biểu tượng cho quyền lãnh đạo trung ương của đảng Cộng Sản. Nhiều đảng phái chống Mengistu ra đời và phối hợp hoạt động dưới danh nghĩa của Mặt Trận Dân Chủ Cách Mạng Ethiopia. Cuối cùng chế độ khát máu Mengistu bị lật đổ vào tháng 5 năm 1991. Ngày nay, Ethiopia vẫn còn là một nước nghèo với 40 phần trăm dân số sống bằng nông nghiệp và không có nguồn tài nguyên thiên nhiên nào lớn nhưng là một trong những quốc gia Phi châu có mức phát triển nhanh. Con đường dân chủ hóa của Ethiopia bắt đầu từ 1994, là con đường đầy gai góc nhưng đã tiến xa so với thời bạo chúa Cộng Sản Mengistu. Sau khi được tự do khỏi xích xiềng Cộng Sản và có hiến pháp dân chủ, quốc kỳ đại diện cho quốc gia Ethiopia gồm ba màu truyền thống đỏ, vàng, xanh lá cây và tia sáng có chiều dài bằng nhau kết thành hình ngôi sao trên vòng tròn màu xanh nước biển biểu tượng

cho tinh thần bình đẳng, chính thức được phê chuẩn ngày 6-2-1996.

Tại Kampuchea láng giềng. Trước ngày 17-4-1975, lá cờ Cộng Hòa Khmer gồm hai màu xanh đỏ với hình Angkor Wat bên góc trái và ba ngôi sao trắng bên góc phải. Ngày 22-5-1975, lá cờ này bị thay đổi bằng cờ nền đỏ với Angkor Wat vàng của chế độ diệt chủng Pol Pot. Điều 16 trong hiến pháp "Dân chủ Kampuchea" công bố ngày 5 tháng Giêng 1976, giải thích "màu đỏ là màu cách mạng, biểu tượng cho quyết tâm của nhân dân Kampuchea để giải phóng, bảo vệ và xây dựng đất nước". Cờ của chế độ Pol Pot không phải là cờ mới được vẽ nhưng có lịch sử gắn liền với sự ra đời của đảng Cộng Sản Kampuchea được thành lập vào 1951 sau khi đảng Cộng Sản Đông Dương "tự động giải tán" ngày 11-11-1945. "Cờ tổ quốc" của chế độ diệt chủng Pol Pot được phác họa khá giống với "cờ tổ quốc" của đảng Cộng Sản Việt Nam hiện nay chỉ khác vị trí của sao vàng được thay bằng Angkor Wat vàng. Sử gia David P. Chandler trong bài phân tích về hiến pháp Cộng Sản Kampuchea (The Constitution of Democratic Kampuchea: The Semantics of Revolutionary Change) do ký giả Đức Siegfried Ehrmann trích lại trong bài báo *Lá cờ với một quá khứ đầy cực hình* (A flag with a tortured past), cũng thừa nhận cờ của chế độ Pol Pot "giống như cờ của phong trào được gọi là Việt Minh trong đầu thập niên 1950". Sau một thời gian dài đầy biến cố, quốc kỳ của Kampuchea Quân Chủ Lập Hiến hiện nay gồm hai màu xanh đỏ truyền thống như đã được dùng trong thời Cộng Hòa Khmer với biểu tượng Angkor Wat trắng được đặt ở trung tâm.

Tóm lại, từ 15 nước thuộc Liên Bang Xô Viết cho đến 8 nước Cộng Sản Đông Âu, 3 nước Cộng Sản vùng Baltics (Latvia, Lithuania, Estonia), Cộng Sản Phi châu (Ethiopia),

Cộng Sản Á Châu (Kampuchea), có quốc gia thay đổi ít như Ba Lan hay quốc gia thay đổi hoàn toàn như Nga, nhưng không có một nước nào tiếp tục sử dụng lá cờ của chế độ Cộng Sản làm cờ đại diện cho quốc gia thời sau Cộng Sản.

Lịch sử diễn ra trước mắt như thế, rõ ràng và dễ hiểu. Tuy nhiên, từ hai phần ba thế kỷ từ 1945 đến nay, ban tư tưởng trung ương đảng CSVN đã nhồi sọ, tẩy não các thế hệ Việt Nam để họ tin một cách tự nhiên, tin một cách chân thành rằng lá cờ nền đỏ sao vàng của Xứ Ủy Cộng Sản Nam Kỳ, thương hiệu đối ngoại của đảng CSVN là cờ tổ quốc.

Thế nào là tổ quốc?

Hiểu một cách đơn giản và gần gũi, tổ quốc là đất nước, là cội nguồn và là căn nhà chung của một giống dân có cùng một lịch sử, văn hóa, truyền thống, lãnh thổ, vùng trời, vùng biển. Ngay trong Đại Tự Điển do Trung tâm Ngôn ngữ và Văn hóa Việt Nam thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo soạn thảo và nhà Xuất bản Văn hóa Thông Tin ấn hành năm 1998 cũng định nghĩa tổ quốc là "Đất nước, gắn liền với bao thế hệ ông cha, tổ tiên của mình: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tổ quốc Việt Nam của chúng ta."

Với định nghĩa đó, thương hiệu của đảng CSVN không thể gọi là cờ tổ quốc và càng không nên dùng, dù là dùng như một lá chắn, để biểu dương lòng yêu nước của mình.

Biểu tượng của tự do dân chủ không nhất thiết phải là một lá cờ mà có thể là một hình chữ V như Boris Yeltsin ra dấu khi đứng trên chiếc xe tăng, một ngón tay còn dính mực xanh chứng tỏ vừa làm xong nghĩa vụ công dân của người phụ nữ Iraq, một giọt nước mắt vui mừng của người mẹ Ai Cập hay trong nhiều năm tại Miến Điện là bức ảnh của bà Aung San Suu Kyi.

Mặc dù chỉ là biểu tượng nhưng cách dùng biểu tượng cũng thể hiện ý thức chính trị của người dân tại quốc gia đó. Nếu ai để ý sẽ thấy, trong số hàng triệu sinh viên Trung Quốc tham dự cuộc biểu tình suốt bảy tuần lễ tại Thiên An Môn tháng Tư 1989, rất ít người mang theo cờ đỏ năm sao vàng của Trung Cộng. Lá cờ của phong trào dân chủ là cờ trắng với hàng chữ đòi hỏi "Tranh luận dân chủ". Họ đi tìm một biểu tượng. Những ngày cuối của cuộc biểu tình tuổi trẻ Trung Cộng đã can đảm chọn tượng Nữ Thần Tự Do làm biểu tượng chính thức cho cuộc đấu tranh vì về mặt tinh thần, nữ thần tự do không có quốc tịch và không đứng trên biên giới của một nước nào.

Bảy tháng sau biến cố Thiên An Môn, cuộc biểu tình chống chế độ Nicolae Ceausescu tại Timosoara, Rumani cũng diễn ra tương tự. Hơn 100 ngàn dân, đa số là thanh niên sinh viên, xuống đường chống chế độ độc tài CS không mang theo "cờ tổ quốc" như họ vừa được dạy ngày hôm trước mặc dù lúc đó chế độ Ceausescu vẫn còn rất mạnh và các cuộc đàn áp đẫm máu sắp sửa diễn ra tại thành phố này.

Hầu hết tuổi trẻ Việt Nam sinh ra và lớn lên sau 1975. Tâm hồn của các em là những tờ giấy trắng, xã hội vẽ lên đó những con đường, những tín hiệu và các em đi trên con đường đó, nhận diện cuộc đời qua các tín hiệu đó. Xã hội trong trường hợp Việt Nam là bộ máy tuyên truyền của đảng Cộng Sản, một tổ chức chuyên nghiệp với trách nhiệm khống chế mọi lãnh vực, suy nghĩ và nhận thức của con người.

Dù sao, tuổi trẻ sinh ra và lớn lên khi lá cờ đỏ sao vàng đã có rồi, bị đầu độc để hiểu sai lịch sử, còn có thể thông cảm, những giáo sư, trí thức, nhà văn, nhà thơ học nhiều hiểu rộng, có dịp ra nước ngoài học tham khảo thêm

nhiều tài liệu khách quan mà vẫn tin lá cờ nền đỏ sao vàng của đảng Cộng Sản là cờ tổ quốc mới là đáng trách. Họ thích khoe khoang bằng cấp, trình độ học vấn và luôn nhấn mạnh đến tinh thần khách quan khoa học nhưng lại sống và hành động như một thói quen, cảm tính, một phản xạ sinh tồn tự nhiên, chấp nhận những hiện tượng nghịch lý, phi lý một cách dễ dàng. Điều đó cho thấy không gian giữa kiến thức và nhận thức vẫn còn là một khoảng cách khá dài.

Cho đến nay, lý do được viện dẫn nhiều nhất để biện minh cho tính chính thống của cờ đỏ sao vàng là căn cứ vào quốc hội khóa 1 và hiến pháp 1946.

Cả thế giới đều biết trong chế độ Cộng Sản quốc hội chỉ là tấm bình phong dân chủ để che mắt dư luận. Đảng mới là trung tâm quyền lực tuyết đối điều khiển mọi hoạt động của đất nước. Ngày 6-1-1946, ngoại trừ 70 đại biểu không bầu gọi là "đại biểu truy nhận" từ các đảng Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội và Việt Nam Quốc Dân Đảng được thêm vào sau đó, hầu hết trong số 333 đại biểu là đảng viên đảng Cộng Sản hay các tổ chức ngoại vi của đảng Cộng Sản và phải qua sự giới thiệu của Việt Minh, một tổ chức tương tự như Mặt Trận Tổ Quốc ngày nay.

Một vài quan điểm biện minh cho hiến pháp 1946 xem đó như là hiến pháp dân chủ, giá trị, thế nhưng giá trị của một hiến pháp không phải vì đó là một văn bản có nội dung súc tích, chứa đựng tầm nhìn xa nhưng ở chỗ thực hiện và áp dụng hiến pháp trong việc xây dựng và phát triển đất nước. Hiến pháp 1946 mặc dù trên danh nghĩa được thông qua ngày 9 tháng 11 năm 1946 nhưng chưa từng được chính thức công bố cho đến khi được thay bằng hiến pháp 1959.

Giống như trò hề bầu cử quốc hội khóa 13 năm ngoái, năm 1946 người dân cũng không có một chọn lựa nào khác ngoài những tên tuổi đã được Đảng đưa ra. Nhiều nơi như ở Quảng Nam, ban tuyên truyền của đảng ủy địa phương sợ đồng bào bỏ phiếu trắng vì không nhớ hết tên nên đã phổ danh sách đại biểu thành vè, thành thơ và bắt dân học thuộc lòng. Báo Quảng Nam năm ngoái còn hãnh diện khoe khoang thành tích tuyên truyền của Đảng khi đăng lại những bài thơ lục bát chuyển từ danh sách đại biểu như Trần Đình Tri, Lê Văn Hiến, Phan Bôi, Huỳnh Ngọc Huệ, Phan Thanh, Lâm Quang Thự, Phan Thao v.v..

Trung Bộ có Trần Đình Tri
Cùng Lê Văn Hiến vậy thì đồng song
Phan Bôi một dạ, một lòng
Cùng Huỳnh Ngọc Huệ vốn dòng đấu tranh
Cứu tế có chị Phan Thanh
Có Lâm Quang Thự cùng anh Phạm Bằng
Trần Tống tuổi trẻ tài năng
Phan Thao, Võ Sạ từng quen ta nhiều
Quế Sơn đồng chí Phan Diêu
Cùng Nguyễn Xuân Nhĩ đủ điều kinh luân
Trần Viện nhiều nỗi gian truân
Còn Nguyễn Thế Kỷ mười phần quyết tâm…

Và tác giả bài báo vui mừng kết luận "Mười bốn ứng cử viên ở các huyện đồng bằng và trung du do Mặt trận Việt Minh giới thiệu đều trúng cử với số phiếu cao tuyệt đối."

Đọc bài báo chỉ để thấy tội nghiệp cho các thế hệ ông bà chúng ta đã bị các tầng lớp phong kiến áp bức tận cùng, bị thực dân bóc lột và cuối cùng bị đảng Cộng Sản lừa gạt và dẫn dắt như lớp người nô lệ trong thời đại mới. Sau lần "bầu cử" 1946, đảng CSVN không thấy cần có quốc hội nên suốt 14 năm sau đó, Đảng chẳng màng nghĩ

đến chuyện bầu bán "cơ quan quyền lực cao nhất" này làm gì cho tốn công tốn của. Sáu mươi lăm năm dài dằng dặc từ khóa 1 đến khóa 13, đừng nói chi văn minh nhân loại đã tiến quá xa mà cả hình dạng trái đất cũng đã đổi thay nhiều nhưng số phận làm nô lệ cho chủ nghĩa Cộng Sản của người dân Việt Nam vẫn không thay đổi.

Lý do thứ hai, lá cờ nền đỏ sao vàng là cờ tổ quốc vì đã thắm máu của nhiều người Việt Nam yêu nước trong cuộc "chiến tranh chống thực dân Pháp đầy chính nghĩa". Từ những ngày gian truân trên núi rừng Việt Bắc cho đến khi lá cờ này được cắm trên nóc hầm chỉ huy của tướng De Castries, và đó là một chiến thắng không thể phủ nhận.

Tạm gác qua bên vai trò then chốt của các tướng lãnh Trung Cộng trong trận Điện Biên Phủ và mục đích cuối cùng của đảng Cộng Sản, máu xương của hàng triệu người Việt Nam đổ xuống không chỉ ở lòng chảo Điện Biên Phủ mà trong suốt gần một thế kỷ Pháp thuộc, phát xuất từ lòng yêu nước. Không ai chối cãi hay phủ nhận điều này. Như tôi đã viết nhiều lần trước đây, tình yêu dành cho quê hương của họ là một tình yêu thuần khiết và trong sáng. Họ ngã xuống cho thanh bình sớm được vãn hồi trên quê hương khổ đau và bất hạnh Việt Nam. Họ là những công nhân đôi tay còn dính dầu máy, là những nông dân từ bỏ ruộng vườn, ra đi theo tiếng gọi của núi sông vang vọng từ Mê Linh, Lam Sơn, Bạch Đằng, từ bốn ngàn năm lịch sử.

Những người Việt Nam đó đã chết chỉ vì một mục đích duy nhất cho con cháu họ được sống trong thanh bình, tự do, độc lập chứ không phải sống trong xiềng xích độc tài nô lệ, và quan trọng nhất, họ không chết vì lá cờ của đảng Cộng Sản Việt Nam.

Tôi thật sự tin, trong một nước Việt Nam tự do dân chủ, sự hy sinh của đồng bào trong suốt gần một trăm năm dưới ách thực dân, dù chết ở đâu và chết như thế nào, chẳng những không bị lãng quên mà còn được vinh danh xứng đáng. Giống như trong các tổ chức khác, trong hàng ngũ đảng Cộng Sản có nhiều người yêu nước nhưng bản thân đảng Cộng Sản như một tổ chức chính trị chưa bao giờ là một đảng yêu nước. Dùng lá cờ của chế độ Cộng Sản độc tài để vinh danh những người đã chết vì nguyện vọng độc lập tự do cho dân tộc là một hình thức phỉ báng họ.

Lý do thứ ba, lá cờ nền đỏ sao vàng phải được gọi là cờ tổ quốc vì đã thắm máu của nhiều người Việt Nam yêu nước trong cuộc chiến "chống Mỹ xâm lược anh hùng" và cuối cùng đã cắm lên "trên đỉnh cao nhất của dinh Độc lập Sài Gòn".

Sau 37 năm với hàng ngàn tài liệu được công bố, hàng trăm tác phẩm được viết ra, đã chứng minh một cách tận tường và chi tiết lịch sử hình thành và mục tiêu của đảng CSVN từ 1930 cho đến nay. Hàng hàng lớp lớp thanh niên Việt Nam bị xua vào cuộc chiến gọi là "chống Mỹ cứu nước" chỉ để thỏa mãn tham vọng Cộng Sản hóa toàn cõi Việt Nam, và ngoài ra, để làm những tên lính đánh thuê trung thành cho Liên Xô và Trung Cộng.

Trong các thập niên 1930, 1940, một mặt hô hào đoàn kết nhưng mặt khác Đảng thẳng tay tận diệt mọi thành phần yêu nước, từ các chính khách, lãnh tụ đảng phái tên tuổi như Nguyễn Thế Nghiệp, Nguyễn Ngọc Sơn bị cắt cổ ở miền bắc, Phạm Quỳnh, Ngô Đình Khôi bị giết ở miền trung, Phan Văn Hùm, Bùi Quang Chiêu, Hồ Văn Ngà, Hồ Vĩnh Ký bị giết ở miền Nam, cho đến các bậc lãnh đạo của hai tôn giáo được khai sinh ngay trong lòng dân tộc là Cao Đài, Phật Giáo Hòa Hảo, chỉ vì họ có quan điểm đấu tranh

chống Pháp khác với mục tiêu xích hóa Việt Nam của đảng Cộng Sản. Không khác gì các chế độ phong kiến bất nhân, chẳng những cá nhân họ bị giết mà con cái họ dù còn trong tuổi vị thành niên cũng không được tha như trường hợp năm người con của nhà cách mạng Bùi Quang Chiêu.

Hôm nay, Liên Xô đã sụp đổ nhưng mối họa Trung Cộng do đảng CSVN rước về chẳng những chưa chịu ra đi mà đang tiếp tục gậm nhấm từng phần lãnh thổ Việt Nam, tàn sát và đe dọa đời sống của ngư dân vô tội. Trung Cộng là lý do chính để Việt Nam từ một quốc gia bán đảo phì nhiêu nhìn ra biển Đông bao la bát ngát trở thành là một nước nghèo nàn, chậm tiến, bị cô lập trong một vũng ao tù nước đọng không lối thoát ra đại dương.

Tại sao Trung Cộng yểm trợ CSVN trước 1975 và đánh Việt Nam sau 1975?

Đảng Cộng Sản Trung Quốc được xem là cha mẹ đỡ đầu, dành từng hạt gạo để nuôi dưỡng đảng CSVN ngay cả trong lúc hàng triệu dân Trung Cộng chết đầy đường, không phải vì một nước "cộng sản anh em", không phải vì "chủ nghĩa quốc tế vô sản", không phải vì tình cảm "sắn liền sắn khoai liền khoai" (nhái theo âm Quan Thoại bài hát Tình Hữu Nghị Việt Nam – Trung Hoa của Đỗ Nhuận) đậm đà tình nghĩa, nhưng chỉ vì Việt Nam là một sân sau, một vùng đệm, một vòng đai, một lãnh thổ nối dài của Trung Cộng.

Cựu Ngoại trưởng Mỹ Henry Kissinger, trong tác phẩm mới nhất *Về Trung Quốc* (On China) vừa xuất bản, đã trích lại một đoạn đối thoại giữa Phạm Văn Đồng và Chu Ân Lai trong cuộc viếng thăm Trung Cộng của họ Phạm vào năm 1968. Chu Ân Lai: "*Trong một thời gian dài, Trung Quốc bị Mỹ bao vây. Bây giờ Liên Xô bao vây Trung Quốc, ngoại trừ*

phần Việt Nam". Phạm Văn Đồng nhiệt tình đáp đúng ngay ý chủ: "*Chúng tôi càng quyết tâm để đánh bại đế quốc Mỹ bất cứ nơi nào trên lãnh thổ Việt Nam*". Chu Ân Lai: "*Đó chính là lý do chúng tôi ủng hộ các đồng chí*". Phạm Văn Đồng phấn khởi: "*Chiến thắng của chúng tôi sẽ có ảnh hưởng tích cực tại châu Á, sẽ đem lại những thành quả chưa từng thấy". Chu Ân Lai đồng ý: "Các đồng chí nên nghĩ như thế"*.

Một lá cờ tắm máu bao thế hệ thanh niên Việt Nam đã chết chỉ vì phải đem thân làm tôi mọi, làm phên dậu châu Á cho chủ nghĩa bành trướng Trung Cộng xứng đáng được gọi là cờ tổ quốc?

Khi sân sau Việt Nam rơi vào quỹ đạo Liên Xô, nỗi sợ hãi bị bao vây như Chu Ân Lai chia sẻ với Phạm Văn Đồng quay về ám ảnh giới lãnh đạo Trung Cộng và Đặng Tiểu Bình đã quyết định chặt đứt vòng xích bằng cách dạy cho đàn em phản trắc CSVN "một bài học".

Cuối 1978 đến đầu 1979, Đặng Tiểu Bình thực hiện chuyến đi nước ngoài dài nhất trong cuộc đời y, từ các cường quốc cựu thù Anh, Mỹ, Nhật, cho đến các nước nhỏ hay đang phát triển như Thái Lan, Mã Lai, Singapore và cả Nepal, Miến Điện chỉ với mục đích cô lập "Cu Ba phương Đông". Họ Đặng đã lấy được lòng nguyên thủ các quốc gia y thăm viếng. ASEAN lên án Việt Nam xâm lăng Kampuchea. Nhật Bản lên án Việt Nam. Tổng thống Carter đồng ý cung cấp tin tức tình báo các hoạt động của 50 sư đoàn Liên Xô trong vùng biên giới phía bắc Trung Hoa. Chưa đầy hai tuần sau khi từ Mỹ về, họ Đặng xua quân đánh Việt Nam. Thân xác của hàng vạn tuổi trẻ Việt Nam ngã xuống dọc biên giới Việt Trung chỉ vì nợ máu xương giữa hai đảng Cộng Sản.

Từ đó đến nay, khi đánh khi đàm, khi vuốt ve khi đe dọa nhưng các mục tiêu của chủ nghĩa bành trướng Trung Cộng đối với Việt Nam vẫn không thay đổi. Trung Cộng muốn Việt Nam hoàn toàn lệ thuộc vào Trung Cộng về chế độ chính trị, là một phần không thể tách rời trong toàn bộ chiến lược an ninh châu Á của Trung Cộng và độc chiếm toàn bộ các quyền lợi kinh tế vùng biển Đông bao gồm cả các vùng biển đảo Hoàng Sa, Trường Sa đang tranh chấp. Những diễn biến chính trị kể từ sau lễ ký kết công hàm Thành Đô 1990 đến nay cho thấy, lãnh đạo Trung Cộng đã nắm giữ cả phần xác lẫn phần hồn của giới lãnh đạo CSVN.

Một lá cờ được làm mục tiêu tác xạ của hải quân Trung Cộng trên biển Đông, đại diện cho một đảng chỉ biết khúm núm trước kẻ thù nhưng vô cùng tàn ác với đồng bào cùng máu mủ xứng đáng được gọi là cờ tổ quốc?

Không phải ngày nay Trung Quốc mới là một nước lớn mà đã lớn trong thời Nam Hán hơn một ngàn năm trước và không phải nước sông Hồng Việt Nam mới đỏ hôm nay mà đã đỏ từ máu của quân xâm lược khi Ngô Quyền đóng cọc trong lòng sông hơn một ngàn năm trước. Lịch sử đã chứng minh, Trung Cộng giàu mạnh nhưng không phải là một quốc gia đáng sợ. Nỗi sợ hãi lớn nhất của người Việt Nam là sợ chính mình không đủ can đảm vượt qua quá khứ bản thân, không đủ can đảm thừa nhận sự thật và sống vì sự thật.

Tôi biết, nhiều chú bác anh chị, nhất là từ miền bắc sống sót sau cuộc chiến Việt Nam, có thân nhân, đồng đội chết dưới lá cờ đỏ sao vàng. Thân xác họ được gói trong lá cờ đó và hôm nay trên mộ họ vẫn còn cắm lá cờ đó. Tuy biết cái sai của chế độ nhưng không phải dễ dàng dứt đi được vì không ai nhẫn tâm chặt đứt cánh tay mình, cắt bỏ đi một phần xương thịt của chính mình. Một chiếc áo cũ

ném đi lòng còn vương vấn đừng nói chi một người thân, đồng đội, anh em, một phần đời trai trẻ. Không, tôi không nghĩ các chú bác anh chị nên quên quá khứ hay giết chết đi kỷ niệm. Đúng ra, không ai có thể hay có quyền ra lịnh đó. Vượt qua không có nghĩa là quên đi nhưng biết đặt kỷ niệm, đặt quá khứ vào đúng chỗ trong một ngăn tủ riêng tư và đóng góp phần đời còn lại cho một tương lai tốt đẹp chung của con cháu mình, đất nước mình. Con người có tuổi thơ, tuổi trẻ, tuổi về chiều nhưng dân tộc thì không. Dân tộc Việt Nam bốn ngàn năm nhưng vẫn còn rất trẻ. Và một ngày, các chú bác anh chị sẽ thấy mình, giống như dân tộc, trẻ lại vì khát vọng hồn nhiên của thuở tuổi hai mươi đang chảy cùng đất nước trong giai đoạn phục hưng đầy sức sống.

Lịch sử nhân loại cho thấy, không một chế độ độc tài nào tồn tại vĩnh viễn. Một ngày, dân tộc Việt Nam sẽ có một lá cờ tổ quốc, biểu tượng của ý chí vươn lên, tinh thần độc lập, khát vọng tự do đã được hun đúc, trui rèn trong lửa đỏ, vượt qua bao khốn khó gian lao trong suốt chiều dài lịch sử. Để sớm có ngày đó, người Việt Nam, trong cũng như ngoài nước, phải dứt khoát chọn lựa một con đường, một lối thoát cho chính mình và cho dân tộc mình. Không thể phó thác sinh mạng chín chục triệu người và tương lai giòng giống Việt cho thiểu số ăn trên ngồi trước, nắm giữ quyền lực theo kiểu cha truyền con nối và cong lưng làm tôi mọi ngoại bang. Và lối thoát duy nhất, chọn lựa duy nhất của thời đại là dân chủ.

BÀN VỀ TẨY NÃO

Tẩy não hay kiểm soát tinh thần là một tiến trình làm thay đổi nhận thức và niềm tin trong con người, qua đó một người hay một nhóm người sử dụng các phương pháp phi đạo đức để khuất phục kẻ khác làm theo các quyết định của một người hay của một nhóm người đó. Khái niệm tẩy não được biết đến từ lâu qua các tà đạo, chiến tranh, tình báo, tuy nhiên chỉ dưới các chế độ Cộng Sản kỹ thuật này mới được nâng lên thành quốc sách và được thực hiện một cách triệt để, có hệ thống, bao trùm mọi lãnh vực xã hội và trong mọi tầng lớp nhân dân.

Tẩy não một người

Chính sách tẩy não nhắm vào từng cá nhân được phát hiện lần đầu tiên qua hành vi của các tù binh Mỹ bị Trung Cộng bắt trong chiến tranh Triều Tiên. Một số binh sĩ Mỹ sau khi được trao trả đã thay đổi hoàn toàn cách suy nghĩ, thái độ và cả hành động. Tác giả Edward Hunter phỏng vấn nhiều tù binh bị bộ máy tuyên truyền Trung Cộng tẩy não và ghi lại trong tác phẩm gây tiếng vang lớn *Tẩy não tại Trung Cộng* (Brainwashing in Red China) xuất bản 1951. Nhà báo Edward Hunter trong tác phẩm *Tẩy*

não, câu chuyện của những người đã thách thức nó (Brainwashing, The Story of Men Who Defied It) xuất bản 1956 cũng mô tả nhiều trường hợp những lính Mỹ bị bộ máy tuyên truyền Trung Cộng tẩy não.

Một vài trường hợp điển hình như Đại Tá Frank H. Schwable sau khi bị tẩy não đã lên đài phát thanh Trung Cộng tố cáo chính phủ Mỹ phát động chiến tranh vi trùng hoàn toàn tưởng tượng chống lại nhân dân Triều Tiên hay trường hợp Trung Sĩ Claude Batchelor từ chối trở lại Mỹ. Nhiều cựu tù binh, ngoại trừ giọng nói là của họ, từ câu văn đến dấu phẩy, dấu chấm, cách lên giọng, xuống giọng đều giống như vẹt đã được huấn luyện thuần thục.

Năm 1957, nhà xã hội học Albert D. Biderman trong bản tin của Viện Hàn Lâm Y Khoa New York đã liệt kê 8 biện pháp mà các quốc gia Cộng Sản dùng để tẩy não một người gồm:

(1) Cô lập, tước đoạt mọi nguồn ủng hộ, làm cho nạn nhân tùy thuộc vào kẻ tẩy não.

(2) Độc quyền hóa khả năng nhận thức, tập trung sự chú ý vào một mối quan hệ giữa kẻ tẩy não và nạn nhân.

(3) Làm suy yếu khả năng đối kháng về mặt tinh thần cũng như làm kiệt quệ về thể lực.

(4) Đe dọa, trồng cấy sự lo lắng, bất an và tuyệt vọng vào ý thức của nạn nhân.

(5) Ban đặc ân để khuyến dụ sự tuân hành.

(6) Làm cho thấy việc chống lại chỉ là hành động vô ích mà thôi.

(7) Phát triển một thói quen tuân phục.

(8) Chứng tỏ việc phản kháng chỉ làm thiệt hại cho lòng tự trọng hơn là việc đầu hàng có điều kiện.

Các phương pháp tẩy não của Trung Cộng đã làm quốc hội Mỹ phẫn nộ. Edward Hunter và nhiều tác giả khác đã được mời ra điều trần trước quốc hội Mỹ. Dù sao, nhờ cuộc chiến Triều Tiên mà nhân loại mới biết nhiều hơn về tẩy não, được gọi một cách văn hoa là "cải tạo tư tưởng" tại Trung Cộng và các nước CS, trong đó có Việt Nam.

Tẩy não một dân tộc

Những năm sau 1990, nhiều nhà sử học, nhiều nhà phân tích đổ xô đi tìm lý do tại sao phong trào CS thế giới sụp đổ, nhưng cũng có nhiều nhà phân tích, nhà sử học khác cho rằng việc truy tìm hiểu lý do là thiếu khoa học, chủ nghĩa CS sụp đổ là chuyện đương nhiên, câu hỏi đúng nên đặt ra là yếu tố gì đã giúp CS tồn tại đến hơn 70 năm tại Liên Xô và các nước Đông Âu. Phần lớn đồng ý là chính sách tuyên truyền tẩy não là cây cột chống đỡ chế độ CS. Có người còn cho rằng tẩy não đồng nghĩa với CS, đơn giản vì không có tẩy não, chế độ CS đã sụp đổ từ lâu lắm chứ không đợi đến thập niên 1990.

Hai cơ quan cầm đầu chính sách tẩy não tại các quốc gia CS là Ban Tư Tưởng Trung Ương Đảng (Việt Nam gọi là Ban Tuyên Giáo Trung ương) và Ban Tổ Chức Trung Ương Đảng. Ban Tư Tưởng Trung Ương Đảng CS kiểm soát toàn bộ đời sống tinh thần của đất nước bằng một chính sách tuyên truyền tinh vi và có hệ thống khống chế tuyệt đối mọi lãnh vực từ truyền thanh, truyền hình, báo chí đến phim ảnh, bích chương, hội họp, nghệ thuật, nhà hát, sách vở v.v... Ban Tổ Chức Trung Ương Đảng là cơ quan bảo vệ sự sống còn của đảng CS như một tổ chức chính trị và đóng vai trò "tham mưu của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, trực tiếp và thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương và các chính sách lớn thuộc lĩnh vực tổ chức cán bộ của hệ thống chính trị; đồng thời là cơ quan chuyên môn nghiệp vụ về

công tác tổ chức, cán bộ, đảng viên của Trung ương". Tại các quốc gia CS, không một sinh hoạt xã hội nào thoát khỏi sự kiểm soát của hai cơ quan nêu trên.

Để tẩy não một dân tộc đảng CS thay đổi mọi giá trị và nền tảng văn hóa, lịch sử và truyền thống dân tộc, nói chung phải xây dựng những con người tuân phục và đất nước tuân phục. Bộ máy tuyên truyền CS nặn ra nhiều khái niệm chưa từng có trước đó "con người mới", "xã hội mới", "văn hóa mới", "anh hùng lao động", "lãnh tụ kính yêu". Cái gì cũng mới nhưng thực chất đều là giả tạo. Tại các quốc gia Đông Âu ngày nay, các "anh hùng" do các đảng CS dựng lên bị khám phá là sản phẩm tuyên truyền và bị xóa bỏ. Đảng không chỉ có khả năng thay đổi hiện tại, vẽ ra một tương lai nhưng còn có khả năng thay đổi cả quá khứ của cả dân tộc. Lịch sử một dân tộc được viết bằng sử quan của đảng CS và được giải thích phù hợp với đường lối, chính sách của đảng CS trong từng thời kỳ chứ không phải là những sự kiện đã diễn ra trong quá khứ thăng trầm, vinh quang và thống khổ của dân tộc. Bộ máy tuyên truyền CS chi phối không chỉ trong các sinh hoạt nhân văn, xã hội mà cả khoa học tự nhiên như trường hợp lý thuyết kế thừa giống lúa của Trofim Lysenko trong sản xuất lúa tại Liên Xô những năm 1930, tuy không làm sản lượng lúa tăng được bao nhiêu nhưng đảng đánh bóng y thành một thiên tài.

Có người cho rằng chế độ CS thực chất là chế độ phong kiến hiện đại nhưng so sánh đó không hoàn toàn đúng, ít ra về mặt danh xưng. Khác với các triều đại phong kiến, các vị trí xã hội dưới chế độ CS thường được đặt ngược. Những kẻ ăn trên ngồi tróc, thực sự làm chủ đất nước, nắm trong tay quyền sinh sát cả dân tộc lại được gọi là "đầy tớ nhân dân" trong lúc những tầng lớp cùng đinh trong xã hội, sống không một túp lều tranh để ở và chết

không một chiếc chiếu để bó xác lại bị gán cho một danh xưng rất đẹp "chủ nhân của đất nước".

Đặc tính văn hóa của mỗi quốc gia cũng làm cho chính sách tẩy não thực hiện tại châu Âu và châu Á khác nhau chút ít. Châu Âu như Liên Xô và các nước CS Đông Âu đặt nặng yếu tố vật chất, thể xác trong lúc Trung Cộng, Việt Nam yếu tố tư tưởng, tinh thần được chú trọng nhiều hơn. Một đối tượng tẩy não bị bắt tại Liên Xô sẽ bị hành hạ thể xác cho đến khi thú nhận những tội ác dù không làm, thừa nhận là sự thật dù biết đó là giả dối trong lúc tại Trung Cộng và CSVN đối tượng đó sẽ bị "cải tạo tư tưởng" cho đến khi gục quỵ xuống mới thôi.

Tẩy não một quốc gia thù địch

Kiểm soát tạm thời hành vi và ý chí của một cá nhân có thể chỉ cần một thời gian ngắn như trường hợp các tù binh Mỹ trong chiến tranh Triều Tiên nhưng kế hoạch của Liên Xô nhằm tẩy não nước Mỹ cần nhiều chục năm. Tại sao phải cần đến vài chục năm, theo Yuri Bezmenov cựu nhân viên KGB đào thoát và được định cư tại Canada năm 1970, giải thích đó là thời gian cần có để xây dựng một thế hệ con người trung thành với lý tưởng CS ngay tại Mỹ.

Yuri Alexandrovich Bezmenov là một cựu nhân viên KGB hoạt động tại Ấn Độ trong thập niên 1960. Cha của ông là một lãnh đạo cao cấp của tổ chức KGB. Năm 17 tuổi ông theo học ngành ngôn ngữ học tại đại học Moscow State University do KGB trực tiếp kiểm soát. Nhiệm sở đầu tiên sau khi tốt nghiệp của Yuri Bezmenov là Ấn Độ với trách nhiệm thực thi các chính sách nhằm lật đổ chế độ dân chủ Ấn. Tuy nhiên, sự thán phục của ông dành cho nền văn hóa Ấn và sự bất mãn chế độ Cộng Sản mỗi ngày một gia tăng đã thúc đẩy Yuri Bezmenov đào thoát khỏi ý thức hệ CS.

Năm 1985, trong một buổi phỏng vấn đặc biệt với chủ đề "Làm thế nào để tẩy não một quốc gia", Yuri Alexandrovich Bezmenov giải thích chiến lược của Liên Xô để thay đổi tư duy của một quốc gia đối nghịch, trường hợp này là Mỹ.

Không giống như các phim ảnh do Hollywood dàn dựng với những màn gián điệp gay cấn, hấp dẫn kiểu James Bond, tẩy não nước Mỹ là một tiến trình được thực hiện từng bước, rất nhẹ nhàng, diễn ra trước mắt và trải qua bốn giai đoạn gồm (1) lũng đoạn nền tảng đạo đức, (2) tạo sự bất ổn, (3) gây khủng hoảng và (4) bình thường hóa. Trong bốn giai đoạn, hủy hoại nền tảng đạo đức của một quốc gia là giai đoạn quan trọng nhất.

Mặc dù mục đích của buổi phỏng vấn nhằm giải thích cuộc chiến tranh văn hóa tư tưởng mà Liên Xô dùng để đánh gục nước Mỹ, tẩy não cũng là chính sách chung mà lãnh đạo các đảng CS trên toàn thế giới áp dụng.

Mỹ chẳng những không bị đánh gục mà trái lại đã góp phần quan trọng trong việc hạ gục toàn bộ hệ thống Liên Xô. Tuy nhiên, phía thế giới tự do, trong thời kỳ chiến tranh lạnh cũng tổn thất khá nặng với Cuba (1959), Congo (1970), Ethiopia (1974), Cambodia (1975), Việt Nam Cộng Hòa (1975), Lào (1975), Angola (1975), Mozambique, (1979), Nicaragua (1979) bị rơi vào quỹ đạo CS.

Tạm gác qua bên cuộc chiến bằng súng đạn, trong bốn giai đoạn mà Yuri Alexandrovich Bezmenov phân tích, giai đoạn thứ nhất, đầu độc một quốc gia, đáng được phân tích để thấy cuộc chiến tranh văn hóa tư tưởng do CSVN phát động đã ảnh hưởng thế nào đến sự sụp đổ của Việt Nam Cộng Hòa. Trong buổi phỏng vấn Yuri Alexandrovich Bezmenov cũng nhắc đến Việt Nam và tiết

lộ các chính sách do CSVN thực hiện chẳng phải là sản phẩm riêng gì của đảng CSVN nhưng hoàn toàn rập theo khuôn mẫu của Liên Xô. Do đó, phần còn lại của bài sẽ thay VNCH vào chỗ Mỹ.

Để hủy diệt nền tảng đạo đức văn hóa của VNCH, trước hết phải đầu độc thành phần trí thức. Giới lãnh đạo CSVN đã tiến hành một chính sách quy mô nhằm mua chuộc, lũng đoạn, phân hóa hàng ngũ trí thức miền Nam Việt Nam.

Nhiều người hiểu lầm rằng đối tượng của chính sách tuyên truyền CS áp dụng vào các thành phần ít học, dễ tin, đói khát, cùng khổ, hay "không có gì để mất" nói theo quan điểm Marx. Không phải. Mục tiêu hàng đầu của đảng CS là thu hút thành phần có lý tưởng, có học thức như nhà báo, nhà xuất bản sách, nhà giáo dục, văn nghệ sĩ, nói chung là những thành phần có khả năng hướng dẫn dư luận. Hàng khối trí thức miền Nam đã bị CS tuyên truyền, đầu độc và trở thành những công cụ của CS trong thời chiến, khi VNCH gục xuống trong máu và nước mắt, và mãi cho đến ngày nay. Những thành phần thân Cộng này không nhất thiết phải được kết nạp vào đảng nhưng là những người biện hộ cho quan điểm của đảng CS bởi vì tiếng nói của họ được xem "khách quan", "độc lập". Những trí thức và chính khách này tự nhận là "thành phần thứ ba" như được gọi trong sinh hoạt chính trị tại miền Nam Việt Nam trước năm 1975. Thực tế chính trị đã chứng minh, không có quan điểm nào gọi là "độc lập" hay "khách quan" và tại miền nam Việt Nam trước đây cũng không có thành phần nào đúng nghĩa là thành phần chính trị thứ ba, ngoài hai lập trường chính trị quốc gia và cộng sản.

Cuộc chiến VN sau hiệp định Geneve là cuộc chiến giữa tự do và độc tài, giữa quốc gia và CS. "Ba thành phần" là

cách viết cho hợp tình để rút lui của Mỹ trong hiệp định Paris. Những người trong "Thành phần thứ ba" đều nằm trong sự kiểm soát của đảng CS và hoạt động dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đảng chứ chẳng "độc lập", "khách quan" gì cả, như đã chứng minh sau 1975 khi họ hợp tác một cách tích cực và nhận các chức vụ dù hữu danh vô thực của chế độ. Một số hiện nay tuy bất mãn nhưng vẫn hãnh diện với chức vụ bắt đầu với chữ "cựu" và "nguyên" đó. Trước 1975, có nhiều lãnh tụ đảng phái quốc gia đối lập (Đại Việt, VNQDĐ ...) và nhiều chính khách đối lập (Gs Trần Văn Tuyên, Gs Nguyễn Ngọc Huy ...) nhưng họ vẫn là chính khách quốc gia và nhiều trong số họ đã chết trong tù. Chống chính quyền, chống tham nhũng tại miền Nam trước 1975 khác với hoạt động cho CS. Trong bài "Những người đi tìm tổ quốc" trên talawas trước đây tôi có viết về sự khác nhau này: "Các anh có quyền biểu tình, có quyền chống độc tài, chống tham nhũng, chống độc diễn nhưng khi bỏ đi sang hàng ngũ của những người ném lựu đạn vào quán ăn, pháo kích vào trường học, đặt mìn trên quốc lộ, các anh đã phản bội quyền sống trong hoà bình của nhân dân miền Nam. Giống như những đứa con lớn lên trong một gia đình nghèo, có bà mẹ bịnh tật, có người cha say rượu hay đánh đập con cái và còn một bầy em nhỏ dại. Thay vì khuyên răn người cha, săn sóc người mẹ, che chở cho đám em khờ, các anh lại bỏ đi, và chẳng những đã bỏ đi mà còn dắt kẻ gian về đốt phá nhà mình."

Alexandrovich Bezmenov cũng giải thích xa hơn, thành phần thân Cộng chỉ cần thiết trong giai đoạn làm sụp đổ quốc gia thù địch nhưng khi mục đích của đảng CS đã đạt, thành phần này chẳng những không còn cần thiết mà có thể trở thành một chướng ngại. Nhiều trong số họ phải bị giết, bị tù và bị thanh trừng qua nhiều hình thức. Lý do? Những kẻ thân Cộng trong chiến tranh rất dễ bị bất mãn khi thấy đảng CS nắm hết quyền hành và do đó

sẽ trở thành thù địch về mặt quyền lực với chế độ và chống đối về mặt tư tưởng với chủ nghĩa Marx Lenin. Họ bị thanh trừng, ngoài ra, còn vì cái tội biết CS quá nhiều. Yuri Alexandrovich Bezmenov nêu lên trường hợp Nicaragua nơi một phe thân CS trước đó đã hoạt động chống lại tổ chức CS Sandinistas do José Daniel Ortega lãnh đạo. Tại Afghanistan nơi lãnh tụ CS Taraki bị Amin giết, rồi Amin bị Karmal giết, và tại Bangladesh nơi Mujibur Rahman bị chính những người cùng chiến tuyến với y giết.

Để chiến thắng trong trận chiến quân sự và văn hóa, ngoài khối thân CS nêu trên, đảng CS cần một mạng lưới nằm vùng trung thành, dã man, cuồng tín và hữu hiệu. Thành phần này cần thiết để trực tiếp thi hành các chính sách của đảng CS tại các địa phương.

Yuri Alexandrovich Bezmenov nhấn mạnh đến thành phần nằm vùng bởi vì không có mạng lưới nội ứng tại địa phương các lực lượng CS bên ngoài không thể xâm nhập được. Trong buổi phỏng vấn, cựu nhân viên KGB này có nhắc đến trường hợp một thành phố ở Việt Nam, được viết trong văn bản là Hua, có thể ông muốn nói Huế, để nhấn mạnh đến vai trò của mạng lưới CS nằm vùng: "*Tương tự, trong một quận của Huế tại Nam Việt Nam, nhiều ngàn người bị xử tử trong một đêm khi thành phố bị CS chiếm chỉ trong hai ngày; CIA không thể nào trả lời được câu hỏi, làm thế nào CS có khả năng biết từng cá nhân người bị xử tử, ông ta sống ở đâu, đến nơi nào để bắt ông và để bắt trước bình minh, bỏ ông ta lên xe, lái ra khỏi thành phố và bắn ông ta. Câu trả lời rất đơn giản. Thật lâu trước khi chiếm thành phố đã có một mạng lưới của những CS nằm vùng; họ là dân địa phương và là những người biết một cách tuyệt đối những ai trong thành phố có*

ảnh hưởng với quần chúng, kể cả những anh thợ hớt tóc và tài xế taxi. Những ai có cảm tình với Mỹ đều bị xử bắn."

Thước đo của mức độ bị tẩy não

Mức độ bị tẩy não cũng có mức trầm trọng khác nhau. Một người bị tẩy não hoàn toàn sẽ không còn khả năng để đánh giá sự thật. Sự kiện và bằng chứng không có nghĩa gì với họ. Yuri Alexandrovich Bezmenov phát biểu từ kinh nghiệm ở Liên Xô "*Ngay cả mang anh ta tới tận Liên Xô và chỉ cho anh ta thấy trại tập trung, anh ta cũng không tin… cho đến lúc anh ta bị đá ngay vào đít, khi giày đinh đạp lên anh, rồi anh ta mới hiểu. Nhưng không phải trước đó. Đó là thảm kịch của trình trạng bị băng hoại về đạo đức trong con người*". Nhiều người Việt Nam hiện nay vẫn chịu đựng mức độ tẩy não trầm trọng như vậy.

Tuy nhiên, cũng có những người bị tẩy não ở mức độ thấp hơn. Họ thấy được những hiện tượng sai trái, những bất công, tiêu cực của chế độ nhưng vẫn "chấp nhận đặc ân để sau đó tuân hành", vẫn cho rằng "chống lại chỉ là hành động vô ích", vẫn "trải qua nhiều chục năm tuân phục thành một thói quen", và vẫn nghĩ rằng "phản kháng chỉ làm thiệt hại cho lòng tự trọng hơn là việc đầu hàng có điều kiện" đúng như các điểm mà nhà xã hội học Albert D. Biderman liệt kê. Điều đó cho thấy, trên thế giới, chủ nghĩa CS chỉ là một bóng ma hãi hùng của quá khứ, các dân tộc từng bị CS cai trị từ Âu sang Á đã thức tỉnh sau bảy mươi năm chịu đựng chủ nghĩa tàn bạo nhất lịch sử loài người nhưng tại Việt Nam vẫn còn nhiều người bị tẩy não. Giống như đảng CS không bao giờ thừa nhận đã và đang tẩy não cả dân tộc, không ai muốn thừa nhận mình bị CS tẩy não.

Thước đo mức độ tẩy não không phải là quá khó để xác định mà nằm ngay trong câu trả lời cho câu hỏi rất đơn giản "Anh (chị) thật sự muốn gì cho đất nước?"

Con đường duy nhất hiện nay là tập trung sức mạnh dân tộc, gạt bỏ mọi bất đồng, vận dụng các điều kiện quốc tế thuận lợi để đẩy mạnh cuộc vận động dân chủ tại Việt Nam đến thành công, xóa bỏ chế độ độc tài toàn trị CS, thiết lập một chế độ dân chủ pháp trị, hiện đại hóa đất nước toàn diện làm nền tảng cho việc phục hồi chủ quyền đất nước, mở đường cho một Việt Nam thăng tiến lâu dài.

Không có con đường nào khác. Tuy nhiên, không phải ai cũng có một câu trả lời dứt khoát và giống nhau như thế. Ngay cả trong tầng lớp có học thức, nhà khoa học, nhà văn, nhà thơ, nhà báo không ít người vẫn còn nghĩ rằng nói gì thì nói đảng CS trong suốt dòng lịch sử của đảng đã đồng hành với dân tộc, nói gì thì nói chỉ có đảng CS mới có khả năng đưa đất nước ra khỏi nghèo nàn lạc hậu, nói gì thì nói đảng CS là đảng nắm trong tay ngọn cờ chính nghĩa, nói gì thì nói Việt Nam vẫn cần ổn định để phát triển và mọi thay đổi đột biến sẽ dẫn đến hỗn loạn, nói gì thì nói các lãnh tụ CS vẫn là những người yêu nước, những anh hùng dân tộc và xứng đáng được kính trọng khi họ sống và tôn thờ, tiếc thương, than khóc khi họ chết.

Lịch sử thế giới chỉ riêng từ thế chiến thứ hai cho đến nay có nhiều anh hùng đã đóng góp trí tuệ hay máu xương vào công cuộc bảo vệ tự do cho đất nước họ hay giải phóng dân tộc họ khỏi ách thực dân. Vài trường hợp điển hình như Mahatma Gandhi (Ấn Độ), Winston Churchill (Anh), Charles de Gaulle (Pháp), Tưởng Giới Thạch (Trung Hoa Dân Quốc), Franklin D. Roosevelt (Mỹ). Nhưng khi họ chết, ngoài tang quyến, không có cảnh "Đời tuôn nước mắt, trời tuôn mưa" như khi Hồ Chí Minh chết

và "ôm thật chặt cột nhà khóc cho thỏa nỗi xót thương" như khi Võ Nguyên Giáp vừa chết ở Việt Nam. Bởi vì những lãnh đạo thế giới nêu trên là những anh hùng thật, con người thật, có thành công và thất bại, có điểm tốt và điểm xấu và cuộc đời họ được phô bày trước dư luận chứ không phải là sản phẩm do nhà máy tuyên truyền sản xuất trong một xã hội bị bưng bít thông tin. Tuy mức độ có khác nhau, "khóc lãnh tụ" là đặc điểm của văn hóa CS và chỉ tồn tại tại các nước CS.

Trở lại với thành phần "nói gì thì nói". Giới hạn trong hoạt động tri thức của thành phần "nói gì thì nói" mỗi thời kỳ có thể được nới rộng hơn chút ít nhưng đó không phải là sự mở rộng thuận theo đà phát triển của văn minh nhân loại mà từ sự thỏa hiệp với đảng CS. Như kẻ viết bài này có lần đã viết, xã hội Việt Nam là một xã hội được khoanh vùng có biên giới rõ rệt giữa các thành phần và các thành phần này cùng tồn tại bằng cách thỏa hiệp với nhau. Không được vượt đèn đỏ, không được lấn lề, vi phạm sẽ bị phạt. Đảng Cộng sản thỏa hiệp với các thành phần trí thức vì mục đích duy trì quyền cai trị đất nước. Giới trí thức thỏa hiệp với đảng để được ban phát bổng lộc, lợi danh. Giới văn nghệ sĩ thỏa hiệp với đảng để các điều kiện sáng tác, in ấn, phát hành được nới rộng hơn, được đi Tây, đi Mỹ dễ dàng. Các bè phái tham ô thỏa hiệp với lãnh đạo đảng để được tiếp tục tham nhũng cho đến khi bị lộ. Chỉ có những người cùng khổ, thấp cổ bé miệng nhưng chiếm đa số trong xã hội, là không ai cần thỏa hiệp mà họ cũng chẳng biết thỏa hiệp với ai ngoài số phận hẩm hiu đầy bất hạnh của mình.

Không có gì đáng hãnh diện. Hồ nước rộng mà thành phần "nói gì thì nói" đang bơi trong đó hôm nay hai chục năm trước là một chiếc ao nhỏ và bốn mươi năm trước là một lỗ chân trâu nhưng dù là lỗ chân trâu, ao hay hồ cũng

chỉ là nơi tích tụ của những giọt nước tuyên truyền cùng một nguồn nhỏ xuống suốt hơn nửa thế kỷ qua. Dù thừa nhận hay không, tầng lớp của những người "nói gì thì nói" chính là những người bị CS tẩy não, và Việt Nam hôm nay vẫn còn chịu đựng dưới chế độ độc tài trong khi đại đa số nhân loại sống trong tự do dân chủ không phải vì tài năng của giới lãnh đạo CS nhưng chỉ vì số người bị tẩy não còn quá đông.

Tham khảo:

- Albert D. Biderman, Herbert Zimmer, Manipulation of Human Behavior (The), Delhaye, 1961

- Kathleen Taylor, Brainwashing THE SCIENCE OF THOUGHT CONTROL, Oxford University Press 2004

- Transcript of G. Edward Griffin interviews Ex-KGB Soviet Defector Yuri Bezmenov, Wed Jun 3 1985

- EDWARD HUNTER, Brainwashing, The Story of Men Who Defied It, New York, 1956

- Louis R. Stockstill, The Forgotten Americans of the Vietnam War, Prisoners of War—A Special Report, US Air force

- Biderman's Chart of Coercion

- http://vi.wikipedia.org về Ban Tuyên Giáo Trung Ương và Ban Tổ chức Trung Ương đảng CSVN

- Former KGB Agent Yuri Bezmenov Explains How to brainwash a nation

- Archie Brown, The Rise and Fall of Communism, HarperCollins, New York, NY 2011

TANG LỄ VÕ NGUYÊN GIÁP, MỘT TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU VỀ TẨY NÃO

Việt Nam có hai ông Võ Nguyên Giáp. Một ông Võ Nguyên Giáp đã chết từ năm 1984 và một ông Võ Nguyên Giáp khác vừa mới qua đời. Hai ông Võ Nguyên Giáp về thịt xương chỉ là một ông nhưng trong quan điểm của lãnh đạo CS lại là hai. Khi Võ Nguyên Giáp còn sống đảng xem như đã chết nhưng khi Võ Nguyên Giáp tắt thở đảng lại quyết định ông ta phải sống như một "anh hùng dân tộc".

Ngày ông Giáp qua đời, các trang mạng "lề dân", các hãng tin quốc tế trong đó có BBC loan tin sớm nhất. Hai mươi bốn giờ đầu tiên, tờ Nhân Dân và cả Thông Tấn Xã Việt Nam, hai cơ quan ngôn luận chính thức của đảng CSVN không đưa tin ông Giáp từ trần. Lý do, Bộ Chính trị cần phải họp để quyết định có nên cho phép ông Giáp chết chưa, chết như thế nào, chết ngày nào và an táng ra sao.

Hơn một ngày sau, đảng quyết định Võ Nguyên Giáp "nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Bí thư Quân ủy Trung ương, nguyên Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ; nguyên Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam; Đại biểu Quốc hội từ khóa I đến khóa VII…đã từ trần hồi 18 giờ 9 phút, ngày 4-10-2013 (tức ngày 30 tháng 8 năm Quý Tỵ), tại Bệnh viện T.Ư Quân đội 108; hưởng thọ 103 tuổi."

Thông cáo chỉ dài một trang nhưng cố tình viết sót. Thông thường trong cáo phó hay tiểu sử, chức vụ cuối cùng là chức vụ chính thức và các chức vụ khác trước đó được viết sau hay bỏ sót cũng không sao. Chức vụ về mặt nhà nước cuối cùng trước khi nghỉ hưu của ông Giáp không phải là Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam mà là Phó Thủ tướng kiêm Chủ tịch Ủy ban Quốc gia Dân số và Sinh đẻ Có Kế hoạch chiếu theo quyết định bổ nhiệm số 58/HĐBT do Phạm Văn Đồng ký ngày 18 tháng 4 năm 1984. Khi đó ông đã rời chức Bộ Trưởng Quốc Phòng đến bốn năm. Một chức vụ cả thế giới đều biết mà đảng còn giấu được nói chi những chuyện khác. Việc xóa đi chức vụ lo phần sinh đẻ của ông Giáp là một cách thừa nhận chức vụ đó chẳng qua là vết chàm nhục nhã do Lê Duẩn và Lê Đức Thọ đóng lên trán của ông Giáp.

Dù sao ông Võ Nguyên Giáp là một người may mắn. Khi còn sống ông có nằm mơ cũng không nghĩ mình được ca ngợi, vinh danh và thương tiếc nhiều đến thế. Ngoại trừ Hồ Chí Minh, những lãnh tụ CS cùng thế hệ không ai được ca ngợi như ông. Việc chọn được an táng ở một nơi vắng vẻ thay vì nghĩa trang Mai Dịch cho thấy tâm trạng của Võ Nguyên Giáp là tâm trạng của kẻ thua cuộc và từ lâu đã bị bỏ rơi. Ngoài ra, chắc ông cũng cảm thấy khó chịu khi nghĩ đến việc phải nằm cạnh Lê Duẩn, Văn Tiến

Dũng, Trường Chinh. Nếu Võ Nguyên Giáp chết vào đầu thập niên 1980 khi Lê Duẩn còn sống hay khi Đỗ Mười làm tổng bí thư có lẽ cũng không hơn gì những sĩ quan cấp tướng khác như Lê Trọng Tấn (1914-1986), Hoàng Văn Thái (1915-1986). Trường Chinh so với Võ Nguyên Giáp còn cao hơn cả đảng tịch lẫn chức vụ nhưng khi chết cũng không được tổ chức đình đám hơn.

Dưới chế độ CS, khóc thương, nguyền rủa, ca ngợi hay phê bình kiểm thảo cũng đều có chủ trương, có chính sách chứ không phải là một tình cảm tự nhiên. Tận diệt kẻ thù còn sống nhưng lợi dụng mọi ảnh hưởng có lợi của kẻ thù đã chết cũng là một trong những đặc điểm trong bộ máy cai trị CS khắp thế giới. Stalin khóc Sergey Kirov, Fidel Castro khóc Ernesto "Che" Guevara, Đặng Tiểu Bình khóc Mao Trạch Đông. Tình đồng chí trong giới lãnh đạo đảng CS chỉ có trong các điếu văn.

Cùng phát xuất một nguồn nên CSVN cũng chẳng tốt hơn Liên Xô, Trung Cộng. Ca tụng kẻ chết không gây tác hại gì. Xác chết không nghe được lời ca tụng, không nếm được mỹ vị cao lương, không sống trong các biệt thự có kẻ hầu người hạ, chỉ có đám độc tài đang thống trị đất nước mới thật sự là những kẻ hưởng thụ quyền lực, sống trong chiếc bóng những người đã chết. Họ đối xử nhau còn tệ hơn giới giang hồ đâm thuê chém mướn. Danh vọng và quyền lực làm mờ nhân tính trong con người họ. Lê Duẩn liên minh với Lê Đức Thọ để loại Võ Nguyên Giáp, rồi Lê Đức Thọ tính hại Lê Duẩn ngay cả khi y đang nằm trên giường bịnh vì không chịu viết di chúc truyền chức tổng bí thư. Đoàn Duy Thành kể trong hồi ký Làm người là khó, khi Lê Duẩn sắp chết con cái y còn lo cánh Lê Đức Thọ sẽ giết chết hết cả gia đình.

Nhưng tại sao lãnh đạo CSVN lại muốn Võ Nguyên Giáp tiếp tục sống như một "anh hùng dân tộc" trong giai đoạn này?

Lãnh đạo CSVN cố dựng lại tấm bình phong chính danh lịch sử

Như người viết đã trình bày trong bài *Cách mạng dân tộc dân chủ trong tình hình mới* trên talawas trước đây, một câu hỏi thường được đặt ra, tại sao các nước Cộng Sản Đông Âu và Liên Xô sụp đổ mà Cộng Sản tại các nước Á châu như Trung Cộng, Việt Nam không sụp đổ. Mặc dầu mỗi nhà phân tích chính trị có thể giải thích nguyên nhân một cách khác nhau tùy theo góc độ họ đứng và mục đích nghiên cứu, đa số đã đồng ý rằng các nước Cộng Sản tại Á Châu có một điểm mà các nước Cộng Sản Đông Âu không có, đó là sự liên hệ lịch sử giữa dòng sống của đảng Cộng Sản và dòng sống của đất nước nơi đảng ra đời. Đảng Cộng Sản Trung Quốc được thành lập 1921 trong cuộc kháng chiến chống Nhật, đảng Cộng Sản Việt Nam ra đời 1930 trong cuộc kháng chiến Pháp. Lãnh đạo Trung Cộng và CSVN đã vận dụng tối đa mối liên hệ này.

Tại Trung Cộng, Đặng Tiểu Bình và các lãnh đạo CS Trung Cộng biết rõ hơn ai hết, cây cột duy nhất có thể giữ chế độ CS khỏi sụp đổ là tính chính danh lãnh đạo của đảng CS. Giáo sư Peter Hays Gries, một chuyên gia về Trung Cộng, viết "*Thiếu vắng tính hợp luật dựa theo thủ tục để bầu ra các chính phủ theo các nguyên tắc dân chủ, và đối phó với sự sụp đổ của hệ tư tưởng Cộng Sản, đảng Cộng Sản Trung Hoa gia tăng phụ thuộc vào các tiêu chuẩn dân tộc để cai trị đất nước*."

Lãnh đạo CSVN sao chép toàn bộ lý luận của Đảng Cộng Sản Trung Quốc kể cả việc lợi dụng mối liên hệ lịch sử ngắn ngủi giữa đảng CS và dân tộc để giải thích tính

chính danh của đảng trong tương lai lâu dài của dân tộc. Đừng quên, trong thời điểm chống thực dân Pháp, không phải chỉ có đảng CS mà rất nhiều đảng, nhiều phong trào cách mạng khác ra đời từ nam đến bắc để cùng đánh đuổi thực dân. Tuy nhiên, không có một phong trào nào, một đảng phái nào trong cương lĩnh tự cho rằng vì họ đánh Pháp nên đảng của họ có đặc quyền lãnh đạo cách mạng, đặc quyền lãnh đạo đất nước, không chỉ hôm nay và mãi mãi về sau như đảng CSVN. Đó là lý luận của kẻ cướp nước.

Sau 38 năm cai trị, chưa bao giờ đảng CSVN bị phải đương đầu với nhiều khó khăn như hôm nay. Ngoài sự phân hóa nội bộ và một nền kinh tế suy sụp, những thành phần từng nhiệt tình ủng hộ đảng, chấp nhận chiến đấu dưới sự lãnh đạo của đảng đang lần lượt ra đi. Nhiều trong số đó đang công khai thách thức quyền cai trị của đảng. Hơn bao giờ hết, đảng cần sự ủng hộ của quần chúng, và muốn vậy, phải hâm nóng lại chiêu bài yêu nước. Võ Nguyên Giáp là những que củi cần thiết để đốt lên lò lửa "chống thực dân và đế quốc" đã nhiều năm nguội lạnh. Giới lãnh đạo CS dùng chiếc khăn chính danh lịch sử để bịt mắt nhân dân và đã nhiều lần chứng tỏ thành công. Giáo sư Archie Brown thuộc đại học Oxford, Anh, cho rằng sở dĩ các chế độ CS tại Việt Nam, Trung Cộng còn tồn tại vì khái niệm tình cảm dân tộc nhiều giai đoạn có lợi cho CS.

Lãnh đạo CSVN đánh giá đúng trình độ của các thành phần bị tẩy não.

Nếu so sánh Việt Nam, Trung Cộng và Bắc Hàn, Việt Nam còn quá nhiều người bị tẩy não, mê muội và lạc hậu hơn cả Trung Cộng và Bắc Hàn. Người dân Trung Hoa ít ra chứng tỏ cho thế giới thấy khát vọng dân chủ của họ qua biến cố Thiên An Môn với một triệu người vùng dậy

chiếm cứ khuôn mặt của thủ đô Bắc Kinh suốt gần một tháng. Chế độ Cộng Sản tại Trung Hoa đang đi trên lưỡi dao cạo, chỉ cần mất thăng bằng, mất kiểm soát sẽ bị đứt chân và rơi xuống vực sâu. Khi dựng bức tượng Nữ Thần Tự Do làm biểu tượng cho cuộc đấu tranh, các lãnh đạo của phong trào Thiên An Môn chọn dứt khoát một con đường, đó là con đường tự do dân chủ và không có một con đường nào khác.

Bắc Hàn chìm đắm trong tăm tối, hoàn toàn bị cô lập nhưng từ 1952 đến nay, mỗi năm vẫn có hàng ngàn người dân vượt thoát được khỏi địa ngục Bắc Hàn bằng những cách vô cùng nguy hiểm. Một người Bắc Hàn vượt biên bị bắt, nếu bị bắn ngay tại chỗ, là một may mắn. Không, phần lớn phải trải qua những trận tra tấn vô cùng dã man, bị bỏ đói dần dần cho đến khi thân thể chỉ còn máu và mủ. Hầu hết người bị bắt lại hay bị Trung Cộng trao trả về Bắc Hàn đều bị giết. Tuy nhiên, những người dân Bắc Hàn đó đã chứng tỏ khát vọng tự do là một quyền bẩm sinh trong mỗi con người từ khi mới chào đời, không ai ban cho và cũng không cần ai chỉ dạy. *Harvard International Review* phỏng vấn anh Ji Seong-ho, người đã vượt sáu ngàn dặm qua các nước Trung Cộng, Thái Lan, Lào và Đài Loan để tìm tự do năm 2006 và được anh cho biết chế độ CS Bắc Hàn đã đánh mất niềm tin trong lòng dân, và khi tôi còn ở đó người dân đã nghĩ đến sự thay đổi. Họ sợ thảo luận nơi công cộng nhưng trong riêng tư họ đã bàn đến. Áp bức vẫn tiếp tục, nhưng sự yêu chuộng cũng như uy tín của chế độ giảm nhiều.

Việt Nam thì khác. Để tồn tại, từ 1981 đến nay, giới lãnh đạo CS buộc phải hé cửa và tự diễn biến hòa bình qua các chính sách đổi mới kinh tế. Ánh sáng văn minh nhân loại theo những kẽ hở đó lọt vào. So với Bắc Hàn, người Việt Nam có nhiều điều kiện hơn để nhìn ra thế

giới. Lẽ ra, người dân, nhất là thành phần trí thức, có cơ hội học hỏi, so sánh các chế độ chính trị, sở hữu một nhận thức chính trị và chọn lựa một lập trường chính trị phù hợp với xu hướng phát triển thời đại, nếu không công khai chống lại chế độ độc tài ít ra cũng biết tự trọng làm im.

Khi còn sống, những lá thư của ông Võ Nguyên Giáp lên tiếng về chủ trương xây dựng Nhà Quốc Hội ở khu di tích 18 Hoàng Diệu hay ít nhất ba lần về Dự án khai thác bô xít ở Tây Nguyên cũng bị ném vào sọt rác. Ngoại trừ một số rất nhỏ, không ai binh vực ông. Thế nhưng, khi đảng cho phép tiếc thương, nhiều bồi bút tận dụng cơ hội để lập công, khẳng định sự trung thành và chứng tỏ mình luôn đi sát với lập trường, quan điểm của đảng. Trên mấy trăm tờ báo đảng, bấm vào là đọc một mẫu chuyện về "cuộc đời", "sự nghiệp" và "chiến công" của Võ Nguyên Giáp. Đọc những bài thơ, bài văn tâng bốc Võ Nguyên Giáp mà cảm thấy tội nghiệp cho tiếng Việt. Những cây đinh tuyên truyền tẩy não lại tiếp tục đóng vào nhận thức của các thế hệ Việt Nam chẳng khác gì thời chiến tranh. Tang lễ của Võ Nguyên Giáp cho thấy nhiều người vẫn còn bị lừa gạt một cách quá dễ dàng và thành phần xu nịnh trong xã hội Việt Nam còn quá đông. Thì ra, dù nhân loại bắt đầu thám hiểm những vì sao xa nhiều triệu dặm, chiếc đồng hồ báo thức tại Việt Nam 60 năm vẫn chưa gõ lên một tiếng nào.

Như đã viết trong bài *Bàn về tẩy não*, sau 38 năm, tầng lớp có học thức, nhà khoa học, nhà văn, nhà thơ, nhà báo không ít người vẫn còn nghĩ rằng nói gì thì nói đảng CS trong suốt dòng lịch sử của đảng đã đồng hành với dân tộc, nói gì thì nói chỉ có đảng CS mới có khả năng đưa đất nước ra khỏi nghèo nàn lạc hậu, nói gì thì nói đảng CS là đảng nắm trong tay ngọn cờ chính nghĩa, nói gì thì nói

Việt Nam vẫn cần ổn định để phát triển và mọi thay đổi đột biến sẽ dẫn đến hỗn loạn; nói gì thì nói các lãnh tụ CS vẫn là những người yêu nước, những anh hùng dân tộc và xứng đáng được kính trọng khi họ sống và tôn thờ, tiếc thương, than khóc khi họ chết. Đảng không từ chối đã phạm nhiều sai lầm trong quá khứ nhưng đó là những sai lầm khách quan. Đảng không từ chối đang có nhiều tình trạng tiêu cực xã hội nhưng đó chỉ là hiện tượng không phải bản chất của chế độ. Từ những năm đầu ăn bo bo sau 1975 cho đến gần bốn chục năm, một học sinh cho đến các "tiến sĩ" cũng đều bị tẩy não bằng những lập luận như vậy qua các lớp chính trị.

Đảng biết rất rõ thành phần "nói gì thì nói" là ai và quá khứ xuất thân của từng người trong số họ. Họ yêu nước không? Có. Họ muốn đất nước Việt Nam giàu mạnh không? Có. Họ muốn xã hội Việt Nam trong sạch không? Có. Họ muốn điều kiện chính trị tại Việt Nam được nới rộng nhưng đảng CS vẫn tiếp tục lãnh đạo đất nước không? Cũng có luôn. Nhà tâm lý học Michael Langone mô tả đó tình trạng tâm thần của những người đang trôi giữa hai bờ, bờ đúng và bờ sai, bờ thực và bờ ảo, bờ chánh và bờ tà. Họ thoạt trông như có tinh thần cách mạng nhưng trong thực tế là vật cản cho một cuộc cách mạng xã hội toàn diện và đắp đập để giữ cho cơ chế độc tài tồn tại lâu dài hơn.

Những nhà khoa học, nhà văn, nhà thơ đó có bao giờ nửa khuya thức dậy pha một bình trà thật đậm, vừa uống và vừa tự hỏi những những nhận thức chính trị của mình từ đâu mà có? Những kiến thức về lịch sử của mình do ai cấy vào? Ông Võ Nguyên Giáp thực sự là nạn nhân hay cũng chỉ là kẻ sát nhân thất thế như nhiều lãnh đạo CS khác? Ông Võ Nguyên Giáp là anh hùng dân tộc hay là một trong những người đưa đất nước vào vòng nghèo

nàn, độc tài, lạc hậu hôm nay? Nếu ông Võ Nguyên Giáp là anh hùng dân tộc rồi ai sẽ là người chịu trách nhiệm cho cái chết của hàng triệu đồng bào miền Nam từ 1954 đến 1975, chẳng lẽ những nạn nhân vô tội kia không phải là một bộ phận của dân tộc Việt Nam sao? Và cứ thế, hãy đặt ra những câu hỏi ngược với những khẳng định và kết luận mà đảng đã trang bị, không chỉ riêng về ông Võ Nguyên Giáp mà cả một giai đoạn lịch sử dài từ khi đảng CSVN có mặt. Phải biết hoài nghi, so sánh và đặt vấn đề một cách khách quan và độc lập để thấy những gì được gọi là "chân lý" và "sự thật" dưới chế độ CS chỉ là những bùa ngải tuyên truyền.

Các phương pháp giải tẩy não

Bác sĩ Robert J. Lifton là nhà nghiên cứu tiên phong về tẩy não dưới chế độ CS. Trong tác phẩm *Cải tạo tư tưởng và tâm lý học về chế độ toàn trị: Một nghiên cứu về "Tẩy não" tại Trung Cộng* (Thought Reform and the Psychology of Totalism: A Study of "Brainwashing" in China) ông đã đưa ra 8 đặc điểm về cải tạo tư tưởng của CS: (1) Kiểm soát môi trường (Giới hạn tối đa sự liên lạc giữa nạn nhân và thế giới bên ngoài, giữa nạn nhân và xã hội chung quanh và cả giữa nạn nhân và chính nhận thức cũ của nạn nhân); (2) Vận dụng huyền bí (Vận dụng cá nhân bằng mọi cách và không giới hạn ở một phương tiện nào); (3) Đòi hỏi sự thuần khiết tuyệt đối (Một quá trình phấn đấu liên tục để đạt đến trình độ tự giác); (4) Tự thú công khai (Con người trong xã hội CS phải phô bày mọi suy nghĩ, quan tâm và lo âu một cách công khai, không có riêng tư về thể chất cũng như tinh thần); (5) Chủ thuyết là tuyệt đối đúng (Chủ thuyết CS được đảng lý luận như đồng nghĩa với khoa học và phê bình chủ thuyết CS chẳng những sai lầm về đạo đức mà còn vi phạm các nguyên tắc "khoa học"); (6) Khẩu hiệu chuyên chở ngôn ngữ (Những

vấn đề phức tạp, khó hiểu và sâu xa nhất của con người được cô đọng thành những khẩu hiệu có sức cám dỗ cao, dễ giải thích, dễ hiểu và dễ nhớ); (7) Giá trị của chủ thuyết đặt cao hơn giá trị con người (Kinh nghiệm quá khứ của một người sẽ không giá trị gì nếu kinh nghiệm đó mâu thuẫn với chủ thuyết, lịch sử của dân tộc được viết lại, sửa đổi hay cắt xén để phù hợp với chủ thuyết); (8) Thành phần cần thiết và không cần thiết tồn tại trong xã hội (Có hai hạng người trong xã hội CS, một hạng thuộc giai cấp ưu việt gồm công nhân, nông dân, buôn bán lẻ có quyền tồn tại và thành phần khác gồm tư sản, địa chủ, phản động không cần phải tồn tại).

Các điểm mà Bác sĩ Robert J. Lifton trình bày về chính sách tẩy não tại Trung Cộng, đã và đang được áp dụng tại Việt Nam, cho thấy chính sách tẩy não CS vô cùng thâm độc, tận gốc rễ và có hệ thống tinh vi.

Chính Mikhail Gorbachev cũng gián tiếp thừa nhận mình từng bị tẩy não. Lần đầu tiên được đi ra nước ngoài vào những năm 1970, xã hội Tây phương đã giúp ông ta sáng mắt. Những chuyến đi trong thập niên 1980, trong tư cách Ủy viên Bộ Chính trị, đã củng cố quyết tâm thực hiện các chính sách đổi mới sau này. Gorbachev kể lại, một lần, khi tháp tùng phái đoàn đảng CS Liên Xô tham dự tang lễ của lãnh đạo CS Ý Enrico Berlinguer, ông ta ngạc nhiên khi thấy hầu hết các chính trị gia thuộc các đảng dân chủ kể cả Tổng thống Ý Alessandro Pertini cũng đến cúi chào tiễn biệt trước quan tài của Enrico Berlinguer. Đảng CS Ý trong thập niên 1980 đóng vai trò tích cực trong đời sống chính trị Ý và có hậu thuẫn rộng lớn trong quần chúng. Gorbachev thán phục tính đa nguyên và cách cư xử văn hóa trong chính trị Tây phương. Ông nghĩ điều đó không thể nào xảy ra với chủ thuyết CS mà ông được đào tạo.

Nhiều người Việt Nam tự hào học cao, hiểu rộng, đọc nhiều sách Anh, sách Mỹ, du học tại các trường đại học nước ngoài, nghĩ rằng mình không bị tẩy não. Không phải. Quan điểm lịch sử và nhận thức chính trị của họ bị tẩy từ trong bào thai cho đến tuổi trưởng thành để chấp nhận những kết luận phản khoa học như là chân lý. Áp dụng ví dụ của Yuri Alexandrovich Bezmenov trong bài trước vào điều kiện Việt Nam, dù có mang những người này ra tận các "trại cải tạo" Suối Máu, Cổng Trời và chỉ họ những nơi CS đã bỏ tù hàng trăm ngàn sĩ quan, công chức VNCH chưa hẳn họ tin cho đến khi chính họ bị nhốt vào trong các thùng sắt, bỏ đói và chịu rét, lúc đó họ mới tin.

Giải tẩy não

Tiến trình giải tẩy não vì thế là một tiến trình hết sức khó khăn và chỉ có thể thành công nếu nạn nhân can đảm đối diện với sự thật**,** thừa nhận tình trạng bị tẩy não và giải tẩy não liên tục.

Can đảm đối diện với sự thật

Mọi hành trình bắt đầu từ chính con người. Nếu những người bị tẩy não còn đủ khôn ngoan để hiểu rằng những kiến thức mình đang có là kiến thức một chiều, là thuốc độc được nhỏ từng giọt vào nhận thức và thấm dần qua thời gian, từ thuở còn thơ cất tiếng đầu đời cho đến trường mẫu giáo, tiểu học, trung học, đại học, trường đoàn, trường đảng, hãy đem những kiến thức đó trả lại cho chủ nhân của chúng. Không nên tự kết án vì người bị tẩy não chỉ là nạn nhân chứ không phải là kẻ gây ra tội ác. Hàng ngàn người khóc vật vã trên đường phố trong tang lễ của ông Võ Nguyên Giáp không quan trọng vì ngày mai đảng bảo cười họ cũng sẽ cười, nhưng các nhà văn, nhà thơ, nhà báo thì khác. Họ là những tiếng nói gây ảnh hưởng và được ví như là những phát ngôn nhân của thế

hệ và thời đại. Không nên tiếp tục bị nô lệ tri thức. Nô lệ vật chất chỉ thiệt hại bản thân nhưng nô lệ tri thức thiệt hại cho những người chung quanh, người đọc và nhiều thế hệ con cháu sau này. Hãy nhổ mũi tên độc ra khỏi vết thương và tiếp tục cuộc hành trình xây dựng một nhận thức mới, độc lập, khách quan và tự do.

Thừa nhận tình trạng bị tẩy não

Con người thường bất đồng với những điều nghịch lý nhưng khó chống lại những điều rất hiển nhiên và hợp lý. Người bị tẩy não thường không thừa nhận bị tẩy não và luôn sống trong tình trạng từ chối. Tuyên truyền tẩy não CS không kê súng vô đầu một người để buộc người đó phải tin nhưng thuyết phục bằng một lý luận rất hợp với nhân tính. Những tù binh Mỹ bị bắt trong chiến tranh Triều Tiên không bị tra tấn về thể xác và không bị kết án giết người. Các cán bộ tuyên truyền Trung Cộng xác định họ là những người tốt, chỉ vì phải có mặt tại Triều Tiên trong một thời điểm sai để làm một công việc trái với đạo lý con người do chính phủ Mỹ chủ trương. Người tù binh cũng là "nạn nhân" như những người dân Triều Tiên vô tội bị bom đạn Mỹ giết chết. Người tù binh được tiếp đãi tử tế, được cấp các tiêu chuẩn ăn uống cao hơn những tù binh khác. Sau đó, anh ta được có trao cơ hội để giải phóng khỏi niềm tin cũ và xây dựng một niềm tin mới.

Giải tẩy não là một tiến trình liên tục

Tẩy não dưới chế độ CS nhằm thay đổi tận gốc rễ, diễn ra có hệ thống và tập trung vào mục đích thuần hóa con người. "Trăm năm trồng người" là mục tiêu đầu tiên và tối hậu của đảng CS. Tuyên truyền CS diễn ra như sóng vỗ vào bờ, hết đợt này đến đợt khác. Khác với các tù bình Mỹ trong chiến tranh Triều Tiên bị tẩy não trong một giai đoạn ngắn, phần lớn sau khi khi về lại nhà, thay đổi môi

trường giáo dục, thông tin và tình cảm, họ nhanh chóng trở lại bình thường. Những người sống ngay giữa lòng chế độ, việc giải tẩy não khó hơn nhiều. Họ phải chiến đấu liên tục về mặt tư tưởng để chống lại các thông tin tẩy não bằng mọi hình thức và trong mọi lãnh vực của đời sống xã hội. Chống lại chính sách tẩy não là một nỗ lực vô cùng khó khăn, đòi hỏi ý chí quyết tâm cao và tinh thần bền bỉ.

Sự thật sẽ thắng

Để trả lời câu hỏi tại sao Liên Xô sụp đổ, người viết tin rằng phần lớn người có kiến thức chính trị căn bản sẽ nghĩ ngay đến vai trò của cựu Tổng bí thư đảng CS Liên Xô Mikhail Gorbachev, người đã đưa ra hai chính sách quan trọng Perestroika (cải cách kinh tế) và Glasnost (cải cách văn hóa xã hội); một số người khác sẽ nghĩ đến vai trò của Tổng thống Mỹ Ronald Reagan, người đã tăng cường chạy đua vũ trang đến mức làm nền kinh tế Liên Xô kiệt quệ; một số có thể nghĩ đến vai trò của Đức Giáo Hoàng John Paul II, người với câu nói "Các con đừng sợ hãi" đã là chỗ dựa tinh thần của phong trào Công Nhân Đoàn Kết Ba Lan và phong trào dân chủ tại các nước Đông Âu; một số có thể nghĩ đến cố thủ tướng Anh Margaret Thatcher, người "phụ nữ sắt" như báo chí Liên Xô mô tả và đã được tác giả John O'Sullivan xem như là một trong ba người (Roldnald Reagan và Đức Giáo Hoàng John Paul II) đã góp phần quan trọng vào việc làm sụp đổ phong trào CS châu Âu.

Tất cả những người nêu trên thật sự đã có đóng góp quan trọng vào việc làm tan rã hệ thống CS. Tuy nhiên, họ chỉ là những giọt nước tràn ly và ly nước không thể tràn bằng vài giọt nước. Lý do chính làm tan vỡ các chế độ CS châu Âu phát xuất từ chỗ nhân dân các nước Đông Âu và Liên Xô đã vượt qua được căn bịnh tẩy não. Các chính

sách tuyên truyền tẩy não từ thời Lenin, Stalin đã không còn hiệu quả, không thuyết phục và cũng không làm người dân sợ hãi, không còn ai kể cả các lãnh đạo đảng tin tưởng vào chủ nghĩa Cộng Sản. Một khi chính sách tuyên truyền không tác dụng, chế độ độc tài sẽ sụp đổ.

Như một định luật của phát triển xã hội, ở đâu có áp bức ở đó có đấu tranh. Khát vọng tự do trong con người chưa bao giờ chết dù giữa mùa đông tuyết giá trong các trại tập trung Siberia hay trên đường phố Budapest ngập máu trong tuần lễ từ ngày 4 đến ngày 10 tháng 11, 1956. Sau hơn 70 năm đối kháng trong âm thầm nhẫn nhục giữa lừa dối và chân thành, giữa bạo lực trấn áp và khát vọng tự do, giữa độc tài và dân chủ, giữa cổ võ chiến tranh và yêu chuộng hòa bình, giữa hận thù và tình yêu, cuối cùng, sự thật đã thắng tại châu Âu và sẽ thắng ở Việt Nam. George Orwell đã viết "trong xã hội đầy lừa dối, cất lên một tiếng nói thật là một hành động cách mạng", hơn bao giờ hết, Việt Nam đang cần những con người làm cách mạng bằng cách sống thật và nói thật.

CÁC HIỆN TƯỢNG THA HÓA TRONG "GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM" TẠI VIỆT NAM

Tháng trước, một bức hình của tỳ kheo Thích Pháp Định và ca sĩ Đàm Vĩnh Hưng hôn môi nhau đã trở thành một đề tài đàm tiếu trong mọi tầng lớp dân gian. Mỗi ngày, rất nhiều hình ảnh đã được chỉnh sửa nhằm lăng mạ Phật Giáo được gởi lên internet nhưng bức hình hôn môi là một bức hình thật và câu chuyện hôn môi cũng là câu chuyện thật. Người Phật Tử nào khi xem bức ảnh cũng có thể tự hỏi làm thế nào một bậc tăng sĩ đã thọ tỳ kheo lại hành xử thiếu suy nghĩ đến mức như vậy.

Tỳ kheo Pháp Định hẳn đã thuộc lòng lời dạy cuối cùng của Đức Phật: *"Các pháp hữu vi là vô thường, hãy tinh tấn, chớ có phóng dật!"* Giới luật là cốt lõi của tu tập. Trong suốt bốn mươi lăm năm gieo rắt hạt giống từ bi, Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni dành chuyến hoằng pháp cuối cùng từ thành Vương Xá đến xứ Kusinara để nhắc nhở ba điểm bất di bất dịch của một tu sĩ Phật Giáo: Giới, Định, Huệ. Một Phật Tử tại gia phải giữ năm giới, một tu

sĩ bậc Sa Di giữ mười giới, một tăng sĩ như Tỳ Kheo Pháp Định đã thọ đại giới, tức phải giữ 250 giới.

Sau đó tôi được biết Tỳ Kheo Pháp Định, thế danh Phan Văn Triển, sám hối và đã chọn cách trả lại y bát để trở về đời sống thường tục. Đức Phật dạy trong kinh Pháp Cú: *"Người kia ở chiến trường, tuy thắng trăm muôn giặc, chưa bằng thắng chính mình, là chiến sĩ bậc nhất".* Anh Phan Văn Triển không chiến thắng được chính mình, không vượt qua được những cám dỗ xã hội. Anh không *thấy đúng, nghĩ đúng, nói đúng, làm việc đúng, sống đúng, chuyên cần đúng, nhớ đúng, tập trung đúng* theo tinh thần Bát Chánh Đạo mà đức Phật đã dạy. Nhiều người trước đó chê bai anh, nay khen anh vì biết lỗi lầm và ra đi. Nhưng ra đi chưa hẳn là chọn lựa tích cực nhất. Lần té ngã nào cũng có một sức bật để vươn lên. Nếu anh Triển thay vì hoàn tục mà ở lại chùa, dùng lầm lỗi của mình như một liều thuốc để tự chữa trị vết thương, đóng cửa tu học, biết đâu năm hay mười năm nữa anh chẳng những vượt qua mà còn chứng nghiệm được nhiều ý nghĩa vi diệu trong Phật Pháp.

Người Phật tử kính trọng tăng không phải chỉ vì chiếc y các thầy đắp mà còn vì hạnh nguyện các thầy đã chọn để dâng hiến đời mình. Hành trạng các thầy đang bước qua khỏi chiếc cầu trần gian đầy cám dỗ này vô cùng khó khăn và đầy thử thách. Mỗi chúng ta là một con người sinh ra với hỉ, nộ, ai, lạc, ái, ố, dục và bắt đầu hành trình tu học như một con người mang tất cả đặc tính đó. Có vị đi được vài năm như anh Triển và cũng có vị bỏ cuộc sau khi đã đi gần hết cuộc đời mình. Trước anh Triển đã có nhiều người thất bại như anh và sau này cũng sẽ có nhiều người như thế. Trước anh Triển đã có nhiều người vượt qua được bể trầm luân và sau anh Triển cũng sẽ có nhiều người vượt qua được. Sự tha hóa qua chuyện "Ca sĩ Đàm

Vĩnh Hưng và Tỳ Kheo Pháp Định hôn môi" đáng buồn nhưng không thể gọi là xấu hổ cho Phật Giáo nói chung.

Sự tha hóa đáng xấu hổ là sự tha hóa trong hàng ngũ lãnh đạo của "Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam" tại Việt Nam.

Thật vậy, từ khi được đảng CSVN thành lập ngày 7 tháng 11 năm 1981 tại chùa Quán Sứ Hà Nội và được xếp vào một trong 37 thành viên của Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam, "Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam" chỉ là một đoàn thể xã hội giống như các đoàn thể khác trong mặt trận như Hội Người cao tuổi Việt Nam, Hội Châm cứu Việt Nam, Hội nghề cá Việt Nam, Hội Làm vườn Việt Nam, Hội kế hoạch hoá gia đình Việt nam v.v.. Một tôn giáo có lịch sử hai ngàn năm và đã đóng góp một phần không nhỏ cho mảnh đất hình chữ S này còn tồn tại trên bản đồ thế giới, bị đặt vào vị trí ngang hàng với một hội làm vườn, cắt cỏ nhưng không một lãnh đạo Phật Giáo nào phàn nàn hay thắc mắc.

Sự tuân phục, phụ thuộc của hàng ngũ lãnh đạo "Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam" vào Đảng CS trầm trọng đến mức nhiều văn kiện từ một bài văn, bài báo bình thường cho đến đạo từ quan trọng nhân đại lễ Phật Đản của Pháp Chủ tối cao cũng không quên dành một phần lớn để ca ngợi công ơn cao dày của Đảng. Đạo từ của Pháp Chủ Thích Phổ Tuệ "Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam" công bố nhân mùa Phật Đản Phật Lịch 2556, tháng 5 năm 2012 là một bằng chứng.

Thông điệp Phật Đản lẽ ra là một cơ hội để nhắc đến công ơn của Đức Phật đã thị hiện trên thế gian để cứu vớt chúng sinh bị đắm chìm trong ô trược, soi rọi ánh sáng từ bi trí tuệ vào nhận thức con người đang lạc loài trong tăm tối vô minh, khơi mạch suối tình thương chảy vào thung lũng hận thù giết chóc. Nhưng không, đạo từ của Pháp

Chủ Thích Phổ Tuệ, vỏn vẹn chỉ một trang nhưng phân đoạn dài nhất được dành để ghi ơn Đảng Cộng Sản Việt Nam trao tặng cho giáo hội "huân chương Hồ Chí Minh", các huân chương và bằng khen khác *"...Trong suốt 30 năm xây dựng và phát triển, Tăng Ni, Cư sỹ, Phật tử các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu Phật sự trên tất cả các lĩnh vực Đạo pháp và Dân tộc cũng như quan hệ đối ngoại Phật sự quốc tế; được Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cộng đồng xã hội đánh giá cao vị thế của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Nhân dịp này, Đảng và Nhà nước đã quyết định trao tặng Huân Chương Hồ Chí Minh lần thứ hai cho Giáo hội, cùng một số chư Tôn đức, Cư sỹ, Phật tử có nhiều thành tựu Phật sự ích đời lợi đạo đã được trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập, Huân chương Đại đoàn kết Dân tộc, Bằng khen của Thủ Tướng Chính Phủ và Chính quyền các cấp. Đây là minh chứng ghi nhận những đóng góp to lớn của giới Tăng Ni, Cư sỹ, Phật tử Giáo hội Phật giáo Việt Nam đối với sự nghiệp Cách mạng của Đảng và của Dân tộc."*

Huân chương để làm gì? Bằng khen để làm gì? Là tu sĩ, có gì cao quý hơn vinh dự được mang họ Thích, được đắp y truyền thừa của Phật, được nương tựa vào Chánh Pháp? Danh lợi, quyền lực là một trong những giới cấm tối quan trọng của một bậc xuất gia. Đại lão hòa thượng Phổ Thoại, 95 tuổi, xuất gia khi chỉ mới 6 tuổi đầu, ngài tu cả đời người dưới mái chùa cong, trong tiếng chuông tiếng mõ, bên ngoài vòng danh lợi. Với tuổi tác và thời gian trụ thế của ngài, tôi không nghĩ hòa thượng tự tay cầm bút viết những dòng trơ trẽn đó nhưng rõ ràng các lãnh đạo của "Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam" phải chịu trách nhiệm cho nội dung mâu thuẫn với những lời dạy xa lánh danh lợi, khước từ quyền lực của Đức Phật mà một người học đạo bình thường nào cũng biết.

Điều mỉa mai hơn, đạo từ nhằm đề cao danh lợi, đánh bóng quyền lực lại được công bố đúng trong ngày một bậc thánh nhân ra đời chỉ để rồi 29 năm sau từ bỏ mọi quyền uy bậc nhất dành cho ngài, rời cung vàng điện ngọc, cắt mái tóc đông cung thái tử trả lại vua cha, khoát lên người một mảnh áo vàng và đi bằng đôi chân đất vào lòng thế gian đau khổ. Hai ngàn năm trăm năm từ ngày đại nguyện đó, trên đất nước Việt Nam có những kẻ tự nhận là con Phật, chọn ngày sinh của ngài để vinh danh, ca ngợi tầng lớp cai trị đang chà đạp lên những quyền căn bản của con người mà đức Phật đã dành 45 năm để xiển dương giá trị. Một câu cũng Đảng, hai câu cũng Đảng, không một dòng nào trong đạo từ nhắc đến ý nghĩa sự ra đời của Thái tử Tất Đạt Đa và bảy bước đi trên bảy đoá sen màu nhiệm. Không một câu nào trong đạo từ giải thích ý nghĩa vi diệu của câu nói đầu đời "Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn" mà Thái Tử Tất Đạt Đa cất lên.

Sự suy thoái của Phật Giáo từ cuối thời nhà Trần như cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Thiện Hoa viết trong Lịch sử Phật Giáo Việt Nam không chỉ là một bằng chứng mà còn là bài học *"Thế mà Đạo Phật trong đời nhà Trần, chỉ thịnh phát trong khoảng 50 năm đầu, rồi dừng lại và thoái bộ mãi. Vì hai lý do làm cho Đạo Phật không thể tiến phát được là ở bên ngoài, sự cạnh tranh ráo riết, có nhiều khi là cả một sự đàn áp của Khổng-Giáo; và ở bên trong, giáo lý Đạo Phật dần dần bị xen lẫn mê tín, dị đoan của những tà giáo, ngoại đạo mà các vua chúa trong đời nhà Trần rất sùng mộ".*

Hôm nay, một lần nữa, thỏa hiệp với giới cai trị và biến đạo Phật thành một loại tà đạo mê tín dị đoan là hai hiện tượng tha hóa phổ biến của "Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam" tại Việt Nam.

Việc thỏa hiệp với giới cầm quyền có thể tìm thấy trong câu hỏi của "đại biểu quốc hội" Thích Thanh Quyết với Nguyễn Tấn Dũng trong kỳ họp quốc hội vừa qua: *"Nhiều mạng thông tin Internet đăng tải nhiều thông tin không đúng sự thật, truyền bá văn hóa đồi trụy, độc hại, trái thuần phong mỹ tục, bịa đặt xuyên tạc, gây dư luận xấu hoài nghi đối với các lãnh đạo Đảng, Nhà nước. Chính phủ có giải pháp gì để ngăn chặn tình trạng không lành mạnh này, xử lý thế nào những người đưa thông tin không đúng sự thật?"* Theo cách hỏi của Thích Thanh Quyết, các quan điểm đi ngược với chính sách độc tài toàn trị của đảng CS, phê bình chỉ trích giới lãnh đạo đảng, nhà nước CS là những lời "bịa đặt", "xuyên tạc", "gây dư luận xấu", "hoài nghi" và cần phải có biện pháp trừng trị thích đáng. Ngoài ra, khi trả lời câu hỏi của báo chí vào tháng Tư năm nay Thích Thanh Quyết phát biểu về tự do tôn giáo tại Việt Nam: *"Tôi thấy, ở nước ta, tín ngưỡng, tôn giáo rất được tự do, tự do đến mức độ được tôn trọng. So với các nước trong khu vực, tự do tôn giáo, tín ngưỡng của Việt Nam ít nhất là không kém, thậm chí còn nhiều mặt cao hơn và thể hiện rõ nhất niềm tin của nhân dân đối với Nhà nước".* Đạo Phật suy vi, thoái hóa không phải chỉ vì những ác ma, tà đạo bên ngoài nhưng vì những ung nhọt làm băng hoại Phật chất từ bên trong tăng đoàn. Thích Thanh Quyết còn trẻ, một ngày không xa, khi chế độc tài này sụp đổ, chắc y còn sống và phải trả lời trước Phật tử Việt Nam về những lời nịnh bợ hôm nay.

Nhưng sự nịnh bợ bốc mùi nhất có thể đọc trong bài "An lạc Phật giáo hòa trong vinh quang của Đảng" của Thích Giác Phú viết trong tạp chí Xây Dựng Đảng số xuân Tân Mão và được nhiều trang web đăng lại: *"Có thể nói, đất nước, dân tộc Việt Nam từ ngày có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo đến nay đã đứng trên một vị thế mới – vị thế một quốc gia xã hội chủ nghĩa độc lập, tự chủ – trong thế*

giới hội nhập, sẵn sàng làm bạn với tất cả các nước cùng phát triển. Đó cũng là cơ duyên, vận hội để Phật giáo ngày càng gắn bó với dân tộc, đồng hành cùng dân tộc, phụng sự dân tộc vì cuộc sống hạnh phúc, an lạc. Thật sung sướng thay, trên mảnh đất hình chữ S thân yêu của chúng ta hôm nay: đất nước phồn vinh, thịnh vượng, Phật pháp xương minh phát triển trong ánh vinh quang Đảng Cộng sản Việt Nam". Những nhận xét vô cùng ngu xuẩn, ấu trĩ, phản đạo như thế và đăng trong các báo quan trọng nhất nước mà không một lãnh đạo Phật Giáo nào lên tiếng phê bình.

Ngoài những đạo từ, bài viết, phát biểu nịnh bợ đảng và nhà nước CS của lãnh đạo giáo hội trung ương cũng như của giáo hội địa phương vừa nêu, còn rất nhiều thông điệp, đạo từ, bài văn, bài báo tương tự, bắt đầu bằng ca ngợi đảng và chấm dứt bằng tung hô đảng không thể nào trích hết ra đây.

Nhiều người có thể phê bình tôi khi nhắc đến vài hiện tượng tiêu cực mà bỏ qua những "thành tựu to lớn" mà Phật Giáo đã đem lại trong 37 năm qua với nhiều chùa, nhiều tu viện, thiền viện và hơn bốn chục ngàn tăng ni. Vâng, to lớn và đông đảo, nhưng để làm gì? Phật Giáo đã đến Việt Nam và đã đi vào lòng lịch sử dân tộc Việt Nam bằng những tấm lòng vị tha cao quý chứ không phải bằng con số và những cuộc tranh giành, thắng thua. Phát triển trên sự chịu đựng đau thương triền miên của dân tộc, phát triển dưới lọng tàng của chế độ độc tài, đảng trị không phản ảnh tinh thần "vị chúng sanh thị hiện" của đức Phật. Có gì xứng đáng để khoe khoang?

Phương châm "Đạo pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa xã hội" của "Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam" cũng không đại diện cho truyền thống của một tôn giáo đã gắn liền với dòng sinh mệnh Việt Nam mà chỉ nói lên sự sợ hãi, phụ thuộc, nô lệ vào đảng CS. Đảng CS và dân tộc Việt Nam không

đồng hành về tương lai mà cũng chưa hề đồng hành trong quá khứ.

Nhân dân Việt Nam muốn gì? Nhân dân Việt Nam muốn có một cuộc sống an bình thịnh vượng trong một cơ chế chính trị dân chủ pháp trị và phát triển toàn diện phù hợp với thời đại văn minh dân chủ. Chính quyền trong cơ chế chính trị dân chủ có nhiệm vụ ngăn chận mọi hình thái độc quyền, bảo đảm công bằng xã hội và bình đẳng cơ hội cho mọi thành phần dân tộc và mọi miền đất nước, tạo dựng môi trường, điều kiện và cơ hội đồng đều để mỗi người phát huy khả năng và sở thích đặc thù, đóng góp vào việc xây dựng nền văn minh mới cho toàn dân và cho nhân loại.

Đảng CS muốn gì? Sau hơn 80 năm qua nhiều lần thay màu đổi dạng nhưng Đảng vẫn duy trì một mục đích áp đặt quyền cai trị tuyệt đối lên toàn dân tộc Việt Nam, sống giàu sang phú quý trên mồ hôi nước mắt và xương máu nhân dân, kiểm soát mọi sinh hoạt vật chất cũng như tinh thần của đời sống con người, áp dụng mọi biện pháp để tiêu diệt một cách không nương tay các hành vi chống đối, mọi tiếng nói bất đồng phát sinh từ trong lòng dân tộc.

Phân tích để thấy, dân tộc Việt Nam và chủ nghĩa Cộng Sản chẳng những không chia sẻ một mục đích cuối cùng chung mà còn mâu thuẫn đối kháng ngay từ trong căn bản. Do đó, về lý luận cũng như về thực tế, không bao giờ có chuyện "đảng song hành cùng dân tộc" như các lãnh đạo "Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam" lập đi lập lại khẩu hiệu tuyên truyền mị dân của đảng CS.

Lịch sử nhân loại đã chứng minh, niềm tin vào chân lý từ bi bao giờ cũng mạnh hơn cường quyền và bạo lực. Tình thương rồi sẽ thắng. Tự do rồi sẽ thắng. Bao nhiêu

chế độ độc tài hà khắc được dựng lên bằng bạo lực và đã sụp đổ trước sức mạnh của nhân dân. Chế độ độc tài Cộng Sản Việt Nam rồi cũng thế. Họ chỉ có thể kéo dài hơi thở bằng bộ máy công an kìm kẹp, bằng nhà tù, sân bắn, bằng vuốt ve, dụ dỗ nhưng không thoát ra khỏi quy luật xã hội. Các thầy không làm được như Phật Giáo Miến Điện, Phật Giáo Tây Tạng, Phật Giáo Nepal thì cũng không nên phạm vào giới vọng ngữ, một trong bốn giới hàng đầu của đại giới, làm nặng nghiệp cho chính mình và hại cho người khác.

Ngày nay, tình trạng "giáo lý Đạo Phật dần dần bị xen lẫn mê tín, dị đoan của những tà giáo, ngoại đạo" cũng trầm trọng không kém cuối đời nhà Trần như cố đại lão Hòa Thượng Thích Thiện Hoa đã phân tích. Ngày rằm tháng Giêng chùa nào cũng đông đúc người sắp hàng xin xăm bói quẻ nhưng không lâu trước đó đại lễ Phật Thành Đạo mùng 8 tháng Chạp, ngày đạo Phật chính thức có mặt trên cõi ta bà này, lại thưa vắng người đi. Trong nhiều trường hợp, các lãnh đạo "Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam" chẳng những không ngăn chận tình trạng mê tín dị đoan mà còn khai thác sự mê muội của người dân vốn đã nghèo để thu góp tiền cúng sao, giải hạn. Cũng Thích Thanh Quyết, Ủy viên Hội đồng Trị sự của "Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam" khi trả lời phỏng vấn của báo *Tiền Phong*, đã hãnh diện về tệ trạng mê tín dị đoan gia tăng *"Năm nay số lượng người đăng kí giải sao, cầu an tại chùa khoảng 23 vạn người, tăng 5% so với năm ngoái. Số sớ được viết cân lên cũng phải được con số hàng tạ"*, và y khoe khoang về mức thu nhập cao *"Trước khi tôi về làm trụ trì tại chùa Phúc Khánh thì tiền công đức tại chùa rất ít nhưng khi tôi về làm trụ trì thì ngay lập tức có người đến công đức tại đây hàng chục tỷ đồng.* " Qua đó, phóng viên bài phóng sự phân tích số tiền thu *"Do giá cả mọi thứ đều tăng nên tiền cúng giải sao, cầu an năm nay cũng tăng 30% so với năm*

*ngoái. Giải sao đầu năm là: 100.000 đồng/người, cầu an: 100.000 đồng/hộ; còn giải sao cả năm là: 700.000 đồng/người, cầu an: 400.000 đồng/hộ….Thông thường, người đến cầu an sẽ giải hạn luôn. Bởi theo giới thiệu của người giúp nhà chùa thu tiền, thì phải làm đồng thời cầu an và giải hạn luôn mới nghiệm. Nếu tính toán, với 23 vạn người, chỉ riêng thu từ tiền cầu an, giải hạn, đã lên đến khoảng 4-5 tỷ đồng".*Nhìn cảnh đồng bào nghèo khó xác xơ, chen lấn nhau nộp tiền "cầu sao giải hạn", một người có chút nhận thức và lương tâm không khỏi đau lòng.

Lịch sử đạo Phật đã cho thấy, trong thời đại nào và ở đâu, các hàng tăng sĩ lãnh đạo Phật Giáo thỏa hiệp với tầng lớp thống trị, bị lôi cuốn vào vòng lợi danh và quyền lực, lợi dụng nỗi khổ đau bất hạnh của con người, giáo hội Phật Giáo đó không còn là đại diện cho đạo từ bi của đức Phật nữa mà đã bị tha hóa thành công cụ của bộ máy cầm quyền.

Dĩ nhiên, không thể quy kết bốn chục ngàn tăng ni Phật Giáo tại Việt Nam là bốn chục ngàn "đại biểu quốc hội" háo danh Thích Thanh Quyết hay bốn chục ngàn ma tăng Thích Giác Phú. Ẩn mình trong đám mây đen là ánh sáng của vầng dương trí tuệ. Che dấu dưới lớp rêu xanh là những viên ngọc từ bi nhẫn nhục. Hàng ngàn Như Lai Trưởng Tử thật sự đang dâng hiến cuộc đời cho Phật Giáo Việt Nam và Dân tộc Việt Nam trong nhiều cách khác nhau trên khắp ba miền đất nước. Các bậc tăng tài chân chính đó là những mạch nước đang âm thầm chảy trong lòng dân tộc, khó khăn nhưng vẫn phải chảy để giữ gìn Chánh Pháp của đức Thế Tôn.

MÓN NỢ TUỔI HAI MƯƠI

(Đọc *Mãi mãi tuổi hai mươi*, nhật ký của Nguyễn Văn Thạc, người lính miền Bắc chết ở chiến trường Quảng Trị 1972)

Tôi đọc nhật ký Mãi mãi tuổi hai mươi của anh Nguyễn Văn Thạc, người lính miền Bắc chết ở Quảng Trị lần đầu trên chuyến bay từ California về lại Boston một thời gian ngắn sau khi phát hành 2005. Nhật ký dày 296 trang, tính cả phần giới thiệu, bắt đầu từ ngày 2 tháng 10 năm 1971, 28 ngày sau khi anh nhập ngũ, đến trang cuối cùng ở Ngã Ba Đồng Lộc ngày 3 tháng 6 năm 1972. Tôi đã có lần đề cập đến *Mãi mãi tuổi hai mươi* trong một bài viết khác, nhân dịp 30-4 muốn viết một bài riêng.

Anh Nguyễn Văn Thạc sinh ngày 14 tháng 10 năm 1952 tại làng Bưởi, Hà Nội. Cha mẹ anh có đến 14 người con, vốn là chủ nhân một xưởng dệt nhỏ, có thuê người làm nhưng khi chiến tranh bùng nổ phải bán hết và dọn về xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm. Gia đình đông đúc, đời sống khó khăn, mẹ anh phải đi cắt cỏ bán lấy tiền. Dù nghèo khó, anh Thạc học rất giỏi tất cả các môn, nhất là

môn văn. Ngày 6 tháng 9 năm 1971, anh gia nhập bộ đội. Tháng 4 năm 1972 anh được đưa vào Nam. Anh viết cuốn nhật ký từ ngày 2 tháng 10 năm 1971 đến ngày 3 tháng 6 năm 1972. Trước khi tham gia chiến trường Quảng Trị, anh đã gửi cuốn nhật ký cùng nhiều lá thư về cho anh trai từ ngã ba Đồng Lộc. Hai tháng sau, ngày 30 tháng 7 năm 1972 anh chết tại mặt trận Quảng Trị sau khi chưa tròn một năm trong đời quân ngũ.

Các hệ thống truyền thông của Đảng tuyên truyền rằng trong "một trận đánh ác liệt bên Thành cổ Quảng Trị, chiến sĩ thông tin Nguyễn Văn Thạc đã bị trọng thương mảnh pháo đã cắt ngang đùi trái trận chiến đẫm máu và hy sinh tại Cổ Thành Quảng Trị". Thật ra, theo lời anh Nguyễn Văn Hà người thương binh cùng trung đội truyền tin và cũng là người đã mai táng anh Nguyễn Văn Thạc kể lại với phóng viên báo Tiền Phong, anh Thạc không tham gia trận chiến đẫm máu tại Cổ Thành và cũng chưa bắn một viên đạn nào. Khẩu AK, bốn băng đạn vẫn còn nguyên vẹn. Sau khi vượt sông Ba Lòng, anh Thạc là người đầu tiên trong đơn vị bị pháo binh VNCH bắn trúng. Cũng theo lời anh Nguyễn Văn Hà, anh Thạc còn rất tỉnh táo tuy bị thương ở đùi. Máu ra nhiều nhưng không có y tá để giúp đỡ, không một viên thuốc cầm máu hay giảm đau, và như thế anh Thạc ra máu cho đến chết.

Anh đặt tên nhật ký là *Chuyện đời* nhưng được thay bằng *Mãi mãi tuổi hai mươi* khi phát hành vào năm 2005. Giống như Nhật ký Đặng Thùy Trâm, nhật ký Mãi mãi tuổi hai mươi của Nguyễn Văn Thạc qua bộ máy tuyên truyền của đảng đã trở một tác phẩm có số lượng phát hành kỷ lục và gây tiếng vang lớn tại Việt Nam.

Anh Thạc thú nhận "ước mơ thầm kín" của anh là trở thành nhà văn. Cũng vì tập làm nhà văn nên văn trong nhật ký của anh không có được nét tự nhiên. Anh tả cảnh

hơi nhiều. Ví dụ, ngày 20 tháng 11 năm 1971 anh tả trong nhật ký: "*Cơn gió thổi từ phía đồi mặt trời qua hồ cá. Sương mù thốc nhẹ lên rặng phi lao ven đường… Con trâu đi ngang, con cá trắng bơi dọc, và những vòng sóng hình tròn toả rộng chung quanh… Sự sống hiện ra ở khắp mọi chiều. Và chỗ nào mà chẳng có mầm xanh, chỗ nào mà chẳng có giọt nắng hình quả trứng lăn nghiêng*"; hay ngày 4 tháng 2 năm 1972, thay vì ghi lại những gì xảy ra trong ngày, anh tả một cơn gió mùa: **"***Cả rừng bạch đàn vặn mình. Những cây bạch đàn thân nâu lốm đốm trắng nghiêng ngả. Những chiếc lá thon dài nằm ngang trong gió. Thấp thoáng trong rừng những mái nhà gianh và những lều bạt. Gió mạnh phần phật những tấm tăng đã cũ. Gió reo vù vù***…"**

Ngoại trừ tình yêu say đắm dành cho chị Như Anh mà tôi sẽ không nhắc trong bài viết này vì tôn trọng tình cảm riêng tư, anh Thạc là sản phẩm kiểu mẫu của nền giáo dục xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Anh không được đi ra nước ngoài dù đi Liên Xô, đi Tiệp. Anh chỉ nghe đài phát thanh Hà Nội, học tập lý luận chính trị từ các bài diễn văn của Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, đọc truyện dịch của các tác giả Liên Xô, đọc thơ Tố Hữu, Phạm Tiến Duật, các nhà thơ Liên Xô, ngoài ra không có một nguồn tư liệu nào khác. Anh tả nhiều hơn viết, một phần cũng vì ở tuổi còn nhỏ sự gần gũi và va chạm với xã hội còn khá ít.

Thần tượng tuổi trẻ của anh Thạc là Paven, tức Pavel Korchagin trong Thép đã tôi thế đấy của Nikolai Ostrovsky. Lại cũng Paven!

Ngày 24 tháng 12 năm 1971 anh viết về thần tượng Paven của anh: "Dạo ấy Paven mới 24 tuổi. Ba năm của thời 20, anh đã sống say sưa, sống gấp gáp và mạnh mẽ. Cưỡi trên lưng con ngựa cụt hai tai trong lữ đoàn Budionni anh đã đi khắp miền đất nước. Cuộc sống của

anh là một dòng mùa xuân bất tận giữa cuộc đời. Đó là cuộc sống của người Đảng viên trẻ tuổi, cuộc sống của một chiến sỹ Hồng quân. Mình thèm khát được sống như thế. Sống trọn vẹn đời mình cho Đảng, cho giai cấp. Sống vững vàng trước những cơn bão táp của cách mạng và của cuộc đời riêng."

Thép đã tôi thế đấy là một trong những tác phẩm anh Thạc mang theo trên đường vào Nam và được anh trích dẫn khá nhiều. Anh xem đó như là nhựa sống: "Mêrétxép và Paven… Những người đầy nghị lực và có thể nói được họ đã đi tới mục đích của đời mình!" Anh hổ thẹn vì chưa được thành đảng viên CS giống như Paven: "Hôm nay, lần đầu tiên trong đời mình cảm thấy hổ thẹn với mọi người, hổ thẹn với Paven, Pavơlusa thân yêu. Mình chưa phải là một đảng viên!".

Ước mơ của chàng thanh niên Việt Nam 20 tuổi Nguyễn Văn Thạc là được sống như Paven Korchagin. Chẳng lẽ anh không biết một số rất đông anh hùng dân tộc Việt Nam, đã sống, chiến đấu và hy sinh cho độc lập tự do của đất nước trong khi còn rất trẻ. Trần Quốc Toản (1267–1285) "phá cường địch báo hoàng ân" năm 18 tuổi. Trần Bình Trọng (1259–1285) "thà làm quỷ nước Nam hơn làm vương đất Bắc" khi 26 tuổi. Nguyễn Thái Học (1902–1930) "chết vì tổ quốc chết vinh quang" lúc 28 tuổi. Cuộc đời họ là những bản hùng ca tuyệt vời gấp ngàn lần hơn anh chàng Nikolai Ostrovsky bị tẩy não kia.

Đọc *phóng sự Vua An Nam* (Le Roi d'Annam, Nguyễn Duy Chính dịch) của ký giả Jean Locquart đăng trên *Le Monde* ngày 23 tháng 2 năm 1889 để biết tuổi trẻ Việt Nam đã sống và chết trung liệt như thế nào. Ký giả Jean Locquart tường thuật khá chi tiết cảnh biệt đội Pháp do Đại úy Boulangier chỉ huy bắt sống vua Hàm Nghi chiều ngày 1 tháng 11 năm 1888:

"*Một buổi chiều biệt đội của đại uý được tin là sau khi bị đội lính dõng thiện chiến truy kích liên tục, cựu hoàng lẩn trốn cùng với người tuỳ viên là Tôn Thất Thiệp con trai cựu phụ chính Thuyết tại một làng hẻo lánh và kín đáo trong rừng núi cao nguyên Giai. Biệt đội của Boulangier liền bao vây nơi nhà vua ở và khi cửa chính bị đạp tung ra thì thấy Thiệp đã thức giấc vì tiếng động của vụ tấn công còn vua Hàm Nghi đang ngủ say ở bên cạnh. Cả hai người đều để gươm trần ở bên cạnh và trong tay có khí giới nhưng không chống trả được gì. Thấy chủ soái thất thế, và để tránh cảnh tủi nhục khi bị bắt đem đi, Thiệp toan đâm chết ông [vua Hàm Nghi], nhưng vì quân Pháp dự tính bắt sống nên lập tức nổ súng hạ gục Thiệp. Sau đó họ chặt đầu Thiệp và đem bêu trên cọc tre ở ngoài chợ Dang-Kha là một nơi sầm uất và còn đang xao động.*"

Hai người gánh cả một non sông trong giai đoạn lịch sử vô cùng bi tráng đó đều chỉ mới 18 tuổi, còn nhỏ tuổi hơn anh Thạc. Tôi tự hỏi, khi dừng chân nghỉ ngơi trong hành trình đầy gian khổ ở Quảng Trị vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thiệp nói chuyện gì với nhau. Một ông vua trẻ trước đây chưa từng ra khỏi Huế và một chàng vệ sĩ còn trong tuổi vị thành niên hẳn không có nhiều điều trao đổi. Nhưng có một điều chắc chắn họ đã từng chia sẻ, đó là mơ ước một ngày dân tộc Việt Nam sẽ không còn làm nô lệ cho Tây. Giọt máu của Tôn Thất Thiệp nhỏ xuống trên chiếc cọc tre cắm ngoài chợ Dang-Kha và giọt nước mắt của vua Hàm Nghi nhỏ xuống bên thành tàu Biên Hòa trên đường đi đày cùng có một mùi đắng cay, tủi nhục giống nhau.

Là sinh viên Đại học Tổng hợp Hà Nội và từng là học sinh giỏi văn nhất miền Bắc hẳn anh biết Trần Bình Trọng, Trần Quốc Toản, Hàm Nghi, Tôn Thất Thiệp là ai,

rất tiếc anh không được uốn nắn để sống theo những tấm gương trung liệt đó.

Trong mùa hè đỏ lửa năm 1972, hàng trăm ngàn đồng bào Quảng Trị phải bồng bế, gồng gánh nhau chạy vào Huế và Đà Nẵng, những quận Đông Hà, Gio Linh và các khu vực chung quanh Cổ thành Quảng Trị đã trở thành những bãi chiến kinh hồn nhưng trong nhật ký ngày 4 tháng 4 năm 1972, anh hãnh diện chép lại bản tin của đài phát thanh Hà Nội: "Đài phát thanh truyền đi tin chiến thắng rực rỡ của tiền tuyến ở mặt trận Trị-Thiên-Huế ở đường 9, Cam Lộ, Gio Linh, đã diệt 5.500 tên địch; 10 vạn đồng bào nổi dậy – Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam đã phải mở thêm các buổi phát thanh để truyền tin chiến thắng của miền Nam anh hùng."

Anh Thạc tin một cách chân thành rằng những tin tức đó là thật. Nếu có một nhà sưu tầm nào thu thập các bản tin chiến sự của đài phát thanh Hà Nội trong suốt cuộc chiến và cộng lại, tổng số tổn thất của quân đội VNCH ít nhất cũng bằng nửa dân số miền Nam.

Trong nền giáo dục CS, anh Thạc không phải mất công tìm kiếm câu trả lời cho những thắc mắc của mình vì Đảng đã có sẵn các câu trả lời cần thiết cho suốt cuộc đời anh. Trong nhật ký ngày 12 tháng 1 năm 1972, khi ưu tư về tương lai, anh Thạc trích ngay câu nói của Lê Duẩn:" Thanh niên hãy lấy sự hy sinh phấn đấu cho cách mạng làm hạnh phúc cao cả nhất của đời mình, đừng để cho tình cảm cách mạng nguội lạnh vì những tính toán được mất cho cá nhân". Không có tình cảm riêng tư nào cả, cách mạng là hạnh phúc cao cả nhất. Anh viết câu nói của Lê Duẩn vào nhật ký một cách trang trọng tưởng chừng y đang ngồi trước mặt và sau đó yên tâm đi tiếp, không thắc mắc gì thêm.

Dù trong bất cứ một hoàn cảnh nào, cuộc tranh đấu giữa thiện và ác diễn ra không ngừng trong mỗi con người cũng như trên phạm vi xã hội. Cũng có lúc các đặc tính nhân bản, tự do bẩm sinh trong con người anh đứng lên chống lại các yếu tố ác độc, nô dịch của ý thức hệ CS đang dồn dập tấn công. Trong nhật ký ngày 27 tháng 4, anh viết những câu đau xót cho cuộc đời mình: "Phải hết sức trấn tĩnh, tôi mới không xé hoặc không đốt đi cuốn Nhật ký này. Trời ơi! Chưa bao giờ tôi chán nản và thất vọng như buổi sáng nay, như ngày hôm nay cả. Tôi không giải thích ra sao nữa. Người ta giải thích được cần phải trấn tĩnh mới hiểu lý do và lung tung. Còn tôi rời rã tôi chán nản với hết thảy mọi điều, mọi thứ trên trái đất này. Phải, tôi hiểu rằng, với một người con trai đang khoẻ mạnh, đang sung sức, đang ở giữa mùa xuân của đời mình thì buồn nản, thì chán đời là một điều xấu xa và không thể nào tưởng tượng được – Người ta đã chửi rủa biết bao lần những thanh niên như thế – Nhưng tôi biết làm sao khi chính bản thân tôi đang buồn nản đến tận cùng này. Tôi lê gót suốt con đường mòn – Con đường mòn như chính cuộc đời tôi đang mòn mỏi đi đây – Tôi ngồi bệt xuống bờ sông, con sông cạn đang rút nước. Tôi vốc bùn và cát ở dưới lòng sông, và qua kẽ ngón tay tôi nó rớt xuống, rớt xuống. Tôi muốn khóc, khóc với dòng sông".

"Tôi muốn khóc, khóc với dòng sông", khóc cho anh, cho thế hệ anh đang lê gót trên con đường mòn. Nhưng thiện tính bẩm sinh trong con người anh Thạc mong manh như một nhánh tre non giữa cuồng phong thù hận. Anh bị tiêm thuốc độc vào người từ thuở mới sinh ra, biết đọc, biết viết cho đến tuổi hai mươi. Những vi trùng Pêlêvôi (Người mẹ cầm súng), Marétxép (Anh hùng phi công Marétxép) đã mê hoặc anh bằng một loại chủ nghĩa anh hùng không tưởng. Thiện tính trong anh không

chống đỡ nổi, đã gục xuống, đầu hàng để rồi vài hôm sau trong nhật ký ngày 7 tháng 5 năm 1972 anh lại mơ được "Đảng tin và trao cho những nhiệm vụ nặng nề". Anh Thạc không thể thoát ra khỏi được quỹ đạo của bộ máy tuyên truyền CS tinh vi. Mà cũng ít người thoát ra được.

Trong số 8 người bạn học đi thi giỏi văn toàn miền Bắc, phần lớn được đi học nước ngoài, riêng anh và một người bạn khác phải đi bộ đội. Trong nhật ký ngày 24 tháng 5 năm 1972, anh tự hỏi chính mình: "Thạc còn buồn không? Có còn buồn bã vì những năm tháng phải xa trường đại học, vì không được ra nước ngoài học tập – Vì các bạn Thạc, người đi đây, người đi đó, sống êm ả, sung túc với tập giáo trình. Ngày mai, các bạn về, các bạn có kiến thức, các bạn là kỹ sư, là các nhà bác học, còn Thạc sẽ chỉ là một con người bình thường nhất, nếu chiến tranh không cướp đi của Thạc một bàn chân, một bàn tay…" Anh không thể tự trả lời. Tuy nhiên, đoạn nhật ký trong cùng ngày đã giải thích lý do một học sinh hạng A1, giỏi toàn diện và từng đoạt giải giỏi văn nhất miền Bắc như anh lại không được đi học nước ngoài: "Lại nói tiếp về những trang lý lịch – Người ta bắt khai tỉ mỉ hết sức – Nào là ông, bà, cô dì, chú bác. Làm sao mà nhớ được cơ chứ – Ngay cả cái tên mình cũng khó mà nhớ được Nữa là phải nhớ cả ngày tháng năm sinh. Nhớ cả sinh hoạt vật chất và chính trị của các cụ ấy từ ngày mình có lẽ chưa có một chút gì trên trái đất này, ngay cả đó là những tế bào đầu tiên đơn sơ nhất!"

Anh Thạc nhiều tài năng đã chết một cách oan uổng chỉ vì như anh viết "vết đen của quá khứ gia đình đè trĩu hai vai". Cha mẹ anh chẳng phải phạm tội cướp của giết người gì cả nhưng từng có xưởng dệt, mướn thợ làm công và như thế trên quan điểm Marx-Lenin, anh thuộc thành phần tư sản bóc lột, tội ác.

Anh Thạc chưa được kết nạp vào đảng và cũng chưa được làm đối tượng đảng. Anh viết trong nhật ký ngày 7 tháng 5 năm 1972: "Chao ôi, bao nhiêu lần mình ao ước có được hạnh phúc xa vời ấy, được Đảng tin và trao cho những nhiệm vụ nặng nề. Có người sẽ bảo: Thì đấy, anh được đi bộ đội đó thì sao? Chẳng lẽ anh không được Đảng tin cậy mà lại trao nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc à? Không, đừng ai nói thế! Chuyện gì cũng có điều tế nhị của nó. Nói ra ư, không khéo thì trở thành phản cách mạng mất. Có đi trong quân đội mới cảm thấy nỗi khổ của những người không phải Đỏ hoàn toàn". Trong cùng ngày, anh viết: "Cứ mỗi lần khai lý lịch, mình lại buồn, buồn tận sâu xa."

Anh Thạc nhắc đi nhắc lại đến mười một lần hai chữ "lý lịch" trong nhật ký và điều đó cho thấy "vết đen" lý lịch ám ảnh anh sâu đậm đến mức nào. Anh khổ tâm, đau đớn vì lý lịch gốc tư sản của cha mẹ anh trước đây cũng là điều dễ hiểu. Trong xã hội miền Bắc, Đảng là chiếc thang duy nhất đại diện cho quyền lực và quyền lợi mà mọi người phải chen nhau, đạp nhau và ngay cả giết nhau để được trèo lên cao.

Chủ nghĩa CS và chủ nghĩa Quốc Xã Đức giống nhau một điểm quan trọng, đó là sự tin tưởng vào mỗi cá nhân đặt cơ sở trên lý lịch. Chính trị lý lịch không chỉ bảo đảm tính kế tục về giòng giống nhưng còn bảo đảm mục đích của chế độ được hoàn thành trong ngắn hạn cũng như dài hạn. Chính Adolf Hitler, đối thủ hàng đầu của Stalin, đã từng bày tỏ sự thán phục dành cho Stalin và ca ngợi y trong việc làm thuần khiết hóa đảng CS Liên Xô qua việc loại bỏ các mầm mống Do Thái như Leon Trotsky, Grigory Zinoviev, Lev Kamenev, Karl Radek khỏi nội bộ lãnh đạo đảng. Stalin phê bình quan điểm chủng tộc Aryan siêu việt của Hitler và gọi đó là Phát Xít nhưng chính y lại biện hộ cho chính trị lý lịch dựa trên giai cấp xã hội.

Anh Thạc có yêu nước không? Tôi tin là có. Không những anh Thạc mà rất đông tuổi trẻ miền Bắc tình nguyện lên đường "giải phóng miền Nam" cũng vì lòng yêu nước. Nhưng tình yêu nước của các anh không phát xuất từ trái tim trong sáng của tuổi hai mươi mà được dạy để yêu nước theo quan điểm giai cấp. Miền Nam mà các anh được Đảng mô tả là địa ngục trần gian chứ không phải là những cánh đồng bát ngát, những vườn cây sai trái, những dòng sông nhuộm đỏ phù sa. Người dân miền Nam mà Đảng vẽ trong nhận thức các anh là những người đang rên siết trong gông xiềng "Mỹ Ngụy" chứ không phải là mấy chục triệu người chơn chất hiền hòa chỉ mong được yên ổn để xây dựng cuộc sống mới sau gần một thế kỷ bị thực dân đô hộ. Cũng trong nhật ký ngày 24 tháng 5, anh Thạc tin rằng Sài Gòn ngày đó là một "Sài Gòn tăm tối, dưới ách quân thù".

Anh Thạc hiểu thế nào là tổ quốc? Trong bài thi học sinh giỏi văn miền Bắc in ở phần cuối của nhật ký, anh phân tích tổ quốc: "Được mang ngòi bút của mình phục vụ Tổ Quốc, nhằm giáo dục lập trường và nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa cho nhân dân ta, các nhà thơ ta, bằng nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa, đã tái hiện cuộc sống muôn màu, muôn vẻ của dân tộc ta đang chiến đấu theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, và dưới ánh sáng đường lối văn nghệ, chính trị của Đảng" hay trong nhật ký ngày 7 tháng 1 năm 1972, anh viết "Tổ quốc vẫn dựng xây và đánh giặc hai hòn gạch vẫn gắn chặt vào nhau nhờ nhiệt tình của con người cộng sản."

Tổ quốc gắn liền với "lập trường và nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa" hay "gắn chặt vào nhau nhờ nhiệt tình của con người cộng sản" như anh viết nằm bên sông Volga, sông Hoàng Hà chứ không phải sông Hồng, sông Cửu. Đoạn văn anh viết được trích gần như nguyên văn từ

các đề cương văn hoá, nghị quyết, bài giảng kinh tế chính trị ở trường mà anh đã nhập tâm. Không phải chỉ một mình anh Nguyễn Văn Thạc mà phần lớn nhà văn miền Bắc không ít thì nhiều đều phạm tội đạo văn của Đảng.

Anh Thạc không phân biệt được sự khác nhau, nói chi đến mâu thuẫn, giữa Tổ quốc và Đảng, giữa ý thức dân tộc nhân bản và chủ nghĩa Marx-Lenin độc tài toàn trị. Đọc bài văn đoạt giải nhất này để thấy bộ máy tuyên truyền của Đảng không những có khả năng điều khiển hành động mà còn có thể sai khiến cả nhận thức của anh. Trong nhật ký ngày 15 tháng 11 năm 1971 anh viết:"Thằng Mỹ, nó thế nào? Trời ơi, sao lâu quá. Bây giờ cái khao khát nhất của ta – cái day dứt nhất trong ta là khi nào được vào miền Nam, vào Huế, Sài Gòn – xọc lê vào thỏi tim đen thủi của quân thù". Anh không biết "Thằng Mỹ, nó thế nào" và vẫn muốn "xọc lê vào thỏi tim đen thủi" của nó. Khủng khiếp thật. Ai dạy anh viết những câu sắt máu vượt qua tuổi tác của anh như thế, chắc chắn không phải cha mẹ anh nhưng từ bộ máy tuyên truyền của Đảng.

Anh Thạc là nạn nhân của một chính sách thuần hóa tinh vi. Mục tiêu hàng đầu của tuyên truyền tẩy não CS là đào tạo những con người biết tuân phục. Thuần khiết toàn xã hội qua sách lược trồng người là mục đích tối hậu của nền giáo dục CS. Đó là lý do tại sao các lãnh tụ CS thích hôn nhi đồng. Từ Lenin, Stalin, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh, Kim Nhật Thành cho đến Fidel Castro, Pol Pot đều thích hôn nhi đồng. Hình ảnh "hiền từ" của họ bên cạnh nhi đồng là hình ảnh phổ biến nhất tại các nước CS. Nhà thơ Nguyễn Chí Thiện tả cảnh "hôn nhi đồng" tại miền Bắc trong bài thơ ông viết năm 1970:

Bác Hồ rồi lại bác Tôn
Cả hai đều thích ôm hôn nhi đồng
Nước da hai bác màu hồng

Nước da các cháu nhi đồng màu xanh
Giữa hai cái mặt bành bành
Những khăn quàng đỏ bay quanh cổ cò.

Bộ máy tuyên truyền của CSVN là thành quả được "vận dụng một cách sáng tạo" từ cả hai hệ thống tuyên truyền CS Liên Xô và Trung Cộng nên không lạ gì họ đã lừa gạt bao nhiêu thế hệ thanh niên miền Bắc một cách dễ dàng. Đọc lại nhật ký của anh Nguyễn Văn Thạc để thấy, CSVN vào được Sài Gòn trong ngày 30 tháng 4 năm 1975 bằng nhiều phương tiện nhưng hữu hiệu nhất là phương tiện tuyên truyền.

Trang nhật ký cuối cùng ghi ngày 25 tháng 5 năm 1972, anh Thạc viết: "Kẻ thù không cho tôi ở lại – Phải đi – Tôi sẽ gởi về cuốn Nhật ký này, khi nào trở lại, khi nào trở lại tôi sẽ viết nốt những gì lớn lao mà tôi đã trải qua từ khi xa nó, xa cuốn Nhật ký thân yêu đầu tiên của đời lính. Ừ, nếu như tôi không trở lại – Ai sẽ thay tôi viết tiếp những dòng này? Tôi chỉ ước ao rằng, ngày mai, những trang giấy còn lại đằng sau sẽ toàn là những dòng vui vẻ và đông đúc. Đừng để trống trải và bí ẩn như những trang giấy này."

Anh Thạc không trở lại. Nhật ký ngày 3 tháng 6 năm 1972 chỉ là địa chỉ "Ngã ba đồng lộc". Hết. Những trang giấy còn lại của cuốn nhật ký cũng không phải là những dòng vui vẻ đông đúc như anh muốn. Anh ngã xuống ở Quảng Trị và trên vùng đất đó, máu của nhiều thanh niên miền Nam cũng đã đổ xuống để giành lại Cổ thành Đinh Công Tráng, giành lại Cam Lộ, Đông Hà, Triệu Phong và những vùng đất miền Nam thân yêu khác.

Anh Nguyễn Văn Thạc đã chết. Hàng triệu thanh niên miền Bắc đã chết. Hàng trăm ngàn cựu thương binh miền Bắc may mắn hơn nhưng phải sống phần đời còn lại trong

khó khăn túng thiếu với số tiền phụ cấp chỉ vỏn vẹn sáu trăm ngàn và nhiều nhất là ba triệu đồng một tháng cho cả gia đình. Tất cả những mất mát và chịu đựng đó chỉ để hoàn thành mục tiêu CS hóa Việt Nam như đã xác định từ cương lĩnh đảng CSVN 1930, cương lĩnh 1935 và lần nữa khẳng định trong cương lĩnh 1991: "Mục đích của Đảng là xây dựng nước Việt Nam dân chủ, giàu mạnh theo con đường xã hội chủ nghĩa và cuối cùng là thực hiện lý tưởng cộng sản chủ nghĩa". Sau 39 năm, ngoại trừ những kẻ bị tẩy não, một người có nhận thức và theo dõi thời cuộc đều đã nhận ra khẩu hiệu "chống Mỹ cứu nước" chỉ là một chiêu bài và "độc lập, tự do, hạnh phúc" chỉ là chiếc bánh vẽ.

Xương máu của nhiều thế hệ thanh niên miền Bắc đổ xuống chỉ để hôm nay mọc lên những biệt thự nguy nga, sang trọng của các chủ tịch, bí thư, ủy viên trung ương, ủy viên bộ chính trị, những kẻ sống xa hoa trên một đất nước độc tài, tham nhũng, lạc hậu và bị phân hóa đến tận cùng. Đảng CSVN nợ những người đã chết và còn sống trong tật nguyền đau đớn quá nhiều thứ nhưng món nợ lớn nhất mà Đảng không thể nào trả nổi, đó là, món nợ tuổi hai mươi.

NGƯỜI NÔNG DÂN XỨ SIERRA LEONE VÀ TRÍ THỨC NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

Đầu tuần này, ngày 5 tháng 3, 2014, Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc Ban Ki-moon thăm viếng Cộng Hòa Sierra Leone nhân dịp các lực lượng Liên Hiệp Quốc làm lễ chính thức chấm dứt các hoạt động bảo vệ hòa bình ở quốc gia này.

Phát biểu tại buổi lễ, TTK LHQ Ban Ki-moon cho rằng "Sierra Leone đại diện một trong những trường hợp phục hồi sau chiến tranh thành công nhất trong thế giới về bảo vệ và kiến tạo hòa bình". Ông cũng ca ngợi nhân dân Sierra Leone đã can đảm vươn lên từ điêu tàn đổ nát để có một quốc gia ổn định như hôm nay và nhắc nhở các quốc gia đã từng bị chiến tranh tàn phá nên học bài học Sierra Leone.

Lời phát biểu của TTK Liên Hiệp Quốc Ban Ki-moon làm sáng lên trong ký ức tôi hình ảnh anh nông dân

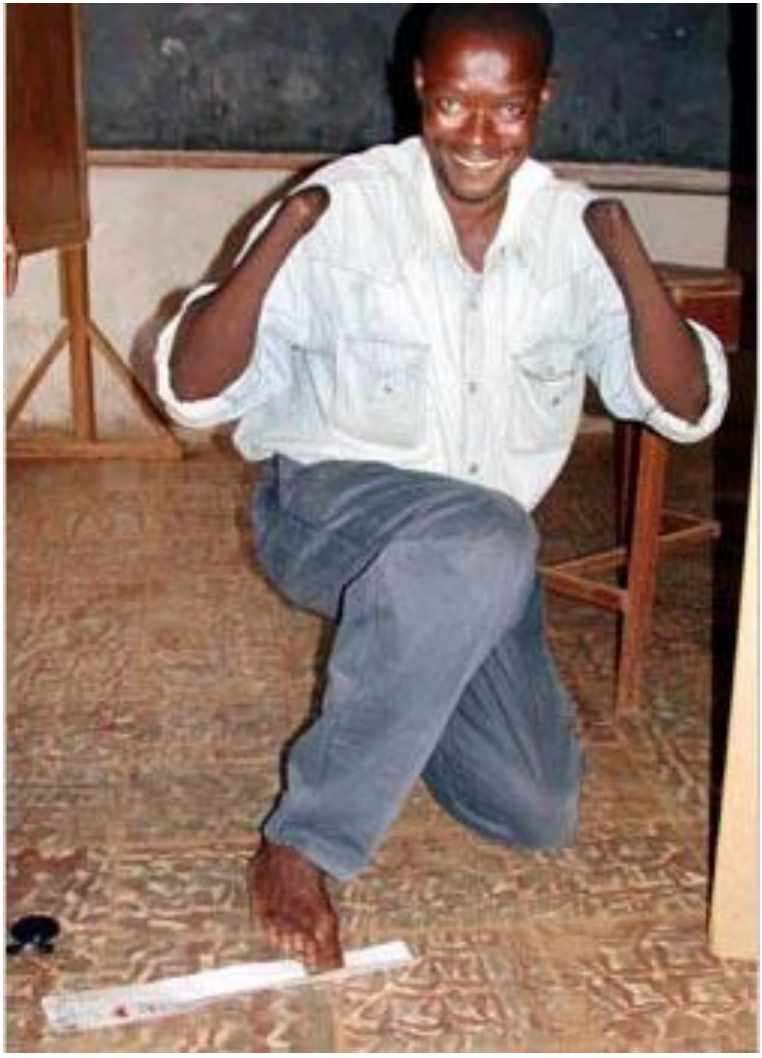

Ismail Darramy

,nụ cười chiến thắng của anh và thiên anh hùng ca dân chủ anh viết lên bằng đôi tay đẫm máu của mình.

Nhớ lại mười hai năm trước, khi đọc xong bản tin về ngày bầu cử tự do đầu tiên sau cuộc chiến tranh dài tại Cộng hòa Sierra Leone trong đó có nhắc đến trường hợp của anh nông dân Ismail Darramy, tôi vội vã vào Internet tìm tấm hình của anh , tải xuống máy, cất giữ kỹ lưỡng và thỉnh thoảng lại lấy ra xem. Tấm hình anh dùng chân phải để kẹp lá phiếu bỏ vào thùng trong buổi sáng đẹp trời ngày 14 tháng 2 năm 2002 trên quê hương Sierra Leone chưa phai mùi súng đạn của anh sẽ không bao giờ phai đi trong ý thức tôi. Tôi đã viết một bài ngắn về anh vào năm 2006 và hôm nay tôi lại muốn viết thêm.

Anh không phải là Albert Lutuli, Nelson Mandela, Desmond Tutu hay Kofi Annan tên tuổi của Châu Phi. Anh Ismail Darramy chỉ là một nông dân bình thường và trước tháng 2, 2002, có lẽ ngoài gia đình anh, không ai biết đến anh. Nhưng nụ cười của anh, hai cánh tay cụt của anh, bàn chân trái kẹp lá phiếu của anh xuất hiện trên mặt báo đã trở thành biểu tượng cho khát vọng tự do dân chủ của những ai đang tranh đấu cho một trong những quyền căn bản của con người: quyền bầu cử tự do.

Anh Ismail Darramy tươi cười là phải. Hôm đó là ngày anh đi bỏ phiếu để bầu nên một chính phủ dân chủ đầu tiên cho quê hương anh sau một cuộc nội chiến đẫm máu kéo dài suốt 11 năm. Nụ cười của anh đúng nghĩa là nụ cười chiến thắng. Vâng, anh Darramy cuối cùng đã chiến thắng trước súng đạn của quân phản loạn được mệnh danh là Mặt trận Đoàn kết Cách mạng Sierra Leone (RUF). Không có chiến thắng nào mà không phải hy sinh. Anh Ismail Darramy đã hy sinh cả hai bàn tay, không phải ngoài mặt trận mà trong phòng bỏ phiếu. Trong cuộc bầu

phiếu cưỡng bách và gian lận lần trước, anh đã nhất định không bỏ phiếu cho quân phiến loạn RUF. Chúng đã trả thù bằng cách chặt đứt cả hai bàn tay của anh. Vì không có hai tay, anh đã phải dùng chân để bỏ phiếu.

Anh chịu đựng đớn đau, vợ con anh đói khổ khi anh không còn tay để canh tác cũng chỉ vì một lá phiếu. Thế nhưng, xin đừng hỏi anh Ismail Darramy định nghĩa dân chủ là gì, đa nguyên là gì, thế nào là các nguyên tắc phân quyền trong một xã hội pháp trị. Anh Ismail chắc sẽ vô cùng lúng túng. Dân chủ đối với anh Ismail Darramy là quyền tự nhiên mà bất cứ một con người cũng phải có, như con nai được uống nước bên bờ suối, con cá được lội tung tăng dưới sông, con sâu đo mình trên cọng lá xanh, con chim hót trên cành. Bình thường và đơn giản như thế đó.

Thế kỷ hai mươi là thế kỷ của nhiều thảm hoạ nhân loại nhưng đồng thời cũng là thế kỷ đánh dấu khả năng của con người có thể vượt qua thảm hoạ bằng con đường dân chủ. Năm 1974, chỉ có 41 nước trong số 150 quốc gia trên thế giới theo chế độ dân chủ, phần lớn là các quốc gia kỹ nghệ tân tiến Châu Âu. Năm 1990, ba phần năm tổng số quốc gia trên thế giới theo chế độ dân chủ. Từ anh chăn cừu trên thảo nguyên Mông Cổ cho đến người thợ mỏ da đen ở Nam Phi đều đã có quyền chọn lựa người lãnh đạo của mình. Và ngày nay, dân chủ đã trở thành một hiện tượng toàn cầu (a global phenomenon) như Giáo sư Larry Diamond của viện Hoover nhấn mạnh.

Đọc bảng liệt kê thể chế chính trị của các quốc gia trên thế giới tôi cảm thấy vui buồn lẫn lộn. Thật vui mừng khi biết trong danh sách các quốc gia theo thể chế dân chủ phân quyền có những nước cách đây không lâu còn rên xiết dưới gót độc tài như Congo, Botswana, Nigeria, Zambia, Ethiopia, Nicaragua, Guinea và Serria Leone, quê

hương của anh Ismail Darramy, nhưng cũng buồn thay, trong bản liệt kê, một góc nhỏ như tách rời khỏi cộng đồng nhân loại, ghi tên những quốc gia đang bị cai trị bởi một đảng độc tài, trong đó có Việt Nam.

Sierra Leone giống Việt Nam vi đều chịu đựng một trăm năm dưới ách thực dân và nhiều năm trong chiến tranh tàn phá.

Cho đến đầu thế kỷ 17, Sierra Leone, quốc gia Tây Phi, chỉ là trạm dừng chân của những tay buôn nô lệ. Thủ đô Freetown là nơi những người nô lệ được trả tự do từ châu Âu và châu Mỹ chọn làm quê hương. Vừa bước qua khỏi chế độ nô lệ, dân Sierra Leone lại phải chịu đựng hơn 100 năm dưới ách thực dân Anh cho đến khi được trao trả độc lập vào năm 1961. Được độc lập không bao lâu, quốc gia lạc hậu về mọi mặt này lại lâm vào nội chiến dài 11 năm với hàng trăm ngàn người bị chết.

Năm 1999, lịch sử Sierra Leone bước vào một bước ngoặt quan trọng. Với sự can thiệp mạnh mẽ của Liên Hiệp Quốc, nền hoà bình được tái lập và một chính phủ dân sự được bầu lên. Từ một nước bị xem như chậm tiến nhất thế giới, từ năm 2002, Sierra Leone đã chập chững bước đi trên con đường dân chủ hoá và đã đạt được những bước đầy khích lệ không ngờ.

Việt Nam cũng chịu đựng không kém gì Sierra Leone. Trong gần 100 năm dưới ách thực dân, hàng ngàn người Việt Nam không phải chỉ bị mất hai tay nhưng còn bị mất cả đầu chỉ vì dám nói lên tiếng nói thật của lương tâm họ. Nhưng cho đến nay, sau nhiều thế kỷ đấu tranh bằng xương máu, người dân Việt vẫn chưa có cái quyền tối thiểu mà anh Ismail Darramy và phần lớn nhân loại đang có. Ước mơ độc lập tự do của bao thế hệ Việt Nam vẫn còn là mơ ước.

Sierra Leone khác Việt Nam vì Sierra Leone đang cố gắng xây dựng căn nhà dân chủ và Việt Nam còn chìm đắm trong chế đọc độc tài.

Theo báo cáo của Bộ Ngoại giao Mỹ, ngoài một số các hiện tượng tiêu cực còn tồn đọng, về nhân quyền, chính phủ Sierra Leone không hề vi phạm một hành động giết người, bắt cóc hay mất tích vì các lý do chính trị. Về tự do báo chí, chính phủ tôn trọng quyền tự do ngôn luận, không có nạn sửa đổi nội dung tác phẩm, bỏ tù tác giả, kiểm duyệt sách báo, ngoại trừ các báo tự kiểm duyệt để phù hợp với luật pháp hay quan điểm riêng của họ. Các bài bình luận chính trị trên các báo đều do chủ bút hay các cây bút bình luận chủ lực đích thân viết chứ không nhận bản sao từ ban tư tưởng trung ương.

Mặc dù kỹ thuật, kinh nghiệm nghề nghiệp và tinh thần báo chí của các nhà báo còn thấp, tại thủ đô Freetown cũng đã có 36 tờ báo, phần lớn là báo độc lập, tư doanh hay cơ quan ngôn luận của các đảng phái chính trị. Báo chí có khuynh hướng phê bình các chính sách của nhà nước nhưng không có báo nào bị đóng cửa vì lý do chống đối nhà nước. Vì trình độ đọc chữ còn thấp nên các đài phát thanh vẫn còn đóng vai trò quan trọng trong truyền thông đại chúng nhưng là những tiếng nói tự do, độc lập chứ không phải chỉ là cái loa của đảng cầm quyền. Luật pháp Sierra Leone tôn trọng quyền tự do hội họp và trong tổng quát, nhà nước tôn trọng quyền đó của người dân. Các cuộc biểu tình do các đảng phái đối lập tổ chức để phản đối một số chính sách của chính phủ thỉnh thoảng vẫn xảy ra nhưng không phải vì thế mà chính phủ lại mang đại pháo xe tăng ra ngăn chặn. Suốt năm 2005 có 11 người biểu tình bị bắt nhưng không phải vì chính kiến bất đồng mà vì cản trở lưu thông công cộng. Khoảng 60% dân Sierra Leone theo đạo Hồi nhưng các tôn giáo

khác như Tin Lành, Anh Giáo v.v. có ảnh hưởng qua trọng trong 40% còn lại.

Cũng theo báo cáo của Bộ Ngoại giao Mỹ, chính phủ Sierra Leone nói chung tôn trọng quyền tự do tôn giáo và tự do hành đạo. Các xung đột tôn giáo trong một nước mà nhiều nơi còn sinh hoạt theo tập quán riêng của từng bộ lạc, hẳn nhiên khó mà tránh khỏi nhưng phần lớn các xung đột tôn giáo đều được giải quyết bởi một hội đồng liên tôn gồm đại diện các tôn giáo tại địa phương chứ không có bàn tay nhà nước dính vào. Người dân Sierra Leone đi lại trong nước không cần giấy phép, trình báo hay kê khai hộ khẩu khi ở lại đêm. Những người dân Sierra Leone lưu lạc khắp năm châu trong thời chiến được quyền tự do hồi hương và chọn lựa nơi cư trú chứ không bị chỉ định cư trú và không phải đút lót cho các viên chức nhà nước khi mua nhà cửa. Cuộc bầu cử tự do lần đầu tiên năm 2002 dưới sự giám sát quốc tế được xem như công bằng và trong sạch. Vào năm 2004, các chức vụ cấp địa phương cũng đã được bầu bán một cách tự do chứ không còn do nhà nước trung ương chỉ định như trước nữa.

Sierra Leone còn rất lâu để trở thành một nước cường thịnh hay xây dựng cho họ một căn nhà dân chủ ổn định nhưng ít nhất họ đã đặt được những viên đá cần thiết làm nền móng cho một cơ chế chính trị nơi đó quyền của con người được luật pháp bảo vệ, một nền kinh tế có khả năng kích thích sản xuất, nâng cao đời sống, và một xã hội nơi các thế hệ măng mon của Sierra Leon sẽ trưởng thành trong hy vọng. Họ có được điều đó nhờ sự giúp đỡ tận tình của các nước dân chủ qua trung gian của Liên Hiệp Quốc về kinh tế cũng như về quân sự nhưng chắc chắn phần chính vẫn nhờ vào những người như anh Ismail Darramy.

Sierra Leone không có bốn ngàn năm văn hiến, không có những thời đại hiển hách Lý Trần, phá Tống bình Chiêm, Rạch Gầm Xoài Mút. Người dân xứ Sierra Leone không có nhiều quá khứ. Lịch sử của đất nước họ là một chuỗi ngày buồn. Tổ tiên họ là những nô lệ được trả tự do nhưng không có một nơi để trở về. Thậm chí, trong số 400 người đầu tiên đến Sierra Leone vào năm 1787, có 70 người là gái bán dâm lưu lạc. Theo tài liệu của Ngân hàng Thế giới, trong số 6 triệu người dân Sierra Leone chỉ có 29% dân số trên 15 tuổi là biết đọc biết viết và chỉ có 44% trẻ em trong tuổi đi học đã có cơ hội đến trường.

Thế nhưng tại sao Sierra Leone có dân chủ mà Việt Nam thì chưa?

Nhiều lý do nhưng tôi nghĩ một trong những lý do Việt Nam chưa có dân chủ, không phải vì tỉ lệ người dân biết đọc và viết tại Việt Nam thấp hơn con số 29% hay số học sinh ghi danh đi học ít hơn con số 44% của Sierra Leone, mà trái lại vì thành phần trí thức, định nghĩa một cách tổng quá là thành phần khoa bảng, có trình độ học vấn cao, ưu tú về các lãnh vực thuộc khoa học nhân văn, trong xã hội Việt Nam quá đông. Việt Nam ngày nay không còn là đất nước ra ngõ gặp anh hùng mà bước ra ngõ nếu không chạm mặt tiến sĩ thì cũng đụng đầu thạc sĩ.

Trước khi viết về thành phần trí thức này tôi xin dừng lại ở đây để xin lỗi và cám ơn những trí thức, những văn nghệ sĩ Việt Nam chân chính, bằng trí tuệ của mình đang công khai hay âm thầm truyền bá các giá trị tốt đẹp của tự do, dân chủ, nhân bản và văn minh nhân loại trong điều kiện và hoàn cảnh riêng của họ. Trong giờ phút này, tôi thật sự tin, ở nhiều nơi trên đất nước Việt Nam, trái tim của những trí thức, những nhà văn, nhà thơ, nhà báo chân chính đó vẫn nhịp chung nhau một nhịp khát khao, vẫn nghĩ đến nhau dù đang đi trên nhiều ngả đường khác

nhau và tuy không nói ra, trong tâm thức, họ vẫn hẹn nhau chung một nẻo về cũng như cùng hướng đến một bình minh dân tộc.

Tuy nhiên, thành thật mà nói lực lượng trí thức và văn nghệ sĩ Việt Nam chân chính còn quá ít để kéo nổi con tàu cách mạng với những toa sét rỉ và chất đầy quá khứ. Trong khi đó, đại đa số trí thức Việt Nam vẫn còn cong lưng phục vụ cho giới lãnh đạo đảng CS, vẫn còn nặng ơn mưa móc của Đảng mà thờ ơ trước những chịu đựng của đất nước. Thành phần này, chẳng những không đóng góp được gì vào việc làm thăng tiến xã hội, thúc đẩy nhanh hơn cuộc cách mạng tự do và nhân bản, giúp đưa dân tộc chúng ta vượt qua những bế tắc tư tưởng và chính trị để hội nhập vào dòng thác tiến bộ của nhân loại, mà với khả năng bồi bút họ đã trở thành bức tường chắn ngang tiến hình đó.

Đọc bài báo tố tham nhũng nhưng chính là để nịnh Đảng một cách vụng về của bà Tôn Nữ Thị Ninh viết vài năm trước: "*Cần có một cơ chế "đối trọng" (phương Tây gọi cơ chế này là checks and balances). Đối trọng của ta là trong phạm vi chế độ, là sự kiểm tra giám sát của các đoàn thể quần chúng, chứ không phải là đối trọng về chính trị. Quốc hội có vai trò, tư pháp cũng phải độc lập, đoàn thể phải vào cuộc, nếu không hệ thống chính trị của ta sẽ không có cơ chế tự điều tiết".*

Hẳn nhiên, tiếp cận nhiều với sinh hoạt chính trị dân chủ Âu Châu trước đây, bà Ninh biết rõ khái niệm kiểm soát và cân bằng (checks and balances) để chỉ sự kiểm soát lẫn nhau và giữ sự cân bằng giữa các ngành trong các chế độ dân chủ pháp trị. Nguyên tắc này ra đời nhằm giới hạn quyền hành của ngành hành pháp thường rất dễ bị lạm dụng. Sự đối trọng giữa các ngành trong cơ chế chính trị chỉ hữu hiệu khi các ngành đó có được sự độc lập về

quyền hạn và trách nhiệm. Xin hỏi bà, tại Việt Nam, làm thế nào để có sự đối trọng khi toàn bộ sinh hoạt không chỉ trong kinh tế, chính trị mà cả văn hóa, tư tưởng, giáo dục, xã hội chỉ đạo bởi một đảng duy nhất là đảng Cộng sản?

Mới đây, giống bà Ninh năm nọ, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Hà Kim Ngọc lại một lần nữa phát biểu tại phiên họp Định kỳ Phổ quát (UPR) tại Geneva: "*Chính sách nhất quán của Nhà nước Việt Nam là tôn trọng, bảo vệ và thúc đẩy tất cả các quyền và tự do cơ bản của con người, coi đó là nguyên tắc cơ bản của các chiến lược và chính sách phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.*"

Là một quốc gia hội viên Liên Hiệp Quốc và là thành viên của Hội đồng Nhân quyền Liên Hiệp Quốc, lãnh đạo CSVN không thể không công nhận công ước quốc tế quan trọng hàng đầu và có tính cách chủ đạo về quyền cơ bản của con người là Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (Universal Declaration Of Human Rights) được công bố vào năm 1948 cùng với hai công ước liên hệ là Công ước Quốc tế về Những quyền Dân sự và Chính trị (International Covenant On Civil And Political Rights, International Covenant On Economic, Social And Cultural Rights) được công bố năm 1966 và Công ước Quốc tế về Những quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hoá (International Covenant On Economic, Social And Cultural Rights).

CSVN ký kết hầu hết các công ước quốc tế nhưng thưa ông Hà Kim Ngọc, đã thực hiện được một điều nào trong các công ước quốc tế nhân quyền gồm quyền tự do bầu cử, ứng cử, phát biểu, hội họp, đi lại, tín ngưỡng, bình đẳng trước pháp luật, thành lập công đoàn chưa?

Trên rất nhiều bài viết, các dư luận viên cao cấp của chế độ suốt ngày ra rả "*Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn*

coi việc thực hiện tự do tôn giáo là một biểu hiện cụ thể của vấn đề nhân quyền".

Nhưng tự do tôn giáo là gì?

Điều 18 của Tuyên ngôn Toàn thế giới về Nhân Quyền của Liên Hợp Quốc (The universal Declaration of Human Rights) quy định rằng "*Mọi người đều có quyền tự do suy nghĩ, ý thức và tôn giáo, kể cả tự do thay đổi tôn giáo hay tín ngưỡng, và tự do thể hiện tôn giáo hoặc tín ngưỡng dưới hình thức truyền bá, thực hành, thờ phụng hoặc lễ tiết, với tư cách cá nhân hay tập thể, công khai hay riêng tư".* (Everyone has the right to freedom of thought, conscience and religion; this right includes freedom to change his religion or belief, and freedom, either alone or in community with others and in public or private, to manifest his religion or belief in teaching, practice, worship and observance.)

Tự do tôn giáo trong tuyên ngôn nhân quyền của Liên Hiệp Quốc là một trong những quyền căn bản không chỉ xác định trong niềm tin riêng tư thầm kín mà còn bằng hành vi công cộng. Quyền đó không chỉ giới hạn trong mỗi cá nhân mà thể hiện cả bên ngoài cộng đồng xã hội. Một tín đồ có quyền tham gia bất cứ một tông phái hay giáo hội nào, đi lễ tại bất cứ nhà thờ nào, chùa nào, thăm viếng hay đảnh lễ bất cứ lãnh đạo tôn giáo nào theo sự chọn lựa tự do của tín đồ đó.

Pháp lệnh về tín ngưỡng tôn giáo nói riêng hay các luật pháp tại Việt Nam đều do lãnh đạo đảng CS viết ra. Những luật pháp này thực chất chỉ là một công cụ để cai trị nhân dân chứ không phải là những quy định do chính người dân chấp nhận và tuân hành.

Điều 88 trong bộ luật Hình sự của CSVN ngày nay là di sản của điều 58 thuộc bộ luật Hình sự Liên Xô (RSFSR

Penal Code). Khi công bố luật Hình sự Liên Xô lần đầu vào năm 1927, điều 58 chỉ nhắm vào thành phần "phản cách mạng", tuy nhiên trong giai đoạn "Thanh trừng Vĩ đại" (Great Purge) từ 1934 đến 1939, Stalin đã thêm vào khoản quy định các tội "phản quốc" và "âm mưu phản nghịch" vì tên đồ tể này cần lý do để xử bắn Karl Radek, Yuri Piatakov, Grigory Sokolnikov và nhiều đồng chí khác của y.

Thật buồn khi giới trí thức Việt Nam như Tôn Nữ Thị Ninh, Hà Kim Ngọc và nhiều "tiến sĩ", "thạc sĩ" khác, thích nói những về những điều lẽ ra họ không nên nói nhưng lại im lặng trước những sự kiện đáng nói.

Trong suốt dòng lịch sử, trí thức luôn đóng một vai trò quan trọng đối với sự thịnh suy của dân tộc. Câu "sĩ, nông, công, thương" trong đó sĩ đứng hàng đầu không phải tự nhiên mà có. Sự kính trọng đó bắt nguồn từ những gắn bó của giới trí thức với đại đa số quần chúng và những giá trị mà họ đã dùng để dẫn dắt quần chúng.

Trong thời kỳ Pháp thuộc dù máy chém đang đợi, Côn Đảo đang chờ nhiều trí thức Việt Nam bằng trí tuệ và lòng yêu nước đã dấy lên Phong trào Duy Tân lịch sử. Miền Trung, năm 1905, Phó bảng Phan Châu Trinh đã cùng với hai tân tiến sĩ khoa 1904, Tiến sĩ Trần Quý Cáp và Tiến sĩ Huỳnh Thúc Kháng, khăn gói lên đường đi khắp nước để vừa tìm bạn cùng chí hướng và vừa phổ biến tinh thần "Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh". Miền Nam có Nguyễn Trọng Lội, Nguyễn Quý Anh, Nguyễn Hiệt Chi, Trần Lệ Chất, Ngô Văn Nhượng hưởng ứng và lập ra các cơ sở Liên Thành. Miền Bắc có Lương Văn Can, Nguyễn Văn Vĩnh, Dương Bá Trạc đồng lòng và cùng dấy lên phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục. Những trí thức đó, phần lớn chỉ mới ngoài 30 tuổi, đã sống và đã chết một cách tuyệt vời như ngọn lúa Việt Nam.

Tiếc thay, đa phần trong giới trí thức ngày nay bị cuốn hút quá sâu vào bộ máy công danh và quyền lực để làm mất đi tác phong tư cách của một người trí thức, lẽ ra phải có tinh thần phê phán, khao khát mở mang trí tuệ, biết vui niềm vui của dân tộc và cũng biết đau cái đau, biết nhục cái nhục của dân tộc mình. Không ít trí thức trẻ có cơ hội học tập ở nước ngoài, được làm quen với môi trường dân chủ, được sinh hoạt trong không khí tự trị đại học, nhưng khi về nước họ lại giống như những con ngựa chở rau ra tỉnh, chấp nhận bị bịt tai, che mắt để phục vụ cho tầng lớp lãnh đạo độc tài vừa thối nát mà cũng vừa dốt nát.

Với một đội ngũ trí thức đông gấp 5 lần Thái Lan, 6 lần Mã Lai mà đất nước vẫn chìm đắm trong độc tài đảng trị thì đội ngũ đó không phải là niềm hãnh diện mà là một nỗi bất hạnh cho đất nước Việt Nam.

HÃY NÓI TRƯỚC NGÀY CHẾT

Trong lịch sử nhân loại, không có một chủ nghĩa nào tàn bạo hơn chủ nghĩa Cộng Sản. Từ khi Tuyên ngôn đảng cộng sản ra đời năm 1848 cho đến khi bức tường Bá Linh bị đập đổ vào 1989, khoảng gần 100 triệu người từ nhiều quốc gia đã bị giết. Hơn hai mươi năm qua, mặc dù ngọn lửa vô thần đã tắt trên phần lớn quả địa cầu, một góc trời phương đông lửa vẫn còn đỏ rực, nhà tù vẫn còn giam giữ nhiều người bất đồng với chế độ độc tài toàn trị và tự do vẫn là một bóng mây xa.

Người đời có thói quen kết án Stalin đã gây ra tội ác tày trời đối với nhân dân Liên Xô, Mao Trạch Đông đã giết trên 30 triệu nhân dân Trung Cộng và Pol Pot tiêu diệt một phần tư dân tộc Khmer bằng súng và cả bằng dao phay, cán cuốc. Những chuyện đó ngày nay nhân loại đều biết và tội ác của chúng không còn là vấn đề tranh cãi nữa. Tuy nhiên, làm thế nào một nông dân có gốc gác bình thường, nếu không muốn nói là hiền lành như Mao lại có thể trở thành sát nhân của mấy chục triệu dân Trung Quốc? Làm thế nào Pol Pot, con của một điền chủ giàu có, được gởi sang Pháp ăn học, được bạn bè nhớ lại như một người nhã nhặn, lịch sự và được gọi là trí thức

trong xã hội Khmer còn chậm tiến lúc bấy giờ, nhưng sau khi nắm chính quyền đã giết hai triệu dân Khmer bằng búa, dao và những cách giết người tàn bạo hơn cả trong thời Trung Cổ?

Bởi vì chủ nghĩa Cộng Sản trang bị cho chúng một quyền lực tuyệt đối, một niềm tin cuối cùng, một lối thoát tinh thần, một chỗ dựa lý luận để giải thích cho hành động bất nhân của chúng. Nuon Chea, người đứng hàng thứ hai của chế độ Khmer Đỏ chỉ sau Pol Pot, lạnh lùng trả lời báo chí, những kẻ bị giết chỉ vì "họ là kẻ thù của nhân dân". Đơn giản vậy thôi. Chúng ăn rất ngon và ngủ rất yên dù sau một ngày ký hàng loạt bản án tử hình.

Giết một vài đối thủ thì không sao nhưng để loại bỏ hàng triệu người là chuyện khác. Stalin không thể lên tận các trại lao động khổ sai ở Siberia để bỏ đói những người chống đối y. Mao Trạch Đông không thể xuống từng trường học để tra tấn các thầy cô trong Cách Mạng Văn Hóa, Hồ Chí Minh không thể đích thân xử bắn bà Nguyễn Thị Năm trong Cải Cách Ruộng Đất. Nhưng họ có khả năng huấn luyện, đầu độc một thế hệ đao thủ phủ trẻ tuổi hăng say và cuồng tín để làm thay. Quyền lực đặt vào tay đám đao thủ phủ trẻ này chẳng khác gì con dao bén để chúng thanh toán những mối thù riêng và lập công dâng Đảng.

Tháng 10 năm 2002, nhà báo Mỹ Amanda Pike đến Campuchia để tìm hiểu nguyên nhân tội ác diệt chủng của Pol Pot đã không được làm sáng tỏ. Amanda Pike phỏng vấn bà Samrith Phum, người có chồng bị Khmer Đỏ giết. Theo lời kể của bà Samrith Phum, vào nửa đêm năm 1977 chồng bà bị một Khmer Đỏ địa phương bắt đi và giết chết vì bị cho là "gián điệp CIA". Hung thủ chẳng ai xa lạ mà là người cùng làng với bà Samrith. Hiện nay, kẻ giết người vẫn còn sống nhởn nhơ chung một làng với bà cách thủ

đô Nam Vang vài dặm nhưng không một tòa án nào truy tố hay kết án.

Với chủ trương "Dân tộc Khmer cần đào hố để chôn đi quá khứ" Hun Sen đã cản trở Liên Hiệp Quốc rất nhiều trong việc điều tra tội diệt chủng của chế độ Pol Pot. Hun Sen cản trở vì bản thân y cũng từng là một sĩ quan Khmer Đỏ. Hun Sen nhiệt tình với lý tưởng CS đến mức bỏ học theo Pol Pot khi còn trong tuổi thiếu niên. Nhiều chi tiết trong quãng thời gian từ 1975 đến 1979 của cuộc đời y vẫn còn trong vòng bí mật. Khi chôn quá khứ của Campuchia, Hun Sen muốn chôn đi quá khứ tội lỗi của mình.

Tình trạng kẻ sát nhân và gia đình những người bị sát hại vẫn còn sống chung làng, chung xóm, chung thành phố không chỉ phổ biến tại Campuchia nhưng cũng rất phổ biến tại Huế sau vụ Thảm sát Tết Mậu Thân 1968.

Số người bị giết trong vụ Thảm sát Tết Mậu Thân khác nhau tùy theo nguồn điều tra nhưng phần lớn công nhận số người bị giết lên đến nhiều ngàn người và "kẻ thù nhân dân" không chỉ là công chức chính quyền VNCH mà còn rất đông sinh viên, học sinh, phụ nữ, trẻ em và ngay cả một số giáo sư ngoại quốc. Ông Võ Văn Bằng, Nghị viên tỉnh Thừa Thiên và cũng là Trưởng Ban Truy Tìm và Cải Táng Nạn Nhân Cộng Sản Tết Mậu Thân, kể lại: *"Các hố cách khoảng nhau. Một hố vào khoảng 10 đến 20 người. Trong các hố, người thì đứng, nào là nằm, nào là ngồi, lộn xộn. Các thi hài khi đào lên, thịt xương đã rã ra. Trên thi hài còn thấy những dây lạt trói lại, cả dây điện thoại nữa, trói thành chùm với nhau. Có lẽ, họ bị xô vào hố thành từng chùm. Một số người đầu bị vỡ hoặc bị lủng. Lủng là do bắn, vỡ là do cuốc xẻng".*

Tài liệu liên quan đến Thảm sát Tết Mậu Thân rất nhiều, từ điều tra của các nhà nghiên cứu nước ngoài cho đến các nhân chứng sống Việt Nam. Đến nay, thành phần được nghĩ đã gây ra biến cố đầy tang thương cho dân tộc Việt Nam này là những người Huế "nhảy núi". Họ là những người bỏ trường, bỏ làng xóm, bỏ cố đô lên rừng theo CS và Tết Mậu Thân đã trở lại tàn sát chính đồng bào ruột thịt của mình. Họ là những kẻ vừa được giải thoát khỏi nhà giam Thừa Phủ đưa lên núi huấn luyện vài ngày rồi trở lại giết chết những kẻ bị nghi ngờ đã bỏ tù họ.

Không giống quân đội chính quy tấn công Huế, những du kích nằm vùng, những thanh niên, sinh viên, học sinh là những người sinh ra và lớn lên ở Huế, thuộc từng tên phố tên đường, biết tên biết tuổi từng người. Họ lập danh sách và đến từng nhà lừa gạt người dân bằng cách "mời đi trình diện" rồi sẽ trả về nhà ăn Tết. Những người nhẹ dạ đi theo. Mà cho dù không nhẹ dạ cũng chẳng ai nghĩ mình sắp bị chôn sống chỉ vì làm chức liên gia trưởng của năm bảy gia đình, ấp trưởng một ngôi làng nhỏ, xã trưởng của vài trăm dân. Kết quả, từng nhóm, từng đoàn người lần lượt bị đem ra "tòa án nhân dân" và kết án tử hình.

Người "nhảy núi" nổi tiếng nhất là Hoàng Phủ Ngọc Tường.

Ngày 12 tháng 7 năm 1997, Hoàng Phủ Ngọc Tường trả lời câu hỏi của nhà văn Thụy Khuê về sự liên quan của ông đối với vụ Thảm sát Tết Mậu Thân : "*Sự thực là tôi đã từ giã Huế lên rừng tham gia kháng chiến vào mùa hè năm 1966, và chỉ trở lại Huế sau ngày 26 tháng 3 năm 1975. Như thế nghĩa là trong thời điểm Mậu Thân 1968, tôi không có mặt ở Huế*" và ông cũng thừa nhận Thảm sát Tết Mậu Thân là có thật chứ chẳng phải "Mỹ Ngụy" nào dàn dựng "*Điều quan trọng còn lại tôi xin ngỏ bầy ở đây, với tư cách là một đứa con của Huế, đã ra đi và trở về, ấy là nỗi*

thống thiết tận đáy lòng mỗi khi tôi nghĩ về những tang tóc thê thảm mà nhiều gia đình người Huế đã phải gánh chịu, do hành động giết oan của quân nổi dậy trên mặt trận Huế năm Mậu Thân. Đó là một sai lầm không thể nào biện bác được, nhìn từ lương tâm dân tộc, và nhìn trên quan điểm chiến tranh cách mạng".

Khi được hỏi ai là những người phải chịu trách nhiệm, Hoàng Phủ Ngọc Tường phát biểu "*Nhưng tôi tin rằng đây là một sai lầm có tính cục bộ, từ phía những người lãnh đạo cuộc tấn công Mậu Thân ở Huế*" và tiếp tục nêu thêm chi tiết chính Đại tá Lê Minh, tư lệnh chiến dịch Huế Mậu Thân thừa nhận trong tạp chí Sông Hương "*Dù bởi lý do nào đi nữa, thì trách nhiệm vẫn thuộc về những người lãnh đạo mặt trận Mậu Thân, trước hết là trách nhiệm của tôi*".

Tóm lại, Hoàng Phủ Ngọc Tường trong buổi phỏng vấn dành cho nhà văn Thụy Khuê xác nhận ông ta không có mặt ở Huế trong suốt thời gian Huế bị CS chiếm đóng và những kẻ sát hại thường dân vô tội là do các "lãnh đạo cuộc tấn công Mậu Thân ở Huế" chủ trương.

Tuy nhiên 15 năm trước đó, ngày 29 tháng 2 năm 1982, trong buổi phỏng vấn truyền hình dài 15 phút dành cho hệ thống WGBH, Hoàng Phủ Ngọc Tường thừa nhận việc dư luận đang tố cáo ông là đúng, nghĩa là chính ông đã có mặt tại Huế: *"Tôi đã đi trên những đường hẻm mà ban đêm tưởng là bùn, tôi mở ra bấm đèn lên thì toàn là máu ...Nhất là những ngày cuối cùng khi chúng tôi rút ra."* Và ông cho rằng một số người dân Huế chết thảm thương là do sự trả thù của chính người Huế với người Huế *"chính nhân dân đã căm thù quá lâu, đó là những người đã bị chính nó tra tấn, chính nó đã làm cho tất cả gia đình phải bị đi ở tù ra ngoài đảo v.v. và đến khi cách mạng bùng lên họ được như là lấy lại cái thế của người mạnh thì họ đi*

tìm những kẻ đó để trừ như là trừ những con rắn độc mà từ lâu nay nếu còn sống thì nó sẽ tiếp tục nó gây tội ác trong chiến tranh".

Nếu phân tích theo thời gian và diễn biến chính trị thế giới, đặc biệt sự sụp đổ của phong trào CS quốc tế, câu trả lời của Hoàng Phủ Ngọc Tường vào năm 1982 là thành thật và sát với thực tế Mậu Thân nhất. Trong giai đoạn chuyên chính vô sản vài năm sau 1975, không chỉ ông ta mà cả các lãnh đạo CSVN vẫn nghĩ "con đường tất yếu" là con đường "tiến nhanh, tiến mạnh, tiếng vững chắc lên chủ nghĩa xã hội". Không có một thế lực nào cản trở sức chảy của "ba dòng thác cách mạng". Vào thời điểm 1982, Hoàng Phủ Ngọc Tường chẳng những không sợ gì phải che giấu mà còn xem đó như một thành tích cần được nêu ra. Xem đoạn phim, khuôn mặt Hoàng Phủ Ngọc Tường đằng đằng sát khí khi diễn tả việc giết một viên chức VNCH: "*chỉ lấy lại mạng sống của một người, giá đó rất nhẹ và công bằng*".

Thái độ đó hoàn toàn khác với giọng ôn tồn khi ông ta nhắc lại lời của Đại tá CS Lê Minh như thay cho chính mình 15 năm sau *"bây giờ, là những người lãnh đạo kế nhiệm ở Huế, phải thi hành chính sách minh oan cho những gia đình nạn nhân Mậu Thân, trả lại công bằng trong sáng và những quyền công dân chính đáng cho thân nhân của họ"***.** Thời gian đổi thay, lịch sử đổi thay và con người cũng thay đổi. Không phải chỉ Hoàng Phủ Ngọc Tường mà cả những cựu lãnh đạo CS Đông Âu, một thời giết người không chút xót thương, sau 1990 cũng trả lời báo chí với giọng ngọt ngào như thế.

Nhiều bạn hữu của Hoàng Phủ Ngọc Tường như tác giả Ngô Minh viết trên talawas 2008, cho rằng Hoàng Phủ Ngọc Tường "*trong suốt những năm lên "xanh" ở A Lưới, Hoàng Phủ Ngọc Tường không được phân công về thành*

phố hay đồng bằng một chuyến nào cả" mà không biết hay cố tình bỏ qua sự kiện 26 năm trước chính Hoàng Phủ Ngọc Tường đã xác nhận mình ở Huế với những tình tiết mắt thấy tai nghe của một người trong cuộc.

Hai buổi trả lời phỏng vấn hoàn toàn trái ngược chứng tỏ Hoàng Phủ Ngọc Tường phải có một khó khăn để giải thích sự liên hệ của mình đến vụ Thảm sát Mậu Thân. Lời phát biểu của ông cho thấy một điều, những người bị giết chắc chắn biết người giết mình là ai.

Không giống Hoàng Phủ Ngọc Tường mâu thuẫn, hai ông Nguyễn Đắc Xuân và Hoàng Phủ Ngọc Phan từ trên núi theo đoàn quân CS đánh vào Huế. Hai ông không từ chối điều này nhưng đều phủ nhận đã có liên hệ gì với Thảm sát Mậu Thân. Trong bài viết nhân đọc bài "trịnh công sơn – Những hoạt động nằm vùng" Hoàng Phủ Ngọc Phan khẳng định: *"Còn tôi thì có theo chiến dịch về hoạt động ở Thành nội Huế nhưng tôi không hề giết ai cả, suốt gần 10 năm đi kháng chiến cũng không hề làm thiệt mạng một con thú trên rừng chứ đừng nói là con người".*

Nhà văn Nhã Ca kết án ông Nguyễn Đắc Xuân trong Giải Khăn Sô Cho Huế vì đã **"***đích tay đào một cái hố, bắt một bạn học cũ có xích mích từ trước ra đứng bên hố để xử tử"* và ông Nguyễn Đắc Xuân đáp lại trong bài *Hậu Quả Của "Cái Chết" của tôi***:** *"Còn tôi, một sinh viên Phật tử mới thoát ly chưa đầy một năm rưỡi, không có quyền hành gì, nếu tôi muốn làm những việc như Nhã Ca viết thì cũng không thể làm được. Không ai cho tôi làm. Nếu tôi tự ý làm, làm sao tôi có thể thoát được sự phê phán của đồng chí đồng sự của tôi, đặc biệt là những người sau nầy không còn đứng trong hàng ngũ kháng chiến nữa…"*

Chuyện "thoát ly chưa đầy một năm rưỡi" không chứng minh được ông ta không có quyền giết người, trái

lại cũng có thể giải thích ngược, càng tham gia trễ càng phải chứng tỏ nhiệt tình cách mạng cao độ, càng phải giết nhiều người, càng phải lập nhiều công. Nói thế không phải để đánh bồi thêm một người đã ngã nhưng cho thấy lời biện bạch của ông không thuyết phục.

Trong tinh thần "Lợi ích của sự ngờ" (Benefit of the doubt), tạm cho những lời người khác kể về các ông chưa đủ bằng chứng kết tội, tuy nhiên, các ông Hoàng Phủ Ngọc Phan và Nguyễn Đắc Xuân, những thành viên tích cực của phong trào đấu tranh đô thị, hoạt động 26 ngày trong lòng thành phố Huế bị rơi vào tay các ông với nhiều ngàn người dân vô tội bị giết bằng những cách dã man hơn cả bọn diệt chủng Pol Pot mà các ông nói rằng không biết gì, không thấy gì thì trẻ con ngây thơ cũng không tin được.

Và không chỉ ba ông Hoàng Phủ Ngọc Tường, Nguyễn Đắc Xuân, Hoàng Phủ Ngọc Phan mà cả thế hệ "nhảy núi" ở Huế trong đó rất nhiều nhà nghiên cứu văn hóa, nhà văn, nhà thơ, họa sĩ, nhạc sĩ cho đến nay vẫn không biết gì, không thấy gì, không viết gì về Thảm sát Tết Mậu Thân thì quả là chuyện lạ. Hãy thử đặt mình trong vị trí của gia đình các nạn nhân vụ Thảm sát Huế, các ông có nghĩ rằng chính Hoàng Phủ Ngọc Tường, Hoàng Phủ Ngọc Phan, Nguyễn Đắc Xuân hoặc đã giết hoặc biết chắc ai đã giết thân nhân các ông không? Chắc chắn là có, không thể có lời giải thích thứ ba.

Lẽ ra Thảm sát Tết Mậu Thân phải là nguồn thôi thúc cho nhiều tác phẩm văn học lớn nói lên sự đau khổ, sự chịu đựng tận cùng của đồng bào Huế nói riêng và dân tộc Việt Nam nói chung. Lẽ ra những người đang bị dư luận kết án, nếu thật sự không tham dự vào cuộc tàn sát, thay vì than mây khóc gió trong văn chương hay lao đầu vào cơm áo, nên dành phần còn lại của đời mình đi tìm cho ra

cội nguồn gốc rễ để vừa giải oan cho đồng bào mà cũng minh oan cho chính mình. Gia đình nạn nhân còn đó, nhân chứng còn đó, hầm hố còn đó, bạn bè còn đó, chứng tích còn đó, chế độ còn đó. Có thể người đọc vì sự công phẫn chưa nguôi, sẽ không tin hết các điều các ông các bà viết nhưng nếu đúng rồi lịch sử sẽ tin. Nếu không làm thế, cơ chế độc tài này chắc chắn sẽ tàn lụi nhưng tên tuổi Hoàng Phủ Ngọc Tường, Hoàng Phủ Ngọc Phan, Nguyễn Đắc Xuân, Nguyễn Thị Đoan Trinh v.v.. mãi mãi vẫn là những dấu đen ngàn đời không phai.

Dư luận khắt khe nhưng không bất công. Suốt 42 năm, các ông các bà có rất nhiều cơ hội để làm sáng tỏ một sự kiện lịch sử mà các ông các bà từng tham dự, nhưng ngoại trừ việc phải trả lời vài buổi phỏng vấn rải rác đó đây, các ông các bà im lặng. Kết án lại những người kết án không phải là cách trả lời mà nhân dân Việt Nam đang muốn biết. Ông Nguyễn Đắc Xuân được gọi là "nhà Huế học" nhưng Huế không chỉ có sông Hương, núi Ngự, lăng tẩm, đền đài mà còn có Bãi Dâu, Khe Đá Mài, khu Gia Hội và hàng chục ngôi mồ tập thể khác. Đời sống của một dân tộc không chỉ gồm những thời đẹp đe!, vinh quang mà còn cả những giai đoạn đau buồn, tủi nhục. Tại sao ông không viết? Phải chăng những người "nhảy núi" ở Huế cũng giống như Hun Sen hay tên Khmer Đỏ giết chồng bà Samrith Phum năm 1977, đang cố chôn đi quá khứ ? Sự im lặng của các ông các bà không phải là một công án thiền mà là lời tự tố cáo lớn tiếng nhất.

Dân tộc Việt Nam đã trải qua nhiều thời kỳ suy vi và phân hóa nhưng sự kiện một số người dã tâm tàn sát nhiều ngàn người Việt khác trong chỉ vài tuần bằng các phương tiện phi nhân chưa từng có như ở Huế là lần đầu. Vết thương Mậu Thân sẽ không bao giờ lành một khi tội

ác chưa được đưa ra ánh sáng. Nền tảng của hòa giải là công lý và sự thật chứ không phải che đậy và lãng quên.

Nhiều tác giả đã viết về Thảm sát Mậu Thân. Những dữ kiện trong bài viết này không có gì mới mà đã được nhắc đi nhắc lại. Dụng ý của kẻ viết bài này chỉ muốn nhấn mạnh một điều rằng, nhiều trong số những người "nhảy núi" còn sống ở Huế hay trong và cả ngoài nước, nhưng chắc không sống bao lâu nữa. Tuổi tác của các ông các bà đều trên dưới bảy mươi. Thời gian còn lại như tiếng chuông ngân đã quá dài. Tất cả sẽ là không. Các ông các bà ra đi không mang theo gì cả nhưng sẽ để lại rất nhiều. Vẫn biết con người khó tự kết án chính mình nhưng các ông, các bà vẫn còn nợ dân tộc Việt Nam, nhất là các thế hệ mai sau, câu trả lời cho cái chết của nhiều ngàn dân Huế vô tội.

Ngọn nến trước khi tắt thường bật sáng, vì tương lai dân tộc, các ông các bà hãy sáng lên sự thật một lần trước ngày chết.

Tác giả

Trần Trung Đạo quê quán Duy Xuyên, Quảng Nam. Cựu học sinh Trung Học Duy Xuyên, Trung Học Trần Quí Cáp, Hội An. Cựu sinh viên Luật, Sài Gòn và Kinh Tế, Vạn Hạnh. Vượt biên bằng đường biển năm 1981, tạm trú tại trại Palawan, Philippines, định cư tại Mỹ trong cùng năm. Học điện toán tại Wentworth Institute of Technology và Boston University. Tốt nghiệp kỹ sư điện toán và hiện đang làm việc cho một công ty đầu tư tài chánh tại Boston. Góp phần xây dựng mạng lưới Internet đầu tiên tại hải ngoại vào đầu thập niên 1990. Đóng góp tích cực vào nỗ lực xây dựng các phong trào trẻ tại hải ngoại.

Thuyết trình về các chủ đề tuổi trẻ, nhân quyền, văn hóa tại các cộng đồng Việt Nam, hội nghị, đại học, tổng hội sinh viên, trại hè. Sáng tác thơ, văn, dịch, nghiên cứu, tiểu luận và chính luận.

Tác phẩm đã hoàn tất:

- Đổi Cả Thiên Thu Tiếng Mẹ Cười, thơ
- Thao Thức, thơ
- Thơ Trần Trung Đạo, thơ
- Giấc Mơ Việt Nam, văn
- Tâm Bút Trần Trung Đạo, văn
- Khi Bài Hát Trở Về, văn
- Tiểu Luận Trần Trung Đạo, văn
- Dưới Bóng Đa Chùa Viên Giác (Viết chung với Hoà Thượng Thích Như Điển)
- Chính Luận Trần Trung Đạo, văn

Việt Nam tôi đâu? Câu hỏi vang lên theo từng đợt sóng dội vào bờ cát nhưng tuyệt nhiên không có tiếng trả lời. Một người đứng trên đất khách và một kẻ đang ở trong tù có cùng một câu hỏi. Thì ra, không phải người đi xa mới thấm thía nỗi đau của kẻ thiếu quê hương mà cả những người đang sống trên đất nước vẫn đi tìm kiếm quê hương. Và quê hương chúng tôi đang tìm kiếm, không chỉ là núi đồi, sông biển, ruộng vườn, cây trái nhưng là một quê hương có khối óc tự do, có tâm hồn nhân bản, có trái tim dân chủ, có đôi chân tiến về phía trước và đôi tay kiến tạo một xã hội thanh bình thịnh vượng cho mãi mãi Việt Nam.